

THIỆN PHÚC

**HUYỀN NGHIỆP  
CỦA CHƯ NHƯ LẠI**

**WONDERFUL WORKS  
OF TATHAGATAS**

*Copyright © 2022 by Ngoc Tran. All rights reserved.*

*No part of this work may be reproduced or transmitted in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying and recording, or by any information storage or retrieval system without the prior written permission of the author, except for the inclusion of brief quotations. However, staff members of Vietnamese temples who want to reprint this work for the benefit of teaching of the Buddhadharma, please contact Ngoc Tran at (714) 778-2832.*

**Mục Lục**  
**Table of Content**

<i>Mục Lục—Table of Content</i>	3
<i>Lời Đầu Sách—Preface</i>	7
<b>Phần Một—Part One: Tóm Lược Về Chư Như Lai—Summaries of Tathagatas</b>	<b>15</b>
<i>Chương Một—Chapter One: Tổng Quan Và Ý Nghĩa Của Như Lai—An Overview and Meanings of The Thus-Come One</i>	<i>17</i>
<i>Chương Hai—Chapter Two: Như Lai Tạng—Tathagata-Garbha</i>	<i>23</i>
<i>Chương Ba—Chapter Three: Chủng Tử Như Lai—The Seed of Tathagata</i>	<i>27</i>
<i>Chương Bốn—Chapter Four: Thân Của Chư Như Lai—Tathagata-Kaya</i>	<i>31</i>
<i>Chương Năm—Chapter Five: Ứng Thân Như Lai—Tathagata's Response Bodies</i>	<i>51</i>
<i>Chương Sáu—Chapter Six: Pháp Thân Như Lai—Dharmakaya</i>	<i>57</i>
<i>Chương Bảy—Chapter Seven: Các Đấng Như Lai Trong Phật Giáo—Tathagatas in Buddhism</i>	<i>65</i>
<i>Chương Tám—Chapter Eight: Gia Đình Của Các Đấng Như Lai—Tathagatas' Families</i>	<i>91</i>
<i>Chương Chín—Chapter Nine: Năm Gia Đình Của Các Đấng Như Lai Trong Phật Giáo Mật Tông Tây Tạng—Five Tathagata Families In Tibetan Tantric Buddhism</i>	<i>105</i>
<b>Phần Hai—Part Two: Chư Như Lai &amp; Thế Giới Của Các Ngài—Tathagatas &amp; Their Worlds</b>	<b>119</b>
<i>Chương Mười—Chapter Ten: Quan Điểm Phật Giáo Về Vũ Trụ &amp; Nhân Sinh—Buddhist Outlook on Cosmos &amp; Life</i>	<i>121</i>
<i>Chương Mười Một—Chapter Eleven: Núi Tu Di &amp; Cõi Nước Của Chư Như Lai—Sumeru Mountain &amp; Tathagatas' Worlds</i>	<i>137</i>
<i>Chương Mười Hai—Chapter Twelve: Bất Động Tôn Như Lai Và Đông Tịnh Độ—Aksobhya Tathagata's Eastern Pure Land</i>	<i>143</i>
<i>Chương Mười Ba—Chapter Thirteen: Đa Bảo Như Lai Và Đông Phương Bảo Tịnh—Prabhutaratna-Tathagata's Eastern Pure Land</i>	<i>145</i>
<i>Chương Mười Bốn—Chapter Fourteen: Mãn Nguyệt Quang Minh Và Nhật Nguyệt Quang Như Lai Tại Đông Tịnh Độ—Perfect Moon Light and Sun-Moon-Light Tathagatas in Eastern Pure Land</i>	<i>147</i>
<i>Chương Mười Lăm—Chapter Fifteen: Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai &amp; Mười Hai Lời Nguyện Của Ngài—The Bhaishajya-Guru-Tathagata &amp; His Twelve Vows</i>	<i>149</i>
<i>Chương Mười Sáu—Chapter Sixteen: Đức A Di Đà Như Lai &amp; Bốn Mươi Tám Lời Nguyện Của Ngài—Amitabha Tathagata &amp; His Forty-Eight Vows</i>	<i>161</i>
<i>Chương Mười Bảy—Chapter Seventeen: Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai &amp; Thế Giới Ta Bà—Sakyamuni Tathagata &amp; The Saha World</i>	<i>179</i>

<i>Chương Mười Tám—Chapter Eighteen: Đức Hạ Sanh Di Lặc Như Lai Và Cõi Đông Tịnh Độ—The Tathagata-to-Come Maitreya &amp; His Paradise of the East</i>	217
<i>Phần Ba—Part Three: Huyền Nghiệp Của Chư Như Lai—Wonderful Works of Tathagatas</i>	227
<i>Chương Mười Chín—Chapter Nineteen: Những Trân Bảo Vĩ Đại Của Chư Như Lai Mười Phương—Great Treasures of Tathagatas in the Ten Directions</i>	229
<i>Chương Hai Mươi—Chapter Twenty: Âm Thanh Huyền Diệu Của Các Đấng Như Lai—Tathagatas' Wonderful Voice</i>	235
<i>Chương Hai Mươi Một—Chapter Twenty-One: Mười Tướng Thân Huyền Diệu Của Như Lai—Ten Wonderful Bodies of the Buddhas</i>	243
<i>Chương Hai Mươi Hai—Chapter Twenty-Two: Mười Thân Toàn Thiện Của Đức Như Lai—Ten Perfect Bodies of a Tathagata</i>	255
<i>Chương Hai Mươi Ba—Chapter Twenty-Three: Ba Mươi Hai Tướng Hảo Của Chư Như Lai—Tathagatas' Thirty-Two Marks of Perfection</i>	257
<i>Chương Hai Mươi Bốn—Chapter Twenty-Four: Huyền Lực Của Chư Như Lai— Wonderful Powers of Tathagatas</i>	259
<i>Chương Hai Mươi Lăm—Chapter Twenty-Five: Cách Chuyển Pháp Luân Của Các Đức Như Lai—Aspects of the Turning of the Great Wheel of Teaching</i>	269
<i>Chương Hai Mươi Sáu—Chapter Twenty-Six: Như Lai Đức-Lực Thủ Thắng— Tathagata's Extraordinary Powers and Virtues</i>	273
<i>Chương Hai Mươi Bảy—Chapter Twenty-Seven: Như Lai Sự—Tathagatas' Work</i>	281
<i>Chương Hai Mươi Tám—Chapter Twenty-Eight: Cảnh Giới Vô Tỷ Của Chư Như Lai—Tathagatas' Peerless Inconceivable Realms</i>	299
<i>Chương Hai Mươi Chín—Chapter Twenty-Nine: Mười Tướng Xuất Hiện Của Đức Như Lai—Ten Types of Characteristics of Manifestation of a Buddha</i>	303
<i>Chương Ba Mươi—Chapter Thirty: Những Thành Tựu Huyền Diệu Của Chư Như Lai—Buddhas' Marvellous Fulfillments</i>	313
<i>Chương Ba Mươi Một—Chapter Thirty-One: Huyền Nghiệp Của Chư Như Lai Trong Kinh Địa Tạng—Thus-Come Ones' Wonderful Works in the Earth-Store Sutra</i>	317
<i>Chương Ba Mươi Hai—Chapter Thirty-Two: Phương Tiện Thiện Xảo Của Chư Như Lai—Skill in Means of All Tathagatas</i>	323
<i>Chương Ba Mươi Ba—Chapter Thirty-Three: Tam Muội Của Chư Như Lai— Tathagata-Concentration</i>	329
<i>Chương Ba Mươi Bốn—Chapter Thirty-Four: Sự Thanh Tịnh Của Chư Như Lai— Tathagatas' Purity</i>	339
<i>Chương Ba Mươi Lăm—Chapter Thirty-Five: Huyền Pháp Của Chư Như Lai— Tathagatas' Wonderful Dharmas</i>	343
<i>Chương Ba Mươi Sáu—Chapter Thirty-Six: Mười Pháp Tự Tại Của Chư Như Lai— Ten Kinds of Mastery of All Tathagatas</i>	361
<i>Chương Ba Mươi Bảy—Chapter Thirty-Seven: Mười Trang Nghiêm Vô Thượng Tối Thắng Của Chư Như Lai—Ten Kinds of Supreme Adornment of All Tathagatas</i>	365
<i>Chương Ba Mươi Tám—Chapter Thirty-Eight: Mười Tám Pháp Bất Cộng Của Chư Như Lai—Eighteen Special Qualities of Tathagatas</i>	369

<i>Chương Ba Mươi Chín—Chapter Thirty-Nine: Như Lai Thọ Ký—The Tathagata's Fortelling of the Future of His Disciples</i>	373
<i>Chương Bốn Mươi—Chapter Forty: Trí Của Chư Như Lai—Tathagatas' Wisdom</i>	377
<i>Chương Bốn Mươi Một—Chapter Forty-One: Thần Thông Của Chư Như Lai—Spiritual Powers of the Tathagata</i>	387
<i>Chương Bốn Mươi Hai—Chapter Forty-Two: Những Thứ Vô Lượng Của Chư Như Lai—Tathagatas' Immeasurables</i>	391
<i>Chương Bốn Mươi Ba—Chapter Forty-Three: Những Thứ Vô Nhị Của Chư Như Lai—Tathagatas' Non-Dual Actions</i>	395
<i>Chương Bốn Mươi Bốn—Chapter Forty-Four: Phàm Nhân Tán Thán Như Lai—Ordinary People Praise Tathagatas</i>	399
<i>Phần Ba—Part Three: Phụ Lục—Appendices</i>	409
<i>Phụ Lục A—Appendix A: Mười Danh Hiệu Của Đức Như Lai—Ten Epithets of a Tathagata</i>	411
<i>Phụ Lục B—Appendix B: Như Lai Thân—Tathagatakaya</i>	417
<i>Phụ Lục C—Appendix C: Như Lai Thị Hiện—The Tathagata's Manifestation</i>	425
<i>Phụ Lục D—Appendix D: Mười Phương Tiện Thiện Xảo Của Chư Như Lai—Ten Kinds of Skill in Means of All Tathagatas</i>	437
<i>Phụ Lục E—Appendix E: Mười Môn Diễn Thuyết Vô Lượng Của Chư Như Lai—Ten Kinds of Tathagatas' Expounding of the Innumerable Facets</i>	443
<i>Phụ Lục F—Appendix F: Mười Vô Ngại Giải Thoát Của Chư Như Lai—Ten Kinds of Unimpeded Liberation of the Tathagatas</i>	445
<i>Phụ Lục G—Appendix G: Như Lai Thiên—Tathagata Zen</i>	447
<i>Tài Liệu Tham Khảo—References</i>	451



## *Lời Đầu Sách*

Trong Phật giáo, Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật mà đức Phật dùng khi xưng hô. Trong Phật giáo Đại thừa, Như Lai được dùng dưới hình thức hóa thân, làm trung gian giữa bản chất và hiện tượng. Như Lai còn đồng nghĩa với “Tuyệt đối,” “Bất Nhã” hay “Hư không.” Bậc Như Lai siêu việt lên trên tất cả đa nguyên tánh và phạm trù của tư tưởng, có thể coi là không phải vĩnh hằng mà cũng không phải là phi vĩnh hằng. Ngài là bậc không thể truy tầm dấu tích. Vĩnh hằng và phi vĩnh hằng chỉ được dùng trong lãnh vực nhị nguyên tánh chứ không thể dùng trong trường hợp phi nhị nguyên. Bởi lẽ các bậc Chân Như đều giống nhau trong sự hiển hiện, vì thế tất cả chúng sanh đều có tiềm năng trở thành Như Lai. Chính Như Lai tánh hiện hữu trong chúng ta, khiến cho chúng ta khao khát tìm cầu Niết Bàn, và cuối cùng tánh ấy sẽ giúp giải thoát chúng ta. Từ vô lượng vô biên kiếp trước khi Đức Phật thị hiện, đã có hằng hà sa số chư Phật đã tìm ra con đường và đã chỉ giáo cho chúng sanh. Chư Phật khác đã sống ở những thời xa xưa đến nỗi không còn dấu tích lịch sử ghi lại về các Ngài, nhưng những Chân lý mà các Ngài giảng dạy cũng giống như những điều mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng dạy chúng ta gần 2.600 năm về trước, vì đó là những chân lý không bao giờ thay đổi. Nghĩa đen của “Như Lai” là như đến, hay như thế, chỉ trạng thái giác ngộ. Như Lai có thể được hiểu là “Giác ngộ như thế tôi đến” và dùng chung cho tất cả các đức Phật hơn là riêng cho Phật Thích Ca Mâu Ni; đáng đã khám phá ra (đạt đến) chân lý. Từ Như Lai cũng thường được đức Phật dùng khi Ngài nói về Ngài và chư Phật; những chúng sanh thuộc hàng Như Lai. Như Lai còn có nghĩa là đáng đã đạt được giác ngộ tối thượng. Phạm ngữ Tathagata có nghĩa là “Như Lai.” Danh hiệu của chư Phật, có nghĩa là sự thành đạt Bồ Đề, một trạng thái siêu thoát vượt qua tất cả những thành đạt phàm tục. Theo Phạm ngữ, từ Như Lai có thể được chia làm hai phần, hoặc theo biểu thức Tatha+gata, hoặc Tatha+agata. Trong trường hợp thứ nhất nó có nghĩa là “Như khứ,” và trong trường hợp thứ nhì nó có nghĩa là “Như Lai.” Như Lai còn là danh hiệu tôn kính mà đệ tử dùng để gọi đức Phật. Như Lai cũng còn có nghĩa là những vị Phật trước đây đã đến và đi. Theo Kinh Trung A Hàm, người ta bảo dấu vết của Như Lai bất khả truy tầm, nghĩa là Ngài vượt lên trên tất cả những nhị nguyên của tư tưởng. Theo Kinh

Pháp Cú (254), thì Tathagata có nghĩa là ‘không thể truy tầm dấu tích không trung.’ Ý nghĩa của Như Lai là ‘đã đi như thế,’ tức là không có dấu tích, dấu tích ấy không thể xử dụng phạm trù tư tưởng để tư duy và truy tầm. Theo Ngài Long Thọ trong Trung Quán Luận, bất luận khởi nguyên của chữ “Như Lai” như thế nào, chức năng của nó đã rất rõ ràng. Ngài giảng thế để truyền thọ ánh sáng của Chân Lý cho thế nhân và sau đó đã ra đi mà không để lại dấu vết nào. Ngài là hiện thân của Chân Như. Khi Đức Phật được gọi là Như Lai, nhân cách cá biệt của Ngài được gác qua một bên, mà Ngài được xem là một loại kiểu mẫu điển hình thỉnh thoảng lại xuất hiện trên đời. Ngài là sự thể hiện trên trần thế của Pháp. Công việc của Như Lai là hoằng hóa Phật pháp là cứu độ và chuyển hóa chúng sanh, tức là giáo hóa mọi người, cứu họ thoát khỏi khổ đau phiền não, và đưa họ đến Niết Bàn. Công việc của Ngài bao gồm những việc sau đây: Ngài giáo hóa tất cả chúng sanh ở mọi nơi bằng nhiều cách khác nhau, hoặc nói đến chính mình, hoặc nói đến các vị khác, hoặc chỉ chính Ngài hoặc chỉ người khác. Ngoài ra, Phật sự còn bao gồm các việc sau đây: chuyển giáo lý của Đức Phật đến người khác hay nghe giảng hay tụng đọc các giáo lý cũng là Phật sự. Các Phật sự của chúng ta phải được tiếp tục mãi cũng như Đức Phật đã không bao giờ xao lãng Phật sự một lúc nào. Đó là trách nhiệm vô cùng lớn lao của chúng ta.

Quyển sách nhỏ có tựa đề “Huyền Nghiệp Của Chư Như Lai” này không phải là một nghiên cứu chi tiết về các đức Như Lai trong Phật giáo, mà nó chỉ viết rất tóm lược về những công việc cũng như những thành tựu tuyệt vời của các Ngài đã đem lại vô vàn lợi lạc cho chúng sanh mọi loài. Trước hết, chúng ta nói về trí huệ của chư Như Lai, rõ ràng trí huệ của các Ngài là cái trí siêu việt, đó là Trí Huệ Ba La Mật, loại trí huệ có công năng đưa hành giả đến Niết Bàn. Trí huệ Ba la mật còn là cửa ngõ đi vào hào quang chư pháp, vì nhờ đó mà chúng ta đoạn trừ tận gốc rễ bóng tối của si mê. Kế đó, chúng ta nói về huyền nghiệp của chư Như Lai, những huyền nghiệp này trải khắp trong tất cả kinh điển Phật giáo. Trong giới hạn của quyển sách này, chúng ta chỉ đề cập đến một số huyền nghiệp tiêu biểu như thân toàn thiện của chư Như Lai, vô số tướng thân huyền diệu của chư Như Lai, tướng hảo của chư Như Lai, huyền lực của chư Như Lai, đức lực thù thắng của chư Như Lai, cảnh giới vô tỉ bất tư nghì của chư Như Lai, tướng xuất hiện kỳ diệu của chư Như Lai, những thành tựu huyền diệu của chư



Như Lai, phương tiện thiện xảo không thể nghĩ bàn của chư Như Lai, huyền pháp của chư Như Lai, vân vân. Sau hết, chư Như Lai sử dụng âm thanh thuyết pháp để cứu độ chúng sanh. Có khi các ngài lại dùng ánh sáng kỳ diệu để cứu độ. Chư Như Lai cũng nhận được sự tôn kính của thế giới vì năm đức thù thắng sau đây: Hành vi thù thắng, kiến giải thù thắng, trí huệ thù thắng, minh thuyết thù thắng, và khả năng thù thắng dẫn đạo chúng sanh y đạo tu hành. Cuộc hành trình đi đến giác ngộ và giải thoát đòi hỏi nhiều cố gắng và hiểu biết liên tục. Chính vì thế mà mặc dù hiện tại đã có quá nhiều sách viết về đức Phật và Phật giáo, tôi cũng mạo muội biên soạn tập sách “Huyền Nghiệp Của Chư Như Lai” bằng song ngữ Việt Anh nhằm phổ biến cho Phật tử ở mọi trình độ, đặc biệt là những người sơ cơ, hy vọng sự đóng góp nhỏ nhoi này sẽ giúp cho Phật tử hiểu biết thêm về một đấng rất qua trọng trong đạo Phật: Đấng Như Lai. Những mong tất cả chúng ta có thể nhìn huyền nghiệp của chư Như Lai như những tiêu chuẩn trong cuộc sống mẫu mực có thể giúp hướng chúng ta đến một cuộc sống an bình, tỉnh thức và hạnh phúc cho chính mình.

Thiện Phúc



## *Preface*

In Buddhism, Tathagata is one of the ten titles of the Buddha, which he himself used when speaking of himself or other Buddhas. In Mahayana Buddhism, Tathagata is the Buddha in his nirmanakaya, the intermediary between the essential and the phenomenal world. Tathagata also means “Absolute,” “Prajna” or “Emptiness” or “Shunyata”. The Tathagata who has gone beyond all plurality and categories of thought can be said to be neither permanent nor impermanent. He is untraceable. Permanent and impermanent can be applied only where there is duality, not in the case of non-dual. And because Tathata is the same in all manifestation, therefore all beings are potential Tathagaatas. It is the Tathagata within us who makes us long for Nibbana and ultimately sets us free. Long before our Buddha was born, there were many other Buddhas who found the path and showed it to people. These other Buddhas lived so long ago that we have no written histories about them, but they taught the people in those far off days the very same Truth that our Sakyamuni Buddha taught us almost twenty-six hundred years ago, for the Truths never change. “Tathagata” literally means one “thus come,” the “thus” or “thusness,” indicating the enlightened state. Therefore, Tathagata can be rendered as “Thus enlightened I come,” and would apply equally to all Buddhas other than Sakyamuni. The Thus-Come One also means one who has attained Supreme Enlightenment; one who has discovered (come to) Truth. The term Tathagata is the title which the Buddha himself used when speaking of himself or other Buddhas; those of the Tathagata order. “Tathagata” is a Sanskrit term for “Thus-gone-one.” An epithet of Buddhas, which signifies their attainment of awakening (Bodhi), a transcendental state that surpasses all mundane attainments. In Sanskrit, the term Tathagata may be divided into either of the following formulas: tatha+gata, or tatha+agata. In the former case, it means “Thus-Gone (Như khứ),” and in the latter case “Thus-Come (Như Lai).” The term Tathagata is also a respectful title of the Buddha, used by his followers when speaking to the Buddha. Tathagata also means the previous Buddhas have come and gone. According to the Middle Length Collections (Majjhimanikaya), Tathagata is a perfect being whose foot-prints or tracks are untraceable, who is above all the

dichotomies of thought. According to the Dhammapada (254), the word Tathagata means ‘thus gone’ or ‘so gone,’ meaning ‘trackless,’ or whose track cannot be traced by any of the categories of thought. According to Nagarjuna in the Madhyamaka Philosophy, regardless the origin of the word ‘Tathagata,’ the function of it is clear. He descends on earth to impart the light of Truth to mankind and departs without any track. He is the embodiment of Tathata. When the Buddha is called Tathagata, his individual personality is ignored; he is treated as a type that appears from time to time in the world. He is the earthly manifestation of Dharma. Tathagata' work means the work of salvation and transforming all beings, which instructs all people, saves them from their sufferings and afflictions, and leads them to nirvana. His deeds include the following: he instructs all the living beings everywhere in various ways, whether speaking of himself or speaking of others, whether indicating himself or indicating others, and whether indicating his own affairs or the affairs of others. Besides, the Buddha-deeds also include the followings: to convey the Buddha's teachings to others or to listen to them or read them are also Buddha-deeds. Our Buddha-deeds must continue incessantly, just as the Buddha never neglected them for a moment. This is our great responsibility.

This little book titled “Wonderful Works of Tathagatas” is not a detailed study of Tathagatas in Buddhism, but a book that only summarizes on the wonderful works and achievements of Tathagatas that benefit all sentient beings. First of all, we talk about the Tathagatas' wisdom, Tathagatas' wisdom is distinctly pointing out the transcendental wisdom (the prajna-paramita), the wisdom which brings practitioners to nirvana. The prajna-paramita is a gate of Dharma-illumination; for with it, we eradicate the darkness of ignorance. Next, we talk about Tathagatas' wonderful works, these wonderful works spread out in all Buddhist scriptures. In the limitation of this book, we only mention some typical ones such as Tathagatas' perfect bodies, Tathagatas' innumerable wonderful bodies, Tathagatas' marks of perfection, Tathagatas' wonderful powers, Tathagata's extraordinary powers and virtues, Tathagatas' peerless and inconceivable realms, Tathagatas' miraculous characteristics of manifestation, Tathagatas' marvellous fulfillments, Tathagatas' forever inconceivable skill in means, Tathagatas' wonderful dharmas, and so on. Last but not least,

Tathagatas utilize their voice as Tathagatas' work in saving by their preaching. Sometimes they use wonderful light to save beings. Tathagatas also receive the respect of the world because of the five superior virtues: Superior conduct, superior point of view, superior or perfect wisdom, superior preaching ability, and superior ability to lead people to the practice of His Teaching. The journey leading to enlightenment and emancipation demands continuous efforts with right understanding and practice. Presently even with so many books available on the Buddha and Buddhism, I venture to compose this booklet titled "Wonderful Works of Tathagatas" in Vietnamese and English to spread basic things in Buddhism to all Vietnamese Buddhist followers, especially Buddhist beginners, hoping this little contribution will help Buddhists to understand more about the most important figure in Buddhism: The Tathagata. Hoping that we all can look at the wonderful works of Tathagatas as standards for an exemplary life that can help us lead a life of peace mindfulness and happiness for our own.

Thiền Phúc



*Phần Một*  
*Tóm Lược Về Chư Như Lai*

*Part One*  
*Summaries of Tathagatas*





## *Chương Một* *Chapter One*

### *Tổng Quan Và Ý Nghĩa Của Như Lai*

Phật tử chân thuần nên luôn nhớ rằng Như Lai không phải là đấng Thượng Đế hay nhà tiên tri của Thượng Đế. Như Lai là đấng đã giác ngộ toàn hảo cao nhất (samyak-sambuddha). Trong Phật giáo Đại thừa, Như Lai được dùng dưới hình thức hóa thân, làm trung gian giữa bản chất và hiện tượng. Như Lai còn đồng nghĩa với “Tuyệt đối,” “Bát Nhã” hay “Hư không.” Bậc Như Lai siêu việt lên trên tất cả đa nguyên tánh và phạm trù của tư tưởng, có thể coi là không phải vĩnh hằng mà cũng không phải là phi vĩnh hằng. Ngài là bậc không thể truy tầm dấu tích. Vĩnh hằng và phi vĩnh hằng chỉ được dùng trong lãnh vực nhị nguyên tánh chứ không thể dùng trong trường hợp phi nhị nguyên. Bởi lẽ các bậc Chân Như đều giống nhau trong sự hiển hiện, vì thế tất cả chúng sanh đều tiềm năng trở thành Như Lai. Chính Như Lai tánh hiện hữu trong chúng ta, khiến cho chúng ta khao khát tìm cầu Niết Bàn, và cuối cùng tánh ấy sẽ giúp giải thoát chúng ta. Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật mà Đức Phật dùng khi xưng hô. Ngài đã sanh ra, đã sống và đã diệt độ như mọi người. Ngài không để lại trong giáo lý của Ngài bất cứ một giả thuyết nào. Biến cố về cuộc đời của đấng Như Lai đã là nguồn cảm hứng và hy vọng cho con người vì ai cũng có thể hy vọng rằng rồi đây mình cũng sẽ được như Ngài nếu mình quyết chí hết mình tu tập.

Từ vô lượng vô biên kiếp trước khi Đức Phật thị hiện, đã có hằng hà sa số chư Phật đã tìm ra con đường và đã chỉ giáo cho chúng sanh. Chư Phật khác đã sống ở những thời xa xưa đến nỗi không còn dấu tích lịch sử ghi lại về các Ngài, nhưng những Chân lý mà các Ngài giảng dạy cũng giống như những điều mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng dạy chúng ta gần 2.600 năm về trước, vì đó là những chân lý không bao giờ thay đổi. Nghĩa đen của “Như Lai” là như đến, hay như thế, chỉ trạng thái giác ngộ. Như Lai có thể được hiểu là “Giác ngộ như thế tôi đến” và dùng chung cho tất cả các đức Phật hơn là riêng cho Phật Thích Ca Mâu Ni; đấng đã khám phá ra (đạt đến) chân lý; một trong mười danh hiệu của Phật, thường được Phật dùng khi Ngài nói về Ngài và chư Phật; những chúng sanh thuộc hàng Như Lai. Như Lai còn

có nghĩa là đáng đã đạt được giác ngộ tối thượng. Phạm ngữ có nghĩa là “Như Lai.” Danh hiệu của chư Phật, có nghĩa là sự thành đạt Bồ Đề, một trạng thái siêu thoát vượt qua tất cả những thành đạt phàm tục. Từ này có thể được chia làm hai phần, hoặc theo biểu thức Tatha+gata, hoặc Tatha+agata. Trong trường hợp thứ nhất nó có nghĩa là “Như khứ,” và trong trường hợp thứ nhì nó có nghĩa là “Như Lai.” Danh hiệu mà đệ tử dùng để gọi Phật. Đức Phật cũng dùng danh hiệu này để tự xưng hô. Tathagata còn có nghĩa là những vị Phật trước đây đã đến và đi. Theo Kinh Trung A Hàm, người ta bảo dấu vết của Như Lai bất khả truy tầm, nghĩa là Ngài vượt lên trên tất cả những nhị nguyên của tư tưởng. Theo Kinh Pháp Cú (254), thì Tathagata có nghĩa là ‘không thể truy tầm dấu tích không trung.’ Ý nghĩa của Như Lai là ‘đã đi như thế,’ tức là không có dấu tích, dấu tích ấy không thể xử dụng phạm trù tư tưởng để tư duy và truy tầm. Theo Ngài Long Thọ trong Trung Quán Luận, bất luận khởi nguyên của chữ “Như Lai” như thế nào, chức năng của nó đã rất rõ ràng. Ngài giáng thế để truyền thọ ánh sáng của Chân Lý cho thế nhân và sau đó đã ra đi mà không để lại dấu vết nào. Ngài là hiện thân của Chân Như. Khi Đức Phật được gọi là Như Lai, nhân cách cá biệt của Ngài được gác qua một bên, mà Ngài được xem là một loại kiểu mẫu điển hình thỉnh thoảng lại xuất hiện trên đời. Ngài là sự thể hiện trên trần thế của Pháp. Như Lai gồm có tại triền và xuất triền Như Lai. Như Lai tại triền, giới hạn và chịu sự chi phối của cuộc sống khổ đau phiền não; hay lý chân như pháp tính ẩn trong phiền não triền phược. Như Lai xuất triền, không giới hạn và không còn chịu sự chi phối của cuộc sống khổ đau phiền não nữa, hay lý chân như không phiền trước, đối nghĩa lại với tại triền chân như.

Không tánh và từ bi là hai đặc tính thiết yếu của Như Lai. Không tánh ở đây có nghĩa là Bát Nhã hay trí tuệ siêu việt. Vốn sẵn không tánh hoặc Bát Nhã cho nên Như Lai đồng nhất với Chân Như; vốn sẵn có từ bi cho nên Như Lai là đáng cứu độ của tất cả chúng sanh hữu tình. “Tathagata” là sự tồn hữu chân chính của tất cả. Khi nói ‘sự tồn hữu chân chính của Như Lai cũng là sự tồn hữu chân chính của tất cả’ là điều bất khả tư nghì. Trong bản chất tối hậu của Ngài thì Như Lai là ‘cực kỳ thâm sâu, không thể đo lường được.’ Các pháp hay những thành tố của sự tồn tại là bất khả xác định, vì chúng chịu những điều kiện và vì chúng là tương đối. Bạc Như Lai là bất khả xác định hiểu theo nghĩa khác. Như Lai không thể xác định là vì bản chất tối hậu của

Ngài, Ngài không phải được sanh ra từ nhân duyên. Vì thế trong Trung Quán Tụng, Ngài Long Thọ đã khẳng định: “Đức Phật siêu việt đối với tư tưởng và ngôn ngữ, và vô sanh vô tử; những ai sử dụng khái niệm phạm trù để mô tả Đức Phật đều là nạn nhân của loại trí tuệ bị chi phối bởi ngôn ngữ và hý luận, và như vậy không thể nào thấy được Như Lai trong bản thể đích thực của Ngài.”

### *An Overview and Meanings of The Thus-Come One*

Devout Buddhists should always remember that Tathagata is neither a god nor the prophet of a god. In Mahayana Buddhism, Tathagata is the Buddha in his nirmanakaya, the intermediary between the essential and the phenomenal world. Tathagata also means “Absolute,” “Prajna” or “Emptiness” or “Shunyata.” The Tathagata who has gone beyond all plurality and categories of thought can be said to be neither permanent nor impermanent. He is untraceable. Permanent and impermanent can be applied only where there is duality, not in the case of non-dual. And because Tathata is the same in all manifestation, therefore all beings are potential Tathagatas. It is the Tathagata within us who makes us long for Nibbana and ultimately sets us free. Tathagata is one of the ten titles of the Buddha, which he himself used when speaking of himself or other Buddhas. He was born, lived and passed away. He left no room in His teaching for any other superstition. This event of the life of the Tathagata is human beings’ greatest impression and hope for everyone of us can hope that some day we can reach the same stage as the Tathagata did if we resolve to do our best to cultivate.

Long before our Buddha was born, there were many other Buddhas who found the path and showed it to people. These other Buddhas lived so long ago that we have no written histories about them, but they taught the people in those far off days the very same Truth that our Sakyamuni Buddha taught us almost twenty-six hundred years ago, for the Truths never change. “Tathagata” literally means one “thus come,” the “thus” or “thusness,” indicating the enlightened state. Therefore, Tathagata can be rendered as “Thus enlightened I come,” and would apply equally to all Buddhas other than Sakyamuni. The Thus-Come One also means one who has attained Supreme Enlightenment; one

who has discovered (come to) Truth; one of the ten titles of the Buddha, which he himself used when speaking of himself or other Buddhas; those of the Tathagata order. “Tathagata” is a Sanskrit term for “Thus-gone-one.” An epithet of Buddhas, which signifies their attainment of awakening (Bodhi), a transcendental state that surpasses all mundane attainments. This term may be divided into either of the following formulas: *tatha+gata*, or *tatha+agata*. In the former case, it means “Như khứ,” and in the latter case “Như Lai.” A title of the Buddha, used by his followers and also by himself when speaking of himself. Tathagata also means the previous Buddhas have come and gone. According to the Middle Length Collections (*Majjhimanikaya*), Tathagata is a perfect being whose foot-prints or tracks are untraceable, who is above all the dichotomies of thought. According to the *Dhammapada* (254), the word Tathagata means ‘thus gone’ or ‘so gone,’ meaning ‘trackless,’ or whose track cannot be traced by any of the categories of thought. According to Nagarjuna in the *Madhyamaka* Philosophy, regardless the origin of the word ‘Tathagata,’ the function of it is clear. He descends on earth to impart the light of Truth to mankind and departs without any track. He is the embodiment of Tathata. When the Buddha is called Tathagata, his individual personality is ignored; he is treated as a type that appears from time to time in the world. He is the earthly manifestation of Dharma. Tathagata includes the Tathagata in bonds and tathagata unlimited and free from bonds. The Tathagata in bonds (limited and subject to the delusions and sufferings of life); or the fettered *bhutatahata*, the *bhutatahata* in limitations. Tathagata unlimited and free from bonds (not subject to the delusions and sufferings of life any more); or the unfettered or free *bhutatahata*, as contrast with fettered *bhutatahata* (Tại triền chân như).

Sunyata and Karuna are the essential characteristics of Tathagata. Sunyata here means Prajna or transcendental insight. Having Sunyata or Prajna, Tathagata is identical with Tathata or Sunya. Having Karuna, he is the saviour of all sentient beings. “Tathagata” means the true being of all. The true being of the Tathagata which is also the true being of all is not conceivable. In his ultimate nature, the Tathagata is ‘deep, immeasurable, unfathomable.’ The dharmas or elements of existence are indeterminable, because they are conditioned, because

they are relative. The Tathagata is indeterminable, because, in his ultimate nature, he is not conditionally born. The indeterminability of the ultimate nature really means 'the inapplicability of the ways of concepts.' Thus, Nagarjuna in the Karika: "The Buddha is transcendental in regard to thoughts and words. He is not subject to birth and death. Those who describe the Buddha in the terms of conceptual categories are all victims of the worldly and verbalizing mind and are thus unable to see the Tathagata in his real nature."



*Chương Hai*  
*Chapter Two*

*Như Lai Tạng*

Phạn ngữ “Tathagata-garbha” chỉ tiềm năng Phật tánh bẩm sinh sẵn có nơi mọi chúng sanh. Như Lai Tạng là cái thai tạng trong đó Như Lai được mang, được nuôi dưỡng và được thành thực. Như Lai Tạng còn là A Lại Da thức được hoàn toàn thanh tịnh, sạch tập khí hay năng lực của thói quen và các khuynh hướng xấu. Theo truyền thống Đại thừa, mọi thực thể đều chứa Phật ở tận sâu trong bản thân mình dưới hình thức Pháp thân. Như Lai Tạng là nguyên nhân của thiện cũng như bất thiện, sinh ra nhiều con đường hiện hữu khác nhau, như lục thú chẳng hạn. Trong một số giáo điển, chẳng hạn như giáo điển Đại Thừa, Như Lai Tạng tương đương với tánh không, và dựa trên khái niệm tất cả chúng sanh hay vạn hữu không có tự tánh, và luôn biến đổi, tùy thuộc vào nhân duyên bên ngoài, không có một cái tự tánh cố định. Vì vậy Phật tánh không phải là cái gì được phát triển qua thiền định hay do kết quả của thiền định, mà nó là bản chất cố hữu nhất của chúng sanh được làm cho hiển lộ qua việc tháo gỡ bức màn vô minh che mờ nó từ bấy lâu nay. Tuy nhiên, thiền định đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tu tập của chúng ta, vì chính nó là công cụ chính giúp ta thanh tịnh thân tâm và tháo gỡ bức màn vô minh từ vô thủy để Phật tánh được hiển lộ. Như Lai Tạng có hai nghĩa: Như Lai hay Phật đã hàm ẩn trong thai tạng hay nhân tính, và Phật tính trong tự tính. Như Lai Tạng là nơi chứa đựng hay thu nhiếp vạn pháp. Như vậy, chân như ở trong phiền não đục vọng, và chân như cũng ở trong vạn pháp bao hàm cả hai mặt hòa hợp và không hòa hợp, tịnh và bất tịnh, tốt và xấu. Cảnh giới của Như Lai Tạng vốn là một tên khác của A Lại Da thức, cảnh giới này vượt khỏi những kiến giải được đặt căn bản trên sự tưởng tượng của hàng Thanh Văn, Duyên Giác và các triết gia. Như Lai Tạng là cái thai tạng trong đó Như Lai được mang, được nuôi dưỡng và được thành thực. Như Lai Tạng còn là A Lại Da thức được hoàn toàn thanh tịnh, sạch tập khí hay năng lực của thói quen và các khuynh hướng xấu. Như Lai Tạng còn là Phật tánh. Theo truyền thống Đại thừa, mọi thực thể đều chứa Phật ở tận sâu trong bản thân mình dưới hình thức Pháp thân. Như Lai Tạng là nguyên nhân của thiện

cũng như bất thiện, sinh ra nhiều con đường hiện hữu khác nhau, như lục thú chẳng hạn.

### *Tathagata-Garbha*

The absolute, the true nature of all things which is immutable, immovable and beyond all concepts and distinctions. A Sanskrit term for the innate potential for Buddhahood or Buddha-nature that is present in all sentient beings. Tathagatagarbha is the womb where the Tathagata is conceived and nourished and matured. Tathagatagarbha also means the Alayavijnana which fully purified of its habit-energy (vasana) and evil tendencies (daushtulya). According to the Mahayana Buddhism, everything has its own Buddha-nature in the dharmakaya. Tathagatagarbha is the cause of goods as well as evils which creates the various paths of existence. In some texts, Mahayana texts, for example, Tathagata-garbha is equated with emptiness (sunyata) and is based on the notion that since all beings, all phenomena lack inherent existence (svabhava) and are constantly changing in dependence upon causes and conditions there is no fixed essence. Thus Buddha-nature is not something that is developed through practices of meditation or as a result of meditation, but rather is one's most basic nature, which is simply made manifest through removing the veils of ignorance that obscure it. However, meditation plays a crucial role in our cultivation life, for it's a main tool that helps us to remove the beginningless veils of ignorance so that Buddha-nature can manifest. Matrix of Thus-come or Thus-gone or Tathagata-garbha has a twofold meaning: Thus-Come or Thus-Gone or Buddha concealed in the Womb (man's nature), and the Buddha-nature as it is. Tathagata-garbha is the absolute, unitary storehouse of the universe, the primal source of all things. Therefore, the Tathagata is in the midst of the delusion of passions and desires; and the Tathagata is the source of all things (all created things are in the Tathagatagarbha, which is the womb that gives birth to them all), whether compatible or incompatible, whether forces of purity or impurity, good or bad. The realm of the Tathagatagarbha which is another name for the Alayavijnana, is beyond the views based on the imagination of the Sravakas and Pratyekabuddhas and philosophers. Tathagatagarbha is the womb



where the Tathgata is conceived and nourished and matured. Tathagatagarbha also means the Alayavijnana which fully purified of its habit-energy (vasana) and evil tendencies (daushthulya). Tathagatagarbha also means Buddha-nature. According to the Mahayana Buddhism, everything has its own Buddha-nature in the dharmakaya. Tathagatagarbha is the cause of goods as well as evils which creates the various paths of existence.



**Chương Ba**  
**Chapter Three**

**Chủng Tử Như Lai**

Như Lai Chủng hay chủng tử Phật hay Bồ Tát, nếu đem gieo vào tâm thức con người, sẽ nảy mầm Phật hay giác ngộ. Theo kinh Duy Ma Cật, chương tám, Duy Ma Cật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Thế nào là hạt giống Như Lai?” Ngài Văn Thù đáp: “Có thân là hạt giống; vô minh có ái là hạt giống; tham sân si là ba hạt giống; tứ điền đảo là bốn hạt giống (see Tứ Điền Đảo); năm món ngăn che là năm hạt giống (see Ngũ Triền Cái); lục nhập là sáu hạt giống (see Lục Nhập); thất thức là bảy hạt giống; tám tà pháp là tám hạt giống; chín món não là chín hạt giống; thập ác là mười hạt giống.” Ông Duy Ma Cật hỏi: “Tại sao thế?” Văn Thù đáp: “Nếu người thấy vô vi mà vào chánh vị (Niết Bàn) thì không thể còn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nữa. Ví như chỗ gò cao không thể sinh hoa sen, mà nơi bùn lầy thấp ướt mới có hoa sen. Như thế, người thấy vô vi, vào chánh vị không còn sanh trong Phật pháp được, mà ở trong bùn lầy phiền não mới có chúng sanh nghĩ đến Phật pháp mà thôi. Lại như gieo hạt giống trên hư không thì không sinh được, ở đất phân bùn mới tốt tươi được. Như thế, người đã vào vô vi chánh vị không sanh được trong Phật pháp, kể khởi ngã kiến như núi Tu Di còn có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà sinh trong Phật pháp. Cho nên phải biết tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Ví như không xuống bể cả, không thể đựng bảo châu vô giá, cũng như không vào biển cả phiền não thì làm sao mà có ngọc báu như thiết trí.” Lúc bấy giờ ngài Đại Ca Diếp khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi, lời nói thích quá. Thật đúng như lời Ngài nói những bọn trần lao là giống Như Lai. Hôm nay, chúng tôi không còn kham phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đến như người đủ năm tội vô gián còn có thể phát ý mong sanh trong Phật pháp, mà nay chúng tôi hoàn toàn không phát được. Ví như những người năm căn đã hư, đối với năm món dục lạc chẳng còn cảm xúc. Cũng như hàng Thanh Văn đã đoạn hết kiết sử, ở trong Phật pháp không còn có lợi ích gì mấy, bởi không còn có chí nguyện. Vì thế, thưa ngài Văn Thù Sư Lợi! Phàm phu ở trong Phật pháp còn có ảnh hưởng, mà hàng Thanh Văn thì không. Vì sao? Vì phàm phu nghe Phật nói pháp khởi được

đạo tâm vô thượng, chẳng đoạn Tam Bảo, còn chính như Thanh Văn trợn đời nghe Phật pháp: thập lực, tứ vô úy, vân vân mà hoàn toàn cũng không phát được đạo tâm vô thượng.”

### *The Seed of Tathagata*

Tathagata seeds (Buddhahood) which sown in the heart of man, produce the Buddha fruit or enlightenment. According to the Vimalakirti Sutra, Chapter Eight, Vimalakirti asked Manjusri: “What are the seeds of the Tathagata?” Manjusri replied: “Body is (a) seed of the Tathagata; ignorance and craving are its (two) seeds; desire, hate and stupidity its (three) seeds; the four inverted views its (four) seeds; the five covers (or screens) its (five) seeds; the six organs of sense its (six) seeds; the seven abodes of consciousness its (seven) seeds; the eight heterodox views its (eight) seeds; the nine causes of klesa (troubles and their causes) its (nine) seeds; the ten evils its (ten) seeds. To sum up, all the sixty-two heterodox views and all sorts of klesa are the seeds of Buddhahood.” Vimalakirti asked Manjusri: “Why is it so?” Manjusri replied: “Because he who perceives the inactive (wu wei) state and enters its right (nirvanic) position, is incapable of advancing further to achieve supreme enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi). For instance, high ground does not produce the lotus, which grows only in marshy land. Likewise, those perceiving nirvana and entering its right position, will not develop into Buddhahood, whereas living beings in the mire of klesa can eventually develop the Buddha Dharma. This is also like seeds scattered in the void, which do not grow, but if they are planted in manured fields they will yield good harvests. Thus, those entering the right position (of nirvana) do not develop the Buddha Dharma, whereas those whose view of the ego is as great as (Mount) Sumeru may (because of the misery of life) eventually set their minds on the quest of supreme enlightenment, thereby developing the Buddha Dharma. Therefore, we should know that all sorts of klesa are the seeds of the Tathagata. This is like one who does not plunge into the ocean will never find the priceless pearl. Likewise, a man who does not enter the ocean of klesa will never win the gem of all-knowledge (sarvajna).” At that time, Mahakasyapa exclaimed : “Excellent, Manjusri, excellent, your sayings are most

gratifying. As you have said, those suffering from klesa are the seeds of the Tathagata. So we are no longer capable of developing a mind set on enlightenment. Even those committing the five deadly sins can eventually set their minds on the quest of the Buddha Dharma but we are unable to do so, like persons whose defective organs prevent them from enjoying the five objects of the senses. Likewise, the sravakas who have cut off all bonds (of transmigration) are no longer interested in the Buddha Dharma and will never want to realize it. Therefore, Manjusri, the worldly man still reacts (favourably) to the Buddha Dharma whereas the sravaka does not. Why? Because when the worldly man hears about the Buddha Dharma, he can set his mind on the quest of the supreme path, thereby preserving for ever the Three Treasures (of Buddha, Dharma and Sangha), whereas the sravaka, even if he passes his lifetime listening to the Dharma and witnessing the fearlessness of the Buddha, etc., will never dream of the supreme way.”



## *Chương Bốn* *Chapter Four*

### *Thân Của Chư Như Lai*

#### *I. Tổng Quan Về Thân Như Lai:*

Như Lai thân hay Phật thân (thân của Đức Phật). Học thuyết của các nhà Đại Thừa thời khởi thủy chủ yếu được tìm thấy trong Kinh Thập Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa, cùng với trường phái Trung Luận của ngài Long Thọ. Cả hai kinh và luận này đã đưa ra quan điểm về hai thân như sau: 1) Sắc thân hoặc Ứng thân, chỉ cho thân thể, tướng thô và tướng tế. Nói chung là thân của con người, và 2) Pháp thân, có hai nghĩa, một là con người giác ngộ thành Phật, và hai là nguyên lý siêu hình của vũ trụ tức chân như. Theo Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa: “Ai dùng sắc mà thấy Như Lai, dùng âm thanh mà tìm Như Lai là đi con đường không thể thấy Như Lai.” Theo Kinh Thập Bát Thiên Tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa, không thể tìm thấy Như Lai bằng sắc thân, mà bằng pháp thân. Như vậy theo Phật giáo Đại Thừa thì thân thật của Như Lai là tánh không vô vi, nghĩa là thân vũ trụ siêu việt hơn chính sắc thân của Như Lai. Từ thân vũ trụ hoặc vô vi phối bày chính diệu dụng của nó là sắc thân vật lý tạm thời hiển hiện vì lòng từ bi đem thông điệp thoát khổ đến cho mọi người. Quan điểm như vậy được rút ra từ quan điểm lý tưởng của Đại Chúng Bộ đã xem sắc thân của Đức Phật là siêu nhiên. Tuy nhiên, đặc điểm trong học thuyết Đại Thừa là Đại Thừa thấy thân thật của Như Lai trong tánh không hoặc chân lý tuyệt đối, không bị giới hạn bởi ý tưởng pháp thân siêu xuất không phiền não như thân thật mà Đại Chúng Bộ chủ trương. Theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Như Lai là Đức Phật bất diệt vĩnh viễn, thọ mạng vô tận và đã hiển hiện vô thường ngăn ngại. Đây chỉ là một phương tiện. Điều này cho thấy quan điểm về thân Phật của trường phái Đại Thừa đồng với chân lý tuyệt đối hay tánh không. Theo Phật giáo, có mười thân Như Lai: thân Bồ đề, thân Nguyện, thân Hóa, thân Trụ trì, thân Tướng hảo Trang nghiêm, thân Thế lực, thân Như ý, thân Phước đức, thân Trí, thân Pháp. Có mười đặc tánh nơi thân của một vị Phật: bình đẳng (thân chư Phật đều bình đẳng như nhau), thanh tịnh, vô tận, đạt được thiện tu, hộ pháp, bất khả giác tri, bất khả tư nghì, tịch tĩnh, hư không đẳng, và trí huệ.

## ***II. Tam Thân Như Lai:***

Nhiều người nghĩ thân Phật là nhục thân của Ngài. Kỳ thật thân Phật chính là sự Giác Ngộ Bồ Đề. Thân ấy không có hình tướng cũng không có vật chất, không phải là nhục thân được nuôi dưỡng bằng thực phẩm phàm phu. Đó là thân vĩnh hằng mà chất liệu của nó là trí tuệ. Vì vậy thân Phật chẳng bao giờ biến mất khi sự Giác ngộ Bồ Đề vẫn còn tồn tại. Sự Giác Ngộ Bồ Đề xuất hiện như ánh đuốc trí tuệ khiến cho chúng sanh giác ngộ và tu chứng để được sanh vào thế giới của chư Phật. Một vị Phật có ba loại thân hay ba bình diện chơn như: pháp thân, báo thân, và ứng thân. Trong sự biến tướng của ba thân Phật: pháp thân như hư không biến, trí thân (báo thân) như nhật quang biến, và sắc thân (ứng thân) như nhật ảnh biến.

Pháp thân là cái thân của Pháp, theo đó Dharma có nghĩa là phép tắc, tổ chức, cơ cấu, hoặc nguyên lý điều hành. Nhưng chữ Dharma còn có nhiều nghĩa sâu xa hơn, nhất là khi ghép với chữ Kaya thành Dharmakaya. Nó gợi lên một cá thể, một tánh cách người. Chân lý tối cao của đạo Phật không phải chỉ là một khái niệm trừu tượng như vậy, trái lại nó sống động với tất cả ý nghĩa, thông suốt, và minh mẫn, và nhất là với tình thương thuần túy, gột sạch tất cả bệnh tật và bợn nhơ của con người. Trong đạo Phật, Thân Pháp là thân lìa hẳn thọ sanh các loài, vì đây là thân Phật tuyệt đối (cuối cùng). Trong giáo thuyết nhà Phật, Chân Như là thể của pháp thân. Chân Như có hai nghĩa bất biến và tùy duyên. Theo nghĩa tùy duyên mà bị ràng buộc với các duyên nhiễm và tịnh để biến sanh ra y báo và chánh báo trong thập giới (pháp thân trôi chảy trong dòng chúng sanh). Theo Thiền Sư D.T. Suzuki trong Cốt Tủy Đạo Phật, Pháp Thân không có trí và bi. Pháp thân tự nó là trí hoặc là bi, tùy lúc ta cần nhấn mạnh ở mặt này hay mặt khác. Nếu ta hình dung Pháp thân như hình ảnh hoặc phản ảnh của chính ta sẵn có về con người là chúng ta lầm. Pháp thân không hề có thứ thân nào mượn tượng như vậy. Pháp Thân là Tâm, là miếng đất của hành động, tại đó bi và trí hòa đồng trong nhau, chuyển hóa cái này thành cái kia, và gây thành nguồn năng lực kích động thế giới giác quan và tri thức.

Báo thân có nghĩa là như thực sắc thân hay thọ dụng thân. "Sambhogakaya" là từ Bắc Phạn có nghĩa là báo thân. Báo Thân là một trong ba thân của đức Phật, theo Phật giáo Đại Thừa. Báo Thân là



sự hưởng thụ chân lý nơi “Thiên đường Phật.” Đây cũng chính là kết quả của những hành động thiện lành trước kia. Báo Thân thường trụ nơi “Tịnh Độ” và chỉ có những hành giả thâm áo mới nhận biết được Báo Thân này mà thôi. Theo Phật giáo Mật Tông, Báo Thân có nghĩa là thân hiện thực của cảm xúc, nghĩa đen là “Thân An Lạc.” Trong khi Pháp Thân là thân hoàn toàn cởi mở và tự do, thì trên bình diện của Báo Thân chúng ta nhìn về phương diện tình cảm, những cảm xúc được từ Báo Thân tạo ra. Những cảm xúc được tạo ra từ trạng thái rộng mở này vượt lên trên cảm xúc của thế gian, hơn cả sự giận hờn, tham dục hay u mê. Báo thân còn gọi là trí thân như nhật quang biến. Đây là đại viên trí hay trí tuệ viên minh vốn có nơi chư Như Lai. Trong Báo Thân, cảm xúc hiển hiện giác ngộ hoàn toàn và siêu việt. Khi cảm xúc hiển hiện, nó có khả năng to lớn và linh động mạnh mẽ để tiếp cận với vũ trụ, vì từ quan điểm này nhị nguyên không còn là mối đe dọa nữa. Cái không gian này cho chúng ta sự tự do không kể xiết. Một cảm nhận như ngày mở hội được hình thành không còn rắc rối nữa.

Ứng thân hay Hóa thân Như Lai. Hóa thân là một trong ba thân của một đức Như Lai, theo Phật giáo học Đại Thừa, hai thân kia là Báo thân và Pháp thân. Hóa Thân được chư Như Lai dùng để hiện lên với con người, nhằm thực hiện ý muốn đưa tất cả chúng sanh lên Phật. Đây cũng chính là hiện thân của chư Như Lai và chư Bồ Tát trần thế. Cũng theo Phật giáo Đại Thừa, chư Như Lai có nhiều khả năng siêu nhiên bao gồm cả việc “hiện thân,” hay sự hiển hiện bằng thân vật chất để làm lợi lạc chúng sanh. Sự hiện thân này có thể là qua thân người hay súc vật, hay ngay cả cầu đường, hay một vật thể nào đó để cung cấp sự lợi lạc. Cách hiện thân quan trọng nhất là hiện ra dưới hình thức một vị Phật như trường hợp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai. Theo Phật giáo Tây Tạng, những hành giả thâm áo có được khả năng lựa chọn hoàn cảnh tái sanh của họ một cách ý thức, và những vị thầy thâm áo khác có khả năng nhận ra được những người này. Ngày nay tại Tây Tạng có vài trăm dòng tái sanh như vậy, mà nổi bật nhất là các đức Đạt Lai Lạt Ma. Theo Phật giáo Mật tông, hóa thân có nghĩa là “thân của sự tỏa rạng,” thân của sự hiện hữu hay biến hiện. Nó là sự biến hiện của thân và của tâm chúng ta. Nó cũng là sự biến hiện thân của những ai đã thành tựu hai thân trước và biến hiện trong thân thứ ba này. Trong ý nghĩa này hóa thân đặc biệt dùng để chỉ vị đạo sư Kim Cang hay vị thầy đang sống trong hiện tại trên trái đất

này. Một vị thầy như thế đã thành tựu pháp thân và báo thân, nhưng để có thể đối diện với những hình tướng, lương thực, y phục và thế giới, hay nói khác hơn là với những nhận thức của chúng ta, người cần phải có một hóa thân. Một vị thầy cần phải xuất hiện trong một hóa thân để có thể truyền đạt cho chúng ta Kim Cang thừa và giáo lý Phật đà.

Theo Lâm Tế Ngũ Lục, một hôm, thiền sư Lâm Tế thượng đường dạy chúng: "Một vị Phật có ba loại thân hay ba bình diện chơn như: pháp thân, báo thân, và ứng thân. Cứ như kinh luận gia, tam thân là chân thực tối thượng của mọi vật. Nhưng theo chỗ thấy của sơn Tăng thì không phải vậy. Ba thân ấy chẳng qua chỉ là ngôn từ mà thôi. Và mỗi thân đều có cái khác nó để mà nương tựa. Cổ nhân y đức có nói, 'Thân tựa nghĩa mà lập, quốc độ tựa thể mà luận.' Vậy thì Pháp tánh thân và Pháp tánh độ rõ ràng là những phản ảnh của ánh sáng bản hữu. Chư Đại đức, mong sao các ngài hãy là kẻ biết đùa với những phản ảnh ấy. Vì kẻ ấy cội nguồn của hết thầy chư Phật và là quê nhà của các đạo lưu khắp nơi. Cái sắc thân tứ đại của các ngài không biết nói pháp và nghe pháp. Tì, vị, gan, mật cũng không biết nói pháp và nghe pháp, chính cái sờ sờ trước mắt các ngài đó; cái đó không có hình dạng, tròn không nhất định. Nếu thấy được như thế, thì các ngài cùng với Tổ và Phật không khác, trong mọi thời đừng để gián đoạn; chạm mắt đến đâu là thấy nó ở đó. Khi sự tưởng tượng được khuấy động lên, trí bị ngăn, tưởng bị biến, thể bị lay, nên lăn lóc trong ba cõi mà chịu đủ thứ khổ não. Nếu theo chỗ thấy của sơn Tăng, đâu chả là đạo lý sâu xa, đâu chả là giải thoát. Xin chào!"

### ***III. Mười Thân Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 37, Như Lai Xuất Hiện, chư Bồ Tát thấy mười tướng thân Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác ở tất cả các xứ. Tướng Thân Thứ Nhất của Như Lai. Đại Bồ Tát phải ở vô lượng xứ mà thấy thân Như Lai. Vì chư đại Bồ Tát chẳng nên ở một pháp, một sự, một quốc độ, một chúng sanh mà thấy Như Lai. Phải khắp tất cả nơi thấy Như Lai. Ví như hư không đến khắp tất cả chỗ sắc phi sắc, chẳng phải đến, chẳng phải chẳng đến. Vì hư không chẳng có thân. Cũng vậy, thân Như Lai khắp tất cả chỗ, khắp tất chúng sanh, khắp tất cả pháp, khắp tất cả quốc độ, chẳng phải đến, chẳng phải chẳng đến. Vì thân Như Lai là không có thân. Vì chúng sanh mà thị hiện thân Phật. Tướng Thân Thứ Hai của Như Lai. Ví như hư không rộng rãi

chẳng phải sắc mà hay hiển hiện tất cả sắc. Nhưng hư không kia không có phân biệt cũng không hý luận. Thân của Như Lai cũng vậy, vì do trí quang minh khắp chiếu sáng làm cho tất cả chúng sanh, thế gian, xuất thế gian, các nghiệp thiện căn đều được thành tựu. Nhưng thân Như Lai không có phân biệt cũng không hý luận. Vì từ xưa đến nay, tất cả chấp trước, tất cả hý luận đều đã dứt hẳn. Tướng Thân Thứ Ba của Như Lai. Ví như mặt nhật mọc lên, vô lượng chúng sanh ở châu Diêm Phù Đề đều được lợi ích. Những là phá tối làm sáng, biến ướt thành khô, sanh trưởng cỏ cây, thành thực lúa mạ, chói suốt hư không, hoa sen nở xòe, người đi thấy đường, kẻ ở nhà xong công việc. Vì mặt nhật khắp phóng vô lượng quang minh. Như Lai trí nhật cũng như vậy, dùng vô lượng sự khắp lợi chúng sanh. Những là diệt ác sanh lành, phá ngu làm trí, đại từ cứu hộ, đại bi độ thoát, làm cho họ tăng trưởng căn lực, giác phần, khiến họ sanh lòng tin sâu chắc, bỏ lìa tâm ô trược, khiến kẻ thấy nghe chẳng hư nhân quả, khiến được thiên nhân thấy chỗ thọ sanh sau khi chết, khiến tâm vô ngại chẳng hư căn lành, khiến trí tỏ sáng mau nở giác hoa, khiến họ phát tâm thành tựu bốn hạnh. Vì thân mặt nhật trí huệ quảng đại của Như Lai phóng vô lượng quang minh chiếu sáng khắp nơi. Tướng Thân Thứ Tư của Như Lai. Ví như mặt nhật mọc lên, trước hết chiếu những núi lớn như núi Tu Di vân vân, kế chiếu hắc sơn, kế chiếu cao nguyên, sau rốt chiếu khắp đại địa. Mặt nhật chẳng nghĩ rằng ta trước chiếu nơi đây rồi sau chiếu nơi kia. Chỉ do núi và mặt đất có cao và thấp, nên chiếu có trước và sau. Đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác lại cũng như vậy. Ngài thành tựu vô biên pháp giới trí luân, thường phóng vô ngại trí huệ quang minh. Trước chiếu chư đại Bồ Tát, kế chiếu Duyên Giác, kế chiếu Thanh Văn, kế chiếu chúng sanh có thiện căn quyết định, tùy theo tâm khí của họ mà thị hiện trí quang đại, sau rốt chiếu khắp tất cả chúng sanh, nhần đến kẻ tà định cũng chiếu đến làm nhen duyên lợi ích thuở vị lai khiến họ được thành thực. Nhưng Đức Như Lai đại trí nhật quang chẳng nghĩ rằng ta phải chiếu Bồ Tát đại hạnh, nhần đến sau rốt sẽ chiếu tà định chúng sanh. Hỉ phóng trí quang bình đẳng chiếu khắp, vô ngại, vô chướng, vô phân biệt. Ví như mặt nhật mặt nguyệt tùy thời xuất hiện, núi lớn, hang tối chiếu khắp không riêng tư. Như trí huệ lại cũng như vậy, chiếu khắp tất cả không có phân biệt. Tùy theo chúng sanh căn khí sở thích không đồng mà trí huệ quang minh có nhiều thứ khác nhau. Tướng Thân Thứ Năm của Đức Như Lai. Ví như mặt nhật mọc

lên, những kẻ sanh manh vì không nhãn căn nên trọn không thấy. Dầu không thấy, nhưng vẫn được ánh sáng mặt nhật làm lợi ích. Vì do mặt nhật mà biết thời tiết ngày đêm, thọ dụng các thứ y phục, ẩm thực, khiến thân thể mạnh khỏe khỏi bệnh tật. Như Lai trí nhật lại cũng như vậy. Những kẻ không tin, không hiểu, phá giới, phá kiến, tà mạng sanh sống, vì không tín nhãn nên chẳng thấy được chư Phật trí huệ. Dầu không thấy, nhưng vẫn được sự lợi ích nơi trí huệ của Phật. Vì do oai lực của Phật làm cho những chúng sanh đó, các sự khổ nơi thân và những phiền não, như khổ vị lai đều được tiêu diệt. Đức Như Lai có rất nhiều quang minh làm phương tiện cứu độ chúng sanh. Có quang minh tên là tích tập tất cả công đức; có quang minh tên là chiếu khắp tất cả; có quang minh tên là thanh tịnh tự tại chiếu; có quang minh tên là xuất đại diệu âm; có quang minh tên là hiển khắp tất cả ngôn ngữ khiến sanh hoan hỷ; có quang minh tên là thị hiện cảnh giới tự tại dứt hẳn tất cả nghi ngờ; có quang minh tên là trí vô trụ tự tại chiếu khắp; có quang minh tên là trí tự tại dứt hẳn tất cả hý luận; có quang minh tên là tùy sở nghi xuất diệu âm; có quang minh tên là xuất âm thanh tự tại thanh tịnh trang nghiêm quốc độ thành thực chúng sanh. Mỗi lỗ lông của Đức Như Lai phóng ra ngàn thứ quang minh như vậy năm trăm quang minh chiếu khắp hạ phương, năm trăm quang minh chiếu khắp thượng phương các chúng Bồ Tát ở chỗ chư Phật trong tất cả cõi. Những Bồ Tát đó thấy quang minh này đồng thời đều được cảnh giới Như Lai: mười đầu, mười mắt, mười tai, mười mũi, mười lưỡi, mười thân, mười tay, mười chân, mười địa, mười trí đều thanh tịnh tất cả. Chư Bồ Tát đó trước đã thành tựu những xứ, những địa, khi thấy quang minh này thời lại thanh tịnh hơn, tất cả thiện căn thấy đều thành thực, hướng đến như thiết trí. Hạng trụ ở nhị thừa thời diệt tất cả phiền não. Ngoài ra, một phần sanh manh chúng sanh, nhờ những quang minh này, thân đã an lạc nên tâm họ cũng thanh tịnh nhu nhuyễn, điều phục, kham tu niệm trí. Các chúng sanh nơi ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đều được khoái lạc giải thoát những khổ, khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời hoặc nhơn gian. Những chúng sanh đó chẳng biết do như duyên gì, do thần lực nào mà sanh về đây. Hàng sanh manh kia nghĩ rằng ta là Phạm Thiên, ta là Phạm Hóa. Bấy giờ Đức Như Lai trụ trong phổ tự tại tam muội, phát ra sáu mươi thứ diệu âm mà bảo họ rằng, các người chẳng phải là Phạm Thiên, Phạm Hóa, cũng chẳng phải là Đế Thích, Hộ Thế làm ra, mà đều do thần lực của

Như Lai. Những chúng sanh đó nghe lời trên đều được biết đời trước và đều rất hoan hỷ. Vì tâm hoan hỷ nên tự nhiên hiện ra mây hoa ưu đàm, mây hương, mây âm nhạc, mây y phục, mây lọng, mây tràng, mây phan, mây hương bột, mây châu báu, tràng sư tử lâu các bán nguyệt, mây ca ngâm khen ngợi, mây những đồ trang nghiêm, đều cúng dường Đức Như Lai với lòng tôn trọng. Vì những chúng sanh đó được tịnh nhĩ. Đức Như Lai thọ ký vô thượng Bồ Đề cho họ. Tướng Thân Thứ Sáu Của Đức Như Lai. Ví như mặt nguyệt có bốn pháp kỳ đặc vị tăng hữu, thân tướng của Đức Như Lai lại cũng có bốn pháp kỳ đặc vị tăng hữu. Ánh nguyệt che chói quang minh của tất cả tinh tú, thì tướng thân của Đức Như Lai che chói tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác, dù hữu học hay vô học. Ánh nguyệt hay theo thời gian mà hiện ra tròn khuyết, nhưng ánh nguyệt tự nó không tròn khuyết. Đức Như Lai cũng tùy theo sở nghi mà thị hiện thọ mạng dài ngắn chẳng đồng, nhưng thân Như Lai không tăng giảm. Mặt nguyệt hiện rõ trong nước đứng trong hay nơi đại địa. Tướng thân Đức Như Lai đều hiện bóng trong căn khí Bồ Đề hay nơi chúng sanh tâm tịnh, hay khắp toàn thế giới. Tất cả người thấy mặt nguyệt đều đối trước mặt họ, chứ nguyệt luân không phân biệt không hý luận. Cũng như vậy, tất cả chúng sanh, có ai thấy Như Lai, đều cho rằng Đức Như Lai chỉ hiện trước tôi. Như Lai theo sở thích của họ mà thuyết pháp, theo địa vị của họ khiến được giải thoát, theo chỗ đáng hóa độ khiến được thấy Phật. Nhưng thân Như Lai vẫn không phân biệt, không hý luận. Những điều lợi ích làm ra đều được rốt ráo. Tướng Thân Thứ Bảy Của Đức Như Lai. Ví như Đại Phạm Thiên Vương dùng chút phương tiện hiện thân khắp Đại Thiên thế giới. Tất cả chúng sanh đều thấy Đại Phạm Thiên Vương hiện ở trước mình. Nhưng Đại Phạm Thiên Vương này chẳng phân thân, cũng không có các thứ thân. Cũng như vậy, Đức Như Lai không có phân biệt, không hý luận, cũng chẳng phân thân, cũng chẳng có các thứ thân. Nhưng tùy sở thích của tất cả chúng sanh mà thị hiện Phật thân, cũng vẫn chẳng nghĩ rằng hiện ngần ấy thân. Tướng Thân Thứ Tám Của Đức Như Lai. Ví như y vương khéo biết các thứ thuốc và những chú luận, đều dùng được tất cả những thứ thuốc có ở Diêm Phù Đề. Lại do năng lực của những thiện căn đời trước và sức đại minh chú làm phương tiện, nên chúng sanh được thấy y vương đều được lành mạnh. Y vương này biết mạng sắp chết, nghĩ rằng sau khi ta chết, tất cả chúng sanh không nơi nương tựa. Nay ta phải nên vì họ mà hiện

phương tiện. Lúc đó y vương chế thuốc thoa thân mình dùng sức mình chú gia trì, nên dầu đã chết mà thân chẳng rã, chẳng héo, chẳng khô, cử chỉ, nhìn, nghe không khác lúc còn sống, phàm có chữa trị đều được lành mạnh. Cũng như vậy, Đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác vô thượng y vương trải qua vô lượng trăm ngàn ức na do tha kiếp tu luyện pháp được đã được thành tựu, tu học tất cả phương tiện thiện xảo đại minh chú lực đều được viên mãn đến bỉ ngạn. Khéo trừ diệt được tất cả bệnh phiền não của chúng sanh, và trụ thọ mạng trải qua vô lượng kiếp. Thân Phật thanh tịnh, không tư lự, không động dụng, tất cả Phật sự không hề thôi nghỉ. Chúng sanh được thấy, các bệnh phiền não đều được tiêu diệt. Tướng Thân Thứ Chín Của Đức Như Lai. Ví như đại hải có châu đại ma ni tên là tạng Tỳ Lô Giá Na hạp tất cả quang minh. Nếu có chúng sanh nào chạm phải quang minh của châu này thời đồng một màu với bửu châu. Nếu ai được thấy châu này thời mất được thanh tịnh. Tùy quang minh này chiếu đến chỗ nào thời mưa ma ni bửu tên là an lạc, làm cho chúng sanh khỏi khổ và được vừa ý. Thân của Đức Như Lai lại cũng như vậy, là đại bửu tụ, là tạng đại trí huệ tất cả công đức. Nếu có chúng sanh nào chạm phải quang minh của thân Phật thời đồng màu với thân Phật. Nếu ai được thấy thân Phật thời được pháp nhãn thanh tịnh. Tùy chỗ nào mà quang minh của Phật chiếu đến đều làm cho các chúng sanh khổ khó bần cùng, nhẫn đến đầy đủ sự vui Phật Bồ Đề. Như Lai pháp thân không phân biệt, cũng không hỷ luận mà hay làm khắp tất cả chúng sanh làm Phật sự lớn. Tướng Thân Thứ Mười Của Đức Như Lai. Ví như đại hải có đại như ý ma ni bửu vương tên là tạng trang nghiêm tất cả thế gian. Thành tựu đầy đủ trăm vạn công đức. Tùy bửu vương này ở chỗ nào thời làm cho các chúng sanh tai hoạn tiêu trừ, sở nguyện đầy đủ. Nhưng chẳng phải chúng sanh ít phước đức mà được thấy như ý bửu vương này. Cũng vậy, thân Đức Như Lai tên là hay làm cho tất cả chúng sanh đều được hoan hỷ. Nếu có ai thấy thân Như Lai, nghe danh hiệu Như Lai, khen công đức Như Lai thời đều làm cho thoát hẳn khổ hoạn sanh tử. Giả sử tất cả thế giới, tất cả chúng sanh đồng thời chuyên tâm muốn thấy Đức Như Lai, đều làm cho được thấy, sở nguyện được đầy đủ. Chẳng phải chúng sanh ít phước đức mà thấy được thân Như Lai, chỉ trừ thần lực tự tại của Phật gia hộ cho kẻ đáng được điều phục. Nếu có chúng sanh như thấy thân Phật bèn gieo căn lành nhẫn đến thành thực, vì thành thực nên mới khiến thấy được thân Như Lai. Chư đại Bồ Tát sở dĩ luôn thấy

được tướng thân Đức Như Lai là vì do tâm lượng khắp mười phương, vì sở hành vô ngại như hư không, vì vào đi vào khắp pháp giới, vì luôn trụ nơi chân thực tế, vì vô sanh vô diệt, vì bình đẳng trụ nơi tam thế, vì lia hẳn mọi phân biệt, vì an trụ thệ nguyện tốt hết thuở vị lai, vì nghiêm tịnh tất cả thế giới, vì mỗi mỗi thân đều trang nghiêm.

### *Tathagata-Kaya*

#### *I. An Overview of the Tathagata-Kaya:*

The early Mahaynists, whose doctrines are mostly to be found in the Astadasahasrika Prajnaparamita, along with the school of Madhyamika (Nagarjuna) conceived of two kayas: 1) Rupa-kaya or Nirmanakaya, denoting bodies, gross and subtle, meant for beings in general, and 2) Dharma-kaya, which was used in two senses, one being the body of Dharma, i.e, collection of practices, which makes a being a Buddha, and the other the metaphysical principle underlying the universe, the Reality Tathata. The Vajrachedika-prajna-paramita Sutra says: "He who sees Tathagata by outward appearance, and seeks Tathagata in sound, treads the heterodox path, and cannot perceive the Tathagata." According to the Astadasahasrika Prajna-paramita Sutra, the Tathagata cannot be seen as a physical body, the cosmic body in the Tathagata. Thus, the Mahayana finds the true body of the Buddha in the "unconditioned voidness," i.e. the Cosmic Body which transcends even the Buddha's physical body. It also believes that the Cosmic Body or the unconditioned voidness reveals itself as a temporary physical body with the merciful intention of view conveying the truth to beings. Such a view may have been derived from the idealistic view of the Mahasanghikas who consider the physical body of the Buddha as superhuman. However, the characteristic of the doctrine of Mahayana consists in the fact that the Mahayana finds the true body of the Buddha in voidness or absolute truth without being limited to the Idea of transcendental undefiled Cosmic Body as the true body of the Buddha advocated by the Mahasanghikas. According to the Saddharma-pundarika Sutra, Tathagat is the eternal imperishable Buddha who has immeasurable life, and displays extinction only as an expedience. This is shown the Mahayanistic view of the Buddha-body that the Buddha is identified with the absolute truth or Sunyata. According to Buddhism,

there are ten bodies of a Thus Come One: the body of Bodhi, the body of Vows, the Transformation body, the body of Maintaining with powers, the body Adorned with Marks and Characteristics, the body of Awesome strength, the body produced by mind, the body of Blessing and Virtue, the Wisdom body, and the Dharma body. There are ten special characteristics of the body of a Buddha; equal, pure, limitless, obtained by good deeds, dharma-protective, imperceptible, inconceivable, quiet, as immense as space, and wise.

## *II. Tathagatas' Trikaya:*

A lot of people think of the Buddha's body as his physical body. Truly, the Buddha's body means Enlightenment. It is formless and without substance. It always has been and always will be. It is not a physical body that must be nourished by ordinary food. It is an eternal body whose substance is Wisdom. Therefore, Buddha will never disappear as long as Enlightenment exists. Enlightenment appears as the light of Wisdom that awakens people into a newness of life and causes them to be born into the world of Buddhas. A Buddha has three bodies or planes of reality: the dharma-body or the body of reality which is formless, unchanging, transcendental, and inconceivable (dharmakaya), the body of enjoyment or the celestial body of the Buddha or personification of eternal perfection in its ultimate sense (sambhogakaya), and the incarnated body of the Buddha (nirmanakaya). In the transformation of the trikaya: the dharma-body or the body of reality as the transformation of space kasina; body of enjoyment (sambhogakaya) as the transformation of universally radiant sunlight; and the incarnated body of the Buddha (nirmanakaya) as the transformation of sun shadow or sun reflection.

Dharmakaya (Body of dharma or Dharma-Body) is usually rendered "Law-body" or "Truth-body" where Dharma is understood in the sense of "law," "organization," "systematization," or "regulative principle." But really in Buddhism, Dharma has a very much more comprehensive meaning. Especially when Dharma is coupled with Kaya. Dharmakaya implies the notion of personality. The highest reality is not a mere abstraction, it is very much alive with sense and awareness and intelligence, and, above all, with love purged of human infirmities and defilements. In Buddhism, the body of reality, being



forever free from undergoing birth in conditioned states, for this is the absolute Buddha or essence of all life. In Buddhist teachings, Dharmakaya in its phenomenal character, conceived as becoming, as expressing itself in the stream of being. According to Zen Master D.T. Suzuki in the *Essence of Buddhism*, the Dharmakaya is not the owner of wisdom and compassion, he is the Wisdom or the Compassion, as either phase of his being is emphasized for some special reason. We shall miss the point entirely if we take him as somewhat resembling or reflecting the human conception of man. He has no body in the sense we have a human body. He is spirit, he is the field of action, if we can use this form of expression, where wisdom and compassion are fused together, are transformed into each other, and become the principle of vitality in the world of sense-intellect.

Sambhoga-kaya means the rupakaya or the Bliss Body of the Tathagatas (Enjoyment Body). "Sambhogakaya" is a Sanskrit term for "Enjoyment Body." Sambhogakaya (Recompensed Body Sambhogakaya) is one of the three bodies of a Buddha, according to Mahayana Buddhology (Buddhist Literature). Body of Delight, the body of buddhas who in a "Buddha-Paradise" enjoy the truth that they embody. This is also the result of previous good actions. The Sambhoga-kaya is said to reside in a "pure land" and is only perceivable by advanced practitioners. According to Tantric Buddhism, sambhogakaya is the level of emotional manifestation, which literally means "Body of Joy." While the dharmakaya is completely open and completely free, at the level of sambhogakaya, we are looking at the emotions that are manufactured or manifested out of that. The emotions that manifest out of this state of openness transcend the samsaric emotions, including aggression, passion, and ignorance. Body of enjoyment (sambhogakaya) is also called body of wisdom (Prajnakaya or Jnanakaya), considered as the transformation of universally radiant sunlight. The wisdom whose nature embraces all wisdom which is the wisdom-body of the Tathagatas. In the sambhogakaya, emotions manifest as transcendent or completely enlightened. When they manifest, the emotions provide tremendous capability and enormous scope for relating with the universe. There is an accommodation for dualism, for relating with this and that if necessary, because from this point of view duality is not particularly

regarded as a threat. This accommodation provides tremendous freedom. There is a sense of celebration in which emotions are no longer a hassle (struggle).

Nirmanakaya or Tathagata's metamorphosic body. Tathagata's metamorphosic body is one of the three bodies of a Tathagata, according to Mahayana buddhology, the other two are enjoyment body and truth body. Body of transformation, the earthly body in which Tathagatas appear to men in order to fulfill the Tathagatas' resolve to guide all beings to advance to Buddhahood (liberation). The nirmanakaya is embodied in the earthly Tathagatas and Bodhisattvas projected into the world through the meditation of the sambhogakaya as a result of their compassion. Also according to Mahayana Buddhism, Tathagatas are credited with a variety of supernatural powers, including the ability to create "emanation body," or physical manifestations that are produced in order to benefit sentient beings. These may be human or animal forms, or may even be bridges or other physical objects that provide benefit. However, the most important type of emanation body is the physical form of a Tathagata as in the case of Sakyamuni Tathagata. According to Tibetan Buddhism, advanced practitioners acquire the ability to choose their rebirth situations consciously, and other advanced masters are able to identify them. Today there are hundreds of reincarnational lineages in Tibetan Buddhism, the most prominent of which are the Dalai Lamas. According to the Tantric Buddhism, the meaning of Nirmanakaya is the "body of emanation," the body of existence or manifestation of our mind and our body. It is also the manifestation of the bodies of those who have already experienced or gone through the other two kayas, and who then manifest on the third level, the nirmanakaya. In that sense the nirmanakaya refers specifically to the vajra master or teacher who is here on earth. Such a teacher has achieved the dharmakaya and the sambhogakaya, but in order to communicate with our body, our food, our clothes, and our earth, that is, with our sense perceptions, he needs a manifested body. It is necessary that the teacher manifest in the nirmanakaya in order to communicate with us and to teach the vajrayana and the entire Buddhadharma.

According to Lin-chi's Sayings, one day, Zen master Lin-chi entered the hall and addressed the monks, saying, "A Buddha has three

bodies or planes of reality: the dharma-body or the body of reality which is formless, unchanging, transcendental, and inconceivable (dharmakaya), the body of enjoyment or the celestial body of the Buddha or personification of eternal perfection in its ultimate sense (sambhogakaya), and the incarnated body of the Buddha (nirmanakaya). According to scholars, this triple body is the ultimate reality of things. But as I see into the matter, this triple body is no more than mere words, and then each body has something else on which it depends. An ancient doctor says that the body is dependent on its meaning, and the ground is describable by its substance. Being so, we know that Dharma-body and the Dharma-ground are reflections of the original light. Reverend gentlemen, let us take hold of this person who handles these reflections. For he is the source of all the Buddhas and the house of truth-seekers everywhere. The body made up of the four elements does not understand how to discourse or how to listen to a discourse. Nor do the liver, the stomach, the kidneys, the bowels. Nor does vacuity of space. That which is most unmistakably perceived right before your eyes, though without form, yet absolutely identifiable, this is what understands the discourse and listens to it. When this is thoroughly seen into, there is no difference between yourselves and the old masters. Only let not your insight be interrupted through all the periods of time, and you will be at peace with whatever situation you come into. When wrong imaginations are stirred, the insight is not more immediate; when thoughts are changeable, the essence is no more the same. For this reason, we transmigrate in the triple world and suffer varieties of pain. As I view the matter in my way, deep indeed is Reality, and there is none who is not destined for emancipation. Good night!"

### ***III. Ten Bodies of Tathagatas:***

According to The Flower Ornament Scripture, Chapter 37, Manifestation of Buddha, Enlightening Beings see ten characteristics of the body of Buddha in infinite places. The first characteristic of the body of Buddha. Great enlightening beings should see the body of Buddha in infinite places. They should not see Buddha in just one thing, one phenomenon, one body, one land, one being; they should see Buddha everywhere. Just as space is omnipresent, in all places,

material or immaterial, yet without either arriving or not arriving there, because space is incorporeal. In the same manner, Buddha is omnipresent, in all places, in all beings, in all things, in all lands, yet neither arriving nor not arriving there, because Buddha's body is incorporeal, manifesting a body for the sake of sentient beings. The second characteristic of the body of Buddha. Just as space is wide open, is not a form yet can reveal all forms, yet space is without discrimination or false description, so also is the body of Buddha like this, causing all beings' mundane and transmundane good works to be accomplished by illuminating all with the light of knowledge, yet without discrimination or false descriptions, having originally terminated all attachments and false descriptions. The third characteristic of the body of Buddha. When the sun comes out, infinite living beings all receive its benefits; it disperses the darkness and gives light, dries up moisture, causes plants and trees to grow, matures crops, permeates the sky, causes lotuses to bloom, allows travellers to see the road, allows people to do their work, because the orb of the sun radiates infinite beams of light everywhere. The sun of knowledge of Buddha is also like this, benefitting sentient beings everywhere by infinite works, destroying evil and producing good, breaking down ignorance and creating knowledge, benevolently saving, compassionately liberating, causing growth of faculties, powers, and elements of enlightenment, causing beings to develop profound faith, enabling them to see inevitable cause and effect, fostering in them the celestial eye to see where beings die and are born, causing their minds to be unimpeded and not destroy roots of goodness, causing them to cultivate illumination by knowledge and open the flower of awakening, causing them to determine to fulfill their fundamental task. Why? Because Buddhas' immense sun-body of knowledge and wisdom radiates infinite light, illuminating everywhere. The fourth characteristic of the body of Buddha. When the sun rises, first it lights up the highest mountains such as the Sumeru, then the lower mountains, then the high plateaus, and finally the whole land; but the sun does not think, "First I will illuminate here, afterward I will illuminate there." It is just because of difference in height of the mountains and land that there is a succession in illumination. The Buddha, similarly, having developed the boundless orb of knowledge

of the realm of reality, always radiating the light of unimpeded knowledge, first of all illumines the high mountains, which are the Great Enlightening Beings, then illumines those who are awakened by understanding of conditioning, then illumines those who listen to the message, then illumines sentient beings whose foundation of goodness are sure and stable, revealing vast knowledge according to beings' mental capacities, finally illumining all sentient beings, even reaching those who are fixated on error, to be a beneficial cause for the future, that they may develop to maturity. But the light of the sun of great knowledge of Buddha does not think, "I will first illumine the great deeds of Enlightening Beings and at the very last shine on sentient beings who are fixated on error." It just radiates the light, shining equally on all, without obstruction or impediment, without discrimination. Just as the sun moon appear in their time and impersonally shine on the mountains and valleys, so also does the knowledge of Buddha shine on all without discrimination, while the light of knowledge has various differences according to the differences in faculties and inclinations of sentient beings. The fifth characteristic of the body of Buddha. When the sun comes out, those born blind cannot see it, because they have no faculty of vision; yet even though they do not see it, they are benefitted by the light of the sun. Why? By this is possible to know the times of day and night, and to have access to food and clothing to comfort the body and free from distress. The sun of knowledge of Buddha is also like this; the blind without faith or understanding, immoral and heedless, sustaining themselves by wrong means of livelihood, do not see the orb of the sun of knowledge of the Buddha because they have no eye of faith, but even though they do not see it, they are still benefitted by the sun of knowledge. Why? Because by the power of Buddha it makes the causes of future suffering of those beings, physical pains and psychological afflictions, all vanish. The Buddha has various kinds of light to use as skillful means to save sentient beings. There is a light called accumulating all virtues; a light called total universal illumination; a light called pure, free illumination; a light called producing great, wondrous sound; a light called understanding all languages and gladdening others; a light called the realm of freedom showing the eternal cancellation of all doubts; a light called independent universal illumination of nondwelling knowledge; a

light called free knowledge forever terminating all false descriptions; a light called marvelous sayings according to need; and a light called producing free utterances adorning lands and maturing sentient beings. Each pore of the Buddha emits a thousand kinds of light like these five hundred lights beam downward, five hundred lights beam upward, illuminating the congregations of Enlightening Beings at the various places of the Buddhas in the various lands. When the Enlightening Beings see these lights, all at once they realize the realm of Buddhahood, with ten heads, ten eyes, ten ears, ten noses, ten tongues, ten bodies, ten hands, ten feet, ten stages, and ten knowledges, all thoroughly pure. The states and stages previously accomplished by those Enlightening Beings become more pure upon seeing these lights; their roots of goodness mature, and they proceed toward omniscience. Those in the two lesser vehicles have all their defilements removed. Some other beings, who are blind, their bodies blissful, also become purified in mind, gentle and docile, able to cultivate mindfulness and knowledge. The sentient beings in the realms of hells, hungry ghosts and animals all become blissful and are freed from pains, and when their lives end are reborn in heaven or the human world. Those sentient beings are not aware, do not know by what cause, by what spiritual power, they came to be born there. Those blind ones think, "We are Brahma gods, we are emanations of Brahma." Then Buddha in the concentration of universal freedom, says to them, "You are not Brahma gods, not emanations of Brahma, nor were you created by the king-god Indra or the world-guardian gods: all this is spiritual power of Buddha." Having heard this, those sentient beings, by the spiritual power of Buddha, all know their past life and become very happy. Because their hearts are joyful, they naturally produce clouds of udumbara flowers, clouds of fragrances, music, cloth, parasols, banners, pennants, aromatic powders, jewels, towers adorned with lion banners and crescents, clouds of song of praise, clouds of all kinds of adornments, and respectfully offer them to the Buddha. Why? Because these sentient beings have gained clear eyes, and therefore the Buddha gives them the prophecy of unexcelled, complete perfect enlightenment. In this way the Buddha's sun knowledge benefits sentient beings born blind, fostering the full development of basic goodness. The sixth characteristic of the body of Buddha. It is like the moon, with four

special extraordinary qualities, the characteristics of the body of Buddha similarly has four special extraordinary qualities. The moon outshines all the stars, the body of Buddha similarly outshines all hearers and Individual Illuminates, whether they are in the stage of learning or beyond learning. As time passes, the moon shows waning or waxing, but its original nature has no waning nor waxing. The body of the Buddha manifests different life spans according to the needs of the situation, yet the Buddha-body is neither increasing nor decreasing. The moon reflection appears in all clear waters. In the same manner, the reflection of the Buddha-body appears in all vessels of enlightenment, sentient beings with pure minds, in all worlds. All who see the moon see it right before them, yet the moon has no discrimination and no arbitrary conception. In the same manner, all sentient beings who behold the Buddha-body think the Buddha is in their presence alone. According to their inclinations, Buddha teaches them, liberating them according to their states, causing them to perceive the Buddha-body according to their needs and potentials for edification, yet the Buddha-body has no discrimination, no arbitrary conceptions; all benefits it renders reach the ultimate end. The seventh characteristic of the body of Buddha. Just as the supreme Brahma god of a billion-world universe simply manifests its body in the billion worlds, and all beings see Brahma before them, yet Brahma does not divide its body and does not have multiple bodies. In the same way the Buddhas have no discrimination, no false representations, and do not divide their bodies or have multiple bodies, yet they manifest their bodies in accord with the inclinations of all sentient beings, without thinking that they manifest so many bodies. The eighth characteristic of the body of Buddha. A master physician is well versed in all medications and the science of hypnosis, fully uses all the medicines in the land, and, also because of the power of the physician's past roots of goodness, and because of using hypnotic spells as an expedient, all those who see the physician recover from illness. That master physician, sensing impending death, thinks, "After I die, sentient beings will have no one to rely on; I should manifest an expedient for them." Then the master physician compounds drugs, which he smears on his body, and support his body by spell power, so that it will not decay or shrivel after death, so its bearing, seeing, and hearing will be no

different from before, and all cures will be effected. The Buddha, the Truly Enlightened One, the unexcelled master physician, is also like this, having developed and perfected the medicines of the Teaching over countless eons, having cultivated and learned all skills in application of means and fully consummated the power of illuminating spells, is able to quell all sentient beings' afflictions. Buddha's life spans measureless eons, the body pure, without any cognition, without activity, never ceasing the works of Buddhas; the afflictions of all sentient beings who see Buddha dissolve away. The Ninth characteristic of the body of Buddha. In the ocean there is a great jewel called radiant repository, in which are assembled all lights: if any sentient beings touch its light, they become assimilated to its color; if any see it, their eyes are purified; whenever the light shines it rains jewels called felicity that soothe and comfort beings. The body of Buddha is also like this, being a treasury of knowledge in which are collected all virtues: if any sentient beings come in contact with the light of precious knowledge of the body of Buddha, they become the same as Buddha in appearance; if any see it their eye of reality is purified; wherever that light shines, it frees sentient beings from the miseries of poverty and ultimately imbues them with the bliss of enlightenment, but can perform great Buddha-works for all sentient beings. The tenth characteristic of the body of Buddha. In the ocean is a great wish-fulfilling jewel called treasury of adornments of all worlds, fully endowed with a million qualities, eliminating calamities and fulfilling wishes of beings wherever it is. However, this jewel cannot be seen by beings of little merit. The supreme wish-fulfilling jewel of the body of Buddha is also like this; called able to gladden all beings, if any sentient beings see the body of Buddha, hear the name, and praise the virtues, they will all be enabled to escape forever the pains and ills of birth and death. Even if all beings in all worlds focus their minds all at once on the desire to see Buddha, they will all be enabled to see and their wish will be fulfilled. The Buddha-body cannot be seen by sentient beings of little merit unless they can be tamed by the spiritual power of Buddha; if sentient beings, because of seeing the body of Buddha, plant roots of goodness and develop them, they are enabled to see the body of Buddha for their development. Great enlightening beings should see it thus, because their minds are



measureless, pervading the ten directions, because their actions are as unhindered as space, because they penetrate everywhere in the realm of reality, because they abide in the absolute truth, because they have no birth or death, because they remain equal throughout past, present, and future, because they are forever rid of all false discriminations, because they continue their eternal vows, because they purify all worlds, because they adorn each Buddha-body.



**Chương Năm**  
**Chapter Five**

**Ứng Thân Như Lai**

Theo Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Sáu, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã bạch trước Phật về ba mươi hai ứng thân của ngài như sau: “Bạch Thế Tôn! Bởi tôi cúng dường Đức Quán Thế Âm Như Lai, nhờ Phật dạy bảo cho tôi tu pháp ‘Như huyễn văn huân văn tu kim cương tam muội’ với Phật đồng một từ lực, khiến tôi thân thành 32 ứng, vào các quốc độ.” Ba mươi hai ứng thân diệu tịnh, vào các quốc độ, đều do các pháp tam muội văn huân, văn tu, sức nhiệm mầu hình như không làm gì, tùy duyên ứng cảm, tự tại thành tựu. *Ứng thân thứ nhất*, nếu có Bồ Tát vào tam ma địa, tinh tấn tu vô lậu, mà muốn được thành tựu, tôi sẽ hiện Phật thân vì họ nói pháp, khiến họ được giải thoát. *Ứng thân thứ hai*, nếu có hàng hữu học cầu đạo tịch tịnh diệu minh, mà muốn được thành tựu, tôi sẽ hiện thân độc giác, vì họ nói pháp khiến họ được giải thoát. *Ứng thân thứ ba*, nếu có hàng hữu học cầu đoạn 12 nhân duyên, các duyên đoạn, thắng tính hiện ra tròn đầy, tôi sẽ hiện thân Duyên Giác trước người đó nói pháp, khiến được giải thoát. *Ứng thân thứ tư*, nếu có hàng hữu học cầu chứng tính không của tứ đế, tu đạo nhập diệt, thắng tính hiện ra tròn đầy, tôi sẽ hiện thân Thanh Văn trước người đó nói pháp, khiến được giải thoát. *Ứng thân thứ năm*, nếu có chúng sanh nào tỏ biết lòng dâm dục, không phạm tới bụi nhơ của dâm dục, thân trở nên thanh tịnh, tôi sẽ hiện thân Phạm Thiên trước người đó nói pháp, khiến được giải thoát. *Ứng thân thứ sáu*, nếu có chúng sanh muốn làm Thiên Chủ thống lĩnh chư Thiên, tôi sẽ hiện thân Đế Thích trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ bảy*, nếu có chúng sanh muốn được thân Tự Tại bay đi chơi mười phương, tôi sẽ hiện thân Trời Tự Tại nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ tám*, nếu có chúng sanh muốn được Tự Tại bay đi giữa hư không, tôi sẽ hiện thân Trời Đại Tự Tại trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ chín*, nếu có chúng sanh muốn thống lĩnh các quỷ thần, cứu họ các cõi nước, tôi sẽ hiện thân Trời Đại Tướng Quân trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ mười*, nếu có chúng sanh muốn thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sanh, tôi sẽ hiện thân Tứ Thiên Vương trước người đó nói pháp, khiến

được thành tựu. *Ứng thân thứ mười một*, nếu có chúng sanh muốn sinh về cung Trời, sai khiến quỷ thần, tôi sẽ hiện thân Thái Tử của Tứ Thiên Vương trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ mười hai*, nếu có chúng sanh ưa làm vua cõi người, tôi sẽ hiện thân Nhân Vương trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ mười ba*, nếu có chúng sanh ưa làm chủ các dòng quý tộc, được mọi người tôn nhường, tôi sẽ hiện thân Trưởng Giả trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ mười bốn*, nếu có chúng sanh ưa nói chuyện đạo lý, sống đời trong sạch, tôi sẽ hiện thân Cư Sĩ trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ mười lăm*, nếu có chúng sanh ưa quản trị quốc độ, coi công việc bang ấp, tôi sẽ hiện thân Tế Quan trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ mười sáu*, nếu có chúng sanh ưa thuật số, thích triết lý, tôi sẽ hiện thân Bà La Môn trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ mười bảy*, nếu có vị nam tử nào ưa học pháp xuất gia, giữ gìn giới luật, tôi sẽ hiện thân Tỳ Kheo trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ mười tám*, nếu có vị nữ nhân nào ưa học pháp xuất gia, giữ gìn giới cấm, tôi sẽ hiện thân Tỳ Kheo Ni trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ mười chín*, nếu có vị thiện nam nào muốn giữ năm giới, tôi sẽ hiện thân cư sĩ trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi*, nếu có vị nữ nhân nào muốn giữ năm giới, tôi sẽ hiện thân nữ cư sĩ trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi một*, nếu có người đàn bà nào muốn lập thân cầm quyền trong gia đình, tôi sẽ hiện thân nữ chủ, phu nhân, mệnh phụ, đại gia trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi hai*, nếu có chúng sanh nào muốn giữ trong sạch, không từng dâm dục, tôi sẽ hiện thân đồng nam trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi ba*, nếu có người con gái nào muốn giữ mãi trinh tiết, tôi sẽ hiện thân đồng nữ trước người đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi bốn*, nếu có vị Trời nào thích ra khỏi cảnh Trời, tôi sẽ hiện thân Trời, vì vị đó nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi lăm*, nếu có vị Rồng nào thích ra khỏi loài đó, tôi sẽ hiện thân Rồng mà nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi sáu*, nếu có loài Dực Xoa nào muốn ra khỏi loài ấy, tôi sẽ hiện thân Dực Xoa mà nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi bảy*, nếu có loài Càn Thát Bà nào muốn ra khỏi loài ấy, tôi sẽ hiện

thân Càn Thất Bà nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi tám*, nếu có vị A Tu La nào muốn ra khỏi loài ấy, tôi sẽ hiện thân A Tu La nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ hai mươi chín*, nếu có vị Khẩn Na La nào muốn ra khỏi loài ấy, tôi sẽ hiện thân Khẩn Na La nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ ba mươi*, nếu có vị Ma Hầu La Già nào muốn ra khỏi loài ấy, tôi sẽ hiện thân Ma Hầu La Già nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ ba mươi mốt*, nếu có người ưa ở cõi người, tôi sẽ hiện thân người nói pháp, khiến được thành tựu. *Ứng thân thứ ba mươi hai*, nếu có loài không phải người, hoặc hữu hình, hoặc vô hình, hoặc có tướng, hoặc không tướng, muốn thoát khỏi cõi của họ, tôi sẽ hiện giống họ mà nói pháp, khiến được thành tựu.

### ***Tathagata's Response Bodies***

According to The Surangama Sutra, book Six, Avalokitesvara Bodhisattva vowed in front of the Buddha about his thirty-two response bodies as follows: “World Honored One, because I served and made offerings to the Thus Come One, Kuan Yin, I received from that Thus Come One a transmission of the vajra samadhi of all being like an illusion as one becomes permeated with hearing and cultivates hearing. Because I gained a power of compassion identical with that of all Buddhas, the Thus Come Ones, I became accomplished in thirty-two response-bodies and entered all lands.” The wonderful purity of thirty-two response-bodies, by which one enters into all lands and accomplishes self-mastery by means of samadhi of becoming permeated with hearing and cultivating hearing and by means of the miraculous strength of effortlessness. *First*, if there are Bodhisattvas who enter samadhi and vigorously cultivate the extinction of outflows, who have superior understanding and manifest perfected penetration, I will appear in the body of a Buddha and speak Dharma for them, causing them to attain liberation. *Second*, if there those who are studying, who are tranquil and have wonderful clarity, who are superior and miraculous and manifest perfection, I will appear before them in the body of a solitarily enlightened one and speak Dharma for them, causing them to attain liberation. *Third*, if there are those who are studying, who have severed the twelve causal conditions, and, having

severed the conditions, reveal a supreme nature, and who are superior and wonderful and manifest perfection, I will appear before them in the body of one enlightened to conditions and speak Dharma for them, causing them to attain liberation. *Fourth*, if there are those who are studying, who have attained the emptiness of the four truths, and cultivating the Way, have entered extinction, and have a superior nature and manifest perfection, I will appear before them in the body of a Sound-Hearer and speak Dharma for them, causing them to attain liberation. *Fifth*, if there are living beings who wish to have their minds be clear and awakened, who do not engage in mundane desires and wish to purify their bodies, I will appear before them in the body of a Brahma King and speak Dharma for them, causing them to attain liberation. *Sixth*, if there are living beings who wish to be the Heavenly Lord, leader of Heavenly beings, I will appear before them in the body of a Shakra and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Seventh*, if living beings wish to attain physical self-mastery and to roam throughout the ten directions, I will appear before them in the body of a god from the Heaven of Self-Mastery and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Eighth*, if there are living beings who wish to attain physical self-mastery and fly through space, I will appear before them in the body of a god from the Heaven of Great Self-Mastery and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Ninth*, if there are living beings who are fond of ruling over ghosts and spirits in order to rescue and protect their country, I will appear before them in the body of a great Heavenly General and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Tenth*, if there are living beings who like to govern the world in order to protect living beings, I will appear before them in the body of one of the Four Heavenly Kings and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Eleventh*, if there are living beings who enjoy being born in the Heavenly palaces and to command ghosts and spirits, I will appear before them in the body of a Prince from the kingdoms of the Four Heavenly Kings and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twelfth*, if there are living beings who would like to be kings of people, I will appear before them in the body of a human king and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Thirteenth*, if there are living beings

who enjoy being heads of households, whom those of the world venerate and yield to, I will appear before them in the body of an elder and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Fourteenth*, if there are living beings who delight in discussing the classics and who keep themselves lofty and pure, I will appear before them in the body of an upasaka and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Fifteenth*, if there are living beings who enjoy governing the country and who can handle matters of state decisively, I will appear before them in the body of an official and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Sixteenth*, if there are living beings who like reckoning and incantation and who wish to guard and protect themselves, I will appear before them in the body of a Brahman and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Seventeenth*, if there are men who want to leave the home-life and uphold the precepts and rules, I will appear before them in the body of a Bhikshu and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Eighteenth*, if there are women who would like to leave the home-life and hold the pure precepts, I will appear before them in the body of a Bhikshuni and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Nineteenth*, if there are men who want to uphold the five precepts, I will appear before them in the body of an upasaka and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twentieth*, if there are women who wish to base themselves in the five precepts, I will appear before them in the body of an upasika and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twenty-first*, if there are women who govern internal affairs of household or country, I will appear before them in the body of a queen, first lady, or noblewoman and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twenty-second*, if there are virgin lads, I will appear before them in the body of a pure youth and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twenty-third*, if there are maidens who want to remain virgins and do not wish to marry, I will appear before them in the body of a gracious lady and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twenty-fourth*, if there are Heavenly beings who wish to escape their Heavenly destiny, I will appear before them in the body of a god and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish.

*Twenty-fifth*, if there are dragons who want to quit their lot of being dragons, I will appear before them in the body of a dragon and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twenty-sixth*, if there are Yakshas who want to get out of their present fate, I will appear before them in the body of a Yaksha and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twenty-seventh*, if there are Gandharvas who wish to be freed from their destiny, I will appear before them in the body of a Gandharva and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twenty-eighth*, if there are Asuras who wish to be liberated from their destiny, I will appear before them in the body of an Asura and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Twenty-ninth*, if there are Kinnaras who wish to transcend their fate, I will appear before them in the body of a Kinnara and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Thirtieth*, if there are Mahoragas who wish to be freed from their destiny, I will appear before them in the body of a Mahoraga and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Thirty-first*, if there are living beings who like being people and want to continue to be people, I will appear before them in the body of a person and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish. *Thirty-second*, if there are non-humans, whether with form or without form, whether with thought or without thought, who long to be freed from their destiny, I will appear before them in a body like theirs and speak Dharma for them, enabling them to accomplish their wish.



## *Chương Sáu* *Chapter Six*

### *Pháp Thân Như Lai*

#### ***I. Tổng Quan Về Pháp Thân:***

Pháp thân là cái thân của Pháp, theo đó Dharma có nghĩa là phép tắc, tổ chức, cơ cấu, hoặc nguyên lý điều hành. Nhưng chữ Dharma còn có nhiều nghĩa sâu xa hơn, nhất là khi ghép với chữ Kaya thành Dharmakaya. Nó gợi lên một cá thể, một tánh cách người. Chân lý tối cao của đạo Phật không phải chỉ là một khái niệm trừu tượng như vậy, trái lại nó sống động với tất cả ý nghĩa, thông suốt, và minh mẫn, và nhất là với tình thương thuần túy, gột sạch tất cả bệnh tật và bợn nhơ của con người. Trong đạo Phật, Thân Pháp là thân lìa hẳn thọ sanh các loài, vì đây là thân Phật tuyệt đối (cuối cùng). Trong giáo thuyết nhà Phật, Chân Như là thể của pháp thân. Chân Như có hai nghĩa bất biến và tùy duyên. Theo nghĩa tùy duyên mà bị ràng buộc với các duyên nhiễm và tịnh để biến sanh ra y báo và chánh báo trong thập giới (pháp thân trôi chảy trong dòng chúng sanh). Theo Thiền Sư D.T. Suzuki trong Cốt Tủy Đạo Phật, Pháp Thân không có trí và bi. Pháp thân tự nó là trí hoặc là bi, tùy lúc ta cần nhấn mạnh ở mặt này hay mặt khác. Nếu ta hình dung Pháp thân như hình ảnh hoặc phản ảnh của chính ta sẵn có về con người là chúng ta lầm. Pháp thân không hề có thứ thân nào nương tựa như vậy. Pháp Thân là Tâm, là miếng đất của hành động, tại đó bi và trí hòa đồng trong nhau, chuyển hóa cái này thành cái kia, và gây thành nguồn năng lực kích động thế giới giác quan và tri thức. Cũng theo Thiền sư D.T. Suzuki trong Nghiên Cứu Kinh Lăng Già, ý niệm về Pháp thân không phải không có trong Kinh Lăng Già; tuy nhiên, ý niệm ấy không được dùng theo ý nghĩa pháp thân của học thuyết Tam Thân. Lăng Già nói đến Pháp Thân Như Lai, đến Pháp Thân bất khả tư nghì, và đến Pháp thân như là Ý sinh thân.

#### ***II. Thể Tánh Của Pháp Thân:***

Trong Tiểu Thừa, Phật tánh là cái gì tuyệt đối, không thể nghĩ bàn, không thể nói về lý tánh, mà chỉ nói về ngũ phần pháp thân hay ngũ phần công đức của giới, định, tuệ, giải thoát, và giải thoát tri kiến. Đại Thừa Tam Luận Tông của Ngài Long Thọ lấy thực tướng làm pháp

thân. Thực tướng là lý không, là chân không, là vô tướng, mà chứa đựng tất cả các pháp. Đây là thể tính của pháp thân. Pháp Tướng Tông hay Duy Thức Tông định nghĩa pháp thân thể tính như sau: Pháp thân có đủ ba thân và Pháp thân trong ba thân. Nhất Thừa Tông của Hoa Nghiêm và Thiên Thai thì cho rằng “Pháp Thân” là chân như, là lý và trí bất khả phân. Chân Ngôn Tông thì lấy lục đại làm Pháp Thân Thể Tính. Thứ nhất là Lý Pháp Thân: Lấy ngũ đại (đất, nước, lửa, gió, hư không) làm trí hay căn bản pháp thân. Thứ nhì là Trí Pháp Thân: Lấy tâm làm Trí Pháp Thân.

### ***III. Tám Tánh Của Pháp Thân Như Lai:***

Theo Thiền sư D.T. Suzuki trong Nghiên Cứu Kinh Lăng Già, ý niệm về Pháp thân không phải không có trong Kinh Lăng Già; tuy nhiên, ý niệm ấy không được dùng theo ý nghĩa pháp thân của học thuyết Tam Thân. Lăng Già nói đến Pháp Thân Như Lai, đến Pháp Thân bất khả tư nghì, và đến Pháp thân như là Ý sinh thân. Pháp thân ấy có tám đặc tính như sau: *Pháp tánh thứ nhất:* Ở chỗ nào mà sự đạt Như Lai thân trong các cõi trời được nói đến như là kết quả của sự hiểu biết những chân lý tâm linh tối thượng thuộc Phật giáo Đại Thừa, thì tại đấy Pháp thân được dùng kèm với Như Lai như là một cái gì vượt khỏi bản chất của năm pháp, có được những thứ phát xuất từ Trí tuệ tối thượng (prajna), và chính nó an trụ trong cảnh giới của những tướng trạng huyền ảo (mayavishaya). Ở đây, chúng ta có thể xem tất cả từ Pháp thân, Như Lai thân, và Như Lai đồng nghĩa với nhau. *Pháp tánh thứ nhì:* Như Lai thân cũng được nói đến khi vị Bồ Tát đạt đến một hình thức thiền định nào đó mà nhờ đấy vị ấy thấy mình phù hợp với sự như như của các sự vật và những biến hóa của như như. Như Lai thân được thể chứng khi những hoạt động tâm linh của vị ấy vận hành một cách có điều kiện ngưng dứt và bấy giờ xảy ra một sự chuyển biến từ gốc trong tâm thức của vị ấy, thân không khác gì Pháp thân. *Pháp tánh thứ ba:* Khi vị Bồ Tát được mô tả như là được đăng quang giống như vị đại vương bởi tất cả chư Phật, vị ấy đã vượt khỏi Bồ Tát địa sau cùng thì bảo rằng vị ấy cuối cùng đã thể chứng Pháp thân. Cái thân này được định tính là “Tự Tại” (vasavartin) và được đồng nghĩa với Như Lai trong Phật giáo, tự tại được dùng trong nghĩa quyền năng tối thượng mà ý muốn là hành động vì không có gì ngăn chặn trong thể cách điều ngự của quyền năng ấy. Pháp thân ở đây có thể đồng nhất

với Báo Thân, chi phần thứ hai của Tam thân. Ở đây vị Bồ Tát đang ngồi trên điện Liên Hoa được trang hoàng bằng đủ loại ngọc, được vây quanh bởi các Bồ Tát có phẩm chất tương tự và bởi tất cả chư Phật duỗi tay đón nhận. Hẳn không cần phải nói rằng vị Bồ Tát ở đây được miêu tả đã hiểu cái chân lý Đại Thừa rằng không có tự tánh trong các sự vật ở bên ngoài hay bên trong, và rằng vị ấy đang an trú trong sự thể chứng viên mãn được hiển lộ cho tâm thức của ngài ở chỗ thâm sâu nhất. *Pháp tánh thứ tư:* Ta còn thấy Pháp thân nối kết với những sản phẩm tinh thần đạt được trong một cảnh giới của cái tâm hoàn toàn thanh tịnh. Thuật ngữ này giờ đây đi kèm với “acintya,” bất khả tư nghì, cũng như với “vasavartin,” tự tại tính. *Pháp tánh thứ năm:* Ở chỗ nào mà tất cả chư Phật được nói đến như là cùng một tính chất hay bình đẳng tính (samata) theo bốn cách thì sự bình đẳng của Thân (kayasamata) được xem là một trong bốn cách ấy. Hết thủy chư Phật vốn là chư Như Lai, bậc Giác Ngộ, và A La Hán, đều chia sẻ tính chất bình đẳng về mặt Pháp thân và về sắc thân (rupakaya) của chư vị với ba mươi hai tướng hảo và tám mươi vẻ đẹp, trừ khi chư vị khoác lấy những hình tướng khác nhau trong những thế giới khác nhau để giữ cho hết thủy chúng sanh khéo tu tập. Ngoài cái Pháp thân được bàn đến một cách rõ ràng, chúng ta thấy có Báo Thân được long trọng hóa bằng tất cả những đặc trưng có tính cách vật lý của một con người thượng đẳng, và cả Hóa Thân, cái thân biến hóa, đáp ứng với những yêu cầu của các chúng sanh đang ở riêng trong cảnh giới của họ. *Pháp tánh thứ sáu:* Bất sinh (anutpada) được bảo là một tên khác nữa của Pháp Thân do ý sinh của Như Lai (Như Lai Ý Thành Pháp Thân). Manomaya có nghĩa là được tạo thành do ý muốn, và như đã được giải thích, một vị Bồ Tát có thể mang nhiều hình tướng khác nhau tùy theo ý muốn của ngài, thật dễ dàng như người ta dùng ý nghĩ vượt qua hay vượt lên trên mọi thứ trở ngại vật lý. Thế thì có phải cái Pháp Thân do ý sanh không nhằm chỉ cái Pháp Thân trong chính nó mà chỉ là cái Pháp thân trong liên hệ của nó với một thế giới đa phức ở đấy nó có thể mang những hình tướng mà nó muốn tùy theo hoàn cảnh hay không? Trong trường hợp Pháp thân được định tính như thế thì nó không khác gì Hóa Thân. Cho nên chúng ta còn đọc thấy rằng những danh xưng khác của Như Lai là rất nhiều trong thế giới này, thế nhưng các chúng sanh không thể nhận ra được, ngay cả khi họ nghe được cái danh xưng ấy. *Pháp tánh thứ bảy:* Pháp thân của Như Lai sánh với tính chất bất diệt

của cát sông Hằng là thứ bao giờ cũng vẫn giữ nguyên như thế khi chúng bị bỏ vào lửa. Xa hơn nữa, Kinh Lăng Già bản dịch thời nhà Đường còn cho rằng Pháp thân không có thân thể nào cả, vì lý do ấy nên nó không bao giờ bị hủy diệt. Trong Lăng Già bản Phạn, Pháp thân là xá lợi (sirira hay sariravat), chứ không phải là Dharmakaya, nhưng theo văn bản thì “Sarira” đồng nghĩa với “Dharmakaya.” Trong Phật giáo, xá lợi là một cái gì rắn chắc và không thể bị hủy hoại được sau khi một thi thể bị đốt cháy, và người ta nghĩ rằng chỉ có các Thánh nhân mới để lại xá lợi mà thôi. Quan niệm này có lẽ phát sinh từ sự suy diễn rằng Pháp thân vẫn sống mãi và tạo thành bản chất tinh linh của Phật tính. *Pháp tánh thứ tám*: Cát sông Hằng, Phật tính của Đức Phật (Buddhasyabuddhatah) thay vì Pháp thân được làm chủ thể so sánh với cát là những thứ thoát khỏi mọi sai lầm vốn có trong các sự vật tương đối. Chắc chắn rằng Pháp tính cũng có nghĩa là Pháp thân của Như Lai, chỉ khác nhau về cách được gán cho mà thôi.

### *Dharmakaya*

#### *I. An Overview of Dharmakaya:*

Dharmakaya (Body of dharma or Dharma-Body) is usually rendered “Law-body” or “Truth-body” where Dharma is understood in the sense of of “law,” “organization,” “systematization,” or “regulative principle.” But really in Buddhism, Dharma has a very much more comprehensive meaning. Especially when Dharma is coupled with Kaya. Dharmakaya implies the notion of personality. The highest reality is not a mere abstraction, it is very much alive with sense and awareness and intelligence, and, above all, with love purged of human infirmities and defilements. In Buddhism, the body of reality, being forever free from undergoing birth in conditioned states, for this is the absolute Buddha or essence of all life. In Buddhist teachings, Dharmakaya in its phenomenal character, conceived as becoming, as expressing itself in the stream of being. According to Zen Master D.T. Suzuki in the *Essence of Buddhism*, the Dharmakaya is not the owner of wisdom and compassion, he is the Wisdom or the Compassion, as either phase of his being is emphasized for some special reason. We shall miss the point entirely if we take him as somewhat resembling or reflecting the human conception of man. He has no body in the sense

we have a human body. He is spirit, he is the field of action, if we can use this form of expression, where wisdom and compassion are fused together, are transformed into each other, and become the principle of vitality in the world of sense-intellect. Also according to Zen Master D.T. Suzuki in the “Studies In The Lankavatara Sutra,” the idea of Dharmakaya is not wanting in the Lankavatara Sutra, and that it is used not in the same of the Dharmakaya of the Triple Body dogma. The Lankavatara Sutra speaks of the Tathagata’s Dharmakaya of the Inconceivable Dharmakaya, and of Dharmakaya as will-body.

## ***II. The Embodiment or Totality, or Nature of the Dharmakaya:***

In Hinayana the Buddha-nature in its absolute side is described as not discussed, being synonymous with the five divisions of the commandments, meditation, wisdom, release, and doctrine. The Madhyamika School of Nagarjuna defines the absolute or ultimate reality as the formless which contains all forms, the essence of being, the noumenon of the other two manifestations of the Triratna. The Dharmalaksana School defines the nature of the dharmakaya as: The nature or essence of the whole Triratna and the particular form of the Dharma in that trinity. The One-Vehicle Schools represented by the Hua-Yen and T’ien-T’ai sects, consider the nature of the dharmakaya to be the Bhutatathata, noumenon and wisdom being one and undivided. The Shingon sect takes the six elements as the nature of dharmakaya: First, takes the six elements (earth, water, fire, air, space) as noumenon or fundamental Dharmakaya. Second, takes mind (intelligence or knowledge) as the wisdom dharmakaya.

## ***III. Eight Nature of Dharmakaya:***

According to Zen Master D.T. Suzuki in the “Studies In The Lankavatara Sutra,” the idea of Dharmakaya is not wanting in the Lankavatara Sutra, and that it is used not in the same of the Dharmakaya of the Triple Body dogma. The Lankavatara Sutra speaks of the Tathagata’s Dharmakaya of the Inconceivable Dharmakaya, and of Dharmakaya as will-body. That Tathagata’s Dharmakaya has eight special natures as follows: *The first nature of Dharmakaya*, where the attainment of the Tathagata’s Dharmakaya in the heavens is spoken of as the result of the understanding of the highest spiritual truths belonging to

Mahayana Buddhism, Dharmakaya is used in apposition with Tathagata as something that transcends the nature of the five Dharmas, being furnished with things issuing from the highest knowledge, and itself abiding in the realm of magical appearances. Here we may consider all these terms synonymous, Dharmakaya, Tathagatakaya, and Tathagata. *The second nature of Dharmakaya*, Tathagatakaya is referred to also when the Bodhisattva attains to a certain form of meditation whereby he finds himself in accord with the suchness of things and its transformations. The Tathagatakaya is realized when all his mental activities conditionally working are extinguished and there takes place a radical revolution in his consciousness. The kaya is no less than the Dharmakaya. *The third nature of Dharmakaya*, when the Bodhisattva is described as being anointed like a great sovereign by all the Buddhas as he goes beyond the final stage of Bodhisattvaship, mention is made of Dharmakaya which he will finally realize. This kaya is characterized as “vasavartin” and made synonymous with Tathagata. In Buddhism “vasavartin” is used in the sense of supreme sovereignty whose will is deed since there is nothing standing in the way of its rule. The Dharmakaya may here be identified with Sambhogakaya, the second member of the Trikaya. Here the Bodhisattva is sitting in the Lotus Palace decorated with gems of all sorts, surrounded by Bodhisattvas of similar qualifications and also by all the Buddhas whose hands are extended to receive the Bodhisattva here. It goes without saying that the Bodhisattva here described has comprehended the Mahayana truth that there is no self-substance in objects external or internal, and that he is abiding in the full realization of the truth most inwardly revealed to his consciousness. *The fourth nature of Dharmakaya*, Dharmakaya is found again in connection with the moral provisions obtainable in a realm of pure spirituality. The term is now coupled with “acintya,” inconceivable, as well as with “vasavartita.” *The fifth nature of Dharmakaya*, where all the Buddhas are spoken of as the same character in four ways, the sameness of the body is regarded as one of them. All the Buddhas who are Tathagatas, the Enlightened Ones, and the Arhats, shared the nature of sameness as regards the Dharmakaya and their material body with the thirty-two marks and the eighty minor ones, except when they assume different forms in different worlds to keep all beings in good discipline. Besides

the Dharmakaya expressly referred to, we have also Sambhogakaya solemnized with all the physical features of a superior man; and also the Nirmanakaya, the Body of Transformation, in response to the needs of sentient beings who are inhabiting each in his own realm of existence. *The sixth nature of Dharmakaya*, no-birth is said to be another name for the Tathagata's Manomaya-dharmakaya. Manomaya is "will-made" and as is explained elsewhere a Bodhisattva is able to assume a variety of forms according to his wishes just as easily as one can in thought pass through or over all kinds of physical obstructions. Does then the "Dharmakaya will-made" mean, not the Dharmakaya in itself, but the Dharmakaya in its relation to a world of multitudinousness where it may take any forms it likes according to condition? In this case the Dharmakaya thus qualified is no other than the Nirmanakaya. So we read further that the Tathagata's other names are a legion in this world only that sentient beings fail to recognize them even when they hear them. *The seventh nature of Dharmakaya*, the Tathagata's Dharmakaya is compared to the indestructibility of the sands of the Ganges which remain ever the same when they are put in fire. Further down, the T'ang translation speaks of the Dharmakaya having no body whatever, and for that reason it is never subject to destruction. In the Sanskrit text the corresponding term is "sarira" or "sariravat," and not Dharmakaya, but from the context we can judge that "sarira" is here used synonymously with Dharmakaya. In Buddhism "sarira" is something solid and indestructible that is left behind when the dead body is consumed in fire, and it was thought that only holy men leave such indestructible substance behind. This conception is probably after an analogy of Dharmakaya forever living and constituting the spiritual substance of Buddhahood. *The eighth nature of Dharmakaya*, the sands of the Ganges, the Buddha's Buddhahood instead of Dharmakaya is made the subject of comparison to the sands which are free from all possible faults inherent in things relative. There is no doubt that the Buddhata too means the Dharmakaya of the Tathagata, only differently designated.





## *Chương Bảy* *Chapter Seven*

### *Các Đấng Như Lai Trong Phật Giáo*

#### *I. Bảy Đấng Như Lai Thời Quá Khứ:*

*1) Bảy Đấng Như Lai Theo Truyền Thống Phật Giáo Nguyên Sơ:*  
Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không phải là vị Phật duy nhất, mà là một trong nhiều Đức Phật đã từng xuất hiện ở thế giới này trong nhiều kiếp. Sự hiểu biết về những vị Phật không được ghi nhận trong lịch sử dường như ngày càng gia tăng theo thời gian. Tuy nhiên, theo truyền thuyết Phật giáo, nguyên thủy có bảy vị Phật tất cả. *a) Ba vị Phật trong thời quá khứ Trang Nghiêm Kiếp:* Thứ nhất là Tỳ Bà Thi Phật: Tên của vị Phật đầu tiên trong bảy vị cổ Phật, mà Đức Thích Ca Mâu Ni là vị thứ bảy (Thắng Quan, Chủng Chủng Quan, Chủng Chủng Kiến. Hồi 91 kiếp sơ trước Hiền Kiếp, có vị Phật tên là Tỳ Bà Thi). Thứ nhì là Thi Khí Phật: Vị Phật thứ 999 của kiếp cuối cùng mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã từng gặp. Vị Phật thứ hai trong bảy vị Phật quá khứ, sanh tại Quang Tướng Thành. Thứ ba là Tỳ Xá Phù Phật: Trong Kinh Trường A Hàm, Tỳ Xá Phù là Đức Phật thứ 1000 trong kiếp trước, vị Phật thứ ba trong bảy vị cổ Phật, bậc đã hai lần độ được 130.000 người. *b) Bốn vị Phật trong thời Hiền Kiếp:* Thứ tư là Ca-la-tôn (Câu Lưu Tôn) Phật: Vị Phật thứ nhất trong các vị Phật trong (1000 vị Phật) Hiền kiếp, vị Phật thứ tư trong bảy vị cổ Phật. Theo Kinh Địa Tạng Bồ Tát, phẩm thứ chín, về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Câu Lưu Tôn Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật đây, chí tâm chiêm ngưỡng lễ bái, hoặc tán thán, người này nơi pháp hội của một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp làm vị Đại Phạm Vương, đặng Phật thọ ký đạo Vô thượng cho. Thứ năm là Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai: Còn gọi là Ca Na Già Mâu Ni hay Cát Nặc Già Mâu Ni. Vị Phật thứ hai trong năm vị Phật Hiền kiếp, vị Phật thứ năm trong bảy vị Phật quá khứ. Thứ sáu là Ca Diếp Như Lai: Phật Ca Diếp là vị Phật thứ ba trong năm vị Phật hiền kiếp, là vị Phật thứ sáu trong bảy vị Phật thời cổ. Thứ bảy là Thích Ca Mâu Ni Như Lai: Đức Phật Lịch Sử là đấng đã hoàn toàn đạt tới Chánh đẳng Chánh giác. Vì thiếu thông tin và sự kiện cụ thể chính xác nên bây giờ chúng ta không có niên đại chính xác liên quan đến cuộc đời của Đức Phật. Người Ấn Độ,

nhất là những người dân ở vùng Bắc Ấn, thì cho rằng Đức Phật nhập diệt khoảng 100 năm trước thời vua A Dục. Tuy nhiên, các học giả cận đại đều đồng ý rằng Ngài đã được đản sanh vào khoảng hậu bán thế kỷ thứ bảy trước Tây lịch và nhập diệt 80 năm sau đó. Phật là Đấng Chánh Biến Tri, đản sanh vào năm 623 trước Tây lịch, tại miền bắc Ấn Độ, bây giờ là xứ Népal, một nước nằm ven sườn dãy Hy Mã Lạp Sơn, trong vườn Lâm Tỳ Ni trong thành Ca Tỳ la Vệ, vào một ngày trăng tròn tháng tư. Cách đây gần 26 thế kỷ dòng họ Thích Ca là một bộ tộc kiêu hùng của dòng Sát Đế Lợi trong vùng đồi núi Hy Mã Lạp Sơn. Tên hoàng tộc của Ngài là Siddhartha, và họ của Ngài là Gautama, thuộc gia đình danh tiếng Okkaka của thị tộc Thái Dương. Dòng họ này có một đức vua hiền đức là vua Tịnh Phạn, dựng kinh đô ở Ca Tỳ La Vệ, vị chánh cung của đức vua này là hoàng hậu Ma Gia. Khi sắp lâm bồn, theo phong tục thời ấy, hoàng hậu xin phép đức vua trở về nhà song thân mình ở một kinh thành khác, đó là Devadaha để sanh nở. Giữa đường hoàng hậu muốn nghỉ ngơi trong vườn Lâm Tỳ Ni, một khu vườn tỏa ngát hương hoa, trong lúc ong bướm bay lượn và chim muông đủ sắc màu ca hát như thể vạn vật đều sẵn sàng chào đón hoàng hậu. Vừa lúc bà đứng dưới một tàng cây sala đầy hoa và vin lấy một cành đầy hoa, bà liền hạ sanh một hoàng tử, là người sau này trở thành Đức Phật Cô Đàm. Đó là ngày rằm tháng tư năm 623 trước Tây lịch. Vào ngày lễ đặt tên, nhiều vị Bà La Môn thông thái được mời đến hoàng cung. Một ẩn sĩ tên A Tư Đà tâu với vua Tịnh Phạn rằng sẽ có hai con đường mở ra cho thái tử: một là thái tử sẽ trở thành vị Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc thái tử sẽ xuất thế gian để trở thành một Bậc Đại Giác. A Tư Đà đặt tên thái tử là Sĩ Đạt Đa, nghĩa là “người đạt được ước nguyện.” Thoạt tiên đức vua hài lòng khi nghe điều này, nhưng về sau ngài lo ngại về lời tiên đoán rằng thái tử sẽ xuất thế và trở thành một vị ẩn sĩ không nhà. Tuy nhiên hoan lạc liền theo bởi sâu bi, chỉ bảy ngày sau khi hoàng tử chào đời, hoàng hậu Ma Gia đột ngột từ trần. Thứ phi Ba Xà Ba Đề, cũng là em gái của hoàng hậu, đã trở thành người dưỡng mẫu tận tụy nuôi nấng thương yêu hoàng tử. Dù sống trong nhung lụa, nhưng tánh tình của thái tử thật nhân từ. Thái tử được giáo dục hoàn hảo cả kinh Vệ Đà lẫn võ nghệ. Một điều kỳ diệu đã xảy ra trong dịp lễ Hạ Điền vào thời thơ ấu của Đức Phật. Đó là kinh nghiệm tâm linh đầu đời mà sau này trong quá trình tìm cầu chân lý nó chính là đầu mối đưa ngài đến giác ngộ. Một

lần nhân ngày lễ Hạ Điền, nhà vua dẫn thái tử ra đồng và đặt thái tử ngồi dưới gốc cây đào cho các bà nữ mẫu chăm sóc. Bởi vì chính nhà vua phải tham gia vào lễ cày cấy, nên khi thái tử thấy phụ vương đang lái chiếc cày bằng vàng cùng với quần thần. Bên cạnh đó thái tử cũng thấy những con bò đang kéo lê những chiếc ách nặng nề và các bác nông phu đang nhể nhại mồ hôi với công việc đồng áng. Trong khi các nữ mẫu chạy ra ngoài nhập vào đám hội, chỉ còn lại một mình thái tử trong cảnh yên lặng. Mặc dù tuổi trẻ nhưng trí khôn của ngài đã khôn ngoan. Thái tử suy tư rất sâu sắc về cảnh tượng trên đến độ quên hết vạn vật xung quanh và ngài đã phát triển một trạng thái thiền định trước sự kinh ngạc của các nữ mẫu và phụ vương. Nhà vua rất tự hào về thái tử, song lúc nào ngài cũng nhớ đến lời tiên đoán của ẩn sĩ A Tư Đà. Ngài vây bao quanh thái tử bằng tất cả lạc thú và đám bạn trẻ cùng vui chơi, rất cẩn thận tránh cho thái tử không biết gì về sự đau khổ, buồn rầu và chết chóc. Khi thái tử được 16 tuổi vua Tịnh Phạn sắp xếp việc hôn nhân cho ngài với công chúa con vua Thiện Giác là nàng Da Du Đà La. Trước khi xuất gia, Ngài có một con trai là La Hầu La. Mặc dù sống đời nhung lụa, danh vọng, tiền tài, cung điện nguy nga, vợ đẹp con ngoan, ngài vẫn cảm thấy tù túng như cảnh chim lồng cá chậu. Một hôm nhân đi dạo ngoài bốn cửa thành, Thái tử trực tiếp thấy nhiều cảnh khổ đau của nhân loại, một ông già tóc bạc, răng rụng, mắt mờ, tai điếc, lưng còng, nường gậy mà lê bước xin ăn; một người bệnh nằm bên lề rên xiết đau đớn không cùng; một xác chết sinh chương, ruồi bu nhặng bám trông rất ghê tởm; một vị tu khổ hạnh với vẻ trầm tư mặc tưởng. Những cảnh tượng này làm cho Thái tử nhận chân ra đời là khổ. Cảnh vị tu hành khổ hạnh với vẻ thanh tịnh cho Thái tử một dấu chỉ đầu tiên trên bước đường tìm cầu chân lý là phải xuất gia. Khi trở về cung, Thái tử xin phép vua cha cho Ngài xuất gia làm Tăng sĩ nhưng bị vua cha từ chối. Dù vậy, Thái tử vẫn quyết chí tìm con đường tu hành để đạt được chân lý giải thoát cho mình và chúng sanh. Quyết định vô tiền khoáng hậu ấy làm cho Thái tử Sĩ Đạt Đa sau này trở thành vị giáo chủ khai sáng ra Đạo Phật. Năm 29 tuổi, một đêm Ngài dứt bỏ đời sống vương giả, cùng tên hầu cận là Xa Nặc thẳng yên cương cùng trốn ra khỏi cung, đi vào rừng sâu, xuất gia tầm đạo. Ban đầu, Thái tử đến với các danh sư tu khổ hạnh như Alara Kalama, Uddaka Ramaputta, những vị này sống một cách kham khổ, nhịn ăn nhịn uống, dãi nắng dầm mưa, hành thân hoại thể. Tuy nhiên ngài thấy

cách tu hành như thế không có hiệu quả, Ngài khuyên nên bỏ phương pháp ấy, nhưng họ không nghe. Thái tử bèn gia nhập nhóm năm người tu khổ hạnh và ngài đi tu tập nhiều nơi khác, nhưng đến đâu cũng thấy còn hẹp hòi thấp kém, không thể giải thoát con người hết khổ được. Thái tử tìm chốn tu tập một mình, quên ăn bỏ ngủ, thân hình mỗi ngày thêm một tiêu tụy, kiệt sức, nằm ngã trên cỏ, may được một cô gái chặn cừu đổ sữa cứu khỏi thân chết. Từ đó, Thái tử nhận thấy muốn tìm đạo có kết quả, cần phải bồi dưỡng thân thể cho khỏe mạnh. Sau sáu năm tầm đạo, sau lần Thái tử ngồi nhập định suốt 49 ngày đêm dưới cội Bồ Đề bên bờ sông Ni Liên tại Gaya để chiến đấu trong một trận cuối cùng với bóng tối si mê và dục vọng. Trong đêm thứ 49, lúc đầu hôm Thái tử chứng được túc mệnh minh, thấy rõ được tất cả khoảng đời quá khứ của mình trong tam giới; đến nửa đêm Ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy được tất cả bản thể và nguyên nhân cấu tạo của vũ trụ; lúc gần sáng Ngài chứng được Lưu tận minh, biết rõ nguồn gốc của khổ đau và phương pháp dứt trừ đau khổ để được giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Thái tử Sĩ Đạt Đa đã đạt thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngày thành đạo của Ngài tính theo âm lịch là ngày mồng tám tháng 12 trong lúc Sao Mai bắt đầu ló dạng. Đức Phật nói: “Ta không phải là vị Phật đầu tiên ở thế gian này, và cũng không phải là vị Phật cuối cùng. Khi thời điểm đến sẽ có một vị Phật giác ngộ ra đời, Ngài sẽ soi sáng chân lý như ta đã từng nói với chúng sanh.” Hai tháng sau khi thành đạo, Đức Phật giảng bài pháp đầu tiên là bài Chuyển Pháp Luân cho năm vị đã từng tu khổ hạnh với Ngài tại Vườn Nai thuộc thành Ba La Nại. Trong bài này, Đức Phật dạy: “Tránh hai cực đoan tham đắm dục lạc và khổ hạnh ép xác, Như Lai đã chứng ngộ Trung Đạo, con đường đưa đến an tịnh, thẳng trí, giác ngộ và Niết Bàn. Đây chính là Bát Thánh Đạo gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.” Kế đó Ngài giảng Tứ Diệu Đế hay Bốn Sự Thật Cao Thượng: “Khổ, nguyên nhân của Khổ, sự diệt khổ và con đường đưa đến sự diệt khổ.” Liền sau đó, tôn giả Kiều Trần Như chứng quả Dự Lưu và bốn vị còn lại xin được Đức Phật nhận vào hội chúng của Ngài. Sau đó Đức Phật giảng cho Yasa, một công tử vùng Ba La Nại và 54 người bạn khác của Yasa, tất cả những vị này đều trở thành các bậc A La hán. Với sáu mươi đệ tử đầu tiên, Đức Phật đã thiết lập Giáo Hội và Ngài đã dạy các đệ tử: “Ta đã thoát ly tất cả

các kiệt sử của cõi Trời người, chư vị cũng được thoát ly. Hãy ra đi, này các Tỳ Kheo, vì lợi ích cho mọi người, vì hạnh phúc cho mọi người, vì lòng bi mẫn thế gian, vì lợi ích, an lạc và hạnh phúc của chư Thiên và loài người. Hãy thuyết pháp hoàn thiện ở phần đầu, hoàn thiện ở phần giữa, hoàn thiện ở phần cuối, hoàn hảo cả về ý nghĩa lẫn ngôn từ. Hãy tuyên bố đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ và thanh tịnh.” Cùng với những lời này, Đức Phật đã truyền các đệ tử của Ngài đi vào thế gian. Chính Ngài cũng đi về hướng Ưu Lôu Tần Loa (Uruvela). Nơi đây Ngài đã nhận 30 thanh niên quý tộc vào Tăng Đoàn và giáo hóa ba anh em tôn giả Ca Diếp, chẳng bao lâu sau nhờ bài thuyết giảng về lửa thiêu đốt, các vị này đều chứng quả A La Hán. Sau đó Đức Phật đi đến thành Vương Xá (Rajagaha), thủ đô nước Ma Kiệt Đà (Magadha) để viếng thăm vua Tần Bà Sa La (Bimbisara). Sau khi cùng với quần thần nghe pháp, nhà vua đã chứng quả Dư Lưu và thành kính cúng dường Đức Phật ngôi Tịnh Xá Trúc Lâm, nơi Đức Phật và Tăng chúng cư trú trong một thời gian dài. Tại đây hai vị đại đệ tử Xá Lợi Phất (Sariputra) và Mục Kiền Liên (Maggallana) đã được nhận vào Thánh chúng. Tiếp đó Đức Phật trở về thành Ca Tỳ La Vệ và nhận con trai La Hầu La và em khác mẹ là Nan Đà vào Giáo Hội. Từ giả quê hương, Đức Phật trở lại thành Vương Xá và giáo hóa cho vị trưởng giả tên là Cấp Cô Độc. Nơi đây vị này đã dâng cúng Tịnh Xá Kỳ Viên. Từ sau khi đạt giác ngộ vào năm 35 tuổi cho đến khi Ngài nhập Niết Bàn vào năm 80 tuổi, Ngài thuyết giảng suốt những năm tháng đó. Chắc chắn Ngài phải là một trong những người nhiều nghị lực nhất chưa từng thấy: 45 năm trường Ngài giảng dạy ngày đêm, và chỉ ngủ khoảng hai giờ một ngày. Suốt 45 năm, Đức Phật truyền giảng đạo khắp nơi trên xứ Ấn Độ. Ngài kết nạp nhiều đệ tử, lập các đoàn Tăng Già, Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni, thách thức hệ thống giai cấp, giảng dạy tự do tín ngưỡng, đưa phụ nữ lên ngang hàng với nam giới, chỉ dạy con đường giải thoát cho dân chúng trên khắp các nẻo đường. Giáo pháp của Ngài rất đơn giản và đầy ý nghĩa cao cả, loại bỏ các điều xấu, làm các điều lành, thanh lọc thân tâm cho trong sạch. Ngài dạy phương pháp diệt trừ vô minh, đường lối tu hành để diệt khổ, xử dụng trí tuệ một cách tự do và khôn ngoan để có sự hiểu biết chân chánh. Đức Phật khuyên mọi người nên thực hành mười đức tính cao cả là từ bi, trí tuệ, xả, hỷ, giới, nghị lực, nhẫn nhục, chân thành, cương quyết, thiện ý và bình thản. Đức Phật chưa hề tuyên bố là Thần Thánh.

Người luôn công khai nói rằng bất cứ ai cũng có thể trở thành Phật nếu người ấy biết phát triển khả năng và dứt bỏ được vô minh. Khi giác hạnh đã viên mãn thì Đức Phật đã 80 tuổi. Đức Phật nhập Niết Bàn tại thành Câu Thi Na, để lại hàng triệu tín đồ trong đó có bà Da Du Đà La và La Hầu La, cũng như một kho tàng giáo lý kinh điển quý giá mà cho đến nay vẫn được xem là khuôn vàng thước ngọc. Nói tóm lại, có tám thời kỳ trong cuộc đời Đức Phật hay Bát Tướng Thành Đạo. Thứ nhất là Đâu Suất lai nghinh tướng (Xuống từ cung trời Đâu Suất). Thứ nhì là thuyết pháp cho chư thiên trên cung trời Đâu Suất. Thứ ba là nhập thai nơi Hoàng Hậu Ma Da. Thứ tư là tại vườn Lâm Tỳ Ni viên giáng sanh tướng. Thứ năm là du thành xuất gia tướng (xuất gia tu hành năm 29 tuổi). Thứ sáu là thành đạo sau 6 năm khổ hạnh (Bồ đề thọ hạ hàng ma Thành đạo tướng). Thứ bảy là tại Lộc dã Uyển chuyển Pháp luân tướng (Chuyển Pháp Luân và Thuyết pháp). Thứ tám là nhập diệt năm 80 tuổi.

## 2) *Bảy Đấng Như Lai Theo Truyền Thống Tịnh Độ:*

*Thứ nhất là A Di Đà Như Lai:* Đức Như Lai ngự tại Thiên Đường Tây Phương, cõi nước mà chúng sanh sanh vào chắc chắn sẽ đạt thành Phật quả trong một đời. Điều kiện tu tập trong cõi thiên đường này là tốt nhất cho những ai tu tập Phật pháp, y theo những lời nguyện đời trước của Đức Phật A Di Đà. Ngày vía Đức Phật A Di Đà là ngày mười lăm trong tháng. *Thứ nhì là Cam Lộ Vương Như Lai:* Đức Như Lai ngự trị tại tầng trời có ánh sáng vô lượng, trời Vô Lượng Quang Thiên trong cõi trời Phạm Phụ thứ năm. Đây là một trong những cõi trời thuộc cõi Nhị Thiên Thiên. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Chín, những người mà ánh hào quang sáng chói rực rỡ vô cùng, chiếu cả mười phương cõi, thành như ngọc lưu ly. Gọi là trời Vô Lượng Quang. *Thứ ba là Quán Âm Như Lai:* Đức Như Lai Quán Thế Âm Tầm Thanh Cứu Khổ. Trong những tranh tượng mới nhất thường trình bày Quán Âm với những nét của người nữ. Tại Trung Quốc và Việt Nam, Quán Âm được thấy dưới dạng Thiên thủ thiên nhãn. Một vài nơi tại Việt Nam, Quán Âm còn được phát họa như một bà mẹ bế con. Tuy nhiên, chúng ta thường thấy Quán Âm đứng trên những đám mây hay cưỡi rồng, hay đứng trên phiến đá, giữa cơn sóng dữ, chờ cứu chúng sanh lâm nạn. Một tay cầm bông sen, tay kia cầm nhành liễu hay bình tịnh thủy. Avalokitesvara là từ ngữ Bắc Phạn, có nghĩa là “Vị Chủ

Nhìn Xuống” (nhìn xuống chúng sanh mọi loài). *Thứ tư là Diệu Sắc Thân Như Lai*: Đức Như Lai có hình sắc nhiệm mầu, hình thức tinh tem hình sắc đẹp đẽ thanh nhã (của Phật), sắc tướng báo thân báo độ của Phật là tuyệt diệu không thể nghĩ bàn. Diệu Sắc Thân Như Lai là Đức Phật A Súc ở phương Đông được kể đến khi làm phép bố thí cho nga quý. *Thứ năm là Bảo Thắng Như Lai*: Bảo Thắng Như Lai là một trong năm vị Phật siêu việt, mà trú xứ của ngài là Nam Phương Tịnh Độ. Về Tiểu Tượng học, người ta thường phác họa Ngài có da màu vàng kim, ngồi tọa thiền vị thế kiết già, tay bắt ấn “ban phát ước nguyện.” Ở Tây Tạng ngài thường được họa đang quán lấy Kamaki. Nam Phật còn được biết như người ban bố từ bi. Phật trần thế Kashyapa và Bồ tát siêu việt Bảo Chưởng đều phục tùng Nam Phật. Ngài thường ngồi trên lưng sư tử với cử chỉ chấp thuận những mong ước. Theo Kinh Địa Tạng Bồ Tát, phẩm thứ chín, Đức Phật dạy: “Hằng hà sa số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bửu Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào được nghe danh hiệu của đức Phật đây, phát tâm quy-y với Phật trong khoảng khảy móng tay, người nầy trọn hẳn không còn thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” *Thứ sáu là Li Bố Úy Như Lai*: Ly Bố Úy Như Lai là vị thực hiện mục đích không sợ hãi. Một trong năm vị Phật siêu việt trong Phật giáo Đại thừa, mà Đức Di Lạc thế gian và Bồ Tát siêu việt đều phải theo. Ngài có liên hệ đến hướng chánh Bắc, người ta thường họa hình Ngài có da xanh tay trái trong lòng, lòng bàn tay ngửa lên, trong khi tay phải bắt ấn dấu vô úy. *Thứ bảy là Quảng Bác Thân Như Lai*: Quảng Bác Thân là thân rộng lớn, một thân của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na bao trùm khắp cả hư không. Quảng Bác Thân Như Lai là đức Đức Phật Tỳ Lô Giá Na. Phật Tỳ Lô Giá Na, tên của Phật Dhyani. Trong các trường phái tại các nước Đông Á, Đức Đại Nhật Như Lai thường được xem như là vị “Bổn Phật,” có nghĩa là vị Phật luôn ở trạng thái giác ngộ. Ngài tiêu biểu cho “Pháp thân,” và người ta nói Ngài đang ngự trên “Hoa Tạng Thế Giới.” Đại Nhật Như Lai hay Quang Minh Biến Chiếu (vị Phật phi lịch sử), một trong năm vị Phật siêu việt trong trường phái Đại Thừa. Bên cạnh Ngài còn một vị Bồ Tát siêu việt tên là Phổ Hiền và Cổ Phật Câu Lưu Tôn. Phật Tỳ Lô Giá Na là biểu tượng của cử chỉ sáng suốt cao tuyệt, hay tâm thức vũ trụ, tức là Phật trí thức siêu việt, và một trong những biểu tượng của Ngài là “Pháp Luân.” Tịnh Độ của Ngài là toàn thể vũ trụ. Người ta thường họa Ngài với nước da trắng và tay đang bắt

ấn “đại trí.” Ngày vía Đức Phật Lư Già Na là ngày hai mươi bảy trong tháng.

### 3) Các Đấng Như Lai Khác:

*Thứ nhất là A Đề Như Lai:* A Đề Phật Đà, vị Phật bản sơ của Lạt Ma giáo. “Bổn Phật.” Vị Phật luôn giác ngộ. Trong một vài trường phái Phật giáo, vị Phật này liên hệ với Phổ Hiền Bồ Tát, và trong Mật giáo Tây Tạng Ngài là Cháp Kim Cang. Trong các truyền thống Mật giáo Nhật Bản, Bổn Phật được đồng nhất với Đức Đại Nhật Như Lai, vị mà thiện phúc lan rộng khắp nơi và tính từ thiện cũng ở khắp mọi nơi. *Thứ nhì là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai:* Theo Kinh Địa Tạng Bồ Tát, phẩm thứ chín, Đức Phật dạy: “Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào, nghe danh hiệu của đức Phật đây thoát qua lỗi tai, người nầy sẽ được một ngàn lần sanh lên sáu tầng trời dục giới, hưởng nữa là chí tâm xưng niệm!” *Thứ ba là Bất Động Tôn Như Lai:* Còn gọi là Đông Phương A Sám Phật hay A Súc Bệ Phật. Đức A Súc Bệ Phật của thế giới Diêu Hỷ, ngự trị nơi Đông Độ. Ngài là một trong năm vị Phật Thiên Định hay Siêu Việt (Tỳ lô giá Na, A Súc Bệ Phật, Đa Bảo Như Lai, A Di Đà Phật, và Vô Bồ Úy Như Lai). Ngài luôn tĩnh lặng, thanh khiết và vô tham dục. Theo Kinh Pháp Hoa thì ngài là con trai trưởng trong 16 người con của Phật Đại Thông Trí Thắng. Đặc tính chính yếu của ngài là hàng phục dục vọng. Từ Bắc Phạn dùng để chỉ “Bất Động.” Đây là tên của vị Phật đang trụ tại Thiên Đường Đông Độ Abhirati. Trong Phật giáo, thiên đường không nhằm chỉ một địa danh, mà là một trạng thái của tâm thức. Người ta thường phác họa Ngài có da màu xanh đậm, thỉnh thoảng có màu vàng kim, thường cỡi voi. Ngài thường cầm Kim Cang chùy bên tay phải và tay trái làm dấu hiệu tiếp xúc với đất. Người ta nói Ngài có tên “Bất Động Tôn” vì Ngài giữ lời nguyện là chẳng bao giờ nóng giận với bất cứ chúng sanh nào. Tên ngài được những kinh điển Đại Thừa đầu tiên nhắc đến rất nhiều. Sự thờ phụng ngài chắc chắn bành trướng thật rộng rãi, nhưng thần thoại về ngài rất tản mạn. Theo truyền thuyết thì Aksobhya là một vị sư người đã thề nguyện trước vị Phật đã từng trị vì vô cùng lâu dài ở Abharati rằng sẽ không bao giờ oán hận hay giận dữ một sinh linh nào cả. Vị sư đã luôn tuân thủ lời thề của mình và sau này đã trở thành Phật A Súc Bệ ngự trị thiên đường Abhirati. Ai được sanh vào thiên



đường này sẽ không bao giờ rơi lại vào ác đạo. Vì thế Phật tử nên phát nguyện giữ đúng lời thề do Phật A Súc Bệ đã nói lên. *Thứ tư là Bất Khả Thuyết Như Lai*: Vị Phật thứ 733 trong 1000 vị Phật trong Hiền Kiếp, trong đó bốn vị đã xuất hiện. *Thứ năm là Bảo Sanh Như Lai*: Bảo Thắng hay Bảo Sanh Phật là một trong năm vị Phật siêu việt, mà trú xứ của ngài là Nam Phương Tịnh Độ. Về Tiểu Tượng học, người ta thường phác họa Ngài có da màu vàng kim, ngồi tọa thiền vị thế kiết già, tay bắt ấn “ban phát ước nguyện.” Ở Tây Tạng ngài thường được họa đang quán lấy Kamaki. Nam Phật còn được biết như người ban bố tử bi. Phật trần thế Kashyapa và Bồ tát siêu việt Bảo Chưởng đều phục tùng Nam Phật. Ngài thường ngồi trên lưng sư tử với cử chỉ chấp thuận những mong ước. *Thứ sáu là Ca Sà Tràng Như Lai*: Theo Kinh Địa Tạng Bồ Tát, phẩm thứ chín, vô lượng vô số kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Ca Sà Tràng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe được danh hiệu của đức Phật đây, thời người này sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp. *Thứ bảy là Đa Bảo Như Lai*: Một vị cổ Phật (ở thế giới Đông Phương Bảo Tịnh) đã nhập Niết bàn, đã xuất hiện nghe Phật Thích Ca thuyết kinh Pháp Hoa (phẩm 11), do sự hiện diện của Phật Đa Bảo, chúng ta thấy Niết bàn không phải là sự hủy diệt. Phật Đa Bảo là một hình ảnh quan trọng trong Kinh Pháp Hoa: một tòa bảo tháp cổ nổi lên từ dưới đất (tòng địa đồng xuất), một vị cổ Phật từ đó bước ra. Biểu tượng này tượng trưng cho chân lý trường tồn, dù đôi khi chân lý ấy bị lu mờ hay chôn vùi; cũng có lúc nó sẽ được phát hiện sáng ngời. Theo Kinh Địa Tạng Bồ Tát, phẩm thứ chín, vô lượng vô số hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đa Bửu Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, sanh lòng cung kính, không bao lâu người ấy sẽ đặng quả A La Hán. *Thứ tám là Đại Phương Quảng Như Lai*: Hoa Nghiêm Bản Tôn, vị Phật đã chứng nghiệm được lý đại phương quảng hay là bậc đã công viên quả mãn. *Thứ chín là Đại Thông Trí Thắng Như Lai*: Một vị Phật với tối thượng thông trí trong cõi nước Hảo Thành (Sambhava), Kỳ Kiếp (Kalpa) của ngài tên là Đại Tướng (Maharupa). Ngài đã qua mười kiếp thiền định để thành Phật, và sau đó lại lui về 84.000 kiếp thiền định nữa, trong khi mười sáu vương tử của ngài vẫn tiếp tục thuyết pháp, trong số đó thì A Di Đà là vương tử thứ chín và Thích Ca Mâu Ni là vương tử thứ 16. *Thứ mười là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai*: Về phía Đông của thế giới Ta Bà có cõi

Phật tên là Bất Động, trong nước đó có Phật tên là Mãn Nguyệt Quang Minh làm giáo chủ. Mãn nguyệt quang minh có nghĩa là ánh sáng của đêm trăng rằm. Ánh sáng đó vừa thanh tịnh vừa an lạc, có công năng chữa lành sự loạn động của thân tâm. Ban ngày thân tâm chúng ta bị ánh mặt trời thiêu đốt, nhưng dưới ánh trăng huyền diệu ban đêm, chúng ta cảm thấy thoải mái và dễ chịu. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cũng như chư Phật đều có cùng một thứ ảnh hưởng như vậy đối với chúng sanh mọi loài. *Thứ mười một là Nguyệt Diện Như Lai:* Theo Kinh Hoa Nghiêm thì Nguyệt Diện Phật chỉ thọ mệnh có một ngày một đêm, đối lại với Nhật Diện Phật thọ mệnh 1.800 năm. *Thứ mười hai là Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật (Nhật Nguyệt Quang Phật):* Theo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi trong Kinh Pháp Hoa, Phẩm số I, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh giảng pháp riêng cho những ai mong được là Thanh Văn hay Duyên Giác, và Ngài cũng giảng pháp thích hợp cho chư Bồ Tát. Chính Ngài đã thuyết giảng bộ kinh “Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa,” tức là giáo pháp mà chư Bồ Tát được thuyết dạy và được chư Phật hộ niệm. Khi giảng kinh này xong, Ngài liền thu nhiếp đại chúng, ngồi kiết già và nhập định. Bấy giờ mưa hoa rải lên chư Phật và đại chúng. Ngay khi toàn cõi Phật rung động theo nhiều cách khác nhau, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh phóng hào quang từ vòng lông trắng giữa hai cặp chân mày chiếu sáng mười tám ngàn Phật độ ở phương Đông, giống như các cõi Phật đang được thấy đây vậy. *Thứ mười ba là Nhiên Đăng Như Lai:* Còn gọi là Đề Hoàn Kiệt, Đại Hòa Kiệt La hay Nhiên Đăng Phật. Theo truyền thuyết Phật giáo Ấn Độ, trong hiền kiếp (kiếp hiện tại), người ta đã thấy hai mươi bốn vị Phật trước Phật Thích Ca Mâu Ni, mà Đức Phật Nhiên Đăng là vị cổ Phật đầu tiên. Đức Nhiên Đăng là đấng thấp ngọn đèn hay khơi lên ánh sáng. Nhiên Đăng Phật là vị Phật thường hay xuất hiện mỗi khi có một vị Phật thuyết pháp, như trong Kinh Pháp Hoa, ngài là một vị nghe pháp quan trọng. Phật Nhiên Đăng được coi như là vị tiền bối quan trọng nhất của Phật Thích Ca. Ngài tượng trưng cho tất cả các vị Phật quá khứ. Chính Ngài là người đã từng giáo huấn Phật Thích Ca lúc Phật còn là một người tu khổ hạnh trong những tiền kiếp, và chính Ngài đã chuẩn bị cho sự thành tựu của Đức Phật Cổ Đàm. Phật Dipamkara đã thừa nhận rằng sau nhiều kiếp xa xôi trong tương lai, Sumedha sẽ thành Phật tên gọi Cổ Đàm. *Thứ mười bốn là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai:* Theo Phẩm Tự của Kinh Pháp Hoa, đời quá khứ có hai vạn vị Phật có cùng

tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật, đã kế tiếp nhau xuất hiện nơi đời mà thuyết Kinh Pháp Hoa. *Thứ mười lăm là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai*: Vị Phật mà pháp giới cũng giống như An Dưỡng Quốc của Phật A Di Đà. *Thứ mười sáu là Phạm Diệm Như Lai*: Đức Phật có gương mặt giống như Phạm Thiên, người ta nói vị ấy sống tới 23.000 năm. *Thứ mười bảy là Quang Diệm Vương Như Lai*: Đức Phật có danh hiệu Quang Diệm Vương vì ánh sáng của Đức Phật ấy soi sáng nhất. Đây là Đức danh của Đức Phật A Di Đà. *Thứ mười tám là Sư Tử Hống Như Lai*: Theo Kinh Địa Tạng Bồ Tát, phẩm thứ chín, Bất khả thuyết bất khả thuyết vô số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Sư Tử Hống Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, mà phát tâm quy-y chùng trong một niệm, người nầy sẽ đặng gặp vô lượng các đức Phật xoa đánh thọ ký cho. *Thứ mười chín là Thiên Cổ Lô Âm Như Lai*: Cổ Âm Như Lai là một trong năm vị Phật trong Thai Tạng Giới Mạn Đà La, ở phía bắc của nhóm trung tâm. Người ta nói đây là pháp thân hay “Đăng Lưu” thân của Phật Thích Ca. Vị Phật nầy cũng được biết đến như là Bất Động Tôn tương ứng với A Súc Bệ Phật. *Thứ hai mươi là Tỳ Lô Giá Na Như Lai*: Còn gọi là Bổn Phật hay Phật tánh nơi mỗi người. Đức Bổn Phật là cái năng lực làm cho mọi sự sống và Ngài có mặt ở khắp mọi nơi trong vũ trụ. Không có chỗ nào không có đức Phật. Dĩ nhiên đức Bổn Phật xuất hiện theo một hình tướng thích hợp với đối tượng mà Ngài gây sự sống vì Ngài là cái năng lực làm cho mọi sự được sống. Khi Ngài xuất hiện trong cõi người, Ngài mang hình tướng thích hợp với con người. Nếu chúng ta hiểu từ Bổn Phật một cách hời hợt thì chúng ta sẽ tự hỏi thế thì tại sao mọi người không thấy được khi Ngài xuất hiện. Nhưng mối nghi ngờ này là vô căn cứ. Thay vì bảo sự thể hiện của sự hiện hữu của Ngài thì ở đây nói “Ngài xuất hiện,” chỉ có thể mà thôi. Hễ chùng nào đức Bổn Phật vẫn là chân lý và là cái năng lực làm cho mọi người sống thì Ngài vẫn luôn luôn hiện hữu trong mỗi người chúng ta. Tất cả chúng đều có thể hiểu sự hiện hữu của Ngài theo một cách nào đó. Hiểu như thế tức là thấy Phật. Mỗi Đức Phật như là một báo thân của đức Bổn Phật, có một thế giới chịu sự giáo hóa của Ngài. Thế giới này được gọi là Hóa Thổ, hay một cõi tạm mà Đức Phật hiện diện để giáo huấn. Đức Như Lai Dực Sư có hóa thổ của Ngài tại Vãng Tịnh Lưu Ly ở phương Đông, Đức A Di Đà tại cõi Tịnh Độ ở phương Tây, và Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni tại thế giới

Ta Bà. Tuy nhiên, Đức Thích Ca Như Lai Phật, tức là đức Bổn Phật, không chỉ giới hạn trong một cõi tạm như thế để giáo hóa mà Ngài hiện diện khắp nơi và khiến cho mọi sự sinh sống. Hết thấy chư Phật đều là báo thân của Đức Bổn Phật xuất hiện theo những hình tướng khác nhau trong những tình huống khác nhau. Dù tự thân Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni, đức Bổn Phật vĩnh hằng và hợp nhất với Ngài. Từ đó chúng ta có thể thiết lập đối tượng tôn thờ theo niềm tin của chúng ta. Theo Kinh Pháp Hoa thì Bổn Phật hiện hữu khắp nơi trong vũ trụ từ quá khứ vô thủy đến tương lai vô chung, nhưng nhờ giáo lý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Phật đã xuất hiện trên cõi đời này theo đúng chân lý của Đức Bổn Phật mà chúng ta mới hiểu được chân lý ấy. Vì vậy chúng ta không thể bảo rằng Đức Bổn Phật hay Đức Thích Phật, vị nào thánh diệu hay quan trọng hơn vị nào, cả hai vị đều thiết yếu như nhau. Đức Bổn Phật đồng nhất với chân lý của vũ trụ. Đức Phật này xuất hiện bằng nhiều hình tướng khác nhau, thích hợp với từng thời gian, và nơi chốn riêng để cứu độ hết thấy mọi người bằng những phương tiện tương ứng với khả năng hiểu biết của họ về giáo lý của Ngài. Theo giáo lý của Ngài, chúng ta chỉ cần sống đúng theo chân lý là Đức Bổn Phật sẽ hiện ra. Bấy giờ đám mây mờ của hư ảo bao phủ tâm và thân ta sẽ hoàn toàn tan biến, và ánh sáng rực rỡ của đời sống tinh anh của ta sẽ tỏa sáng lên từ bên trong của chính tâm mình. Trạng thái này của tâm mới là sự cứu rỗi thật sự cho chúng ta, và là trạng thái tâm linh mà chúng ta cần phải đạt cho được. *Thứ hai mươi mốt là Uy Âm Vương Như Lai*: Còn gọi là Uy Âm Vương Phật với âm thanh vi diệu, tên của vô lượng Đức Phật xuất hiện thời “Không Kiếp” (các ngài thị hiện làm sáng tỏ nghĩa thực tế với âm thanh vi diệu của các ngài). *Thứ hai mươi hai là Vân Lô Âm Vương Như Lai*: Còn gọi là Vân Túc Vương Hoa Trí (Jaladhara-garjita-ghosa-susvara-naksatra-rajja-sankusumita-bhijna), một vị Phật có âm thanh như tiếng nhạc sấm trên mây. *Thứ hai mươi ba là Vi Diệu Thanh Như Lai*: Vị Phật ngự trị ở thế giới Liên Hoa Trang Nghiêm phương Bắc hay Phật Thích Ca.

### ***Tathagatas in Buddhism***

#### ***I. Seven Ancient Tathagatas:***

***1) Seven Ancient Buddhas According to Early Buddhist Tradition:*** Sakyamuni Buddha is not the only Buddha in the universe,

but on of many Buddhas who appeared in this world throughout the aeons. Knowledge of the non-historical Buddhas seems to have grown as time went on. However, according to Buddhist legends, originally, there were seven Buddhas. *a) Three Buddhas in the past glorious kalpa:* First, Vipasyin Tathagata: Universally Preaching Tathagata, the first of the seven Buddhas of antiquity, 91 kalpas before the Bhadra kalpa, Sakyamuni was being the seventh. Second, Sikhin Tathagata (Fire): The 999<sup>th</sup> Buddha of the last (preceeding) kalpa, whom Sakyamuni is said to have met. The second of the seven Buddhas of antiquity, born in Prabhadvaja as a Ksatriya. Third, Visyabhu Tathagata: Also called All Benevolent Tathagata. According to The Long Discourses of the Buddha, Visvabhu was the last 1,000<sup>th</sup> Buddha of the preceding kalpa, the third of the Sapta Buddha, who converted on two occasions 130,000 persons. *b) Four Buddhas in the present or Bhadra kalpa:* Fourth, Krakucchanda Tathagata: Also called the Present Kalpa or Gold Wizard Krakucchanda Tathagata. Krakucchanda Tathagata was the first of the Buddhas of the present Bhadrakalpa, the fourth of the seven ancient Buddhas. According to the Earth Store Bodhisattva Sutra, Chapter 9, in the past, a Buddha named Krakucchanda appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and sincerely beholds, worships, or praises him, that person will become the king of the Great Brahma Heaven in the assemblies of the one thousand Buddhas of the Worthy Aeon, and will there receive a superior prediction. Fifth, Kanakamuni Tathagata: Also called the Present kalpa or Golden Wizard Kanakamuni Tathagata. The second Buddha in the five Buddhas of the Bhadrakalpa, and the fifth of the seven ancient Buddhas. Sixth, Kasyapa Tathagata (Drinking Brightness): Kasyapa Buddha, the third of the five Buddhas of the present kalpa, the sixth of the seven ancient Buddhas. Seventh, Sakyamuni Tathagata (present kalpa, Benevolence and Serenity): The historical person with the name of Siddhattha, a Fully Enlightenment One. One who has reached the Utmost, Right and Equal Enlightenment. The lack of hard facts and information, even the date of the Buddha's life is still in doubt. Indian people believe that the Buddha's Nirvana took place around 100 years before the time of king Asoka. However, most modern scholars agreed that the Buddha's Birthday was in some time in the second half of the seventh century

B.C. and His Nirvana was about 80 years after His Birthday. The Buddha is the All-Knowing One. He was born in 623 BC in Northern India, in what is now Nepal, a country situated on the slope of Himalaya, in the Lumbini Park at Kapilavathu on the Vesak Fullmoon day of April. Almost 26 centuries ago, the Sakyas were a proud clan of the Khattiyas (the Warrior Caste) living on the foothill of the Himalaya in Northern Nepal. His royal name was Siddhartha, and his family name was Gautama. He belonged to the illustrious family of the Okkaka of the Solar Race. King Raja Suddhodana founded a strong kingdom with the capital at Kapilavatthu. His wife was Queen Maha Maya, daughter of the Kolya. Before giving birth to her child, according to the custom at that time, she asked for the King's permission to return to her parents' home in Devadaha for the childbirth. On the way to her parents' home, the Queen took a rest at Lumbini Park, a wonderful garden where flowers filled the air with sweet odor, while swarms of bees and butterflies were flying around and birds of all color were singing as if they were getting ready to welcome the Queen. As she was standing under a flowering sala tree, and catching hold of a branch in full bloom, she gave birth to a prince who would later become Buddha Gotama. All expressed their delight to the Queen and her noble baby prince. Heaven and Earth rejoiced at the marvels. The memorable day was the Full Moon Day of Vesak (in May) in 623 BC. On the naming ceremony, many learned Brahmins were invited to the palace. A wise hermit named Asita told the king that two ways would open for the prince: he would either become a universal ruler or would leave the world and become a Buddha. Asita named the baby Siddhattha, which means "the One whose wish is fulfilled." At first the King was pleased to hear this, but later he was worried about the statement that the prince would renounce the world and become a homeless hermit. In the palace, however, delight was followed quickly by sorrow, seven days after the childbirth, Queen Maya suddenly died. Her younger sister, Pajapati Gotami, the second Queen, became the prince's devoted foster mother, who brought him up with loving care. Although grew up in a luxurious life of a prince with full of glory, he was kind and gentle. He received excellent education in both Vedas and the arts of warfare. A wonderful thing happened at a ploughing festival in his childhood. It was an early

spiritual experience which, later in his search for truth, served as a key to his Enlightenment. Once on a spring ploughing ceremony, the King took the prince to the field and placed him under the shade of a rose apple tree where he was watched by his nurses. Because the King himself took part in the ploughing, the prince looked at his father driving a golden plough together with other nobles, but he also saw the oxen dragging their heavy yokes and many farmers sweating at their work. While the nurses ran away to join the crowd, he was left alone in the quiet. Though he was young in age, he was old in wisdom. He thought so deeply over the sight that he forgot everything around and developed a state of meditation to the great surprise of the nurses and his father. The King felt great pride in his son, but all the time he recalled the hermit's prophecy. Then he surrounded him with all pleasures and amusements and young playmates, carefully keeping away from him all knowledge of pain, sadness and death. When he was sixteen years old, the King Suddhodana arranged for his son's a marriage with the princess Yasodhara, daughter of King Soupra-Buddha, who bore him a son named Rahula. Although raised in princely luxury and glory, surrounded with splendid palaces, His beautiful wife and well-behaved son, He felt trapped amidst this luxury like a bird in a gold cage, a fish in a silver vase. During a visit to the outskirts of the city, outside the four palace portals, He saw the spectacle of human suffering, an old man with white hair, fallen teeth, blurred eyes, deaf ears, and bent back, resting on his cane and begging for his food; A sick man lying at the roadside who moaned painfully; a dead man whose body was swollen and surrounded with flies and bluebottles; and a holy ascetic with a calm appearance. The four sights made Him realize that life is subject to all sorts of sufferings. The sight of the holy ascetic who appeared serene gave Him the clue that the first step in His search for Truth was "Renunciation." Back in his palace, he asked his father to let Him enter monkhood, but was refused. Nevertheless, He decided to renounce the world not for His own sake or convenience, but for the sake of suffering humanity. This unprecedented resolution made Prince Siddartha later become the Founder of Buddhism. At the age of twenty-nine, one night He decided to leave behind His princely life. After his groom Chandala saddled His white horse, He rode off the riyal palace, toward the dense forest and

became a wandering monk. First, He studied under the guidance of the leading masters of the day such as Alara Kalama and Uddaka Ramaputta. He learned all they could teach Him; however, He could not find what He was looking for, He joined a group of five mendicants and along with them, He embarked on a life of austerity and particularly on starvation as the means which seemed most likely to put an end to birth and death. In His desire for quietude He emaciated His body for six years, and carried out a number of strict methods of fasting, very hard for ordinary men to endure. The bulk of His body was greatly reduced by this self-torture. His fat, flesh, and blood had all gone. Only skin and bone remained. One day, worn out He fell to the ground in a dead faint. A shepherdess who happened to pass there gave Him milk to drink. Slowly, He recovered His body strength. His courage was unbroken, but His boundless intellect led Him to the decision that from now on He needed proper food. He would have certainly died had He not realized the futility of self-mortification, and decided to practice moderation instead. Then He went into the Nairanjana River to bathe. The five mendicants left Him, because they thought that He had now turned away from the holy life. He then sat down at the foot of the Bodhi tree at Gaya and vowed that He would not move until He had attained the Supreme Enlightenment. After 49 days, at the beginning of the night, He achieved the “Knowledge of Former Existence,” recollecting the successive series of His former births in the three realms. At midnight, He acquired the “Supreme Heavenly Eye,” perceiving the spirit and the origin of the Creation. Then early next morning, He reached the state of “All Knowledge,” realizing the origin of sufferings and discovering the ways to eliminate them so as to be liberated from birth-death and reincarnation. He became Anuttara Samyak-Sambodhi, His title was Sakyamuni Buddha. He attained Enlightenment at the age of 35, on the eighth day of the twelfth month of the lunar calendar, at the time of the Morning Star’s rising. After attaining Enlightenment at the age of 35 until his Mahaparinirvana at the age of 80, he spent his life preaching and teaching. He was certainly one of the most energetic man who ever lived: forty-nine years he taught and preached day and night, sleeping only about two hours a day. The Buddha said: “I am not the first Buddha to come upon this earth, nor shall I be the last. In due time,



another Buddha will arise, a Holy one, a supreme Enlightened One, an incomparable leader. He will reveal to you the same Eternal Truth which I have taught you.” Two months after his Enlightenment, the Buddha gave his first discourse entitled “The Turning of The Dharma Wheel” to the five ascetics, the Kodannas, his old companions, at the Deer Park in Benares. In this discourse, the Buddha taught: “Avoiding the two extremes of indulgence in sense pleasures and self-mortification, the Tathagata has comprehended the Middle Path, which leads to calm, wisdom, enlightenment and Nirvana. This is the Very Noble Eight-fold Path, namely, right view, right thought, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, and right concentration.” Next he taught them the Four Noble Truths: Suffering, the Cause of Suffering, the Ceasing of Suffering and the Path leading to the ceasing of suffering. The Venerable Kodanna understood the Dharma and immediately became a Sotapanna, the other four asked the Buddha to receive them into his Order. It was through the second sermon on the “No-self Quality” that all of them attained Arahantship. Later the Buddha taught the Dharma to Yasa, a rich young man in Benares and his 54 companions, who all became Arahants. With the first 60 disciples in the world, the Buddha founded his Sangha and he said to them: “I am free from all fetters, both human and divine, you are also free from all fetters. Go forth, Bhiksus, for the welfare of many, for the happiness of many, out of compassion for the world, for the good and welfare, and happiness of gods and men. Preach the Dharma, perfect in the beginning, perfect in the middle, perfect in the end, both in spirit and in letter. Proclaim the holy life in all its fullness and purity.” With these words, he sent them into the world. He himself set out for Uruvela, where he received 30 young nobles into the Order and converted the Three Brothers Kassapa, who were soon established in Arahantship by means of “the Discourse on Fire.” Then the Buddha went to Rajagaha, to visit King Bimbisara. The King, on listening to the Dharma, together with his attendants, obtained the Fruit of the First Path and formally offered the Buddha his Bamboo Grove where the Buddha and the Sangha took up their residence for a long time. There, the two chief disciples, Sariputra and Mogallana, were received into the Order. Next, the Buddha went to Kapilavatthu and received into the Order his own son, Rahula, and his half-brother Nanda. From his native

land, he returned to Rajagaha and converted the rich banker Anathapindika, who presented him the Jeta Grove. For 45 years, the Buddha traversed all over India, preaching and making converts to His religion. He founded an order of monks and later another order of nuns. He challenged the caste system, taught religious freedom and free inquiry, raised the status of women up to that of men, and showed the way to liberation to all walks of life. His teaching were very simple but spiritually meaningful, requiring people “to put an end to evil, fulfil all good, and purify body and mind.” He taught the method of eradicating ignorance and suppressing sufferings. He encouraged people to maintain freedom in the mind to think freely. All people were one in the eyes of the Buddha. He advised His disciples to practice the ten supreme qualities: compassion, wisdom, renunciation, discipline, will power, forbearance, truthfulness, determination, goodwill, and equanimity. The Buddha never claimed to be a deity or a saint. He always declared that everyone could become a Buddha if he develops his qualities to perfection and is able to eliminate his ignorance completely through his own efforts. At the age of 80, after completing His teaching mission, He entered Nirvana at Kusinara, leaving behind millions of followers, among them were His wife Yasodara and His son Rahula, and a lot of priceless doctrinal treasures considered even today as precious moral and ethical models. In short, there are eight periods of Buddha’s life. First, descending from the Tushita Heaven Palace, or descend into and abode in the Tusita heaven. Second, abode at the Tushita and visibly preached to the devas. Third, entry into his mother’s womb (Queen Maha Maya). Fourth, birth from his mother’s side in Limbini. Fifth, leaving the home life (leaving home at the age of 29 as a hermit). Sixth, subduing mara and accomplishing the Way. After six years suffering, subduing mara and attaining enlightenment. Seventh, turning the Dharma wheel (rolling the Law-wheel or preaching). Eighth, entering nirvana (Parinirvana) at the age of 80.

**2) *Seven Ancient Buddhas According to the Pure Land Tradition:***

*First, Amitabha Tathagata:* The Tathagata who is said to preside over the western paradise of Sukhavati, a realm in which beings born there are assured of attaining buddhahood in that lifetime. The conditions of the paradise are optimal for practice of Buddhism, in

accordance with Amitabha's former vows. Day dedicated to His manifestation (to a Buddha's vital spirit) is the fifteenth day of the month. *Second, the Kanlu Wang Tathagata:* The Tathagata who presides in the Heaven of Unlimited Light, the heaven of boundless light, the fifth of the Brahmlokas. This is one of the sublevels of the Second Dhyana Heaven. In the Surangama Sutra, book Nine, those whose lights illumine each other in an endless dazzling blaze shine throughout the realms of the ten directions so that everything becomes like crystal. They are among those in the Heaven of Limitless Light. *Third, Kuan Yin Tathagata:* The Tathagata of Regarder or Observer of the world's sounds, or cries (sounds that enlighten the world). In more recent presentations, Kuan-Shi Yin is often depicted with feminine features. In China and Vietnam, Kuan Yin is sometimes considered as a thousand-armed, and thousand-eyed. Somewhere in Vietnam, Kuan Yin is painted as a mother with a child in her one arm. Nevertheless, we often see pictures of Quan Yin standing on clouds, riding on a dragon, or standing on a cliff in high seas, waiting to save (rescue) shipwrecked victims. Avalokitesvara is a Sanskrit term for "Lord who looks down." *Fourth, the Wonderful Body Tathagata:* The Tathagata who has the graceful or handsome form of the Buddha, the wonderful form or body (Buddha's sambhogakaya and his Buddha-land). Surupakaya Tathagata is the Aksobhya, the Buddha of the East, who is thus addressed when offerings are made to the hungry ghosts. *Fifth, Ratnasambhava Tathagata:* Ratnasambhava or Jewel Nature Thus Come One was one of the five buddhas, who presides over a "pure land" in the south. Iconographically, he is generally portrayed with golden skin and sitting in the Yogic Padmasana position, making the "wish-granting" gesture (varada-mudra). In Tibet he is often portrayed embracing his consort Mamaki. Also known as the Compassionate Giver. He is associated with the earthly buddha Kashyapa and a transcendent Bodhisattva Ratnapani. Ratna-Sambhava is always riding a lion or a horse, making the gesture of wish granting. According to the Earth Store Bodhisattva Sutra, Chapter 9, the Buddha taught: "In the past, as many aeons ago as there are grains of sand in the Ganges River, a Buddha named Jewel Nature Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears the name of this Buddha and in the space of a finger-snap decides to take refuge, that person will never

retreat from the unsurpassed path. *Sixth, Non-Fearfulness Tathagata:* Amoghasiddhi was one whose achievement is not in vain, who unerringly achieves his goal. One of the five transcendent or Celestial Buddhas of Mahayana Buddhism. With him are associated the earthly Maitreya Buddha and the transcendental bodhisattva Vishvapani. He is associated with the northern direction. He is always depicted with green skin and with his left hand in his lap, palm up, while his right hand makes the gesture of fearlessness (abhaya-mudra). *Seventh, Prabhatarata or Vipulakaya Tathagata:* Vipulakaya means broad and extensive body, the one body fills space, Vairocana. Vipulakaya-tathagata was Vairocana Buddha. Great Sun Tathagata (coming from or belonging to the sun), name of a Dhyani Buddha (a son of the sun or the Dhyani Buddha of the centre). The central Sun, personifying the Dharma-Dhatu or Supreme Wisdom. In East Asian traditions, this Buddha is often referred to as the “Original Buddha” (Adi-Buddha), meaning that he has always been awakened. He represents the “truth body” (Dharmakaya), and he is said to preside over the “Flower Treasury World.” Vairocana or the All-Illuminating One (of the non-historical Buddha), is one of the five transcendent buddhas. He is associated with the transcendent Bodhisattva Samantabhadra and the earthly Buddha Krakuchchanda. Vairocana a symbol of supreme wisdom, or cosmic consciousness, that is, transcendental Buddha-knowledge, and one of his symbols is the “wheel of doctrine” (Dharmacakra). His Pure Land is the entire cosmos. He is often depicted with white skin and making the Mudra of “supreme wisdom.” Day dedicated to His manifestation (to a Buddha's vital spirit) is the twenty-seventh day of the month.

### **3) Other Tathagatas:**

*First, Adi-Buddha:* The primal Buddha of ancient Lamaism. The “Original Buddha.” The primordial Buddha, who has always been awakened. In some Buddhist schools, this buddha is associated with Samantabhadra, and in Tibetan Tantric Buddhism he is commonly said to be Vajradhara. In Japanese esoteric traditions, the adi-buddha is identified with Mahavairocana. One who is All-pervadingly Good, and Whose Beneficence Is Everywhere. *Second, Padma Victory Thus Come One:* According to the Earth Store Bodhisattva Sutra, Chapter 9, the

Buddha taught: “In the past, a Buddha named Padma Victory Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha’s name, as it passes through his or her ear faculty, that person will be reborn one thousand times in the six desire heavens. How much more will this be true if he or she sincerely recites the name of that Thus Come One.” *Third, Aksobhya Tathagata:* Also called Aksobya Buddha or the Immovable Buddha, Imperturbable Buddha in the East. The Imperturbed (Unperturbed or motionless) Buddha who is always calm, serene and absence of passion. He is one of the Five Dhyani-Buddhas (Vairocana, Aksobhya, Ratnasambhava, Amitabha, and Amoghasiddhi), and generally reigns over the east, his kingdom being Abhirati, realm of mystic pleasure. In the Lotus Sutra he is named as the first of the sixteen sons of Mahabhijnabhishu. One of his principal characteristics is that of subduing the passions. “Aksobhya” is a Sanskrit term for “Imperturbable.” This is the name of a Buddha who resides over the eastern paradise of Abhirati. In Buddhism, paradise is not understood as a location but rather as a state of consciousness. He is generally represented iconographically as having dark blue, and occasionally gold skin and sometimes as riding on an elephant. He generally holds a Vajra in his right hand and makes the “earth-touching” gesture with his left. He is said to have received his name because he kept his vow never to manifest anger toward any being. He is mentioned in quite a number of early Mahayana Sutras. His worship must have been fairly widespread, but only fragments of his legend have survived. Aksobhya as a monk is said to have taken a vow before the Buddha who, endlessly long ago, reigned over Abhirati, never feel disgust or anger toward any being. In carrying out this vow, he showed himself “immovable” and after endlessly long striving, he became Buddha Aksobhya and thereby the ruler of the Abhirati paradise. Whoever is reborn there can never fall back into lower levels of consciousness. Thus all Buddhist believers should seek to fulfill the promise kept by Aksobhya. *Fourth, Ganendra-Tathagata:* The 733<sup>rd</sup> of the Buddhas of the present kalpa, in which 1,000 Buddhas are to appear, of whom four have appeared. *Fifth, Ratnasambhava Tathagata:* Jewel Born Buddha is one of the five buddhas, who presides over a “pure land” in the south. Iconographically, he is generally portrayed with golden skin and sitting in the Yogic Padmasana position, making

the “wish-granting” gesture (varada-mudra). In Tibet he is often portrayed embracing his consort Mamaki. Also known as the Compassionate Giver. He is associated with the earthly buddha Kashyapa and a transcendent bodhisattva Ratnapani. Ratna-Sambhava is always riding a lion or a horse, making the gesture of wish granting.

*Sixth, Kashaya Banner Thus Come One:* According to the Earth Store Bodhisattva Sutra, Chapter 9, limitless asamkheyas of aeons ago, a Buddha named Kashaya Banner Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha’s name, that person will overcome the offenses of birth and death for one hundred great aeons.

*Seventh, Prabhutaratna-Tathagata:* Also called Many Jewels Buddha, or Abundant treasures Buddha. The Ancient Buddha, who entered Nirvana a long long time ago, who appeared in his stupa to hear the Buddha preach the Lotus Sutra (chapter 11), by his presence revealing that nirvana is not annihilation. Prabhutaratna Buddha, an important image in the Lotus Sutra: an ancient monument emerges from the ground, opens up, and reveals an extinct Buddha, named Prabhutaratna, who although extinct is still alive and teaching. This symbolizes the idea that truth is eternal, even though it may sometimes be concealed or forgotten, sometimes revealed or rediscovered. According to the Earth Store Bodhisattva Sutra, Chapter 9, in the past, a Buddha named Jeweled Appearance Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha’s name and gives rise to a thought of respect, that person will, before long, attain the fruit of Arhatship.

*Eighth, Great Vaipulya Tathagata:* The fundamental honoured one of the Avatamsaka. The Buddha who realized the universal law.

*Ninth, Mahabhijna-Jnanabhibhu Tathagata:* The great Buddha of supreme penetration and wisdom, a fabulous Buddha whose realm was Sambhava, his kalpa Maharupa. Having spent ten middling kalpas in ecstatic meditation he became a Buddha, and retired again in meditation for 84.000 kalpas, during which his sixteen sons continued his preaching as Buddhas, among which Amitabha is his ninth son and Sakyamuni is his sixteenth son.

*Tenth, Perfect Moon Light Tathagata:* To the East of the Saha World, there is a Budhaland called Uditurbed, in that world there is a Buddha named ‘Perfect Moon Light’ ruling over it. Perfect Moon Light means the light of full moon. Such a light is pure, peaceful, and able to heal mind and body. During the day under

the sun's fury, our mind and body burn, but under the softness of the moonlight, we feel at ease and relax. Thus, similarly this Buddha and all Buddhas have the same affect on all sentient beings. *Eleventh, Moon face Tathagata:* According to the Flower Adornment Sutra, the "Moon-Face" Buddha, whose life is only a day and a night, in contrast with the "Sun-Face" Buddha whose life is 1.800 years. *Twelfth, Sun-Moon-Light Tathagata:* The Sun Moon Light Buddha is an ancient Buddha. According to Manjusri Bodhisattva (Manjushri) in the Lotus Sutra, Chapter I, this Buddha preached the proper law for those who sought to be Sravakas and Pratyekabuddhas, and he also preached a suitable Law for the Bodhisattvas. This Buddha also preached the Great-Vehicle sutra called Innumerable Meanings, the law by which Bodhisattvas are instructed and which the Buddhas watch over and keep in mind. Having preached this sutra, he at once, amidst the great assembly, sat cross-legged and entered meditation. At this moment, the sky rained beautiful flowers over the Buddhas and the great assembly. As soon as the universal Buddha-world shook in various ways, the Buddha Sun Moon Light sent forth the circle of white hair between his eyebrows a ray of light, which illuminated eighteen thousand Buddha-lands in eastern quarter, just like those that now are seen. *Thirteenth, Dipankara Tathagata:* Also called Kindler of lights, Burning Lamp Buddha, or Light-causer, Light-causer, or The Luminous. According to Indian Buddhist legends, the present age has seen twenty- four Buddhas prior to Sakyamuni Buddha, first of whom was Dipankara. Dipankara is a legendary (mythical) Buddha who is said to have lived an endlessly long time ago and who always appears when a Buddha preaches the gospel found in the Lotus Sutra, in which sutra he is an important hearer. The only one of the predecessors in office of Gautama the Buddha of whom there are any details in the Scriptures. He symbolized all the Buddhas in the past. He was one who taught Gautama Siddhartha in previous births when Siddhartha was still in the form of the ascetic sumedha, and prepared him for future achievement. Dipankara recognized that after an endless number of ages had elapsed, Sumedha would become a Buddha named Gautama. *Fourteenth, Candra-surya-pradipa Tathagata:* Sun Moon Torchlight or Sun Moon light (name of a Tathagata). According to the Lotus Sutra, the is the title of 20,000 Buddhas in the past kalpas, who succeeded

each other preaching the Lotus Sutra. *Fifteenth, Candra-vimala-surya-prabhasa-sri Tathagata*: A Buddha whose realm resembles Sukhavati of Amitabha Buddha. *Sixteenth, Brahma's Face Tathagata*: The Buddha with Brahma's face, said to be 23,000 years old. *Seventeenth, Flaming Brightness Tathagata*: The royal Buddha of shining flames, or flaming brightness. This is the Amitabha Buddha with his virtues. *Eighteenth, Lion's Roar Thus Come One*: According to the Earth Store Bodhisattva Sutra, Chapter 9, in the past, indescribable asamkheyas of aeons ago, a Buddha named Lion's Roar Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and in a single thought takes refuge, that person will encounter numberless (innumerable) Buddhas, who will rub the crown of his or her head and bestow a prediction of enlightenment upon the individual. *Nineteenth, Divya-dundubhimegha-nirghosa Tathagata*: One of the five Buddhas in the Garbhadhatu mandala, on the north of the central group; said to be one of the dharmakaya of Sakyamuni or his universal emanation body; it is known as Immutably-Honoured One corresponding with Aksobhya. *Twentieth, Original Tathagata*: The Buddha-nature within oneself, or the Original Buddha which is the power that makes everything live and is omnipresent in the universe. There is no place where the Buddha does not exist. It is natural that the Original Buddha appear in a form appropriate to the object that he causes to live, because he is the power that makes everything live. When he appears in the world of man, he takes a shape suited to it. If we superficially interpret the words "the Original Buddha appears," we may wonder why, then, everybody cannot see him when he makes his appearance. But this doubt is unfounded. It means replacing the realization of his existence with the words "he appears," nothing more. As long as the Original Buddha is the truth and the power that makes all men live, he always exists in each of us. We can all realize his existence in some way. To do this is to see the Buddha. Each Buddha, as the reward-body of the Eternal Buddha, has a world that is under his charge for instruction. This world is called a "temporary land" where the Buddha is present for instruction. The Tathagata Healing has his 'temporary land' in the World of the Pure Land Emerald in the east; the Tathagata Amitabha in the Pure Land in the west; the Tathagata Sakyamuni, the Eternal Original Buddha, is not limited to such a temporary land for instruction



but is omnipresent and causes everything to live. All the Buddhas are the reward-body of the Original Buddha, who appears in different shapes in various situations. Though each Buddha is honorable in himself, he originates in the Tathagata Sakyamuni, the Eternal Original Buddha, and is united with him. From this we can establish the object of worship of our faith. According to the Lotus Sutra, Original Buddha is the Buddha who exists in every part of the universe from the infinite past to the infinite future, but only through the teachings of Sakyamuni, who appeared in this world in obedience to the truth of the Original Buddha, can we understand that truth. So, we cannot declare that either the Original Buddha or the appearing Buddha is the more holy or the more important, both are necessary. The Original Buddha is one with the truth of the universe. This Buddha appears in various forms appropriate to the particular time and place for the salvation of all people by means suited to their capacity to understand his teachings. This is the concept of the Original Buddha. According to the Original Buddha's teachings, we need only live in accordance with the truth of the universe, the original Buddha will appear to us. At that time the dark cloud of illusion covering our minds and bodies vanishes completely and the brilliant light of our essential life begins to shine from within our minds. This state of mind is our real salvation, and the spiritual state that we should attain. *Twenty-first, Bhisma-garjita-ghosa-svara-rajā Tathagata:* Name of a legendary Buddha. The king with the awe-inspiring voice, the name of countless Buddhas successively appearing during the empty kalpa. *Twenty-second, Megha- Dundubhi-svara-rajā Tathagata:* A Buddha who has a voice as musical as the sound of the thunder of the clouds and conversant with the appearance of the regents of the nakshatras. A Buddha possessing the wisdom of the Thunder-god and of the flowery stars. *Twenty-third, Amoghasiddhi Tathagata:* Sakyamuni Buddha who reigns in the North, the world of the Lotus Adornment.



**Chương Tám**  
**Chapter Eight**

**Gia Đình Của Các Đấng Như Lai**

**I. Tứ Chủng Như Lai:**

Thứ nhất là Tam Tạng Phật: Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề của xứ Ma Kiệt Đà, dùng cỏ tươi làm đệm, dứt bỏ hoặc kiến tư mà giác ngộ. Thứ nhì là Thông Phật: Ở ngôi nhân vị đã dứt bỏ kiết sử và nghi hoặc, ngồi dưới gốc bồ đề thất bảo của xứ Ma Kiệt Đà, dùng áo trời làm đệm, dứt bỏ tâm tư mà thành chánh giác. Thứ ba là Biệt Phật: Dứt bỏ 12 phẩm vô minh nhập vào ngôi vị Diệu Giác, ngồi ở chính tòa đại bảo hoa, dưới gốc cây bồ đề thất bảo của Liên Hoa Tạng thế giới, mà hiện báo thân viên mãn, đây chính là Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai nói đến trong Kinh Phạm Võng. Thứ tư là Viên Phật: Dứt bỏ phẩm vô minh mà thành thanh tịnh pháp thân, an trụ cõi thường tịch quang, lấy hư không làm chỗ ngồi, tức là Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai nói đến trong Kinh Hoa Nghiêm.

**II. Tứ Phương Tứ Như Lai:**

Bốn vị Như Lai hay bốn vị Phật ở bốn phương. Thứ nhất là Đông phương, thế giới Hương Tích có A Súc Bệ hay Bất Động Tôn Như Lai. Thứ nhì là Nam phương, Hoan Hỷ thế giới có Bảo Tướng Như Lai. Thứ ba là Tây phương, Hoan Lạc thế giới có Vô Lượng Thọ Như Lai. Thứ tư là Bắc phương, Liên Hoa Trang Nghiêm thế giới có Vi Diệu Thanh Phật hay Thích Ca Mâu Ni Như Lai.

**III. Năm Vị Như Lai Của Kim Cang và Thai Tạng Giới:**

Thứ nhất là Tỳ Lô Giá Na Như Lai: Phật Đại Nhựt, tượng trưng cho pháp thân vĩnh cửu và thanh tịnh. Còn được gọi là Đại Tỳ Lô Giá Na Phật (là tinh túy của chư Phật). Ngài ngự tại trung tâm Thai Tạng và Kim Cang giới. Thứ nhì là A Súc Bệ hay Bất Động Tôn Như Lai: Còn gọi là Đông Phật, hay vị Phật tượng trưng cho Bất Lai Chuyển. Thứ ba là Nam Phật: Bảo Sanh Như Lai, tượng trưng cho phước đức huy hoàng (bảo hộ cho các kho báu). Thứ tư là A Di Đà Như Lai: Còn gọi là Tây Phật, là vị Phật tượng trưng cho trí tuệ trong hành động. Thứ năm là Phật Thích Ca cho hóa thân độ chúng.

#### **IV. Kim Cang Giới Ngũ Bộ:**

*Thứ nhất là Trung Đài Đại Nhật Như Lai:* Phật Tỳ Lô Giá Na, tên của Phật Dhyani. Trong các trường phái tại các nước Đông Á, Đức Đại Nhật Như Lai thường được xem như là vị “Bổn Phật,” có nghĩa là vị Phật luôn ở trạng thái giác ngộ. Ngài tiêu biểu cho “Pháp thân,” và người ta nói Ngài đang ngự trên “Hoa Tạng Thế Giới.” Đại Nhật Như Lai hay Quang Minh Biến Chiếu (vị Phật phi lịch sử), một trong năm vị Phật siêu việt trong trường phái Đại Thừa. Bên cạnh Ngài còn một vị Bồ Tát siêu việt tên là Phổ Hiền và Cổ Phật Câu Lưu Tôn. Phật Tỳ Lô Giá Na là biểu tượng của cử chỉ sáng suốt cao tuyệt, hay tâm thức vũ trụ, tức là Phật trí thức siêu việt, và một trong những biểu tượng của Ngài là “Pháp Luân.” Tịnh Độ của Ngài là toàn thể vũ trụ. Người ta thường họa Ngài với nước da trắng và tay đang bắt ấn “đại trí. Ngày vía Đức Đại Nhật Như Lai là ngày hai mươi tám trong tháng. *Thứ nhì là Đông Độ Bất Động Tôn Như Lai:* Còn gọi là A Súc Bệ Phật, vị Phật đang ngự trị nơi Thiên đường Đông độ, một trong năm vị cổ Phật (Tỳ lô giá Na, A Súc Bệ Phật, Đa Bảo Như Lai, A Di Đà Phật, và Vô Bồ Úy Như Lai). *Thứ ba là Nam Phương Bảo Sanh Như Lai:* Bảo Sanh Như Lai là một trong năm vị Phật siêu việt, mà trú xứ của ngài là Nam Phương Tịnh Độ. Về Tiểu Tượng học, người ta thường phác họa Ngài có da màu vàng kim, ngồi tọa thiền vị thế kiết già, tay bắt ấn “ban phát ước nguyện.” Ở Tây Tạng ngài thường được họa đang quán lấy Kamaki. Nam Phật còn được biết như người ban bố từ bi. Phật trần thế Kashyapa và Bồ tát siêu việt Bảo Chưởng đều phục tùng Nam Phật. Ngài thường ngồi trên lưng sư tử với cử chỉ chấp thuận những mong ước. *Thứ tư là Ly Bồ Úy Như Lai:* Đây là vị thực hiện mục đích không sợ hãi. Một trong năm vị Phật siêu việt trong Phật giáo Đại thừa, mà Đức Di Lạc thế gian và Bồ Tát siêu việt đều phải theo. Ngài có liên hệ đến hướng chánh Bắc, người ta thường họa hình Ngài có da xanh tay trái trong lòng, lòng bàn tay ngửa lên, trong khi tay phải bắt ấn dấu vô úy. *Thứ năm là Bắc Phương Bất Không Thành Tựu Như Lai:* Một trong năm vị Phật trong Phật gia trong Kim Cang Giới. Ngài là giáo chủ của Bắc Phương Tịnh Độ, hình vàng rực rỡ, tay trái vung ra, tay phải Ngài bắt ấn “vô úy.” Ngài ngồi trên Kim Cang Tòa, hai chân kiết già, dấp dấp uy nghi, tay trái đặt trong lòng, lòng bàn tay hướng lên; đây là dấu hiệu của hai kim cang chùy hay hai lưỡi gươm; tay phải đưa

thẳng lên trong dấu hiệu ban phúc, ngón tay thẳng. Dấu hiệu là đôi Kim Cang màu xanh lá cây, chữ “ah,” bông sen xanh; bên dưới tòa sen có hai Kim Sí Điểu hay Ca Lô La (loài thần điểu nửa người nửa chim).

#### ***V. Năm Vị Như Lai Trong Phật Giáo Đại Thừa:***

*Thứ nhất là Dược Vương Như Lai:* Còn được gọi là Dược Sư hay Dược Vương. Phật Dược Sư trong nhiều truyền thống Đại Thừa đặc biệt liên hệ tới sự chữa lành các bệnh. Ngài thường được phác họa một tay cầm thuốc và một tay cầm phương thức trị liệu. Phật Dược Sư Lưu Ly Quang, giáo chủ của nước Tịnh Lưu Ly ở phương đông, có khả năng chữa lành bá bệnh cho chúng sanh, kể cả bệnh vô minh hay ngu si. Hình tượng của Ngài thường được đặt bên trái của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Xuất xứ của Ngài chưa được biết rõ, nhưng có nhiều kinh liên hệ tới ngài. Ngày vía Đức Phật Dược Sư là ngày mồng tám trong tháng

*Thứ nhì là Đa Bảo Như Lai:* Đa Bảo Như Lai là một vị cổ Phật (ở thế giới Đông Phương Bảo Tịnh) đã nhập Niết bàn, đã xuất hiện nghe Phật Thích Ca thuyết kinh Pháp Hoa (phẩm 11), do sự hiện diện của Phật Đa Bảo, chúng ta thấy Niết bàn không phải là sự hủy diệt. Phật Đa Bảo là một hình ảnh quan trọng trong Kinh Pháp Hoa: một tòa bảo tháp cổ nổi lên từ dưới đất (tầng địa đồng xuất), một vị cổ Phật từ đó bước ra. Biểu tượng này tượng trưng cho chân lý trường tồn, dù đôi khi chân lý ấy bị lu mờ hay chôn vùi; cũng có lúc nó sẽ được phát hiện sáng ngời. Theo Kinh Địa Tạng Bồ Tát, phẩm thứ chín, vô lượng vô số hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đa Bảo Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đày, sanh lòng cung kính, không bao lâu người ấy sẽ đặng quả A La Hán.

*Thứ ba là Tỳ Lô Giá Na Như Lai:* Còn gọi là Phật Tỳ Lô Giá Na, tên của Phật Dhyani. Trong các trường phái tại các nước Đông Á, Đức Đại Nhật Như Lai thường được xem như là vị “Bổn Phật,” có nghĩa là vị Phật luôn ở trạng thái giác ngộ. Ngài tiêu biểu cho “Pháp thân,” và người ta nói Ngài đang ngự trên “Hoa Tạng Thế Giới.” Đại Nhật Như Lai hay Quang Minh Biến Chiếu (vị Phật phi lịch sử), một trong năm vị Phật siêu việt trong trường phái Đại Thừa. Bên cạnh Ngài còn một vị Bồ Tát siêu việt tên là Phổ Hiền và Cổ Phật Câu Lưu Tôn. Phật Tỳ Lô

Giá Na là biểu tượng của cử chỉ sáng suốt cao tuyệt, hay tâm thức vũ trụ, tức là Phật trí thức siêu việt, và một trong những biểu tượng của Ngài là “Pháp Luân.” Tịnh Độ của Ngài là toàn thể vũ trụ. Người ta thường họa Ngài với nước da trắng và tay đang bắt ấn “đại trí.” Ngày vía Đức Phật Lư Già Na là ngày hai mươi bảy trong tháng.

*Thứ tư là A Súc Bệ Phật hay Bất Động Tôn Như Lai:* A Súc Bệ Phật là vị Phật đang ngự trị nơi Thiên đường Đông độ, một trong năm vị cổ Phật (Tỳ lô giá Na, A Súc Bệ Phật, Đa Bảo Như Lai, A Di Đà Phật, và Vô Bồ Úy Như Lai). Đức A Súc Bệ Phật của thế giới Diêu Hỷ, ngài là một trong năm vị Phật Thiên Định hay Siêu Việt. Ngài luôn tỉnh lặng, thanh khiết và vô tham dục. Trong Phật giáo, thiên đường không nhằm chỉ một địa danh, mà là một trạng thái của tâm thức. Ngày vía Đức A Súc Bệ Phật là ngày mồng bốn trong tháng.

*Thứ năm là Thích Ca Mâu Ni Như Lai:* Đức Phật lịch sử, người đã sanh ra trong dòng họ Thích Ca. Nhà Thông Thái của dòng họ Thích Ca. Phật Thích Ca Mâu Ni, vị Phật lịch sử đã sáng lập ra Phật giáo. Ngài tên là Cồ Đàm Sĩ Đạt Đa, đản sanh năm 581-501 trước Tây lịch, là con đầu lòng của vua Tịnh Phạn, trị vì một vương quốc nhỏ mà bây giờ là Nepal và kinh đô là Ca Tỳ La Vệ. Vào tuổi 29 Ngài lìa bỏ cung điện và vợ con, ra đi tìm đường giải thoát chúng sanh. Vào một buổi sáng lúc Ngài 35 tuổi, Ngài đã thực chứng giác ngộ trong khi đang thiền định dưới cội Bồ đề. Từ đó về sau, Ngài đã đi khắp các miền Ấn Độ giảng pháp giúp người giải thoát. Ngài nhập diệt vào năm 80 tuổi. Sau đây là bài kệ phó pháp của đức Thích Ca truyền lại chánh pháp cho tôn giả Ca Diếp:

"Pháp vốn là pháp chẳng pháp  
 Chẳng pháp pháp cũng là pháp  
 Nay ta trao cái chẳng pháp  
 Pháp có bao giờ là pháp?"

Theo Eitel trong Trung Anh Phật Học Từ Điển, Thích Ca Mâu Ni là vị Thánh của dòng họ Thích Ca. Chử Thích Ca có nghĩa là nhân từ hay tịnh mặc, là một vị sống độc cư, hay bậc tịch tĩnh trong dòng họ Thích Ca. Sau 500 hay 550 kiếp, cuối cùng Đức Thích Ca Mâu Ni đạt được quả vị Bồ tát, sanh vào cung trời Đâu Suất, và vào ngày 8 tháng tư giáng trần bằng bạch tượng, vào hông phải của Hoàng Hậu Ma Da vợ vua Tịnh Phạn. Năm sau vào ngày 8 tháng hai Hoàng Hậu hạ sanh ngài trong vườn Lâm Tỳ Ni, ở phía đông thành Ca Tỳ La Vệ, nay

thuộc Népal. Ngài là con vua Tịnh Phạn, dòng dõi Sát Đế Lợi, cai trị thành Ca Tỳ La Vệ. Hạ sanh ngài được bảy ngày thì Hoàng Hậu Ma Da qua đời, ngài được bà dì tên Ba Xà Ba Đề nuôi nấng dạy dỗ. Ngài vâng lệnh vua cha kết hôn cùng công chúa Da Du Đà La, được một con trai tên La Hầu La. Sau đó Ngài lìa bỏ gia đình ra đi tìm chân lý, trở thành một nhà tu khổ hạnh, cuối cùng vào năm 35 tuổi Ngài chứng ngộ và nhận thức rằng giải thoát khỏi vòng sanh tử không phải do khổ hạnh, mà do nơi giới đức thanh tịnh; những điều này ngài giải thích trong Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo. Cộng đồng Tăng Sĩ của ngài dựa trên đức hạnh và trí tuệ, được biết đến như là Đạo Phật, và Ngài cũng được biết đến như là vị Phật. Ngài nhập diệt khoảng năm 487 trước Tây Lịch, khoảng 8 năm trước Khổng Tử. Tên tộc (gia đình) của ngài là Cồ Đàm, người ta nói Cồ Đàm là tên của toàn bộ tộc.

#### ***VI. Năm Vị Như Lai Theo Chân Ngôn Tông:***

Từ thứ nhất đến thứ tư xin xem nơi Chương Sáu (V). *Thứ năm là Ly Bồ Úy Như Lai:* Ly Bồ Úy Như Lai là vị thực hiện mục đích không sợ hãi. Một trong năm vị Phật siêu việt trong Phật giáo Đại thừa, mà Đức Di Lạc thế gian và Bồ Tát siêu việt đều phải theo. Ngài có liên hệ đến hướng chánh Bắc, người ta thường họa hình Ngài có da xanh tay trái trong lòng, lòng bàn tay ngửa lên, trong khi tay phải bắt ấn dấu vô úy.

#### ***VII. Ngũ Như Lai Sinh Ngũ Bồ Tát:***

Phật sinh Bồ Tát theo Phật giáo có nghĩa là một vị Bồ Tát tiêu biểu hay đại diện cho pháp thân của vị Phật. Năm vị Bồ Tát, năm vị Kim Cang, và năm vị Phần nộ tiêu biểu cho năm vị Phật: Thứ nhất, Tỳ Lô Giá Na Như Lai dưới ba hình thức: Chuyển Pháp Luân Bồ Tát, Biến Chiếu Kim Cang, và Bất Động Minh Vương. Thứ nhì, Bất Động Tôn Như Lai hay A Súc Bệ Phật dưới ba hình thức: Hư Không Tạng, Như Ý, và Quân Trà Lợi Minh Vương. Thứ ba, Bảo Sanh Như Lai hay Nam Phật Phật dưới ba hình thức: Phổ Hiền, Tát Đỏa, và Giáng Tam thế Minh vương. Thứ tư, A Di Đà Như Lai dưới ba hình thức: Quán Thế Âm, Pháp Kim Cang, và Mã đầu Minh vương (Hayagriva). Thứ năm, Bất Không Như Lai dưới ba hình thức: Di Lạc, Nghiệp Kim Cang, và Kim Cang Dạ Xoa.

#### ***VIII. Ngũ Như Lai Ngũ Kim Cang:***

Năm vị Kim Cang: Kim Cang Tát Đỏa, Kim Cang Dục (vị Bồ Tát có sức mạnh phá bỏ dục vọng như kim cương), Kim Cang Mạn (vị Bồ Tát có sức mạnh phá bỏ kiêu mạn như kim cương), Kim Cang Ái (vị Bồ Tát có sức mạnh phá bỏ ái dục như kim cương), và Kim Cang Xúc (vị Bồ Tát có sức mạnh phá bỏ sự lôi cuốn của xúc chạm như kim cương), trong đó Kim Cang Tát Đỏa là chủ của 4 vị kia.

***IX. Ngũ Như Lai Ngũ Sắc:***

Còn gọi là Ngũ Phật Ngũ Sắc: Năm vị Phật tương ứng với năm màu sắc: Phật Tỳ Lô Giá Na tương ứng với sắc Trắng; Phật A Súc Bệ tương ứng với sắc Xanh; Phật Bảo Sanh hay Nam Phật tương ứng với sắc Vàng; Phật A Di Đà tương ứng với sắc Đỏ; Phật Ly Bồ Úy hay Bất Không Phật tương ứng với sắc Xanh lá cây.

***X. Ngũ Như Lai Ngũ Đại:***

Còn gọi là Ngũ Phật Ngũ Đại: Ngũ Phật tương ứng với ngũ đại: Phật Tỳ Lô Giá Na tương ứng với Hư Không; Phật A Súc Bệ tương ứng với Đất; Bảo Sanh Phật hay Nam Phật tương ứng với Lửa; Phật A Di Đà tương ứng với Nước; Phật Ly Bồ Úy hay Bất không Phật tương ứng với Gió.

***XI. Ngũ Như Lai Ngũ Vị:***

Còn gọi là Ngũ Phật Ngũ Vị: Năm vị Phật tương ứng với năm vị thế: Phật Tỳ Lô Giá Na ở Trung tâm; Phật A Súc Bệ ở Đông Độ; Phật Bảo Sanh hay Nam Phật ở Nam Độ; A Di Đà Phật ở Tây Phương; Ly Bồ Úy hay Bất Không Phật ở phương Bắc.

***XII. Ngũ Như Lai Ngũ Quan:***

Còn gọi là Ngũ Phật Ngũ Quan: Ngũ Phật tương ứng với ngũ quan: Phật Tỳ Lô Giá Na tương ứng với thị giác; Phật A Súc Bệ tương ứng với thính giác; Phật bảo Sanh hay Nam Phật tương ứng với khứu giác; Phật A Di Đà tương ứng với vị giác; Phật Ly Bồ Úy hay Bất Không tương ứng với xúc giác.

***Tathagatas' Families***



***I. Four Types of the Tathagata:***

First, the Tathagata of the Tripitaka who attained enlightenment on the base ground under the bodhi-tree. Second, the Tathagata on the deva robe under the bodhi-tree of the seven precious things. Third, the Tathagata on the great precious Lotus throne under the Lotus realm bodhi-tree. This is the Vairocana mentioned in the Brahma Net Sutra. Fourth, the Tathagata on the throne of space, in the realm of eternal rest and glory, where he is a Vairocana mentioned in the Flower Adornment Sutra.

***II. Four Tathagatas of the Four Regions:***

First, East, the world of abundant fragrance where reigns Aksobhya Tathagata. Second, South, the world of pleasure where reigns Ratnaketu Tathagata. Third, West, the world of restfulness or joyful comfort where reigns Amitabha Tathagata. Fourth, North, the world of Lotus Adornment where reigns Amoghasiddhi Tathagata or Sakyamuni.

***III. The Five Dhyani-Tathagatas of the Vajradhatu and Garbhadhatu:***

The five Buddhas in their five manifestations. First, Vairocana Tathagata: Vairocana Tathagata as eternal and pure dharmakaya. Also called Mahavairocana. He situated in the centre of both Garbhadhatu and Vajradhatu. Second, Aksobhya Tathagata: Aksobhya, also called the Buddha of the Eastern Pure Land, as immutable and sovereign. Third, Ratnasambhava Tathagata: Ratnasambhava as bliss and glory. Fourth, Amitabha Tathagata: Also called Buddha of the Western Pure Land. Amitabha as wisdom in action. Fifth, Sakyamuni as incarnation nirmanakaya.

***IV. Five Divisions of Vajradhatu:***

*First, Vairocana Tathagata in the center:* Great Sun Tathagata (coming from or belonging to the sun), name of a Dhyani Buddha (a son of the sun or the Dhyani Buddha of the centre). The central Sun, personifying the Dharma-Dhatu or Supreme Wisdom. In East Asian traditions, this Buddha is often referred to as the “Original Buddha” (Adi-Buddha), meaning that he has always been awakened. He represents the “truth body” (Dharmakaya), and he is said to preside

over the “Flower Treasury World.” Vairocana or the All-Illuminating One (of the non-historical Buddha), is one of the five transcendent buddhas. He is associated with the transcendent Bodhisattva Samantabhadra and the earthly Buddha Krakuchchanda. Vairocana a symbol of supreme wisdom, or cosmic consciousness, that is, transcendental Buddha-knowledge, and one of his symbols is the “wheel of doctrine” (Dharmacakra). His Pure Land is the entire cosmos. He is often depicted with white skin and making the Mudra of “supreme wisdom.” Day dedicated to His manifestation (to a Buddha's vital spirit) is the twenty-eighth of the month. *Second, Aksobhya Tathagata in the east:* Aksobhya Buddha or the Immovable Buddha, the Buddha in the Eastern Heaven of Abhirati, the realm of joy. One of the five Wisdom or Dhyana Buddhas (Vairocana, Aksobhya, Ratnasambhava, Amitabha, and Amoghasiddhi). *Third, Ratnasambhava Tathagata in the south:* Jewel Born Tathagata is one of the five buddhas, who presides over a “pure land” in the south. Iconographically, he is generally portrayed with golden skin and sitting in the Yogic Padmasana position, making the “wish-granting” gesture (varada-mudra). In Tibet he is often portrayed embracing his consort Mamaki. Also known as the Compassionate Giver. He is associated with the earthly buddha Kashyapa and a transcendent bodhisattva Ratnapani. Ratna-Sambhava is always riding a lion or a horse, making the gesture of wish granting. *Fourth, Non-Fearfulness Tathagata:* Amoghasiddhi was one whose achievement is not in vain, who unerringly achieves his goal. One of the five transcendent or Celestial Buddhas of Mahayana Buddhism. With him are associated the earthly Maitreya Buddha and the transcendental bodhisattva Vishvapani. He is associated with the northern direction. He is always depicted with green skin and with his left hand in his lap, palm up, while his right hand makes the gesture of fearlessness (abhaya-mudra). *Fifth, Amoghasiddhi Tathagata in the north:* The Tathagata of unerring performance, the fifth of the five wisdom of dhyani-buddhas of the diamond realm. He is placed in the north, his image is gold-coloured, left hand clenched, right fingers extended pointing to breast. Also he is seated in “Adamantine” pose, legs closely locked, sole apparent, left hand in lap, palms upwards, may balance a double vajra, or sword; right hand erect in blessing, fingers extended. Symbol double vajra;

colour green; word, ah!; blue green lotus; element, earth; animal, garuda; Sakti (female personification), Tara; Manusi-Buddha (human or savior Buddha), Maitreya.

**V. Five Tathagatas or Dhyani-Buddhas in Mahayana Buddhism:**

*First, Bhaisajya Tathagata:* Also called Medicine Teacher or Medicine King. The “Medicine Buddha” who in many Mahayana traditions is particularly associated with healing. He is often pictured iconographically as holding healing herbs in one hand and medical treatises in the other. The Buddha of Medicine, who heals all diseases, including the disease of ignorance. His image is often at the left of Sakyamuni Buddha’s, and he is associated with the east. The history of this personification is not yet known, but there are several sutras relating to him. When he was a Bodhisattva, he initiated 12 great vows to cause living beings to obtain what they wish. Day dedicated to His manifestation (to a Buddha's vital spirit) is the eighth day of the month.

*Second, Prabhutaratna Tathagata:* Jeweled Appearance Thus Come One (Abundant-treasures or Many Jewels Buddha) was an Ancient Buddha, who entered Nirvana a long long time ago, who appeared in his stupa to hear the Buddha preach the Lotus Sutra (chapter 11), by his presence revealing that nirvana is not annihilation. Prabhutaratna Buddha, an important image in the Lotus Sutra: an ancient monument emerges from the ground, opens up, and reveals an extinct Buddha, named Prabhutaratna, who although extinct is still alive and teaching. This symbolizes the idea that truth is eternal, even though it may sometimes be concealed or forgotten, sometimes revealed or rediscovered. According to the Earth Store Bodhisattva Sutra, Chapter 9, in the past, a Buddha named Jeweled Appearance Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha’s name and gives rise to a thought of respect, that person will, before long, attain the fruit of Arhatship

*Third, Vairocana Tathagata:* Also called Vairocana Buddha, Great Sun Tathagata (coming from or belonging to the sun), name of a Dhyani Buddha (a son of the sun or the Dhyani Buddha of the centre). The central Sun, personifying the Dharma-Dhatu or Supreme Wisdom. In East Asian traditions, this Buddha is often referred to as the “Original Buddha” (Adi-Buddha), meaning that he has always been

awakened. He represents the “truth body” (Dharmakaya), and he is said to preside over the “Flower Treasury World.” Vairocana or the All-Illuminating One (of the non-historical Buddha), is one of the five transcendent buddhas. He is associated with the transcendent Bodhisattva Samantabhadra and the earthly Buddha Krakuchchanda. Vairocana a symbol of supreme wisdom, or cosmic consciousness, that is, transcendental Buddha-knowledge, and one of his symbols is the “wheel of doctrine” (Dharmacakra). His Pure Land is the entire cosmos. He is often depicted with white skin and making the Mudra of “supreme wisdom.” Day dedicated to His manifestation (to a Buddha's vital spirit) is the twenty-seventh day of the month.

*Fourth, Aksobhya Tathagata:* Aksobhya Buddha or the Immovable Buddha, the Buddha in the Eastern Heaven of Abhirati, the realm of joy. One of the five Wisdom or Dhyana Buddhas (Vairocana, Aksobhya, Ratnasambhava, Amitabha, and Amoghasiddhi). The Imperturbed (Unperturbed or motionless) Buddha who is always calm, serene and absence of passion. In Buddhism, paradise is not understood as a location but rather as a state of consciousness. Day dedicated to His manifestation (to a Buddha's vital spirit) is the fourth day of the month.

*Fifth, Sakyamuni Tathagata:* Sakyamuni Tathagata was the historical Buddha, who was born into the Sakya clan. Historical founder of Buddhism, Gautama Siddhartha, the Buddha Sakyamuni, who was born in 581-501 BC as the first son of King Suddhdana, whose small kingdom with the capital city of Kapilavastu was located in what is now Nepal. At the age of twenty nine, he left his father's palace and his wife and child in search of the meaning of existence and way to liberate. One morning at the age of thirty five, he realized enlightenment while practicing meditation, seated beneath the Bodhi tree. Thereafter, he spent the rest 45 years to move slowly across India until his death at the age of 80, expounding his teachings to help others to realize the same enlightenment that he had. The following is the gatha from Sakyamuni Buddha:

"The Dharma is ultimately a dharma  
Which is no-dharma;  
A dharma which is no-dharma  
Is also a dharma;

As I now hand this no-dharma over to you;  
 What we call the Dharma, the Dharma,  
 Where after all is the Dharma?"

According to Eitel in *The Dictionary of Chinese-English Buddhist Terms* composed by Professor Soothill, Sakyamuni, the saint of the sakya tribe. Muni is saint, holy man, sage, ascetic, monk; it is interpreted as benevolent, charitable, kind, also as one who dwells in seclusion. After 500 or 550 previous incarnations, Sakyamuni finally attained to the state of Bodhisattva, was born in the Tusita heaven, and descended as a white elephant, through her right side, into the womb of the immaculate Maya, the purest woman on earth; this was on the 8<sup>th</sup> day of the 4<sup>th</sup> month; the following year on the 8<sup>th</sup> day of the 2<sup>nd</sup> month he was born from her right side painlessly as she stood under a tree in the Lumbini garden. He was born the son of King Suddhodana, of the Ksatriya caste, ruler of Kapilavastu, and Maya his wife; that Maya died seven days later, leaving him to be brought up by her sister Prajapati; that in due course he was married to Yasodhara who bore him a son, Rahula; that in search of truth he left home, became an ascetic, severely disciplined himself, and finally at 35 years of age, under a tree, realized that the way of release from the chain of rebirth and death lay not in asceticism but in moral purity; this he explained first in his four dogmas, and eightfold noble way. He founded his community on the basis of poverty, chastity, and insight or meditation, and it became known as Buddhism, as he became known as Buddha, The Enlightened. His death was probably in or near 487 B.C., a few years before that of Confucius in 479. The sacerdotal name of his family is Gautama, said to be the original name of the whole clan, Sakya being that of his branch; his personal name was Siddhartha, or Sarvarthasiddha.

***VI. The Five Dhyani-Tathagatas of According to the Shingon Sect (Real or substantive word):***

From the first to the fourth, please see in Chapter Six (V). *Fifth, Amoghasiddhi Tathagata*: Abhayam-kara-tathagata or Free-From-Fear Tathagata, one whose achievement is not in vain, who unerringly achieves his goal. One of the five transcendent or Celestial Budhhas of Mahayana Buddhism. With him are associated the earthly Maitreya

Buddha and the transcendental bodhisattva Vishvapani. He is associated with the northern direction. He is always depicted with green skin and with his left hand in his lap, palm up, while his right hand makes the gesture of fearlessness (abhaya-mudra).

***VII. Five Tathagatas or Buddhas That Correspond to the Five Bodhisattvas:***

Buddhas that correspond to the five Bodhisattvas in Buddhism means a Bodhisattva who represents the Buddha's dharmakaya. Five Bodhisattvas who represent the Buddha's dharmakaya, or spiritual body; wisdom in graciousness and a fierce or angry form against evil: First, Vairocana (Đại Nhật Như Lai) appears in the three forms: Vajraparamita Bodhisattva, Universally Shining Vajrasattva, and Arya-Acalanatha Raja. Second, Aksobhya appears in the three forms: Akashagarbha, Complete Power, and Kundali-Raja. Third, Ratnasambhava's three forms: Samantabhadra, Sattva-vajra, and Trailokyavijaya-raja. Fourth, Amitabha Buddha appears in three forms: Avalokitesvara, Dharmaraja, and the horse-head Dharmapala. Fifth, Amoghasiddhi Buddha appears in three forms: Maitreya, Karmavajra, and Vajrayaksa.

***VIII. Five Tathagatas & Five Vajra Rajas:***

The five Vajra rajas: Vajrasattva-mahasattva, Kama-vajra (Diamond-Passion Bodhisattva), Vajra-Mana (Diamond-Pride Bodhisattva), Vajrakamar (Diamond-Love Bodhisattva), and Vajra-Sparsa (Diamond Touch Bodhisattva); the Vajrasattva-mahasattva is the lord of the other four.

***IX. Five Tathagatas That Correspond to the Five Colors:***

Also called the five Buddhas correspond to five colours: Vairocana Buddha corresponds to White; Aksobhya Buddha corresponds to Blue; Ratnasambhava Buddha corresponds to Yellow; Amitabha Buddha corresponds to Red; Amoghasiddhi Buddha corresponds to Green.

***X. Five Tathagatas That Correspond to the Five Elements:***

Also called the five Buddhas correspond to five elements: Vairocana Buddha corresponds to Space (Ether); Aksobhya Buddha corresponds to Earth; Ratnasambhava Buddha corresponds to Fire; Amitabha Buddha corresponds to Water; Amoghasiddhi Buddha corresponds to Wind or Air.

***XI. Five Tathagatas That Correspond to the Five Positions:***

Also called the five Buddhas correspond to five positions: Vairocana Buddha in the Center; Aksobhya Buddha in the East; Ratnasambhava Buddha in the South; Amitabha Buddha in the West; and Amoghasiddhi Buddha in the North.

***XII. Five Tathagatas That Correspond to the Five Senses:***

Also called the five Buddhas correspond to five senses: Vairocana Buddha corresponds to Sight; Aksobhya Buddha corresponds to Sound; Ratnasambhava corresponds to Smell; Amitabha Buddha corresponds to Taste; Amoghasiddhi Buddha corresponds to Touch.





**Chương Chín**  
**Chapter Nine**

**Năm Gia Đình Của Các Đấng Như Lai**  
**Trong Phật Giáo Mật Tông Tây Tạng**

Theo Phật giáo Mật tông Tây Tạng, có năm gia đình Phật hay còn được gọi là năm nguyên lý trong tu tập theo Mật Tông. *Gia đình Như Lai hay Phật đầu tiên là gia đình Kim Cang*: Theo nghĩa là gia đình của sự sắc bén, kết tụ và bền chắc. Từ Vajra thỉnh thoảng được dịch một cách cạn cợt là “Kim cương,” nhưng dịch như vậy không được chính xác. Theo truyền thống thì kim cương là một loại đá quý từ cõi trời có khả năng cắt đứt mọi vật. Nó thật sự hơn hẳn một viên kim cương của thế tục; nó hoàn toàn không thể bị phá hủy được. Gia đình Kim cương được biểu hiện qua hình tượng của chiếc chùy kim cương, hay kim cương quyền trượng, tiếng Tây Tạng là Dorje. Chiếc chùy kim cương hay viên siêu kim cương này có năm cạnh, biểu tượng cho năm sự cảm thọ của chúng ta: sân hận, kiêu mạn, tham dục, ganh tỵ, và si mê. Những cạnh bén của chiếc chùy Kim cương chẳng những có khả năng cắt đứt mọi thứ tâm lý bệnh hoạn thuộc năm lãnh vực trên, mà chúng còn có khả năng nhạy bén đối với những viển cảnh có thể xảy ra. Nói khác đi, kim cương bất hoại được nói như một đồng lưỡi dao bào: nếu chúng ta ngây ngô nắm chúng trong tay hay sờ vào chúng, chúng ta luôn luôn bắt gặp những lưỡi dao bén cắt vào tay ta và đi xuyên suốt qua thân tâm ta. Khái niệm ở đây về kim cương có thể điều chỉnh hay chữa lành các tâm lý bệnh hoạn một cách chính xác. Trong đời sống bình thường có lẽ sự cảm thọ về Kim cương không có tác dụng mạnh như những lưỡi dao bào trong tay chúng ta, nhưng cũng không kém phần nhạy bén và cá biệt. Nó giống như cái lạnh cắt da của mùa Đông. Mỗi khi chúng ta đi ra ngoài trời chúng ta liền bị tê cóng tức thì. Đối với các học giả thì tác dụng của Kim cương rất nhạy bén. Tất cả các học giả đều là thành viên của gia đình này. Một thành viên trong gia đình Kim Cang là những người có khả năng phán xét mọi việc đúng hay sai một cách hợp lý. Trí thức của gia đình Kim Cang bao hàm sự nhạy bén đối với sự cởi mở và cái nhìn tổng quát mọi khía cạnh của các sự việc. Chẳng hạn họ có thể nhìn một quả cầu thủy tinh từ hàng trăm góc cạnh, tùy theo nơi

để quả cầu, cách nhìn quả cầu, khoảng cách từ nơi quan sát đến quả cầu, vân vân. Sự tri thức của gia đình Kim Cang không thể đơn thuần hiểu theo nghĩa của một bộ bách khoa tự điển; nó nhạy bén và tinh giác về các viễn cảnh của vấn đề. Sự bất hoại và nhạy bén này là những bản năng cá biệt và rất thật. Sự diễn tả về bệnh hoạn của Kim Cang liên hệ tới sân hận và tánh chấp thủ về tri thức. Nếu chúng ta chấp chặt vào một kiểu lý luận đặc biệt nào đó thì sự nhạy bén của Kim Cang liền bị cứng nhắc chứ không còn uyển chuyển như trước nữa. Chúng ta trở thành sở hữu của trí tuệ, chứ không còn rộng mở nữa. Sự sân hận trong Kim Cang có thể đơn thuần là sự hung hăng, nhưng cũng có thể là sự căng thẳng vì chúng ta chấp chặt vào sự nhạy bén của trí não chúng ta. Kim Cang cũng liên hệ tới nước. Dòng nước đục hay gợn sóng tượng trưng cho sự biểu lộ sân hận qua hành động giận dữ, trong khi dòng nước trong tượng trưng cho sự nhạy bén, chính xác và phản chiếu trí tuệ Kim Cương. Kỳ thật, trí tuệ kim Cang được gọi là “Đại viên cảnh trí” (loại trí tuệ trong sáng như gương soi vậy), nó cũng giống như mặt hồ tĩnh lặng. Một cách ngẫu nhiên, từ Kim Cang cũng được dùng trong các chữ “Kim Cang Thừa,” “Kim Cang Sư,” “Kim Cang mạn,” đều không phải là những ngôn ngữ dành cho gia đình Kim Cang, mà nó chỉ được dùng với nghĩa là “Bất Hoại” mà thôi. Kim Cang ở hướng Đông, vì Kim Cang được xếp vào sự liên hệ với ánh bình minh khi mặt trời mọc. Kim Cang được trình bày qua màu xanh dương và mang hình thể chiếc chùy kim Cang. Đây chính là hình ảnh của sự cảm thọ nhạy bén, giống như tinh thần tỉnh táo của chúng ta vào buổi ban mai khi chúng ta vừa thức giấc. Chúng ta nhìn trong ánh sáng của bình minh, khi những tia sáng đầu ngày được quả đất tiếp nhận và phản chiếu lại, biểu tượng của sự tỉnh thức về thực tại hiện hữu.

*Gia đình Như Lai hay Phật thứ nhì là gia đình Bảo Vương:* Bảo Vương có thật nghĩa là sự trải rộng hay sự giãn rộng chính mình và làm sung mãn thế giới quanh mình. Sự trải rộng, giàu có và đong đầy cũng có thể có trở ngại và yếu điểm. Trong khía cạnh tâm lý của Bảo Vương, sự giàu có của Bảo Vương có thể hiện qua hình tướng mập mạp và làm ra vẻ quan trọng, ngoài sức tưởng tượng của chúng ta. Họ luôn giãn rộng ra, phơi bày một cách vô tư và dễ bị đưa tới những hành động điên rồ. Nó giống như cảm giác bơi trong mật và bơ vậy. Một khi chúng ta bị những thứ ấy bám vào người thì chúng ta khó lòng thoát ra khỏi được chúng. Chúng ta không thể chỉ đơn thuần phủi chúng, mà

chúng ta cần phải có bột tấy hay xà bông để tẩy sạch các chất nhờn ấy ra khỏi cơ thể. Trên phương diện tích cực về sự diễn tả và bảo vương, nguyên tắc giàu có của Bảo vương thật đặc biệt lạ thường. Chúng ta cảm thấy vô cùng giàu có và đông đầy, và chúng ta tự trải rộng cả thế giới một cách cá biệt, trực tiếp, nhạy cảm, tâm lý và cả tâm linh nữa. Chúng ta mở rộng như cơn nước lũ hoặc như một cơn địa chấn. Chúng ta luôn có một cảm giác mở rộng, làm rung chuyển cả thế giới, tạo ra nhiều đường nứt trên quả địa cầu. Đây là khả năng mở rộng của Bảo vương. Sự giác ngộ của Bảo vương gọi là Bình đẳng tánh trí vì trong sự bao trùm cả vũ trụ Bảo vương chấp nhận mọi sự hiện hữu một cách bình đẳng. Do đó Bảo vương cũng là biểu tượng của mặt đất. Mặt đất chấp nhận những khúc gỗ nằm thoải mái trên đất. Khúc gỗ ấy không muốn rời mặt đất. Nó muốn nằm đó, nhưng đồng thời trên khúc gỗ ấy đủ thứ các loại nấm và rong rêu và chấp nhận tất cả sinh vật làm tổ sinh sống trên đó. Cái hiện tượng ù lì ấy cứ mãi như thế một cách tự nhiên, tự tạo phương tiện cho mình đồng thời mời gọi người khác đến cùng an dưỡng, đó là hình ảnh của Bảo vương. Bảo vương thuộc phương Nam. Gia đình này tượng trưng cho sự giàu sang, do vậy được trình bày qua màu vàng và mang hình hình thể một viên ngọc quý vào buổi trưa, khi chúng ta cần sự nghỉ ngơi tĩnh dưỡng và ăn uống bồi bổ cơ thể.

*Gia đình Như Lai hay Phật thứ ba là gia đình Liên Hoa:* Theo nghĩa đen là hoa sen. Biểu tượng của sự giác ngộ trong gia đình Liên hoa là đóa sen mọc lên từ trong bùn, nhưng lại tinh khiết và trong sáng. Những chứng bệnh của gia đình Liên hoa là những ảnh hưởng thần kinh theo cái tâm ái, thù và hữu (yêu thích, chấp chặt và sở hữu). Là một thành viên của gia đình Liên hoa, chúng ta là những chúng sanh của thế giới tham dục, chúng ta sẵn sàng quyến rũ thế giới, nhưng lại không chịu bỏ công ra tâm sự với thế giới. Bản chất của chúng ta là một con người khoác lác hay là một kẻ làm nghề quảng cáo, nhưng căn bản chúng ta là một con công thích khoe màu sắc lông lấy của nó. Kỳ thật, Kim Cang Thừa biểu tượng Đức Phật A Di Đà theo truyền thống ngồi trên mình công, nói lên sự chế ngự các tâm bệnh. Một người mang những tâm bệnh của gia đình Liên Hoa nói năng nhỏ nhẹ, nhỏ nhẹ một cách tuyệt vời, họ tỏa ra một sức quyến rũ mạnh về tình dục, vui vẻ, rộng lượng và hoàn toàn dễ thích nghi: “Nếu bạn làm tổn thương tôi, không sao. Đó là chuyện thường tình trong vấn đề tình cảm.

Sau khi bạn lắng lòng xin hãy trở lại với tôi.” Đây là lối quyến rũ theo tánh Liên hoa, đôi khi quá đáng, đôi khi nó đong đầy lòng bi mẫn, tùy theo cảm nhận của từng cá nhân. Liên hoa liên hệ với yếu tố về lửa. Trong trạng thái hỗn mang, lửa không phân biệt bất cứ vật gì mà nó gặp, nó cứ chụp lấy, đốt cháy và hủy hoại . trong tâm giác ngộ, ngọn lửa tình dục được biến thành sự nồng ấm của lòng bi mẫn. Khi các tâm bệnh của gia đình Liên Hoa được chuyển hóa, nó trở thành đặc tính của sự chính xác và tỉnh thức một cách mẫu nhiệm, nó trở thành những hành động đầy quan tâm và sự tìm cầu hiểu biết chân chánh. Tất cả mọi vật đều được thấy như là đặc tính riêng của chúng. Vì vậy trí tuệ của gia đình Liên Hoa được gọi là Diệu Quán Sát trí hay trí tuệ nhận biết nhiều khía cạnh khác nhau. Bản chất thật của sự quyến rũ của gia đình Liên Hoa chỉ là sự mở rộng thật sự (sự bày tỏ với thế giới hình tướng bên ngoài sự cởi mở của họ về những gì họ có và họ là gì). Họ sẽ đem lại cho thế giới những cảm giác thích thú đầy hứa hẹn. Trong tất cả những cảm thọ, họ đều cảm thấy mang lại nhiều hứa hẹn. Họ luôn luôn cảm nhận từ những cảnh giới chung quanh sự mời gọi và sự tiếp đón tự nhiên không gượng gạo. Phẩm chất này của Liên Hoa tạo cho chúng ta cảm giác chúng ta đang tắm trong nước hoa hay trong nước trà lài. Mỗi lần sau khi tắm chúng ta đều cảm thấy khỏe khắn tươi tắn tuyệt diệu và cảm thấy sự tiếp đãi thật vô cùng có ý nghĩa. Chủ cho chúng ta ăn những món ăn ngon, nhưng không bị đầy bụng. Chúng ta sống trong thế giới của sữa và mật, nhưng qua sự cảm thọ rất vi tế hoàn toàn khác hẳn với cảm thọ đầy ắp và ngọt ngào của gia đình Bảo vương. Thật là tuyệt diệu! Ngay cả miếng bánh mì chúng ta đang ăn cũng tỏa mùi thơm ngào ngạt, và miếng kem cũng mang màu hồng của cánh sen. Chúng ta khó kềm lòng trước sự hấp dẫn ấy và thèm thuồng muốn ăn ngay lập tức. Bên cạnh đó là tiếng nhạc để chịu và ngay cả không có nhạc đi chăng nữa, chúng ta thì trong gia đình Liên Hoa, khi chúng ta nghe những tiếng gió chung quanh ta nó cũng trở thành những điệu nhạc du dương. Dù chúng ta không phải là những nhạc sĩ chúng ta vẫn có thể sáng tác được đủ các loại nhạc. Chúng ta ao ước chúng ta trở thành nhà thơ hay một người mang tình thương kỳ diệu đến cho mọi người. Liên Hoa thuộc về hướng Tây, và được trình bày qua màu đỏ và hình thể một cánh sen. Khi một ngày sắp tàn, chúng ta bắt đầu tìm kiếm một người để yêu. Đây là thời gian của sự họp mặt, thời gian để đi đến cuộc hẹn hò với người yêu. Hay khi chúng

ta đặc biệt thích một món đồ cổ, một món đồ trang sức thì đây là lúc để chúng ta đi mua những thứ ấy.

*Gia đình Phật thứ tư là gia đình Nghiệp:* Đây là một gia đình mang những đặc tính hoàn toàn khác biệt. Ở đây không phải nói về những nghiệp báo, mà nói về nghiệp trong ý nghĩa rộng hơn, nó đơn giản là hành động. Tâm bệnh của gia đình của nghiệp chính là sự ganh tỵ, so sánh và ghen ghét. Trí tuệ của gia đình Nghiệp được gọi là trí tuệ hoàn thành của mọi hành động hay Thành Sở Tác Trí. Nó mang tính siêu việt trong sự hoàn tất tất cả mọi việc không cần tốn nhiều hơi sức, hay bị vướng vào các chứng tâm bệnh. Đây là một thành tựu quả nhiên qua cách sống và tiếp nhận thế giới của chúng ta. Trong tất cả mọi trường hợp, siêu việt và bệnh hoạn, Nghiệp đều đem đến một kết quả. Khi chúng ta sống trong gia đình Nghiệp qua màn vô minh chúng ta sẽ vô cùng khó chịu khi phát hiện ra một cọng tóc trong tách trà của chúng ta. Trước tiên chúng ta nghĩ là cái chén bị nứt và sợi tóc chính là cái lần rạn nứt. Sau đó chúng ta cảm thấy dễ chịu hơn vì cái tách không bị nứt và cái mà ta tưởng là lần nứt kia chỉ là một sợi tóc. Nhưng rồi chúng ta bắt đầu nhìn sợi tóc trong tách trà và trở nên bức dọc. Chúng ta thích thấy mọi việc phải được làm một cách có hiệu nghiệm và hoàn toàn tinh sạch. Tuy nhiên, nếu chúng ta đạt được sự tinh sạch thì chính sự tinh sạch ấy lại trở thành một vấn đề khác: chúng ta cảm thấy thiếu tự tin vì không còn gì để cai quản, hay không còn gì để tiếp tục thực hiện. Chúng ta luôn tìm cách kiểm soát lại từng chi tiết nhỏ nhất, bởi vì chúng ta luôn đòi hỏi phải sắc xảo trong mọi hiệu quả. Nếu chúng ta gặp một người không có hiệu quả, một người bê tha trong cuộc sống, thì chúng ta xem anh ta là đáng kính tởm. Chúng ta muốn bỏ rơi anh ta và không muốn có sự liên hệ gì đến con người như vậy, chắc chắn là chúng ta không thể nào kính trọng loại người như vậy, dù cho người ấy có là một nhạc sĩ kỳ tài hay một nhà khoa học nổi bật hay gì gì đi chăng nữa. Ngược lại, khi chúng ta gặp người có năng suất không có khuyết điểm nào, thì chúng ta tin rằng đó là người tốt nên làm bạn. Chúng ta chỉ muốn có quan hệ với những người có trách nhiệm và đang hoạn. Tuy nhiên, chúng ta cũng thấy rằng chúng ta cũng đang ganh ghét với những người có năng suất. Chúng ta muốn người khác có năng suất nhưng không hơn chúng ta. Một trong những tâm bệnh của gia đình Nghiệp là muốn tạo một thế giới đồng nhất. Ngay cả khi chúng ta không có một tư tưởng triết lý nào, một sự hành trì thiền quán

nào, một sự hiểu biết nào về tự ngã như thế nào, chúng ta vẫn tin rằng mình có khả năng giao tiếp với thế giới một cách thích hợp và đúng đắn. Chúng ta có thể diện và khả năng riêng của mình, chúng ta có thể tìm cho mình một vị trí xứng đáng trong đời sống. Chúng ta cảm thấy khó chịu vì người khác không hành xử theo cách chúng ta hành xử. Nghiệp đi đôi với biểu tượng của gió. Gió không bao giờ thổi một lúc nhiều phương hướng, nó luôn luôn chỉ thổi một chiều. Đây chính là hình ảnh của con đường một chiều trong tâm ganh ghét hờn giận, những cái tâm luôn xé to những việc cỏn con. trong trí tuệ của Nghiệp sự ganh ghét không có mặt, chỉ còn lại năng lượng tích cực, khả năng hoàn tất công việc và sự cởi mở. Nói cách khác, tánh tích cực của gió được bảo tồn giống như những công việc tích cực của chúng ta luôn mang lại lợi lạc đến cho tất cả muôn loài. Chúng ta sẽ thấy những khả năng có thể được sử dụng một cách thích hợp một cách tự nhiên trong từng trường hợp. Hành động của chúng ta mang lại hậu quả tốt. Nghiệp nằm ở phương Bắc, qua màu xanh lục và hình thể một lưỡi gươm. Cuối cùng chúng ta đã nắm được tình hình; chúng ta đã có tất cả những gì chúng ta cần, không có một thứ gì mà chúng ta chưa có. Chúng ta đã đem những món hàng mà chúng ta đã mua về nhà, hay đã mời được người tình. Chúng ta sẽ nói: “Hãy khép cửa lại, hãy khóa nó lại.” Đàn tràng ngũ phương Phật mang một ý nghĩa như thế, nó diễn tả tiến trình của một ngày trong đời sống của chúng ta.

*Gia đình thứ năm là gia đình Phật:* Gia đình Phật được liên đới với không gian. Năng lượng Phật chính là những nền tảng của hiện hữu hay là không gian căn bản. Đó chính là không gian hay khoảng dưỡng khí chung quanh chúng ta, yếu tố làm tồn tại các hiện hữu. Đây là những pháp luật và sự chắc chắn. Những thành viên của gia đình Phật có những cảm tính tự nhiên về các cảm thọ siêu hình có khả năng tư duy. Tâm bệnh của gia đình Phật là cái ảo giác không thuộc vào trong không gian. Thường thì nó đi kèm theo không thích phát biểu về mình hay tính thụ động. Thí dụ chúng ta có thể thấy người hàng xóm phá hàng rào của chúng ta bằng cây búa tạ. Chúng ta có thể nghe và thấy rõ ràng, thật ra chúng ta đã theo dõi anh ta cả ngày, chúng ta thấy rõ anh ta làm thế nào để phá hư cái hàng rào. Nhưng thay vì phản ứng chúng ta chỉ nhìn một cách thụ động rồi trở về cái nhà thân thuộc ấm áp của chúng ta. Chúng ta ăn sáng, ăn trưa, và ăn chiều và mặc kệ những gì đang xảy ra bên ngoài. Chúng ta như tê liệt, không thể nào

nói chuyện được với người ngoài. Một khía cạnh tâm bệnh khác của gia đình Phật là sự mặc nhiên của chúng ta đối với tất cả sự việc. Quần áo dơ của chúng ta chất chồng trong góc phòng. Thỉnh thoảng chúng ta còn dùng một miếng quần áo dơ ấy để lau cái gì đổ xuống sàn hay cái bàn, rồi lại quăng nó trở lại đống đồ dơ. Có lúc tất cả vợ của chúng ta đều dơ không còn mang được nữa, nhưng chúng ta vẫn để yên như thế. Nếu chúng ta tham gia chính trị và những đồng nghiệp đề nghị chúng ta làm một kế hoạch gì đó và mở rộng hoạt động. Nếu chúng ta bị tâm bệnh của gia đình Phật, chúng ta sẽ chọn một hoạt động tốn ít công sức nhất. Chúng ta không muốn phải đối phó trực tiếp với những chi tiết về cách làm sao để hành xử với thực tại: If we are embarking on a political career, our colleagues may suggest that we develop a certain project and expand our organization. If we have a Buddha neurosis, we will choose to develop the area that needs the least effort. We do not want to deal directly with the details of handling reality. Tiếp đãi bạn bè cũng là một sự khó chịu đối với chúng ta. Chúng ta thích tiếp đãi bạn trong một nhà hàng nào đó hơn là mời họ về nhà. Và nếu chúng ta muốn có một quan hệ tình cảm, thay vì ve vãn hay theo đuổi, hay nói chuyện với một người nào đó để làm quen thì chúng ta chỉ tìm người nào đó đã quen và đã có sẵn cảm tình với mình. Chúng ta cảm thấy vô cùng phiền phức trong việc nói chuyện với ai về vấn đề gì. Đôi khi chúng ta có cảm giác như đang lún sâu vào trong đất, vào trong bùn và đất. Đôi khi chúng ta cảm thấy thoải mái vì chúng ta nghĩ rằng mình là người vững vàng nhất trong vũ trụ. Chúng ta từ từ mỉm cười với chính mình vì chúng ta là người hạng nhất trong nhân loại. Nhưng có khi chúng ta cảm thấy mình là người cô đơn nhất trong toàn thể vũ trụ. Chúng ta không muốn khiêu vũ và nếu có ai đó mời chúng ta, chúng ta cảm thấy bối rối và khó chịu. Chúng ta luôn muốn ở yên trong góc nhà của chúng ta. Khi chúng ta đã vượt qua được những căn bệnh để chuyển nó thành trí tuệ của gia đình Phật thì nó cũng trở nên một cảm nhận rộng lớn về không gian, khoảng không gian chung quanh chúng ta trở nên không ngăn ngại cho tâm trí chúng ta. Đứng về khía cạnh giác ngộ thì Trí tuệ này được gọi là Như Lai Trí, hay trí tuệ có thể nhận biết tất cả ngoại cảnh chung quanh trong chính thật tánh của chúng. Trong giai đoạn đầu có thể cái trí tuệ này còn bị che lấp bởi một số tập khí, nhưng đồng thời đây cũng là giai đoạn để cái trí ấy phát triển mà không bị ảnh hưởng bởi một định kiến nào. Trí tuệ của

Như Lai rộng mở như chân trời bao la bát ngát. Trong bối cảnh đàn tràng Mạn Đà La của truyền thống Mật tông, năm gia đình Phật được xếp tại trung tâm và bốn điểm trọng yếu của đàn tràng. Đàn tràng của năm gia đình Phật dĩ nhiên tiêu biểu cho những khía cạnh trí tuệ hay giải thoát của từng gia đình. Theo truyền thống gia đình Phật được đặt giữa đàn tràng. Nó nói lên vai trò quan trọng của trí tuệ và cũng là những phối hợp tương quan qua biểu tượng bánh xe màu trắng.

### ***Five Tathagata Families In Tibetan Tantric Buddhism***

According to the Tibetan Tantric Buddhism, there are five Buddha families or five principles in cultivation in Tibetan Tantric Buddhism. *The first Buddha family is the Vajra family*, which literally means the family of sharpness, crystallization, and indestructible. The term Vajra is sometimes superficially translated as “diamond,” but that is not quite accurate. Traditionally, vajra is a celestial precious stone that cut through any other solid object. So it is more than a worldly diamond; it is complete indestructibility. The Vajra family is symbolized by the vajra scepter, or dorje in Tibetan. This vajra scepter or super-diamond has five prongs, which represent relating to the five emotions: aggression, pride, passion, jealousy, and ignorance. The sharp edges or prongs of the vajra represent cutting through any neurotic emotional tendencies; they also represent the sharp quality of being aware of many possible perspectives. In other words, the indestructible vajra is said to be like a heap of razor blades: if we naively try to hold it or touch it, there are all kinds of sharp edges that are both cutting and penetrating. The notion here is that vajra corrects or remedies any neurotic distortion in a precise and sharp way. In the ordinary world, the experience of vajra is perhaps not as extreme as holding razor blades in our hand, but at the same time, it is penetrating and very personal. It is like a sharp, cutting, biting cold winter. Each time we expose ourselves to the open air, we get frostbite instantly. Intellectually vajra is very sharp. All the intellectual traditions belong to this family. A person in the vajra family knows how to evaluate logically the arguments that are used to explain experience. He can tell whether the logic is true or false. Vajra family intellect also has a sense of constant openness and perspective. For instance, a vajra person



could view a crystal ball from hundreds of perspectives, according to where it was placed, the way it was perceived, the distance from which he was looking at it, and so forth. The intellect of the vajra family is not just encyclopedic; it is sharpness, directness, and awareness of perspectives. Such indestructibility and sharpness are very personal and very real. The neurotic expression of vajra is associated with anger and intellectual fixation. If we become fixated on a particular logic, the sharpness of vajra can become rigidity. We become possessive of our insight, rather than having a sense of open perspective. The anger of vajra neurosis could be pure aggression or also a sense of uptightness because we are also attached to our sharpness of mind. Vajra is also associated with the element of water. Cloudy, turbulent water symbolizes the defensive and aggressive nature of anger, while clear water suggests the sharp, precise, clear reflectiveness of vajra wisdom. In fact, vajra wisdom is traditionally called the Mirrorlike Wisdom, which evokes this image of a calm pond or reflecting pool. Incidentally, the use of the term “vajra” in such words as vajrayana, vajra master, and vajra pride does not refer to this particular Buddha family, but simply expresses basic indestructibility. Vajra is in the East, because vajra is connected with the dawn. It is also connected with the color blue and is symbolized by the vajra scepter. It is the sharpness of experience, as in the morning when we wake up. We begin to see the dawn, when light is first reflected on the world, as a symbol of awakening reality.

*The second Buddha family is “Ratna”:* Ratna is a personal and real sense of expanding ourselves and enriching our environment. It is expansion, enrichment, plentifulness. Such plentifulness could also have problems and weaknesses. In the neurotic sense, the richness of Ratna manifests as being completely fat, or extraordinarily ostentatious, beyond the limits of our sanity. We expand constantly, open heedlessly, and indulge ourselves to the level of insanity. It is like swimming in a dense lake of honey and butter. When we coat ourselves in this mixture of butter and honey, it is very difficult to remove. We cannot just remove it by wiping it off, but we have to apply all kinds of cleaning agents, such as cleanser and soap to loosen its grasp. In the positive expression of the Ratna family, the principle of richness is extraordinary. We feel very rich and plentiful, and we

extend ourselves to our world personally, directly, emotionally, psychologically, and spiritually. We are extending constantly, expanding like a flood or an earthquake. There is a sense of spreading, shaking the earth, and creating more and more cracks in it. That is the powerful expansiveness of ratna. The enlightened expression of ratna is called the Wisdom of Equanimity, because ratna can include everything in its expansive environment. Thus ratna is associated with the element of earth. It is like a rotting log that makes itself at home in the country. Such a log does not want to leave its home ground. It would like to stay, but at the same time, it grows all kinds of mushrooms, moss and plants and allow animals to nest in it. That lazy settling down and making ourselves at home, and inviting other people to come in and rest as well, is ratna. Ratna is in the South. It is connected with richness and is symbolized by a jewel and the color yellow. Ratna is connected with the midday, when we begin to need refreshment and nourishment.

*The third family is Padma:* Padma literally means “Lotus flower.” The symbol of the enlightened padma family is the lotus, which grows and blooms in the mud, yet still comes out pure and clean, virginal and clear. Padma neurosis is connected with passion, a grasping quality and a desire to possess. We are completely wrapped up in desire and want only to seduce the world, without concern for real communication. We could be a hustler or an advertiser, but basically, we are like a peacock. In fact, Amitabha Buddha, the Buddha of the padma family, traditionally sits on a peacock, which represents subjugating padma neurosis. A person with padma neurosis speaks gently, fantastically gently, and he or she is seemingly very sexy, kind, magnificent, and completely accommodating: “If you hurt me, that’s fine. That’s part of our love affair. After you calm down, come towards me.” Such padma seduction sometimes become excessive and sometimes becomes compassionate, depending on how we work with it. Padma is connected with the element of fire. In the confused state, fire does not distinguish among the things it grasps, burns, and destroys. But in the awakened state, the heat of passion is transmuted into the warmth of compassion. When padma neurosis is transmuted, it becomes fantastically precise and aware; it turns into tremendous interest and inquisitiveness. Everything is seen in its own distinct way, with its own particular

qualities and characteristics. Thus the wisdom of padma is called Discriminating Awareness Wisdom. The genuine character of padma seduction is real openness, a willingness to demonstrate what they have and what they are to the phenomenal world. What they bring to the world is a sense of pleasure, a sense of promise. In whatever they experience, they begin to feel that there is lots of promise. They constantly experience a sense of magnetization and spontaneous hospitality. This quality of padma is like bathing in perfume or jasmine tea. Each time we bathe, we feel refreshed, fantastic and hospitality of our host is magnificent. We eat the good food provided by our host, which is delicious, but not too filling. We live in a world of honey and milk, in a very delicate sense, unlike the rich but heavy experience of the ratna family. Fantastic! Even our bread is scented with all kinds of delicious smells. Our ice cream is colored by beautiful pink lotus like colors. We cannot wait to eat. Sweet music is playing in the background constantly. When there is no music, we listen to the whistling of the wind around our padma environment, and it becomes beautiful music as well. Even though we are not musicians, we compose all kinds of music. We wish we were a poet or a fantastic lover. Padma is in the West and is symbolized by the lotus and the color red. As our day gets older, we also have to relate with recruiting a lover. It is time to socialize , to make a date with our lover. Or, if we have fallen in love with an antique or if we have fallen in love with some clothing, it is time to go out and buy it.

*The fourth family is the karma family:* Karma family is a different kettle of fish. In this case we are not talking about karmic debts, or karmic consequences; “karma” in this case simply means “action.” The neurotic quality of action or activity is connected with jealousy, comparison, and envy. The enlightened aspect of karma is called the Wisdom of All-Accomplishing Action. It is the transcendental sense of complete fulfillment of action without being hassled or pushed into neurosis. It is natural fulfillment in how we relate with our world. In either case, whether we relate to karma family on the transcendental level or the neurotic level, karma is the energy of efficiency. If we have a karma family neurosis, we feel highly irritated if we see a hair in our teacup. First we think that our cup is broken and that the hair is a crack in the cup. Then there is some relief. Our cup is not broken; it just

has a piece of hair on the side. But then, we begin to look at the hair in our cup of tea, we become angry all over again. We would like to make everything very efficient, pure, and absolutely clean. However, if we do achieve cleanliness itself becomes a further problem: we feel insecure because there is nothing to administer, nothing to work on. We constantly try to check every loose end. Being very keen on efficiency, we get hung up on it. If we meet a person who is not efficient, who does not have his life together, we regard him as terrible person. We would like to get rid of such inefficient people, and certainly we do not respect them, even if they are talented musicians or outstanding scientists or whatever they may be. On the other hand, if someone has immaculate efficiency, we believe that he is a good person to be with. We would like to associate ourselves exclusively with people who are both responsible and clean-up. However, we also find that we are envious and jealous of such efficient people. We want others to be efficient, but not more efficient than we are. The epitome of karma family neurosis is wanting to create a uniform world. Even though we might have very little philosophy, very little meditation, very little consciousness in terms of developing ourselves, we feel that we can handle our world properly. We have composure, and we relate properly with the whole world, and we are resentful that everybody else does not see things in the same way that we do. Karma is connected with the element of wind. The wind never blows in all directions but it blows in one direction at a time. This is the one-way view of resentment and envy, which picks on one little fault or virtue and blows it out of proportion. With karma wisdom, the quality of resentment falls away but the qualities of energy, fulfillment of action, and openness remain. In other words, the active aspect of wind is retained so that our energetic activity touches everything in its path. We see the possibilities inherent in situations and automatically take the appropriate course. Action fulfills its purpose. Karma family is in the North. It is symbolized by a sword and the color green. Finally we have capture the whole situation: we have everything we need, and there is nothing more to get. We have brought our merchandise back home or our lover back home, and we say "let's close the door; let's lock it." So the mandala of the five Buddha families represents the progress of a whole day or a whole course of action.

*The fifth family is called the Buddha Family:* It is associated with the element of space. Buddha energy is the foundation or the basic space. It is the environment or oxygen that makes it possible for the other principles to function. It has a sedate, solid quality. Persons in this family have a strong sense of contemplative experience, and they are highly meditative. Buddha neurosis is the quality of being “spaced-out” rather than spacious. It is often associated with an unwillingness to express ourselves. For example, we might see that our neighbors are destroying our picket fence with a sledge hammer. We can hear them and see them; in fact, we have been watching our neighbors at work all day, continuously smashing our picket fence. But instead of reacting, we just observe them and then we return to our snug little home. We eat our breakfast, lunch, and dinner and ignore what they are doing. We are paralyzed, unable to talk to outsiders. Another quality of Buddha neurosis is that we couldn’t be bothered. Our dirty laundry is piled up in a corner of our room. Sometimes we use our laundry to wipe up spills on the floor or table and then we put it back on the same pile. As time goes on, our dirty socks become unbearable, but we just sit there. Entertaining friends is also a hassle. We prefer to take our friends to a restaurant rather than cook in our home. And if we want to have a love affair, instead of seducing a partner, talking to him or her and making friends, we just look for somebody who is already keen on us. We cannot be bothered with talking somebody into something. Sometimes we feel we are sinking into the earth, the solid mud and earth. Sometimes we feel good because we think we are the most stable person in the universe. We slowly begin to grin to ourselves, smile at ourselves, because we are the best person of all. We are the only person who manages to stay stable. But sometimes we feel that we are the loneliest person in the whole universe. We do not particularly like to dance, and we are asked to dance with somebody, we feel embarrassed and uncomfortable. We want to stay in our own little corner. When the ignoring quality of a Buddha neurosis is transmuted into wisdom, it becomes an environment of all-pervasive spaciousness. This enlightened aspect is called the Wisdom of All-Encompassing Space. In itself it might still have a somewhat desolate and empty quality, but at the same time, it is a quality of completely open potential. It can accommodate anything. It is spacious and vast

like the sky. In tantric iconography, the five Buddha families are arrayed in the center and the four cardinal points of a mandala. The mandala of the five Buddha families of course represents their wisdom or enlightened aspect. Traditionally, the Buddha family is in the center. That is to say, in the center there is the basic coordination and basic wisdom of Buddha, which is symbolized by a wheel and the color white.

*Phần Hai*  
*Chư Như Lai &*  
*Thế Giới Của Các Ngài*

*Part Two*  
*Tathagatas & Their Worlds*





**Chương Mười**  
**Chapter Ten**

**Quan Điểm Phật Giáo**  
**Về Vũ Trụ & Nhân Sinh**

Theo quan điểm Phật giáo thì vũ trụ là vô cùng vô tận. Tuy nhiên, nếu chúng ta nói về sự thành hình của hệ thống thế giới mà chúng ta đang ở, chúng ta có thể nói về sự thành hình của nó như sau: “Nói về các yếu tố cấu thành vũ trụ, yếu tố ban đầu là “gió”, có nền tảng từ hư không. Rồi gió chuyển động, và dựa vào đó mà hơi nóng xuất hiện, rồi có hơi nước, rồi có chất cứng tức là đất.” Vũ Trụ Luận của Phật Giáo không phải chỉ bàn đến sự hiện hữu của vô số hệ thống thế giới tập hợp thành những nhóm mà ta vẫn gọi là các thiên hà, mà nó còn đề cập đến những khái niệm rộng rãi về thời gian của vũ trụ. Đức Phật tuyên bố rằng trên mức độ hiểu biết cao nhất thì toàn thể vũ trụ là bản tâm thanh tịnh. Tuy nhiên, trên mức độ hiểu biết thông thường thì Ngài vẽ nên một thứ vũ trụ với vô số những hệ thống thế giới với vô số những hành tinh nơi mà mọi chủng loại chúng sanh đang sanh sống. Vì vậy, hệ thống thế giới của chúng ta không phải là một hệ thống thế giới duy nhất trong vũ trụ. Những thế giới khác cũng có chư Phật giảng dạy về giác ngộ đạo. Những bản kinh Phật cổ xưa nhất nói đến các thành kiếp và hoại kiếp với những khoảng thời gian lớn lao của những thiên hà ấy, chúng dần dần hình thành như thế nào và sau một thời kỳ tương đối ổn định và có đời sống trong các thế giới của chính chúng đã tồn tại rồi tất nhiên phải suy tàn và hủy diệt như thế nào. Tất cả đều là sự vận hành của những quá trình, biến cố này dẫn đến biến cố khác một cách hoàn toàn tự nhiên. Như bạn đã biết mặc dù Đức Phật đã khám phá ra sự hiện hữu của nhiều Thượng đế trong vũ trụ, Ngài không bao giờ cố ý đánh giá thấp quyền uy của đấng Thượng đế được dân chúng Ấn Độ thờ phượng thời bấy giờ. Ngài chỉ thuyết giảng chân lý. Và chân lý đó không gây ảnh hưởng gì đến quyền lực của đấng Thượng đế. Tương tự, sự kiện vũ trụ có nhiều mặt trời không làm giảm thiểu sự quan trọng của mặt trời trong thái dương hệ của chúng ta, vì mặt trời của chúng ta vẫn tiếp tục cho chúng ta ánh sáng mỗi ngày. Đối với một số tôn giáo khác, Thượng đế rất có quyền năng so với loài

người, nhưng theo Phật giáo, các ngài chưa giải thoát được sự khổ đau phiền não, và có thể các ngài vẫn còn sân hận. Thọ mạng của các ngài rất dài, nhưng không trường cửu như một số tôn giáo vẫn tin tưởng.

Các vấn đề thường được các học giả nói đến về Phật Giáo là Nhân sinh quan và Vũ trụ quan Phật giáo. Sự khảo sát nguồn gốc nhân sinh quan và vũ trụ quan là công việc của lãnh vực của các nhà chuyên môn trong lãnh vực Siêu Hình Học và vấn đề này đã được khảo sát từ buổi ban sơ của các nền văn minh Hy Lạp, Ấn Độ và Trung Hoa. Ở đây chỉ nói đại cương về Nhân sinh quan và Vũ trụ quan Phật giáo mà thôi. Vũ Trụ Luận của Phật Giáo không phải chỉ bàn đến sự hiện hữu của vô số hệ thống thế giới tập hợp thành những nhóm mà ta vẫn gọi là các thiên hà, mà nó còn đề cập đến những khái niệm rộng rãi về thời gian của vũ trụ. Theo vũ trụ luận Phật giáo, trái đất trải qua những chu kỳ; trong một vài chu kỳ này, trái đất tốt đẹp hơn, nhưng trong những chu kỳ khác, nó sa đọa. Tuổi trung bình của con người là dấu hiệu chỉ tính chất thời đại mà người ấy sống. Tuổi có thể thay đổi từ 20 đến hằng trăm triệu năm. Vào thời Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, mức độ trung bình của đời sống là 100 năm. Sau thời của Ngài, thế gian hư hỏng, cuộc sống con người rút ngắn đi. Đáy sâu của tội lỗi và bất hạnh sẽ hiện ra khi tuổi thọ trung bình của con người hạ xuống còn 10 tuổi. Lúc đó Diệu Pháp của Đức Như Lai sẽ hoàn toàn bị bỏ quên. Nhưng sau đó thì một cuộc đột khởi mới lại bắt đầu. Khi nào đời sống con người lên tới 80.000 năm thì đức Hạ Sanh Di Lạc Như Lai ở cung trời Đâu Suất sẽ hiện ra trên trái đất. Ngoài ra, những bản kinh Phật cổ xưa nhất nói đến các thành kiếp và hoại kiếp với những khoảng thời gian lớn lao của những thiên hà ấy, chúng dần dần hình thành như thế nào và sau một thời kỳ tương đối ổn định và có đời sống trong các thế giới của chính chúng đã tồn tại rồi tất nhiên phải suy tàn và hủy diệt như thế nào. Tất cả đều là sự vận hành của những quá trình, biến cố này dẫn đến biến cố khác một cách hoàn toàn tự nhiên. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai là vị Thầy khám phá ra bản chất thực sự của luật vũ trụ và khuyên chúng ta nên sống phù hợp với định luật này. Ngài đã khẳng định rằng không ai trong chúng ta có thể thoát khỏi được định luật vũ trụ bằng cách cầu nguyện một đấng thần linh tối thượng, bởi lẽ định luật vũ trụ vô tư với mọi người. Tuy nhiên, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai dạy rằng chúng ta có thể ngăn chặn việc làm xấu ác bằng cách gia tăng hành vi thiện lành, và rèn luyện tâm trí loại bỏ những tư

tưởng xấu. Theo Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, con người có thể trở thành một thượng đế nếu con người ấy sống đúng đắn và chánh đáng bất kể người ấy thuộc tôn giáo nào. Nghĩa là một ngày nào đó người ấy có thể đạt được an lạc, tỉnh thức, trí tuệ và giải thoát nếu người ấy sẵn sàng tu tập toàn thiện chính mình. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai chính là người đã chứng ngộ chân lý, Ngài xem tất cả những câu hỏi về siêu hình là trống rỗng. Chính vì thế mà Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai thường giữ thái độ im lặng hay không trả lời những câu hỏi liên quan đến siêu hình vì Ngài cho rằng những câu hỏi này không phải là hướng nhắm đến của Phật tử, hướng nhắm đến của Phật tử là sự giải thoát rốt ráo. Theo Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, làm sao con người có thể biết được sự thật của vũ trụ khi con người không thể biết được sự thật của chính mình? Thế nên Ngài dạy: “Điều thực tiễn cho con người là quay trở về với chính mình để biết mình là ai, đang ở đâu và đang làm gì để loại trừ hết thảy các thứ ngăn che mình khỏi sự thật của vạn hữu. Nghĩa là con người phải tự mình tu tập để thanh lọc cả thân lẫn tâm. Về vấn đề vũ trụ, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai cho rằng thế giới vật chất do tứ đại hình thành như nhiều nhà tư tưởng Ấn Độ trước thời Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai đã tuyên bố. Đó là đất, nước, lửa và gió. Các yếu tố này luôn vận hành và vô thường, thế nên vạn hữu do chúng làm cũng vô thường. Vấn đề thắc mắc về nguồn gốc của Tứ Đại đối với giáo thuyết Duyên Khởi do Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai phát hiện là hoàn toàn vô nghĩa và không được chấp nhận.

Thật là sai lầm khi nghĩ rằng nhân sinh quan và vũ trụ quan của đạo Phật là một quan niệm bi quan, rằng con người luôn sống trong tình thân bi quan yếm thế. Ngược lại, người con Phật mỉm cười khi họ đi suốt cuộc đời. Người nào hiểu được bản chất thật của cuộc sống, người ấy hạnh phúc nhất, vì họ không bị điên đảo bởi tính chất hư ảo, vô thường của vạn vật. Người ấy thấy đúng thật tướng của vạn pháp, chứ không thấy như cái chúng dường như. Những xung đột phát sanh trong con người khi họ đối đầu với những sự thật của cuộc đời như sanh, lão, bệnh, tử, vân vân, nhưng sự điên đảo và thất vọng này không làm cho người Phật tử nao núng khi họ sẵn sàng đối diện với chúng bằng lòng can đảm. Quan niệm sống như vậy không bi quan, cũng không lạc quan, mà nó là quan niệm thực tiễn. Người không biết đến nguyên tắc hằng chuyển trong vạn pháp, không biết đến bản chất nội tại của khổ đau, sẽ bị điên đảo khi đương đầu với những thăng

trầm của cuộc sống, vì họ không khéo tu tập tâm để thấy các pháp đúng theo thực tướng của chúng. Việc xem những lạc thú là bền vững, là dài lâu của con người, dẫn đến biết bao nhiêu nỗi lo toan, khi mọi chuyện xảy ra hoàn toàn trái ngược với sự mong đợi của họ. Do đó, việc trau dồi, tu tập một thái độ xả ly đối với cuộc sống, với những gì liên quan đến cuộc sống thật là cần thiết. Thái độ xả ly hay thân nhiên vô chấp này không thể tạo ra những bất mãn, thất vọng và những xung đột nội tâm, bởi vì nó không chấp trước vào thứ này hay thứ khác, mà nó giúp chúng ta buông bỏ. Điều này quả là không dễ, nhưng nó là phương thuốc hữu hiệu nhất nhằm chế ngự, nếu không muốn nói là loại trừ những bất toại nguyện hay khổ đau. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai thấy khổ là khổ, hạnh phúc là hạnh phúc, và Ngài giải thích rằng mọi lạc thú thế gian, giống như các pháp hữu vi khác, đều phù du và hư ảo. Ngài cảnh tỉnh mọi người không nên quan tâm quá đáng đến lạc thú phù du ấy, vì không sớm thì muộn cũng dẫn đến khổ đau phiền não. Xả là phương thuốc giải độc hữu hiệu nhất cho cả hai thái độ bị quan và lạc quan. Xả là trạng thái quân bình của Tâm, không phải là trạng thái lãnh đạm thờ ơ. Xả là kết quả của một cái tâm đã được an định. Thật ra, giữa thái độ bình thân khi xúc chạm với những thăng trầm của cuộc sống là điều rất khó, thế nhưng đối với người thường xuyên trau dồi tâm xả sẽ không đến nỗi bị nó làm cho điên đảo, Hạnh phúc tuyệt đối không thể phát sinh nơi những gì do điều kiện và sự kết hợp tạo thành (các pháp hữu vi). Những gì chúng ta áp ủ với bao nỗi hân hoan vào giây phút này, sẽ biến thành đau khổ vào giây phút kế. Lạc thú bao giờ cũng thoáng qua và không bền vững. Sự thỏa mãn đơn thuần của giác quan mà chúng ta gọi là lạc, là thích thú, nhưng trong ý nghĩa tuyệt đối của nó thì sự thỏa mãn như vậy không phải là điều đáng mừng. Vui cũng là khổ, là bất toại nguyện, vì nó phải chịu sự chi phối của luật vô thường. Nếu có cái nhìn đầy trí tuệ như vậy, chúng ta sẽ thấy được các pháp đúng theo tính chất của nó, trong ánh sáng chân thật của nó, có thể chúng ta sẽ nhận ra rằng thế gian này chẳng qua chỉ là tuồng ảo hóa, nó dẫn những ai dính mắc vào nó đi lầm đường lạc lối. Tất cả những thứ gọi là lạc thú đều là phù du, là sự mở màn cho đau khổ mà thôi. Chúng chỉ nhất thời xoa dịu những vết lở loét trầm hại của cuộc đời. Đây chính là những gì thường được hiểu là khổ trong đạo Phật. Do biến hoại, chúng ta thấy rằng khổ không bao giờ ngừng tác động, nó vận hành dưới dạng thức này hay dạng thức khác.

Về chúng sanh nói chung, đạo Phật xem tất cả chúng hữu tình kể cả vương quốc thảo mộc (những chúng sanh vô tình) là chúng sanh; tuy nhiên, từ “sattva” giới hạn nghĩa trong những chúng sanh có lý lẽ, tâm thức, cảm thọ. Những chúng sanh có tri giác, nhạy cảm, sức sống, và lý trí. Về cái gọi là Tự Ngã, theo Phật giáo, chỉ là sự tích tụ của những yếu tố tinh thần, kinh nghiệm và ý niệm. Thực chất không có cái ngã nào ngoài kinh nghiệm. Nói như vậy không có nghĩa là con người không quan trọng. Kỳ thật, Phật giáo là giáo pháp được Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai truyền giảng là một nền giáo lý hoàn toàn xây dựng trên trí tuệ của con người. Đức Phật dạy: “Bạn hãy là ngọn đuốc và là nơi tối thượng cho chính bạn, chứ đừng nên tìm nơi nương tựa vào bất cứ người nào khác.” Rồi Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai lại dạy thêm: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.” Với Phật giáo, tất cả những gì thực hiện được đều hoàn toàn do nỗ lực và trí tuệ rút từ những kinh nghiệm của con người. Phật dạy con người làm chủ vận mệnh của mình. Con người có thể làm cho đời mình tốt hơn hoặc xấu hơn, và con người cũng có thể thành Phật nếu nỗ lực tu y theo Phật.

Về quan niệm Nhân Thừa và Thiên thừa, theo Đại Thừa: Tái sanh vào nhân gian hay cõi người nhờ tu trì ngũ giới (hữu tình quan Phật Giáo lấy loài người làm trọng tâm. Con người có thể làm lành mà cũng có thể làm ác, làm ác thì bị sa đọa trong ba đường dữ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; làm lành thì được sanh lên các đường lành như nhơn và thiên, A La Hán, Bích Chi Phật, vân vân). Tuy nhiên, có nhiều dị biệt về số phận con người. Tỷ như có kẻ thấp người cao, có kẻ chết yểu có người sống lâu, có kẻ tàn tật bệnh hoạn, có người lại tráng kiện mạnh khỏe, có người giàu sang phú quý mà cũng có kẻ nghèo khổ lầm than, có người khôn ngoan lại có kẻ ngu đần, vân vân. Theo nhân sinh quan Phật giáo, tất cả những kết quả vừa kể trên đây không phải là sự ngẫu nhiên. Chính khoa học ngày nay cũng chống lại thuyết “ngẫu nhiên,” các Phật tử lại cũng như vậy. Người con Phật chớ thuận không tin rằng những chênh lệch trên thế giới là do cái gọi là đấng Sáng Tạo hay Thượng Đế nào đó tạo ra. Người con Phật không tin rằng hạnh phúc hay khổ đau mà mình phải kinh qua đều do sự sáng tạo của một đấng Sáng Tạo Tối Thượng. Theo nhân sinh quan Phật giáo, những dị biệt vừa kể trên là do nơi sự di truyền về môi sinh, mà phần lớn là do nguyên nhân hay nghiệp, không chỉ ngay bây giờ mà còn do nơi quá khứ gần hay xa. Chính con người phải chịu trách nhiệm về hạnh phúc

hay khổ sở của chính mình. Con người tạo thiên đường hay địa ngục cho chính mình. Con người là chủ thể định mệnh của mình, con người là kết quả của quá khứ và là nguồn gốc của tương lai. Về quan niệm Thiên Thừa, đây chỉ là một trong ngũ thừa, có công năng đưa những người tu tập thiện nghiệp đến một trong sáu cõi trời dục giới, cũng như đưa những người tu tập thiện định đến những cảnh trời sắc giới hay vô sắc giới cao hơn. Chúng sanh được tái sanh vào cõi trời nhờ tu trì thập thiện.

Về quan niệm Thân và Tâm, đạo Phật nói về giáo thuyết thân tâm vô thường. Có người cho rằng luận thuyết “Thân Tâm Vô Thường” của đạo Phật phải chăng vô tình gieo vào lòng mọi người quan niệm chán đời, thối chí. Nếu thân và tâm cũng như sự vật đều vô thường như vậy thì chẳng nên làm gì cả, vì nếu có làm thành sự nghiệp lớn lao cũng không đi đến đâu. Mới nghe tưởng chừng như phần nào có lý, kỳ thật nó không có lý chút nào. Khi thuyết giảng về thuyết này, Đức Phật không muốn làm nản chí một ai, mà Ngài chỉ muốn cảnh tỉnh đệ tử của Ngài về một chân lý. Phật tử chơn thuần khi hiểu được lẽ vô thường sẽ giữ bình tĩnh, tâm không loạn động trước cảnh đổi thay đột ngột. Biết được lẽ vô thường mới giữ được tâm an, mới cố gắng làm những điều lành và mạnh bạo gạt bỏ những điều ác, cương quyết làm, dám hy sinh tài sản, dám tận tụy đóng góp vào việc công ích cho hạnh phúc của mình và của người. Vạn sự vạn vật không ngừng thay đổi, chứ không bao giờ chịu ở yên một chỗ. Cuộc đời nay còn mai mất, biến chuyển không ngừng nghỉ. Thân con người cũng vậy, nó cũng là vô thường, nó cũng nằm trong định luật “Thành Trụ Hoại Không.” Thân ta phút trước không phải là thân ta phút sau. Khoa học đã chứng minh rằng trong thân thể chúng ta, các tế bào luôn luôn thay đổi và cứ mỗi thời kỳ bảy năm là các tế bào cũ hoàn toàn đổi mới. Sự thay đổi làm cho chúng ta mau lớn, mau già và mau chết. Càng muốn sống bao nhiêu chúng ta lại càng sợ chết bấy nhiêu. Từ tóc xanh đến tóc bạc, đời người như một giấc mơ. Thế nhưng có nhiều người không chịu nhận biết ra điều này, nên họ cứ lao đầu vào cái thòng lọng tham ái; để rồi khổ vì tham dục, còn khổ hơn nữa vì tham lam ôm ấp bám víu mãi vào sự vật, đôi khi đến chết mà vẫn chưa chịu buông bỏ. Đến khi biết sắp trút hơi thở cuối cùng mà vẫn còn luyến tiếc tìm cách nắm lại một cách tuyệt vọng. Thân ta vô thường, tâm ta cũng vô thường. Tâm vô thường còn mau lẹ hơn cả thân. Tâm chúng ta thay đổi từng giây, từng phút theo với ngoại

cảnh, vui đó rồi buồn đó, cười đó rồi khóc đó, hạnh phúc đó rồi khổ đau đó.

Theo Kinh Duy Ma Cát, khi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát vâng mệnh của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai đi thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cát, nên mới có cuộc đối đáp về “thân”. Văn Thù hỏi cư sĩ Duy Ma Cát: “Phàm Bồ Tát an ủi Bồ Tát có bệnh như thế nào?” Duy Ma Cát đáp: “Nói thân vô thường, nhưng không bao giờ nhàm chán thân này. Nói thân có khổ, nhưng không bao giờ nói về sự vui ở Niết Bàn. Nói thân vô ngã mà khuyên dạy dắt dìu chúng sanh. Nói thân không tịch, chứ không nói là rốt ráo tịch diệt. Nói ăn năn tội trước, chứ không nói vào nơi quá khứ. Lấy bệnh mình mà thương bệnh người. Phải biết cái khổ vô số kiếp trước, phải nghĩ đến sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, nhớ đến việc làm phước, tưởng đến sự sống trong sạch, chớ nên sanh tâm buồn rầu, phải thường khởi lòng tinh tấn, nguyện sẽ làm vị y vương điều trị tất cả bệnh của chúng sanh. Bồ Tát phải an ủi Bồ Tát có bệnh như thế để cho được hoan hỷ.” Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát có bệnh đấy phải quán sát được các pháp như thế. Lại nữa, quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã, đó là huệ. Dù thân có bệnh vẫn ở trong sanh tử làm lợi ích cho chúng sanh không nhàm mỏi, đó là phương tiện. Lại nữa, ngài Văn Thù Sư Lợi! Quán thân, thân không rời bệnh, bệnh chẳng rời thân, bệnh này, thân này, không phải mới, không phải cũ, đó là huệ. Dù thân có bệnh mà không nhàm chán trọn diệt độ, đó là phương tiện.

Về quan niệm “Thân Tâm Bất Tịnh” hay không tinh sạch. Bất tịnh có nghĩa là không tinh sạch, không thánh thiện, không đẹp đẽ. Đứng về cả hai phương diện sinh lý và tâm lý, con người là bất tịnh. Đây không phải là một cái nhìn tiêu cực hay bi quan, mà chỉ là cái nhìn khách quan về con người. Thấy được sự cấu tạo của cơ thể, từ tóc trên đỉnh đầu, cho đến máu, mủ, đờm, phân, nước tiểu, những vi khuẩn ẩn náu trong ruột và những bệnh tật cứ chực sẵn để phát sinh, ta thấy phần sinh lý của ta quả là bất tịnh. Phần sinh lý đó cũng là động lực thúc đẩy ta đi tìm sự thỏa mãn dục lạc, do đó nên kinh gọi thân thể là nơi tích tụ của tội lỗi. Còn phần tâm lý? Vì không thấy được sự thật về vô thường, khổ không và vô ngã của sự vật cho nên tâm ta thường trở thành nạn nhân của tham vọng thù ghét; do tham vọng và thù ghét mà chúng ta tạo ra biết bao tội lỗi, cho nên kinh nói “tâm là nguồn suối phát sinh điều ác.”

Thêm một nhân sinh quan khác về Thân của Đạo Phật là “Thân Người Khó Được” Trong các trận bão, sinh mạng là hơn, nếu mạng mình còn là còn tất cả. Chỉ mong sao cho thân mạng này được sống còn, thì lo chi không có ngày gậy dựng nên cơ nghiệp. Tuy nhiên, vạn vật ở trên đời nếu đã có mang cái tướng hữu vi, tất phải có ngày bị hoại diệt. Đời người cũng thế, hễ có sanh là có tử; tuy nói trăm năm, nhưng mau như ánh chớp, thoáng qua tựa sương, như hoa hiện trong gương, như trăng lồng đáy nước, hơi thở mong manh, chứ nào có bền lâu? Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ rằng khi sanh ra đã không mang theo một đồng, nên khi chết rồi cũng không cầm theo một chữ, suốt đời làm lụng khổ thân tích chứa của cải, rốt cuộc vô ích cho bản thân mình trước cái sanh lão bệnh tử. Sau khi chết đi, của cải ấy liền trở qua tay người khác một cách phủ phàng. Lúc ấy không có một chút phước lành nào để cho thần thức nương cậy về kiếp sau, cho nên phải đọa vào tam đồ ác đạo. Cổ đức có dạy: “Thiên niên thiết mộc khai hoa dị, nhất thất nhưn thân vạn kiếp nan.” Nghĩa là cây sắt ngàn năm mà nay nở hoa cũng chưa lấy làm kinh dị, chớ thân người một khi đã mất đi thì muôn kiếp cũng khó mà tái hồi. Vì thế, Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ những gì Phật dạy: “Thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Được thân người, gặp Phật pháp, mà ta nỗ để cho thời gian luống qua vô ích, quả là uổng cho một kiếp người.”

### ***Buddhist Outlook on Cosmos & Life***

According to the Buddhist view on the universe, the universe is infinite. However, if we speak about the formation of our world system, we can speak about the formation process as follows: “In terms of elements that form the universe, wind is the first one. Its basis is space. Then the wind moves, and in dependence on the moving of the wind, heat occurs; then moisture, then solidity or earth.” Buddhist cosmology not only takes into account the existence of innumerable systems of worlds grouped into what we should call galaxies, but has equally vast conceptions of cosmic time. The Buddha proclaimed that on the highest level of understanding the entire cosmos is the original pure mind. However, on the ordinary level of understanding he painted a picture of a cosmos filled with countless worlds systems where countless of living beings of every sort reside. Thus, our world system



is not the only unique or the only one world system in the universe. Other world systems also have their Buddhas who also teach the path of enlightenment. The most ancient Buddhist texts speak of the various phases in the evolution and devolution over enormous time-periods of these galaxies, how they gradually formed and how after a period of relative stability during which life may be found on their worlds, how, inevitably having come into existence, they must in due course decline and go to destruction. All this is the working of processes, one vent leading quite naturally to another. As you know that although the Buddha discovered the presence of numerous Gods throughout the universe, he never tried to diminish the importance of the God worshipped by the people of his time. He simply preached the truth and that truth does not affect the importance of any Gods. Similarly, the fact that there are numerous suns in the universe does not diminish the importance of the sun of our solar system, for our sun continues to provide us with light every day. To some other religions, Gods can be very powerful compared to human beings, but to Buddhism, they are still not free from sufferings and afflictions, and can be very angry. The life of Gods may be very long, but not eternal as many other religions believe.

Outlook on life and universe has been discussed by a lot of famous scholars in the world. Examination of the origin or nature of life and universe is the task of the metaphysic experts. This problem has a very important position in philosophy. It was examined from the beginning of the Egyptian, Indian and Chinese civilizations. This book is designed to give you only an overview of the Buddhist cosmology. Buddhist cosmology not only takes into account the existence of innumerable systems of worlds grouped into what we should call galaxies, but has equally vast conceptions of cosmic time. According to Buddhist cosmology, the earth goes through periodic cycles. In some of the cycles it improves, in others it degenerates. The average age of a man is an index of the quality of the period in which the person lives. It may vary between 10 years and many hundreds of thousands of years. At the time of Sakyamuni Buddha, the average life-span was 100 years. After him, the world becomes more depraved, and the life of man shortens. The peak of sin and misery will be reached when the average life has fallen to 10 years. The Dharma of Sakyamuni Buddha will then

be completely forgotten. But after that the upward swing begins again. When the life of man reaches 80,000 years, Maitreya Buddha from the Tusita Heaven will appear on the earth. Besides, the most ancient Buddhist texts speak of the various phases in the evolution and devolution over enormous time-periods of these galaxies, how they gradually formed and how after a period of relative stability during which life may be found on their worlds, how, inevitably having come into existence, they must in due course decline and go to destruction. All this is the working of processes, one vent leading quite naturally to another. The Buddha was the Teacher who discovered the real nature of the universal cosmic law and advised us to live in accordance with this law. The Buddha confirmed that it is impossible for anyone to escape from such cosmic laws by praying to an almighty god, because this universal law is unbiased. However, the Buddha has taught us how to stop bad practices by increasing good deeds, and training the mind to eradicate evil thoughts. According to the Buddha, a man can even become a god if he leads a decent and righteous way of life regardless of his religious belief. It is to say a man someday can obtain peace, mindfulness, wisdom and liberation if he is willing to cultivate to perfect himself. The Buddha Sakyamuni himself realized the Noble Truths, considered all metaphysical questions are empty. He often kept silent and gave no answers to such metaphysical questions, because for Him, those questions do not realistically relate to the purpose of Buddhists, the purpose of all Buddhists is the final freedom. According to the Buddha, how can a man know what the universe really is when he cannot understand who he really is? Therefore, the Buddha taught: "The practical way for a man is turning back to himself and seeing where and who he is and what he is doing so that he can overcome the destruction of all hindrances to the truth of all things. That is to say, he has to cultivate to purify his body and mind." For the universe, the Buddha declared that the material world is formed by the Four Great Elements as many Indian thinkers before Him did. These are Earth element, Water element, Fire element and Air element. These elements are dynamic and impermanent, therefore, all existing things compounded by them must be impermanent too. The problem about the origin of the four elements becomes senseless and is unacceptable

to the truth of Dependent Origination which was discovered and taught by the Buddha.

It is wrong to imagine that the Buddhist outlook on life and the world is a gloomy one, and that the Buddhist is in low spirit. Far from it, a Buddhist smiles as he walks through life. He who understands the true nature of life is the happiest individual, for he is not upset by the evanescent (extremely small) nature of things. He tries to see things as they are, and not as they seem to be. Conflicts arise in man when he is confronted with the facts of life such as aging, illness, death and so forth, but frustration and disappointment do not vex him when he is ready to face them with a brave heart. This view of life is neither pessimistic nor optimistic, but the realistic view. The man who ignores the principle of unrest in things, the intrinsic nature of suffering, is upset when confronted with the vicissitudes of life. Man's recognition of pleasures as lasting, leads to much vexation, when things occur quite contrary to his expectations. It is therefore necessary to cultivate a detached outlook towards life and things pertaining to life. Detachment can not bring about frustration, disappointment and mental torment, because there is no clinging to one thing and another, but letting go. This indeed is not easy, but it is the sure remedy for controlling, if not eradicating, unsatisfactoriness. The Buddha sees suffering as suffering, and happiness as happiness, and explains that all cosmic pleasure, like all other conditioned attachments, is evanescent, is a passing show. He warns man against attaching too much importance to fleeting pleasures, for they sooner or later beget discontent. Equanimity is the best antidote for both pessimism and optimism. Equanimity is evenness of mind and not sullen indifference. It is the result of a calm, concentrated mind. It is hard, indeed, to be undisturbed when touched by the realities of life, but the man who cultivates truth is not upset. Absolute happiness can not be derived from things conditioned and compounded. What we hug in great glee this moment, turns into a source of dissatisfaction the next moment. Pleasures are short-lived, and never lasting. The mere gratification of the sense faculties we call pleasure and enjoyment, but in the absolute sense of the world such gratification is not happy. Joy too is suffering, unsatisfactory; for it is transient. If we with our inner eye try to see things in their proper perspective, in their true light, we will be able to realize that the world is but an illusion that

leads astray the beings who cling to it. All the so-called mundane pleasures are fleeting, and only an introduction to pain. They give temporary relief from life's miserable ulcers. This is what is known as suffering produced by change. Thus, we see that suffering never ceases to work, it functions in some form or other and is always at work.

Regarding all beings in general, Buddhism considers all the living, which includes the vegetable kingdom; however, the term "sattva" limits the meaning to those endowed with reason, consciousness, and feeling. Those who are sentient, sensible, animate, and rational (sentient beings which possess magical and spiritual powers). According to Buddhism, what we call the self is simply the collection of mental facts, experiences, ideas and so forth which would normally be said to belong to self but there is no self over and above the experiences. So mentioned does not mean that people are not important. In fact, Buddhism which preached by the Buddha is totally built on human wisdom. The Buddha taught: "Be your own torch, your own refuge. Do not seek refuge in any other person." The Buddha added: "I am the Buddha fully realized, sentient beings will become Buddha." To Buddhism, all realizations come from effort and intelligence that derive from one's own experience. The Buddha asked his disciples to be the master of their destiny, since they can make their lives better or worse. They can even become Buddha if they study and practice his teachings.

Regarding the point of view on Human Beings and deva Vehicle, according to the Mahayana Rebirth among men conveyed by observing the five commandments (Panca-veramani). However, there are many differences on human destinies in the world. For example, one is inferior and another superior, one perishes in infancy and another lives much longer, one is sick and infirm and another strong and healthy, one is brought up in luxury and another in misery, one is born a millionaire and another in poverty, one is a genius and another an idiot, etc. According to the Buddhist point of view on human life, all of the above mentioned results are not the results of a "chance." Science nowadays is indeed against the theory of "chance." All scientists agree on the Law of Cause and Effect, so do Buddhists. Sincere and devoted Buddhists never believe that the unevenness of the world is due to a so-called Creator and/or God. Buddhists never believe that happiness

or pain or neutral feeling the person experiences are due to the creation of a Supreme Creator. According to the Buddhist point of view on human life, the above mentioned unevenness that exists in the world are due to the heredity and environment, and to a greater extent, to a cause or causes which are not only present but proximate or remotely past. Man himself is responsible for his own happiness and misery. He creates his own heaven and hell. He is the master of his own destiny. He is his own child of his past and his own parents of his future. Regarding the point of view on Deva, this is only one of the five vehicles, the deva vehicle or Divine Vehicle. It transports observers of the ten good qualities (thập thiện) to one of the six deva realms of desire, and those who observe dhyana meditation to the higher heavens of form and non-form. Sentient beings are to be reborn among the deva by observing the ten forms of good actions or Ten Commandments (Dasa-kusala).

Regarding the point of view on the Kaya and Citta, Buddhism talks about the theory of impermanence of the body and mind. Some people wonder why Buddhism always emphasizes the Theory of Impermanence? Does it want to spread in the human mind the seed of disheartenment, and discourage? In their view, if things are changeable, we do not need to do anything, because if we attain a great achievement, we cannot keep it. This type of reasoning, a first, appears partly logical, but in reality, it is not at all. When the Buddha preached about impermanence, He did not want to discourage anyone, but warning his disciples about the truth. A true Buddhist has to work hard for his own well being and also for the society's. Although he knows that he is facing the changing reality, he always keeps himself calm. He must refrain from harming others, in contrast, strive to perform good deeds for the benefit and happiness of others. All things have changed and will never cease to change. The human body is changeable, thus governed by the law of impermanence. Our body is different from the minute before to that of the minute after. Biological researches have proved that the cells in our body are in constant change, and in every seven years all the old cells have been totally renewed. These changes help us quickly grow up, age and die. The longer we want to live, the more we fear death. From childhood to aging, human life is exactly like a dream, but there are many people

who do not realize; therefore, they continue to launch into the noose of desire; as a result, they suffer from greed and will suffer more if they become attached to their possessions. Sometimes at time of death they still don't want to let go anything. There are some who know that they will die soon, but they still strive desperately to keep what they cherish most. Not only our body is changeable, but also our mind. It changes more rapidly than the body, it changes every second, every minute according to the environment. We are cheerful a few minutes before and sad a few minutes later, laughing then crying, happiness then sorrow.

According to the Vimalakirti Sutra, Manjusri Bodhisattva obeyed the Buddha's command to call on Upasaka Vimalakirti to enquire after his health, there was a conversation about the "body". Manjusri asked Vimalakirti: "What should a Bodhisattva say when comforting another Bodhisattva who falls ill?" Vimalakirti replied: "He should speak of the impermanence of the body but never of the abhorrence and relinquishment of the body. He should speak of the suffering body but never of the joy in nirvana. He should speak of egolessness in the body while teaching and guiding all living beings (in spite of the fact that they are fundamentally non-existent in the absolute state). He should speak of the voidness of the body but should never cling to the ultimate nirvana. He should speak of repentance of past sins but should avoid slipping into the past. Because of his own illness he should take pity on all those who are sick. Knowing that he has suffered during countless past aeons he should think of the welfare of all living beings. He should think of his past practice of good virtues to uphold (his determination for) right livelihood. Instead of worrying about troubles (klesa) he should give rise to zeal and devotion (in his practice of the Dharma). He should act like a king physician to cure others' illnesses. Thus a Bodhisattva should comfort another sick Bodhisattva to make him happy." Manjusri, a sick Bodhisattva should look into all things in this way. He should further meditate on his body which is impermanent, is subject to suffering and is non-existent and egoless; this is called wisdom. Although his body is sick he remains in (the realm of) birth and death for the benefit of all (living beings) without complaint; this is called expedient method (upaya). Manjusri! He should further meditate on the body which is inseparable from illness and on illness which is

inherent in the body because sickness and the body are neither new nor old; this is called wisdom. The body, though ill, is not to be annihilated; this is the expedient method (for remaining in the world to work for salvation).

Regarding the point of view on the impurity of the Kaya and the Citta. Impurity is the nature of our bodies and minds. Impurity means the absence of an immaculate state of being, one that is neither holy nor beautiful. From the psychological and physiological standpoint, human beings are impure. This is not negative or pessimistic, but an objective perspective on human beings. If we examine the constituents of our bodies from the hair on our head to the blood, pus, phlegm, excrement, urine, the many bacteria dwelling in the intestines, and the many diseases present waiting for the opportunity to develop, we can see clearly that our bodies are quite impure and subject to decay. Our bodies also create the motivation to pursue the satisfaction of our desires and passions. That is why the sutra regards the body as the place where misleads gather. Let us now consider our psychological state. Since we are unable to see the truth of impermanence, suffering, and the selfless nature of all things, our minds often become the victims of greed and hatred, and we act wrongly. So the sutra says, “The mind is the source of all confusion.”

Here is another point of view of the Buddhism on the Kaya is “It is difficult to be reborn as a human being”. Of all precious jewels, life is the greatest; if there is life, it is the priceless jewel. Thus, if you are able to maintain your livelihood, someday you will be able to rebuild your life. However, everything in life, if it has form characteristics, then, inevitably, one day it will be destroyed. A human life is the same way, if there is life, there must be death. Even though we say a hundred years, it passes by in a flash, like lightning streaking across the sky, like a flower’s blossom, like the image of the moon at the bottom of a lake, like a short breath, what is really eternal? Sincere Buddhists should always remember when a person is born, not a single dime is brought along; therefore, when death arrives, not a word will be taken either. A lifetime of work, putting the body through pain and torture in order to accumulate wealth and possessions, in the end everything is worthless and futile in the midst of birth, old age, sickness, and death. After death, all possessions are given to others in a

most senseless and pitiful manner. At such time, there are not even a few good merits for the soul to rely and lean on for the next life. Therefore, such an individual will be condemned into the three evil paths immediately. Ancient sages taught: “A steel tree of a thousand years once again blossom, such a thing is still not bewildering; but once a human body has been lost, ten thousand reincarnations may not return.” Sincere Buddhists should always remember what the Buddha taught: “It is difficult to be reborn as a human being, it is difficult to encounter (meet or learn) the Buddha-dharma; now we have been reborn as a human being and encountered the Buddha-dharma, if we let the time passes by in vain we waste our scarce lifespan.”



## *Chương Mười Một* *Chapter Eleven*

### *Núi Tu Di & Cõi Nước Của Chư Như Lai*

#### *I. Núi Tu Di và Tứ Đại Châu:*

Theo Kinh Hoa Nghiêm, núi Tu Di là núi trung tâm của tất cả các thế giới, còn gọi là Diệu Cao hay Diệu Quang. Núi được kết thành bởi toàn vàng, bạc, châu báu và lưu ly, cao đến 505.000 dặm, chỉ có chư thiên cư ngụ, chứ con người không thể thấy mà cũng không thể đến đó được. Theo Phật giáo thì cả núi Tu Di chứa trong một hạt cải, và hạt cải chứa trong núi Tu Di. Trong thế giới tương đối thì hạt cải có thể chứa đựng trong núi Tu Di, chứ không làm cách nào núi Tu Di có thể chứa đựng được trong hạt cải. Tuy nhiên, trong thế giới tuyệt đối, thế giới của những bậc đã chứng ngộ, thì cả hai đều đúng, vì trong thế giới này không có biệt biệt của thời gian và không gian. Trên đỉnh núi là cõi Trời Đế Thích, giữa chừng núi và cõi trời này là nơi ở của Tứ Thiên Vương, cung quanh có tám núi tám biển bao bọc, toàn thể tạo thành “cửu sơn bát bử” (chín núi này gồm Trì Song, Trì Trục, Đảm Mộc, Thiện Kiến, Mã Nhĩ, Tượng Tỳ, Trì Biên, Tu Di ở trung tâm, và bên ngoài cùng là núi Thiết Vi).

Theo khoa cổ vũ trụ học Phật Giáo, có bốn châu trong thế giới Ta Bà, tứ hướng xung quanh núi Tu Di. *Thứ nhất* là Bắc Cu Lô (Câu Lư) Châu, còn gọi là Uất Đan Việt Châu. Châu nằm về phía Bắc núi Tu Di. *Thứ nhì* là Nam Thiệm Bộ Châu, còn gọi là Châu Diêm Phù Đề. Châu nằm về phía nam của núi Tu Di. *Thứ ba* là Tây Ngưu Hóa Châu, còn gọi là Cồ Da Ni. Tây Ngưu Hóa Châu hay Tây Lục Địa, nơi mà trâu bò sinh sản rất đông và được dùng như tiền tệ; lục địa có hình tròn và dân trên đó cũng có gương mặt hình tròn (ở cõi này dân sống thọ đến 500 tuổi). *Thứ tư* là Đông Thắng Thần Châu, còn gọi là Bồ La Phước Vĩ Nễ Hạ, Phất Bà Đề, hay Phất Vu Đại, một trong bốn đại châu, châu này ở trong biển Hàm Hải, về phía đông núi Tu Di, hình bán nguyệt. Lục địa chế ngự ma quỷ, có hình bán nguyệt, dân trên đó cũng có khuôn mặt hình bán nguyệt (chu vi của cõi này là 21.000 do tuần, dân trong cõi này có thân hình tốt đẹp hơn hết, và sống thọ đến 600 tuổi).

## ***II. Cõi Nước Của Chư Như Lai:***

Theo các truyền thống Phật giáo, có nhiều cõi nước của chư Như Lai trong vũ trụ này. Thứ nhất là Đông Tịnh Độ của Đức Hạ Sanh Di Lạc Tôn Như Lai. Đông Tịnh Độ còn có tên là Đâu Suất Đà, Đâu Suất Đóa, hay Đâu Thuật, tức là cung trời Đâu Suất, cõi trời dục giới thứ tư, nơi cư ngụ của chư Bồ Tát trước khi đạt thành quả vị Phật. Cung trời này nằm giữa cõi trời Dạ Ma và Lạc Biến Hóa Thiên. Cõi trời Đâu Suất chia làm hai phần, nội viện và ngoại viện. Nội viện của cõi trời này có cõi Tịnh Độ của Đức Di Lạc Như Lai, cũng giống như Đức Thích Ca Như Lai và chư Như Lai khác, đều phải sanh về cõi trời này trước khi làm Phật. Thọ mệnh của chư Phật tại cung trời Đâu Suất là 4.000 năm trên cõi trời này (một ngày trên trời Đâu Suất tương đương với 400 năm địa giới), nghĩa là tương đương với 584 triệu năm. Thứ nhì là cõi Tây Phương Cực Lạc. Tây phương Cực lạc vượt ngoài tam giới luân hồi. Đây là một trong những đất chính của Phật được trường phái Đại Thừa thừa nhận. Đức A Di Đà Như Lai lập ra Tây Phương Cực Lạc nhờ chính ngay công đức tu tập của Ngài. Trường phái Tịnh độ tin rằng việc trì niệm hồng danh của Ngài cho phép tín đồ vãng sanh về Tịnh Độ sống đời an lạc cho đến khi nhập Niết bàn (Đức Phật Thích Ca nói: “Ở về phương Tây có một cõi nước thanh tịnh gọi là An Lạc hay Cực Lạc hay thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vị Giáo Chủ của cõi nước này hiệu là A Di Đà Như Lai. A Di Đà có nghĩa là Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang. Đức A Di Đà Như Lai trong vô lượng kiếp về trước, đã phát 48 lời đại nguyện, trong đó những lời nguyện thứ 18, 19, và 20 chuyên vì nhiếp thọ và tiếp dẫn nhứt thiết chúng sanh. Do các lời nguyện cao quý này, Đức A Di Đà Như Lai sáng tạo cõi Tịnh, chúng sanh chỉ cần phát tâm chánh niệm, quán Phật niệm Phật, tới lúc lâm mạng chung thời, Đức A Di Đà Như Lai và Thánh chúng sẽ đến tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc. Khi đến cõi Tịnh, chúng sanh ở trong cung điện lầu cát, hoa viên tốt đẹp nhiệm mầu, tiếng chim, tiếng gió thổi đều hòa nhã. Chư Như Lai chư Bồ Tát theo thời theo chỗ mà tuyên dạy diệu pháp. Các chúng sanh được thanh tịnh diệu lạc, thân tâm đều không thọ khổ, chuyên chí nghe đạo hằng không thối chuyển. Các hiện tượng ở cõi Tịnh tốt đẹp như thế, mọi phương diện cố nhiên đều do tịnh thức của chư Như Lai và chư Bồ Tát sở hiện, về phương diện khác cũng nhờ tâm thức thanh tịnh của chúng sanh vãng sanh cõi ấy tham gia đồng thể biến hiện mà có. Không thể dùng chút ít căn lành, phước

đức nhưn duyên mà đặng sanh vào nước kia. Như vậy cõi Tịnh không phải ai cũng vãng sanh được, cũng không thể bỗng nhiên niệm vài tiếng “namo” không chí thành mà có thể vãng sanh được. Thân Như Lai không thể thân cận với những ai có căn lành cạn cợt.

Đối với những ai đang tu tập giác ngộ để thành Phật, Pháp Giới Phật cũng có nghĩa là Phổ Phật, chỉ những bậc đã thành Phật, đã chứng được tuệ nhất chân pháp giới đại trí, có đại quang minh phổ chiếu chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Vạn Pháp đều do tâm tạo.” Ngay cả Phật cũng do tâm này tạo. Nếu tâm mình tu Pháp Phật thì một ngày nào đó mình sẽ thành Phật. Nếu tâm tu Bồ Tát sẽ thành Bồ Tát. Nếu tâm muốn đọa địa ngục thì mình sẽ đọa địa ngục. Cho nên nói “Mười Pháp Giới không ngoài tâm này.” Phật Pháp Giới không nhỏ vì nó bao trùm cả Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, nhưng đồng thời nói Phật Giới cũng không lớn vì trong Phật Giới không có cống cao ngã mạn, không có cái Ngã. Pháp thân của Như Lai bao trùm tận hư không biến pháp giới; chẳng đến mà cũng chẳng đi. Nếu nói Pháp thân đi thì Pháp thân đi đến đâu? Còn nói rằng Pháp thân đến thì nó đến chỗ nào? Kỳ thật, Pháp thân Như Lai biến hóa khắp nơi, chẳng phải chỉ ở thế giới này, mà ở khắp mọi thế giới nhiều như những hạt vi trần. Vô lượng vô biên thế giới đều có Pháp thân Như Lai; vì vậy mà người ta nói thân Như Lai ở vi trần thế giới. Hào quang của chư Như Lai ở Pháp Giới này chiếu sáng chư Như Lai ở pháp giới kia; và hào quang của chư Như Lai ở các pháp giới kia lại cũng chiếu sáng pháp giới này. Chư Như Lai trong vũ trụ mà còn chiếu hào quang soi sáng lẫn nhau, và những ánh sáng này cùng nhau hòa hợp, hướng là những phàm nhân tục tử chúng ta? Phật tử chúng ta nên cùng nhau chiếu sáng, cùng nhau hòa hợp những ánh quang minh mà mình có, chứ không nên xung đột. Cùng nhau hòa hợp những ánh quang minh có nghĩa là ánh sáng của bạn chiếu rọi lên tôi và ánh sáng của tôi chiếu rọi lên bạn. Ánh quang minh của chúng ta nên cùng nhau tương chiếu trong suốt cuộc tu của mình hầu loại bỏ tất cả những vô minh mê muội.

### *Sumeru Mountain & Tathagatas' Worlds*

#### ***I. Sumeru Mountain and Four Saha Continents:***

According to the Avatamsaka Sutra, Polar Mountain, or Mount Sumeru, or Sumeru Mountain, the central mountain of every world,

wonderful height, and wonderful brilliancy. It is a mountain formed from gold, silver, gems and crystal. It is 505,000 miles high. Only heavenly beings live there, human beings cannot see or get there. According to Buddhist theory, Mount Sumeru contained in a Mustard Seed, and a Mustard Seed contained in Mount Sumeru. In the world of relativity, it is impossible for Mount Sumeru to be contained in a mustard seed; only the reverse hypothesis is possible. However, in the world of the absolute, the realm of those who have experienced full enlightenment, both hypotheses can be defended as there is no differentiation with regard to time and space. It is at the top of Indra's heaven, or heavens, below them are the four devalokas; around are eight circles of mountains and between them are the eight seas, the whole forming nine mountains and eight seas.

According to ancient Buddhist cosmology, there are four inhabited continents of every universe. They are land areas and situated in the four directions around Mount Sumeru. *First*, the Uttarakuru or the Northern of the four continents of a world. The northern continent of the four continents around Meru. *Second*, the Jambudvīpa or the Southern continent of the four continents around Meru. *Third*, the Godana, Aparagodana, or Avaragodanuyah or West Continent, where oxen are used as money; the western of the four continents of every world, circular in shape and with circular-faced people. *Fourth*, the Purva-Videha or the Eastern continent. The eastern of the four great continents of a world, east of Mount Meru, semicircular in shape. The continent conquering spirits, semi-lunar in shape; its people having faces of similar shape.

## ***II. Tathagatas' Worlds:***

According to Buddhist traditions, there are many different Tathagatas' lands in this universe. The first Tathagata Land is the Eastern Paradise which is presided by Maitreya, the Coming Tathagata. The Eastern Paradise is also the name of the Tusita heaven, the fourth devaloka in the six passion-realms (dục giới), or desire realms, the Delightful Realm, the abode of Bodhisattvas in their last existence before attaining Buddhahood. This heaven is between the Yama and Nirmanarati heavens. This heaven consists of an inner and an outer court. Its inner department is the Pure Land of Maitreya who,

like Sakyamuni Tathagata and all other Tathagatas, reborn there before descending to earth as the next Tathagata; his life there is 4,000 Tusita years, or (each day there is equal to 400 earth-years) 584 million such years. The second Tathagata land is the Sukhavati or the Western Paradise. Sukhavati means the Western Land of Amitabha Tathagata, the highest joy, name of the Pure Land of Amitabha Tathagata in the west. The Western Paradise which is outside the triple realm and beyond samsara and retrogression. The Western Paradise is one of the most important of the Buddha-fields to appear in the Mahayana. Amitabha Tathagata created the Pure Land by his karmic merit. The Pure Land sect believes that through faithful devotion to Amitabha and through recitation of his name, one would be reborn there and lead a blissful life until entering Nirvana.

For those who are currently cultivating enlightenment to becoming a Tathagata, the Dharma Realm of Tathagatas also means the universal Buddha, i.e. the dharmakaya. The Avatamsaka Sutra teaches: “The myriad dharmas are made from the mind alone.” The Tathagata is created by our mind. If our mind cultivates the Buddha-dharma, then we will accomplish the Buddha Way. If our mind cultivates the Bodhisattva Path, eventually we will become a Bodhisattva. If our mind wishes to fall into the hells, we will surely head in the direction of the hells. That is why it is said, “The Ten Dharma Realms are not beyond this mind.” The Dharma Realm of Tathagatas is not small because it comprises the three thousand great chiliocosmos, but at the same time, the Dharma Realm of Tathagatas is not great either because in that Dharma realm, there are no arrogance, no pride, and no ego. The Tathagata’s Dharma-body reaches to the ends of space and pervades throughout the Dharma Realm. It is nowhere present and yet nowhere absent. If we say it goes, then to where does it go? If we say it comes, then to where does it come? As a matter of fact, the Tathagata’s Dharma-body is universally pervasive; it is not only in this world, but in worlds as many as tiny specks of dust. Limitlessly and boundlessly many worlds are all the Tathagata’s Dharma-body; that is why it is said to be in worlds as many as motes of dust. The light emitted by the Tathagatas in this Dharma Realm shines on the Tathagatas in other Dharma Realms; and the light of the Tathagatas in those other Dharma realms also shines on this Dharma Realm. Tathagatas in the universe

still emit lights to shine one another and these lights mutually unite, why not us, ordinary people? Buddhist disciples should unite our lights. There should not be any clashes between ordinary people. This shining means your light shines on me, and my light shines on you. Our lights should shine on one another throughout our way of cultivation to eliminate our ignorance.

*Chương Mười Hai*  
*Chapter Twelve*

*Bất Động Tôn Như Lai Và Đông Tịnh Độ*

Bất Động Tôn Như Lai hay A Súc Bệ Phật là một trong những vị Như Lai đầu tiên trở thành đối tượng của tín ngưỡng tôn giáo là A Súc Bệ Phật. Bất Động Tôn Như Lai hay Đông Phương A Sám Như Lai. Đức A Súc Bệ Phật của thế giới Diệu Hỷ, ngự trị nơi **Đông Độ**. Ngài là một trong năm vị Phật Thiên Định hay Siêu Việt (Tỳ lô giá Na, A Súc Bệ Phật, Đa Bảo Như Lai, A Di Đà Phật, và Vô Bồ Úy Như Lai). Ngài luôn tĩnh lặng, thanh khiết và vô tham dục. Theo Kinh Pháp Hoa thì ngài là con trai trưởng trong 16 người con của Phật Đại Thông Trí Thắng. Đặc tính chính yếu của ngài là hàng phục dục vọng. Từ Bắc Phạm dùng để chỉ “Bất Động.” Đây là tên của vị Phật đang trụ tại Thiên Đường Đông Độ. Trong Phật giáo, thiên đường không nhằm chỉ một địa danh, mà là một trạng thái của tâm thức. Người ta thường phác họa Ngài có da màu xanh đậm, thỉnh thoảng có màu vàng kim, thường cỡi voi. Ngài thường cầm Kim Cang chùy bên tay phải và tay trái làm dấu hiệu tiếp xúc với đất. Người ta nói Ngài có tên “Bất Động Tôn” vì Ngài giữ lời nguyện là chẳng bao giờ nóng giận với bất cứ chúng sanh nào. Tên ngài được những kinh điển Đại Thừa đầu tiên nhắc đến rất nhiều. Sự thờ phụng ngài chắc chắn bành trướng thật rộng rãi, nhưng thần thoại về ngài rất tản mạn. Theo truyền thuyết thì Aksobhya là một vị sư, người đã thệ nguyện trước vị Phật đã từng trị vì vô cùng lâu dài ở Abharati rằng sẽ không bao giờ oán hận hay giận dữ một sinh linh nào cả. Vị sư đã luôn tuân thủ lời thề của mình và sau này đã trở thành Phật A Súc Bệ ngự trị thiên đường Đông Độ. Vì thế Phật tử nên phát nguyện giữ đúng lời thề do Phật A Súc Bệ đã nói lên. Ai được sanh vào thiên đường này sẽ không bao giờ rơi lại vào ác đạo. Cõi Tịnh Độ phương Đông của Tu Mật La Thiên hay Đức Phật A Súc (Vô Nộ hay Diệu Lạc Như Lai). Hoan Hỷ Quốc nằm về phương đông của vũ trụ (Kinh Pháp Hoa, phẩm Hóa Thành Dụ). Đông độ Thiên Đường của Tu Mật La Thiên hay A Súc Bệ Phật.

### *Aksobhya Tathagata's Eastern Pure Land*

Akshobya Tathagata or the Imperturbable Buddha, one of the first Buddhas to become an object of religious faith or belief (bhakti) was Akshobya. The Imperturbed (Unperturbed or motionless) Tathagata who is always calm, serene and absence of passion. He is one of the Five Dhyani-Buddhas (Vairocana, Aksobhya, Ratnasambhava, Amitabha, and Amoghasiddhi Tathagata), and generally reigns over the east, his kingdom being Abhirati, realm of mystic pleasure. In the Lotus Sutra he is named as the first of the sixteen sons of Mahabhijnabhibhu. One of his principal characteristics is that of subduing the passions. "Aksobhya" is a Sanskrit term for "Imperturbable." This is the name of a Buddha who resides over the eastern paradise of Abhirati. In Buddhism, paradise is not understood as a location but rather as a state of consciousness. He is generally represented iconographically as having dark blue, and occasionally gold skin and sometimes as riding on an elephant. He generally holds a Vajra in his right hand and makes the "earth-touching" gesture with his left. He is said to have received his name because he kept his vow never to manifest anger toward any being. He is mentioned in quite a number of early Mahayana Sutras. His worship must have been fairly widespread, but only fragments of his legend have survived. Aksobhya as a monk who is said to have taken a vow before the Buddha who, endlessly long ago, reigned over Abhirati, never feel disgust or anger toward any being. In carrying out this vow, he showed himself "immovable" and after endlessly long striving, he became Buddha Aksobhya and thereby the ruler of the Abhirati paradise. Thus all Buddhist believers should seek to fulfill the promise kept by Aksobhya. Whoever is reborn there can never fall back into lower levels of consciousness. The eastern Pure Land of Aksobhya. The happy land, or paradise of Aksobhya located in the east of our universe. Abhirati is a "Realm of Joy"; the paradise of the Buddha Akshobhya.



***Chương Mười Ba***  
***Chapter Thirteen***

***Đa Bảo Như Lai Và Đông Phương Bảo Tịnh***

Đa Bảo Như Lai, một vị cổ Phật ở thế giới Đông Phương Bảo Tịnh, đã nhập Niết bàn, đã xuất hiện nghe Phật Thích Ca thuyết kinh Pháp Hoa (phẩm 11), do sự hiện diện của Phật Đa Bảo, chúng ta thấy Niết bàn không phải là sự hủy diệt. Phật Đa Bảo là một hình ảnh quan trọng trong Kinh Pháp Hoa: một tòa bảo tháp cổ nổi lên từ dưới đất (tầng địa đồng xuất), một vị cổ Phật từ đó bước ra. Biểu tượng này tượng trưng cho chân lý trường tồn, dù đôi khi chân lý ấy bị lu mờ hay chôn vùi; cũng có lúc nó sẽ được phát hiện sáng ngời. Theo Kinh Địa Tạng Bồ Tát, phẩm thứ chín, vô lượng vô số hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đa Bửu Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đày, sanh lòng cung kính, không bao lâu người ấy sẽ đặng quả A La Hán.

***Prabhutaratna-Tathagata's Eastern Pure Land***

Many Jewels Buddha (Abundant-Treasures Buddha), the Ancient Buddha, who entered Nirvana a long long time ago, who appeared in his stupa to hear the Buddha preach the Lotus Sutra (chapter 11), by his presence revealing that nirvana is not annihilation. Prabhutaratna Buddha, an important image in the Lotus Sutra: an ancient monument emerges from the ground, opens up, and reveals an extinct Buddha, named Prabhutaratna, who although extinct is still alive and teaching. This symbolizes the idea that truth is eternal, even though it may sometimes be concealed or forgotten, sometimes revealed or rediscovered. According to the Earth Store Bodhisattva Sutra, Chapter 9, in the past, a Buddha named Jeweled Appearance Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and gives rise to a thought of respect, that person will, before long, attain the fruit of Arhatship.



***Chương Mười Bốn***  
***Chapter Fourteen***

***Mãn Nguyệt Quang Minh***  
***Và Nhật Nguyệt Quang Như Lai Tại Đông Tịnh Độ***

Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, về phía Đông của thế giới Ta Bà có cõi Phật tên là Bất Động, trong nước đó có Phật tên là Mãn Nguyệt Quang Minh làm giáo chủ. Mãn nguyệt quang minh có nghĩa là ánh sáng của đêm trăng rằm. Ánh sáng đó vừa thanh tịnh vừa an lạc, có công năng chữa lành sự loạn động của thân tâm. Ban ngày thân tâm chúng ta bị ánh mặt trời thiêu đốt, nhưng dưới ánh trăng huyền diệu ban đêm, chúng ta cảm thấy thoải mái và dễ chịu. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cũng như chư Phật đều có cùng một thứ ảnh hưởng như vậy đối với chúng sanh mọi loài. Còn về Nhật Nguyệt Quang Phật, theo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi trong Kinh Pháp Hoa, Phẩm số I, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh giảng pháp riêng cho những ai mong được là Thanh Văn hay Duyên Giác, và Ngài cũng giảng pháp thích hợp cho chư Bồ Tát. Chính Ngài đã thuyết giảng bộ kinh “Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa,” tức là giáo pháp mà chư Bồ Tát được thuyết dạy và được chư Phật hộ niệm. Khi giảng kinh này xong, Ngài liền thu nhiếp đại chúng, ngồi kiết già và nhập định. Bấy giờ mưa hoa rải lên chư Phật và đại chúng. Ngay khi toàn cõi Phật rung động theo nhiều cách khác nhau, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh phóng hào quang từ vòng lông trắng giữa hai cặp chân mà chiếu sáng mười tám ngàn Phật độ ở phương Đông, giống như các cõi Phật đang được thấy đây vậy.

***Perfect Moon Light and Sun-Moon-Light Tathagatas***  
***in Eastern Pure Land***

Perfect Moon Light Buddha, to the East of the Saha World, there is a Budhaland called Undisturbed, in that world there is a Buddha named ‘Perfect Moon Light’ ruling over it. Perfect Moon Light means the light of full moon. Such a light is pure, peaceful, and able to heal mind and body. During the day under the sun’s fury, our mind and body burn, but under the softness of the moonlight, we feel at ease and relax. Thus,

similarly this Buddha and all Buddhas have the same affect on all sentient beings. As for the Sun Moon Light Buddha, an ancient Buddha, according to Manjusri Bodhisattva (Manjushri) in the Lotus Sutra, Chapter I, this Buddha preached the proper law for those who sought to be Sravakas and Pratyekabuddhas, and he also preached a suitable Law for the Bodhisattvas. This Buddha also preached the Great-Vehicle sutra called Innumerable Meanings, the law by which Bodhisattvas are instructed and which the Buddhas watch over and keep in mind. Having preached this sutra, he at once, amidst the great assembly, sat cross-legged and entered meditation. At this moment, the sky rained beautiful flowers over the Buddhas and the great assembly. As soon as the universal Buddha-world shook in various ways, the Buddha Sun Moon Light sent forth the circle of white hair between his eyebrows a ray of light, which illuminated eighteen thousand Buddha-lands in eastern quarter, just like those that now are seen.

**Chương Mười Lăm**  
**Chapter Fifteen**

**Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai &  
Mười Hai Lời Nguyện Của Ngài**

**I. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Và Đông Phương Tịnh Độ:**

Theo Kinh Dược Sư, Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng ở phương Đông cách cõi Ta Bà hơn mười căn đà sa cõi Phật, có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly. Đức giáo chủ cõi ấy hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Khi còn tu hạnh Bồ Tát, Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai có phát mười hai nguyện lớn, khiến cho chúng hữu tình cầu chi được nấy. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai đã khẳng định với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng: “Dầu ta có nói đến mãn một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể nào nói cho hết được. Tuy nhiên, ta có thể nói ngay rằng cõi Phật kia không có đàn bà, không có đường dữ và cả đến tiếng khổ cũng không.” Kinh Dược Sư cũng nhấn mạnh về những công đức của Đức Dược Sư Như Lai và khuyên chúng sanh hãy tin tưởng vị Phật này để được vãng sanh Thiên đường Đông Độ; tuy nhiên, kinh không phủ nhận Tây phương Cực Lạc. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trong Kinh Dược Sư như sau: “Có những kẻ không nhận thức lẽ thiện ác, chỉ một bề tham lam mà không hề biết bố thí và phước báo của bố thí là gì. Ngu muội, vô trí, thiếu cả đức tin. Dồn chứa tài sản vàng ngọc cho nhiều, nỗ lực mà ôm giữ. Thấy người xin đến, lòng họ không vui. Giả sử bất đắc dĩ phải bố thí thì họ cảm thấy thật tiếc rẻ như đang cắt thịt mình vậy. Lại còn những kẻ tham xan (tham lam keo kiệt), dồn chứa tài sản mà đối với bản thân họ, họ còn không hưởng dụng, huống chi có thể đem cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người làm hay kẻ đến xin. Những kẻ ấy, sinh mạng kết thúc ở đây thì sanh trong thế giới ngạ quỷ hay súc sanh. Nhưng xưa kia, khi ở trong loài người, từng được thoáng nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nên ngày nay dù ở trong ác đạo, vẫn thoáng nhớ danh hiệu của Đức Như Lai ấy, và ngay khi nhớ thì chết ở ác đạo mà sanh lại làm người, được sự nhớ đời trước

nên sợ nổi khổ ác đạo mà không ham dục lạc, thích bố thí và ca tụng người bố thí. Có gì cũng không tiếc. Dần dần tiếp theo, đầu, mắt, tay chân, máu thịt, và những bộ phận khác của cơ thể, còn có thể đem cho người đến xin, huống là những thứ tiền tài sản vật khác. Những người đáng lý phải lăn trôi trong tam ác đạo địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, nhưng có cơ may được nghe tên Ngài. Có kẻ dù thọ giới pháp Như Lai mà lại phá giới pháp ấy. Có kẻ không phá giới pháp mà phá quy tắc. Có kẻ đối với giới pháp và quy tắc tuy không phá hoại, nhưng lại phá hoại chánh kiến. Có kẻ không phá hoại chánh kiến mà phế bỏ đa văn, nên đối với ý nghĩa sâu xa của Kinh Phật nói không thể lý giải được. Có kẻ tuy đa văn mà thượng mạn, vì thượng mạn che mờ tâm trí nên luôn cho mình là phải, người là trái, ghét chê cả chánh pháp, làm bè đảng với tà ma. Những kẻ u mê như vậy tự mình đã làm theo tà kiến, lại làm cho vô số người khác rơi xuống hố lớn nguy hiểm. Những kẻ ấy đáng lý phải lăn trôi trong tam ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, nhưng nếu được nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì bỏ ngay tánh ác, tu các pháp lành, và sẽ không sa vào các đường dữ. Giả sử có kẻ vẫn không thể bỏ ngay tánh ác hay tu ngay các pháp lành mà phải sa vào ác đạo đi nữa, thì nhờ uy lực của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mà làm cho họ thoáng nghe được danh hiệu của Ngài, sinh mạng kết thúc ở ác đạo, sanh lại trong cõi người, được chánh kiến, tinh tấn, và ý thích khéo điều luyện, nên thoát ly gia đình, đi đến phi gia đình, ở trong pháp Như Lai mà thọ giới, giữ giới, không có phạm giới mà lại chánh kiến, đa văn, lý giải nghĩa lý cực kỳ sâu xa mà lại viễn ly thượng mạn, không chê chánh pháp, không làm bạn ma, dần dần tu hành các hạnh Bồ Tát và đầy đủ một cách mau chóng. Có những kẻ tham lẫn ganh ghét, ca tụng bản thân, công kích kẻ khác, nên sẽ sa vào ba đường dữ, chịu đựng khổ sở khốc liệt trong vô số ngàn năm, rồi sinh mạng kết thúc ở đó mà tái sanh làm trâu bò, lừa ngựa, lạc đà, thường bị đánh đập, đói khát hành hạ, lại luôn mang nặng, chở nhiều. Nếu được làm người thì sanh trong gia đình hèn hạ, làm tôi tớ, bị người sai sử, thường không có tự do. Nhưng nếu xưa kia khi còn làm người, từng nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì do nhân lành ấy mà nay nhớ lại, chí tâm quy-y, nhờ thần lực của Phật mà thoát hết khổ sở, giác quan tinh nhuệ, trí tuệ đa văn, thường cầu thắng pháp, thường gặp thiện hữu, dứt hẳn lưới ma, đập vỡ vô minh, làm khô cạn sông phiền não, giải thoát hết thủy sinh lão bệnh tử,

lo buồn khổ não. Có những kẻ thích chống đối, ly gián, đấu tranh, kiện tụng, gây bức tức và rối loạn cho bản thân và người khác. Dem cả thân thể, lời nói, và ý nghĩ mà tạo ra và làm tăng trưởng đủ thứ ác nghiệp. Gây mãi cho nhau những sự bất lợi để mưu hại lẫn nhau. Nguyên cầu bái lạy thần rừng núi, cây cỏ, mồ mả; giết sinh vật lấy máu huyết mà cúng tế dạ xoa, la sát; viết tên người mình oán, làm hình ảnh của người ấy, đem chú thuật tàn ác mà thư, ếm, phú chú, dùng thuốc độc, chú quỷ khởi thi, dùng mọi cách làm đứt sinh mạng người khác, hay làm chết thân họ. Tuy nhiên, nếu những nạn nhân ấy nghe được danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì mọi việc dữ trên không cách nào hại được. Lại cùng kẻ kia (người muốn hại người khác), tất cả đôi bên đều khởi dậy từ tâm đối với nhau, làm lợi ích an lạc mà không còn ý thức thương tổn hay tâm lý ghét giận. Đôi bên cùng vui vẻ. Ai cũng cảm thấy bằng lòng với những gì mình có, không ai muốn lấn lướt ai mà chỉ làm lợi ích cho nhau mà thôi. Có những người trong tứ chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, và những thiện nam thiện nữ khác, có đức tin thuần tịnh, nếu ai có khả năng thọ trì bát quan trai giới trong một năm hay ba tháng. Rồi đem thiện căn này nguyện sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, trụ xứ của Đức Phật Vô Lượng Thọ, để được nghe Chánh Pháp của Ngài, nhưng chưa quyết định. Nếu nghe danh hiệu của Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì đến khi sinh mạng kết thúc, có tám vị đại Bồ Tát, danh hiệu Văn Thù Sư Lợi, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Vô Tận Ý, Bảo Đàn Hoa, Dược Vương, Dược Thượng, và Di Lạc Bồ Tát. Tám vị đại Bồ Tát này lướt không gian đến tiếp dẫn cho người ấy. Tức thì người ấy tự nhiên hóa sanh trong hoa sen bằng các thứ ngọc và đủ mọi màu xen lẫn với nhau. Họ có thể nhờ vậy mà được sanh lên cõi trời. Tuy sinh lên cõi trời, nhưng thiện căn xưa cũng chưa cùng tận, và không còn sinh lại tại các đường dữ nữa. Khi thọ mệnh trên cõi trời chấm dứt thì họ sinh lại làm người. Bằng cách hoặc sanh làm chuyển luân vương, ngự trị tứ châu, uy đức tự tại, khiến cho vô lượng trăm ngàn chúng sanh trụ vào thập thiện nghiệp. Hoặc sinh vào dòng sát đế lợi, bà la môn, cư sĩ, nhiều tiền bạc ngọc ngà châu báu, kho bồ đầy tràn, thân hình tướng mạo đẹp đẽ trang nghiêm, bà con bạn bè đầy đủ, trí tuệ thông minh, sức lực mạnh mẽ như đại lực sĩ. Nếu là phụ nữ mà được nghe danh hiệu của Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nhất tâm thọ trì, thì về sau không còn chịu lại thân thể phụ nữ nữa.

## **II. Mười Hai Lời Nguyện Của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai:**

Theo Kinh Dược Sư, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng ở phương Đông cách cõi Ta Bà hơn mười căn đà sa cõi Phật, có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly. Đức giáo chủ cõi ấy hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Khi còn tu hạnh Bồ Tát, Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai có phát mười hai nguyện lớn, khiến cho chúng hữu tình cầu chi được nấy. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai đã khẳng định với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng: “Dầu ta có nói đến mãn một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể nào nói cho hết được. Tuy nhiên, ta có thể nói ngay rằng cõi Phật kia không có đàn bà, không có đường dũ và cả đến tiếng khổ cũng không.” **Đại Nguyện thứ nhất:** Nguyện đời sau, khi chứng được đạo Chánh Đẳng Chánh Giác, thân có hào quang sáng suốt, rực rỡ chiếu khắp vô lượng, vô số, vô biên thế giới, để soi sáng giác ngộ cho mọi chúng sanh, khiến cho tất cả chúng hữu tình đều có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, cùng tám chục món tùy hình trang nghiêm như thân của ta vậy. **Đại Nguyện thứ hai:** Nguyện đời sau, khi được đạo Bồ Đề, thân ta như ngọc lưu ly, trong ngoài sáng suốt, tinh sạch hoàn toàn, không có chút nhơ bợn, ánh quang minh chói lợi khắp nơi, công đức cao vòi vọi và an trú giữa tầng lưới dệt bằng tia sáng, tỏ hơn vầng nhật nguyệt. Chúng sanh trong cõi u minh đều nhờ ánh sáng ấy mà tâm trí được mở mang và tùy ý muốn đi đến chỗ nào để làm các sự nghiệp gì cũng đều được cả. **Đại Nguyện thứ ba:** Nguyện đời sau, khi được đạo Bồ Đề, dùng trí huệ phương tiện vô lượng vô biên độ cho chúng hữu tình, khiến ai nấy đều có đủ các vật dụng, chớ không ai phải chịu sự thiếu thốn. **Đại Nguyện thứ tư:** Nguyện đời sau khi được đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình tu theo tà đạo, thì ta khiến họ quay về an trụ trong đạo Bồ Đề, hoặc có những người tu theo hạnh Thanh Văn, Độc Giác thì ta cũng lấy phép Đại Thừa mà dạy bảo họ. **Đại Nguyện thứ năm:** Nguyện đời sau khi được đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nhiều vô lượng, vô biên ở trong giáo pháp của ta mà tu hành theo hạnh thanh tịnh, thì ta khiến cho tất cả đều giữ được pháp giới hoàn toàn đầy đủ cả tam tụ tịnh giới. Giả sử có người nào bị tội hủy phạm giới pháp mà khi đã nghe được danh hiệu ta thì trở lại được thanh tịnh, khỏi sa vào đường ác. **Đại Nguyện**



**thứ sáu:** Nguyên đời sau khi chứng được đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nào thân hình hèn hạ, các căn không đủ, xấu xa, khờ khạo, tai điếc, mắt đui, nói năng ngọng nghịu, tay chân tật nguyền, lác hủi, điên cuồng, chịu tất cả những bệnh khổ ấy mà khi đã nghe danh hiệu ta liền được thân hình đoan chánh, tâm tánh khôn ngoan, các căn đầy đủ, không còn những bệnh khổ ấy nữa. **Đại Nguyên thứ bảy:** Nguyên đời sau, khi được chứng đạo Bồ Đề, nếu có chúng sanh nào bị những chứng bệnh hiểm nghèo không ai cứu chữa, không ai để nương nhờ, không gặp thầy, không gặp thuốc, không bà con, không nhà cửa, chịu nhiều nỗi nghèo hèn khốn khổ, mà hễ danh hiệu ta đã nghe lọt vào tai một lần thì tất cả bệnh hoạn khổ não đều tiêu trừ, thân tâm an lạc, gia quyến sum vầy, của cải sung túc, cho đến chứng được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề. **Đại Nguyên thứ tám:** Nguyên đời sau khi ta chứng được đạo quả Bồ Đề, nếu có những phụ nữ nào bị trăm điều hèn hạ khổ sở của thân gái làm cho buồn rầu, bức tức, sanh tâm nhàm chán, muốn bỏ thân ấy mà hễ nghe danh hiệu ta rồi thì tất cả đều được chuyển thân gái thành thân trai, có đủ hình tướng trượng phu, cho đến chứng được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề. **Đại Nguyên thứ chín:** Nguyên đời sau khi ta chứng được đạo quả Bồ Đề thì khiến cho chúng sanh hữu tình ra khỏi vòng lưới ma nghiệp, được giải thoát tất cả sự ràng buộc của ngoại đạo. Nếu có những kẻ sa vào rừng ác kiến, ta nhiếp dẫn họ trở về với chánh kiến và dần dần khiến họ tu tập theo các hạnh Bồ Tát được mau chứng đạo Chánh Đẳng Bồ Đề. **Đại Nguyên thứ mười:** Nguyên đời sau khi ta chứng được đạo quả Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nào mà pháp luật nhà vua gia tội phải bị xiềng xích, đánh đập, hoặc bị giam giữ trong chốn lao tù, hoặc bị chém giết, hoặc bị nhiều tai nạn nhục nhã, thân tâm chịu những nỗi khổ, buồn rầu, bức rứt, hễ nghe đến danh hiệu ta thì nhờ sức oai thần phước đức của ta đều được giải thoát tất cả những nỗi ưu khổ ấy. **Đại Nguyên thứ mười một:** Nguyên đời sau khi ta được chứng đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nào bị sự đói khát hoành hành, đến nỗi vì tìm miếng ăn phải tạo các nghiệp dữ, mà hễ nghe danh hiệu ta rồi chuyên niệm thọ trì thì trước hết ta dùng các món ăn uống ngon lạ ban bố cho thân họ được no đủ và sau ta mới đem pháp vị nhiệm mầu kiến lập cho họ cái cảnh giới an lạc hoàn toàn. **Đại nguyên thứ mười hai:** Nguyên đời sau khi ta chứng được đạo Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình nào nghèo đến nỗi không có áo che thân bị muỗi mòng cắn đốt, nóng lạnh dãi dầu, ngày đêm khổ bức, hễ

nghe đến danh hiệu ta mà chuyên niệm thọ trì thì ta khiến cho được như ý muốn: Nào các thứ y phục tốt đẹp, nào tất cả các bảo vật trang nghiêm, nào tràng hoa, phấn sáp bát ngát mùi thơm và trống nhạc cùng những điệu ca múa, tùy tâm muốn thưởng thức món nào cũng được thỏa mãn cả.

### *The Bhaishajya-Guru-Tathagata & His Twelve Vows*

#### *I. Bhaishajya-Guru-Vaidurya-Prabhasa's Eastern Pure Land:*

According to The Medicine Buddha Sutra, the Sakyamuni Tathagata said to Manjusri Bodhisattva: “East of this world, past countless Buddha-lands, more numerous than the grains of sand in ten Ganges Rivers, there exists a world called Pure Lapis Lazuli. The Buddha of that world is called the Medicine Tathagata Lapis Lazuli Radiance Tathagata, Arhat, the Perfectly Enlightened, Perfect in Mind and Deed, Well Gone, Knower of the World, Unsurpassed Being, Tamer of Passions, Teacher of Gods and Men, Buddha, World Honoured One. When the World Honoured Medicine Tathagata was treading the Bodhisattva path, he solemnly made Twelve Great Vows to grant sentient beings whatever they desired. Sakyamuni Tathagata confirmed Manjusri Bodhisattva: “I cannot possibly describe them all, not even if I were to speak for an eon or more. However, this Buddha-land is utterly pure. You will find no temptations, no Evil Paths nor even cries of suffering there.” The Medicine Tathagata Sutra also stresses on the merits and virtues of Bhaishajya-Guru and encourages sentient beings to have faith in this Tathagata so that they can be reborn in the Eastern Paradise; however, the sutra never denies the Western Paradise. Sakyamuni Tathagata told Manjusri in the Medicine Tathagata Sutra as follows: “There are living beings who don’t distinguish good from evil, who indulge in greed and stinginess, and who know nothing of giving or its rewards. They are stupid, ignorant, and lack the foundation of faith. They accumulate much wealth and many treasures and ardently guard them. When they see a beggar coming, they feel displeased. When they have to practice an act of charity that does not benefit themselves, they feel as though they were cutting a piece of flesh from their body, and they suffer deep and painful regret. There are other innumerable avaricious and miserly

living beings who hoard money and necessities that they don't use even for themselves, how much less for their parents, wives, or servants, or for beggars! At the end of their lives, such beings will be reborn among the hungry ghosts or animals. If they heard the name of that Tathagata, Medicine Master Vaidurya Light Tathagata, in their former human existence, and they recall that Tathagata's name for the briefest moment while they are in the evil destinies, they will immediately be reborn in the human realm. Moreover, they will remember their past lives and will dread the sufferings of the evil destinies. They will not delight in worldly pleasures, but will rejoice in giving and praise others who give. They will not begrudge giving whatever they have. Gradually, to those who come to beg, they will be able to give away their own head, eyes, hands, and even their entire body, to say nothing of their money and property! These beings will drift endlessly in the realms of hells, ghosts or animal, but they have a chance to hear His name. There are beings who, although they study under the Tathagata, nonetheless violate the precepts. Others, although they do not violate the precepts, nonetheless, transgress the rules and regulations. Others, although they do not violate the precepts or rules and regulations, nonetheless destroy their own proper views, nonetheless neglect learning, so they are unable to understand the profound meaning of the Sutras that the Tathagata speaks. Others, although they are learned, nonetheless give rise to overweening pride. Shadowed by overweening pride, they justify themselves and disparage others, slander the Proper Dharma, and join the retinue of demons. Such fools act on their misguided views and further, cause immeasurable millions of beings to fall into pits of great danger. These beings will drift endlessly in the realms of the hells, hungry ghosts, and animals. But if they hear the name of Medicine Master Vaidurya Light Tathagata, they will be able to renounce their evil practices and cultivate wholesome Dharmas, and thereby avoid falling into the evil destinies. If those who have fallen into the evil destinies because they could not renounce their evil practices and cultivate wholesome Dharmas, by the awesome power of the past vows of that Tathagata, get to hear his name for only a moment, then after they pass out of that existence, they will be reborn again as human beings. They will hold proper views and will be ever vigorous. Their minds will be regulated

and joyful, enabling them to renounce their families and leave the householder's life. They will take up and maintain study of the Tathagata's Dharma without any violation. They will understand profound meanings and yet be free from overweening pride. They will not slander the Proper Dharma and will never join the ranks of demons. They will progressively cultivate the practices of Bodhisattvas and will soon bring them to perfection. There are sentient beings who harbor stinginess, greed and jealousy, who praise themselves and disparage others, they will fall into the three evil destinies for countless thousands of years where they will undergo intense suffering. After undergoing intense suffering, at the end of their lives they will be reborn in the world as oxen, horses, camels, and donkeys that are constantly beaten, afflicted by thirst and hunger, and made to carry heavy burdens along the roads. Or they may be reborn among lowly people, as slaves or servants who are always ordered around by others and who never for a moment have freedom. If such beings, in their former lives as humans, heard the name of the World Honored One, Medicine Master Vaidurya Light Tathagata, and by this good cause are able to remember it and sincerely take refuge with that Tathagata, then, by means of the Tathagata's spiritual power, they will be liberated from all sufferings. They will be endowed with keen faculties, and they will be wise and erudite (learn broadly). They will always seek the supreme Dharmas and encounter good friends. They will eternally sever the nets of demons and smash the shell of ignorance. They will dry up the river of afflictions and be liberated from birth, old age, sickness, death, anxiety, grief, suffering, and vexation (depression). There are beings who delight in perversity and engage in legal dispute, bringing troubles to others as well as themselves. In their actions, speech, and thoughts, they create and increase evil karma. They are never willing to benefit or forgive others, they scheme to harm one another instead. They pray and bow to the spirits of the mountains, forests, trees, and graves. They kill living beings in order to make sacrifices of blood and flesh to the Yaksa and Raksasa ghosts. They write down the names of their enemies and make images of them, and then they bewitch those names and images with evil mantras. They summon paralysis ghosts, or command corpse-raising ghosts to kill or injure their enemies. However, if the victims

hear the name of Medicine Master Vaidurya Light Tathagata, then all those evil things will lose their power to do harm. The evildoers will become kind to one another. They will attain benefit, peace, and happiness and no longer cherish thoughts of malice, affliction, or enmity. Everyone will rejoice and feel content with what they have. Instead of encroaching upon each other, they seek to benefit one another. There are people among the fourfold assembly of Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, and Upasikas, as well as other good men and women of pure faith, who accept and uphold the eight precepts either for one year or for three months, practicing and studying them. With these good roots, they may vow to be reborn in the Western Land of Ultimate Bliss where the Buddha of Limitless Life dwells, to hear the Proper Dharmas, but their resolve may not be firm. However, if they hear the name of the World Honored One, Medicine Master Vaidurya Light Tathagata, then as the end of their lives draws near, before them will appear eight great Bodhisattvas, whose names are: Manjusri, Avalokitesvara (the one who observes the sounds of the world), Great Strength Bodhisattva, Inexhaustible Intention Bodhisattva, Jewelled Udumbara Flower, Medicine King, Medicine Superior, and Maitreya Bodhisattva. Those eight great Bodhisattvas will appear in space to show them the way, and they will naturally be born by transformation in that land, amid precious flowers. Or they may be born in the Heavens due to this cause. Although reborn in the heavens, their original good roots will not be exhausted and so they will not fall into the evil destinies again. When their life in the heavens ends, they will be born among people again. They may be wheel-turning kings, reigning over the four continents with awesome virtue and ease, bringing uncountable hundreds of thousands of living beings to abide in the practice of the ten good deeds. Or they may be born as ksatriyas, Brahmans, laymen, or sons of honorable families. They will be wealthy, with storehouses filled to overflowing. Handsome in appearance, they will be surrounded by a great retinue of relatives. They will be intelligent and wise, courageous and valiant, like great and awesome knights. If a woman hears the name of the World Honored One, Medicine Master Vaidurya Light Tathagata, and sincerely cherishes it, in the future she will never be born as a female.

## ***II. The Twelve Vows of Bhaishajya-Guru-Tathagata:***

According to The Medicine Tathagata Sutra, the Sakyamuni Tathagata said to Manjusri Bodhisattva: “East of this world, past countless Buddha-lands, more numerous than the grains of sand in ten Ganges Rivers, there exists a world called Pure Lapis Lazuli. The Tathagata of that world is called the Medicine Lapis Lazuli Radiance Tathagata, Arhat, the Perfectly Enlightened, Perfect in Mind and Deed, Well Gone, Knower of the World, Unsurpassed Being, Tamer of Passions, Teacher of Gods and Men, Buddha, World Honoured One. When the World Honoured Medicine Buddha was treading the Bodhisattva path, he solemnly made Twelve Great Vows to grant sentient beings whatever they desired. Sakyamuni Tathagata confirmed Manjusri Bodhisattva: “I cannot possibly describe them all, not even if I were to speak for an eon or more. However, this Buddha-land is utterly pure. You will find no temptations, no Evil Paths nor even cries of suffering there.” ***The First great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme, Perfect Enlightenment, my brilliant rays will radiate to all beings or to shine upon all beings with the light from my body, illuminating infinite, countless boundless realms. This body will be adorned with the Thirty-Two Marks of Greatness and Eighty Auspicious Characteristics. Furthermore, I will enable all sentient beings to become just like me. ***The Second Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, my body, inside and out, will radiate far and wide the clarity and flawless purity of lapis lazuli. This body will be adorned with superlative virtues and dwell peacefully in the midst of a web of light more magnificent than the sun or moon. The light will awaken the minds of all beings dwelling in darkness, enabling them to engage in their pursuits according to their wishes. ***The Third Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, I will, with infinite wisdom and skillful means, provide all sentient beings with an inexhaustible quantity of goods to meet their material needs. They will never want for anything. ***The Fourth Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, I will set all who follow heretical ways upon the path to Enlightenment. Likewise, I will set those who follow the Sravaka and Pratyeka-Buddha ways onto the Mahayana path. ***The Fifth Great Vow:*** I vow that in a

future life, when I have attained Supreme Enlightenment, I will help all the countless sentient beings who cultivate the path of morality in accordance with my Dharma to observe the rules of conduct (Precepts) to perfection, in conformity with the Three Root Precepts. Even those guilty of disparaging or violating the Precepts will regain their purity upon hearing my name, and avoid descending upon the Evil Paths. ***The Sixth Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, sentient beings with imperfect bodies, whose senses are deficient, who are ugly, stupid, blind, deaf, mute, crippled, hunchbacked, leprous, insane or suffering from various other illnesses, will, upon hearing my name, acquire well-formed bodies, endowed with intelligence, with all senses intact. They will be free of illness and suffering. ***The Seventh Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, sentient beings afflicted with various illnesses, with no one to help them, nowhere to turn, no physicians, no medicine, no family, no home, who are destitute and miserable, will, as soon as my name passes through their ears, be relieved of all their illnesses. With mind and body peaceful and contented, they will enjoy home, family and property in abundance and eventually realize Unsurpassed Supreme Enlightenment. ***The Eighth Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, those women who are extremely disgusted with ‘hundred afflictions that befall women’ and wish abandon their female form, will, upon hearing my name, all be reborn as men. They will be endowed with noble features and eventually realize Unsurpassed Supreme Enlightenment. ***The Ninth Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, I will help all sentient beings escape from the demons’ net and free themselves from the bonds of heretical paths. Should they be caught in the thicket of wrong views, I will lead them to correct views, gradually inducing them to cultivate the practices of Bodhisattvas and swiftly realize Supreme, Perfect Enlightenment. ***The Tenth Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, those sentient beings who are shackled, beaten, imprisoned, condemned to death or otherwise subjected to countless miseries and humiliations by royal decree, and who are suffering in body and mind from this oppression, need only hear my name to be freed from all these afflictions, thanks to

the awesome power of my merits and virtues. ***The Eleventh Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, if sentient beings who are tormented by hunger and thirst, to the point of creating evil karma in their attempts to survive, should succeed in hearing my name, recite it singlemindedly and hold fast to it, I will first satisfy them with most exquisite food and drink. Ultimately, it is through the flavor of the Dharma that I will establish them in the realm of peace and happiness. ***The Twelfth Great Vow:*** I vow that in a future life, when I have attained Supreme Enlightenment, if sentient beings who are utterly destitute, lacking clothes to protect them from mosquitos and flies, heat and cold, and are suffering day and night, should hear my name, recite it singlemindedly and hold fast to it, their wishes will be fulfilled. They will immediately receive all manner of exquisite clothing, precious adornments, flower garlands and incense powder, and will enjoy music and entertainment to their heart's content.



**Chương Mười Sáu**  
**Chapter Sixteen**

**Đức A Di Đà Như Lai &  
Bốn Mươi Tám Lời Nguyện Của Ngài**

**I. Cõi Tây Phương Tịnh Độ Chủ Trì Bởi Đức A Di Đà Như Lai:**

Tây phương Cực lạc vượt ngoài tam giới luân hồi. Đây là một trong những đất chính của Phật được trường phái Đại Thừa thừa nhận. Đức A Di Đà Như Lai lập ra Tây Phương Cực Lạc nhờ chính ngay công đức tu tập của Ngài. Sự thờ phụng A Di Đà chịu ảnh hưởng nặng nề của Ba Tư, cũng bắt đầu cùng thời đại đó. A Di Đà là đức Vô Lượng Quang Như Lai và cõi Cực Lạc của Ngài ở Tây Phương. Ngài cũng còn được biết dưới tên Vô Lượng Thọ Như Lai vì sự trường thọ của Ngài là vô lượng. Trường phái Tịnh độ tin rằng việc trì niệm hồng danh của Ngài cho phép tín đồ vãng sanh về Tịnh Độ sống đời an lạc cho đến khi nhập Niết bàn. Đức A Di Đà Như Lai với Diệu Quán Sát Trí, trí chuyển từ ý thức mà được, trí phân biệt các pháp hảo diệu phá nghi, tương ứng với nước và Phật A Di Đà ở Tây phương. Theo Tịnh Độ và Chân Tông, Đức A Di Đà Như Lai thù thắng hơn cả trong số Ngũ Trí Như Lai; mặc dù quốc độ của Ngài ở Tây Phương chứ không ở trung ương. Trong số Ngũ Trí Như Lai, Đức A Di Đà Như Lai ở phương Tây có thể đồng nhất với Trung ương Đại Nhật Như Lai, là Đức Phật của Pháp Giới Thể Tánh. Các bốn nguyện của Đức A Di Đà Như Lai, sự chứng đắc Phật quả Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ, và sự thiết lập Cực Lạc quốc độ đã được mô tả đầy đủ trong Kinh A Di Đà. Tây Phương Cực Lạc còn được gọi là An lạc quốc. Tên một cõi Phật, quốc độ của Đức A Di Đà Như Lai, còn gọi là Tây Phương Tịnh Độ, còn gọi là An Dưỡng, An Lạc, Vô Lượng Thanh Tịnh Độ, Vô Lượng Quang Minh Độ, Vô Lượng Thọ Phật Độ, Liên Hoa Tạng Thế Giới, Mật Nghiêm Quốc, hay Thanh Thái Quốc. Phạm ngữ có nghĩa là “Thiên đường của Đức A Di Đà Như Lai.” Đây là Tây Phương Cực Lạc của A Di Đà Như Lai, một trong những vùng đất Phật quan trọng được nhắc đến trong phái Đại Thừa. Đức A Di Đà Như Lai lập ra và ngự trị nhờ công hạnh của Ngài. Trường phái Tịnh Độ quan niệm rằng những ai tin tưởng và niệm hồng danh của Ngài, thì khi chết sẽ được vãng sanh vào

Tây phương cực lạc, sống đời thanh thản cho đến khi nhập Niết Bàn. Đây là tâm điểm cho việc tu tập của trường phái “Tịnh Độ” trong vùng Đông Á, nơi người ta tin tưởng là nơi có những điều kiện lý tưởng cho việc tiến tu thành Phật. Ý tưởng này liên hệ với khái niệm thịnh hành rằng thời bây giờ là thời mạt pháp, khả năng con người kém cỏi không còn có thể tự tu tự cứu lấy mình được nữa. Vì thế con đường tu tập khôn ngoan nhất là cố gắng tu tập về cõi Cực Lạc, để có thể thành Phật trong kiếp kế tiếp. Những phẩm chất kỳ diệu của cõi thiên đường này đã được diễn tả trong nhiều kinh điển, phổ thông nhất là trong Kinh A Di Đà, cả tiểu bản lẫn đại bản. Tây phương Cực lạc vượt ngoài tam giới luân hồi. Đây là một trong những đất chính của Phật được trường phái Đại Thừa thừa nhận. Đức A Di Đà Như Lai lập ra Tây Phương Cực Lạc nhờ chính ngay công đức tu tập của Ngài. Trường phái Tịnh độ tin rằng việc trì niệm hồng danh của Ngài cho phép tín đồ vãng sanh về Tịnh Độ sống đời an lạc cho đến khi nhập Niết bàn (Đức Phật Thích Ca nói: “Ở về phương Tây có một cõi nước thanh tịnh gọi là An Lạc hay Cực Lạc (Sukhavati) hay thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vị Giáo Chủ của cõi nước này hiệu là A Di Đà (Amitabha Tathagata). A Di Đà có nghĩa là Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang. Đức A Di Đà Như Lai trong vô lượng kiếp về trước, đã phát 48 lời đại nguyện, trong đó những lời nguyện thứ 18, 19, và 20 chuyên vì nhiếp thọ và tiếp dẫn nhứt thiết chúng sanh. Do các lời nguyện cao quý này, Đức A Di Đà Như Lai sáng tạo cõi Tịnh, chúng sanh chỉ cần phát tâm chánh niệm, quán Phật niệm Phật, tới lúc lâm mạng chung thời, Đức Như Lai và Thánh chúng sẽ đến tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc. Khi đến cõi Tịnh, chúng sanh ở trong cung điện lầu gác, hoa viên tốt đẹp nhiệm mầu, tiếng chim, tiếng gió thổi đều hòa nhã. Chư Như Lai chư Bồ Tát theo thời theo chỗ mà tuyên dạy diệu pháp. Các chúng sanh được thanh tịnh diệu lạc, thân tâm đều không thọ khổ, chuyên chí nghe đạo hằng không thối chuyển. Các hiện tượng ở cõi Tịnh tốt đẹp như thế, mọi phương diện cố nhiên đều do tịnh thức của chư Như Lai và chư Bồ Tát sở hiện, về phương diện khác cũng nhờ tâm thức thanh tịnh của chúng sanh vãng sanh cõi ấy tham gia đồng thể biến hiện mà có. Không thể dùng chút ít căn lành, phước đức như duyên mà đặng sanh vào nước kia. Như vậy cõi Tịnh không phải ai cũng vãng sanh được, cũng không thể bỗng nhiên niệm vài tiếng “namo” không chí thành mà có thể vãng sanh được. Thân Như Lai không thể thân cận với những ai có căn

lành cạn cụt. Cõi Tây Phương Tịnh Độ chủ trì bởi Đức A Di Đà Như Lai. Cảnh duyên ở Tây Phương Cực Lạc rất thù thắng, có nhiều sự kiện thuận lợi cho chúng sanh nơi cõi này hơn các Tịnh Độ khác, mà tâm lượng của phàm phu trong tam giới không thể thấu hiểu được. Cảnh nơi Tây Phương Cực Lạc rất ư thù thắng nên có thể khích phát lòng mong muốn và quy hướng của loài hữu tình. Duyên nơi Tây Phương Cực Lạc thật mầu nhiệm, nên có thể giúp người vãng sanh dễ tiến mau trên đường tu chứng. Vì thế cõi đồng cư Tịnh Độ mười phương tuy nhiều, song riêng cõi Cực Lạc có đầy đủ thắng duyên, nên các kinh luận để chỉ quy về đó. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới hay Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ, nơi đó Đức A Di Đà Như Lai là Tiếp Dẫn Đạo Sư. Ở Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam, Phật A Di Đà phổ thông hơn bất kỳ một vị Phật nào. Ở Ấn Độ dường như chưa bao giờ ngài chiếm được một vị trí độc tôn như vậy, mặc dầu Huệ Nhật, một nhà hành hương Trung Hoa, đã đến Ấn Độ vào khoảng những năm từ 702 đến 719, đã tường thuật lại rằng tất cả mọi người đều nói với ông về đức Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc của ngài.

## ***II. Bốn Mươi Tám Lời Nguyện Của Đức A Di Đà Như Lai:***

Tứ Thập Bát Nguyện hay bốn mươi tám lời nguyện của đức A Di Đà Như Lai trong Kinh Vô Lượng Thọ. Ngài đã thệ nguyện khi còn là Bồ Tát Pháp Tạng. Theo trường kinh A Di Đà, Bồ Tát Pháp Tạng nguyện tạo cõi Phật nơi đó ngài sẽ ngự khi thành Phật. Theo Kinh Vô Lượng Thọ, Đức A Di Đà Như Lai là tối yếu vì sức mạnh nơi những lời nguyện của Ngài. Sức mạnh này vĩ đại đến nỗi ai nhất tâm niệm “Nam Mô A Di Đà Phật,” khi lâm chung có thể vãng sanh Cực Lạc, và thành Phật từ nơi cõi nước này. Chỉ cần niệm Hồng Danh Phật là được. Đây là bốn nguyện của Bồ Tát Pháp Tạng, vị Bồ Tát sắp thành Phật, hay ngay cả Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, được biểu lộ đầy đủ bằng 48 lời nguyện, trong đó lời nguyện thứ 12 và 13 nói về Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ: “Nếu ta không chứng được Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ, ta sẽ không thành Phật.” Khi Ngài thành Phật, Ngài có thể tạo nên cõi Phật tùy ý. Một Đức Phật, lẽ dĩ nhiên là trụ tại “Niết Bàn Vô Trụ,” và do đó có thể ở bất cứ nơi nào và khắp cả mọi nơi. Nguyện của Ngài là lập nên cõi Cực Lạc cho tất cả chúng sanh mọi loài. Một quốc độ lý tưởng trang nghiêm bằng bảo vật, có cây quý, có ao quý, để tiếp dẫn những thiện tín thuần thành. Nguyện thứ 18 được xem là quan

trọng nhất, hứa cho những ai y chỉ hoàn toàn nơi Phật lực với trọn tâm lòng thanh tịnh và chuyên niệm Phật hiệu, sẽ được thác sinh về cõi Cực Lạc này. Nguyên thứ 19, nguyện tiếp dẫn trước giờ lâm chung cho những ai có nhiều công đức. Nguyên thứ 20 nói rằng những ai chuyên niệm danh hiệu Ngài với ý nguyện thác sanh vào nơi quốc độ của Ngài thì sẽ được như ý. **Thứ nhất** là Vô Tâm Ác Thú Nguyên (nguyện không còn ba nẻo ác). Nếu tôi được làm Phật, mà trong cõi nước còn có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ nhì** là Bất Cánh Ác Thú Nguyên (nguyện chúng sanh chẳng còn phải sa vào ba nẻo ác). Nếu tôi được làm Phật, mà trời, người trong nước sau khi thọ chung, còn phải trải qua ba nẻo dữ, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba** là Tất Giai Kim Sắc Nguyên (nguyện hết thấy chúng sanh đều màu vàng ròng). Nếu tôi được làm Phật, mà trời, người trong nước chẳng hề có màu vàng y hết cả đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ tư** là Vô Hữu Hảo Xú Nguyên (nguyện không còn kẻ đẹp người xấu). Nếu tôi được làm Phật, mà trời người trong nước hình sắc chẳng đồng, còn có người đẹp kẻ xấu, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ năm** là Túc Mệnh Trí Thông Nguyên (nguyện hết thấy chúng sanh đều được túc mệnh thông). Nếu tôi được làm Phật, mà trời, người trong nước chẳng biết túc mạng, trở xuống chẳng biết trăm ngàn ức Na-do-tha việc các kiếp đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ sáu** là Thiên Nhân Trí Thông Nguyên (nguyện hết thấy chúng sanh đều được thiên nhân thông). Nếu tôi được làm Phật, mà trời người trong nước chẳng được thiên nhân, trở xuống nghe tiếng trăm ngàn ức Na-do-tha các cõi Phật đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bảy** là Thiên Nhĩ Trí Thông Nguyên (nguyện hết thấy chúng sanh đều được thiên nhĩ thông). Nếu tôi được làm Phật, mà trời người trong nước chẳng được thiên nhĩ, trở xuống nghe tiếng trăm ngàn ức Na-do-tha chư Phật thuyết pháp mà chẳng thọ trì tất cả đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ tám** là Tha Tâm Trí Thông Nguyên (nguyện hết thấy chúng sanh đều được tha tâm thông). Nếu tôi được làm Phật, mà trời người trong nước chẳng được thấy tha tâm trí, trở xuống chẳng biết trăm ngàn ức Na-do-tha tâm niệm của chúng sanh trong các cõi Phật đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ chín** là Thần Cảnh Trí Thông Nguyên (nguyện hết thấy chúng sanh đều được thần túc thông). Nếu tôi được làm Phật, mà trời người trong nước chẳng được thần túc, ở trong lối một niệm trở xuống chẳng vượt qua

được trăm ngàn ức Na-do-tha các nước Phật đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ mười** là Túc Đắc Lưu tận Nguyên (nguyên hết thấy chúng sanh đều chóng lưu tận). Nếu tôi được làm Phật mà trời người trong cõi nước còn khởi tưởng niệm tham, tính chuyên riêng thân mình đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ mười một** là Trụ Chính Định Tự Nguyên (nguyên hết thấy chúng sanh đều trụ trong chính định). Nếu tôi được làm Phật, mà trời người trong cõi nước chẳng trụ nơi định-tụ, rồi diệt độ đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ mười hai** là Quang Minh Vô Lượng Nguyên (nguyên hết thấy chúng sanh đều được vô lượng quang minh). Nếu tôi được làm Phật, mà quang minh có hạn lượng trở xuống chẳng chiếu được trăm ngàn ức Na-do-tha các cõi Phật đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ mười ba** là Thọ Mệnh Vô Lượng Nguyên (nguyên hết thấy chúng sanh đều được vô lượng thọ mệnh). Nếu tôi được làm Phật, mà thọ mạng có hạn lượng, trở xuống tới trăm ngàn ức Na-do-tha Kiếp đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ mười bốn** là Thanh Văn Vô Số Nguyên (nguyên có vô số chúng Thanh Văn). Nếu tôi được làm Phật, mà bậc Thanh Văn trong cõi nước có thể đếm lường được, cho chí chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành Duyên giác, ở trăm ngàn ức Kiếp tính đếm cọng lại biết được cái số (Thịnh văn) đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ mười lăm** là Quyến Thuộc Trường Thọ Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, thì thọ mạng của trời người trong cõi nước không hạn lượng được; trừ ra bốn nguyện của họ dài, vẫn đều được tự tại. Nếu chẳng được vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ mười sáu** là Vô Chư Bất Thiện Nguyên (nguyên hết thấy chúng sanh đều không có các điều bất thiện). Nếu tôi được làm Phật, mà trời người trong cõi nước cho đến nghe có tiếng chẳng lành đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ mười bảy** là Chư Phật Xưng Dương Nguyên (nguyên mười phương đều được chư Phật khen ngợi). Nếu tôi được làm Phật, mà vô lượng chư Phật ở mười phương thế giới chẳng đều nức nở xưng danh hiệu cõi nước của tôi đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ mười tám** là Niệm Phật Vãng Sanh Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, thì chúng sanh mười phương chí tâm tín lạc, muốn sanh về nước tôi, cho đến mười niệm mà chẳng sanh đó, Xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. Chỉ trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp. **Thứ mười chín** là Phát Bồ Đề Tâm Nguyên (nguyên hết thấy chúng sanh đều phát bồ đề tâm). Nếu tôi được làm Phật, thì

chúng sanh mười phương phát tâm Bồ đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về nước tôi; tới lúc lâm mạng chung thời, như tôi chẳng cùng đại chúng hầu quanh hiện ra ở trước người ấy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi** là Phát Tín Tâm Nguyện (nguyện hết thấy chúng sanh đều phát tín tâm). Nếu tôi được làm Phật, thì chúng sanh mười phương nghe danh hiệu của tôi, đem lòng tưởng niệm đến nước tôi, trông các cội đức, chí tâm hồi hướng, muốn sanh về nước tôi, như chẳng quả toại lòng đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi một** là Tam Thập Nhị Tướng Nguyện (nguyện hết thấy chúng sanh đều được 32 tướng hảo). Nếu tôi được làm Phật mà trời người trong cõi nước chẳng đều thành mãn 32 tướng của bậc đại nhân đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi hai** là Tất Chí Bồ Xứ Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, thì các chúng Bồ Tát ở các cõi Phật các phương khác sanh lại nước tôi, rốt cuộc ắt tới Nhất sanh bổ xứ. Trừ ra cái bốn nguyện của mình, tự tại hóa ra, vì cơ chúng sanh muốn được cứu độ nên thế nguyện rộng lớn, kiên như áo giáp sắt, chứa chan cội đức, độ thoát hết thấy, du hành đến các cõi Phật, tu hạnh Bồ tát, cúng dường chư Phật Như Lai mười phương, khai hóa cho vô lượng chúng sanh đông như cát sông Hằng, khiến cho lập nên cái đạo chánh chơn, không chi trên được, cao tốt hơn cái hạnh của các địa vị tầm thường, hiện ra mà tu tập cái đức Phổ Hiền. Nếu chẳng được vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi ba** là Cúng Dường Chư Phật Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, mà Bồ Tát trong cõi nước nương vào thần lực của Phật, muốn cúng dường chư Phật, trong khoảng một bữa ăn, chẳng khắp tới được vô số vô lượng ức Na-do-tha các cõi Phật đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi bốn** là Cúng Cự Như Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, thì Bồ Tát ở trong cõi nước, trước chư Phật, hiện ra cội đức của mình, những đồ mình cầu muốn cúng dường, nếu chẳng như ý đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi lăm** là Thuyết Nhất Thiết Trí Nguyện. Nếu tôi được làm Phật mà Bồ Tát trong nước chẳng diễn thuyết được “hết thấy mọi trí” đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi sáu** là Na La Diên Thân Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, mà Bồ Tát trong cõi nước chẳng đặng cái thân kim cang Na-la-diên đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi bảy** là Sở Tu Nghiêm Tịnh Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, thì trời người trong cõi nước và hết thấy muôn vật đều nghiêm tịnh sáng đẹp, hình sắc tinh diệu, không thể cân lường cho xiết

được. Từ các chúng sanh cho chí các bậc đã được thiên nhân, nếu ai biện được tên và số cho rành rẽ đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi tám** là Kiến Đạo Tràng Thụ Nguyễn. Nếu tôi được làm Phật, mà từ Bồ Tát trong cõi nước chí đến kẻ ít công đức chẳng thấy biết được cái vẻ sáng chiếu vô lượng của cây Đạo Tràng cao bốn trăm muôn dặm đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ hai mươi chín** là Đắc Biện Tài Trí Nguyễn. Nếu tôi được làm Phật, thì Bồ Tát trong cõi nước nếu ai thọ đọc kinh pháp, phúng, tụng, trì, thuyết, mà chẳng đặng cái biện tài trí huệ đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi** là Trí Biện Vô Cùng Nguyễn. Nếu tôi được làm Phật mà trí huệ, biện tài của Bồ Tát trong cõi nước còn có thể hạn lượng được, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi một** là Quốc Độ Thanh Tịnh Nguyễn. Nếu tôi được làm Phật thì cõi nước thanh tịnh đều chiếu thấy vô lượng vô số thế giới chư Phật mười phương chẳng thể nghĩ bàn, dường như tấm gương sáng soi thấy bộ mặt vậy. Nếu chẳng được như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi hai** là Quốc Độ Trang Sức Nguyễn. Nếu tôi được làm Phật, thì từ dưới đất trở lên tới chốn hư không, cung điện, lầu quán, ao hồ, hoa, cây... hết thảy muôn vật ở trong cõi nước, đều dùng vô lượng của báu góp lại và trăm ngàn các thứ hương mà hiệp cộng thành ra, sửa soạn cho thiết lạ lùng mẫu nhiệm, hơn hết các cõi trời và cõi người; mùi hương của các vật ấy huân khắp thế giới mười phương; hễ chư Bồ Tát ngửi mùi đều tu Phật hạnh. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi ba** là Xúc Quang Nhu Nhuyễn Nguyễn. Nếu tôi được làm Phật, thì vô lượng các loài chúng sanh trong thế giới chư Phật mười phương chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc, đều nhờ ánh quang minh của tôi chạm vô mình của họ, thân tâm trở nên nhu nhuyễn trội hơn trời và người. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi bốn** là Văn Danh Đắc Nhãn Nguyễn. Nếu tôi được làm Phật, mà các loại chúng sanh trong thế giới chư Phật mười phương vô lượng chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc, đều nghe danh tự của tôi, nếu chẳng đặng đức vô sanh pháp nhẫn và các thâm tổng trì của bậc Bồ Tát, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi lăm** là Phế Nữ Nhân Thân Vãng Sanh Nguyễn. Nếu tôi được làm Phật, thì vô lượng thế giới chư Phật mười phương chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc, trong đó hễ có người phái nữ nào nghe danh tự của tôi mà hoan hỷ tin vui, phát tâm Bồ đề, chán ghét nữ thân, thế mà sau khi qua đời, còn phải làm hình con gái nữa,

xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi sáu** là Thường Tu Phạm Hạnh Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, thì vô lượng chúng Bồ tát trong thế giới chư Phật mười phương chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc, hễ nghe danh tự của tôi, thì sau khi qua đời, thường tu phạm hạnh cho tới khi thành Phật đạo. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi bảy** là Thiên Nhân Trí Kính Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, thì vô lượng chư thiên, nhân dân các cõi thế giới chư Phật mười phương chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc, hễ nghe danh tự của tôi, thì năm thế (đầu, hai cùi chỏ và hai đầu gối) đầu địa, đập đầu làm lễ, hoan hỷ tin vui, tu hạnh Bồ Tát, trời và người không ai chẳng đem lòng kính. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi tám** là Y Phục Tùng Niệm Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, thì trời người trong cõi nước muốn được đồ y phục, ý vừa dứt thì đồ liền tới, y như đồ mặc mẫu nhiệm ứng pháp mà đức Phật khen, tự nhiên ở nơi mình. Nếu ai còn phải cầu lấy sự may vá, nhuộm, giặt, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ ba mươi chín** là Thụ Lạc Vô Nhiễm Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, mà sự khoái lạc của trời người trong cõi nước thọ hưởng chẳng bằng bậc Tỳ Kheo lậu tận, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bốn mươi** là Kiêm Chư Phật Độ Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, thì Bồ Tát trong cõi nước tùy ý muốn thấy vô lượng cõi Phật mười phương nghiêm tịnh, tức thì như nguyện, từ trong cây báu chiếu thấy đủ hết, dường như tấm gương sáng ngó thấy bộ mặt. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bốn mươi một** là Chư Căn Cụ Túc Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, thì chư Bồ Tát chúng trong các cõi ở các phương khác nghe danh tự của tôi, cho đến khi được làm Phật mà các căn còn thiếu thốn, chẳng đầy đủ đó, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bốn mươi hai** là Trụ Định Cúng Dưỡng Phật Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, thì chư Bồ Tát chúng trong các cõi ở các phương khác nghe danh tự của tôi, đều kịp tới được cảnh Tam Muội “Thanh tịnh giải thoát” hết cả. Trụ ở cảnh Tam muội ấy, trong một khoảnh vừa phát ra ý tưởng, thì cúng dường vô lượng, chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc số chư Phật Thế tôn, thế mà chẳng lạc mất cái ý định. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bốn mươi ba** là Sinh Tôn Quý Gia Nguyên. Nếu tôi được làm Phật, thì chư Bồ Tát chúng ở trong các cõi phương khác nghe danh tự của tôi, sau khi qua đời, sanh vào nhà tôn quý. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bốn mươi bốn** là Cụ Túc Đức Bản



Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, thì Bồ Tát chúng trong các cõi phương khác nghe danh tự của tôi, vui mừng hơn hở, tu hạng Bồ Tát, trọn đủ cội đức. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bốn mươi lăm** là Trụ Định Kiến Phật Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, thì chư Bồ Tát chúng trong các cõi ở các phương khác nghe danh tự của tôi, đều kịp tới cảnh Phổ Đẳng Tam Muội. Trụ ở cảnh Tam muội ấy cho tới khi thành Phật, thường thấy hết thấy vô lượng chư Phật chẳng có thể suy nghĩ bàn bạc. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bốn mươi sáu** là Tùy Ý Văn Pháp Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, thì Bồ Tát trong cõi nước tùy theo cái nguyện của mình, hễ muốn nghe pháp, tự nhiên được nghe. Nếu chẳng như vậy, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bốn mươi bảy** là Đắc Bất Thối Chuyển Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, thì chư Bồ Tát chúng trong các cõi các phương khác nghe danh tự của tôi, mà chẳng được tới nơi Bất Thối Chuyển tức thì xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác. **Thứ bốn mươi tám** là Đắc Tam Pháp Nhãn Nguyện. Nếu tôi được làm Phật, thì chư Bồ Tát chúng trong các cõi các phương khác nghe danh tự của tôi, mà chẳng tới được liền bậc Pháp nhãn thứ nhất, thứ nhì và thứ ba, đối với pháp của chư Phật liền chẳng được nơi Bất Thối Chuyển, xin chẳng giữ lấy ngôi chánh giác.

### *Amitabha Tathagata & His Forty-Eight Vows*

#### *I. Pure Land, Paradise of the West, Presided Over by Amitabha Tathagata:*

Sukhavati means the Western Land of Amitabha Tathagata, the highest joy, name of the Pure Land of Amitabha Tathagata in the west. The Western Paradise which is outside the triple realm and beyond samsara and retrogression. The Western Paradise is one of the most important of the Buddha-fields to appear in the Mahayana. Amitabha Tathagata created the Pure Land by his karmic merit. The cult of Amitabha shows strong Iranian influences, and began about the same time. Amitabha is the Tathagata of Infinite (Amita) Light (abha) and his kingdom is in the West. He is also known as Amitayus, because his lifespan (ayuh) is infinite amita). The Pure Land sect believes that through faithful devotion to Amitabha and through recitation of his name, one can be reborn there and lead a blissful life until entering

Nirvana. Amitabha Tathagata with Pratyaveksana-jnana, the wisdom derived from wisdom of profound insight (ý thức), or discrimination, for exposition and doubt-destruction; corresponds to water, and is associated with Amitabha and the west. According to the T'ien-T'ai and Shingon, Amita is superior over the five Wisdom Buddhas (Dhyani-Buddhas), even though he governs the Western Quarter, not the center. Of the five Wisdom Tathagatas, Amitabha of the West may be identical with the central Mahavairocana, the Tathagata of homo-cosmic identity. Amitabha's original vows, his attainment of Buddhahood of Infinite Light and Life, and his establishment of the Land of Bliss are all fully described in the Sukhavati text. The Western Pure Land is also called the Happy Land. Name of the Land of Ultimate Bliss, or the Pure Land of Amitabha in the West. A Sanskrit term for "Joyous Land." The paradise of Amitabha Tathagata. This is the Pure Land in the west of Amitabha Tathagata, said to be located in the west, one of the most important Buddha fields to appear in the Mahayana. By his karmic merit, Amitabha Tathagata created and reigned in this Pure Land. The Pure Land sect believes that through faithful devotion to Amitabha and through reciting his name, after death, one can be reborn in the Western Paradise to continue a blissful life until entering nirvana. It is the central focus of the religious practice of the "Pure Land" schools in East Asia, which believe that it is a place in which the conditions are optimal for the attainment of Buddhahood. This idea is connected with the prevalent notion that this is the final of the degeneration of the dharma, in which the capacities of humans have degenerated to such an extent that it is no longer possible to gain salvation (liberation) through one's own efforts. Thus, the wiser course of action is to cultivate toward rebirth in Sukhavati, so that one may attain Buddhahood in one's next lifetime. The wondrous qualities of this paradise are described in several texts, most popularly the Sukhavati-Vyuha-Sutra, Smaller and Larger. Sukhavati means the Western Land of Amitabha Tathagata, the highest joy, name of the Pure Land of Amitabha Buddha in the west. The Western Paradise which is outside the triple realm and beyond samsara and retrogression. The Western Paradise is one of the most important of the Buddha-fields to appear in the Mahayana. Amitabha Tathagata created the Pure Land by his karmic merit. The Pure Land sect believes that

through faithful devotion to Amitabha and through recitation of his name, one can be reborn there and lead a blissful life until entering Nirvana. Pure Land, Paradise of the West, presided over by Amitabha. The environment and conditions of the Western Pure Land are most exalted. That realm provides sentient beings with many more advantageous circumstances than other Pure Lands, which ordinary beings in the Triple World cannot fully understand. The environment of the Western Pure Land is exalted, and can awaken the yearning and serve as a focus for sentient beings. The conditions of the Western Pure Land are unfathomable and wonderful and can help those who are reborn to progress easily and swiftly along the path of enlightenment. For these reasons, although there are many common residence Pure Lands in the ten directions, only the Western Pure Land possesses all auspicious conditions in full. This is why sutras and commentaries point toward rebirth in the Western Pure Land. The Western Paradise to which Amitabha is the guide and welcomer. In China, Japan, and Vietnam, Amitabha Tathagata has been much more popular than any other Tathagata. In India he seems never to have occupied such an overtowering position, although Hui-Je, a Chinese pilgrim, who visited India between 702 and 719, reports that everyone spoke to him about Amitabha Tathagata and his Paradise.

## ***II. Amitabha Tathagata's Forty-Eight Vows:***

The forty-eight vows of Amitabha that he would not enter into his final nirvana or heaven, unless all beings share it. The vows which Amitabha Tathagata made while still engaged in Bodhisattva practice as Bodhisattva Dharmakara. According to Longer Amitabha Sutra, Bodhisattva Dharmakara wished to create a splendid Buddha land in which he would live when he attained Buddhahood. Also according to Amitabha Sutra (The Sutra of Infinite Life), Amitabha Tathagata is foremost. This is because of the power of his vows. This power is so great that when you singlemindedly recite “Nam Mo Amitabha Buddha,” after death you can be reborn in the Western Pure Land, and become a Tathagata from there. All you need to do is recite the Buddha’s name. These are original vows of Dharmakara, the would-be Buddha, or even to Sakyamuni Tathagata himself, is fully expressed in the forty-eight vows in the text. Vows numbered 12 and 13 refer to

the Infinite Light and the Infinite Life. “If he cannot get such aspects of Infinite Light and Life, he will not be a Buddha.” If he becomes a Buddha he can constitute a Buddha Land as he likes. A Buddha, of course, lives in the ‘Nirvana of No Abode,’ and hence he can live anywhere and everywhere. His vow is to establish the Land of Bliss for the sake of all beings. An ideal land with adornments, ideal plants, ideal lakes for receiving all pious aspirants. The eighteenth vow which is regarded as most important, promises a birth in His Land of Bliss to those who have a perfect reliance on the Buddha, believing with serene heart and repeating the Buddha’s name. The nineteenth vow promises a welcome by the Buddha himself on the eve of death to those who perform meritorious deeds. The twentieth vow further indicates that anyone who repeats his name with the object of winning a rebirth in His Land will also be received. **First**, I shall not attain supreme enlightenment if there would still be the planes (realms) of hell-dwellers, hungry ghosts, and animals in my land (When I become a Buddha, if, in my land, there are still the planes of hell-dwellers, hungry ghosts, or animals, I will not ultimately take up supreme enlightenment). **Second**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings, especially the devas and humans from my land would fall to the three miserable planes (realms) of existence in other lands. **Third**, I shall not attain supreme enlightenment if the sentient beings, especially the devas and humans in my land would not be endowed with a complexion of genuine gold. **Fourth**, I shall not attend supreme enlightenment if there would be such distinctions as good and ugly appearances among the sentient beings in my land, especially among the devas and humans. **Fifth**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my land, especially the devas and humans, would fail to achieve the power to remember the past lives of himself and others, even events that happened hundreds of thousands of millions of billions of myriads of kalpas ago. **Sixth**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my land, especially the devas and humans, would not be endowed with the deva-eye, enabling him to see hundreds of thousands of millions of billions of myriads of Buddha-lands. **Seventh**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my land, especially the devas and humans, would fail to obtain the deva-ear, enabling him to hear the

Dharma expounded by another Buddha hundreds of thousands of millions of billions of myriads of leagues away. **Eighth**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my land, especiall the devas and humans, would not be endowed with the power of knowing others' minds, so that he would not know the mentalities of the sentient beings in hundreds of thousands of millions of billions of myriads of other Buddha-lands. **Ninth**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my land, especially the devas and humans, would fail to achieve the perfect mastery of the power to appear anywhere at will, so that he would not be able to traverse hundreds of thousands of millions of billions of myriads of Buddha-lands in a flash of thought. **Tenth**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my land, especially the devas and humas, would entertain even a single the notion of "I" and "mine." **Eleventh**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my land, especially the devas and humans, would not certainly achieve supreme enlightenment and realize great nirvana. **Twelfth**, I shall not attain supreme enlightenment if my light would be so limited as to be unable to illuminate hundreds of thousands of millions of billions of myriads (or any number) of Buddha-lands. **Thirteenth**, I shall not attain enlightenment if my life span would be limited to even hundreds of thousands of millions of billions of myriads of kalpas, or any countable number of kalpas. **Fourteenth**, I shall not attain supreme enlightenment if anyone would be able to know number of Sravakas in my land. Even if all sentient beings and Pratyekabuddhas in a billion-world universe exercised their utmost counting power to count together for hundreds of thousands of years, they would not be able to know it. **Fifteenth**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my land would have a limited life span, except those who are born due to their vows. **Sixteenth**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my lands, especially the devas and humans, would have a bad reputation. **Seventeenth**, I shall not attain supreme enlightenment if my land would not be praised and acclaimed by innumerable Buddhas in countless Buddha-lands. **Eighteenth**, when I realize supreme enlightenment, there will be sentient beings in the Buddha-lands who, after hearing my name, dictate their good roots to be born in my land in thought after

thought. Even if they had only ten such thoughts, they will be born in my land, except for those who have performed karmas leading to Uninterrupted Hell and those who speak ill of the true Dharma or saints. If this would not be the case, I shall not attain enlightenment. *Nineteenth*, when I become a Buddha, I shall appear with an assembly of monks at the deathbeds of sentient beings of other Buddha-lands who have brought forth bodhicitta, who think of my land with a pure mind, and who dedicate their good roots to birth in the Land of Utmost Bliss. I shall not attain supreme enlightenment if I would fail to do so. *Twentieth*, when I become a Buddha, all the sentient beings in countless Buddha-lands, who, having heard my name and dedicated their good roots to be born in the Land of Utmost Bliss, will be born there. Otherwise, I shall not attain supreme enlightenment. *Twenty-first*, I shall not attain supreme enlightenment if any bodhisattva in my land would fail to achieve the thirty-two auspicious signs. *Twenty-second*, I shall not attain supreme enlightenment if any Bodhisattvas in my land on their way to great bodhi would fail to reach the stage of being only one lifetime away from Buddhahood. This excludes those Bodhisattvas with great vows who wear the armor of vigor for the sake of sentient beings; who strive to do beneficial deeds and cultivate great nirvana; who perform the deeds of a Bodhisattva throughout all Buddha-lands and make offerings to all Buddhas, the Tathagatas; and who establish as many sentient beings as the sands of the Ganges in supreme enlightenment. This also excludes those who seek liberation by following the path of Samantabhadra, devoting themselves to Bodhisattvas' practices even more than those who have attained the stage of being only one lifetime away from Buddhahood. *Twenty-third*, I shall not attain supreme enlightenment if the Bodhisattvas in my land would not, by the awesome power of the Buddha, be able to make offerings to countless hundreds of thousands of millions of billions of myriads of Buddhas in other Buddha-lands every morning return to their own land before mealtime. *Twenty-fourth*, I shall not attain supreme enlightenment if the Bodhisattvas in my land would not possess every variety of offering they need to plant good roots in various Buddha-lands. *Twenty-fifth*, I shall not attain supreme enlightenment if the Bodhisattvas in my land would not be skilled in expounding the essence of the Dharma in harmony with all-knowing

wisdom. *Twenty-sixth*, I shall not attain supreme enlightenment if the Bodhisattvas in my land would not have enormous strength of a Narayana. *Twenty-seventh*, when I become a Buddha, no one will be able to describe completely the articles of adornment in my land; even one with the deva-eye will not be able to know all their varieties of shape, color, and brilliance. If anyone could know and describe them all, I shall not attain supreme enlightenment. *Twenty-eighth*, I shall not attain supreme enlightenment if in my land there would be Bodhisattvas with inferior roots of virtue who could not know the numerous kinds of trees, four hundred thousand leagues high, which will abound in my land. *Twenty-ninth*, I shall not attain supreme enlightenment if those sentient beings in my land who read and recite sutras and explain them to others would not acquire superb eloquence. *Thirtieth*, I shall not attain supreme enlightenment if any Bodhisattva in my land would be unable to achieve limitless eloquence. *Thirty-first*, when I become a Buddha, my land will be unequalled in brightness and purity; it will clearly illuminate countless, numberless Buddha-lands, inconceivable in number, just as a clear mirror reveals one's features. If this would not be so, I shall not attain supreme enlightenment. *Thirty-second*, when I become a Buddha, there will be innumerable kinds of incense on land and in air within the borders of my land, and there will be hundreds of thousands of millions of billions of myriads of precious censers, from which will rise the fragrance of the incense, permeating all of space. The incense will be superior to the most cherished incense of humans and gods, and will be used as an offering to Tathagatas and Bodhisattvas. If this would not be the case, I shall not attain supreme enlightenment. *Thirty-third*, when I become a Buddha, sentient beings in countless realms, inconceivable and unequalled in number, throughout the ten directions who are touched by the awesome light of the Buddha will feel more secure and joyful in body and mind than other humans or gods. Otherwise, I shall not attain supreme enlightenment. *Thirty-fourth*, I shall not attain supreme enlightenment if Bodhisattvas in countless Buddha-lands, inconceivable and unequalled in number, would not realize the truth of non-arising and acquire dharanis after they hear my name. *Thirty-fifth*, when I become a Buddha, all the women in numberless Buddha-lands, inconceivable and unequalled in number, who, after hearing my name,

acquire pure faith, bring forth bodhicitta, and are tired of the female body, will rid themselves of the female body in their future lives. If this would not be the case, I shall not attain supreme enlightenment (I refuse to enter into final nirvana or final joy until every woman who calls on my name rejoices in enlightenment and who, hating her woman's body, has ceased to be reborn as a woman). **Thirty-sixth**, I shall not attain supreme enlightenment if Bodhisattvas in countless Buddha-lands, inconceivable and unequalled in number, who attain doctrine of non-arising after hearing my name would fail to cultivate superb, pure conduct until they attain great bodhi. **Thirty-seventh**, I shall not attain supreme enlightenment if, when I become a Buddha, humans and gods would not pay homage to all the Bodhisattvas of numberless Buddha-lands who, after hearing my name, prostrate themselves in obeisance to me and cultivate the deeds of Bodhisattva with a pure mind. **Thirty-eighth**, when I become a Buddha, sentient beings in my land will obtain the clothing they need as soon as they think of it, just as a man will be spontaneously clad in a monastic robe when the Buddha says, "Welcome, monk!" If this would not be the case, I shall not attain supreme enlightenment. **Thirty-ninth**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in my land would not at birth obtain the necessities of life and become secure, pure, and blissful in mind, like a monk who has ended all defilements. **Fortieth**, when I become a Buddha, if sentient beings in my land wish to see other superbly adorned, pure Buddha-lands, these lands will immediately appear to them among the precious trees, just as one's face appears in a clear mirror. If this would not be the case, I shall not attain supreme enlightenment. **Forty-first**, I shall not attain supreme enlightenment if any sentient beings in any other Buddha-lands, after hearing my name and before attaining bodhi, would be born with incomplete organs or organs restricted in function. **Forty-second**, when I become a Buddha, any Bodhisattva in any other Buddha-lands, after hearing my name, will be able to know distinctly the name of superb samadhis. While in remaining in samadhi, they will be able to make offerings to countless, numberless Buddhas, inconceivable and unequalled in number, in a moment, and will be able to realize great samadhis instantly. If this would not be the case, I shall not attained supreme enlightenment. **Forty-third**, I shall not attain supreme



enlightenment if, when I become Buddha, any Bodhisattva in any other Buddha-lands who has heard my name would not be born in a noble family after death. **Forty-fourth**, I shall not attain supreme enlightenment if when become a Buddha, any Bodhisattva in any other Buddha-lands would not immediately cultivate the Bodhisattva practices, become purified and joyful, abide in equality, and possess all good roots after he hears my name. **Forty-fifth**, when I become a Buddha, Bodhisattvas in other Buddha-lands will achieve the Samadhi of Equality after hearing my name and will, without regression, abide in this samadhi and make constant offerings to an innumerable, unequalled number of Buddhas until those Bodhisattvas attain bodhi. If this would not be the case, I shall not attain supreme enlightenment. **Forty-sixth**, I shall not attain supreme enlightenment if Bodhisattvas in my land would not hear at will the Dharma they wish to hear. **Forty-seventh**, I shall not attain supreme enlightenment if, when I become a Buddha, any Bodhisattva in any other Buddha-lands would regress from the path to supreme enlightenment after he hears my name. **Forty-eighth**, I shall not attain supreme enlightenment if, when I become a Buddha, any Bodhisattva in any other Buddha-lands would not acquire the first, the second or the third realization as soon as he heard my name, or would not instantly attain nonregression with regard to Buddha-Dharmas.



**Chương Mười Bảy**  
**Chapter Seventeen**

**Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai**  
**& Thế Giới Ta Bà**

**I. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai:**

Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai là đức Phật Lịch Sử là đấng đã hoàn toàn đạt tới Chánh đẳng Chánh giác. Vì thiếu thông tin và sự kiện cụ thể chính xác nên bây giờ chúng ta không có niên đại chính xác liên quan đến cuộc đời của Đức Phật. Người Ấn Độ, nhất là những người dân ở vùng Bắc Ấn, thì cho rằng Đức Phật nhập diệt khoảng 100 năm trước thời vua A Dục. Tuy nhiên, các học giả cận đại đều đồng ý rằng Ngài đã được đản sanh vào khoảng hậu bán thế kỷ thứ bảy trước Tây lịch và nhập diệt 80 năm sau đó. Phật là Đấng Chánh Biến Tri, đản sanh vào năm 623 trước Tây lịch, tại miền bắc Ấn Độ, bây giờ là xứ Népal, một nước nằm ven sườn dãy Hy Mã Lạp Sơn, trong vườn Lâm Tỳ Ni trong thành Ca Tỳ la Vệ, vào một ngày trăng tròn tháng tư. Cách đây gần 26 thế kỷ dòng họ Thích Ca là một bộ tộc kiêu hùng của dòng Sát Đế Lợi trong vùng đồi núi Hy Mã Lạp Sơn. Tên hoàng tộc của Ngài là Siddhartha, và họ của Ngài là Gautama, thuộc gia đình danh tiếng Okkaka của thị tộc Thái Dương. Dòng họ này có một đức vua hiền đức là vua Tịnh Phạn, dựng kinh đô ở Ca Tỳ La Vệ, vị chánh cung của đức vua này là hoàng hậu Ma Gia. Khi sắp lâm bồn, theo phong tục thời ấy, hoàng hậu xin phép đức vua trở về nhà song thân mình ở một kinh thành khác, đó là Devadaha để sanh nở. Giữa đường hoàng hậu muốn nghỉ ngơi trong vườn Lâm Tỳ Ni, một khu vườn tỏa ngát hương hoa, trong lúc ong bướm bay lượn và chim muông đủ sắc màu ca hát như thể vạn vật đều sẵn sàng chào đón hoàng hậu. Vừa lúc bà đứng dưới một tàng cây sala đầy hoa và vin lấy một cành đầy hoa, bà liền hạ sanh một hoàng tử, là người sau này trở thành Đức Phật Cô Đàm. Đó là ngày rằm tháng tư năm 623 trước Tây lịch. Vào ngày lễ đặt tên, nhiều vị Bà La Môn thông thái được mời đến hoàng cung. Một ẩn sĩ tên A Tư Đà tâu với vua Tịnh Phạn rằng sẽ có hai con đường mở ra cho thái tử: một là thái tử sẽ trở thành vị Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc thái tử sẽ xuất thế gian để trở thành một Bạc Đại Giác. A

Tư Đà đặt tên thái tử là Sĩ Đạt Đa, nghĩa là “người đạt được ước nguyện.” Thoạt tiên đức vua hài lòng khi nghe điều này, nhưng về sau ngài lo ngại về lời tiên đoán rằng thái tử sẽ xuất thế và trở thành một vị ẩn sĩ không nhà. Tuy nhiên hoan lạc liền theo bởi sấu bi, chỉ bảy ngày sau khi hoàng tử chào đời, hoàng hậu Ma Gia đột ngột từ trần. Thứ phi Ba Xà Ba Đề, cũng là em gái của hoàng hậu, đã trở thành người dưỡng mẫu tận tụy nuôi nấng thương yêu hoàng tử. Dù sống trong nhung lụa, nhưng tánh tình của thái tử thật nhân từ. Thái tử được giáo dục hoàn hảo cả kinh Vệ Đà lẫn võ nghệ. Một điều kỳ diệu đã xảy ra trong dịp lễ Hạ Điền vào thời thơ ấu của Đức Phật. Đó là kinh nghiệm tâm linh đầu đời mà sau này trong quá trình tìm cầu chân lý nó chính là đầu mối đưa ngài đến giác ngộ. Một lần nhân ngày lễ Hạ Điền, nhà vua dẫn thái tử ra đồng và đặt thái tử ngồi dưới gốc cây đào cho các bà nữ mẫu chăm sóc. Bởi vì chính nhà vua phải tham gia vào lễ cày cấy, nên khi thái tử thấy phụ vương đang lái chiếc cày bằng vàng cùng với quần thần. Bên cạnh đó thái tử cũng thấy những con bò đang kéo lê những chiếc ách nặng nề và các bác nông phu đang nhễ nhại mồ hôi với công việc đồng áng. Trong khi các nữ mẫu chạy ra ngoài nhập vào đám hội, chỉ còn lại một mình thái tử trong cảnh yên lặng. Mặc dù tuổi trẻ nhưng trí khôn của ngài đã khôn ngoan. Thái tử suy tư rất sâu sắc về cảnh tượng trên đến độ quên hết vạn vật xung quanh và ngài đã phát triển một trạng thái thiền định trước sự kinh ngạc của các nữ mẫu và phụ vương. Nhà vua rất tự hào về thái tử, song lúc nào ngài cũng nhớ đến lời tiên đoán của ẩn sĩ A Tư Đà. Ngài vây bao quanh thái tử bằng tất cả lạc thú và đám bạn trẻ cùng vui chơi, rất cẩn thận tránh cho thái tử không biết gì về sự đau khổ, buồn rầu và chết chóc. Khi thái tử được 16 tuổi vua Tịnh Phạn sắp xếp việc hôn nhân cho ngài với công chúa con vua Thiện Giác là nàng Da Du Đà La. Trước khi xuất gia, Ngài có một con trai là La Hầu La. Mặc dù sống đời nhung lụa, danh vọng, tiền tài, cung điện nguy nga, vợ đẹp con ngoan, ngài vẫn cảm thấy tù túng như cảnh chim lồng cá chậu. Một hôm nhân đi dạo ngoài bốn cửa thành, Thái tử trực tiếp thấy nhiều cảnh khổ đau của nhân loại, một ông già tóc bạc, răng rụng, mắt mờ, tai điếc, lưng còng, nường gậy mà lê bước xin ăn; một người bệnh nằm bên lề rên xiết đau đớn không cùng; một xác chết sinh chương, ruồi bu nhặng bám trông rất ghê tởm; một vị tu khổ hạnh với vẻ trầm tư mặc tưởng. Những cảnh tượng này làm cho Thái tử nhận chân ra đời là khổ.

Cảnh vị tu hành khổ hạnh với vẻ thanh tịnh cho Thái tử một dấu chỉ đầu tiên trên bước đường tìm cầu chân lý là phải xuất gia. Khi trở về cung, Thái tử xin phép vua cha cho Ngài xuất gia làm Tăng sĩ nhưng bị vua cha từ chối. Dù vậy, Thái tử vẫn quyết chí tìm con đường tu hành để đạt được chân lý giải thoát cho mình và chúng sanh. Quyết định vô tiền khoáng hậu ấy làm cho Thái tử Sĩ Đạt Đa sau này trở thành vị giáo chủ khai sáng ra Đạo Phật. Năm 29 tuổi, một đêm Ngài dứt bỏ đời sống vương giả, cùng tên hầu cận là Xa Nặc thẳng yên cương cùng trốn ra khỏi cung, đi vào rừng sâu, xuất gia tầm đạo. Ban đầu, Thái tử đến với các danh sư tu khổ hạnh như Alara Kalama, Uddaka Ramaputta, những vị này sống một cách kham khổ, nhịn ăn nhịn uống, dãi nắng dầm mưa, hành thân hoại thể. Tuy nhiên ngài thấy cách tu hành như thế không có hiệu quả, Ngài khuyên nên bỏ phương pháp ấy, nhưng họ không nghe. Thái tử bèn gia nhập nhóm năm người tu khổ hạnh và ngài đi tu tập nhiều nơi khác, nhưng đến đâu cũng thấy còn hẹp hòi thấp kém, không thể giải thoát con người hết khổ được. Thái tử tìm chốn tu tập một mình, quên ăn bỏ ngủ, thân hình mỗi ngày thêm một tiêu tụy, kiệt sức, nằm ngã trên cỏ, may được một cô gái chăn cừu đổ sữa cứu khỏi thân chết. Từ đó, Thái tử nhận thấy muốn tìm đạo có kết quả, cần phải bồi dưỡng thân thể cho khỏe mạnh. Sau sáu năm tầm đạo, sau lần Thái tử ngồi nhập định suốt 49 ngày đêm dưới cội Bồ Đề bên bờ sông Ni Liên tại Gaya để chiến đấu trong một trận cuối cùng với bóng tối si mê và dục vọng. Trong đêm thứ 49, lúc đầu hôm Thái tử chứng được túc mệnh minh, thấy rõ được tất cả khoảng đời quá khứ của mình trong tam giới; đến nửa đêm Ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy được tất cả bản thể và nguyên nhân cấu tạo của vũ trụ; lúc gần sáng Ngài chứng được Lộ tận minh, biết rõ nguồn gốc của khổ đau và phương pháp dứt trừ đau khổ để được giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Thái tử Sĩ Đạt Đa đã đạt thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngày thành đạo của Ngài tính theo âm lịch là ngày mồng tám tháng 12 trong lúc Sao Mai bắt đầu ló dạng. Đức Phật nói: “Ta không phải là vị Phật đầu tiên ở thế gian này, và cũng không phải là vị Phật cuối cùng. Khi thời điểm đến sẽ có một vị Phật giác ngộ ra đời, Ngài sẽ soi sáng chân lý như ta đã từng nói với chúng sanh.” Hai tháng sau khi thành đạo, Đức Phật giảng bài pháp đầu tiên là bài Chuyển Pháp Luân cho năm vị đã từng tu khổ hạnh với Ngài tại Vườn Nai thuộc thành Ba La Nại. Trong bài này, Đức Phật

dạy: “Tránh hai cực đoan tham đắm dục lạc và khổ hạnh ép xác, Như Lai đã chứng ngộ Trung Đạo, con đường đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết Bàn. Đây chính là Bát Thánh Đạo gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.” Kế đó Ngài giảng Tứ Diệu Đế hay Bốn Sự Thật Cao Thượng: “Khổ, nguyên nhân của Khổ, sự diệt khổ và con đường đưa đến sự diệt khổ.” Liền sau đó, tôn giả Kiều Trần Như chứng quả Dự Lưu và bốn vị còn lại xin được Đức Phật nhận vào hội chúng của Ngài. Sau đó Đức Phật giảng cho Yasa, một công tử vùng Ba La Nại và 54 người bạn khác của Yasa, tất cả những vị này đều trở thành các bậc A La hán. Với sáu mươi đệ tử đầu tiên, Đức Phật đã thiết lập Giáo Hội và Ngài đã dạy các đệ tử: “Ta đã thoát ly tất cả các kiết sử của cõi Trời người, chư vị cũng được thoát ly. Hãy ra đi, này các Tỳ Kheo, vì lợi ích cho mọi người, vì hạnh phúc cho mọi người, vì lòng bi mẫn thế gian, vì lợi ích, an lạc và hạnh phúc của chư Thiên và loài người. Hãy thuyết pháp hoàn thiện ở phần đầu, hoàn thiện ở phần giữa, hoàn thiện ở phần cuối, hoàn hảo cả về ý nghĩa lẫn ngôn từ. Hãy tuyên bố đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ và thanh tịnh.” Cùng với những lời này, Đức Phật đã truyền các đệ tử của Ngài đi vào thế gian. Chính Ngài cũng đi về hướng Ưu Lô Tần Loa (Uruvela). Nơi đây Ngài đã nhận 30 thanh niên quý tộc vào Tăng Đoàn và giáo hóa ba anh em tôn giả Ca Diếp, chẳng bao lâu sau nhờ bài thuyết giảng về lửa thiêu đốt, các vị này đều chứng quả A La Hán. Sau đó Đức Phật đi đến thành Vương Xá (Rajagaha), thủ đô nước Ma Kiệt Đà (Magadha) để viếng thăm vua Tần Bà Sa La (Bimbisara). Sau khi cùng với quần thần nghe pháp, nhà vua đã chứng quả Dự Lưu và thành kính cúng dường Đức Phật ngôi Tịnh Xá Trúc Lâm, nơi Đức Phật và Tăng chúng cư trú trong một thời gian dài. Tại đây hai vị đại đệ tử Xá Lợi Phất (Sariputra) và Mục Kiền Liên (Maggallana) đã được nhận vào Thánh chúng. Tiếp đó Đức Phật trở về thành Ca Tỳ La Vệ và nhận con trai La Hầu La và em khác mẹ là Nan Đà vào Giáo Hội. Từ giả quê hương, Đức Phật trở lại thành Vương Xá và giáo hóa cho vị trưởng giả tên là Cấp Cô Độc. Nơi đây vị này đã dâng cúng Tịnh Xá Kỳ Viên. Từ sau khi đạt giác ngộ vào năm 35 tuổi cho đến khi Ngài nhập Niết Bàn vào năm 80 tuổi, Ngài thuyết giảng suốt những năm tháng đó. Chắc chắn Ngài phải là một trong những người nhiều nghị lực nhất chưa từng thấy: 45 năm trường Ngài giảng dạy ngày đêm, và chỉ ngủ

khoảng hai giờ một ngày. Suốt 45 năm, Đức Phật truyền giảng đạo khắp nơi trên xứ Ấn Độ. Ngài kết nạp nhiều đệ tử, lập các đoàn Tăng Già, Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni, thách thức hệ thống giai cấp, giảng dạy tự do tín ngưỡng, đưa phụ nữ lên ngang hàng với nam giới, chỉ dạy con đường giải thoát cho dân chúng trên khắp các nẻo đường. Giáo pháp của Ngài rất đơn giản và đầy ý nghĩa cao cả, loại bỏ các điều xấu, làm các điều lành, thanh lọc thân tâm cho trong sạch. Ngài dạy phương pháp diệt trừ vô minh, đường lối tu hành để diệt khổ, xử dụng trí tuệ một cách tự do và khôn ngoan để có sự hiểu biết chân chánh. Đức Phật khuyên mọi người nên thực hành mười đức tính cao cả là từ bi, trí tuệ, xả, hỷ, giới, nghị lực, nhẫn nhục, chân thành, cương quyết, thiện ý và bình thản. Đức Phật chưa hề tuyên bố là Thần Thánh. Người luôn công khai nói rằng bất cứ ai cũng có thể trở thành Phật nếu người ấy biết phát triển khả năng và dứt bỏ được vô minh. Khi giác hạnh đã viên mãn thì Đức Phật đã 80 tuổi. Đức Phật nhập Niết Bàn tại thành Câu Thi Na, để lại hàng triệu tín đồ trong đó có bà Da Du Đà La và La Hầu La, cũng như một kho tàng giáo lý kinh điển quý giá mà cho đến nay vẫn được xem là khuôn vàng thước ngọc. Nói tóm lại, có tám thời kỳ trong cuộc đời Đức Phật hay Bát Tướng Thành Đạo. Thứ nhất là Đâu Suất lai nghinh tướng (Xuống từ cung trời Đâu Suất). Thứ nhì là thuyết pháp cho chư thiên trên cung trời Đâu Suất. Thứ ba là nhập thai nơi Hoàng Hậu Ma Da. Thứ tư là tại vườn Lâm Tỳ Ni viên giáng sanh tướng. Thứ năm là du thành xuất gia tướng (xuất gia tu hành năm 29 tuổi). Thứ sáu là thành đạo sau 6 năm khổ hạnh (Bồ đề thọ hạ hàng ma Thành đạo tướng). Thứ bảy là tại Lộc Dã Uyển chuyển Pháp luân tướng (Chuyển Pháp Luân và Thuyết pháp). Thứ tám là nhập diệt năm 80 tuổi.

Theo ngài Pháp Hiển trong Tây Vực Ký, có rất nhiều tháp liên hệ đến những hoạt động của Đức Phật lịch sử; tuy nhiên, ông chỉ kể vài quan trọng hay vài cái đánh động đến sự chú ý của mình. Những tháp này thường được xây trên những địa điểm nhằm tưởng niệm Đức Phật. *Thứ nhất* là nơi Thái tử Tất Đạt Đa đản sanh trong vườn Lâm Tỳ Ni. *Thứ nhì* là nơi Thái tử Tất Đạt Đa, sau khi ra khỏi cổng thành phía Đông, trông thấy người bệnh và bảo người đánh xe Xa Nặc quay trở về Ca Tỳ La Vệ. *Thứ ba* là nơi Thái tử Tất Đạt Đa từ giã Xa Nặc và bạch mã Kiền Trắc ở xứ Ramagrama. *Thứ tư* là nơi Đức Phật tu tập 6 năm khổ hạnh. *Thứ năm* là nơi Đức Phật có lần tắm và một vị Trời đã

hạ thấp một cành cây cho Ngài vịn để bước lên khỏi nước. *Thứ sáu* là nơi các cô gái dâng sữa và cháo cho Thái tử. *Thứ bảy* là nơi Đức Phật ngồi trên tảng đá quay mặt về hướng Đông để dùng cháo. *Thứ tám* là nơi Thái tử Tất Đạt Đa thành Chánh Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng. *Thứ chín* là nơi Đức Phật ngắm cây Bồ Đề và thọ hưởng niềm an lạc của sự giải thoát bảy ngày sau khi Ngài giác ngộ tại Bồ Đề Đạo Tràng. *Thứ mười* là nơi Đức Phật kinh hành từ Đông sang Tây trong bảy ngày dưới cội Bồ Đề tại Bồ Đề Đạo Tràng. *Thứ mười một* là nơi chư Thiên dựng một đàn cao làm bằng thất bảo để cúng dường Đức Phật trong bảy ngày tại Bồ Đề Đạo Tràng. *Thứ mười hai* là nơi Đức Phật ngồi trên một tảng đá vuông xoay mặt về phương Đông dưới cây ni câu luật, lúc trời Phạm Thiên hiện xuống thỉnh cầu Ngài thuyết pháp tại Bồ Đề Đạo Tràng. *Thứ mười ba* là nơi Tứ Thiên Vương cúng dường bát cho Đức Phật tại Bồ Đề Đạo Tràng. *Thứ mười bốn* là nơi 500 thương gia dâng cúng bột và mật cho Đức Phật tại Bồ Đề Đạo Tràng. *Thứ mười lăm* là nơi Đức Phật ngồi xoay mặt về phía Đông, lần đầu tiên thuyết pháp hóa độ cho 5 anh em Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển. *Thứ mười sáu* là nơi Đức Phật tiên đoán tương lai của Phật Di Lặc tại vườn Lộc Uyển. *Thứ mười bảy* là nơi rồng Y bát la hỏi Đức Phật chừng nào nó thoát được kiếp rồng tại vườn Lộc Uyển. *Thứ mười tám* là nơi Đức Phật hóa độ 3 anh em Ca Diếp và một ngàn đệ tử của họ tại Bồ Đề Đạo Tràng. *Thứ mười chín* là nơi Đức Phật trở về thăm phụ vương tại thành Ca Tỳ La Vệ sau khi Ngài giác ngộ. *Thứ hai mươi* là nơi đất sáu lần rung chuyển khi 500 vương tử dòng Thích Ca đánh lễ Ưu Ba Li sau khi xuất gia. *Thứ hai mươi một* là nơi Đức Phật thuyết pháp cho chư Thiên trong khi Tứ Thiên Vương canh gác bốn cổng để ngăn không cho vua Tịnh Phạn vào tại thành Ca Tỳ La Vệ. *Thứ hai mươi hai* là nơi Đức Phật ngồi dưới cây ni câu luật, xoay mặt về hướng Đông khi di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề dâng cúng cho Ngài một cái y tại thành Ca Tỳ La Vệ. *Thứ hai mươi ba* là nơi vua Trời Đế Thích và Phạm Thiên từ cung trời 33 cùng với Đức Phật xuống trần tại xứ Tăng Già Thi. *Thứ hai mươi bốn* là nơi Tỳ Kheo Ni Utpala, người đầu tiên đánh lễ Đức Phật khi Ngài từ cõi trời 33 trở xuống tại xứ Tăng Già Thi. *Thứ hai mươi lăm* là nơi Đức Phật giảng pháp cho đệ tử tại xứ Yết Nhã Cúc Xà. *Thứ hai mươi sáu* là nơi Đức Phật giảng pháp, kinh hành và ngồi thiền tại làng Hari. *Thứ hai mươi bảy* là nơi Đức Phật thuyết pháp cứu độ nhiều người, nơi Ngài kinh hành trong thành Xá Vệ, mỗi tháp đều



có tên riêng. *Thứ hai mươi tám* là nơi Đức Phật đứng bên vệ đường khi vua Lưu Ly sắp tấn công dòng tộc Thích Ca tại thành Xá Vệ. *Thứ hai mươi chín* là nơi vua Lưu Ly tàn hại dòng họ Thích Ca và những người này khi chết đều đắc sơ quả tại thành Ca Tỳ La Vệ. *Thứ ba mươi* là nơi Đức Phật cảm hóa một ác quỷ, cách vườn Cù Sư La khoảng 8 do tuần về phía Đông, thuộc nước Câu Diêm Di. *Thứ ba mươi mốt* là nơi Đức Phật sống, kinh hành và ngồi thiền trong xứ Champa. *Thứ ba mươi hai* là nơi Đức Phật cùng đệ tử rời thành Tỳ Xá Ly bằng cổng phía Tây, và quay về bên phải, nhìn lại đô thành và bảo: “Đây là lần cuối cùng ta viếng thăm.” *Thứ ba mươi ba* là nơi Đức Phật nằm trong một cỗ quan tài bằng vàng và được kính lễ trong bảy ngày tại thành Câu thi na. *Thứ ba mươi bốn* là nơi Kim Cương Thủ bỏ kiếm vàng tại thành Câu thi na. *Thứ ba mươi lăm* là nơi Đức Phật nhập Niết Bàn tại thành Câu Thi Na.

## **II. Thế Giới Ta Bà:**

Thế giới Ta Bà còn được gọi là Nam Thiệm Bộ Châu. Châu này được đặt tên Diêm Phù Đề có thể là vì trên châu này mọc nhiều cây Diêm Phù, hoặc giả từ trên cây Diêm Phù khổng lồ trên núi Tu Di có thể nhìn thấy toàn châu. Ta Bà có nghĩa là khổ não, lại cũng có nghĩa là phiền lụy hay trói buộc, chẳng được ung dung tự tại. Thế giới mà chúng ta đang sống hay cõi Diêm Phù đề chỉ là một phần nhỏ của thế giới Ta Bà, nằm về phía nam của núi Tu Di, theo vũ trụ học cổ Ấn Độ, đây là nơi sinh sống của con người, là thế giới Ta Bà của Đức Phật Thích Ca. Thế giới Ta Bà, nơi đây đầy những mâu thuẫn, hận thù và bạo động. Nơi mà chúng ta đang sống là một thế giới bất tịnh, và Phật Thích Ca đã bắt đầu thanh tịnh nó. Con người sống trong thế giới này chịu phải vô vàng khổ hải vì tam độc tham, sân, si cũng như những dục vọng trần tục. Cõi Ta Bà này đầy đầy những đất, đá, gai chông, hầm hố, gò nổng, thường có những mối khổ về đói khát, lạnh, nóng. Chúng sanh trong cõi Ta Bà phần nhiều tham đắm nơi phi pháp, tà pháp, chớ chẳng chịu tin chánh pháp, thọ số của họ ngắn ngủi, nhiều kẻ gian trá. Nói về vua quan, đâu có nước để cai trị, họ chẳng hề biết đủ, mà ngược lại sanh lòng tham lam, kéo binh đánh chiếm nước khác, khiến cho nhiều người vô tội chết oan; lại thêm nhiều thiên tai như hạn hán, bão lụt, mất mùa, đói khát, vân vân nên chúng sanh trong cõi này phải chịu vô lượng khổ sở. Nơi cõi Ta Bà này, sự thuận duyên cùng an vui tu tập thì ít, mà nghịch duyên phiền não thì nhiều. Hầu hết người tu hành đều dễ bị thối thất tâm Bồ Đề đã phát lúc ban đầu. Theo Đức

Phật, quả đất mà chúng ta đang ở đây có tên là Nam Thiệm Bộ Châu, nằm về hướng nam của núi Tu Di, vốn là một phần nhỏ nhất trong hệ thống Đại Thiên Thế Giới do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm giáo chủ.

Ta Bà có nghĩa là khổ não, lại cũng có nghĩa là phiền lụy hay trời buộc, chẳng được ung dung tự tại. Thế giới Ta Bà, nơi đây đầy những mâu thuẫn, hận thù và bạo động. Nơi mà chúng ta đang sống là một thế giới bất tịnh, và Phật Thích Ca đã bắt đầu thanh tịnh nó. Con người sống trong thế giới này chịu phải vô vàn khổ hải vì tam độc tham, sân, si cũng như những dục vọng trần tục. Cõi Ta Bà này đầy đầy những đất, đá, gai chông, hầm hố, gò nổng, thường có những mối khổ về đói khát, lạnh, nóng. Chúng sanh trong cõi Ta Bà phần nhiều tham đắm nơi phi pháp, tà pháp, chớ chẳng chịu tin chánh pháp, thọ số của họ ngăn ngại, nhiều kẻ gian trá. Nói về vua quan, dầu có nước để cai trị, họ chẳng hề biết đủ, mà ngược lại sanh lòng tham lam, kéo binh đánh chiếm nước khác, khiến cho nhiều người vô tội chết oan; lại thêm nhiều thiên tai như hạn hán, bão lụt, mất mùa, đói khát, vân vân nên chúng sanh trong cõi này phải chịu vô lượng khổ sở. Nơi cõi Ta Bà này, sự thuận duyên cùng an vui tu tập thì ít, mà nghịch duyên phiền não thì nhiều. Hầu hết người tu hành đều dễ bị thối thất tâm Bồ Đề đã phát lúc ban đầu. Theo Đức Phật, quả đất mà chúng ta đang ở đây có tên là Nam Thiệm Bộ Châu, nằm về hướng nam của núi Tu Di, vốn là một phần nhỏ nhất trong hệ thống Đại Thiên Thế Giới do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm giáo chủ. Chính vì vậy mà “Saha” còn được gọi là Sa Ha Lô Đà, hay Sách Ha, nghĩa là chịu đựng hay nhẫn độ; nơi có đầy đủ thiện ác, cũng là nơi mà chúng sanh luôn chịu cảnh luân hồi sanh tử, được chia làm tam giới. Thế giới Ta Bà, thế giới chịu đựng để chỉ thế giới của chúng ta, nơi có đầy những khổ đau phiền não; tuy thế chúng sanh trong đó vẫn hân hoan hưởng thụ và chịu đựng. Theo Phật giáo, Ta Bà là cõi của thế giới mà chúng ta đang ở. Diêm Phù Đề là một phần nhỏ của thế giới Ta Bà, thế giới của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Cõi này nằm về miền cực Nam trong bốn châu theo truyền thống Vũ Trụ Học Phật giáo. người ta nói cõi này được đặt tên theo cây “Jambu” là loại cây mọc nhiều trên cõi này. Cõi này đo được 2.000 na do tha ở ba chiều, còn chiều thứ tư chỉ dài có 3 na do tha rưỡi mà thôi. Nam Thiệm Bộ Châu, một trong tứ đại châu, tọa lạc phía nam núi Tu Di, bao gồm thế giới được biết đến bởi người Ấn Độ thời cổ sơ. Theo Eitel trong Trung Anh Phật Học Từ Điển, Nam Thiệm Bộ Châu bao

gồm những vùng quanh hồ Anavatapta và núi Tuyết (tức là cõi chúng ta đang ở, trung tâm châu này có cây diêm phù. Chính ở cõi này, Đức Phật đã thị hiện, và ở cõi này có nhiều nhà tu hành hơn hết). Phía Bắc gồm Hung Mông Thổ; phía Đông gồm Trung Quốc-Đại Hàn-Nhật; phía Nam gồm các vùng Bắc Ấn (hai mươi bảy vương quốc), Đông Ấn (mười vương quốc), Nam Ấn (mười lăm vương quốc), Trung Ấn (ba mươi vương quốc), và Tây Ấn (ba mươi bốn vương quốc).

### ***III. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Thị Hiện Cứu Độ Chúng Sinh:***

Cứu độ có thể được hiểu như giải thoát cho ai đó thoát khỏi sự hủy diệt, khổ đau, phiền não, vân vân, để đưa người ấy đến trạng thái an toàn khỏi những lực lượng hủy diệt, thiên nhiên hay siêu nhiên. Đối với các tôn giáo khác, cứu độ có nghĩa là cứu khỏi tội lỗi, chết chóc và nhận vào cái gọi là thiên đường vĩnh cửu. Đây là những tôn giáo cứu độ, vì họ hứa cứu độ chúng sanh trong một hình thức nào đó. Họ cho rằng ý chí của một người là quan trọng, nhưng ân sủng là cần thiết và quan trọng hơn để được cứu độ. Người nào muốn được cứu độ thì phải tin rằng họ thấy được sự cứu độ siêu nhiên của một đấng toàn năng trong cuộc đời mà mình đang sống. Trong đạo Phật, quan niệm cứu độ rất xa lạ đối với những Phật tử thuần thành. Một lần, Đức Phật bảo với tứ chúng: “Mục đích duy nhất Ta ra đời là nhằm giáo hóa chúng sanh. Tuy nhiên, một điều rất quan trọng là các con đừng tin lời Ta giảng là đúng, chỉ đơn giản vì Ta đã nói những lời ấy. Tốt hơn, các con nên thực hành những lời dạy của Ta để biết rằng chúng đúng hay sai. Nếu các con thấy giáo pháp của Ta là phù hợp với chân lý và hữu ích, thì cố gắng làm theo. Nhưng đừng thực hành chỉ vì các con kính trọng Ta. Chính các con mới có thể cứu độ các con mà thôi.” Một lần khác, Đức Phật vỗ về con voi điên và quay sang nói với A Nan: “Duy nhất chỉ có tình thương mới diệt được hận thù. Sự thù hận không thể chấm dứt bằng lòng thù hận. Đây là bài học quan trọng mà con nên nhớ.” Chính Đức Phật đã khuyên chúng đệ tử lần cuối cùng trước khi Ngài nhập diệt: “Khi Ta không còn nữa các con hãy lấy giáo pháp của Ta làm thầy hướng dẫn cho các con. Nếu tâm các con thâm nhập được những lời dạy của Ta thì các con không cần thiết có Ta nữa. Hãy ghi nhớ những lời Ta đã dạy các con. Lòng tham và dục vọng là nguyên nhân của mọi khổ đau phiền não. Cuộc đời luôn biến đổi vô thường, vậy các con chớ nên tham đắm vào bất cứ thứ gì ở thế gian. Mà cần tự nỗ lực

tu hành, sửa đổi thân tâm để tìm thấy cho chính mình hạnh phúc chân thật và trường cửu.” Đó là một vài khái niệm về cứu độ trong đạo Phật được nói lên từ kim khẩu của Đức Phật.

*Có Bốn Lý Do Như Lai Thị Hiện Nơi Cõi Ta Bà:* Theo Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện, Đức Phật đã dạy: “Này ông Xá Lợi Phất, thế nào gọi là chư Phật Thế Tôn vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. Chư Phật Thế Tôn muốn chúng sanh giác ngộ tri kiến Phật, khiến họ được thanh tịnh, nên đã xuất hiện ở đời. Vì muốn chúng sanh thâm nhập vào tri kiến Phật, nên xuất hiện ở đời. Này ông Xá Lợi Phất, đó là do chư Phật Thế Tôn có đại nhân duyên nên xuất hiện ở đời.”. *Thứ nhất là Khai:* Khai mở tri kiến hay chân lý Phật, hay là mở ra sự thấy biết của chư Phật cho chúng sanh y theo đó mà học hiểu, hầu phân biệt rõ ràng được đâu đúng hay sai. *Thứ nhì là Thị:* Chỉ bảo tri kiến Phật, giúp cho chúng sanh tu tập theo những thấy biết chân chánh của chư Phật nhằm giúp họ y theo đó mà học hiểu, hầu rõ được nẻo đúng đường sai, đâu phải, đâu trái để dứt bỏ những sai lầm cố hữu. *Thứ ba là Ngộ:* Giác ngộ tri kiến Phật, tức là giác ngộ Phật pháp, xa lánh tà pháp, để dứt lia những khổ đau sanh tử nơi tam đồ ác đạo như các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, vân vân, để được sanh về các nẻo an vui của cảnh trời người. *Thứ tư là Nhập:* Thâm nhập vào tri kiến Phật, hay thâm nhập vào trong quả vị giải thoát của Thánh nhơn, hay là đắc đạo, vượt thoát ra ngoài vòng luân hồi sanh tử.

*Như Lai Cứu Độ Chúng Sanh Bằng Bốn Phương Pháp:* Theo Đạo Xúc (562-645), một trong những tín đồ lỗi lạc của Tịnh Độ Tông, trong An Lạc Tập, một trong những nguồn tài liệu chính của giáo pháp Tịnh Độ, chư Phật cứu độ chúng sanh bằng bốn phương pháp. *Thứ nhất* là bằng khẩu thuyết như được ký tải trong Nhị Thập Bộ Kinh. *Thứ nhì* là bằng tướng hảo quang minh. *Thứ ba* là vô lượng đức dụng thần thông đạo lực, đủ các thứ biến hóa. *Thứ tư* là các danh hiệu của các Ngài, mà, một khi chúng sanh thốt lên, sẽ trừ khử những chướng ngại và chắc chắn sẽ vãng sanh Phật tiền. Người phạm mất tịnh chúng ta thường không thể hiểu được lòng giáo hóa đại bi vô lượng của chư Phật và chư Bồ Tát. Có khi các Ngài dùng lời thuyết giáo để hóa độ, nhưng lắm khi các Ngài dùng gương sống hằng ngày như lui về tự tịnh hay nghiêm trì giới luật để khuyến khích người khác tu hành. “Quyền Hiện” có nghĩa là tạm thời phương tiện hiện ra để cứu độ chúng sanh.

Phật lực hay Bồ Tát lực có thể tự hóa thành bất cứ thân trần tục nào để cứu độ chúng sanh.

*Chư Như Lai và chư Bồ Tát còn cứu độ chúng sanh bằng cách “Phá tà Hiển Chánh”*: Phá Tà Hiển Chánh có nghĩa là phá bỏ tà chấp tà kiến tức và làm rõ chánh đạo chánh kiến. Theo Tam Luận Tông, học thuyết Tam Luận Tông có ba khía cạnh chính, khía cạnh đầu tiên là ‘phá tà hiển chánh.’ Phá tà là cần thiết để cứu độ chúng sanh đang đắm chìm trong biển chấp trước, còn hiển chánh cũng là cần thiết vì để xiển dương Phật pháp. Phá tà là phủ nhận tất cả những quan điểm y cứ trên sự chấp trước. Như thế những quan điểm như thuyết về ‘Ngã’ của các triết gia Bà La Môn, thuyết ‘Đa Nguyên Luận’ của các luận sư A Tỳ Đàm và Câu Xá, cũng như những nguyên tắc độc đoán của các luận sư Đại Thừa, không bao giờ được thông qua mà không bị bài bác chi ly. ‘Hữu’ hay tất cả đều có, cũng như ‘không’ hay tất cả đều không đều bị chỉ trích. Hiển chánh là làm sáng tỏ chánh kiến. Theo Giáo Sư Takakusu trong Cương Yếu Triết Học Phật Giáo, Tam Luận Tông luận rằng chân lý chỉ có thể đạt được bằng cách phủ định hay bài bác các tà kiến bên trong và bên ngoài Phật giáo, cũng như những sai lầm của Đại thừa và Tiểu thừa. Khi ôm giữ tà kiến sai lầm, con người sẽ mù quáng trong phán đoán. Làm sao mà một người mù có thể có được cái thấy đúng, và nếu không có nó thì không bao giờ tránh được hai cực đoan. Cứu cánh vọng ngôn tuyệt lự là buổi bình minh của trung đạo. Phá tà và chỉ có phá tà mới dẫn đến cứu cánh chân lý. Con đường giữa hay con đường xa lìa danh và tướng là con đường hiển chánh.

#### ***IV. Hình Ảnh Đức Như Lai Qua Kinh Pháp Cú:***

Chẳng ai hơn nổi người đã thắng phục dục tình. Người đã thắng phục dục tình không còn bị thất bại trở lại, huống Phật trí mệnh không không dấu tích, các người lấy gì mà hồng cảm dỗ được (179). Người dứt hết trói buộc, ái dục còn khó cảm dỗ được họ, huống Phật trí mệnh không không dấu tích, các người lấy gì mà hồng cảm dỗ được ư? (180). Người trí thường ưa tu thiền định, ưa xuất gia và ở chỗ thanh vắng. Người có Chánh niệm và Chánh giác bao giờ cũng được sự ái kính của Thiên nhân (181). Được sinh làm người là khó, được sống còn là khó, được nghe Chánh pháp là khó, được gặp Phật ra đời là khó (182). Chớ làm các điều ác, gắng làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch. Ấy lời chư Phật dạy (183). Chư Phật thường dạy: “Niết bàn là quả vị tối

thượng, nhần nhục là khổ hạnh tối cao. Xuất gia mà não hại người khác, không gọi là xuất gia Sa-môn.” (184). Chớ nên phỉ báng, đừng làm não hại, giữ giới luật tinh nghiêm, uống ăn có chừng mực, riêng ở chỗ tịch tịnh, siêng tu tập thiền định; ấy lời chư Phật dạy (185). Giả sử mưa xuống bạc vàng cũng chẳng thỏa mãn được lòng tham dục. Người trí đã biết rõ sự dâm dật vui ít khổ nhiều (186). Thế nên, dù sự dục lạc ở cõi trời, người cũng chớ sanh tâm mong cầu. Đệ tử các đấng Giác ngộ, chỉ mong cầu diệt trừ ái dục mà thôi (187). Vì sợ hãi bất an mà đến quy-y thần núi, quy-y rừng cây, quy-y miếu thờ thọ thần (188). Nhưng đó chẳng phải là chỗ nương dựa yên ổn, là chỗ quy-y tối thượng, ai quy-y như thế khổ não vẫn còn nguyên (189). Trái lại, quy-y Phật, Pháp, Tăng, phát trí huệ chơn chánh (190). Hiểu thấu bốn lẽ mầu: biết khổ, biết khổ nhân, biết khổ diệt và biết tám chi Thánh đạo, diệt trừ hết khổ não (191). Đó là chỗ quy-y an ổn, là chỗ quy-y tối thượng. Ai quy-y được như vậy mới giải thoát khổ đau (192). Rất khó gặp được các bậc Thánh nhân, vì chẳng thường có. Phàm ở đâu có vị Thánh nhơn ra đời thì gia tộc đó được an lành (193). Hạnh phúc thay đức Phật ra đời! Hạnh phúc thay diễn nói Chánh pháp! Hạnh phúc thay Tăng già hòa hợp! Hạnh phúc thay đồng tiến đồng tu! (194). Kẻ nào cúng dường những vị đáng cúng dường, hoặc chư Phật hay đệ tử, những vị thoát ly hư vọng, vượt khỏi hối hận lo âu (195). Công đức của người ấy đã cúng dường các bậc tịch tịnh vô úy ấy, không thể kể lường (196).

#### ***V. Những Lời Dạy Cuối Cùng Của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai:***

Dưới hàng cây Ta La Song Thọ tại thành Câu Thi Na, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai đã căn dặn đệ tử của Ngài những lời di giáo cuối cùng như sau: Hãy tự thấp đuốc lên mà đi. Hãy về nương nơi chính mình, chớ đừng nương tựa vào bất cứ ai khác. Hãy lấy giáo pháp của ta làm đuốc mà đi. Hãy nương vào giáo pháp ấy, chớ đừng nương vào bất cứ giáo pháp nào khác. Nghĩ về thân thể thì nên nghĩ về sự bất tịnh của nó. Nghĩ về thân thể thì nên nghĩ rằng cả đau đớn lẫn dễ chịu đều là những nhân đau khổ giống nhau, thì làm gì có chuyện ham chuộng dục vọng? Nghĩ về cái “ngã” nên nghĩ về sự phù du (qua mau) của nó để không rơi vào ảo vọng hay ôm ấp sự ngã mạn và ích kỷ khi biết những thứ này sẽ kết thúc bằng khổ đau phiền não? Nghĩ về vật chất, các ông hãy tìm xem coi chúng có cái “ngã” tồn tại lâu dài hay không?

Có phải chúng chỉ là những kết hợp tạm bợ để rồi chẳng chóng thì chầy, chúng sẽ tan hoại? Đừng lâm lộn về sự phổ quát của khổ đau, mà hãy y theo giáo pháp của ta, ngay khi ta đã nhập diệt, là các ông sẽ đoạn trừ đau khổ. Làm được như vậy, các ông mới quả thật là đệ tử của Như Lai. Nay chúng đệ tử, giáo pháp mà Như Lai đã để lại cho các ông, không nên quên lãng, mà phải luôn xem như bảo vật, phải luôn suy nghiệm và thực hành. Nếu các ông y theo những giáo pháp ấy mà tu hành, thì các ông sẽ luôn hạnh phúc. Nay chúng đệ tử, điểm then chốt trong giáo pháp là nhắc nhở các ông kèm giữ tâm mình. Hãy giữ dừng cho tâm “tham” là các đức hạnh của các ông luôn chánh trực. Hãy giữ tâm thanh tịnh là lời nói của các ông luôn thành tín. Luôn nghĩ rằng đời này phù du mộng huyễn là các ông có thể chống lại tham và sân, cũng như tránh được những điều ác. Nếu các ông thấy tâm mình bị cám dỗ quỵên quên bởi tham lam, các ông nên dụng công trì giữ tâm mình. Hãy là chủ nhân ông của chính tâm mình. Tâm các ông có thể khiến các ông làm Phật, mà tâm ấy cũng có thể biến các ông thành súc sanh. Hễ mê là ma, hễ ngộ tức là Phật. Thế nên các ông phải luôn trì giữ tâm mình đừng để cho nó xa rời Chánh Đạo. Các ông nên tương kính lẫn nhau, phải luôn tuân thủ giáo pháp của Như Lai, chớ không nên tranh chấp. Các ông phải giống như nước và sữa tương hợp nhau, chớ đừng như nước và dầu, không tương hợp với nhau. Chúng đệ tử, các ông nên cùng nhau ôn tâm, học hỏi và thực hành giáo pháp của Như Lai. Đừng lãng phí thân tâm và thì giờ nhàn tản hay tranh cãi. Hãy cùng nhau thụ hưởng những bông hoa giác ngộ và quả vị của Chánh Đạo. Chúng đệ tử, giáo pháp mà Như Lai đã truyền lại cho các ông là do tự thân Như Lai chứng ngộ, các ông nên kiên thủ y nương theo giáo pháp ấy mà tu hành chứng ngộ. Chúng đệ tử, nếu các ông bỏ bê không y nương theo giáo pháp Như Lai mà tu hành, có nghĩa là các ông chưa bao giờ gặp Như Lai. Cũng có nghĩa là các ông xa Như Lai vạn dặm, cho dù các ông có đang ở cạnh Như Lai. Ngược lại, nếu các ông tuân thủ và thực hành giáo pháp ấy, dù ở xa Như Lai vạn dặm, các ông cũng đang được cạnh kề Như Lai. Chúng đệ tử, Như Lai sắp xa rời các ông đây, nhưng các ông đừng than khóc sầu muộn. Đời là vô thường; không ai có thể tránh được sự hoại diệt nơi thân. Nhục thân Như Lai rồi đây cũng sẽ tan hoại như một cái xe mục nát vậy. Các ông không nên bi thương; các ông nên nhận thức rằng không có chi là thường hằng và nên giác ngộ thật tánh (tánh không) của nhân thế.

Đừng ôm ấp những ước vọng không tưởng vô giá trị rằng biến dị có thể trở thành thường hằng. Chúng đệ tử, các ông nên luôn nhớ rằng ma dục vọng phiền não luôn tìm cơ hội để lừa gạt tâm các ông. Nếu một con rắn độc đang ở trong phòng của các ông, muốn ngủ yên các ông phải đuổi nó ra. Các ông phải vứt bỏ những hệ phược của dục vọng phiền não và đuổi chúng đi như đuổi một con rắn độc. Các ông phải tích cực bảo hộ tâm mình. Chúng đệ tử, giây phút cuối cùng của ta đã tới, các ông đừng quên rằng cái chết chỉ là sự chấm dứt của thân xác. Thân xác được sanh ra từ tinh cha huyết mẹ, được nuôi dưỡng bằng thực phẩm, thì bệnh hoạn và tử vong là điều không tránh khỏi. Nhưng bản chất của một vị Phật không phải là nhục thể, mà là sự giác ngộ Bồ Đề. Một nhục thân phải tử vong, nhưng Trí huệ Bồ Đề sẽ tồn tại mãi mãi trong chơn lý của đạo pháp. Ai chỉ thấy ta bằng nhục thể là chưa bao giờ thấy ta; ai chấp nhận và thực hành giáo pháp Như Lai mới thật sự thấy được Như Lai. Sau khi Như Lai diệt độ, thì giáo pháp của Như Lai chính là Đạo Sư. Những ai y nương theo giáo pháp Như Lai mà tu hành mới chính là đệ tử thật của Như Lai. Trong bốn mươi lăm năm qua, ta chưa từng giữ lại một thứ gì trong giáo pháp của ta. Không có gì bí mật, không có gì ẩn nghĩa; tất cả đều được chỉ bày rõ ràng cặn kẽ. Hỡi chúng đệ tử thân thương, đây là giây phút cuối cùng. Lát nữa đây ta sẽ nhập Niết Bàn. Và đây là những lời căn dặn cuối cùng của ta.

Di giáo là những lời dạy của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai được các đệ tử của Ngài ghi chép lại trong kinh, kinh nói về giáo pháp cuối cùng truyền lại khi đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai sắp nhập diệt. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai nói: “Ta không phải là cái gọi một cách mù mờ ‘Thần linh’ ta cũng không phải là hiện thân của bất cứ cái gọi thần linh mù mờ nào. Ta chỉ là một con người khám phá ra những gì đã bị che lấp. Ta chỉ là một con người đạt được toàn giác bằng cách hoàn toàn thấu triệt hết thấy những chân lý.” Thật vậy, đối với chúng ta, đức Phật là một con người đáng được kính mộ và tôn sùng, không phải chỉ như một vị thầy mà như một vị Thánh. Ngài là một con người, nhưng là một người siêu phàm, một chúng sanh duy nhất trong vũ trụ đạt đến tuyệt luân tuyệt hảo. Tất cả những gì mà Ngài thành đạt, tất cả những gì mà Ngài thấu triệt đều là thành quả của những cố gắng của chính Ngài, của một con người. Ngài thành tựu sự chứng ngộ tri thức và tâm linh cao siêu nhất, tiến đến tuyệt đỉnh của sự thanh tịnh và trạng thái toàn hảo trong những phẩm hạnh cao cả nhất của con người. Ngài là



hiện thân của từ bi và trí tuệ, hai phẩm hạnh cao cả nhất trong Phật giáo. Đức Phật không bao giờ tự xưng mình là vị cứu thế và không tự hào là mình cứu rỗi những linh hồn theo lối thần linh mặc khải của những tôn giáo khác. Thông điệp của Ngài thật đơn giản nhưng vô giá đối với chúng ta: “Bên trong mỗi con người có ngủ ngầm một khả năng vô cùng vô tận mà con người phải nỗ lực tinh tấn trau dồi và phát triển những tiềm năng ấy. Nghĩa là trong mỗi con người đều có Phật tánh, nhưng giác ngộ và giải thoát nằm trọn vẹn trong tầm mức nỗ lực và cố gắng của chính con người.”

Khi sắp nhập diệt, đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai đã dặn dò tứ chúng một câu cuối cùng: “Mọi vật trên đời không có gì quý giá. Thân thể rồi sẽ tan rã. Chỉ có đạo Ta là quý báu. Chỉ có chân lý của Đạo Ta là bất di bất dịch.” Khi ngày Phật nhập diệt sắp gần kề, chư Tỳ kheo bịn rịn khôn nguôi. Thấy vậy đức Phật bèn dạy: “Ứng thân của Phật không thể ở mãi trên thế gian, đây là qui luật tự nhiên, nhưng giáo Pháp của ta thì còn mãi. Các người theo đó mà phụng hành.” Kế đó A Nan lại thỉnh cầu đức Phật bốn việc liên quan đến những quan tâm của hàng đệ tử sau khi Phật nhập diệt. Ngay trước lúc nhập diệt, dưới hàng cây Ta La Song Thọ tại thành Câu Thi Na, đức Phật đã căn dặn đệ tử của Ngài những lời di giáo cuối cùng như sau: *Thứ nhất* là hãy tự thấp đuốc lên mà đi. Hãy về nương nơi chính mình, chớ đừng nương tựa vào bất cứ ai khác. *Thứ nhì* là hãy lấy giáo pháp của ta làm đuốc mà đi. Hãy nương vào giáo pháp ấy, chớ đừng nương vào bất cứ giáo pháp nào khác. *Thứ ba* là nghĩ về thân thể thì nên nghĩ về sự bất tịnh của nó. *Thứ tư* là nghĩ về thân thể thì nên nghĩ rằng cả đau đớn lẫn dễ chịu đều là những nhân đau khổ giống nhau, thì làm gì có chuyện ham chuộng dục vọng? *Thứ năm* là nghĩ về cái “ngã” nên nghĩ về sự phù du (qua mau) của nó để không rơi vào ảo vọng hay ôm ấp sự ngã mạn và ích kỷ khi biết những thứ này sẽ kết thúc bằng khổ đau phiền não? *Thứ sáu* là nghĩ về vật chất, các ông hãy tìm xem coi chúng có cái “ngã” tồn tại lâu dài hay không? Có phải chúng chỉ là những kết hợp tạm bợ để rồi chẳng chóng thì chầy, chúng sẽ tan hoại? *Thứ bảy* là đừng lầm lộn về sự phổ quát của khổ đau, mà hãy y theo giáo pháp của ta, ngay khi ta đã nhập diệt, là các ông sẽ đoạn trừ đau khổ. Làm được như vậy, các ông mới quả thật là đệ tử của Như Lai. *Thứ tám* là này chúng đệ tử, giáo pháp mà Như Lai đã để lại cho các ông, không nên quên lãng, mà phải luôn xem như bảo vật, phải luôn suy nghiệm và thực hành.

Nếu các ông y theo những giáo pháp ấy mà tu hành, thì các ông sẽ luôn hạnh phúc. *Thứ chín* là này chúng đệ tử, điểm then chốt trong giáo pháp là nhắc nhở các ông kèm giữ tâm mình. Hãy giữ đừng cho tâm “tham” là các đức hạnh của các ông luôn chánh trực. Hãy giữ tâm thanh tịnh là lời nói của các ông luôn thành tín. Luôn nghĩ rằng đời này phù du mộng huyễn là các ông có thể chống lại tham và sân, cũng như tránh được những điều ác. *Thứ mười* là nếu các ông thấy tâm mình bị cám dỗ quỵên quên bởi tham lam, các ông nên dụng công trì giữ tâm mình. Hãy là chủ nhân ông của chính tâm mình. *Thứ mười một* là tâm các ông có thể khiến các ông làm Phật, mà tâm ấy cũng có thể biến các ông thành súc sanh. Hễ mê là ma, hễ ngộ tức là Phật. Thế nên các ông phải luôn trì giữ tâm mình đừng để cho nó xa rời Chánh Đạo. *Thứ mười hai* là các ông nên tương kính lẫn nhau, phải luôn tuân thủ giáo pháp của Như Lai, chớ không nên tranh chấp. Các ông phải giống như nước và sữa tương hợp nhau, chớ đừng như nước và dầu, không tương hợp với nhau. *Thứ mười ba* là chúng đệ tử, các ông nên cùng nhau ôn tẩm, học hỏi và thực hành giáo pháp của Như Lai. Đừng lãng phí thân tâm và thì giờ nhàn tản hay tranh cãi. Hãy cùng nhau thụ hưởng những bông hoa giác ngộ và quả vị của Chánh Đạo. *Thứ mười bốn* là chúng đệ tử, giáo pháp mà Như Lai đã truyền lại cho các ông là do tự thân Như Lai chứng ngộ, các ông nên kiên thủ y nương theo giáo pháp ấy mà tu hành chứng ngộ. *Thứ mười lăm* là chúng đệ tử, nếu các ông bỏ bê không y nương theo giáo pháp Như Lai mà tu hành, có nghĩa là các ông chưa bao giờ gặp Như Lai. Cũng có nghĩa là các ông xa Như Lai vạn dặm, cho dù các ông có đang ở cạnh Như Lai. Ngược lại, nếu các ông tuân thủ và thực hành giáo pháp ấy, dù ở xa Như Lai vạn dặm, các ông cũng đang được cạnh kề Như Lai. *Thứ mười sáu* là chúng đệ tử, Như Lai sắp xa rời các ông đây, nhưng các ông đừng than khóc sầu muộn. Đời là vô thường; không ai có thể tránh được sự hoại diệt nơi thân. Nhục thân Như Lai rồi đây cũng sẽ tan hoại như một cái xe mục nát vậy. *Thứ mười bảy* là các ông không nên bi thương; các ông nên nhận thức rằng không có chi là thường hằng và nên giác ngộ thật tánh (tánh không) của nhân thế. Đừng ôm ấp những ước vọng không tưởng vô giá trị rằng biến dị có thể trở thành thường hằng. *Thứ mười tám* là chúng đệ tử, các ông nên luôn nhớ rằng ma dục vọng phiền não luôn tìm cơ hội để lừa gạt tâm các ông. Nếu một con rắn độc đang ở trong phòng của các ông, muốn ngủ yên các ông phải đuổi nó ra. Các ông

phải dứt bỏ những hệ phược của dục vọng phiền não và đuổi chúng đi như đuổi một con rắn độc. Các ông phải tích cực bảo hộ tâm mình. *Thứ mười chín* là chúng đệ tử, giây phút cuối cùng của ta đã tới, các ông đừng quên rằng cái chết chỉ là sự chấm dứt của thân xác. Thân xác được sanh ra từ tinh cha huyết mẹ, được nuôi dưỡng bằng thực phẩm, thì bệnh hoạn và tử vong là điều không tránh khỏi. *Thứ hai mươi* là những bản chất của một vị Phật không phải là nhục thể, mà là sự giác ngộ Bồ Đề. Một nhục thân phải tử vong, nhưng Trí huệ Bồ Đề sẽ tồn tại mãi mãi trong chơn lý của đạo pháp. Ai chỉ thấy ta bằng nhục thể là chưa bao giờ thấy ta; ai chấp nhận và thực hành giáo pháp Như Lai mới thật sự thấy được Như Lai. *Thứ hai mươi mốt* là sau khi Như Lai diệt độ, thì giáo pháp của Như Lai chính là Đạo Sư. Những ai y nương theo giáo pháp Như Lai mà tu hành mới chính là đệ tử thật của Như Lai. *Thứ hai mươi hai* là trong bốn mươi lăm năm qua, ta chưa từng giữ lại một thứ gì trong giáo pháp của ta. Không có gì bí mật, không có gì ẩn nghĩa; tất cả đều được chỉ bày rõ ràng cặn kẽ. Hỡi chúng đệ tử thân thương, đây là giây phút cuối cùng. Lát nữa đây ta sẽ nhập Niết Bàn. Và đây là những lời căn dặn cuối cùng của ta.

Theo kinh Đại Bát Niết Bàn trong Trường Bộ Kinh, quyển 16, trước khi nhập diệt, Đức Phật đã ân cần dặn dò tứ chúng bằng cách nhắn gửi với ngài A Nan rằng: “Chính vì không thông hiểu Tứ Thánh Đế mà chúng ta phải lăn trôi bấy lâu nay trong vòng luân hồi sanh tử, cả ta và chư vị nữa!” Trong những ngày cuối cùng, Đức Phật luôn khuyến giáo chư đệ tử nên luôn chú tâm, chánh niệm tỉnh giác tu tập giới định huệ “Giới là như vậy, định là như vậy, tuệ là như vậy.” Trong những lời di giáo sau cùng, Đức Thế Tôn đã nhắc nhở A Nan Đa: “Như Lai không nghĩ rằng Ngài phải lãnh đạo giáo đoàn hay giáo đoàn phải lệ thuộc vào Ngài. Vì vậy, này A Nan Đa, hãy làm ngọn đèn cho chính mình. Hãy làm nơi nương tựa cho chính mình. Không đi tìm nơi nương tựa bên ngoài. Hãy giữ lấy chánh pháp làm ngọn đèn. Cố giữ lấy chánh pháp làm nơi nương tựa. Và này A Nan Đa, thế nào là vị Tỳ Kheo phải làm ngọn đèn cho chính mình, làm nơi nương tựa cho chính mình, không đi tìm nơi nương tựa bên ngoài, cố giữ lấy chánh pháp làm ngọn đèn? Ở đây, này A Nan Đa, vị Tỳ Kheo sống nhiệt tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác, nhiếp phục tham ái ưu bi ở đời, quán sát thân, thọ, tâm, và pháp.” Tại thành Câu Thi Na, trước khi nhập diệt, Đức Phật đã khẳng định với Subhadda, vị đệ tử cuối cùng của Đức Phật:

“Này Subhadda, trong bất cứ Pháp và Luật nào, đều không có Bát Thánh Đạo, cũng không thể nào tìm thấy vị Đệ Nhất Sa Môn, Đệ Nhị Sa Môn, Đệ Tam Sa Môn, Đệ Tứ Sa Môn. Giờ đây trong Pháp và Luật của Ta, này Subhadda, có Bát Thánh Đạo, lại có cả Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam, và Đệ tứ Sa Môn nữa. Giáo pháp của các ngoại đạo sư không có các vị Sa Môn. Này Subhadda, nếu chư đệ tử sống đời chân chính, thế gian này sẽ không vắng bóng chư vị Thánh A La Hán. Quả thật giáo lý của các ngoại đạo sư đều vắng bóng chư vị A La Hán cả. Nhưng trong giáo pháp này, mong rằng chư Tỳ Kheo sống đời phạm hạnh thanh tịnh, để cõi đời không thiếu các bậc Thánh.” Đoạn Đức Thế Tôn quay sang tứ chúng để nói lời khích lệ sau cùng: “Hãy ghi nhớ lời Ta đã dạy các con. Lòng tham và dục vọng là nguyên nhân của mọi khổ đau. Cuộc đời luôn luôn biến đổi vô thường, vậy các con chớ nên tham đắm vào bất cứ thứ gì ở thế gian này. Mà cần nỗ lực tu hành, cải đổi thân tâm để tìm thấy hạnh phúc chân thật và trường cửu. Này chư Tỳ Kheo, ta khuyến giáo chư vị, hãy quán sát kỹ, các pháp hữu vi đều vô thường biến hoại, chư vị hãy nỗ lực tinh tấn!”

#### ***VI. Bức Thông Điệp Vô Giá Của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai:***

Sau khi thành đạo và hơn bốn thập niên hoằng hóa lợi sinh, đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai đã để lại cho chúng sanh một thông điệp vô giá về Tứ Diệu Đế (Xem thêm Chương 15, page 107). Bức thông điệp là một trong những phần quan trọng nhất trong giáo pháp của đức Phật. Đức Phật đã ban truyền thông điệp này nhằm hướng dẫn nhân loại đau khổ, cởi mở những trói buộc bất toại nguyện để đi đến hạnh phúc, tương đối và tuyệt đối (hạnh phúc tương đối hay hạnh phúc trần thế, hạnh phúc tuyệt đối hay Niết Bàn). Đức Phật nói: “Ta không phải là cái gọi một cách mù mờ ‘Thần linh’ ta cũng không phải là hiện thân của bất cứ cái gọi thần linh mù mờ nào. Ta chỉ là một con người khám phá ra những gì đã bị che lấp. Ta chỉ là một con người đạt được toàn giác bằng cách hoàn toàn thấu triệt hết thấy những chân lý.” Thật vậy, đối với chúng ta, Đức Phật là một con người đáng được kính mộ và tôn sùng, không phải chỉ như một vị thầy mà như một vị Thánh. Ngài là một con người, nhưng là một người siêu phàm, một chúng sanh duy nhất trong vũ trụ đạt đến tuyệt luân tuyệt hảo. Tất cả những gì mà Ngài thành đạt, tất cả những gì mà Ngài thấu triệt đều là thành quả của những cố gắng của chính Ngài, của một con người. Ngài thành tựu

sự chứng ngộ tri thức và tâm linh cao siêu nhất, tiến đến tuyệt đỉnh của sự thanh tịnh và trạng thái toàn hảo trong những phẩm hạnh cao cả nhất của con người. Ngài là hiện thân của từ bi và trí tuệ, hai phẩm hạnh cao cả nhất trong Phật giáo. Đức Phật không bao giờ tự xưng mình là vị cứu thế và không tự hào là mình cứu rỗi những linh hồn theo lối thần linh mặc khải của những tôn giáo khác. Thông điệp của Ngài thật đơn giản nhưng vô giá đối với chúng ta: “Bên trong mỗi con người có ngủ ngầm một khả năng vô cùng vô tận mà con người phải nỗ lực tinh tấn trau dồi và phát triển những tiềm năng ấy. Nghĩa là trong mỗi con người đều có Phật tánh, nhưng giác ngộ và giải thoát nằm trọn vẹn trong tầm mức nỗ lực và cố gắng của chính con người.”

### *Sakyamuni Tathagata & The Saha World*

#### *I. Sakyamuni Tathagata:*

Sakyamuni Tathagata was a historical person with the name of Siddhattha, a Fully Enlightenment One. One who has reached the Utmost, Right and Equal Enlightenment. The lack of hard facts and information, even the date of the Buddha's life is still in doubt. Indian people believe that the Buddha's Nirvana took place around 100 years before the time of king Asoka. However, most modern scholars agreed that the Buddha's Birthday was in some time in the second half of the seventh century B.C. and His Nirvana was about 80 years after His Birthday. The Buddha is the All-Knowing One. He was born in 623 BC in Northern India, in what is now Nepal, a country situated on the slope of Himalaya, in the Lumbini Park at Kapilavathu on the Vesak Fullmoon day of April. Almost 26 centuries ago, the Sakyas were a proud clan of the Khattiyas (the Warrior Caste) living on the foothill of the Himalaya in Northern Nepal. His royal name was Siddhartha, and his family name was Gautama. He belonged to the illustrious family of the Okkaka of the Solar Race. King Raja Suddhodana founded a strong kingdom with the capital at Kapilavatthu. His wife was Queen Maha Maya, daughter of the Kolya. Before giving birth to her child, according to the custom at that time, she asked for the King's permission to return to her parents' home in Devadaha for the childbirth. On the way to her parents' home, the Queen took a rest at Lumbini Park, a wonderful garden where flowers filled the air with

sweet odor, while swarms of bees and butterflies were flying around and birds of all color were singing as if they were getting ready to welcome the Queen. As she was standing under a flowering sala tree, and catching hold of a branch in full bloom, she gave birth to a prince who would later become Buddha Gotama. All expressed their delight to the Queen and her noble baby prince. Heaven and Earth rejoiced at the marvels. The memorable day was the Full Moon Day of Vesak (in May) in 623 BC. On the naming ceremony, many learned Brahmins were invited to the palace. A wise hermit named Asita told the king that two ways would open for the prince: he would either become a universal ruler or would leave the world and become a Buddha. Asita named the baby Siddhattha, which means "the One whose wish is fulfilled." At first the King was pleased to hear this, but later he was worried about the statement that the prince would renounce the world and become a homeless hermit. In the palace, however, delight was followed quickly by sorrow, seven days after the childbirth, Queen Maya suddenly died. Her younger sister, Pajapati Gotami, the second Queen, became the prince's devoted foster mother, who brought him up with loving care. Although he grew up in a luxurious life of a prince with full of glory, he was kind and gentle. He received excellent education in both Vedas and the arts of warfare. A wonderful thing happened at a ploughing festival in his childhood. It was an early spiritual experience which, later in his search for truth, served as a key to his Enlightenment. Once on a spring ploughing ceremony, the King took the prince to the field and placed him under the shade of a rose apple tree where he was watched by his nurses. Because the King himself took part in the ploughing, the prince looked at his father driving a golden plough together with other nobles, but he also saw the oxen dragging their heavy yokes and many farmers sweating at their work. While the nurses ran away to join the crowd, he was left alone in the quiet. Though he was young in age, he was old in wisdom. He thought so deeply over the sight that he forgot everything around and developed a state of meditation to the great surprise of the nurses and his father. The King felt great pride in his son, but all the time he recalled the hermit's prophecy. Then he surrounded him with all pleasures and amusements and young playmates, carefully keeping away from him all knowledge of pain, sadness and death. When he was

sixteen years old, the King Suddhodana arranged for his son's a marriage with the princess Yasodhara, daughter of King Soupra-Buddha, who bore him a son named Rahula. Although raised in princely luxury and glory, surrounded with splendid palaces, His beautiful wife and well-behaved son, He felt trapped amidst this luxury like a bird in a gold cage, a fish in a silver vase. During a visit to the outskirts of the city, outside the four palace portals, He saw the spectacle of human suffering, an old man with white hair, fallen teeth, blurred eyes, deaf ears, and bent back, resting on his cane and begging for his food; A sick man lying at the roadside who moaned painfully; a dead man whose body was swollen and surrounded with flies and bluebottles; and a holy ascetic with a calm appearance. The four sights made Him realize that life is subject to all sorts of sufferings. The sight of the holy ascetic who appeared serene gave Him the clue that the first step in His search for Truth was "Renunciation." Back in his palace, he asked his father to let Him enter monkhood, but was refused. Nevertheless, He decided to renounce the world not for His own sake or convenience, but for the sake of suffering humanity. This unprecedented resolution made Prince Siddartha later become the Founder of Buddhism. At the age of twenty-nine, one night He decided to leave behind His princely life. After his groom Chandala saddled His white horse, He rode off the royal palace, toward the dense forest and became a wandering monk. First, He studied under the guidance of the leading masters of the day such as Alara Kalama and Uddaka Ramaputta. He learned all they could teach Him; however, He could not find what He was looking for, He joined a group of five mendicants and along with them, He embarked on a life of austerity and particularly on starvation as the means which seemed most likely to put an end to birth and death. In His desire for quietude He emaciated His body for six years, and carried out a number of strict methods of fasting, very hard for ordinary men to endure. The bulk of His body was greatly reduced by this self-torture. His fat, flesh, and blood had all gone. Only skin and bone remained. One day, worn out He fell to the ground in a dead faint. A shepherdess who happened to pass there gave Him milk to drink. Slowly, He recovered His body strength. His courage was unbroken, but His boundless intellect led Him to the decision that from now on He needed proper food. He would have

certainly died had He not realized the futility of self-mortification, and decided to practice moderation instead. Then He went into the Nairanjana River to bathe. The five mendicants left Him, because they thought that He had now turned away from the holy life. He then sat down at the foot of the Bodhi tree at Gaya and vowed that He would not move until He had attained the Supreme Enlightenment. After 49 days, at the beginning of the night, He achieved the “Knowledge of Former Existence,” recollecting the successive series of His former births in the three realms. At midnight, He acquired the “Supreme Heavenly Eye,” perceiving the spirit and the origin of the Creation. Then early next morning, He reached the state of “All Knowledge,” realizing the origin of sufferings and discovering the ways to eliminate them so as to be liberated from birth-death and reincarnation. He became Anuttara Samyak-Sambodhi, His title was Sakyamuni Buddha. He attained Enlightenment at the age of 35, on the eighth day of the twelfth month of the lunar calendar, at the time of the Morning Star’s rising. After attaining Enlightenment at the age of 35 until his Mahaparinirvana at the age of 80, he spent his life preaching and teaching. He was certainly one of the most energetic man who ever lived: forty-nine years he taught and preached day and night, sleeping only about two hours a day. The Buddha said: “I am not the first Buddha to come upon this earth, nor shall I be the last. In due time, another Buddha will arise, a Holy one, a supreme Enlightened One, an incomparable leader. He will reveal to you the same Eternal Truth which I have taught you.” Two months after his Enlightenment, the Buddha gave his first discourse entitled “The Turning of The Dharma Wheel” to the five ascetics, the Kodannas, his old companions, at the Deer Park in Benares. In this discourse, the Buddha taught: “Avoiding the two extremes of indulgence in sense pleasures and self-mortification, the Tathagata has comprehended the Middle Path, which leads to calm, wisdom, enlightenment and Nirvana. This is the Very Noble Eight-fold Path, namely, right view, right thought, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, and right concentration.” Next he taught them the Four Noble Truths: Suffering, the Cause of Suffering, the Ceasing of Suffering and the Path leading to the ceasing of suffering. The Venerable Kodanna understood the Dharma and immediately became a Sotapanna, the other four asked



the Buddha to receive them into his Order. It was through the second sermon on the “No-self Quality” that all of them attained Arahantship. Later the Buddha taught the Dharma to Yasa, a rich young man in Benares and his 54 companions, who all became Arahants. With the first 60 disciples in the world, the Buddha founded his Sangha and he said to them: “I am free from all fetters, both human and divine, you are also free from all fetters. Go forth, Bhikkhus, for the welfare of many, for the happiness of many, out of compassion for the world, for the good and welfare, and happiness of gods and men. Preach the Dharma, perfect in the beginning, perfect in the middle, perfect in the end, both in spirit and in letter. Proclaim the holy life in all its fullness and purity.” With these words, he sent them into the world. He himself set out for Uruvela, where he received 30 young nobles into the Order and converted the Three Brothers Kassapa, who were soon established in Arahantship by means of “the Discourse on Fire.” Then the Buddha went to Rajagaha, to visit King Bimbisara. The King, on listening to the Dharma, together with his attendants, obtained the Fruit of the First Path and formally offered the Buddha his Bamboo Grove where the Buddha and the Sangha took up their residence for a long time. There, the two chief disciples, Sariputra and Mogallana, were received into the Order. Next, the Buddha went to Kapilavatthu and received into the Order his own son, Rahula, and his half-brother Nanda. From his native land, he returned to Rajagaha and converted the rich banker Anathapindika, who presented him the Jeta Grove. For 45 years, the Buddha traversed all over India, preaching and making converts to His religion. He founded an order of monks and later another order of nuns. He challenged the caste system, taught religious freedom and free inquiry, raised the status of women up to that of men, and showed the way to liberation to all walks of life. His teachings were very simple but spiritually meaningful, requiring people “to put an end to evil, fulfil all good, and purify body and mind.” He taught the method of eradicating ignorance and suppressing sufferings. He encouraged people to maintain freedom in the mind to think freely. All people were one in the eyes of the Buddha. He advised His disciples to practice the ten supreme qualities: compassion, wisdom, renunciation, discipline, will power, forbearance, truthfulness, determination, goodwill, and equanimity. The Buddha never claimed to be a deity or a saint. He

always declared that everyone could become a Buddha if he develops his qualities to perfection and is able to eliminate his ignorance completely through his own efforts. At the age of 80, after completing His teaching mission, He entered Nirvana at Kusinara, leaving behind millions of followers, among them were His wife Yasodara and His son Rahula, and a lot of priceless doctrinal treasures considered even today as precious moral and ethical models. In short, there are eight periods of Buddha's life. First, descending from the Tushita Heaven Palace, or descend into and abode in the Tusita heaven. Second, abode at the Tushita and visibly preached to the devas. Third, entry into his mother's womb (Queen Maha Maya). Fourth, birth from his mother's side in Limbini. Fifth, leaving the home life (leaving home at the age of 29 as a hermit). Sixth, subduing mara and accomplishing the Way. After six years suffering, subduing mara and attaining enlightenment. Seventh, turning the Dharma wheel (rolling the Law-wheel or preaching). Eighth, entering nirvana (Parinirvana) at the age of 80.

According to Fa-Hsien in the Records of the Western Lands, there were a lot of stupas associated with some activities of the historical Buddha; however, he only mentioned some that attracted his attention, or some he thought they were important enough to record in his journal. They usually were stupas that were built over the places of commemoration of the Buddha. *First*, where Prince Siddhartha Gautama was born at Lumbini garden. *Second*, where Prince Siddhartha Gautama, having left the city by Eastern gate, saw a sick man and ordered His charioteer Channa to return to the palace at Kapilavastu. *Third*, where Prince Siddhartha Gautama dismissed His charioteer Channa and His white horse Kanthaka in the country of Ràmagràma. *Fourth*, where the Buddha practiced austerity for six years. *Fifth*, where the Buddha once bathed and a deity lowered a branch of a tree for Him to hold on and step out of the water. *Sixth*, where the maidens of Gramika offered milk and rice to the Prince. *Seventh*, where the Buddha sat facing east on a rock under a great tree and ate rice. *Eighth*, where Prince Siddhartha Gautama attained Buddhahood at Gaya. *Ninth*, where the Buddha, seven days after His enlightenment looked at the Bodhi Tree and enjoyed the bliss of emancipation at Gaya. *Tenth*, where the Buddha walked from east to west for seven days under the Bodhi Tree at Gaya. *Eleventh*, where the

deities raised a terrace made of seven precious substances to make offerings to the Buddha for seven days at Gaya. *Twelfth*, where the Buddha sat on a square rock facing east under a Nyagrodha tree when Brahma came to invite Him to preach the Dharma at Gaya. *Thirteenth*, where four celestial kings presented Him with an alms-bowl at Gaya. *Fourteenth*, where five hundred merchants offered Him flour and honey at Gaya. *Fifteenth*, where the Buddha sat facing east, preached the first sermon and converted Kaundinya and his companions at Varanasi in the Deer Park. *Sixteenth*, where he predicted the future of Maitreya Buddha at Varanasi in the Deer Park. *Seventeenth*, where the dragon Elàpattrā asked the Buddha when he could be free from his dragon form at Varanasi in the Deer Park. *Eighteenth*, where the Buddha converted the three Kasyapa brothers and their thousand disciples at Gaya. *Nineteenth*, where the Buddha returned to see His father after His Enlightenment at Kapilavastu. *Twentieth*, where the earth quaked six times when five hundred princes of the Sakya clan worshipped Upali after having renounced their home at Kapilavastu. *Twenty-first*, where the Buddha preached the Dharma to the deities while the four celestial kings guarded the four gates of the half to prevent king Suddhodana from entering at Kapilavastu. *Twenty-second*, where the Buddha sat facing east under a nigrodha tree while Mahaprajapati offered Him a robe at Kapilavastu. *Twenty-third*, where gods Sakra and Brahma came down to earth from Trayastrimsa heaven along with the Buddha at Samkasya. *Twenty-fourth*, where nun Uptala was the first to worship the Buddha when He came down from Trayastrimsa at Samkasya. *Twenty-fifth*, where the Buddha expounded the Dharma to His disciples at Kanyakubja. *Twenty-sixth*, where the Buddha preached the Law, where He walked and where He sat at Hari village. *Twenty-seventh*, where the Buddha preached for the salvation of men, where He walked and where He sat at Sravasti city. Each stupa had a distinctive name. *Twenty-eighth*, where the Buddha stood by the roadside when king Virudhaka set out to attack the Sakya clan at Sravasti. *Twenty-ninth*, where king Virudhaka slaughtered the descendants of the Sakya Clan who had all attained to the first stage of Sainthood at Kapilavastu. *Thirtieth*, where the Buddha converted an evil demon, eight yojanas to the east of the garden of Ghoshira at Kausamba. *Thirty-first*, where the Buddha lived, where He walked at

Champa. *Thirty-second*, where the Buddha left Vaisali with His disciples by the west gate and turning to the right looked back at the city and said: “This is the last place I have visited”. *Thirty-third*, where the Buddha lying in a golden coffin received homage for seven days at Kusinara. *Thirty-fourth*, where Vajrapanni laid down his golden mace at Kusinara. *Thirty-fifth*, where the Buddha entered into Nirvana at Kusinara.

## ***II. The Saha World:***

The Saha or worldly world is also called the Jambudvipa. It is so named either from the Jambu trees abounding in it, or from an enormous Jambud tree on Mount Meru visible like a standard to the whole continent. Saha means sufferings and afflictions; it also means worries, binding, unable to be free and liberated. The worldly world is full of storm, conflict, hatred and violence. Jambudvipa is a small part of Saha World, the continent south of Mount Sumeru on which, according to ancient Indian cosmology, human beings live. In Buddhism, it is the realm of Sakyamuni Buddha. The world in which we live is an impure field, and Sakyamuni is the Buddha who has initiated its purification. People in this world endure many sufferings stemming from three poisons of greed, anger and delusion as well as earthly desires. The Saha World is filled with dirt, rocks, thorns, holes, canyons, hills, cliffs. There are various sufferings regarding thirst, famine, hot, and cold. The people in the Saha World like wicked doctrines and false dharma; and do not have faith in the proper dharma. Their lives are short and many are fraudulent. Kings and mandarins, although already have had lands to govern and rule, are not satisfied; as they become greedy, they bring forces to conquer other countries causing innocent people to die in vain. In addition, there are other infinite calamities such as droughts, floods, loss of harvest, thirst, famine, epidemics, etc. As for this Saha World, the favorable circumstances to cultivate in peace and contentment are few, but the unfavorable conditions of afflictions destroying path that are rather losing Bodhi Mind they developed in the beginning. Moreover, it is very difficult to encounter a highly virtuous and knowledgeable advisor. According to the Buddha, the planet in which we are currently living is called Virtuous Southern Continent. It is situated to the south of Mount Sumeru and is just a tiniest part of the

Great World System of the Saha World in which Sakyamuni Buddha is the ruler.

Saha means sufferings and afflictions; it also means worries, binding, unable to be free and liberated. The worldly world is full of storm, conflict, hatred and violence. The world in which we live is an impure field, and Sakyamuni is the Buddha who has initiated its purification. People in this world endure many sufferings stemming from three poisons of greed, anger and delusion as well as earthly desires. The Saha World is filled with dirt, rocks, thorns, holes, canyons, hills, cliffs. There are various sufferings regarding thirst, famine, hot, and cold. The people in the Saha World like wicked doctrines and false dharma; and do not have faith in the proper dharma. Their lives are short and many are fraudulent. Kings and mandarins, although already have had lands to govern and rule, are not satisfied; as they become greedy, they bring forces to conquer other countries causing innocent people to die in vain. In addition, there are other infinite calamities such as droughts, floods, loss of harvest, thirst, famine, epidemics, etc. As for this Saha World, the favorable circumstances to cultivate in peace and contentment are few, but the unfavorable conditions of afflictions destroying path that are rather losing Bodhi Mind they developed in the beginning. Moreover, it is very difficult to encounter a highly virtuous and knowledgeable advisor. According to the Buddha, the planet in which we are currently living is called Virtuous Southern Continent. It is situated to the south of Mount Sumeru and is just a tiniest part of the Great World System of the Saha World in which Sakyamuni Buddha is the ruler. Thus, "Saha" also called the place that which bears, the earth, interpreted as bearing, enduring; the place of good and evil; a universe, or great chiliocosm, where all are subject to transmigration and which a Buddha transforms; it is divided into three regions and Mahabrahma Sahampati is its lord. World of endurance refers to our world which is filled with sufferings and affections, yet gladly enjoyed and endured by its inhabitants. According to Buddhism, Jambudvipa is the human world, the world in which we are living. Jambudvipa is a small part of Saha World, the realm of Sakyamuni Buddha. The southernmost of the four great land masses (catu-dvipa) of traditional Buddhist cosmology. It is said to be named after the Jambu tree that grows there. It measures 2,000 yojanas

on three sides, and its fourth side is only three-and-a-half yojanas long. The Southern Continent, one of the four continents, that situated south of Mount Meru, comprising the world known to the early Indian. According to Eitel in *The Dictionary of Chinese-English Buddhist Terms*, Jambudvīpa includes the following countries around the Anavatapta lake and the Himalayas. The North region includes Huns-Mongolians-Turks; the East region includes China-Korea-Japan; the South region includes Northern India (twenty-seven kingdoms), Eastern India (ten kingdoms), Southern India (fifteen kingdoms), Central India (thirty kingdoms, and Western Indian (thirty-four kingdoms).

### ***III. Sakyamuni Tathagata's Salvation of Sentient Beings:***

Salvation may be understood as the deliverance of someone from destruction, sufferings, afflictions, and so on, and to bring that person to the state of being safe from destructive forces, natural or supernatural. To other religions, salvation means deliverance from sin and death, and admission to a so-called “Eternal Paradise”. These are religions of deliverance because they give promise of some form of deliverance. They believe that a person’s will is important, but grace is more necessary and important to salvation. Those who wish to be saved must believe that they see a supernatural salvation of an almighty creator in their lives. In Buddhism, the concept of salvation is strange to all sincere Buddhists. One time, the Buddha told His disciples: “The only reason I have come into the world is to teach others. However, one very important thing is that you should never accept what I say as true simply because I have said it. Rather, you should test the teachings yourselves to see if they are true or not. If you find that they are true and helpful, then practice them. But do not do so merely out of respect for me. You are your own savior and no one else can do that for you.” One other time, the Buddha gently patted the crazy elephant and turned to tell Ananda: “The only way to destroy hatred is with love. Hatred cannot be defeated with more hatred. This is a very important lesson to learn.” Before Nirvana, the Buddha himself advised his disciples: “When I am gone, let my teachings be your guide. If you have understood them in your heart, you have no more need of me. Remember what I have taught you. Craving and desire are the cause of

all sufferings and afflictions. Everything sooner or later must change, so do not become attached to anything. Instead devote yourselves to clearing your minds and finding true and lasting happiness.” These are the Buddha’s golden speeches on some of the concepts of salvation.

*There are four reasons for a Tathagata’s appearing in the world: The first reason is Introduction:* To disclose, or to open up treasury of truth, or to introduce and open the Buddhas’ views and knowledge to sentient beings; so they can follow, learn, understand the truths, and clearly distinguish right from wrong. *The second reason is Guidance:* To display or to indicate the meanings of Buddhas’ teachings, or to teach sentient beings to learn and practice the views and knowledge introduced by Buddhas, to help them know clearly the proper path from the improper path, right from wrong, in order to eliminate the various false views and knowledge. *The third reason is Awaken:* Awaken means to realize or to cause men to apprehend it, or to be awakened to the Buddha Dharmas, avoid false doctrines in order to escape from sufferings of births and deaths in the three evil paths of hell, hungry ghost, and animal, and be able to be reborn in the more peaceful and happier realms of heaven and human. *The fourth reason is Penetration:* To enter, or to lead them into it, or to penetrate deeply into the enlightenment fruit of the saintly beings, being able to transcend and to find liberation from the cycle of rebirths.

*Four ways the Tathagata used to save sentient beings:* According to Tao-Ch’o (562-645), one of the foremost devotees of the Pure Land school, in his Book of Peace and Happiness, one of the principal sources of the Pure Land doctrine. All the Buddhas save sentient beings in four ways. *First*, by oral teachings such recorded in the twelve divisions of Buddhist literature. *Second*, by their physical features of supernatural beauty. *Third*, by their wonderful powers and virtues and transformations. *Fourth*, by recitating of their names, which when uttered by beings, will remove obstacles and result their rebirth in the presence of the Buddha. It is difficult for ordinary people like us to understand the teaching with infinite compassion of Buddhas and Bodhisattvas. Sometimes, they use their speech to preach the dharma, but a lot of times they use their way of life such as retreating in peace, strictly following the precepts to show and inspire others to cultivate the way. “Temporary manifestation for saving beings” means

temporarily appear to save sentient beings. The power of Buddhas and Bodhisattvas to transform themselves into any kind of temporal body in order to aid beings.

*Tathagatas and Bodhisattvas also save all sentient beings by “Breaking (disproving) the false and making manifest the right”:* According to the Madhyamika School, the doctrine of the school has three main aspects, the first aspect is the “refutation itself of a wrong view, at the same time, the elucidation of a right view.” Refutation is necessary to save all sentient beings who are drowned in the sea of attachment while elucidation is also important in order to propagate the teaching of the Buddha. Refutation of all wrong views, refutation means to refute all views based on attachment. Also views such as the ‘self’ or atman, the theory of Brahmanic philosophers. The pluralistic doctrines of the Buddhist Abhidharma schools (Vaibhasika, Kosa, etc) and the dogmatic principles of Mahayana teachers are never passed without a detailed refutation. The Realistic or all exists, and the Nihilistic or nothing exists are equally condemned. Elucidation of the good cause means elucidation of a right view. According to Prof. Takakusu in *The Essentials of Buddhist Philosophy*, the Madhyamika School strongly believed that the truth can be attained only by negation or refutation of wrong views within and without Buddhism, and of errors of both the Great and Small Vehicles. When retaining wrong views or error, one will be blind to reason. How can a blind man get a right view without which the two extremes can never be avoided? The end of verbal refutation is the dawn of the Middle Path. Refutation and refutation only, can lead to the ultimate truth. The Middle Path, which is devoid of name and character is really the way of elucidation of a right view.

***IV. The Image of the Tathagata in the Dharmapada Sutra:***

No one surpasses the one whose conquest is not turned into defeat again. By what track can you lead him? The Awakened, the all perceiving, the trackless? (Dharmapada 179). It is difficult to seduce the one that has eradicated all cravings and desires. By which way can you seduce him? The trackless Buddha of infinite range (Dharmapada 180). Even the gods envy the wise ones who are intent on meditation, who delight in the peace of renunciation (Dharmapada 181). It is



difficult to obtain birth as a human being; it is difficult to have a life of mortals; it is difficult to hear the Correct Law; it is even rare to meet the Buddha (Dharmapada 182). Not to do evil, to do good, and to purify one's mind, this is the teaching of the Buddhas (Dharmapada 183). The Buddhas say: "Nirvana is supreme, forbearance is the highest austerity. He is not a recluse who harms another, nor is he an ascetic who oppresses others." (Dharmapada 184). Not to slander, not to harm, but to restrain oneself in accordance with the fundamental moral codes, to be moderate in eating, to dwell in secluded abode, to meditate on higher thoughts, this is the teaching of the Buddhas (Dharmapada 185). Even a shower of gold pieces cannot satisfy lust. A wise man knows that lusts have a short taste, but long suffering (Dharmapada 186). Even in heavenly pleasures the wise man finds no delight. The disciple of the Supremely Enlightened One delights only in the destruction of craving (Dharmapada 187). Men were driven by fear to go to take refuge in the mountains, in the forests, and in sacred trees (Dharmapada 188). But that is not a safe refuge or no such refuge is supreme. A man who has gone to such refuge, is not delivered from all pain and afflictions (Dharmapada 189). On the contrary, he who takes refuge in the Buddhas, the Dharma and the Sangha, sees with right knowledge (Dharmapada 190). With clear understanding of the four noble truths: suffering, the cause of suffering, the destruction of suffering, and the eightfold noble path which leads to the cessation of suffering (Dharmapada 191). That is the secure refuge, the supreme refuge. He who has gone to that refuge, is released from all suffering (Dharmapada 192). It is difficult to find a man with great wisdom, such a man is not born everywhere. Where such a wise man is born, that family prospers (Dharmapada 193). Happy is the birth of Buddhas! Happy is the teaching of the True Law! Happy is the harmony in the sangha! Happy is the discipline of the united ones! (Dharmapada 194). Whoever pays homage and offering, whether to the Buddhas or their disciples, those who have overcome illusions and got rid of grief and lamentation (Dharmapada 195). The merit of him who reverences such peaceful and fearless Ones cannot be measured by anyone (Dharmapada 196).

***V. The Last Teachings of Sakyamuni Tathagata:***

Beneath the Sala Trees at Kusinagara, the Sakyamuni Tathagata taught his last words to his disciples as follows: Make yourself a light. Rely upon yourself, do not depend upon anyone else. Make my teachings your light. Rely on them; do not rely on any other teaching. Consider your body, think of its impurity. Consider your body, knowing that both its pains and its delight are alike causes of suffering, how can you indulge in its desires? Consider your “self,” think of its transiency, how can you fall into delusion about it and cherish pride and selfishness, knowing that they must end in inevitable suffering and afflictions? Consider substances, can you find among them any enduring “self” ? Are they aggregates that sooner or later will break apart and be scattered? Do not be confused by the universality of suffering, but follow my teaching, even after my death, and you will be rid of pain. Do this and you will indeed be my disciples. My disciples, the teachings that I have given you are never be forgotten or abandoned. They are always to be treasured, they are to be thought about, they are to be practiced. If you follow these teachings, you will always be happy. My disciples, the point of the teachings is to control your own mind. Keep your mind from greed, and you will keep your behavior right; keep your mind pure and your words faithful. By always thinking about the transiency of your life, you will be able to resist greed and anger, and will be able to avoid all evils. If you find your mind tempted and so entangled in greed, you must try to suppress and control the temptation; be the master of your own mind. A man’s mind may make him a Buddha, or it may make him a beast. Misled by error, one becomes a demon; enlightened, one become a Buddha. Therefore, control your mind and do not let it deviate from the right path. You should respect each other, follow my teachings, and refrain from disputes. You should not like water and oil, repel each other, but should like milk and water, mingle together. My disciples, you should always study together, learn together, practise my teachings together. Do not waste your mind and time in idleness and quarreling. Enjoy the blossoms of Enlightenment in their season and harvest the fruit of the right path. My disciples, the teachings which I have given you, I gained by following the path myself. You should follow these teachings and conform to their spirit on every occasion. My disciples, if you neglect

them, it means that you have never really met me. It means that you are far from me, even if you are actually with me. But if you accept and practice my teachings, then you are very near to me, even though you are far away. My disciples, my end is approaching, our parting is near, but do not lament. Life is ever changing; none can escape the dissolution of the body. This I am now to show by my own death, my body falling apart like a dilapidated cart. Do not vainly lament, but realize that nothing is permanent and learn from it the emptiness of human life. Do not cherish the unworthy desire that the changeable might become unchanging. My disciples, you should always remember that the demon of worldly desires is always seeking chances to deceive the mind. If a viper lives in your room and you wish to have a peaceful sleep, you must first chase it out. You must break the bonds of worldly passions and drive them away as you would a viper. You must positively protect your own mind. My disciples, my last moment has come, do not forget that death is only the end of the physical body. The body was born from parents and was nourished by food; just as inevitable are sickness and death. But the true Buddha is not a human body: it is Enlightenment. A human body must die, but the Wisdom of Enlightenment will exist forever in the truth of the Dharma, and in the practice of the Dharma. He who sees merely my body does not see me. Only he who accepts and practices my teaching truly sees me. After my death, the Dharma shall be your teacher. Follow the Dharma and you will be true to me. During the last forty-five years of my life, I have withheld nothing from my teachings. There is no secret teaching, no hidden meaning; everything has been taught openly and clearly. My dear disciples, this is the end. In a moment, I shall be passing into Nirvana. This is my last instruction.

The Last Teachings of the Sakyamuni Tathagata were recorded by his disciples in the sutra on the last instructions, the sutra on transforming teaching handed down or bequeathed by the Sakyamuni Tathagata. The Buddha said: "I am neither a vaguely so-called God nor an incarnation of any vaguely so-called God. I am only a man who re-discovers what had been covered for so long. I am only a man who attains enlightenment by completely comprehending all Noble Truths." In fact, the Buddha is a man who deserves our respect and reverence not only as a teacher but also as a Saint. He was a man, but an

extraordinary man, a unique being in the universe. All his achievements are attributed to his human effort and his human understanding. He achieved the highest mental and intellectual attainments, reached the supreme purity and was perfect in the best qualities of human nature. He was an embodiment of compassion and wisdom, two noble principles in Buddhism. The Buddha never claimed to be a savior who tried to save 'souls' by means of a revelation of other religions. The Buddha's message is simple but priceless to all of us: "Infinite potentialities are latent in man and that it must be man's effort and endeavor to develop and unfold these possibilities. That is to say, in each man, there exists the Buddha-nature; however, deliverance and enlightenment lie fully within man's effort and endeavor."

When it was about time for Him to enter Nirvana, the Sakyamuni Tathagata uttered His last words: "Nothing in this world is precious. The human body will disintegrate. Only is Dharma precious. Only is Truth everlasting." When the day of the Buddha's passing away was drawing near, and the Bhiksus were reluctant for the parting. The Buddha instructed them saying: "The Buddha's incarnation body cannot stay in the world forever. This is the natural law. But my dharma can live on for a long time. You should observe and practice according to my teachings." Ananda and others then consulted the Buddha on four things of the Buddha's disciples after the Buddha's passing away. Right before entering Nirvana, beneath the Sala Trees at Kusinagara, the Buddha taught his last words to his disciples as follows: *First*, make yourself a light. Rely upon yourself, do not depend upon anyone else. *Second*, make my teachings your light. Rely on them; do not rely on any other teaching. *Third*, consider your body, think of its impurity. *Fourth*, consider your body, knowing that both its pains and its delight are alike causes of suffering, how can you indulge in its desires? *Fifth*, consider your "self," think of its transiency, how can you fall into delusion about it and cherish pride and selfishness, knowing that they must end in inevitable suffering and afflictions? *Sixth*, consider substances, can you find among them any enduring "self"? Are they aggregates that sooner or later will break apart and be scattered? *Seventh*, do not be confused by the universality of suffering, but follow my teaching, even after my death, and you will be rid of pain. Do this

and you will indeed be my disciples. *Eighth*, my disciples, the teachings that I have given you are never be forgotten or abandoned. They are always to be treasured, they are to be thought about, they are to be practiced. If you follow these teachings, you will always be happy. *Ninth*, my disciples, the point of the teachings is to control your own mind. Keep your mind from greed, and you will keep your behavior right; keep your mind pure and your words faithful. By always thinking about the transiency of your life, you will be able to resist greed and anger, and will be able to avoid all evils. *Tenth*, if you find your mind tempted and so entangled in greed, you must try to suppress and control the temptation; be the master of your own mind. *Eleventh*, a man's mind may make him a Buddha, or it may make him a beast. Misled by error, one becomes a demon; enlightened, one become a Buddha. Therefore, control your mind and do not let it deviate from the right path. *Twelfth*, you should respect each other, follow my teachings, and refrain from disputes. You should not like water and oil, repel each other, but should like milk and water, mingle together. *Thirteenth*, my disciples, you should always study together, learn together, practise my teachings together. Do not waste your mind and time in idleness and quarreling. Enjoy the blossoms of Enlightenment in their season and harvest the fruit of the right path. *Fourteenth*, my disciples, the teachings which I have given you, I gained by following the path myself. You should follow these teachings and conform to their spirit on every occasion. *Fifteenth*, my disciples, if you neglect them, it means that you have never really met me. It means that you are far from me, even if you are actually with me. But if you accept and practice my teachings, then you are very near to me, even though you are far away. *Sixteenth*, my disciples, my end is approaching, our parting is near, but do not lament. Life is ever changing; none can escape the disolution of the body. This I am now to show by my own death, my body falling apart like a dilapidated cart. *Seventeenth*, do not vainly lament, but realize that nothing is permanent and learn from it the emptiness of human life. Do not cherish the unworthy desire that the changeable might become unchanging. *Eighteenth*, my disciples, you should always remember that the demon of worldly desires is always seeking chances to deceive the mind. If a viper lives in your room and you wish to have a peaceful sleep, you must first chase it out.

You must break the bonds of worldly passions and drive them away as you would a viper. You must positively protect your own mind. *Nineteenth*, my disciples, my last moment has come, do not forget that death is only the end of the physical body. The body was born from parents and was nourished by food; just as inevitable are sickness and death. *Twentieth*, but the true Buddha is not a human body: it is Enlightenment. A human body must die, but the Wisdom of Enlightenment will exist forever in the truth of the Dharma, and in the practice of the Dharma. He who sees merely my body does not see me. Only he who accepts and practices my teaching truly sees me. *Twenty-first*, after my death, the Dharma shall be your teacher. Follow the Dharma and you will be true to me: *Twenty-Second*, during the last forty-five years of my life, I have withheld nothing from my teachings. There is no secret teaching, no hidden meaning; everything has been taught openly and clearly. My dear disciples, this is the end. In a moment, I shall be passing into Nirvana. This is my last instruction.

According to the Mahaparinirvana Sutra in the Digha Nikaya, volume 16, the Buddha compassionately reminded Ananda: “It is through not understanding the Four Noble Truths, o Bhiksus, that we have had to wander so long in this weary path of rebirth, both you and I!” On his last days, the Buddha always reminded his disciples to be mindful and self-possessed in learning the Three-fold training “Such is right conduct, such is concentration, and such is wisdom.” In His last instructions to the Order, the Buddha told Ananda: “The Tathagata does not think that he should lead the Order or the Order is dependent on Him. Therefore, Ananda, be lamps to yourselves. Be a refuge to yourselves. Go to no external refuge. Hold fast to the Dharma as a lamp. Hold fast to the Dharma as a refuge. And how, O Ananda, is a Bhiksu to be a lamp to himself, a refuge to himself, going to no external refuge, holding fast to the Dharma as a lamp? Herein, a Bhiksu lives diligent, mindful, and self-possessed, overcoming desire and grief in the world, reflecting on the body, feeling, and mind and mental objects.” In Kusinagara, the Sakyamuni Tathagata told his last disciple, Subhadda: “O Subhadda, in whatever doctrine, the Noble Eightfold Path is not found, neither is there found the first Samana, nor the second, nor the third, nor the fourth. Now in this doctrine and discipline, O Subhadda, there is the Noble Eightfold Path, and in it too,

are found the first, the second, the third and the fourth Samanas. The other teachers' schools are empty of Samanas. If, O Subhadda, the disciples live rightly, the world would not be void with Arahants. Void of true Saints are the system of other teachers. But in this one, may the Bhiksus live the perfect life, so that the world would not be without saints." Then the Sakyamuni Tathagata turned to everyone and said his final exhortation: "Remember what I have taught you. Craving and desire are the cause of all unhappiness. Everything sooner or later must change, so do not become attached to anything. Instead, devote yourself to clearing your mind and finding true and lasting happiness. Behold now, O Bhiksus, I exhort you! Subject to change are all component things! Strive on with diligence!"

***VI. The Priceless Message from Sakyamuni Tathagata:***

After attaining enlightenment and more than four decades of spreading message of the truth regarding the Four Noble Truths (More information in Chapter 15, page 107). This message is one of the most important parts in the Buddha's Teachings. The Buddha gave this message to suffering humanity for their guidance, to help them to be rid of the bondage of "Dukkha" and to attain happiness, both relative and absolute (relative happiness or worldly happiness, absolute happiness or Nirvana). These Truths are not the Buddha's creation. He only re-discovered their existence. The Buddha said: "I am neither a vaguely so-called God nor an incarnation of any vaguely so-called God. I am only a man who re-discovers what had been covered for so long. I am only a man who attains enlightenment by completely comprehending all Noble Truths." In fact, the Buddha is a man who deserves our respect and reverence not only as a teacher but also as a Saint. He was a man, but an extraordinary man, a unique being in the universe. All his achievements are attributed to his human effort and his human understanding. He achieved the highest mental and intellectual attainments, reached the supreme purity and was perfect in the best qualities of human nature. He was an embodiment of compassion and wisdom, two noble principles in Buddhism. The Buddha never claimed to be a savior who tried to save 'souls' by means of a revelation of other religions. The Buddha's message is simple but priceless to all of us: "Infinite potentialities are latent in

man and that it must be man's effort and endeavor to develop and unfold these possibilities. That is to say, in each man, there exists the Buddha-nature; however, deliverance and enlightenment lie fully within man's effort and endeavor."



**Chương Mười Tám**  
**Chapter Eighteen**

**Đức Hạ Sanh Di Lặc Như Lai**  
**Và Cõi Đông Tịnh Độ**

**I. Hạ Sanh Di Lặc Tôn Như Lai:**

Di Lặc, còn gọi là Từ Thị và Vô Năng Thắng, là bậc đã thoát khỏi tam độc tham, sân, si. Đây là vị Phật trong tương lai (Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật), hiện đang trụ tại cung trời Đâu Suất, chuẩn bị cho sự tái sanh cuối cùng của Ngài như là vị Phật cuối cùng trong hiền kiếp (kiếp hiện tại). Hiện nay trên khắp thế giới người ta sáng lập ra trường phái Di Lặc, trong đó Phật tử tu tập và cầu được tái sanh vào thời có Đức Phật Di Lặc trên thế giới này, mà người ta tin sẽ xảy đến trong vòng 30.000 năm tới. Một nhân vật bí ẩn trong trường phái Du Già, có lẽ sống vào khoảng những thế kỷ thứ tư hay thứ năm. Người ta cho rằng ngài là tác giả của năm bộ luận và chính tác giả này là Phật Di Lặc trong tương lai, người mà người ta cho rằng ngài Vô Trước đã được gặp một vài lần. Di Lặc, còn gọi là Từ Thị và Vô Năng Thắng, là bậc đã thoát khỏi tam độc tham, sân, si. Di Lặc là vị Bồ Tát sẽ là vị Phật kế tục Phật Thích Ca. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thọ ký rằng Bồ Tát Di Lặc về sau này sẽ thành Phật, vị Phật nối tiếp Phật Thích Ca. Di Lặc là hình ảnh một vị Phật tương lai rất nổi tiếng trong khoa nghệ thuật Phật Giáo, Ngài nổi tiếng ở các nước miền Đông Á Châu với hình ảnh của một vị Phật cười, bụng phệ. Di Lặc vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong tương lai. Ngài đã tái sanh và trụ nơi cõi trời Đâu Suất, hiện Ngài đang thuyết pháp cho chư Thiên trong Đâu Suất Thiên Nội Viện. Ngài sẽ thị hiện 5.000 năm sau khi Phật Thích Ca nhập Niết Bàn. Có thuyết nói rằng ngài thị hiện sau Đức Thích Ca 4.000 năm cõi trời, từ khoảng 5 tỷ 670 triệu năm cõi người. Theo truyền thuyết thì ngài hạ sanh vào một gia đình Bà La Môn ở vùng Nam Ấn. Di Lặc có hai danh hiệu: Thứ nhất là Từ Thị: Từ Thị Bồ Tát mà hình tượng của ngài thường thấy trong sảnh đường thờ Tứ Thiên Vương, xây mặt ra ngoài. Ngài thường được biểu hiện bằng một vị Phật to béo và luôn miệng cười. Thứ nhì là A Dật Đa: Vô Năng Thắng Bồ Tát.

Kinh Duy Ma Cát có nói về việc đức Di Lạc và ngài Duy Ma Cát về việc Di Lạc Bồ Tát không kham lãnh thăm bệnh Duy Ma Cát. Thời Phật còn tại thế, có lúc cư sĩ Duy Ma Cát bị bệnh, Phật mới bảo Bồ Tát Di Lạc: “Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cát đùm ta.” Di Lạc bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lại lúc trước con nói hạnh ‘bất thối chuyển,’ cho vị Thiên Vương ở cõi trời Đâu Suất và quyến thuộc của người, lúc ấy ông Duy Ma Cát đến nói với con rằng: ‘Ngài Di Lạc! Thế Tôn thọ ký cho ngài một đời sẽ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là đời nào mà ngài được thọ ký? Đời quá khứ chăng? Đời vị lai chăng? Đời hiện tại chăng?? Nếu là đời quá khứ thời quá khứ đã qua. Nếu là đời vị lai thời vị lai chưa đến. Nếu là đời hiện tại thời hiện tại không dừng trụ. Như Phật nói: “Nầy Tỳ Kheo! Như ông ngay bây giờ cũng sanh, cũng già, cũng chết!” Nếu dùng vô sanh mà được thọ ký, thì vô sanh tức là chánh vị, ở trong chánh vị cũng không thọ ký, cũng không được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nào Di Lạc được thọ ký một đời ư? Là từ “Như” sanh mà được thọ ký, mà như không có sanh. Nếu từ như diệt được thọ ký, mà như không có diệt. Tất cả chúng sanh đều như, các Thánh Hiền cũng đều như, cho đến Di Lạc cũng như. Nếu Di Lạc được thọ ký, tất cả chúng sanh cũng phải được thọ ký. Vì sao? Vì như không hai không khác. Nếu Di Lạc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả chúng sanh cũng đều được. Vì sao? Tất cả chúng sanh chính là tướng Bồ Đề. Nếu Di Lạc được diệt độ, tất cả chúng sanh cũng phải diệt độ. Vì sao? Chư Phật biết tất cả chúng sanh rốt ráo vắng lặng, chính là tướng Niết Bàn, chẳng còn diệt nữa. Cho nên Di Lạc, chớ dùng pháp đó dạy bảo các Thiên tử, thật không có chi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có chi thối lui. Ngài Di Lạc! Phải làm cho các vị Thiên tử này bỏ chỗ kiến chấp phân biệt Bồ Đề. Vì sao? Bồ Đề không thể dùng thân được, không thể dùng tâm được. Tịch diệt là Bồ Đề, vì diệt các tướng; chẳng nhận xét là Bồ Đề, vì ly các duyên; chẳng hiện hạnh là Bồ Đề, vì không ghi nhớ; đoạn là Bồ Đề, vì bỏ các kiến chấp; ly là Bồ Đề, vì lìa các vọng tưởng; chướng là Bồ Đề, vì ngăn các nguyện; bất nhập là Bồ Đề, vì không tham đắm; thuận là Bồ Đề, vì thuận chơn như; trụ là Bồ Đề, vì trụ pháp tánh; đến là Bồ Đề, vì đến thực tế; bất nhị là Bồ Đề, vì ly ý pháp; bình đẳng là Bồ Đề, vì đồng hư không; vô vi là Bồ Đề, vì không sanh trụ dị diệt; tri là Bồ Đề, vì rõ tâm hạnh chúng sanh; không hội là

Bồ Đề, vì nhập không nhóm; không hiệp là Bồ Đề, vì rời tập khí phiền não; không xứ sở là Bồ Đề, vì không hình sắc; giả danh là Bồ Đề, vì danh tự vốn không như; huyền hóa là Bồ Đề, vì không thủ xả; không loạn là Bồ Đề, vì thường tự vắng lặng; thiện tịch là Bồ Đề, vì tánh thanh tịnh; không thủ là Bồ Đề, vì rời phan duyên; không khác là Bồ Đề, vì các Pháp đồng đẳng; không sánh là Bồ Đề, vì không thể thí dụ; vi diệu là Bồ Đề, vì các Pháp khó biết. Di Lặc Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy, hai trăm vị Thiên tử chứng được Vô sanh pháp nhãn. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

Đức Hạ Sanh Di Lặc Như Lai được công nhận và tôn trọng trong cả hai truyền thống Đại Thừa và Nguyên Thủy. Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật là một vị Bồ Tát nổi tiếng, được các tông phái thừa nhận, nhất là Phật Giáo Nguyên Thủy và Phật Giáo Đại Thừa. Có một câu chuyện về sự buông xả của Bồ Tát Di Lặc như sau: Thuở xa xưa khi Ngài Bồ Tát Di Lặc còn trong kiếp của một vị Tăng bụng bự, hay cười, với một cái túi vải thường trực trên lưng. Ngài thường du hành về những vùng quê xin của bố thí rồi đem cho những người nghèo qua lại bên đường. Ngài thường ngồi dưới gốc cây, và kể những chuyện về Phật giáo cho đám trẻ nhóc bu quanh. Một vị Tăng trưởng lão thời bấy giờ nhận thấy như vậy cho rằng ngài Di Lặc có hạnh kiêu kém cõi. Một hôm vị Tăng này chặn đường Bồ Tát Di Lặc để thử ngài bằng câu hỏi sau, “Này ông Tăng già kia, hãy nói cho ta xem, ông nghĩ gì về Phật pháp?” Bồ Tát Di Lặc ngừng lại giây lát, nhìn vào mắt vị Tăng, đoạn buông bỏ cái bị vải xuống đất. Trong khi vị Tăng còn đang bối rối không hiểu ngài Di Lặc muốn gì qua hành động ấy, thì ngài Di Lặc cúi xuống nhặt lấy cái bị vải và rảo bước đi. Bỏ cái bị vải hay “buông xả,” “tha thứ” hay “quên đi” là giáo pháp của vị Phật tương lai hay Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật. Trong Phật giáo, vẫn còn bộ kinh mang tên Hạ Sanh Di Lặc Thành Phật. Kinh ghi lại rằng sau thời Phật Thích ca nhập diệt thì thế giới Ta Bà bước vào một thời kỳ không có Phật. Hiện thời Đức Di Lặc đang thuyết pháp trên cung trời Đâu Suất, Ngài sẽ xuất hiện và thành Phật trong hội Long Hoa. Kinh được Ngài Cưu Ma La Thập dịch sang Hán tự.

## ***II. Đức Hạ Sanh Di Lạc Như Lai Và Cõi Đông Tịnh Độ:***

Đông Tịnh Độ của Đức Hạ Sanh Di Lạc Tôn Như Lai. Theo Phật giáo, Di Lạc là tên của vị Bồ Tát sẽ là vị Phật kế tục Phật Thích Ca. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai đã thọ ký rằng Bồ Tát Di Lạc về sau này sẽ thành Phật, vị Phật nối tiếp Phật Thích Ca. Tuy nhiên, Bồ Tát Di Lạc không có nguyện tiếp dẫn chúng sanh. Ngài nổi tiếng ở các nước miền Đông Á Châu với hình ảnh của một vị Phật cười, bụng phệ. Theo truyền thuyết Phật giáo, Ngài đã tái sanh và trụ nơi cõi trời Đâu Suất, hiện Ngài đang thuyết pháp cho chư Thiên trong Đâu Suất Thiên Nội Viện. Ngài sẽ thị hiện 5.000 năm sau khi Phật Thích Ca nhập Niết Bàn. Có thuyết nói rằng ngài thị hiện sau Đức Thích Ca 4.000 năm cõi trời, từ khoảng 5 tỷ 670 triệu năm cõi người. Theo truyền thuyết thì ngài hạ sanh vào một gia đình Bà La Môn ở vùng Nam Ấn. Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật là một vị Bồ Tát nổi tiếng, được các tông phái thừa nhận, nhất là Phật Giáo Nguyên Thủy và Phật Giáo Đại Thừa. Có một câu chuyện về sự buông xả của Bồ Tát Di Lạc như sau: Thuở xa xưa khi Ngài Bồ Tát Di Lạc còn trong kiếp của một vị Tăng bụng bự, hay cười, với một cái túi vải thường trực trên lưng. Ngài thường du hành về những vùng quê xin của bố thí rồi đem cho những người nghèo qua lại bên đường. Ngài thường ngồi dưới gốc cây, và kể những chuyện về Phật giáo cho đám trẻ nhóc bu quanh. Một vị Tăng trưởng lão thời bấy giờ nhận thấy như vậy cho rằng ngài Di Lạc có hạnh kiểm kém cõi. Một hôm vị Tăng này chặn đường Bồ Tát Di Lạc để thử ngài bằng câu hỏi sau, “Này ông Tăng già kia, hãy nói cho ta xem, ông nghĩ gì về Phật pháp?” Bồ Tát Di Lạc ngừng lại giây lát, nhìn vào mắt vị Tăng, đoạn buông bỏ cái bị vải xuống đất. Trong khi vị Tăng còn đang bối rối không hiểu ngài Di Lạc muốn gì qua hành động ấy, thì ngài Di Lạc cúi xuống nhặt lấy cái bị vải và rảo bước đi. Bỏ cái bị vải hay “buông xả,” “tha thứ” hay “quên đi” là giáo pháp của vị Phật tương lai hay Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật. Trong Phật giáo, vẫn còn bộ kinh mang tên Hạ Sanh Di Lạc Thành Phật. Kinh ghi lại rằng sau thời Phật Thích ca nhập diệt thì thế giới Ta Bà bước vào một thời kỳ không có Phật. Hiện thời Đức Di Lạc đang thuyết pháp trên cung trời Đâu Suất, Ngài sẽ xuất hiện và thành Phật trong hội Long Hoa. Kinh này được Ngài Cưu Ma La Thập dịch sang Hán tự. Hiện nay trên khắp thế giới người ta sáng lập ra trường phái Di Lạc, trong đó Phật tử tu tập và cầu được tái sanh

vào thời có Đức Phật Di Lặc trên thế giới này, mà người ta tin sẽ xảy đến trong vòng 30.000 năm tới.

***The Tathagata-to-Come Maitreya  
& His Paradise of the East***

***I. Metteya, the Tathagata-To-Come:***

Bodhisatta Metteya, the Unconquerable, or one who is free from the three poisons of greed, hatred, and ignorance. This is the future Buddha, who presently resides in the Tusita in preparation for his last rebirth, in which he will be born as the last Buddha of the present age. Today people found the tradition of Maitreya throughout the Buddhist world, where Buddhists practice and pray to be reborn on this earth at the time of his appearance, believed to be about 30,000 years in the future. An enigmatic figure in the Yogacara tradition, who probably lived during the fourth or fifth centuries and who is credited with the authorship of five important treatises, this author is actually the future Buddha Maitreya, with whom Asanga is said to have met on a number of occasions. Metteya also called Love, Benevolent, the Unconquerable, or one who is free from the three poisons of greed, hatred, and ignorance. Metteya, the Buddha-to-come, also called the next Buddha, or a Bodhisattva predicted to succeed Sakyamuni as a future Buddha. The Bodhisattva who will be the next holder of the supreme office of Buddha. Maitreya Buddha is the image the Buddha-to-come, which is very popular in Buddhist art. He is well known East Asia as a laughing figure with a fat belly. Metteya, a Bodhisattva and future Buddha. He is said to have been reborn in the Tusita Heaven, where he is now expounding the Dharma to the heavenly beings in the inner palace. He is to come 5,000 years after the nirvana of Sakyamuni, or according to the other reckoning after 4,000 heavenly years, i.e. 5,670,000,000 human years. According to tradition he was born in Southern India of a Brahman family. Metteya has two epithets: The first epithet is Benevolent Bodhisattva: His image is usually in the hall of the four guardians facing outward, where he is represented as the fat laughing Buddha. The second epithet is Ajita: Bodhisattva or Invincible Bodhisattva.

The Vimalakirti Sutra did mention the event regarding Maitreya Bodhisattva is not qualified to call on Vimalakirti and enquire after his health: At the time of the Buddha, once Upasaka Vimalakirti was sick, the Buddha then said to Maitreya Bodhisattva: “You go to Vimalakirti to enquire after his health on my behalf.” Maitrey replied: “World Honoured One, I am not qualified to call on him and enquire after his health. The reason is that once when I was expounding to the deva-king and his retinue in the Tusita heaven the never-receding stage (of Bodhisattva development into Buddhahood) Vimalakirti came and said to me: ‘Maitreya, when the World Honoured One predicted your future attainment of supreme enlightenment (anuttara-sayak-sambodhi) in one lifetime, tell me in which life, whether in the past, future or present, did or will you receive His prophecy? If it was in your past life, that has gone; if it will be in your future life, that has not yet come; and if it is in your present life, that does not stay. As the Buddha once said: ‘O bhiksus, you are born, are ageing and are dying simultaneously at this very moment’; if you received His prophecy in a lifeless (state), the latter is prediction (of your future Buddhahood) nor realization of supreme enlightenment. How then did you receive the prediction of your attainment of Buddhahood in one lifetime? Or did you receive it in the absolute state (thatness or tathata) of either birth or death? If you receive it in the absolute state of birth, this absolute state is uncreated. If you receive it in the absolute state of death, this absolute state does not die. For (the underlying nature of) all living beings and of all things is absolute; all saints and sages are in this absolute state, and so also are you, Maitreya. So, if you, Maitreya, received the Buddhahood, all living beings (who are absolute by nature) should also receive it. Why? Because that which is absolute is non-dual and is beyond differentiation. If you, Maitreya, realize supreme enlightenment, so should all living beings. Why? Because they are the manifestation of bodhi (enlightenment). If you, Maitreya, win nirvana, they should also realize it. Why? Because all Buddhas know that every living being is basically in the condition of extinction of existence and suffering which is nirvana, in which there can be no further extinction of existence. Therefore, Maitreya, do not mislead the deva because there is neither development of supreme bodhi-mind nor its backsliding. Maitreya, you should instead urge them to keep from discriminating views about

bodhi (enlightenment). Why? Because bodhi can be won by neither body nor mind. For bodhi is the state of calmness and extinction of passion (i.e. nirvana) because it wipes out all forms. Bodhi is unseeing, for it keeps from all causes. Bodhi is non-discrimination, for it stops memorizing and thinking. Bodhi cuts off ideation, for it is free from all views. Bodhi forsakes inversion, for it prevents perverse thoughts. Bodhi puts an end to desire, for it keeps from longing. Bodhi is unresponsive, for it wipes out all clinging. Bodhi complies (with self-nature), for it is in line with the state of suchness. Bodhi dwells (in this suchness), for it abides in (changeless) Dharma-nature (or Dharmata, the underlying nature of all things.) Bodhi reaches this suchness, for it attains the region of reality. Bodhi is non-dual, for it keeps from (both) intellect and its objects. Bodhi is impartial, for it is equal to boundless space. Bodhi is the non-active (we wei) state, for it is above the conditions of birth, existence and death. Bodhi is true knowledge, for it discerns the mental activities of all living beings. Bodhi does not unite, for it is free from all confrontation. Bodhi disentangles, for it breaks contact with habitual troubles (klesa). Bodhi is that of which the position cannot be determined, for it is beyond form and shape, and is that which cannot be called by name for all names (have no independent nature and so) are void. Bodhi is like the mindlessness of an illusory man, for it neither accepts nor rejects anything. Bodhi is beyond disturbance, for it is always serene by itself. Bodhi is real stillness, because of its pure and clean nature. Bodhi is non-acceptance, for it keeps from causal attachments. Bodhi is non-differentiating, because of its impartiality towards all. Bodhi is without compare, for it is indescribable. Bodhi is profound and subtle, for although unknowing, it knows all.' Maitreya said to the Buddha: "World Honoured One, when Vimalakirti so expounded the Dharma, two hundred sons of devas realized the patient endurance of the uncreate (anutpattika-dharma-ksanti). This is why I am not qualified to call on him and enquire after his health."

Maitreya is recognized and venerable in both Mahayana and Theravada traditions. Maitreya, predicted by Sakyamuni Buddha as the one destined to become the next human Buddha, enjoys the unique distinction of being the only Bodhisattva recognized throughout the entire Buddhist world, especially in Theravada as well as in Mahayana

Buddhism. A story about the Bodhisattva Maitreya illustrates the Buddhist concept of “letting go” as follow: In a long long time ago, Maitreya was in his incarnation as a laughing, big-bellied monk with a sack perpetually on his back. He used to travel about the countryside seeking alms and sharing them with whomever happened to be nearby. He would customarily sit under a tree, surrounded by urchins, to whom he would tell stories to illustrate Buddhist teachings. Seeing this, an elder monk of the time became annoyed at what he perceived as untoward conduct on the part of Maitreya. One day he stopped Maitreya at the corner of a street and tried to test him with the following question: ‘Old monk, please tell me, just what do you think is the essence of the Buddha’s teaching?’ Maitreya stopped for a moment, looked at him in the eye, and just let his sack fall to the ground. As the puzzled monk wondered what to make of this singular action, Maitreya bent down, picked up his sack and walked away. Dropping the sack, “letting go,” forgive and forget, that is the teaching of Maitreya, the future Buddha. In Buddhism, there still exists a sutra named the Maitreyavyakarana Sutra. The sutra mentioned that after the historical Buddha sakyamuni’s Nirvana, the whole Saha world entered a period without any Buddha (a Buddhaless period). At this time, the Buddha-to-be is still preaching in the Tushita. He will descend and become the Buddha in the “Long Hoa” assembly. The sutra was translated into Chinese by Kumarajiva.

## ***II. The Tathagata-to-Come Maitreya The Paradise of the East:***

The Eastern Paradise which is presided by Maitreya, the Coming Buddha. According to Buddhism, Maitreya is the Buddha-to-come, also called the next Buddha, or a Bodhisattva predicted to succeed Sakyamuni as a future Buddha. The Bodhisattva who will be the next holder of the supreme office of Buddha. However, Maitreya Bodhisattva does not have the “welcoming and escorting Vow”. Maitreya Buddha is very popular in Buddhist art. He is well known East Asia as a laughing figure with a fat belly. According to Buddhist legendary, He is said to have been reborn in the Tusita Heaven, where he is now expounding the Dharma to the heavenly beings in the inner palace. He is to come 5,000 years after the nirvana of Sakyamuni, or according to the other reckoning after 4,000 heavenly years, i.e.



5,670,000,000 human years. According to tradition he was born in Southern India of a Brahman family. Maitreya, predicted by Sakyamuni Buddha as the one destined to become the next human Buddha, enjoys the unique distinction of being the only Bodhisattva recognized throughout the entire Buddhist world, especially in Theravada as well as in Mahayana Buddhism. A story about the Bodhisattva Maitreya illustrates the Buddhist concept of “letting go” as follow: In a long long time ago, Maitreya was in his incarnation as a laughing, big-bellied monk with a sack perpetually on his back. He used to travel about the countryside seeking alms and sharing them with whomever happened to be nearby. He would customarily sit under a tree, surrounded by urchins, to whom he would tell stories to illustrate Buddhist teachings. Seeing this, an elder monk of the time became annoyed at what he perceived as untoward conduct on the part of Maitreya. One day he stopped Maitreya at the corner of a street and tried to test him with the following question: ‘Old monk, please tell me, just what do you think is the essence of the Buddha’s teaching?’ Maitreya stopped for a moment, looked at him in the eye, and just let his sack fall to the ground. As the puzzled monk wondered what to make of this singular action, Maitreya bent down, picked up his sack and walked away. Dropping the sack, “letting go,” forgive and forget, that is the teaching of Maitreya, the future Buddha. Today people found the tradition of Maitreya throughout the Buddhist world, where Buddhists practice and pray to be reborn on this earth at the time of his appearance, believed to be about 30,000 years in the future. In Buddhism, there still exists a sutra named the Maitreyavyakarana Sutra. The sutra mentioned that after the historical Buddha sakyamuni’s Nirvana, the whole Saha world entered a period without any Buddha (a Buddhaless period). At this time, the Buddha-to-be is still preaching in the Tushita. He will descend and become the Buddha in the “Long Hoa” assembly. The sutra was translated into Chinese by Kumarajiva.



***Phần Ba***  
***Huyền Nghiệp Của Chư Như Lai***

***Part Three***  
***Wonderful Works of Tathagatas***



**Chương Mười Chín**  
**Chapter Nineteen**

**Những Trần Bảo Vĩ Đại**  
**Của Chư Như Lai Mười Phương**

Trong mười phương thế giới, chư Phật có rất nhiều trần bảo, ở đây chúng ta chỉ kể ra một số trần bảo tiêu biểu mà thôi. **Thứ nhất là Ngũ Sở Y Độ:** Theo các truyền thống Phật giáo, có năm cõi sở y: Thứ nhất là Pháp Tính Độ: Cõi nương tựa của pháp thân thanh tịnh của Đức Như Lai, lấy Chân Như làm thể, nhưng thân và cõi đó không sai biệt. Thứ nhì là Thực Báo Độ: Tự Thọ Dụng Độ, cõi mà báo thân viên mãn của Đức Như Lai nương tựa vào, lấy năm uẩn vô lậu làm thể. Thứ ba là Sắc Tướng Độ: Cõi vi trần tướng hải của Đức Như Lai, lấy hậu đắc trí tự hành thể. Thứ tư là Tha Thọ Dụng Độ: Tha dụng thân của Đức Như Lai, lấy hậu đắc trí lợi tha làm thể. Thứ năm là Biến Hóa Độ: Cõi nương tựa của biến hóa thân, tùy theo tâm của chúng sanh mà biến hiện thành đủ mọi cõi nước tịnh uest. **Thứ nhì là Ngũ Thù Thắng Đức:** Đức Phật nhận được sự tôn kính của thế giới vì năm đức thù thắng sau đây: Hành vi thù thắng, kiến giải thù thắng, trí huệ thù thắng, minh thuyết thù thắng, và khả năng thù thắng dẫn đạo chúng sanh y đạo tu hành. **Thứ ba là Tứ Chủng Âm Thanh Quảng Đại Của Đức Như Lai:** Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Như Lai Xuất Hiện (37), âm thanh của Đức Như Lai không chủ không làm, không có phân biệt, chẳng phải nhập chẳng phải xuất, chỉ từ pháp lực công đức của Như Lai mà phát sanh bốn thứ âm thanh quảng đại: *Âm thanh quảng đại thứ nhất nói:* “Đại chúng nên biết tất cả hành pháp đều là khổ. Những là địa ngục khổ, súc sanh khổ, ngạ quỷ khổ, không phước đức là khổ, chấp ngã và ngã sở là khổ (chấp cái tôi và cái của tôi), tạo những ác hạnh là khổ. Muốn sanh lên cõi trời hay nhơn gian phải gieo căn lành, sanh trong nhơn thiên rời khỏi các chỗ nạn.” Chúng sanh nghe xong bỏ lia điên đảo tu những hạnh lành, rời khỏi những chỗ nạn mà sanh lên cõi nhơn thiên. *Âm thanh quảng đại thứ hai nói:* “Đại chúng nên biết tất cả hành pháp tràn đầy những khổ như hòn sắt nóng, hành pháp vô thường, là pháp diệt mất. Niết Bàn tịch tịnh vô vi an lạc lia xa khốn khổ, tiêu sạch nhiệt não.” Chúng sanh nghe xong siêng tu pháp lành, nơi Thanh

Văn thừa được tùy thuận âm thanh nhãn. *Âm thanh quảng đại thứ ba nói*: “Đại chúng nên biết Thanh Văn thừa do lời người khác mà được tỏ ngộ, trí huệ hẹp kém. Lại có Độc Giác thừa tỏ ngộ chẳng do thầy, đại chúng nên học.” Những người thích thắng đạo nghe lời này xong liền bỏ Thanh Văn thừa mà tu Độc Giác thừa. *Âm thanh quảng đại thứ tư nói*: “Đại chúng nên biết hơn hàng nhị thừa còn có thắng đạo gọi là Đại thừa, là chỗ tu hành của Bồ Tát thuận sáu môn Ba La Mật, chẳng dứt hạnh Bồ Tát, chẳng bỏ tâm Bồ Đề, ở vô lượng sanh tử mà chẳng mỗi nhàm, hơn hàng nhị thừa, gọi là Đại thừa, là đệ nhất thừa, là thắng thừa, là tối thắng thừa, là thượng thừa, là vô thượng thừa, là thừa lợi ích tất cả chúng sanh.” Nếu có chúng sanh nào lòng tin hiểu rộng lớn, căn khí mạnh mẽ, đời trước gieo căn lành, được thần lực của Đức Như Lai gia hộ, có chí nguyện thù thắng mong cầu Phật quả, nghe lời này xong liền phát tâm Bồ Đề. **Thứ tư là Tứ Môn Tri Kiến Phật**: Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng đã dạy: “Nầy thiện tri thức! Nếu hay nơi tướng mà lia tướng, nơi không mà lia không thì trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ được pháp này, một niệm tâm khai, ấy là khai Tri Kiến Phật. Phật tức là giác, phân làm bốn môn: Khai giác tri kiến, thị giác tri kiến, ngộ giác tri kiến, nhập giác tri kiến. Nếu nghe khai thị liền hay ngộ nhập tức là giác tri kiến, chơn chánh xưa nay mà được xuất hiện. Các ông dè dặt chớ hiểu lầm ý kinh, nghe trong kinh nói khai thị ngộ nhập rồi tự cho là Tri Kiến của Phật, chúng ta thì vô phần. Nếu khởi cái hiểu này tức là chê bai kinh, hủy báng Phật vậy. Phật kia đã là Phật rồi, đã đầy đủ tri kiến, cần gì phải khai nữa. Nay ông phải tin Phật tri kiến đó chỉ là tự tâm của ông, lại không có Phật nào khác; vì tất cả chúng sanh tự che phủ cái quang minh, tham ái trần cảnh, ngoài thì duyên với ngoại cảnh, trong tâm thì lăng xăng, cam chịu lời cuốn, liền nhọc Đức Thế Tôn kia từ trong tam muội mà dậy, dùng bao nhiêu phương tiện nói đến đấng miêng, khuyên bảo khiến các ông buông dứt chớ hướng ra ngoài tìm cầu thì cùng Phật không hai, nên nói khai Phật tri kiến. Tôi cũng khuyên tất cả các người nên thường khai tri kiến Phật ở trong tâm của mình. Người đời do tâm tà, ngu mê tạo tội, miêng thì lành tâm thì ác, tham sân tật đố, siểm nịnh, ngã mạn, xâm phạm người hại vật, tự khai tri kiến chúng sanh. Nếu ngay chánh tâm, thường sanh trí huệ, quán chiếu tâm mình, đừng ác làm lành, ấy là tự khai tri kiến Phật. Các ông phải mỗi niệm khai tri kiến Phật, chớ khai tri kiến chúng sanh. Khai tri kiến Phật tức là xuất

thế, khai tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu ông chỉ nhọc nhằn chấp việc tụng niệm làm công khóa thì nào khác con trâu ly mấn cái đuôi của nó!” **Thứ năm là Pháp Thân Thanh Tịnh Của Chư Phật:** Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng đã dạy về Thanh Tịnh Pháp Thân Phật như sau: “Nầy thiện tri thức! Sao gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật? Người đời bản tánh là thanh tịnh, muôn pháp từ nơi tánh mà sanh, suy nghĩ tất cả việc ác tức sanh hạnh ác, suy nghĩ tất cả việc lành tức sanh hạnh lành. Như thế các pháp ở trong tự tánh như trời thường trong, mặt trời mặt trăng thường sáng, vì mây che phủ nên ở trên sáng, ở dưới tối, chợt gặp gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng, vạn tượng đều hiện. Tánh của người đời thường phù du như là mây trên trời kia. Nầy thiện tri thức! Trí như mặt trời, huệ như mặt trăng, trí huệ thường sáng, do bên ngoài chấp cảnh nên bị mây nổi vọng niệm che phủ tự tánh không được sáng suốt. Nếu gặp thiện tri thức, nghe được pháp chơn chánh, tự trừ mê vọng, trong ngoài đều sáng suốt, nơi tự tánh muôn pháp đều hiện. Người thấy tánh cũng lại như thế, ấy gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật.”

### ***Great Treasures of Tathagatas in the Ten Directions***

In the worlds of the ten directions, Buddhas have a tremendous number of great treasure, here we only talk about some typical ones. **First, Five Realms of a Buddha:** According to Buddhist traditions, there are the five Buddha-ksetra or dependencies, the realms or conditions of a Buddha: First, the Buddha’s dharmakaya-ksetra, or realm of his spiritual nature, depend on and yet identical with Bhutatathata. Second, the Buddha’s sambhogakaya realm with its five immortal skandhas, i.e. his glorified body for his own enjoyment. Third, the land or condition of his self-expression as wisdom. Fourth, the Buddha’s sambhogakaya realm for the joy of others. Fifth, the realm on which the Buddha’s nirmanakaya depends, which results in his relation to every kind of condition. **Second, Five superior virtues of a Buddha:** Buddha receives the respect of the world because of the five superior virtues: Superior conduct, superior point of view, superior or perfect wisdom, superior preaching ability, and superior ability to lead people to the practice of His Teaching. **Third, Four Great Voices of the Buddha:** According to The Flower Adornment Scripture, Chapter

Manifestation of Buddha (37), The voice of Buddha is without master or maker, without discrimination, not entering, not emerging, yet producing four great voices from the power of the virtuous qualities of Buddha: *The first great voice says*: “You all should know that all conditioned states are miserable. There is the misery of hells, the misery of animality, the misery of hungry ghosthood, the misery of lack of virtue, the misery of clinging to self and possessions, the misery of evil-doing. If you want to be born human or divine, you should plant roots of goodness. Born in the human world or in a heaven, you will leave all situations in which enlightenment is difficult.” Sentient beings, having heard this, give up error and perversity, practice good actions, leave all difficulties behind, and are born in the human world or in heaven. *The second great voice says*: “You should know that the myriad pains of all conditioned states are as searing as balls of hot iron. Conditioned states are impermanent and pass away. Nirvana is tranquil, unfabricated well-being, beyond all burning, extinguishing all inflaming afflictions.” Having heard this, sentient beings diligently practice good principles, and in the vehicle of listeners to Buddha’s voice attain the tolerance of conformity to the message. *The third great voice says*: “You should know that those in the vehicle of listeners follow the words of others to understand; their knowledge and wisdom is narrow and inferior. There is a higher vehicle called the vehicle of the individually awakened, whose enlightenment does not depend on a teacher. You should learn it.” Those inclined to a superior path, having heard this voice, give up the path of listeners and cultivate the vehicle of the individually awakened. *The fourth great voice says*: “You should know that there is an even higher path beyond the ranks of these two vehicles, which is called the great vehicle, practiced by enlightening beings, following the six transcendent ways, not stopping enlightening practice, not relinquishing the determination for enlightenment, being in the midst of infinite birth and death without getting sick of it. Going beyond the two vehicles of individual liberation, it is called the Great Vehicle, the foremost vehicle, the preeminent vehicle, the supreme vehicle, the highest vehicle, the unexcelled vehicle, the vehicle of benefiting all sentient beings.” If there are any sentient beings whose resolve is very great, whose faculties are strong and keen, who have planted roots of goodness in the past, who are spiritually empowered



by the Buddhas, who have superior inclinations and seek Buddhahood, once they have heard this voice they arouse the determination for enlightenment. ***Fourth, Four divisions of the Enlightened Knowledge:*** According to the Dharma Jewel Platform Sutra, the Sixth Patriarch taught: “Good Knowing Advisors! If you can live among marks and yet be separate from it, then you will be confused by neither the internal nor the external. If you awaken to this Dharma, in one moment your mind will open to enlightenment. The knowledge and vision of the Buddha is simply that. The Buddha is enlightenment. There are four divisions: 1) Opening to the enlightened knowledge and vision. 2) Demonstrating the enlightened knowledge and vision. 3) Awakening to the enlightened knowledge and vision. 4) Entering the enlightened knowledge and vision. If you listen to the opening and demonstrating of the Dharma, you can easily awaken and enter. That is the enlightened knowledge and vision, the original true nature becoming manifest. Be careful not to misinterpret the Sutra by thinking that the opening, demonstrating, awakening, and entering of which it speaks is the Buddha’s knowledge and vision and that we have no share in it. To explain it that way would be to slander the Sutra and defame the Buddha. Since he is already a Buddha, perfect in knowledge and vision, what is the use of his opening to it again? You should now believe that the Buddha’s knowledge and vision is simply your own mind, for there is no other Buddha. But, because living beings cover their brilliance with greed and with the love or states of defilement, external conditions and inner disturbance make slaves of them. That troubles the World-Honored One to rise from Samadhi, and with various reproaches and expedients, he exhorts living beings to stop and rest, not to seek outside themselves, and to make themselves the same as he is. That is called ‘Opening the knowledge and vision of the Buddha.’ I, too, am always exhorting all people to open to the knowledge and vision of the Buddha within their own minds. The mind of worldly people are deviant. Confused and deluded, they commit offenses. Their speech may be good, but their minds are evil. They are greedy, hateful, envious, given over to flattery, deceit, and arrogance. They oppress one another and harm living creatures, thus they open not to the knowledge and vision of Buddha, but that of living beings. If you can with an upright mind constantly bring forth wisdom, contemplating

and illuminating your own mind, and if you can practice the good and refrain from evil, you, yourself will open to the knowledge and vision of the Buddha. In every thought you should open up the knowledge and vision of the Buddha; do not open up to the knowledge and vision of living beings. To be open to the knowledge and vision of the Buddha is transcendental; to be open to the knowledge and vision of living beings is mundane. If you exert yourself in recitation, clinging to it as a meritorious exercise, how does that make you different from a yak who loves his own tail?" ***Fifth, the Clear and Pure Dharma-Body Buddha:*** According to The Dharma Jewel Platform Sutra, the Sixth Patriarch taught: "Good Knowing Advisor! What is the clear, pure Dharma-body Buddha? The worldly person's nature is basically clear and pure, and the ten thousand dharmas are produced from it. The thought of evil produces evil actions and the thought of good produces good actions. Thus all dharmas exist within self-nature. This is like the sky which is always clear, and the sun and moon which are always bright, so that if they are obscured by floating clouds it is bright above the clouds and dark below them. But if the wind suddenly blows and scatters the clouds, there is brightness above and below, and the myriad forms appear. The worldly person's nature constantly drifts like those clouds in the sky. Good Knowing Advisors, intelligence is like the sun and wisdom is like the moon. Intelligence and wisdom are constantly bright, but if you are attached to external states, the floating clouds of false thought cover the self-nature so that it cannot shine. If you meet a Good Knowing Advisor, if you listen to the true and right Dharma and destroy your own confusion and falseness, then inside and out there will be penetrating brightness, and within the self-nature all the ten thousand dharmas will appear. That is how it is with those who see their own nature. It is called the clear, pure Dharma-body of the Buddha."

**Chương Hai Mươi**  
**Chapter Twenty**

**Âm Thanh Huyền Diệu**  
**Của Các Đấng Như Lai**

Chư Như Lai sử dụng âm thanh thuyết pháp để cứu độ chúng sanh. Có khi các ngài lại dùng ánh sáng kỳ diệu để cứu độ. Làm thế nào để biết được âm thanh của Đức Như Lai? Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Như Lai Xuất Hiện, phẩm này chỉ cách cho chư đại Bồ Tát làm thế nào để biết âm thanh của các Đức Như Lai. Thứ nhất là âm thanh của Đức Như Lai đến khắp tất cả, vì nó khóa lấp mọi âm thanh khác. Thứ nhì là âm thanh của Đức Như Lai, tùy tâm sở thích của thính giả đều làm cho họ hoan hỷ, vì thuyết pháp minh liễu. Thứ ba là âm thanh của Đức Như Lai, tùy tín giải của thính giả đều làm cho họ hoan hỷ, vì tâm được thanh lương. Thứ tư là âm thanh của Đức Như Lai giáo hóa chẳng lỗi thời, vì người đáng được nghe thời đều được nghe. Thứ năm là âm thanh của Đức Như Lai không sanh diệt, vì như vang ứng tiếng. Thứ sáu là âm thanh của Đức Như Lai không chủ, vì do tu tập tất cả công hạnh phát khởi. Thứ bảy là âm thanh của Đức Như Lai rất sâu, vì khó lường được. Thứ tám là âm thanh của Đức Như Lai không tà vạy, vì do pháp giới phát sanh. Thứ chín là âm thanh của Đức Như Lai không đoạn tuyệt, vì vào khắp pháp giới. Thứ mười là âm thanh của Đức Như Lai không biến đổi, vì đã đến nơi rốt ráo.

**I. Bốn Tướng Của Âm Thanh Của Đức Như Lai:**

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Như Lai Xuất Hiện (37), âm thanh của Đức Như Lai có bốn tướng. Tướng thứ nhất của âm thanh Như Lai: Âm thanh của Đức Như Lai, chẳng từ thân phát ra, chẳng từ tâm phát ra, mà có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Tướng thứ hai của âm thanh Như Lai: Ví như tiếng vang do hang núi và âm thanh mà phát ra không có hình trạng, chẳng ngó thấy được, cũng không phân biệt mà có thể theo dõi tất cả ngữ ngôn. Cũng như vậy, âm thanh của Đức Như Lai không có hình trạng, chẳng thấy được, chẳng phải có phương sở, chẳng phải không phương sở, chỉ tùy nơi duyên dục giải của chúng sanh mà phát ra. Tánh âm thanh này rốt ráo, không nói không bày,

chẳng tuyên thuyết được. Tướng thứ ba của âm thanh Như Lai: Ví như chư Thiên có pháp cổ lớn tên là ‘giác ngộ.’ Lúc chư Thiên tử nếu ham vui phóng dật, thời pháp cổ nơi hư không phát ra tiếng bảo chư thiên đó rằng ‘Chư Thiên tử nên biết tất cả dục lạc thấy đều vô thường, hư vọng, điên đảo, giây lát đã biến hoại, chỉ kẻ cuồng ngu mới tham luyến. Chư Thiên tử chớ phóng dật, nếu phóng dật về sau sẽ đọa ác thú ăn năn đã muộn.’ Chư Thiên tử nghe âm thanh này lòng rất kính hãi, liền bỏ những sự dục lạc trong thiên cung, cùng nhau đến chỗ Thiên vương cầu pháp tu hành. Tiếng của Thiên cổ không chủ, không làm, không khởi không diệt, mà có thể lợi ích vô lượng chúng sanh. Phải biết Đức Như Lai lại cũng như vậy, vì muốn giác ngộ chúng sanh phóng dật mà phát ra vô lượng diệu pháp âm thanh. Đức Như Lai dùng những âm thanh này khắp trong pháp giới để khai ngộ chúng sanh: tiếng vô trước, tiếng chẳng phóng dật, tiếng vô thường, tiếng khổ, tiếng vô ngã, tiếng bất tịnh, tiếng tịch diệt, tiếng Niết Bàn, tiếng vô lượng tự nhiên trí, tiếng Bồ Tát hạnh bất khả hoại, tiếng trí địa vô-công-dụng của Như Lai đến tất cả chỗ. Vô số chúng sanh được nghe âm thanh này đều rất hoan hỷ siêng tu pháp lành. Đều ở nơi tự thừa mà cầu xuất ly. Những là hoặc tu Thanh Văn thừa, hoặc tu Độc Giác thừa, hoặc tu Bồ tát vô thượng đại thừa. Nhưng âm thanh của Như Lai vẫn không trụ ở phương sở, không có ngôn thuyết. Tướng thứ tư của âm thanh Như Lai: Ví như Tự Tại Thiên Vương có Thiên thể nữ tên là Thiện Khẩu. Nơi miệng Thiên nữ này phát ra một âm thanh hay hòa cùng với trăm ngàn thứ nhạc, trong mỗi thứ nhạc lại có trăm ngàn âm thanh sai khác. Thiên nữ Thiện Khẩu từ nơi miệng phát ra một âm thanh mà thành vô lượng âm thanh. Phải biết Đức Như Lai cũng như thế, từ trong một âm thanh phát ra vô lượng âm thanh, tùy theo tâm sở thích sai khác của chúng sanh thấy đều đến khắp, đều làm cho được hiểu.

## ***II. Bốn Thứ Âm Thanh Của Các Đấng Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Như Lai Xuất Hiện (37), chư đại Bồ Tát biết âm thanh của Đức Như Lai chẳng phải lượng, chẳng phải vô lượng, chẳng phải chủ, chẳng phải không chủ, chẳng phải thị giáo, chẳng phải không thị giáo. Ví như thế giới lúc sắp hoại, không chủ không làm, tự nhiên âm thanh của Đức Như Lai phát ra bốn thứ. Bốn thứ âm thanh trên đây không chủ, không làm, mà chỉ do thiện nghiệp

của chúng sanh mà phát sanh. Âm thanh thứ nhất nói, “Mọi người nên biết sơ thiên an lạc, rời những lỗi dục nhiễm vượt khỏi cõi dục.” Chúng sanh nghe rồi tự nhiên được thành tựu sơ thiên, bỏ thân cõi dục sanh lên Phạm Thiên. Âm thanh thứ hai nói, “Mọi người nên biết nhị thiên an lạc, không giác, không quán, vượt hơn Phạm Thiên.” Chúng sanh nghe xong tự nhiên được thành tựu nhị thiên, bỏ thân Phạm Thiên sanh lên cõi trời Quang Âm Thiên. Âm thanh thứ ba nói, “Mọi người nên biết tam thiên an lạc không lỗi lầm, vượt hơn Quang Âm Thiên.” Chúng sanh nghe xong tự nhiên được thành tựu tam thiên, bỏ thân Quang Âm Thiên sanh lên Biến Tịnh Thiên. Âm thanh thứ tư nói, “Mọi người nên biết tứ thiên tịch tịnh hơn Biến Tịnh Thiên.” Chúng sanh nghe xong tự nhiên được thành tựu tứ thiên, bỏ thân Biến Tịnh Thiên sanh lên Quảng Quả Thiên.

### ***III. Bốn Loại Âm Thanh Quảng Đại Của Đức Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Như Lai Xuất Hiện (37), âm thanh của Đức Như Lai không chủ không làm, không có phân biệt, chẳng phải nhập chẳng phải xuất, chỉ từ pháp lực công đức của Như Lai mà phát sanh bốn thứ âm thanh quảng đại. Âm thanh quảng đại thứ nhất nói, “Đại chúng nên biết tất cả hành pháp đều là khổ. Những là địa ngục khổ, súc sanh khổ, ngạ quỷ khổ, không phước đức là khổ, chấp ngã và ngã sở là khổ (chấp cái tôi và cái của tôi), tạo những ác hạnh là khổ. Muốn sanh lên cõi trời hay nhơn gian phải gieo căn lành, sanh trong nhơn thiên rời khỏi các chỗ nạn.” Chúng sanh nghe xong bỏ lìa điên đảo tu những hạnh lành, rời khỏi những chỗ nạn mà sanh lên cõi nhơn thiên. Âm thanh quảng đại thứ hai nói, “Đại chúng nên biết tất cả hành pháp tràn đầy những khổ như hòn sắt nóng, hành pháp vô thường, là pháp diệt mất. Niết Bàn tịch tịnh vô vi an lạc lìa xa khổ não, tiêu sạch nhiệt não.” Chúng sanh nghe xong siêng tu pháp lành, nơi Thanh Văn thừa được tùy thuận âm thanh nhĩ. Âm thanh quảng đại thứ ba nói, “Đại chúng nên biết Thanh Văn thừa do lời người khác mà được tỏ ngộ, trí huệ hẹp kém. Lại có Độc Giác thừa tỏ ngộ chẳng do thầy, đại chúng nên học.” Những người thích thắng đạo nghe lời này xong liền bỏ Thanh Văn thừa mà tu Độc Giác thừa. Âm thanh quảng đại thứ tư nói, “Đại chúng nên biết hơn hàng nhĩ thừa còn có thắng đạo gọi là Đại thừa, là chỗ tu hành của Bồ Tát thuận sáu môn Ba La Mật, chẳng dứt hạnh Bồ Tát, chẳng bỏ tâm Bồ Đề, ở vô lượng sanh tử mà chẳng

mỗi nhàm, hơn hàng nhị thừa, gọi là Đại thừa, là đệ nhất thừa, là thắng thừa, là tối thắng thừa, là thượng thừa, là vô thượng thừa, là thừa lợi ích tất cả chúng sanh.” Nếu có chúng sanh nào lòng tin hiểu rộng lớn, căn khí mạnh mẽ, đời trước gieo căn lành, được thần lực của Đức Như Lai gia hộ, có chí nguyện thù thắng mong cầu Phật quả, nghe lời này xong liền phát tâm Bồ Đề.

#### ***IV. Mười Vô Lượng Của Âm Thanh Của Đức Như Lai:***

Theo lời Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm, âm thanh của Đức Như Lai có mười thứ vô lượng. Thứ nhất, âm thanh Phật như Hư Không giới vô lượng vì âm thanh ấy trải khắp mọi nơi. Thứ nhì, âm thanh Phật như Pháp Giới vô lượng, vì không chỗ nào mà âm thanh ấy chẳng khắp. Thứ ba, âm thanh Phật như chúng sanh giới vô lượng, vì âm thanh ấy khiến tất cả tâm hoan hỷ. Thứ tư, âm thanh Phật như các nghiệp vô lượng, vì âm thanh ấy giải thích quả báo của nghiệp. Thứ năm, âm thanh Phật như vô lượng phiền não vì âm thanh ấy có khả năng diệt trừ mọi phiền não. Thứ sáu, âm thanh Phật như ngôn âm của chúng sanh vô lượng, vì tùy theo sự hiểu biết của chúng sanh mà làm cho nghe được. Thứ bảy, âm thanh Phật như dục dục giải của vô lượng chúng sanh, vì âm thanh ấy quán sát cứu độ khắp chúng sanh. Thứ tám, âm thanh Phật như tam thế vô lượng vì âm thanh ấy vô biên tế (không có giới hạn). Thứ chín, âm thanh Phật như trí huệ vô lượng vì âm thanh ấy phân biệt tất cả. Thứ mười, âm thanh Phật như Phật cảnh giới vô lượng, vì âm thanh ấy nhập vào Phật pháp giới.

#### ***Tathagatas' Wonderful Voice***

Tathagatas utilize their voice as Tathagatas' work in saving by their preaching. Sometimes they use wonderful light to save beings. How to know the voice of the Buddha? According to The Flower Adornment Scripture, Chapter Manifestation of Buddha (37), show the ways for great enlightening beings to know the voice of the Tathagatas. First, the Tathagatas' voice is omnipresent, because it pervades all sounds. Second, the Tathagatas' voice pleases all according to their mentalities, because its explanation of truth is clear and comprehensive. Third, the Tathagatas' voice gladdens all according to their resolve, because their minds gain clarity and coolness. Fourth, the Tathagatas' voice teaches

without error in timing, because all who need and are able to hear it do. Fifth, the Tathagatas' voice has no birth or death, because it is like the echo of a call. Sixth, the Tathagatas' voice has no owner, because it is produced by cultivation of all appropriate practices. Seventh, the Tathagatas' voice is extremely profound, because it cannot be measured. Eighth, the Tathagatas' voice has no falsehood or deviousness, because it is born of the realm of truth. Ninth, the Tathagatas' voice has no end, because it permeates the cosmos. Tenth, the Tathagatas' voice has no change, because it reaches the ultimate.

***I. Four Characteristics of Buddha's Voice:***

According to The Flower Ornament Scripture, Chapter Manifestation of Buddha (37), there are four characteristics of Buddha's voice. The first characteristic of Buddha's voice: Buddha's voice does not come from the body or from the mind, yet it can benefit infinite sentient beings. The second characteristic of Buddha's voice: Just as an echo arises due to mountains, valley, and sound, and has no form, cannot be seen, and though it has no discrimination can follow all words, so also is the voice of Buddha; it has no form, cannot be seen, has no direction or location yet it is not without direction and location; it just emerges according to the conditions of sentient beings' inclinations and understandings. Its nature ultimately has no words, no information, and cannot be explained. The third characteristic of Buddha's voice: It is like the heavens' great drum of law, called awakener: when the celestials act without restraint, the drum produces a voice in the sky saying, 'You should know that all pleasures are impermanent, unreal, illusory, changing and disintegrating in a moment. They only fool the ignorant, causing attachment. Don't be indulgent, for the unrestrained fall into bad ways, and it is of no use to regret afterward.' The indulgent celestials, having heard this voice, are greatly distressed and frightened; they leave the pleasures in their own abodes, go to the king of gods, seek the truth and practice the way. The sound of that drum has no master, no maker, no origin, no destruction, yet it can benefit infinite sentient beings. Know that the Buddha likewise utters the voice of infinite sublime truths in order to awaken indulgent beings. These voices pervade the cosmos, awakening the beings therein the voice of non-attachment, the voice of

nonindulgence, the voice of impermanence, the voice of suffering, the voice of selflessness, the voice of impurity, the voice of annulment, the voice of Nirvana, the voice of measureless spontaneous knowledge, the voice of incorruptible enlightening practices, and the voice of all-pervasive effortless knowledge of Buddhas. Countless sentient beings, having heard these voices, all become joyful and diligently cultivate good ways, each seeking emancipation by their respective vehicles of emancipation; that is, some practice the vehicle of listeners, some practice the vehicle of individual awakening, and some practice the unsurpassed Great Vehicle of enlightening beings. Yet the voice of Buddha does not remain in any place; it has no speech. The fourth characteristic of Buddha's voice: It is like the case of the celestial concubine of the great lord god, name beautiful Mouth, whose voice corresponds to a hundred thousand kinds of music, within each of which are also a hundred thousand different tones. Just as that of goddess Beautiful Mouth produces countless sounds in one utterance, in the same way Buddha produces innumerable voices in one utterance, according to the differences in mentalities of sentient beings, reaching them all and enabling them to gain understanding.

## ***II. Four Kinds of Voices of Tathagatas:***

According to The Flower Adornment Scripture, Chapter Manifestation of Buddha (37), great enlightening beings should know that Buddha's voice is neither quantified nor unquantified, neither has a master nor lacks a master, neither communicates nor does not communicate. It is as when the world is about to disintegrate, there is no master, no maker, yet it spontaneously emits four voices. These voices have no master or maker, they are just produced by the power of good practices of sentient beings. The first voice says, "You all should know that the well-being of the first meditation stage, free from the ills of desire, surpasses the realm of desire." The sentient beings hearing this are naturally able to accomplish the first meditation stage, relinquish the body of the realm of desire and be reborn in Brahma heaven. The second voice says, "You should know that the well-being of the second meditation stage, without reflection and rumination, surpasses the Brahma heaven." The sentient beings hearing this naturally manage to accomplish the second meditation stage, relinquish



the body of Brahma heaven, and are born in the light-sound heaven. The third voice says, “You should know the well-being of the third meditation stage has no flaws and surpasses the light-sound heaven.” Hearing this, the sentient beings are naturally able to achieve the third meditation stage, relinquish the body of the light-sound heaven, and are born in the heaven of universal purity. The fourth voice says, “You should know that the tranquility of the fourth meditation stage surpasses the heaven of universal purity.” Hearing this, the sentient beings are naturally able to achieve the fourth meditation stage, relinquish the body of the heaven of universal purity, and are born in the heaven of vast results.

***III. Four Great Voices From the Power of the Virtuous Qualities of Tathagatas:***

According to The Flower Adornment Scripture, Chapter Manifestation of Buddha (37), The voice of Buddha is without master or maker, without discrimination, not entering, not emerging, yet producing four great voices from the power of the virtuous qualities of Tathagatas. The first great voice says, “You all should know that all conditioned states are miserable. There is the misery of hells, the misery of animality, the misery of hungry ghosthood, the misery of lack of virtue, the misery of clinging to self and possessions, the misery of evil-doing. If you want to be born human or divine, you should plant roots of goodness. Born in the human world or in a heaven, you will leave all situations in which enlightenment is difficult.” Sentient beings, having heard this, give up error and perversity, practice good actions, leave all difficulties behind, and are born in the human world or in heaven. The second great voice says, “You should know that the myriad pains of all conditioned states are as searing as balls of hot iron. Conditioned states are impermanent and pass away. Nirvana is tranquil, unfabricated well-being, beyond all burning, extinguishing all inflaming afflictions.” Having heard this, sentient beings diligently practice good principles, and in the vehicle of listeners to Buddha’s voice attain the tolerance of conformity to the message. The third great voice says, “You should know that those in the vehicle of listeners follow the words of others to understand; their knowledge and wisdom is narrow and inferior. There is a higher vehicle called the vehicle of

the individually awakened, whose enlightenment does not depend on a teacher. You should learn it.” Those inclined to a superior path, having heard this voice, give up the path of listeners and cultivate the vehicle of the individually awakened. The fourth great voice says, “You should know that there is an even higher path beyond the ranks of these two vehicles, which is called the great vehicle, practiced by enlightening beings, following the six transcendent ways, not stopping enlightening practice, not relinquishing the determination for enlightenment, being in the midst of infinite birth and death without getting sick of it. Going beyond the two vehicles of individual liberation, it is called the Great Vehicle, the foremost vehicle, the preeminent vehicle, the supreme vehicle, the highest vehicle, the unexcelled vehicle, the vehicle of benefiting all sentient beings.” If there are any sentient beings whose resolve is very great, whose faculties are strong and keen, who have planted roots of goodness in the past, who are spiritually empowered by the Buddhas, who have superior inclinations and seek Buddhahood, once they have heard this voice they arouse the determination for enlightenment.

***IV. Ten Kinds of Infinity of The Tathagatas' Voice:***

According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of infinity of the Buddha’s voice. First, the Buddha’s voice is as infinite as the realm of space because it extends to all places. Second, it is as infinite as the cosmos because it pervades everywhere. Third, it is as infinite as the realm of sentient beings because it gladdens all hearts. Fourth, it is as infinite as all acts because it explains their results and consequences. Fifth, it is as infinite as afflictions because it removes them all. Sixth, it is as infinite as the speech of sentient beings because it enables them to hear according to their understanding. Seventh, it is as infinite as the inclinations and understandings of sentient beings because it observes them all to rescue and liberate them. Eighth, it is as infinite as past, present and future because it has no boundaries. Ninth, it is as infinite as knowledge because it distinguishes everything. Tenth, it is as infinite as the realm of Buddhahood because it enters the cosmos of reality of Buddhahood.

**Chương Hai Mươi Một**  
**Chapter Twenty-One**

**Mười Tướng Thân Huyền Diệu Của Như Lai**

Như Lai theo nghĩa đen là như đến, hay như thế, chỉ trạng thái giác ngộ. Như Lai có thể được hiểu là “Giác ngộ như thế tôi đến” và dùng chung cho tất cả các Phật hơn là riêng cho Phật Thích Ca Mâu Ni. Người đã giác ngộ toàn hảo cao nhất (samyak-sambuddha). Bậc Như Lai siêu việt lên trên tất cả đa nguyên tánh và phạm trù của tư tưởng, có thể coi là không phải vĩnh hằng mà cũng không phải là phi vĩnh hằng. Ngài là bậc không thể truy tầm dấu tích. Theo Trường Bộ, Kinh Phúng Tụng, Như Lai thanh tịnh thiện hành về thân. Như Lai không có ác hạnh về thân mà Như Lai phải gìn giữ. Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 37, Như Lai Xuất Hiện, chư Bồ Tát thấy mười tướng thân Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác ở tất cả các xứ. **Tướng Thân Thứ Nhất của Như Lai:** Đại Bồ Tát phải ở vô lượng xứ mà thấy thân Như Lai. Vì chư đại Bồ Tát chẳng nên ở một pháp, một sự, một quốc độ, một chúng sanh mà thấy Như Lai. Phải khắp tất cả nơi thấy Như Lai. Ví như hư không đến khắp tất cả chỗ sắc phi sắc, chẳng phải đến, chẳng phải chẳng đến. Vì hư không chẳng có thân. Cũng vậy, thân Như Lai khắp tất cả chỗ, khắp tất cả chúng sanh, khắp tất cả pháp, khắp tất cả quốc độ, chẳng phải đến, chẳng phải chẳng đến. Vì thân Như Lai là không có thân. Vì chúng sanh mà thị hiện thân Phật. **Tướng Thân Thứ Hai của Như Lai:** Ví như hư không rộng rãi chẳng phải sắc mà hay hiển hiện tất cả sắc. Nhưng hư không kia không có phân biệt cũng không hý luận. Thân của Như Lai cũng vậy, vì do trí quang minh khắp chiếu sáng làm cho tất cả chúng sanh, thế gian, xuất thế gian, các nghiệp thiện căn đều được thành tựu. Nhưng thân Như Lai không có phân biệt cũng không hý luận. Vì từ xưa đến nay, tất cả chấp trước, tất cả hý luận đều đã dứt hẳn. **Tướng Thân Thứ Ba của Như Lai:** Ví như mặt nhật mọc lên, vô lượng chúng sanh ở châu Diêm Phù Đề đều được lợi ích. Những là phá tối làm sáng, biển ướt thành khô, sanh trưởng cỏ cây, thành thực lúa mạ, chói suốt hư không, hoa sen nở xòe, người đi thấy đường, kẻ ở nhà xong công việc. Vì mặt nhật khắp phóng vô lượng quang minh. Như Lai trí nhật cũng như vậy, dùng vô lượng sự khắp lợi chúng sanh. Những là diệt ác sanh lành, phá ngu làm trí, đại

từ cứu hộ, đại bi độ thoát, làm cho họ tăng trưởng căn lực, giác phần, khiến họ sanh lòng tin sâu chắc, bỏ lìa tâm ô trược, khiến kẻ thấy nghe chẳng hư nhân quả, khiến được thiên nhân thấy chỗ thọ sanh sau khi chết, khiến tâm vô ngại chẳng hư căn lành, khiến trí tỏ sáng mau nở giác hoa, khiến họ phát tâm thành tựu bốn hạnh. Vì thân mặt nhật trí huệ quảng đại của Như Lai phóng vô lượng quang minh chiếu sáng khắp nơi. **Tướng Thân Thứ Tư của Như Lai:** Ví như mặt nhật mọc lên, trước hết chiếu những núi lớn như núi Tu Di vân vân, kế chiếu hắc sơn, kế chiếu cao nguyên, sau rốt chiếu khắp đại địa. Mặt nhật chẳng nghĩ rằng ta trước chiếu nơi đây rồi sau chiếu nơi kia. Chỉ do núi và mặt đất có cao và thấp, nên chiếu có trước và sau. Đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác lại cũng như vậy. Ngài thành tựu vô biên pháp giới trí luân, thường phóng vô ngại trí huệ quang minh. Trước chiếu chư đại Bồ Tát, kế chiếu Duyên Giác, kế chiếu Thanh Văn, kế chiếu chúng sanh có thiện căn quyết định, tùy theo tâm khí của họ mà thị hiện trí huệ quảng đại, sau rốt chiếu khắp tất cả chúng sanh, nhấn đến kẻ tà định cũng chiếu đến làm nhưn duyên lợi ích thuở vị lai khiến họ được thành thực. Nhưng Đức Như Lai đại trí nhật quang chẳng nghĩ rằng ta phải chiếu Bồ Tát đại hạnh, nhấn đến sau rốt sẽ chiếu tà định chúng sanh. Hỉ phóng trí quang bình đẳng chiếu khắp, vô ngại, vô chướng, vô phân biệt. Ví như mặt nhật mặt nguyệt tùy thời xuất hiện, núi lớn, hang tối chiếu khắp không riêng tư. Như trí huệ lại cũng như vậy, chiếu khắp tất cả không có phân biệt. Tùy theo chúng sanh căn khí sở thích không đồng mà trí huệ quang minh có nhiều thứ khác nhau. **Tướng Thân Thứ Năm của Đức Như Lai:** Ví như mặt nhật mọc lên, những kẻ sanh manh vì không nhãn căn nên trọn không thấy. Dầu không thấy, nhưng vẫn được ánh sáng mặt nhật làm lợi ích. Vì do mặt nhật mà biết thời tiết ngày đêm, thọ dụng các thứ y phục, ẩm thực, khiến thân thể mạnh khỏe khỏi bệnh tật. Như Lai trí nhật lại cũng như vậy. Những kẻ không tin, không hiểu, phá giới, phá kiến, tà mạng sanh sống, vì không tín nhãn nên chẳng thấy được chư Phật trí huệ. Dầu không thấy, nhưng vẫn được sự lợi ích nơi trí huệ của Phật. Vì do oai lực của Phật làm cho những chúng sanh đó, các sự khổ nơi thân và những phiền não, nhưn khổ vị lai đều được tiêu diệt. Đức Như Lai có rất nhiều quang minh làm phương tiện cứu độ chúng sanh. Có quang minh tên là tích tập tất cả công đức; có quang minh tên là chiếu khắp tất cả; có quang minh tên là thanh tịnh tự tại chiếu; có quang minh tên là xuất đại diệu âm;

có quang minh tên là hiển khắp tất cả ngôn ngữ khiến sanh hoan hỷ; có quang minh tên là thị hiện cảnh giới tự tại dứt hẳn tất cả nghi ngờ; có quang minh tên là trí vô trụ tự tại chiếu khắp; có quang minh tên là trí tự tại dứt hẳn tất cả hý luận; có quang minh tên là tùy sở nghi xuất diệu âm; có quang minh tên là xuất âm thanh tự tại thanh tịnh trang nghiêm quốc độ thành thực chúng sanh. Mỗi lỗ lông của Đức Như Lai phóng ra ngàn thứ quang minh như vậy năm trăm quang minh chiếu khắp hạ phương, năm trăm quang minh chiếu khắp thượng phương các chúng Bồ Tát ở chỗ chư Phật trong tất cả cõi. Những Bồ Tát đó thấy quang minh này đồng thời đều được cảnh giới Như Lai: mười đầu, mười mắt, mười tai, mười mũi, mười lưỡi, mười thân, mười tay, mười chơn, mười địa, mười trí đều thanh tịnh tất cả. Chư Bồ Tát đó trước đã thành tựu những xứ, những địa, khi thấy quang minh này thời lại thanh tịnh hơn, tất cả thiện căn thủy đều thành thực, hướng đến nhưt thiết trí. Hạng trụ ở nhị thừa thời diệt tất cả phiền não. Ngoài ra, một phần sanh mạnh chúng sanh, nhờ những quang minh này, thân đã an lạc nên tâm họ cũng thanh tịnh nhu nhuyễn, điều phục, kham tu niệm trí. Các chúng sanh nơi ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đều được khoái lạc giải thoát những khổ, khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời hoặc nhơn gian. Những chúng sanh đó chẳng biết do nhơn duyên gì, do thần lực nào mà sanh về đây. Hàng sanh mạnh kia nghĩ rằng ta là Phạm Thiên, ta là Phạm Hóa. Bấy giờ Đức Như Lai trụ trong phổ tự tại tam muội, phát ra sáu mươi thứ diệu âm mà bảo họ rằng, các người chẳng phải là Phạm Thiên, Phạm Hóa, cũng chẳng phải là Đế Thích, Hộ Thế làm ra, mà đều do thần lực của Như Lai. Những chúng sanh đó nghe lời trên đều được biết đời trước và đều rất hoan hỷ. Vì tâm hoan hỷ nên tự nhiên hiện ra mây hoa ưu đàm, mây hương, mây âm nhạc, mây y phục, mây lọng, mây tràng, mây phan, mây hương bột, mây châu báu, tràng sư tử lầu các bán nguyệt, mây ca ngâm khen ngợi, mây những đồ trang nghiêm, đều cúng dường Đức Như Lai với lòng tôn trọng. Vì những chúng sanh đó được tịnh nhơn. Đức Như Lai thọ ký vô thượng Bồ Đề cho họ. **Tướng Thân Thứ Sáu Của Đức Như Lai:** Vì như mặt nguyệt có bốn pháp kỳ đặc vị tăng hữu, thân tướng của Đức Như Lai lại cũng có bốn pháp kỳ đặc vị tăng hữu. Ánh nguyệt che chói quang minh của tất cả tinh tú, thì tướng thân của Đức Như Lai che chói tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác, dù hữu học hay vô học. Ánh nguyệt hay theo thời gian mà hiện ra tròn khuyết, nhưng ánh nguyệt tự

nó không tròn khuyết. Đức Như Lai cũng tùy theo sở nghi mà thị hiện thọ mạng dài ngắn chẳng đồng, nhưng thân Như Lai không tăng giảm. Mặt nguyệt hiện rõ trong nước đứng trong hay nơi đại địa. Tướng thân Đức Như Lai đều hiện bóng trong căn khí Bồ Đề hay nơi chúng sanh tâm tịnh, hay khắp toàn thế giới. Tất cả người thấy mặt nguyệt đều đối trước mặt họ, chứ nguyệt luân không phân biệt không hý luận. Cũng như vậy, tất cả chúng sanh, có ai thấy Như Lai, đều cho rằng Đức Như Lai chỉ hiện trước tôi. Như Lai theo sở thích của họ mà thuyết pháp, theo địa vị của họ khiến được giải thoát, theo chỗ đáng hóa độ khiến được thấy Phật. Nhưng thân Như Lai vẫn không phân biệt, không hý luận. Những điều lợi ích làm ra đều được rốt ráo. **Tướng Thân Thứ Bảy Của Đức Như Lai:** Ví như Đại Phạm Thiên Vương dùng chút phương tiện hiện thân khắp Đại Thiên thế giới. Tất cả chúng sanh đều thấy Đại Phạm Thiên Vương hiện ở trước mình. Nhưng Đại Phạm Thiên Vương này chẳng phân thân, cũng không có các thứ thân. Cũng như vậy, Đức Như Lai không có phân biệt, không hý luận, cũng chẳng phân thân, cũng chẳng có các thứ thân. Nhưng tùy sở thích của tất cả chúng sanh mà thị hiện Phật thân, cũng vẫn chẳng nghĩ rằng hiện ngần ấy thân. **Tướng Thân Thứ Tám Của Đức Như Lai:** Ví như y vương khéo biết các thứ thuốc và những chú luận, đều dùng được tất cả những thứ thuốc có ở Diêm Phù Đề. Lại do năng lực của những thiện căn đời trước và sức đại minh chú làm phương tiện, nên chúng sanh được thấy y vương đều được lành mạnh. Y vương này biết mạng sắp chết, nghĩ rằng sau khi ta chết, tất cả chúng sanh không nơi nương tựa. Nay ta phải nên vì họ mà hiện phương tiện. Lúc đó y vương chế thuốc thoa thân mình dùng sức minh chú gia trì, nên dầu đã chết mà thân chẳng rã, chẳng héo, chẳng khô, cử chỉ, nhìn, nghe không khác lúc còn sống, phàm có chữa trị đều được lành mạnh. Cũng như vậy, Đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác vô thượng y vương trải qua vô lượng trăm ngàn ức na do tha kiếp tu luyện pháp được đã được thành tựu, tu học tất cả phương tiện thiện xảo đại minh chú lực đều được viên mãn đến bỉ ngạn. Khéo trừ diệt được tất cả bệnh phiền não của chúng sanh, và trụ thọ mạng trải qua vô lượng kiếp. Thân Phật thanh tịnh, không tư lự, không động dụng, tất cả Phật sự không hề thôi nghỉ. Chúng sanh được thấy, các bệnh phiền não đều được tiêu diệt. **Tướng Thân Thứ Chín Của Đức Như Lai:** Ví như đại hải có châu đại ma ni tên là tạng Tỳ Lô Giá Na hạp tất cả quang minh. Nếu có chúng sanh nào chạm phải

quang minh của châu này thời đồng một màu với bửu châu. Nếu ai được thấy châu này thời mắt được thanh tịnh. Tùy quang minh này chiếu đến chỗ nào thời mưa ma ni bửu tên là an lạc, làm cho chúng sanh khỏi khổ và được vừa ý. Thân của Đức Như Lai lại cũng như vậy, là đại bửu tự, là tạng đại trí huệ tất cả công đức. Nếu có chúng sanh nào chạm phải quang minh của thân Phật thời đồng màu với thân Phật. Nếu ai được thấy thân Phật thời được pháp nhãn thanh tịnh. Tùy chỗ nào mà quang minh của Phật chiếu đến đều làm cho các chúng sanh khổ khó bần cùng, nhẫn đến đầy đủ sự vui Phật Bồ Đề. Như Lai pháp thân không phân biệt, cũng không hý luận mà hay làm khắp tất cả chúng sanh làm Phật sự lớn. **Tướng Thân Thứ Mười Của Đức Như Lai:** Ví như đại hải có đại như ý ma ni bửu vương tên là tạng trang nghiêm tất cả thế gian. Thành tựu đầy đủ trăm vạn công đức. Tùy bửu vương này ở chỗ nào thời làm cho các chúng sanh tai hoạn tiêu trừ, sở nguyện đầy đủ. Nhưng chẳng phải chúng sanh ít phước đức mà được thấy như ý bửu vương này. Cũng vậy, thân Đức Như Lai tên là hay làm cho tất cả chúng sanh đều được hoan hỷ. Nếu có ai thấy thân Như Lai, nghe danh hiệu Như Lai, khen công đức Như Lai thời đều làm cho thoát hẳn khổ hoạn sanh tử. Giả sử tất cả thế giới, tất cả chúng sanh đồng thời chuyên tâm muốn thấy Đức Như Lai, đều làm cho được thấy, sở nguyện được đầy đủ. Chẳng phải chúng sanh ít phước đức mà thấy được thân Như Lai, chỉ trừ thần lực tự tại của Phật gia hộ cho kẻ đáng được điều phục. Nếu có chúng sanh nhờn thấy thân Phật bèn gieo căn lành nhẫn đến thành thực, vì thành thực nên mới khiến thấy được thân Như Lai. Chư đại Bồ Tát sở dĩ luôn thấy được tướng thân Đức Như Lai là vì do tâm lượng khắp mười phương, vì sở hành vô ngại như hư không, vì vào đi vào khắp pháp giới, vì luôn trụ nơi chân thực tế, vì vô sanh vô diệt, vì bình đẳng trụ nơi tam thế, vì lìa hẳn mọi phân biệt, vì an trụ thế nguyện tột hết thuở vị lai, vì nghiêm tịnh tất cả thế giới, vì mỗi mỗi thân đều trang nghiêm.

### ***Ten Wonderful Bodies of the Buddha***

Tathagata literally means one “thus come,” the “thus” or “thusness,” indicating the enlightened state. Therefore, Tathagata can be rendered as “Thus enlightened I come,” and would apply equally to all Buddhas other than Sakyamuni. The Tathagata who has gone

beyond all plurality and categories of thought can be said to be neither permanent nor impermanent. He is untraceable. According to The Long Discourses of the Buddha, Sangiti Sutra, a Tathagata is perfectly pure in bodily conduct. There is no misdeed of body, so Tathagata has no need to guard against His body. According to The Flower Ornament Scripture, Chapter 37, Manifestation of Buddha, Enlightening Beings see ten characteristics of the body of Buddha in infinite places. ***The first characteristic of the body of Buddha:*** Great enlightening beings should see the body of Buddha in infinite places. They should not see Buddha in just one thing, one phenomenon, one body, one land, one being; they should see Buddha everywhere. Just as space is omnipresent, in all places, material or immaterial, yet without either arriving or not arriving there, because space is incorporeal. In the same manner, Buddha is omnipresent, in all places, in all beings, in all things, in all lands, yet neither arriving nor not arriving there, because Buddha's body is incorporeal, manifesting a body for the sake of sentient beings. ***The second characteristic of the body of Buddha:*** Just as space is wide open, is not a form yet can reveal all forms, yet space is without discrimination or false description, so also is the body of Buddha like this, causing all beings' mundane and transmundane good works to be accomplished by illuminating all with the light of knowledge, yet without discrimination or false descriptions, having originally terminated all attachments and false descriptions. ***The third characteristic of the body of Buddha:*** When the sun comes out, infinite living beings all receive its benefits; it disperses the darkness and gives light, dries up moisture, causes plants and trees to grow, matures crops, permeates the sky, causes lotuses to bloom, allows travellers to see the road, allows people to do their work, because the orb of the sun radiates infinite beams of light everywhere. The sun of knowledge of Buddha is also like this, benefitting sentient beings everywhere by infinite works, destroying evil and producing good, breaking down ignorance and creating knowledge, benevolently saving, compassionately liberating, causing growth of faculties, powers, and elements of enlightenment, causing beings to develop profound faith, enabling them to see inevitable cause and effect, fostering in them the celestial eye to see where beings die and are born, causing their minds to be unimpeded and not destroy roots of goodness, causing them to



cultivate illumination by knowledge and open the flower of awakening, causing them to determine to fulfill their fundamental task. Why? Because Buddhas' immense sun-body of knowledge and wisdom radiates infinite light, illuminating everywhere. ***The fourth characteristic of the body of Buddha:*** When the sun rises, first it lights up the highest mountains such as the Sumeru, then the lower mountains, then the high plateaus, and finally the whole land; but the sun does not think, "First I will illuminate here, afterward I will illuminate there." It is just because of difference in height of the mountains and land that there is a succession in illumination. The Buddha, similarly, having developed the boundless orb of knowledge of the realm of reality, always radiating the light of unimpeded knowledge, first of all illumines the high mountains, which are the Great Enlightening Beings, then illumines those who are awakened by understanding of conditioning, then illumines those who listen to the message, then illumines sentient beings whose foundation of goodness are sure and stable, revealing vast knowledge according to beings' mental capacities, finally illumining all sentient beings, even reaching those who are fixated on error, to be a beneficial cause for the future, that they may develop to maturity. But the light of the sun of great knowledge of Buddha does not think, "I will first illumine the great deeds of Enlightening Beings and at the very last shine on sentient beings who are fixated on error." It just radiates the light, shining equally on all, without obstruction or impediment, without discrimination. Just as the sun moon appear in their time and impersonally shine on the mountains and valleys, so also does the knowledge of Buddha shine on all without discrimination, while the light of knowledge has various differences according to the differences in faculties and inclinations of sentient beings. ***The fifth characteristic of the body of Buddha:*** When the sun comes out, those born blind cannot see it, because they have no faculty of vision; yet even though they do not see it, they are benefitted by the light of the sun. Why? By this is possible to know the times of day and night, and to have access to food and clothing to comfort the body and free from distress. The sun of knowledge of Buddha is also like this; the blind without faith or understanding, immoral and heedless, sustaining themselves by wrong means of livelihood, do not see the orb of the sun of knowledge of the

Buddha because they have no eye of faith, but even though they do not see it, they are still benefitted by the sun of knowledge. Why? Because by the power of Buddha it makes the causes of future suffering of those beings, physical pains and psychological afflictions, all vanish. The Buddha has various kinds of light to use as skillful means to save sentient beings. There is a light called accumulating all virtues; a light called total universal illumination; a light called pure, free illumination; a light called producing great, wondrous sound; a light called understanding all languages and gladdening others; a light called the realm of freedom showing the eternal cancellation of all doubts; a light called independent universal illumination of nondwelling knowledge; a light called free knowledge forever terminating all false descriptions; a light called marvelous sayings according to need; and a light called producing free utterances adorning lands and maturing sentient beings. Each pore of the Buddha emits a thousand kinds of light like these five hundred lights beam downward, five hundred lights beam upward, illuminating the congregations of Enlightening Beings at the various places of the Buddhas in the various lands. When the Enlightening Beings see these lights, all at once they realize the realm of Buddhahood, with ten heads, ten eyes, ten ears, ten noses, ten tongues, ten bodies, ten hands, ten feet, ten stages, and ten knowledges, all thoroughly pure. The states and stages previously accomplished by those Enlightening Beings become more pure upon seeing these lights; their roots of goodness mature, and they proceed toward omniscience. Those in the two lesser vehicles have all their defilements removed. Some other beings, who are blind, their bodies blissful, also become purified in mind, gentle and docile, able to cultivate mindfulness and knowledge. The sentient beings in the realms of hells, hungry ghosts and animals all become blissful and are freed from pains, and when their lives end are reborn in heaven or the human world. Those sentient beings are not aware, do not know by what cause, by what spiritual power, they came to be born there. Those blind ones think, "We are Brahma gods, we are emanations of Brahma." Then Buddha in the concentration of universal freedom, says to them, "You are not Brahma gods, not emanations of Brahma, nor were you created by the king-god Indra or the world-guardian gods: all this is spiritual power of Buddha." Having heard this, those sentient beings, by the spiritual power of

Buddha, all know their past life and become very happy. Because their hearts are joyful, they naturally produce clouds of udumbara flowers, clouds of fragrances, music, cloth, parasols, banners, pennants, aromatic powders, jewels, and towers adorned with lion banners and crescents, clouds of song of praise, clouds of all kinds of adornments, and respectfully offer them to the Buddha. Why? Because these sentient beings have gained clear eyes, and therefore the Buddha gives them the prophecy of unexcelled, complete perfect enlightenment. In this way the Buddha's sun knowledge benefits sentient beings born blind, fostering the full development of basic goodness. ***The sixth characteristic of the body of Buddha:*** It is like the moon, with four special extraordinary qualities, the characteristics of the body of Buddha similarly has four special extraordinary qualities. The moon outshines all the stars, the body of Buddha similarly outshines all hearers and Individual Illuminates, whether they are in the stage of learning or beyond learning. As time passes, the moon shows waning or waxing, but its original nature has no waning nor waxing. The body of the Buddha manifests different life spans according to the needs of the situation, yet the Buddha-body is neither increasing nor decreasing. The moon reflection appears in all clear waters. In the same manner, the reflection of the Buddha-body appears in all vessels of enlightenment, sentient beings with pure minds, in all worlds. All who see the moon see it right before them, yet the moon has no discrimination and no arbitrary conception. In the same manner, all sentient beings who behold the Buddha-body think the Buddha is in their presence alone. According to their inclinations, Buddha teaches them, liberating them according to their states, causing them to perceive the Buddha-body according to their needs and potentials for edification, yet the Buddha-body has no discrimination, no arbitrary conceptions; all benefits it renders reach the ultimate end. ***The seventh characteristic of the body of Buddha:*** Just as the supreme Brahma god of a billion-world universe simply manifests its body in the billion worlds, and all beings see Brahma before them, yet Brahma does not divide its body and does not have multiple bodies. In the same way the Buddhas have no discrimination, no false representations, and do not divide their bodies or have multiple bodies, yet they manifest their bodies in accord with the inclinations of all sentient beings, without

thinking that they manifest so many bodies. ***The eighth characteristic of the body of Buddha:*** A master physician is well versed in all medications and the science of hypnosis, fully uses all the medicines in the land, and, also because of the power of the physician's past roots of goodness, and because of using hypnotic spells as an expedient, all those who see the physician recover from illness. That master physician, sensing impending death, thinks, "After I die, sentient beings will have no one to rely on; I should manifest an expedient for them." Then the master physician compounds drugs, which he smears on his body, and support his body by spell power, so that it will not decay or shrivel after death, so its bearing, seeing, and hearing will be no different from before, and all cures will be effected. The Buddha, the Truly Enlightened One, the unexcelled master physician, is also like this, having developed and perfected the medicines of the Teaching over countless eons, having cultivated and learned all skills in application of means and fully consummated the power of illuminating spells, is able to quell all sentient beings' afflictions. Buddha's life spans measureless eons, the body pure, without any cognition, without activity, never ceasing the works of Buddhas; the afflictions of all sentient beings who see Buddha dissolve away. ***The Ninth characteristic of the body of Buddha:*** In the ocean there is a great jewel called radiant repository, in which are assembled all lights: if any sentient beings touch its light, they become assimilated to its color; if any see it, their eyes are purified; whenever the light shines it rains jewels called felicity that soothe and comfort beings. The body of Buddha is also like this, being a treasury of knowledge in which are collected all virtues: if any sentient beings come in contact with the light of precious knowledge of the body of Buddha, they become the same as Buddha in appearance; if any see it their eye of reality is purified; wherever that light shines, it frees sentient beings from the miseries of poverty and ultimately imbues them with the bliss of enlightenment, but can perform great Buddha-works for all sentient beings. ***The tenth characteristic of the body of Buddha:*** In the ocean is a great wish-fulfilling jewel called treasury of adornments of all worlds, fully endowed with a million qualities, eliminating calamities and fulfilling wishes of beings wherever it is. However, this jewel cannot be seen by beings of little merit. The supreme wish-fulfilling

jewel of the body of Buddha is also like this; called able to gladden all beings, if any sentient beings see the body of Buddha, hear the name, and praise the virtues, they will all be enabled to escape forever the pains and ills of birth and death. Even if all beings in all worlds focus their minds all at once on the desire to see Buddha, they will all be enabled to see and their wish will be fulfilled. The Buddha-body cannot be seen by sentient beings of little merit unless they can be tamed by the spiritual power of Buddha; if sentient beings, because of seeing the body of Buddha, plant roots of goodness and develop them, they are enabled to see the body of Buddha for their development. Great enlightening beings should see it thus, because their minds are measureless, pervading the ten directions, because their actions are as unhindered as space, because they penetrate everywhere in the realm of reality, because they abide in the absolute truth, because they have no birth or death, because they remain equal throughout past, present, and future, because they are forever rid of all false discriminations, because they continue their eternal vows, because they purify all worlds, because they adorn each Buddha-body.



**Chương Hai Mươi Hai**  
**Chapter Twenty-Two**

**Mười Thân Toàn Thiện Của Đức Như Lai**

Theo Trường Bộ, Kinh Phúng Tụng, Như Lai thanh tịnh thiện hành về thân. Như Lai không có ác hạnh về thân mà Như Lai phải gìn giữ. Đây là thân toàn thiện của các đức Như Lai. Theo các truyền thống Phật giáo, Đức Phật có mười thân toàn thiện. **Thứ nhất** là Bồ đề thân. Đây là Chánh Giác Phật hay Vô Trước Phật. Vì thành tựu chánh giác nên không dính mắc vào sanh tử; tuy nhiên vì trụ ở thế gian nên không dính mắc vào Niết Bàn. **Thứ nhì** là Nguyên thân hay Nguyên Phật. Đây là thân Phật nguyện sanh vào cõi trời Đâu Suất. **Thứ ba** là Hóa thân. Phật là hóa thân sanh làm người (làm thái tử nơi cung vua). **Thứ tư** là Trú trì thân. Trụ trì Phật và thân sau khi thị tịch chỉ còn lại xá lợi thân mà trụ trì vào Phật pháp. **Thứ năm** là Tướng hảo trang nghiêm thân hay nghiệp báo Phật. Đó là thân Phật có vô biên tướng hảo trang nghiêm, là công đức báo đáp vạn hạnh nghiệp nhân. **Thứ sáu** là Thế lực thân (Tâm Phật). Lấy cái tâm từ bi của Phật để nhiếp phục tất cả. **Thứ bảy** là Như Ý thân (Ý sinh thân) hay Như Ý Phật. Thân Phật đối với chư vị Bồ Tát thị hiện tùy theo ý muốn và nhu cầu của chúng sanh. **Thứ tám** là Phúc đức thân (Tam muội thân). Thân thường trụ tam muội hay thân của phúc đức cao nhất. **Thứ chín** là Trí thân (Tĩnh Phật). Đại viên trí vốn có nơi chư Phật. **Thứ mười** là Pháp thân. Thân Phật tuyệt đối (cuối cùng).

**Ten Perfect Bodies of a Tathagata**

According to The Long Discourses of the Buddha, Sangiti Sutra, a Tathagata is perfectly pure in bodily conduct. There is no misdeed of body, so Tathagata has no need to guard against his body. This is the perfect body of Tathagatas. According to Buddhist traditions, the Buddha has ten perfect bodies. **The first perfect body of the Buddha** is the Bodhi-body which is in possession of complete enlightenment. **The second perfect body of the Buddha** is the Vow-body, i.e. the vow to be born in and from the Tusita heaven. **The third perfect body of the**

**Buddha** is the Nirmanakaya. Buddha incarnate as a man in the royal palace. **Fourth**, the Buddha who still occupies his relics or what he has left behind on earth and thus upholds the dharmas. **The fifth perfect body of the Buddha** is the Sambhogakaya. Endowed with an idealized body with all Buddha marks and merits. **Sixth**, Power-body, embracing all with his heart of mercy. **Seventh**, At-will-body, appearing according to wish and need. **Eighth**, Samadhi body, or body of blessed virtue. **Ninth**, Wisdom-body, whose nature embraces all kinds of wisdom. **The tenth perfect body of the Buddha** is the Dharmakaya. The absolute Buddha or essence of all life.



**Chương Hai Mươi Ba**  
**Chapter Twenty-Three**

**Ba Mươi Hai Tướng Hảo Của Đức Như Lai**

Ba mươi hai tướng tốt của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai hiện lên do thiện nghiệp từ nhiều đời trước: bàn chân bằng thẳng; chỉ dưới bàn chân có ngàn cái xoáy tròn ốc như hình cả ngàn cây cắm bánh xe; ngón tay dài, đầu ngón nhỏ và nhọn; tay chân đều mềm mịn; trong kẽ tay kẽ chân có da mỏng như lưới giăng; gót chân đầy đặn; trên bàn chân nổi cao đầy đặn; bắp vế tròn như bắp chuối; khi đứng hai tay dài quá đầu gối; nam căn ẩn kín; thân hình cao lớn và cân phân; lỗ chân lông thường ánh ra sắc xanh; lông trên mình uốn lên trên; thân thể sáng chói như vàng kim; quanh mình thường có hào quang chiếu ra một tầm; da mỏng và mịn; lòng bàn chân, bàn tay, hai vai và trên đỉnh, bảy chỗ ấy đều đầy đặn; hai nách đầy đặn; thân thể oai nghiêm như sư tử; thân thể ngay thẳng; hai vai tròn tựa cân phân; bốn mươi cái răng; răng trắng, trong, đều và khít nhau; bốn răng cửa lớn hơn; gò má nổi cao như hai mép của sư tử; nước miếng đủ chất thơm ngon; lưỡi rộng dài, mềm mỏng, khi le ra đến chân tóc; giọng nói thanh nhã nghe xa, như giọng nói của Đức Phạm Thiên; mắt xanh biếc; lông nheo dài; có chòm lông trắng thường chiếu sáng giữa hai chân mày; thịt nổi cao trên đỉnh đầu như buốt tóc. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy về hảo tướng như sau: Này ông Tu Bồ Đề, ông nghĩ thế nào, Như Lai có thể được nhìn qua hảo tướng hay không? Tu Bồ Đề đáp: Bạch Đức Thế Tôn, không thể nào nhìn Như Lai bằng hảo tướng. Tại sao? Vì Như Lai đã nói hảo tướng không phải là hảo tướng (sắc tức vị không). Đoạn Đức Phật nói với Tu Bồ Đề, “Chư tướng đều là hư vọng. Nếu ông thấy tướng không tướng tức là ông thấy Như Lai vậy.” Này ông Tu Bồ Đề, ông nghĩ thế nào, Như Lai có thể được nhìn qua 32 hảo tướng hay không? Tu Bồ Đề đáp: Bạch Đức Thế Tôn, không thể nào nhìn Như Lai bằng 32 hảo tướng. Tại sao? Vì Như Lai đã nói 32 hảo tướng tức thị không phải là 32 hảo tướng.

### *Tathagatas' Thirty-Two Marks of Perfection*

Thirty two forms of Sakyamuni Tathagata or thirty-two characteristic physiological marks (Dvatrimshadvara-Lakshana or thirty-two auspicious marks) which attribute a natural reward for a specific kind of good karma the Buddha creates during many past lives: level and full feet; thousand-spoke wheel-sign on each of his feet; long slender fingers; pliant (soft supple) hands and feet; toes and fingers finely webbed, fine webbing lacing his fingers and toes; full-sized heels, well set and even heels; arched top feet or arched insteps; thighs like a royal stag; hand reaching below the knees, long graceful hands which reach below the knees; well-retracted male organ; height and stretch or arms equal; every hair-root dark colored, imperial blue hair roots; body hair graceful and curly (curls upward); golden-hued body, body of the color of true gold; ten-foot halo around him or ten foot aura encircling him; soft smooth skin; two soles, two palms, two shoulders, and crown well-rounded (distinctive and full); below armpits well-filled; lion-shaped body or upper torso like that of a royal lion; erect and upright body; full and round shoulders like a Banyan tree; forty teeth; teeth white even and close; four canine teeth pure white; lion-jawed; saliva improving the taste of all food; tongue long and broad (vast); voice deep and resonant which emits Brahma-pure sounds; eyes deep (violet) blue; eye lashes like a royal bull; a white urna or curl between the eyebrows emitting light; and an usnisa or fleshy protuberance on the crown. In the Flower Adornment Sutra, the Buddha's teachings on thirty-two characteristic physiological marks as follows: Subhuti, what do you think, can the Tathagata be seen by his physical marks? Subhuti responded: No, World Honored One, the Tathagata cannot be seen by his physical marks. And why? It is because the physical marks are spoken of by the Tathagata as no physical marks. Then the Buddha said to Subhuti, "All with marks is empty and false. If you can see all marks as no marks, then you see the Tathagata." Subhuti, what do you think, can the Tathagata be seen by means of the Thirty-two Marks? Subhuti responded: No, World Honored One, the Tathagata cannot be seen by means of the Thirty-two Marks. And why? It is because the Thirty-two Marks are spoken of by the Tathagata as no Thirty-two Marks.

**Chương Hai Mươi Bốn**  
**Chapter Twenty-Four**

**Huyền Lực Của Chư Như Lai**

**I. Thập Lực Như Lai:**

Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ lực của chư Phật: Tối thượng lực, Vô lượng lực, Quảng đại lực, Đại oai đức lực, Nan hoạch lực, Bất thối lực, Kiên cố lực, Bất hoại lực, tất cả thế gian bất tư nghì lực, và tất cả chúng sanh vô năng động lực. Lại có mười đại lực khác của đức Như Lai hay Cụ Túc Thập Lực: Thứ nhất là tri thị xứ phi xứ trí lực; khả năng biết sự lý là đúng hay chẳng đúng. Thứ nhì là tri tam thế nghiệp báo Trí lực (Tri Thượng Hạ Trí Lực). Thứ ba là tri chư Thiên giải thoát Tam muội. Thứ tư là tri chúng sanh tâm tánh Trí lực. Thứ năm là tri chủng chủng giải trí lực; biết được sự hiểu biết của chúng sanh. Thứ sáu là tri chủng chủng giới trí lực hay biết hết các cảnh giới. Thứ bảy là tri nhứt thiết sở đạo trí lực; biết hết phần hành hữu lậu của lục đạo. Thứ tám là tri thiên nhãn vô ngại trí lực; thấy biết tất cả sự việc của chúng sanh. Thứ chín là tri túc mạng vô lậu trí lực; biết các đời trước rất xa của chúng sanh. Thứ mười là tri vĩnh đoạn tập khí trí lực; biết đoạn hẳn các tập khí. Ngoài ra, đức Như Lai là Đấng Thập Lực hay Đấng còn có đầy đủ thập tri kiến. Thập lực (mười khả năng nơi một vị Phật): Thứ nhất là nhận biết bằng trực giác về cái có thể và cái không có thể trong mọi hoàn cảnh. Thứ nhì là nhận thức sự chín muồi của những hành động. Thứ ba là nhận thức về những năng lực cao nhất và thấp nhất nơi tha nhân. Thứ tư là nhận thức về những thiên hướng của họ. Thứ năm là nhận thức về những thành tố của thế giới. Thứ sáu là nhận thức về nhiều con đường dẫn tới những trạng huống tái sanh khác nhau. Thứ bảy là nhận thức về sự tạo ra thanh trước. Thứ tám là nhận thức về suy tưởng, về đại định, về tam giải thoát và thiên định. Thứ chín là nhận thức về sự chết và tái sanh. Thứ mười là nhận thức về sự suy mòn của nhiễm trước.

**II. Mười Lực Vô Ngại Dụng Của Chư Như Lai:**

Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười lực vô ngại dụng: Thứ nhất là chúng sanh lực vô ngại dụng, vì giáo hóa điều phục chẳng bỏ rời. Thứ nhì là sát lực vô ngại dụng, vì thị hiện bất khả thuyết trang

nghiêm để trang nghiêm. Thứ ba là pháp lực vô ngại dụng, vì làm cho tất cả thân vào một thân. Thứ tư là kiếp lực vô ngại dụng, vì giác ngộ thù miên. Thứ năm là Như Lai lực vô ngại dụng, vì giác ngộ thù miên. Thứ sáu là hành lực vô ngại dụng, vì nhiếp thủ tất cả Bồ Tát hạnh. Thứ bảy là Như Lai lực vô ngại dụng, vì độ thoát tất cả chúng sanh. Thứ tám là vô sư lực vô ngại dụng, vì tự giác tất cả các pháp. Thứ chín là Nhứt thiết trí lực vô ngại dụng, vì dùng nhứt thiết trí thành chánh giác. Thứ mười là đại bi lực vô ngại, vì chẳng bỏ tất cả chúng sanh.

### **III. Mười Thân Lực Của Đức Như Lai:**

Theo Kinh Pháp Hoa, phẩm 21, Đức Như Lai có 10 thân lực. **Thứ nhất là thân lực đưa tướng lười rộng dài.** Trong tất cả các cuộc thuyết giảng, Đức Phật đưa “tướng lười rộng dài của Ngài chạm đến cõi Phạm Thiên.” Điều này khiến chúng ta lấy làm lạ hôm nay, nhưng đây là phát xuất từ một tập tục cổ của Ấn Độ. Tại Ấn Độ thời cổ, đưa lười rộng dài là một động tác tỏ rằng những gì người nói là thật. Qua thân lực đầu tiên của Ngài, Đức Phật muốn thổ lộ rằng tất cả những giáo lý Ngài đã giảng là thực và sẽ mãi mãi là thực. Sử dụng một từ ngữ thông dụng, Ngài muốn tỏ rằng Ngài không bao giờ nói hai lưỡi trong tất cả những gì mà Ngài thuyết. **Thứ hai là thân lực chiếu tỏa ánh sáng đẹp từ trên toàn bộ thân thể của Ngài.** Đức Phật Thích Ca hiển lộ thân thông của Ngài bằng cách phóng một ánh sáng đẹp từ trên toàn bộ thân thể của Ngài, chiếu sáng khắp mọi nơi, khắp suốt mọi phương của vũ trụ. Hiện tượng thần bí này có nghĩa là chân lý là ánh sáng xua tan bóng tối không hiện hữu như một thực thể thực sự. Bóng tối chỉ là một trạng thái không được chiếu sáng và sẽ biến mất khi ánh sáng chiếu rọi. Chúng ta cũng có thể nói như vậy với ảo tưởng. Chỉ có chân lý là một hiện hữu thực sự; ảo tưởng là không thực. Ảo tưởng sinh ra từ trạng thái tâm ta chưa hiểu được chân lý. Ảo tưởng sẽ biến mất khỏi tâm ta khi chúng ta hiểu được chân lý. Chân lý thu hút chân lý. Chúng trộn lẫn với nhau và trở thành một. Vào lúc Đức Phật Thích Ca phóng linh quang trên thân thể của Ngài, chư Phật khác cũng theo cách như thế, phóng ánh sáng vô lượng trộn lẫn thành một ánh sáng lớn chiếu khắp mọi nơi trong vũ trụ. Nghĩa là chân lý sẽ được chiếu rọi khắp mọi nơi, hay nói cách khác, mọi người đều sẽ thành Phật. **Thứ ba là thân lực thuyết giảng chân lý.** Kế đến Đức Phật rút lưỡi vào, đảnh hăng

cùng lúc và búng ngón tay đồng thời, có nghĩa là tất cả giáo lý được hợp lại thành một. ***Thứ tư là thần lực hoằng pháp và hành Bồ Tát Đạo.*** Khi Đức Phật làm động tác kế tiếp là “búng ngón tay đồng thời” với một ý nghĩa hết sức đặc biệt: “Xác nhận.” Động tác này cũng phát xuất từ một tập tục Ấn Độ. Chư Phật búng ngón tay cùng một lúc sự hiện diện sự bảo đảm, “Ta phát biểu” hay “Ta hứa sẽ làm điều ấy.” Sự miêu tả tất cả chư Phật đều búng ngón tay đồng thời do đó sẽ giảng Pháp, nói một cách khác, cái hạnh nguyện Bồ Tát của chư vị. ***Thứ năm là thần lực làm rung chuyển đất.*** Khi các Đức Như Lai xuất hiện giảng pháp thì quốc độ của họ rung chuyển theo sáu cách. Sáu phương chấn động theo Kinh Đại Bát Nhã. Khi Thế Tôn nhập sư tử du hý tam muội, thì sáu loại chấn động nổi lên. Khi Đông vọt lên thì Tây chìm xuống; khi Tây vọt lên thì Đông chìm xuống; khi Nam vọt lên thì Bắc chìm xuống; khi Bắc vọt lên thì Nam chìm xuống; khi Bốn bên vọt lên thì chính giữa chìm xuống; khi Chính giữa vọt lên thì bốn bên chìm xuống. ***Thần lực thứ sáu là khiến chúng sanh vui mừng khi đạt được điều mà từ trước đến nay họ chưa từng được kinh qua.*** Khi chư Phật thuyết pháp thì tất cả chúng sanh trong các cõi từ trời, rồng, dạ xoa, càn thác bà, ca lâu na, khẩn na la, ma hầu la già, nhân, phi nhân...do thần lực của Đức Phật, đều thấy trong thế giới ta bà này vô lượng, vô biên, trăm ngàn vạn ức Đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới tất cả cây báu. Sau đó họ đều vui mừng khi đạt được điều mà từ trước đến nay họ chưa từng được kinh qua. ***Thần lực thứ bảy là đưa tất cả chúng sanh cùng đến cảnh giới Niết Bàn trong tương lai.*** Khi Đức Phật xuất hiện giảng kinh Pháp Hoa, tất cả chúng sanh, nhân và phi nhân, được thấy đại chúng hội của Đức Phật Thích Ca Mau Ni, cùng với Đức Đa Bảo Như Lai và nhiều vị Phật khác. Đây gọi là “Phổ Kiến Đại Hội,” vì tất cả chúng sanh đều thấy hết đại chúng của Đức Phật được vây quanh bởi nhiều Đức Phật khác, ám chỉ rằng Đức Phật có thần lực đưa tất cả chúng sanh cùng đến cảnh giới Niết Bàn trong tương lai. Và qua điều này Đức Phật muốn gửi cho tất cả chúng ta một thông điệp: “tất cả chúng sanh đều có thể nhận biết giáo lý của Đức Phật như nhau.” Tuy nhiên, khả năng lãnh hội Phật pháp của mỗi người khác nhau. Một số người có thể dễ dàng trong khi rất khó khăn đối với những người khác. Do đó mà phương tiện thiện xảo được Phật dùng theo nhiều cách khác nhau tùy khả năng khác nhau của họ. Đây là tình trạng hiện tại của con người, nhưng trong tương lai vĩnh cửu, ai nấy đều có thể giác ngộ

thành Phật. ***Thần lực thứ tám là giảng kinh độ chúng nơi cõi Ta Bà.*** Khi Đức Phật xuất hiện, đồng thời tất cả chư Thiên từ hư không cất cao giọng xưng rằng: “Vượt ngoài vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ thế giới này, có một cõi tên là Ta Bà. Ở giữa cõi ấy có một vị Phật tên Thích Ca Mâu Ni. Giờ đây Ngài vì tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát mà giảng kinh độ chúng. ***Thần lực thứ chín là làm cho tất cả mọi người tu tập hằng ngày phù hợp với Phật tâm.*** Khi Đức Phật xuất hiện, chư Thiên từ xa rải vào thế giới Ta Bà các thứ hương, hoa, hương thơm, tràng hoa, lọng, cũng như các đồ trang sức, châu ngọc và các thứ tuyệt diệu khác. Hiện tượng này có nghĩa là trong tương lai, việc tu tập của tất cả mọi người sẽ đều là những thứ cúng dường như nhau cho Đức Phật. Sự cúng dường lớn nhất cho Đức Phật là làm cho tất cả mọi người tu tập hằng ngày phù hợp với Phật tâm. ***Thần lực thứ mười là khiến tất cả các thế giới trong vũ trụ sẽ hợp nhất không ngăn ngại thành một Phật quốc.*** Khi Đức Phật xuất hiện, tất cả các thế giới trong vũ trụ sẽ hợp nhất không ngăn ngại thành một Phật quốc. Thế giới Ta Bà được gọi là cảnh giới của ảo tưởng, trong khi Tịnh Độ được gọi là cảnh giới đẹp đẽ không có khổ đau, và địa ngục là một cõi đại khổ. Nhưng nếu chúng sanh sống hoàn toàn vì chân lý nhờ vào Phật pháp thì vũ trụ này sẽ hợp nhất thành một cõi Phật không có phân biệt giữa cõi trời, cõi Ta Bà hay cõi địa ngục, vào một lúc nào đó trong tương lai, mọi sự tiến đến chân lý và sẽ đóng góp vào việc sáng tạo một thế giới hài hòa toàn hảo.

#### ***IV. Mười Thần Lực Vô Ngại Dụng Của Chư Như Lai:***

Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười thần lực vô ngại dụng. Thứ nhất là đem bất khả thuyết thế giới để vào một vi trần. Thứ nhì là trong một vi trần hiện khắp thế giới tất cả cõi Phật. Thứ ba là đem nước tất cả đại hải để vào một lỗ lông qua lại cùng khắp mười phương thế giới mà không làm xúc não chúng sanh. Thứ tư là đem bất khả thuyết thế giới nạp trong thân mình, thị hiện tất cả việc làm do sức thần thông. Thứ năm là dùng một sợi lông buộc bất khả thuyết thế giới và cầm đi du hành tất cả thế giới, mà chẳng làm cho chúng sanh có lòng kinh sợ. Thứ sáu là đem bất khả thuyết kiếp làm một kiếp, một kiếp làm bất khả thuyết kiếp, trong đó thị hiện sự thành hoại sai biệt, mà chẳng làm cho chúng sanh có lòng kinh sợ. Thứ bảy là trong tất cả thế giới hiện thủy, hỏa và phong tai, những sự biến hoại mà chẳng não

hại chúng sanh. Thứ tám là tất cả thế giới lúc tam tai hoại, đều có thể hộ trì đồ dùng của tất cả chúng sanh, chẳng để tổn hư thiếu thốn. Thứ chín là dùng một tay cầm bắt tứ nghì thế giới ném ra ngoài bất khả thuyết thế giới, chẳng làm cho chúng sanh có ý tưởng kinh sợ. Thứ mười là nói tất cả cõi đồng với hư không, làm cho các chúng sanh đều được tỏ ngộ.

***V. Mười Năng Lực Lãnh Hội Viên Mãn Của Kiến Thức Mà Chỉ Đức Như Lai Mới Có:***

Theo Kinh Pháp Hoa, có mười sự lãnh hội viên mãn hay mười phạm vi của kiến thức mà chỉ có Đức Phật mới có. Thứ nhất là năng lực biết cái đúng và cái sai. Thứ nhì là năng lực biết hậu quả của nghiệp. Thứ ba là năng lực biết tất cả các thiên định và quán chiếu. Thứ tư là năng lực biết khả năng cao thấp của chúng sanh. Thứ năm là năng lực biết chúng sanh hiểu biết cái gì. Thứ sáu là năng lực biết bản tánh và hành động của chúng sanh. Thứ bảy là năng lực biết nhân quả của chúng sanh trong mọi cảnh giới. Thứ tám là năng lực biết kết quả của nghiệp trong những đời quá khứ. Thứ chín là năng lực biết bằng trí siêu phàm. Thứ mười là năng lực thoát khỏi mọi sai lầm, hay không thể sai lầm trong cái biết.

***Wonderful Powers of Tathagatas***

***I. Ten Powers of a Tathagata:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of might with enormous power of all Buddhas: Supreme power, Measureless power, Grandiose power, Awesome power, Power difficult to acquire, Undiminishing power, Stable power, Indestructible power, Power inconceivable to any worldlings, and Power that all living beings cannot shake. There are also ten other great powers of a Buddha or the ten powers (Dasa-tathagata-balani) of the Tathagata: First, complete knowledge of what is right or wrong in every condition; the power of knowing from awakening to what is and what is not the case (knowing right and wrong or the power to distinguish right from wrong). Second, complete knowledge of what is the karma of every being past, present and future; the power of knowing karmic retributions throughout the three periods of time

(knowing what karmic effects follow from which causes). Third, complete knowledge of all stages of dhyana liberation and samadhi; the power of knowing all dhyanas, liberations and samadhis (knowing the various balanced states, including four dhyanas, eight states of liberation, three samadhi, etc). Fourth, complete knowledge of the powers and faculties of all beings; the power of knowing all faculties whether superior or inferior (knowing the superior or inferior makings of others). Fifth, complete knowledge of the desires or moral direction of every being; the power of knowing the various realms (knowing the desires of others). Sixth, complete knowledge of actual condition of every individual; the power of knowing the various understanding (knowing the states of others). Seventh, complete knowledge of the direction and consequence of all laws; the power of knowing where all paths lead (knowing the destinations of others, either nirvana or hell). Eighth, complete knowledge of all causes of mortality and of good and evil in their reality; the power of knowing through the heavenly eye without obstruction (knowing the past). Ninth, complete knowledge of remote lives of all beings, the end of all beings and nirvana; the power of knowing previous lives without outflows (Buddha-power to know life and death, or all previous transmigrations). Tenth, complete knowledge of the destruction of all illusion of every kind; the power of knowing from having cut off all habits forever (knowing how to end excesses). Besides, Tathagatas also have ten powers or ten abilities possessed by a Buddha: First, knowledge concerning what is possible and impossible in any situation. Second, vipaka or knowledge concerning the ripening of deeds. Third, knowledge concerning the superior and inferior abilities of other beings. Fourth, knowledge concerning their tendencies. Fifth, knowledge concerning the manifold constituents of the world. Sixth, knowledge concerning the paths leading to the various realms of existence. Seventh, knowledge concerning the engendering of purity and impurity. Eighth, knowledge concerning the contemplations, meditative states (samadhi), the three liberations, and the absorption (dhyana). Ninth, knowledge concerning deaths and rebirths. Tenth, knowledge concerning the exhaustion of all defilements (asrava).



## ***II. Tathagatas' Ten Kinds of Unimpeded Function Relating to Power:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of unimpeded function relating to power: First, unimpeded function of power relating to sentient beings, teaching and taming them without abandoning them. Second, power relating to lands, manifesting untold adornment and arraying them. Third, power relating to phenomena, causing all bodies to enter the bodiless. Fourth, power relating to aeons, cultivating practices unceasingly. Fifth, power of enlightenment, awakening those who are asleep. Sixth, power of action including all practices of enlightening beings. Seventh, power of Tathagatas, liberating all sentient beings. Eighth, teacherless power, spontaneously awakening to all truth. Ninth, power of omniscience, attaining true enlightenment by omniscience. Tenth, power of great compassion, not abandoning sentient beings.

## ***III. Ten Divine Powers of a Tathagata:***

According to the Lotus Sutra, Chapter 21, there are ten divine powers of a Tathagata. ***First, divine power of putting forth His broad and far-stretched tongue:*** In all his preachings, the Buddha put forth “his broad and far-stretched tongue till it reached upward to the Brahma world.” This expression may strike us today as strange, but it comes from an old Indian custom. In ancient India, to put one’s tongue out was an action showing the truth of what one said. Through his first divine power, the Buddha revealed that all teachings that he had preached were true and would be so eternally. To use a common expression, he showed that he was never two-tongued in what he preached. ***Second, divine power of shinning beautiful light from his whole body:*** Sakyamuni Buddha revealed his divine power by radiating a beautiful light from his whole body, shinning everywhere throughout all directions of the universe. This mysterious phenomenon signifies that the truth is the light that dispels the darkness of illusion, darkness does not exist as a real entity. Darkness is only a nonlighted state and will disappear when light shines. The same thing can be said of illusion. Only the truth has real existence; illusion is unreal. Illusion is born from the state in which our minds do not yet realize the truth. Illusion will disappear from our minds when we realize the truth. Truth attracts Truth. They blend together and become one. The moment

Sakyamuni Buddha radiated the sacred light from his body, the other Buddhas also in like manner radiated infinite light, which melted into one great light that shone everywhere throughout the universe. This means “Truth” will be spread everywhere, or all people from the Saha world will eventually become Buddhas. ***Third, divine power of preaching of the truth:*** The Buddha drew back his tongue, coughed simultaneously, and snapped his fingers in unison. The phrase “cough simultaneously” means that all the teachings are united into one, and the voices raised in a cough signify the preaching of the teaching. ***Fourth, divine power of spreading the Law and performing the Bodhivattva practice:*** When the Buddha made the next move: “snapped their fingers in unison,” with a special meaning: “Confirmation.” This action also came from an Indian custom. The Buddhas’ snapping their fingers in unison represent their assurance, “I give my words,” or “I promise to do it.” The description of all the Buddhas snapping their finger unision therefore signifies their solumn promise to spread the Law, in other words, their vow to perform the Bodhivattva practice. ***Fifth, devine power of earth shaking.*** When the Buddhas appear to preach, all their lands being shaken in six ways. Earthquakes in six directions, according to the Maha-Prajna Sutra. The six different kinds of shaking of the chiliocosm, or universe, when the Buddha entered into the samadhi of joyful wandering: when the East rose and the West sank; when the West rose and the east sank; when the South rose and the North sank; when the North rose and the South sank; when the surroundings (borders) rose the centre (middle) sank; when the Centre (middle) rose and the surroundings (borders) sank. ***Sixth, divine power of causing sentient beings happily obtaining that which they had never experienced before:*** When the Buddha preaches his teachings, all living beings, gods, dragons, yakshas, gandharvas, asuras, garudas, kimnaras, mahogaras, human and non-human beings, and other creatures, by the reason of the divine power of the Buddha, all saw this saha world the infinite, the boundless, hundred thousand myriad kotis of Buddhas, seated on the lion throne, under all the Jewel trees, and saw Sakyamuni together with the Tathagata Abundant Treasures, seated on lion thrones in the midst of the stupa, and also saw the infinite, the boundless, hundred thousand myriad kotis of Bodhisattva-mahasattvas, and the four groups of reverently surround

Sakyamuni Buddha. After beholding this they were all greatly delighted, obtaining that which they had never experienced before.

***Seventh, Divine power of leading all sentient beings to be able to attain Nirvana in the future:*** When the Buddhas appear to preach the Lotus Sutra, all creatures, both human and non-human beings, were enabled to see the great assembly of Sakyamuni Buddha, together with the Tathagata Abundant Treasures and many other Buddhas. This state is called “All creatures universally see the great assembly of the Buddha surrounded by many other Buddhas.” And through this the Buddha wanted to send to all of us a message: “All creatures can equally realize the Buddha’s teachings.” However, their capacity to understand the teachings of Buddhism is different. Some can grasp them easily, while others find it very difficult to do so. That’s why tactful means to enlighten people are to be used in various ways according to their differing capacities. This is the present state of human beings, but in an eternal future, all of them will be able to attain enlightenment.

***Eighth, Divien power of preaching the sutras to save beings in the Saha World:*** When the Buddhas appear, all the gods in the sky sang with exalted voices: “Beyond these infinite, boundless, hundreds of thousands of myriads of kotis of asamkhyeya worlds, there is a realm named Saha. In its midst is a Buddha, whose name is Sakyamuni. Now, for the sake of all Bodhisattva-mahasattvas, he preaches the sutras to save beings.”

***Ninth, Divien power of making sentient beings to practice daily in accord with the Buddha’s mind:*** When the Buddhas appear, another mysterious phenomenon happens: “All gods from afar strewed the Saha world with various flowers, incense, garlands, canopies, as well as personal ornaments, gems, and wonderful things. This phenomenon means that, in the future, the practice of all people will make equal offerings to the Buddha. The greatest offering to the Buddha is to make all one’s daily practice in accord with the Buddha’s mind.

***Tenth, Divine power of making all worlds in the universe to be united without barrier as one Buddha-land:*** When the Buddhas appear, all the worlds in the universe will be united without barrier as one Buddha-land. The Saha world is said to be the realm of illusion, while the Pure Land is said to be a beautiful land with no suffering and hell to be a world of suffering. But if all living beings live perfectly for the sake of the truth by means of the Buddha’s teachings, this universe will be united into

one Buddha-land with no distinction between the world of heaven, the Saha world, and the world of hell. Because the truth is one, all things will tend toward the truth sometime in the future and will contribute to creating a world of perfect harmony.

***IV. Tathagatas' Ten Kinds of Unimpeded Function Relating to Miraculous Abilities:***

Ten kinds of unimpeded function relating to miraculous abilities according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38. First, place untold worlds in one atom. Second, manifest all Buddha-lands, equal to the cosmos, in a single atom. Third, place the water of all oceans in one pore and travel throughout the universe, without the sentient beings therein being disturbed. Fourth, contain untold worlds within their own bodies and manifest all spiritual powers. Fifth, tie up innumerable mountain chains with a single hair and carry them through all worlds, without frightening sentient beings. Sixth, make untold ages one age and make one age untold ages, showing therein the differences of formation and disintegration, without scaring sentient beings. Seventh, in all worlds they show various changes and devastations by floods, conflagrations, and gales, without troubling sentient beings. Eighth, when such disasters arise they can safeguard the necessities of life of all sentient beings in all worlds, not letting them be damaged or lost. Ninth, can hold inconceivably many worlds in one hand and toss them beyond untold worlds, without exciting fear in the sentient beings. Tenth, explain how all lands are the same as space, causing sentient beings all to gain understanding.

***V. Ten Kinds of Power of Perfect Comprehension of a Tathagata:***

According to the Lotus Sutra, there are ten kinds of perfect comprehension of a Buddha, or ten fields of knowledge that belong only to the Buddha. First, the power to know right and wrong states. Second, the power to know the consequences of karma. Third, the power to know all meditations and contemplations. Fourth, the power to know the various higher and lower capacities of living beings. Fifth, the power to know what living beings understand. Sixth, the power to know the basic nature and actions of living beings. Seventh, the power to know the causes and effects of living beings in all worlds. Eighth, the power to know the results of karma in past lives. Ninth, the power to know by supernatural insight. Tenth, the power of being free from all error, or infallibility in knowledge.

**Chương Hai Mươi Lăm**  
**Chapter Twenty-Five**

**Cách Chuyển Pháp Luân**  
**Của Các Đức Như Lai**

Chuyển Pháp Luân là chuyển bánh xe Phật Pháp hay thuyết Phật Pháp. Chuyển Pháp Luân có nghĩa là tuyên thuyết lý tưởng của Phật, hay thể hiện lý tưởng của Phật trong thế gian, nghĩa là kiến lập vương quốc của Chánh Pháp. Pháp Luân tượng trưng cho giáo lý của Đức Phật. Tám cây cãm của bánh xe tượng trưng cho Bát Thánh Đạo. Ngày nay, Pháp Luân được quốc tế dùng làm biểu tượng của đạo Phật.

***I. Mười Cách Chuyển Pháp Luân Của Các Đức Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, các Đức Như Lai có mười cách chuyển Pháp Luân: thanh tịnh đầy đủ bốn trí vô úy; xuất sanh bốn biện tài tùy thuận âm thanh; khéo có thể khai triển tướng của bốn chân đế; tùy thuận chư Phật vô ngại giải thoát; có thể làm cho chúng sanh phát tâm tin thanh tịnh; những lời nói ra đều không luống công, đều có thể nhỏ trừ tên độc đau khổ cho tất cả chúng sanh; đại bi nguyện lực gia trì; khi phát âm sẽ vang vọng khắp cùng tất cả thế giới mười phương; trong vô số kiếp chẳng ngớt thuyết pháp; lời thuyết nào cũng đều có thể giúp phát khởi những pháp căn, lực, giác, đạo, thiền định, giải thoát và tam muội.

***II. Mười Điều Biết Hết Tất Cả Các Pháp Không Thừa Sót Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười điều biết hết tất cả các pháp không thừa sót của chư Như Lai: biết hết tất cả pháp quá khứ không thừa sót; biết hết tất cả pháp vị lai không thừa sót; biết hết tất cả pháp hiện tại không thừa sót; biết hết tất cả pháp ngôn ngữ không thừa sót; biết hết tất cả tâm chúng sanh không thừa sót; biết hết tất cả những phần vị thượng trung hạ thiện căn của chư Bồ Tát không thừa sót; biết hết tất cả trí viên mãn và công đức của chư Phật không thừa sót; biết hết tất cả pháp đều từ duyên khởi không thừa sót; biết hết tất

cả đạo thế gian không thừa sót; biết hết tất cả thế giới chúng, trong tất cả pháp giới những sự sai biệt như lưới Thiên Đế không thừa sót.

### ***III. Mười Môn Diễn Thuyết Vô Lượng Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười môn diễn thuyết vô lượng của chư Như Lai. Chư Như Lai diễn thuyết vô lượng như: thiết chư Như Lai trí môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng giải thoát môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng chúng sanh hạnh môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng chúng sanh nghiệp quả môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng giáo hóa chúng sanh môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng tịnh chúng sanh môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng Bồ Tát nguyện môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng Bồ Tát hạnh môn; chư Như Lai diễn thuyết tất cả thành kiếp-hoại kiếp môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng Bồ Tát thâm tâm tịnh Như Lai sát môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng tất cả thế giới tam thế chư Như Lai nơi những kiếp đó thứ đệ xuất hiện môn.

### ***Aspects of the Turning of the Great Wheel of Teaching***

Dharma Cakra Pravartana or to turn the Dharma Cakra (wheel) of dharma means to turn the wheel of the Dharma. To turn or roll along the Law-wheel, i.e. to preach Buddha-truth, or to explain the religion of Buddha (Buddhist preaching). Turning the Wheel of Truth means 'preaching the Buddha's Ideal,' or the 'realization of the Buddha's Ideal in the world,' i.e., the foundation of Kingdom of Truth. The Dharma Wheel symbolizes the Buddha's Teaching. The eight spokes of the wheel represent the Noble Eight-fold Path. Nowadays, the Dharma Wheel is used internationally as the symbol of Buddhism.

#### ***I. Ten Aspects of the Turning of the Great Wheel of Teaching:***

According to the Flower Adornment Sutra, there are ten aspects of the turning of the great wheel of teaching by truly awakened Buddhas: they are imbued with the knowledge of the four pure fearlessness; they produce utterances consonant with the four intellectual powers; they are able to expound the characteristics of the four truths; they accord with the unobstructed liberation of all Buddhas; they are able to provoke pure faith in the minds of all sentient beings; whatever they

say is not in vain, being able to extract the poison arrows of suffering from sentient beings; they are supported by the power of great compassionate commitment; their utterances pervade all worlds; teach endlessly for incalculable eons; the teachings they utter are all able to produce spiritual faculties and powers, ways of awakening, meditations, liberations, concentrations and such phenomena.

***II. Ten Exhaustive Knowledges of all Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten exhaustive knowledges of all Tathagatas: they know all things of the past exhaustively; they know all things of the future exhaustively; they know all things of the present exhaustively; they know all principles of language exhaustively; they know all sentient beings' minds exhaustively; they know all the various ranks, high, middling, and low of the roots of goodness of Enlightening Beings; they know all Buddhas' complete knowledge and virtues do not increase or decrease; they know all phenomena come from interdependent origination; they know all world systems exhaustively; they know all the different phenomena in all worlds, interrelated in Indra's net.

***III. Ten Kinds of Exposition of the Innumerable Facets of the Teaching of the Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of exposition of the innumerable facets of the Teaching of the Tathagatas. All Tathagatas expound the ways of knowledge of all Tathagatas; all Tathagatas expound innumerable facets of the realms of sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of the activities of sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of effects of acts of sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of teaching sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of purifying sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of vows of enlightening beings; all Tathagatas expound innumerable facets of practices of enlightening beings; all Tathagatas expound innumerable facets of the ages of becoming and decay of all worlds; all Tathagatas expound innumerable facets of enlightening beings devotedly purifying Buddha-lands; all Tathagatas expound innumerable facets of successive emergence in

each age of the past, present and future Tathagatas in innumerable worlds.



**Chương Hai Mươi Sáu**  
**Chapter Twenty-Six**

**Như Lai Đức-Lực Thù Thắng**

**I. Như Lai Tứ Bình Đẳng:**

Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật dạy: “Ta nói trong chúng hội giáo lý thâm mật về bốn bình đẳng rằng xưa kia Ta đã từng là Đức Phật Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm Mâu Ni, hay Ca Diếp.” Bốn loại bình đẳng đối với những ai tu tập đời sống phạm hạnh: *Thứ nhất là Danh Tự Bình Đẳng*: Bình đẳng về chữ nghĩa là danh hiệu Phật được nêu như nhau cho hết thấy chư Như Lai, không có sự phân biệt nào trong chư vị trong phạm vi của chữ PHẬT. *Thứ nhì là Ngôn Từ Bình Đẳng*: Bình đẳng về ngôn từ nghĩa là tất cả chư Như Lai đều nói sáu mươi bốn âm giai hay âm thanh khác nhau mà ngôn ngữ của Phạm Thiên phát âm, và nghĩa là ngôn ngữ của chư Như Lai nghe ra giống như âm giai của loài chim Ca Lăng Tần Già. *Thứ ba là Nghĩa Bình Đẳng*: Bình đẳng về thân nghĩa là tất cả các Đức Như Lai đều không khác biệt khi được xét về Pháp Thân (Dharmakaya), về đặc trưng thuộc về thân thể hay sắc tướng (rupalakshana), và các nét cao đẹp phụ hay hảo tướng. Tuy vậy, chư Như Lai khác nhau khi được nhìn bởi chúng sanh khác nhau mà chư vị đang điều ngự dạy bảo. *Thứ tư là Pháp Bình Đẳng*: Bình đẳng về chân lý có nghĩa là tất cả chư Như Lai đều đạt cùng một sự thể chứng nhờ vào ba mươi bảy phần chứng ngộ.

Riêng về sự bình đẳng về chân lý đã được chư Phật dạy, theo Kinh Duy Ma Cật, Phẩm Đệ Tử, khi Đức Phật bảo Tu Bồ Đề đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật dùm Ngài. Tu Bồ Đề bèn bạch Phật như sau: Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lại thuở trước, con vào khất thực nơi nhà ông, lúc đó trưởng giả Duy Ma Cật lấy cái bát của con đựng đầy cơm rồi nói với con rằng “Thưa ngài Tu Bồ Đề! Đối với cơm bình đẳng, thì các Pháp cũng bình đẳng, các Pháp bình đẳng thì cơm cũng bình đẳng, đi khất thực như thế mới nên lãnh món ăn. Như Tu Bồ Đề không trừ dâm nộ si, cũng không chung cùng với nó, không hoại thân mà theo một hình tướng, không dứt si ái sanh ra giải thoát, ở tướng ngũ nghịch mà đạt giải thoát, không mở cũng không buộc, không thấy tứ đế cũng không phải không đắc quả, không phải phạm phu cũng không phải rời phạm phu, không phải

Thánh nhơn, không phải không Thánh nhơn, tuy làm nên tất cả các Pháp mà rời tướng các Pháp, thế mới nên lấy món ăn. Như Tu Bồ Đề không thấy Phật, không nghe Pháp, bọn lục sư ngoại đạo kia như Phú Lan Na Ca Diếp, Mạc Đà Lê Câu Xa Lê Tử, San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử, A Kỳ Đa Xý Xá Khâm Ba La, Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên, Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử là thầy của ngài. Ngài theo bọn kia xuất gia, bọn lục sư kia đọa, ngài cũng đọa theo, mới nên lấy món ăn. Tu Bồ Đề! Nếu ngài vào nơi tà kiến, không đến bờ giác, ở nơi tám nạn, đồng với phiền não, lìa Pháp thanh tịnh, ngài được vô tránh tam muội, tất cả chúng sanh cũng được tam muội ấy, những người thí cho ngài chẳng gọi phước điền, những kẻ cúng dường cho ngài đọa vào ba đường ác, ngài cùng với ma nắm tay nhau làm bạn lữ, ngài cùng với các ma và các trần lao như nhau không khác, đối với tất cả chúng sanh mà có lòng oán hận, khinh báng Phật, chê bai Pháp, không vào số chúng Tăng, hoàn toàn không được diệt độ, nếu ngài được như thế mới nên lấy món ăn. Bạch Thế Tôn! Lúc đó con nghe những lời ấy rồi mờ mịt không biết là nói gì, cũng không biết lấy lời chi đáp, con liền để bát lại muốn ra khỏi nhà ông. Ông Duy Ma Cật nói ‘Thưa ngài Tu Bồ Đề! Ngài lấy bát chớ sợ! Ý ngài nghĩ sao? Như Phật biến ra một ngàn người huyễn hóa và nếu người huyễn hóa đó đem việc này hỏi Ngài, chừng ấy Ngài có sợ chẳng?’ Con đáp: “Không sợ!” Trưởng giả Duy Ma Cật lại nói: “Tất cả các Pháp như tướng huyễn hóa, ngài không nên có tâm sợ sệt. Vì sao? Vì tất cả lời nói năng không lìa tướng huyễn hóa, chỉ như người trí không chấp vào văn tự, nên không sợ. Vì sao thế? Tánh văn tự vốn ly, không có văn tự đó là giải thoát. Tướng giải thoát đó là các Pháp vậy.

## ***II. Như Lai Ngũ Thù Thắng Đức:***

Một đức Như Lai được sự kính trọng của thế gian là vì ngũ thù thắng đức hay là năm đức thù thắng: Thứ nhất là hành vi thù thắng. Thứ nhì là kiến giải thù thắng. Thứ ba là trí huệ thù thắng. Thứ tư là minh thuyết thù thắng. Thứ năm là khả năng thù thắng dẫn đạo chúng sanh y đạo tu hành.

## ***III. Bát Biến Hóa Của Đức Như Lai:***

Tám loại biến hóa hay tám thần thông biến hóa của chư Phật: Thứ nhất là năng tiểu (Animan (skt), có khả năng làm cho nhỏ lại được. Thứ nhì là năng đại (Mahiman (skt), có khả năng làm cho lớn ra được.

Thứ ba là năng khinh (Laghiman (skt), có khả năng làm cho nhẹ đi được. Thứ tư là năng tự tại (Vasitva (skt), có khả năng làm cho tự tại được. Thứ năm là năng hữu chủ (Isitva (skt), có khả năng làm cho có quyền vô hạn ở khắp mọi nơi và trên mọi vật. Thứ sáu là năng viễn chí (Prapti (skt), có khả năng đến nơi xa được hay như ý thân. Thứ bảy là năng động, có khả năng làm cho động được. Thứ tám là tùy ý (Prakamyā (skt), có khả năng làm tùy theo ý mình.

#### ***IV. Tám Đức Hạnh của Đức Như Lai:***

Tám công đức làm cho đức Như Lai có khả năng ban phước hạnh cho con người: Thứ nhất là khả năng làm lợi ích và hạnh phúc cho chúng sanh qua thực hành giáo pháp của Ngài. Thứ nhì là khả năng phán đoán một cách chính xác thiện ác chánh tà. Thứ ba là khả năng giáo đạo chính đạo khiến chúng sanh giác ngộ. Thứ tư là khả năng dẫn đạo khiến chúng sanh nhập chánh đạo. Thứ năm là khả năng tránh tâm kiêu mạn. Thứ sáu là khả năng y ngôn thực hành (nói làm như nói). Thứ bảy là khả năng hướng dẫn chúng sanh một cách bình đẳng. Thứ tám là khả năng hoàn thành mãn túc chư nguyện.

#### ***V. Tám Tài Hùng Biện Của Đức Như Lai:***

Tám tài hùng biện hay Bát Biện hay Tám đặc tính của đức Như Lai trong lúc nói: Thứ nhất là bất tê hát biện (không la ó hò hét). Thứ nhì là bất mê loạn biện (không mê mờ loạn động). Thứ ba là bất bố biện (biện luận không tỏ vẻ khiếp sợ). Thứ tư là bất kiêu mạn biện: Biện luận không tỏ vẻ kiêu mạn. Thứ năm là nghĩa cụ túc biện (biện luận với đầy đủ ý nghĩa). Thứ sáu là vị cụ túc biện (biện luận với đầy đủ hương vị ý vị). Thứ bảy là bất chuyết sát biện (biện luận lưu loát, chẳng vụng về cứng nhắc). Thứ tám là ứng thì phân biệt (biện luận đúng lúc đúng thời).

#### ***VI. Mười Công Đức Lớn Thanh Tịnh Hoàn Toàn Rời Lỗi Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười công đức lớn hoàn toàn rời lỗi thanh tịnh của chư Như Lai. Thứ nhất là chư Như Lai đủ oai đức lớn rời lỗi thanh tịnh. Thứ nhì là chư Như Lai đều sanh nơi nhà tam thế Như Lai, chủng tộc điều thiện rời lỗi thanh tịnh. Thứ ba là chư Như Lai vĩnh viễn tế tâm vô sở trụ, rời lỗi thanh tịnh. Thứ tư là chư Như Lai

nơi pháp tam thế đều vô sở trước, rời lỗi thanh tịnh. Thứ năm là chư Như Lai biết những loại tánh, đều là một tánh, không từ đâu đến, rời lỗi thanh tịnh. Thứ sáu là chư Như Lai từ quá khứ đến hiện tại vị lai phước đức vô tận đồng với pháp giới, rời lỗi thanh tịnh. Thứ bảy là chư Như Lai vô biên thân tướng khắp mười phương cõi, tùy thời điều phục tất cả chúng sanh, rời lỗi thanh tịnh. Thứ tám là chư Như Lai được bốn đức vô úy lia những khủng bố, ở trong chúng hội đại sư tử hống, phân biệt rành rẽ tất cả các pháp, rời lỗi thanh tịnh. Thứ chín là chư Như Lai trong vô lượng kiếp nhập niết bàn, chúng sanh nghe danh hiệu được phước vô lượng như Phật hiện tại công đức không khác, rời lỗi thanh tịnh. Thứ mười là chư Như Lai ở xa trong vô lượng thế giới, nếu có chúng sanh nhứt tâm chánh niệm thời đều được thấy, rời lỗi thanh tịnh.

### ***VII. Mười Tám Công Đức Của Đức Như Lai:***

Theo Kinh Pháp Hoa, có 18 tính chất đặc biệt hay 18 công đức mà chỉ có Đức Phật mới có được: không sai lầm nơi thân thể, không sai lầm về ngôn ngữ, không sai lầm về ý niệm, không bất định về tâm, không có tâm thiên vị, hoàn toàn nhẫn nhục, kiên trì mong muốn cứu độ tất cả chúng sanh, tinh tấn không ngừng nghỉ, nhớ nghĩ không ngừng nghỉ tất cả giáo lý của chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, quán niệm không ngừng nghỉ, trí tuệ bất hư, không bao giờ bị chướng ngại, mọi hành động về thân đều phù hợp với trí tuệ, mọi lời nói đều phù hợp với trí tuệ, mọi ý nghĩ đều phù hợp với trí tuệ, trí tuệ không ngăn ngại trong quá khứ, trí tuệ không ngăn ngại trong tương lai, trí tuệ không ngăn ngại trong hiện tại.

## ***Tathagata's Extraordinary Powers and Virtues***

### ***I. Tathagatas' Fourfold Sameness:***

According to The Lankavatara Sutra, the Buddha taught: “We talk of this in the assembly because of the secret teaching of fourfold sameness, that I was in ancient days the Buddha Krakucchanda, Kanakamuni, or Kasyapa.” Four sorts of sameness for those who discipline themselves in religious life. *The first sort is the “sameness in letters”*: Sameness in letters is meant that the title Buddha is equally given to all Tathagatas, no distinction being made among them as far as these letter BUDDHA go. *The second sort is the “sameness in words”*:

Sameness in words is meant that all the Tathagatas speak in sixty-four different notes or sounds with the language of Brahma is pronounced, and that their language sounding like the notes of Kalavinka bird is common to all the Tathagatas. *The third sort is the "sameness in body"*: Sameness in body is meant that all the Tathagatas show no distinction as far as their Dharmakaya, their corporal features (rupalakshana) and their secondary marks of excellence are concerned. They differ, however, when they are seen by a variety of beings whom they have the special design to control and discipline. *The fourth sort is the "sameness in the truth"*: Sameness in the truth is meant that all Tathagatas attain to the same realization by means of the thirty-seven divisions of enlightenment.

As for the sameness of truth as taught by all the Buddhas, according to The Vimalakirti Sutra, Chapter Three, the Disciples, when the Buddha asked Subhuti to go to visit Vimalakirti on his behalf, Subhuti said to the Buddha as follows: "World Honoured One, I am not qualified to call on him and enquire after his health. The reason is that once when I went to his house begging for food, he took my bowl and filled it with rice, saying: 'Subhuti, if your mind set on eating is in the same state as when confronting all (other) things, and if this uniformity as regards all things equally applies to (the act of) eating, you can then beg for food and eat it. Subhuti, if without cutting off carnality, anger and stupidity you can keep from these (three) evils: if you do not wait for the death of your body to achieve the oneness of all things; if you do not wipe out stupidity and love in your quest of enlightenment and liberation; if you can look into (the underlying nature of) the five deadly sins to win liberation, with at the same time no idea of either bondage or freedom; if you give rise to neither the four noble truths nor their opposites; if you do not hold both the concept of winning and not winning the holy fruit; if you do not regard yourself as a worldly or unworldly man, as a saint or not as a saint; if you perfect all Dharmas while keeping away from the concept of Dharmas, then can you receive and eat the food. Subhuti, if you neither see the Buddha nor hear the Dharma; if the six heterodox teachers, Purana-kasyapa, Maskari-gosaliputra, Yanjaya-vairatiputra, Ajita-kesakambala, Kakuda-katyayana and Nirgrantha-jnatiputra are regarded impartially as your own teachers and if, when they induce leavers of home into

heterodoxy, you also fall with the latter; then you can take away the food and eat it. If you are (unprejudiced about) falling into heresy and regard yourself as not reaching the other shore (of enlightenment); if you (are unprejudiced about) the eight sad conditions and regard yourself as not free from them; if you (are unprejudiced about) defilements and relinquish the concept of pure living; if when you realize samadhi in which there is absence of debate or disputation, all living beings also achieve it; if your donors of food are not regarded (with partiality) as (cultivating) the field of blessedness; if those making offerings to you (are partially looked on as also) falling into the three evil realms of existence; if you (impartially regard demons as your companions without differentiating between them as well as between other forms of defilement; if you are discontented with all living beings, defame the Buddha, break the law (Dharma), do not attain the holy rank, and fail to win liberation; then you can take away the food and eat it. “World Honoured One, I was dumbfounded when I heard his words which were beyond my reach and to which I found no answer. Then I left the bowl of rice and intended to leave his house but Vimalakirti said: ‘Hey, Subhuti, take the bowl of rice without fear. Are you frightened when the Tathagata makes an illusory man ask you questions? I replied: ‘No.’ He then continued: ‘All things are illusory and you should not fear anything. Why? Because words and speech are illusory. So all wise men do not cling to words and speech, and this is why they fear nothing. Why? Because words and speech have no independent nature of their own, and when they are no more, you are liberated. This liberation will free you from all bondage.’

## ***II. Five Superior Virtues of a Buddha:***

A Tathagata receives the respect of the world because of the five superior virtues: The first superior virtue is the superior conduct. The second superior virtue is the superior point of view. The third superior virtue is the superior or perfect wisdom. The fourth superior virtue is the superior preaching ability. The fifth superior virtue is the superior ability to lead people to the practice of His Teaching.

***III. Eight Supernatural Powers of Transformation of a Tathagata:***

Eight supernatural powers of transformation, characteristics of every Buddha: First, to shrink self or others (to make self or others smaller), or the world and all things to an atom. Second, to enlarge self or others (to make self or others larger than anything in the world), or the world and all things to fill all space. Third, to make self or others, or the world and all things light as a feather (to make self or others lighter). Fourth, to make self or others any size or anywhere at will. To make everything depends upon oneself, all at will. Fifth, to make everywhere and everthing to be omnipotent. To be able to control all natural laws. Sixth, to be anywhere at will, either by self-transportation or by bringing the destination to himself. To reach any place at will. Seventh, the be able to shake all things. Eighth, to be one or many and at will pass through the solid or through space, or through fire or water, or tranform the four elements at will, i.e. turn earth into water (to be able to assume any shape).

***IV. Eight Virtues That Enable a Tathagata to Bestow Blessing and Happiness Upon People:***

Eight virtues that enable a Tathagata to bestow blessings and happiness upon the people: First, ability to bring immediate benefits and happiness in the world through practice of His teaching. Second, ability to judge correctly between good and bad, right and wrong. Third, ability to lead people to enlightenment by teach his right way. Fourth, ability to lead and guide people to convert to the right way. Fifth, ability to avoid pride and boasting. Sixth, ability to do what He has spoken. Seventh, ability to lead all people by an equal way. Eighth, ability to fulfill the vows of his compassionate heart.

***V. Eight Characteristics of a Tathagata's Speaking:***

Eight talented characteristics of a Tathagata's speaking: The first talented characteristic is never hectoring. The second talented characteristic is never misleading or confused. The third talented characteristic is fearless. The fourth talented characteristic is never haughty. The fifth talented characteristic is perfect in meaning. The sixth talented characteristic is perfect in flavor. The seventh talented

characteristic is free from harshness. The eighth talented characteristic is seasonable or suited to the occasion.

***VI. Ten Kinds of Great Virtue That Are Impeccably Pure of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of great virtue that are impeccably pure of all Tathagatas. First, all Tathagatas are endowed with great spiritual powers, impeccably pure. Second, all Tathagatas are born in the families of the enlightened ones of past, present and future, of people harmonious and good, impeccably pure. Third, all Tathagatas' minds are free from obsession forever, impeccably pure. Fourth, all Tathagatas are free from attachment to anything in the past, present and future, impeccably pure. Fifth, all Tathagatas know all kinds of natures are one nature, coming from nowhere, impeccably pure. Sixth, all Tathagatas' virtues, past, present and future, are inexhaustible, equal to the cosmos, impeccably pure. Seventh, all Tathagatas' boundless physical forms pervade all lands of the ten directions, teaching all sentient beings at the appropriate time, with impeccable purity. Eighth, all Tathagatas acquire the fourfold fearlessness, are free from all fears, and roar the great lion's roar among the masses, clearly discerning all things, impeccably pure. Ninth, all Tathagatas enter final nirvana in untold ages, and when sentient beings hear their names they gain immeasurable benefit, same as if the Buddhas were presently existing, impeccably pure. Tenth, all Tathagatas though in untold distant worlds, can be seen by sentient beings who correctly meditate on them single-mindedly, impeccably pure.

***VII. Eighteen Merits of a Tathagata:***

According to the Lotus Sutra, there are eighteen unique characteristics or eighteen merits that belong only to the Buddha: faultlessness in body, faultlessness in speech, faultlessness in mind and thought, no unsteadiness of mind, mind of impartiality, perfect resignation, imperishable aspiration to save all living beings, unfailing zeal, unfailing memory of all teachings of all Buddhas past, present, and future, unfailing contemplation, unfailing wisdom, unfailing freedom from all hindrances, all bodily deeds being in accord with wisdom, all deeds of speech being in accord with wisdom, all deeds of thought being in accord with wisdom, unhindered knowledge of the past, unhindered knowledge of the future, and unhindered knowledge of the present.



## **Chương Hai Mười Bảy** **Chapter Twenty-Seven**

### **Như Lai Sự**

#### **I. Tổng Quan Về Như Lai Sự:**

Như Lai sự hay Phật sự là công việc hoằng hóa Phật pháp là cứu độ và chuyển hóa chúng sanh, tức là giáo hóa mọi người, cứu họ thoát khỏi khổ đau phiền não, và đưa họ đến Niết Bàn. Công việc của Ngài bao gồm những việc sau đây: Ngài giáo hóa tất cả chúng sanh ở mọi nơi bằng nhiều cách khác nhau, hoặc nói đến chính mình, hoặc nói đến các vị khác, hoặc chỉ chính Ngài hoặc chỉ người khác. Ngoài ra, Như Lai sự còn bao gồm các việc sau đây: chuyển giáo lý của Đức Phật đến người khác hay nghe giảng hay tụng đọc các giáo lý cũng là Như Lai sự. Các Như Lai sự của chúng ta phải được tiếp tục mãi cũng như Đức Phật đã không bao giờ xao lãng Phật sự một lúc nào. Đó là trách nhiệm vô cùng lớn lao của chúng ta.

#### **II. Mười Thứ Như Lai Sự:**

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27 và 33, có mười thứ Như Lai sự của chư Như Lai tam thế. Đại Bồ Tát làm cho chúng sanh được mười thứ viên mãn rồi, lại vì chúng sanh mà làm mười thứ Như Lai sự. *Như Lai sự thứ nhất*: Nếu có chúng sanh chuyên tâm nghĩ nhớ thời Phật hiện ra trước họ. *Như Lai sự thứ nhì*: Nếu có chúng sanh tâm chẳng điều thuận thời Phật vì họ mà thuyết pháp. *Như Lai sự thứ ba*: Nếu có chúng sanh hay sanh tịnh tín, thời Phật làm cho họ được vô lượng thiện căn. *Như Lai sự thứ tư*: Nếu có chúng sanh hay nhập pháp vị, thời Phật đều hiện chứng, không pháp nào chẳng biết. *Như Lai sự thứ năm*: Giáo hóa chúng sanh không nhằm mỗi. *Như Lai sự thứ sáu*: Du hành các cõi Phật, qua lại vô ngại. *Như Lai sự thứ bảy*: Đại bi chẳng bỏ tất cả chúng sanh. *Như Lai sự thứ tám*: Hiện thân biến hóa hằng không đoạn tuyệt. *Như Lai sự thứ chín*: Thân thông tự tại chưa từng thôi nghỉ. *Như Lai sự thứ mười*: An trụ pháp giới, hay khắp quán sát.

Cũng theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27 và 33, chư Phật có mười thứ Phật sự quảng đại, vô lượng vô biên, bất tư nghì, mà tất cả thế gian chư thiên và người không thể biết được. Thanh văn Độc giác cũng chẳng biết được, chỉ trừ thần lực của Như Lai: *Như Lai sự quảng đại*

*thứ nhất:* Chư Phật nơi tận hư không khắp pháp giới tất cả thế giới cung trời Đâu Suất đều hiện thọ sanh, tu hạnh Bồ Tát và làm Phật sự lớn trong vô lượng sắc tướng, vô lượng oai đức, vô lượng ánh sáng, vô lượng âm thanh, vô lượng ngôn từ, vô lượng tam muội, và vô lượng trí huệ. Cảnh giới sở hành nhiếp lấy tất cả trời, người, ma, phàm, sa môn, bà la môn, a-tu-la, vân vân, đại từ vô ngại, đại bi rốt ráo; bình đẳng lợi ích tất cả chúng sanh. Chư Phật luôn làm cho chúng sanh có khả năng sanh vào cõi trời hay cõi người; thanh tịnh các căn của họ; và điều tâm của họ. Có lúc chư Phật vì họ mà nói ba thừa sai khác. Cũng có lúc chư Phật vì họ mà chỉ nói viên mãn nhất thừa; khắp đều tế độ cho họ ra khỏi sanh tử. *Như Lai sự quảng đại thứ nhì:* Chư Phật từ cung trời Đâu Suất giáng trần vào thai mẹ. Chư Phật dùng tam muội rốt ráo quán pháp thọ sanh như huyễn, như hóa, như bóng, như hư không, như ma. Chư Phật tùy sở thích mà thọ vô lượng vô ngại. Chư Phật nhập pháp vô tránh. Chư Phật ly dục thanh tịnh. Chư Phật thành tựu tạng diệu trang nghiêm quảng đại. Chư Phật thọ thân rốt sau; trụ nơi lâu các trang nghiêm mà làm Phật sự. Chư Phật dùng thần lực mà làm Phật sự; hoặc dùng chánh niệm mà làm Phật sự; hoặc hiện thân thông mà làm Phật sự; hoặc hiện trí như mà làm Phật sự; hoặc hiện cảnh giới quảng đại của chư Phật mà làm Phật sự; hoặc hiện vô lượng quang minh của chư Phật mà làm Phật sự; hoặc nhập vô số tam muội quảng đại mà làm Phật sự; hoặc hiện từ tam muội mà làm Phật sự. Bảy giờ Đức Như Lai ở trong thai mẹ, vì muốn lợi ích tất cả thế gian nên hiện nhiều cách để làm Phật sự. Chư Phật hoặc hiện sơ sanh; hoặc hiện đồng tử; hoặc làm Thái tử; hoặc hiện xuất gia; hoặc thị hiện thành chánh đẳng chánh giác; hoặc thị hiện chuyển diệu pháp luân; hoặc thị hiện nhập đại Niết bàn. Như vậy đều dùng các thứ phương tiện ở nơi tất cả phương, tất cả lối, tất cả vòng, tất cả hệ thống, tất cả thế giới mà làm Phật sự. *Như Lai sự quảng đại thứ ba:* Chư Phật đã thanh tịnh tất cả thiện nghiệp, tất cả sanh trí đều đã sáng sạch. Chư Phật dùng sanh pháp mà dạy dỗ dẫn dắt quần mê, làm cho họ khai ngộ thực hành đủ các nghiệp lành. Chư Phật vì chúng sanh mà thị hiện dẫn sanh nơi vương cung. Chư Phật nơi những sắc dục cung điện hay kỹ nhạc đều đã xa lìa không tham nhiễm. Chư Phật thường quán các cõi rộng không chẳng có thể tánh, tất cả đồ vui thích đều chẳng có thật thường trì Phật tịnh giới rốt ráo viên mãn; hưởng quán những thế nhiếp và kẻ hầu người hạ nơi nội cung mà sanh lòng đại bi; quán chúng sanh hư vọng chẳng thật mà sanh lòng đại từ;

quán các thế gian không một gì là đáng thích mà sanh lòng đại hỷ. Với tất cả pháp tâm được tự tại mà sanh lòng đại xả; đủ Phật công đức hiện sanh pháp giới, thân tướng viên mãn, quyến thuộc thanh tịnh, mà đối với tất cả không nhiễm trước; dùng âm thanh tùy loại mà vì chúng diển thuyết, cho họ sanh lòng nhàm lìa pháp thế, như chỗ sở hành thị hiện đặc quẻ. Chư Phật lại dùng phương tiện tùy nghi giáo hóa; kẻ chưa thành thực thời làm cho thành thực; kẻ đã thành thực, thời làm cho họ được giải thoát. Vì họ mà làm Phật sự cho họ chẳng thối chuyển. Lại dùng tâm từ bi quảng đại hằng vì chúng sanh mà thuyết pháp, lại vì họ mà thị hiện ba thứ tự tại, khiến họ khai ngộ được tâm thanh tịnh. Dầu ở nội cung mọi người đều thấy, mà vẫn ở trong tất cả các thế giới làm Phật sự. Dùng đại trí huệ, dùng đại tinh tấn thị hiện những Phật thân thông vô ngại vô tận. Chư Phật hằng trụ nơi ba thứ nghiệp phương tiện thiện xảo là thân nghiệp rốt ráo thanh tịnh, ngữ nghiệp theo trí huệ mà phát ra, ý nghiệp thậm thâm vô ngại. Dùng phương tiện này để lợi ích chúng sanh. *Như Lai sự quảng đại thứ tư:* Chư Phật thị hiện ở những cung điện trang nghiêm, quán sát nhàm lìa bỏ mà xuất gia, muốn cho chúng sanh biết rõ thế pháp đều là vọng tưởng vô thường hư hoại, rất nhàm lìa chẳng nhiễm trước, dứt hẳn phiền não tham ái, tu hạnh thanh tịnh lợi ích chúng sanh. Đương lúc xuất gia bỏ oai nghi thế tục, trụ trong pháp vô tránh, đầy đủ bốn nguyện vô lượng công đức. Thường dùng ánh sáng đại trí dẹp tan bóng tối si mê của thế gian. Làm phước điền vô thượng cho các thế gian. Thường vì chúng sanh mà tán thán công đức của Phật, cho họ ở nơi Phật gieo trồng những cội lành. Dùng mắt trí huệ thấy nghĩa chơn thật. Lại vì chúng sanh mà khen nói công đức xuất gia thanh tịnh không lỗi. Vĩnh viễn được xuất ly, mãi mãi làm tràng cao trí huệ cho thế gian. *Như Lai sự quảng đại thứ năm:* Chư Phật như thiết trí, nơi vô lượng pháp đều đã thấy biết, dưới cội Bồ Đề thành Chánh đẳng Chánh giác, hàng phục ma quân. Thân Phật sung mãn tất cả thế giới; thần lực chỗ làm của chư Phật là vô biên vô tận. Chư Phật nơi như thiết trí đúng nghĩa sở hành đều được tự tại. Các Ngài tu các công đức đều đã viên mãn. Tòa Bồ Đề của Phật đầy đủ trang nghiêm cùng khắp mười phương tất cả thế giới. Phật ngồi trên tòa này chuyển diệu pháp luân; giảng nói tất cả những hạnh nguyện của Bồ Tát; khai thị vô lượng Phật cảnh giới cho chư Bồ Tát đều được ngộ nhập. Chư Phật tu hành những diệu hạnh thanh tịnh. Chư Phật lại hay giáo hóa tất cả chúng sanh

khiến họ gieo căn lành; khiến họ được sanh trong đất bình đẳng của Như Lai; khiến họ trụ nơi vô biên diệu hạnh của chư Bồ Tát; khiến họ được thành tựu công đức tối thắng. Làm Phật sự theo những sự biết rõ sau: biết rõ tất cả thế giới, biết rõ tất cả chúng sanh, biết rõ tất cả cõi Phật, biết rõ tất cả các pháp, biết rõ tất cả Bồ Tát, biết rõ tất cả giáo pháp, biết rõ tất cả tam thế, biết rõ tất cả điều phục. Biết rõ tất cả thân biến, biết rõ tất cả tâm sở thích của chúng sanh nên khéo làm Phật sự.

*Như Lai sự quảng đại thứ sáu:* Chư Phật chuyển bất thối Pháp luân, vì làm cho chư Bồ Tát chẳng thối chuyển. Chư Phật chuyển vô lượng pháp luân, vì làm cho tất cả thế gian đều biết rõ. Chư Phật chuyển khai ngộ pháp luân, vì có thể làm đại vô úy sư tử hống. Chư Phật chuyển nhưt thiết pháp trí tạng pháp luân, vì khai cửa pháp tạng trừ ám chướng. Chư Phật chuyển vô ngại pháp luân, vì đồng với hư không. Chư Phật chuyển vô trước pháp luân, vì quán tất cả pháp chẳng có chẳng không. Chư Phật chuyển chiếu thế pháp luân, vì làm cho tất cả chúng sanh được tịnh pháp nhãn. Chư Phật chuyển khai thị nhưt thiết trí pháp luân, vì cùng khắp tất cả tam thế. Chư Phật chuyển tất cả Phật đồng nhưt pháp luân, vì tất cả Phật pháp chẳng trái nhau. Tất cả chư Phật dùng vô lượng vô số trăm ngàn ức na do tha pháp luân như vậy, tùy theo tâm hành sai biệt của các chúng sanh mà làm Phật sự chẳng thể nghĩ bàn.

*Như Lai sự quảng đại thứ bảy:* Tất cả chư Phật vào nơi tất cả những vương đô thành ấp, vì những chúng sanh mà làm Phật sự. Đó là đô ấp của Nhơn vương, đô ấp của Thiên vương, đô ấp của Long vương, đô ấp của Ma vương, đô ấp của Càn Thát Bà vương, đô vương, đô ấp của Tỳ-xá Xà vương, đô ấp của La-hầu-la-già vương, đô ấp của La-sát vương, đô ấp của tất cả chư vương như vậy. Lúc Phật vào cửa thành thời đại địa chấn động, quang minh chiếu khắp; người đui được thấy; kẻ điếc được nghe; kẻ điên cuồng được tỉnh; kẻ nghèo khổ thiếu thốn được ấm no hạnh phúc. Tất cả những đồ trang sức, hoặc đeo hoặc chẳng đeo, đều tự phát diệu âm, ai nghe cũng đều vui mừng cả. Chư Phật sắc thân thanh tịnh khiến người thấy không sanh nhàm chán. Chư Phật hay vì chúng sanh mà làm Phật sự: hoặc đoái ngó, hoặc quán sát, hoặc co duỗi, hoặc đi, đứng, ngồi, nằm; hoặc nín hoặc nói; hoặc hiện thân thông; hoặc thuyết pháp; hoặc dạy bảo. Tất cả như vậy đều vì chúng sanh mà làm Phật sự. Chư Phật khắp ở vô số thế giới trong biển tâm sở thích của các loài chúng sanh mà khuyên họ niệm Phật; thường siêng quán sát và gieo trồng những căn lành; tu hạnh Bồ Tát; khen

Phật sắc tướng vi diệu đệ nhất, tất cả chúng sanh đều khó gặp gỡ. Nếu ai thấy được Phật mà sanh lòng kính tin thời phát khởi vô lượng pháp lành, chứa Phật công đức đều khắp thanh tịnh; khen ngợi Phật công đức như vậy rồi thời phân thân qua khắp mười phương thế giới khiến các chúng sanh đều được chiêm ngưỡng phụng thờ; tư duy quán sát về chư Phật; cung kính cúng dường; trồng thiện căn để được chư Phật hoan hỷ; thêm lớn Phật chủng để tất cả chúng sanh đều được thành Phật. Dùng những hạnh này mà làm Phật sự: hoặc vì chúng sanh mà thị hiện sắc thân; hoặc phát diệu âm; hoặc chỉ vi tiểu; khiến cho chúng sanh kính tin, cúi đầu đánh lễ, ca ngợi khen tặng, thăm viếng hỏi thăm, dùng tất cả những thứ này mà làm Phật sự. Chư Phật dùng vô lượng vô số bất khả thuyết bất khả tư nghì những Phật sự như vậy, ở trong tất cả thế giới tùy tâm chúng sanh sở thích, dùng sức bốn nguyện, sức đại từ bi, sức nhất thiết trí, phương tiện giáo hóa đều làm cho họ được điều phục. *Như Lai sự quảng đại thứ tám:* Tất cả chư Phật có thể làm Phật sự: Hoặc nơi rừng rậm. Hoặc ở chỗ tịch tịnh. Hoặc ở chỗ của Phật mà làm Phật sự. Hoặc trụ trong tam muội mà làm Phật sự. Hoặc ở một mình nơi vườn rừng mà làm Phật sự. Hoặc ẩn thân chẳng hiện mà làm Phật sự. Hoặc trụ nơi trí thậm thâm mà làm Phật sự. Hoặc trụ nơi cảnh giới vô tỷ của chư Phật mà làm Phật sự. Hoặc trụ những thân hành bất khả kiến, tùy tâm sở thích sở nguyện của chúng sanh phương tiện giáo hóa không thôi nghỉ mà làm Phật sự. Hoặc dùng thân Trời cầu như thiết trí mà làm Phật sự. Hoặc dùng thân rồng, dạ-xoa, a-tu-la, ca-lâu-la, xà vương, nhẫn đến thân người mà làm Phật sự. Hoặc dùng thân Thanh Văn, Duyên Giác, thân Bồ Tát cầu như thiết trí mà làm Phật sự. Hoặc nói một Phật hoặc nói nhiều Phật mà làm Phật sự. Hoặc nói chư Bồ Tát tất cả hạnh tất cả nguyện làm một hạnh nguyện mà làm Phật sự. Hoặc nói cảnh giới Phật là cảnh giới thế gian mà làm Phật sự. Hoặc nói cảnh giới thế gian là cảnh giới Phật mà làm Phật sự. Hoặc nói cảnh giới Phật chẳng phải là cảnh giới mà làm Phật sự. Hoặc trụ một ngày, hoặc trụ một đêm, hoặc trụ nửa tháng, hoặc trụ một tháng, hoặc trụ một năm, nhẫn đến trụ bất khả thuyết kiếp vì các chúng sanh mà làm Phật sự. *Như Lai sự quảng đại thứ chín:* Chư Phật là tạng sanh ra thiện căn thanh tịnh, làm cho các chúng sanh ở trong Phật pháp sanh tín giải thanh tịnh, các căn điều phục lìa hẳn thế gian. Chư Phật làm cho chư Bồ Tát ở nơi đạo Bồ Đề đủ sáng trí huệ chẳng do tha ngộ. Hoặc có lúc chư Phật hiện Niết bàn mà làm Phật sự. Hoặc nói Phật

thân mà làm Phật sự. Hoặc hiện thế gian thấy đều vô thường mà làm Phật sự. Hoặc nói những công đức đã làm xong mà làm Phật sự. Hoặc nói dứt hẳn những căn bản mà làm Phật sự. Hoặc khiến chúng sanh nhàm rời thế gian tùy thuận tâm Phật mà làm Phật sự. Hoặc nói thọ mạng trọn về nơi hết mà làm Phật sự. Hoặc nói thế gian không một việc đáng vui mà làm Phật sự. Hoặc vì tuyên nói tận vị lai thế cúng dường chư Phật mà làm Phật sự. Hoặc nói chư Phật chuyển tịnh Pháp luân khiến người được nghe rất vui mừng mà làm Phật sự. Hoặc vì tuyên nói cảnh giới của chư Phật khiến họ phát tâm tu hành mà làm Phật sự. Hoặc vì tuyên nói niệm Phật tam muội, khiến họ phát tâm thường thích thấy Phật mà làm Phật sự. Hoặc vì tuyên nói các căn thanh tịnh, siêng cầu Phật đạo tâm không lười trễ mà làm Phật sự. Hoặc chỉ tất cả cõi Phật, quán sát những cảnh giới các loại như duyên mà làm Phật sự. Hoặc nhiếp tất cả những thân chúng sanh đều làm thân Phật, làm cho những chúng sanh lười biếng buông lung đều an trụ nơi cảnh giới thanh tịnh của Như Lai mà làm Phật sự. *Như Lai sự quảng đại thứ mười:* Chư Phật lúc nhập Niết bàn, vô lượng chúng sanh rất lo khổ kêu gào khóc than, nhìn nhau mà nói rằng: “Đức Như Lai có đại từ đại bi, thương xót lợi ích của tất cả thế gian, làm nơi cứu, làm chỗ về nương cho các chúng sanh. Rất khó gặp Đức Như Lai xuất thế. Phước điền vô thượng nay đã mất hẳn. Chư Phật dùng việc như vậy làm cho chúng sanh mẩn tiếc buồn khóc mà làm Phật sự. Lại vì hóa độ tất cả trời người và thiên long bát bộ, nên tùy theo sở thích ý muốn của họ, mà nát thân Phật thành ngọc xá lợi vô lượng vô số bất tư nghì, khiến các chúng sanh phát lòng tin thanh tịnh, cung kính tôn trọng, hoan hỷ cúng dường, tu các công đức đầy đủ viên mãn, xây lại tháp rồi đem các thứ trang nghiêm đặt trong cung điện của Trời người, bát bộ thiên long để cúng dường. Răng, móng, và tóc của Phật cũng đều dựng tháp cúng dường, làm cho người thấy đều phát tâm niệm Phật, niệm Pháp niệm Tăng, tin mền không thoái, thành kính tôn trọng, cúng dường khắp mọi nơi, tu các công đức. Do những công đức này chúng sanh có thể sanh vào cõi Trời hay trong nhưn gian; dòng họ tôn quý, tài sản đủ đầy, quyến thuộc thanh tịnh, chẳng đọa ác đạo, thường sanh thiện đạo; thường được thấy Phật đủ những pháp lành; chóng được xuất ly ba cõi. Đều tùy sở nguyện được chứng quả nơi thừa mà họ đã tu; đối với chư Phật thời biết ân và báo ân; trọn làm chỗ quy-y cho thế gian. Chư Phật đầu nhập đại Niết bàn, vẫn làm phước điền thanh tịnh bất tư nghì cho

chúng sanh, là phước điền tối thượng công đức vô tận, làm cho chúng sanh đầy đủ thiện căn phước đức viên mãn.

### ***III. Mười Như Lai Sự Vì Chúng Sanh Của Chư Như Lai:***

Chư Như Lai có mười điều vì chúng sanh làm Như Lai sự hay Phật sự theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33. Thứ nhất là chư Như Lai vì chúng sanh mà thị hiện sắc thân để làm Như Lai sự. Thứ nhì là chư Như Lai vì chúng sanh mà phát diệu âm thanh để làm Như Lai sự. Thứ ba là chư Như Lai vì chúng sanh mà lấy sự “có chỗ thọ” để làm Như Lai sự. Thứ tư là chư Như Lai vì chúng sanh mà lấy sự “không có chỗ thọ” để làm Như Lai sự. Thứ năm là chư Như Lai vì chúng sanh mà dùng đất, nước, lửa, gió để làm Như Lai sự. Thứ sáu là chư Như Lai vì chúng sanh mà dùng thần lực tự tại thị hiện tất cả cảnh giới sở duyên để làm Như Lai sự. Thứ bảy là chư Như Lai vì chúng sanh mà dùng nhiều thứ danh hiệu để làm Như Lai sự. Thứ tám là chư Như Lai vì chúng sanh mà dùng cảnh giới cõi Phật để làm Như Lai sự. Thứ chín là chư Như Lai vì chúng sanh mà dùng cõi Phật nghiêm tịnh để làm Như Lai sự. Thứ mười là chư vì chúng sanh mà dùng sự vắng lặng không lời để làm Như Lai sự.

### ***IV. Mười Nghĩa Mà Chư Như Lai Quán Sát Khi Đã Thực Hành Xong Phật Sự:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười nghĩa mà chư Như Lai quán sát khi đã thực hành xong Phật sự. Các Đức Như Lai vì quán sát mười nghĩa này nên thị hiện nhập Niết bàn. Vì chỉ bày tất cả hành pháp thật là vô thường. Vì chỉ bày tất cả pháp hữu vi chẳng phải là pháp an ổn. Vì chỉ bày đại niết bàn là chỗ an ổn, vô bố úy. Vì hàng như thiên tham đắm sắc thân, nên vì họ mà thị hiện sắc thân là pháp vô thường, khiến họ phát nguyện trụ pháp thân thanh tịnh. Vì chỉ bày sức vô thường không thể chuyển được. Vì chỉ bày tất cả pháp hữu vi chẳng tự tại, chẳng trụ theo tâm. Vì chỉ bày tất cả những hiện hữu đều như huyễn hóa, chẳng bền chắc. Vì chỉ bày tánh niết bàn rốt ráo bền chắc, chẳng thể hư hoại. Vì chỉ bày tất cả pháp vô sanh vô khởi, mà có tướng tụ họp và tán hoại. Một khi chư Như Lai đã thực hành xong Phật sự, bốn nguyện đã mãn, đã chuyển xong pháp luân; người đáng được hóa độ, đều đã hóa độ xong, sự thọ ký đã thành, theo pháp phải như vậy nhập nơi bất biến đại niết bàn.

**V. Như Lai Sự Hay Phật Sự theo Kinh Duy Ma Cật:**

Theo Kinh Duy Ma Cật, phẩm mười một, Phẩm Hạnh Bồ Tát, vào giờ cơm trưa nhân lúc Văn Thù Sư Lợi đến thăm bệnh ông, trưởng giả Duy Ma Cật xin cơm thừa của Phật ở nước Chúng Hương đem về ăn nơi nhà ông, nên tất cả lỗ chân lông đều toát ra mùi hương như thế.” A Nan hỏi ông Duy Ma Cật rằng: “Mùi hương đó còn được bao lâu?” Duy Ma Cật nói: “Đến khi cơm đó tiêu hết.” A Nan hỏi: “Cơm đó bao lâu mới tiêu?” Duy Ma Cật đáp: “Thế lực cơm đó đến bảy ngày mới tiêu. Lại nữa ông A Nan! Những Thanh Văn chưa vào chánh vị, ăn cơm đó đến khi vào chánh vị rồi mới tiêu. Đã vào chánh vị, ăn cơm đó đến khi tâm giải thoát rồi mới tiêu. Chưa phát tâm Đại Thừa ăn cơm đó đến khi phát tâm Đại thừa rồi mới tiêu; đã phát tâm Đại thừa ăn cơm đó khi được vô sanh nhẫn rồi mới tiêu. Đã được vô sanh nhẫn ăn cơm đó đến khi được nhưt sanh bồ xứ rồi mới tiêu. Ví như có món thuốc tên là thượng vị, người uống vào trừ hết các độc trong thân rồi mới tiêu. Cơm này cũng vậy, khi trừ hết tất cả độc phiền não rồi mới tiêu.” A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Như món cơm thơm ấy có thể làm Phật sự.” Phật nói: “Đúng thế! A Nan! Hoặc có cõi Phật lấy ánh sáng của Phật mà làm Phật sự. Có cõi lấy Bồ Tát mà làm Phật sự. Có cõi lấy người của Phật hóa ra mà làm Phật sự. Có cõi lấy cây Bồ Đề mà làm Phật sự. Có cõi lấy y phục ngọa cụ của Phật mà làm Phật sự. Có cõi lấy cơm mà làm Phật sự. Có cõi lấy vườn cây điền miếu mà làm Phật sự. Có cõi lấy thân Phật mà làm Phật sự. Có cõi lấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp mà làm Phật sự. Có cõi lấy hư không mà làm Phật sự. Chúng sanh theo duyên đó mà vào luật nghi. Có cõi lấy mộng, huyễn, bóng, vang, tượng trong gương, trăng dưới nước, ánh nắng dợn, các thí dụ như thế mà làm Phật sự. Có cõi lại lấy tiếng tăm, lời nói, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cõi lấy Phật thanh tịnh vắng lặng, không nói một lời nào, không chỉ không biết, không tạo không tác mà làm Phật sự. Như thế A Nan! Những oai nghi tấn chỉ, các việc thi vi của chư Phật đều là Phật sự cả. Hoặc có cõi lấy Phật thanh tịnh vắng lặng, không nói một lời nào, không chỉ không biết, không tạo không tác mà làm Phật sự. Như thế A Nan! Những oai nghi tấn chỉ, các việc thi vi của chư Phật đều là Phật sự cả.”



## ***Tathagatas' Work***

### ***I. An Overview of Tathagatas' Works:***

Tathagata's work or Buddha's work means the work of salvation and transforming all beings, which instructs all people, saves them from their sufferings and afflictions, and leads them to nirvana. His deeds include the following: he instructs all the living beings everywhere in various ways, whether speaking of himself or speaking of others, whether indicating himself or indicating others, and whether indicating his own affairs or the affairs of others. Besides, the Tathagata-deeds also include the followings: to convey the Buddha's teachings to others or to listen to them or read them are also Tathagata-deeds. Our Tathagata-deeds must continue incessantly, just as the Buddha never neglected them for a moment. This is our great responsibility.

### ***II. Ten Kinds of Tathagata-Work for Sentient Beings:***

According to The Flower Adornment Sutra, Chapters 27 and 33, there are ten kinds of Buddha-work in all worlds in all times of the Buddhas. When Great Enlightening Beings have caused sentient beings to attain these ten kinds of fulfillment, they also perform ten kinds of Buddha-work for sentient beings. *The first kind of Tathagata-work:* If there are sentient beings who think of them single-mindedly, the Buddhas appear before them. *The second kind of Tathagata-work:* If there are sentient beings whose minds are unruly, they explain the Teaching to them. *The third kind of Tathagata-work:* If there are sentient beings able to develop pure faith, they will surely cause them to acquire immeasurable roots of goodness. *The fourth kind of Tathagata-work:* If there are sentient beings able to enter the ranks of truth, they will appear to testify to it, so that they know all. *The fifth kind of Tathagata-work:* They teach and influence sentient beings tirelessly. *The sixth kind of Tathagata-work:* They travel to all Buddha-lands, coming and going without impediment. *The seventh kind of Tathagata-work:* With great compassion, they do not abandon sentient beings. *The eighth kind of Tathagata-work:* They manifest transfigured emanation bodies, coming forever. *The ninth kind of Tathagata-work:* Their exercise of spiritual powers is ceaseless. *The tenth kind of*

*Tathagata-work:* They abide in the cosmos of reality, able to observe everywhere.

Also according to The Flower Adornment Sutra, Chapters 27 and 33, there are other ten kinds of great Buddha-work, immeasurable, boundless, inconceivable, which is unknowable to all celestial and human worldlings, unknowable even to the past, future and present Buddhist disciples and self-enlightened ones, except by the spiritual power of the Buddhas. *The first great Tathagata-work:* All Buddhas appear to be born in the heavens of contentment in all worlds throughout the cosmos, carrying out enlightening practices and performing great Buddha-works in the sphere of operation of infinite forms, infinite powers, infinite lights, infinite sounds, infinite verbal expressions, infinite concentration, and infinite knowledge. Taking in all celestials, humans, demons, monks, priests, titans, and so on their great kindness uninhibited, their great compassion ultimate; impartially aiding and benefiting all living beings. Buddhas always enable beings to be born in heaven or in the human realm; purifying their senses; turning their mind. Sometimes Buddhas explain three different vehicles of salvation for them. Sometimes also explain the complete full unitary vehicle for them; save and liberate all, enable them to get out of birth and death. *The second great Tathagata-work:* All Buddhas descend spiritually from the heaven of contentment into the mother's womb. By means of ultimate concentration Buddhas observe the phenomenon of taking on life as like an illusion, like a phantom, like a reflection, like space, like mirage. Buddhas take on life however they wish, without bound, without hindrance. Buddhas enter the state of noncontention. Buddhas develop knowledge without attachment; free from desire, clear and pure. Buddhas develop a vast treasury of wondrous adornments. Buddhas take on their final embodiment; live in a great jewel-adorned mansion and perform Buddha-work. They may do Buddha-work by spiritual powers; or by right recollection; or by showing miracles; or by manifesting the sun of knowledge; or by revealing the enormous spheres of Buddhahood; or by showing the immeasurable lights of the Buddhas; or by entering countless great concentrations; or by manifesting emergence from concentration. The Buddhas, at that time, in the mother's womb, wishing to benefit all worldlings, show all kinds of appearances to do Buddha-work. They

may appear to be born; or appear as children; or appear as princes; or appear as leaving home; or they may show the appearance of attaining true enlightenment; or show the appearance of turning the wheel of the Teaching; or show the appearance of entering final extinction. In this way, all of them, by various means, perform Buddha-work in all regions, all networks, all circles, all systems, in all worlds. *The third great Tathagata-work*: All good works of all Buddhas are already pure, and their knowledge of all life is clear and immaculate. So by birth they lead and guide the deluded, causing them to open up in understanding and practice all that is good. For the sake of sentient beings they appear to be born in a royal palace. All Buddhas have already abandoned all materialistic desires for palaces and pleasures; they have no craving or obsession. Buddhas always reflect upon the emptiness and essencelessness of all existents, that all comforts and delights are not truly real; keeping the pure precepts of Buddhas, ultimately fulfilling them; observing the palace ladies and attendants, they develop great compassion; observing that all sentient beings are unreal, they develop great kindness; observing that there is nothing enjoyable in the world, they develop great joy. Their minds gaining freedom in the midst of all things, they develop great relinquishment; imbued with the qualities of Buddhahood, they manifest birth in the phenomenal realm, their physical features perfect, their associates pure, yet they have no attachment to anything; with voices adapting to types, they explain the truth to the masses, causing them to become disillusioned with worldly things; they point out to them the results of what they are doing. Also they use expedient means to teach in accord with needs, causing the immature to develop maturity, causing the mature to attain liberation. Doing Buddha-work for them to cause them not to regress. Also by virtue of heart of universal love and compassion they continually explain all kinds of principles to sentient beings and also manifest the powers of diagnosis, prescription and occult influence for them, to enable them to awaken to attain purity of mind. Though the Buddhas be in the inner palace, seen by all the people, yet they are performing Buddha-work in all worlds. By means of great knowledge and energy they manifest the various powers of Buddhas, unhindered, inexhaustible. Buddhas always continue three kinds of skillful expedient action: their physical activity is ultimately pure, their verbal

activity is always carried out in accord with knowledge, and their mental activity is exceedingly profound and has no blockage or inhibition; by these means they benefit living beings. *The fourth great Tathagata-work:* All Buddhas show analytical examination and disenchantment while living in a palace of all kinds of adornments, thereupon giving it up and leaving home, wishing to let sentient beings realize that things of the world are all illusions, impermanent, and perishable, and become deeply disillusioned, avoid creating attachments, forever cut off the affliction of worldly craving, cultivate purifying practices, and benefit living beings. When the Buddhas leave home, they give up conventional manners, abide in noncontention, and fulfill the immeasurable virtues of their fundamental vow. By the light of great knowledge they destroy the darkness of delusion of the world. Become unexcelled fields of blessings for all beings. They always extol the virtues of Buddhas for the benefit of sentient beings, causing them to plant roots of goodness with the Buddhas. They see truth with the eye of wisdom. They also extol renunciation for the benefit of sentient beings, its purity and blamelessness. They are eternally emancipated and are forever lofty paragons of wisdom for the world. *The fifth great Tathagata-work:* All Buddhas have omniscience and already know and see infinite realities. Attaining perfect enlightenment under the Tree of Enlightenment, vanquishing all demons. Their majesty supreme, their bodies fill all worlds; their deeds of spiritual power are boundless and inexhaustible. They attain mastery of all meanings in the sphere of omniscience. They have cultivated virtues to consummation. Their seats of enlightenment are fully adorned and pervade all worlds in the ten directions. The Buddhas sit on them and turn the wheel of the sublime Teaching; explaining all the undertakings of enlightening beings; revealing the infinite realms of the Buddhas causing the Enlightening Beings to awaken to and enter to them. They carry out all kinds of pure practices. They are able to direct and guide all living beings cause them to plant roots of goodness; cause them to be born in the ground of equality of The Enlightened; cause them to continue in the boundless good practices of Enlightening Beings; cause them to develop all the most excellent qualities. To Perform Buddha-work based on the following: The Buddhas know perfectly all worlds, all beings, all Buddha-lands, all phenomena, all Enlightening Beings,

all teachings, all pasts-presents-futures, all disciplines, all mystic transformations. The inclinations of all sentient beings' minds, and based on this knowledge perform Buddha-work. *The sixth great Tathagata-work:* All Buddhas turn the irreversible wheel of the Teaching, to cause the Enlightening Beings not to backslide. They turn the immeasurable wheel of the Teaching to cause all worldlings to know. They turn the wheel of the Teaching, awakening all, because they can fearlessly roar the lion's roar. They turn the wheel of the Teaching, which is a treasury of knowledge of all truths, to open the door of the treasury of truth and remove the obstacle of obscurity. They turn the unobstructed wheel of the Teaching, being equal to space. They turn the wheel of Teaching of non-attachment, because they see that all things are neither existent nor nonexistent. They turn the world-illuminating wheel of Teaching, to cause all sentient beings to purify their vision of reality. They turn the wheel of teaching revealing all knowledge, pervading all things in all times. They turn the wheel of Teaching, which is the same one of all Buddhas because all Buddha teachings are not mutually opposed or contradictory. All Buddhas, by means of measureless, countless hundreds of thousands of millions of billions of such wheels of Teaching, perform Buddha-work inconceivably according to the differences in mental patterns of sentient beings. *The seventh great Tathagata-work:* All Buddhas enter into all capital cities and perform Buddha-work for the beings. These capitals are Human capitals, Celestial capitals, Capitals of water spirits, capital of the Monster, capital of the Cherubium, capital of the Titans, capital of the Birds, capital of the Hongoblins, capital of the Serpents, capital of the Goblins, capital of the Demons, and so on. When they enter the gates of the city, the Earth trembles, light shines everywhere; the blind gain vision; the deaf are able to hear; the insane regain their sanity; the naked are clothed, the troubled and suffering all gain peace and happiness. All musical instruments spontaneously play, all adornments, used or not, emit marvelous sounds that delight all hearers. The Buddhas' physical forms are pure and clean, fully endowed with the marks and refinements of greatness, so that none ever tire of seeing them. They are able to do Buddha-work for the benefit of sentient beings: whether looking, examining, stretching; walking or standing still, sitting or reclining; silent or speaking; whether

manifesting occult powers; or explaining principles; or giving instructions. In all these, they are performing Buddha-work for the benefit of sentient beings. All Buddhas, in all the countless worlds, in the midst of the oceans of mental inclinations of all kinds of sentient beings urge them to remembrance the Buddhas; always diligently considering and planting roots of goodness; cultivating the practices of Enlightening Beings; praising the subtlety and supremacy of the Buddhas' appearance, which is hard for any living being to get to meet. If beings see Buddhas and are inspired with faith, when they produced all the immeasurable good qualities and amass the virtues of Buddhas, all pure. Thus, having extolled the virtues of Buddhas, they multiply their bodies to go to all worlds in the ten directions to let the sentient beings behold them; meditate on them and contemplate them; attend and serve them; plant roots of goodness, gain the good graces of the Buddhas; increase the family of Buddhas, all beings certain to attain Buddhahood. By these actions, they perform Buddha-work: sometimes manifesting physical bodies for sentient beings; sometimes making sublime utterances; sometimes just smiling; causing them to believe, honor, praise, and behave courteously. All Buddhas, by means of innumerable, untold, inconceivable such Buddha-works of all kinds, in all worlds, according to the inclinations of sentient beings' minds, teach them expediently, by the power of their original vows, the power of great love and compassion, and the power of omniscience, causing them all to be civilized. *The eighth great Tathagata-work:* All Buddhas may do Buddha-work: While dwelling in forest retreats. Or in quiet places, or in desolate places. Or in Buddhas' dwelling place. Or they may do Buddha-work while in samadhi. Or while alone in a grove. Or while concealing themselves from views. Or while abiding in knowledge of the ultimate profundity. Or while dwelling in the incomparable realm of the Buddhas. Or they may do Buddha-work while carrying on various imperceptible physical actions, adapting to sentient beings' mentalities, predilections, and understandings to teach them as is expedient, without cease. Or they may do Buddha-work seeking omniscience in the form of celestial beings. Or they may do Buddha-work seeking omniscience in the form of water spirits, goblins, cherubim, titans, birds, serpents, humans, subhumans, and so on. They may do Buddha-work by seeking omniscience in the form of Listeners,

Solitary Illuminates, or Enlightening Beings. Sometimes, they do Buddha-work saying there is one Buddha, sometimes saying there are many Buddhas. Sometimes they do Buddha-work saying practices and all vows of Enlightening Beings are one practice and vow; sometimes they do Buddha-work saying one practice and vow of Enlightening Beings are infinite practices and vows. Sometimes they do Buddha-work saying the realm of Buddhahood is the world. Sometimes they do Buddha-work saying the world is the realm of Buddhahood. Sometimes they do Buddha-work saying the realm of Buddhahood is not the world. Sometimes they remain for a day, or a night, or a fortnight, or a month, or a year, or up to untold eons to do Buddha-work for the benefit of sentient beings. *The ninth great Tathagata-work*: All Buddhas are mines that produce pure roots of goodness, causing sentient beings to engender pure faith and resolution in the Buddha-teachings, so their faculties are tamed and they forever detach from the world. They cause Enlightening Beings to be full of knowledge, wisdom and clarity in regard to the way of enlightenment and not depend on another for understanding. Sometimes they do Buddha-work manifesting nirvana. Sometimes they do Buddha-work showing the evanescence of all in the world. Sometimes they do Buddha-work explaining the Buddha-bodies. Sometimes they do the Buddha-work explaining the flawless fulfillment of virtuous qualities. Sometimes they do Buddha-work explaining the extirpation of the roots of all existences. Sometimes they do Buddha-work causing sentient beings to turn away from the world to follow the Buddha-mind. Sometimes they do the Buddha-work explaining the inevitable ending of life. Sometimes they do Buddha-work explaining that there is nothing enjoyable in the world. Sometimes they do Buddha-work preaching the eternal service of Buddhas. Sometimes they do Buddha-work explaining the Buddhas' turning of the wheel of pure Teaching, causing the hearers to become very joyful. Sometimes they do Buddha-work expounding the sphere of Buddhahood, inspiring people to cultivate spiritual practices. Sometimes they do Buddha-work expounding concentration and remembrance of Buddha, inspiring people to always delight in visions of Buddha. Sometimes they do Buddha-work expounding the purification of the senses, diligent search for the Buddha Way with unflagging spirit. Sometimes they do Buddha-work visiting all Buddha-

lands and observing the various causes and conditions of their environments. Sometimes they do Buddha-work uniting all bodies of living beings into a Buddha-body, causing all lazy and self-indulgent sentient beings to abide by the pure precepts of The Enlightened. *The tenth great Tathagata-work*: When Buddhas enter extinction, countless sentient beings mourn and weep, looking at each other in great grief and distress, they say, “The Buddha had great sympathy and compassion, mercifully aiding all worldly beings, a savior and a refuge for all living creatures. The emergence of a Buddha is difficult to encounter, an unexcelled field of blessings, and now the Buddha has passed away forever.” Thus they use this to cause sentient beings to mourn and miss the Buddha, thereby doing Buddha-work. Also in order to transform and liberate all celestials, humans, spirits, goblins, titans, cherubim, and so on, according to their desires, they pulverize their own bodies to make countless relics, to cause sentient beings to develop faith, honor, respect, and joyfully reverence them, and cultivate virtues to complete fulfillment. They also build monuments, variously adorned, in the abodes of all kinds of creatures, for religious services; their teeth, nails, and hair are all used to make monuments, to cause those who see them to remember the Buddha, the Teaching, and the Community, to believe with unswerving faith, sincerely respect and honor them, and make offerings to them wherever they are, and cultivate virtues so that by this merit they may be born in heaven or among humans or of noble and properous families, with ample property, pure retinues, not enter into evil ways; always enter into wholesome ways; always get to see Buddhas, fulfill pure ways; quickly attain emancipation from the three realms of existence. Each attain the fruit of their own vehicle according to their aspiration; recognize and requite their debt to Buddhas; forever be a reliance for the world. Though the Buddhas be extinct, they are still inconceivable pure fields of blessings for living beings, with inexhaustible virtues, supreme fields of blessings, causing sentient beings roots of goodness to be complete and their virtue to be fully developed.

***III. Ten Kinds of Performance of Tathagata-Work for Sentient Beings:***

Ten kinds of performance of Tathagata-work for sentient beings of all Buddhas according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33.



First, all Tathagatas manifest physical forms to do Tathagata-work for sentient beings. Second, all Tathagatas make subtle utterances to do Tathagata-work for sentient beings. Third, all Tathagatas accept things to do Tathagata-work for sentient beings. Fourth, all Tathagatas accept nothing to do Tathagata-work for sentient beings. Fifth, all Tathagatas do Tathagata-work for sentient beings by means of earth, water, fire and air. Sixth, all Tathagatas magically show all realms of objects to do Tathagata-work for sentient beings. Seventh, all Tathagatas do Tathagata-work for sentient beings by various names and epithets. Eighth, all Tathagatas do Tathagata-work for sentient beings by means of the realms of objects of Buddha-lands. Ninth, all Tathagatas adorn and purify Buddha-lands to do Tathagata-work for sentient beings. Tenth, all Tathagatas do Tathagata-work for sentient beings silently, without words.

***IV. Ten Considerations When Tathagatas Have Done Their Work:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten considerations when Tathagatas have done their work, they manifest final extinction. These are ten points of consideration because of which the Tathagatas manifest ultimate extinction in nirvana. To show that all activities are really impermanent. To show that all created things are unstable. To show that ultimate nirvana is the abode of peace, without fear. To show those (human and celestial beings) attached to the physical body that the physical body is impermanent, so that they will aspire to dwell in the pure body of reality. To show that the power of impermanence cannot be overturned. To show that all created things do not remain as one wishes and are not under one's control. To show that all existents are like magical productions and are not hard and fast. To show that the nature of nirvana is ultimately stable and indestructible. To show that all things have no birth or origin, yet have the appearance of assemblage and dissolution. Once the Tathagatas have finished their work, have fulfilled their vows, have turned the wheel of teaching; have enlightened and liberated those who could be enlightened and liberated, have made predictions of Buddhahood of the enlightening beings who become honored ones, as a matter of course they enter unchanging, great, ultimate nirvana.

***V. Tathagata's Affairs or Buddha's Affairs According to the Vimalakirti Sutra:***

According to the Vimalakirti Sutra, chapter eleven, the Bodhisattva Conduct, at lunch time when Manjusri Bodhisattva and other Buddha's disciples called on to enquire after Vimalakirti's health, Upasaka Vimalakirti obtained what was left over from the Buddha's meal in the Fragrant Land, and those who ate it at his abode give out this fragrance from their pores." Ananda then asked Vimalakirti: "How long does this fragrance last?" Vimalakirti replied: "It lasts until the rice has been digested." Ananda asked: "How long does this take?" Vimalakirti replied: "It will be digested after a week. Ananda, Sravakas who have not reached the right position (nirvana) will attain it after taking this rice which will then be digestible, and those who have attained nirvana will realize liberation of their minds (from the subtle conception of nirvana) and then the rice will be digested. Those who have not developed the Mahayana mind will develop it and then the rice will be digested. Those who have developed it and take this rice will achieve the patient endurance of the uncreate, and the rice will then be digestible. Those who have achieved the patient endurance of the uncreate and take this rice will reincarnate once more for final development into Buddhahood and the rice will be digested. Like an efficacious medicine which cures an ailment before wasting away, this rice will be digestible after it has killed all troubles and afflictions (klesa)." Ananda said to the Buddha: "World Honoured One, it is indeed a rare thing that this fragrant rice performs the Buddha work of salvation." The Buddha said: "It is so, Ananda, it is so. There are Buddha lands where the Buddha light performs the work of salvation. Where the Bodhisattvas perform it. Where illusory men created by the Buddha do it. Where the Bodhi-trees do it. Where the Buddha's robe and bedding do it. Where the rice taken by the Buddha does it. Where parks and temples do it. Where (the Buddha's) thirty-two physical marks and their eighty notable characteristics do it. Where the Buddha's body (rupa-kaya) does it. Where empty space does it. Living beings practice discipline with success because of these causes. Also used for the same purpose are dream, illusion, shadow echo, the image in a mirror, the moon reflected in water, the flame of a fire, sound, voice, word, speech and writing. The pure and clean Buddha land, silence with neither word nor speech, neither pointing, discerning, action nor activity. Thus, Ananda, whatever the Buddhas do by either revealing or concealing their awe-inspiring majesty, is the work of salvation."

**Chương Hai Mười Tám**  
**Chapter Twenty-Eight**

**Cảnh Giới Vô Tỷ Của Chư Như Lai**

**I. Tổng Quan Về Cảnh Giới:**

Cảnh là nơi tâm vin vào đó mà chạy theo gọi là cảnh, như pháp là nơi ý thức vin vào gọi là pháp cảnh, sắc là nhãn thức vin vào đó gọi là sắc cảnh, thanh là nơi nhĩ thức vin vào gọi là thanh cảnh, vân vân. Trong Phật giáo, chữ "cảnh" có nhiều nghĩa, như quang cảnh, môi trường, lãnh vực, phạm vi, đối tượng, hay kiến thức, vân vân. Thiên Phật giáo dường như có cách dùng chữ "cảnh" rất đặc biệt; thí dụ như "cảnh bất sinh" có nghĩa là một kinh nghiệm đặc biệt của Thiên chưa được khởi dậy trong người đệ tử. Như vậy, "cảnh" có nghĩa là cái kinh nghiệm hay kiến giải đặc biệt trong tâm, mà, dĩ nhiên có thể được xem như là một "đối tượng" được tâm quán tưởng hay lãnh hội. Hành giả nên luôn nhớ rằng cảnh duyên huyễn giả tạm hợp rồi tan như ánh chớp, như ảo tưởng, như ma. Hành giả nên nhớ rằng ngoại cảnh giới là cảnh không phải do nội tâm hiện ra, mà từ bên ngoài đến. Chính vì vậy mà một khi không bị ngoại cảnh chi phối, đó chính là có tu. Ngược lại, nếu bị ngoại cảnh chuyển, ấy là đọa lạc. Ngoại cảnh còn là điều kiện hay hoàn cảnh bên ngoài khiến cho người ta làm việc ác. Tất cả những trở ngại và bất toàn không do những điều kiện bên ngoài, mà là do tâm tạo. Nếu chúng ta không có sự tĩnh lặng nội tâm, không có thứ gì bên ngoài có thể mang lại hạnh phúc cho chúng ta. Có những cảnh giới riêng biệt khác nhau, cũng là biệt cảnh tâm sở (tâm sở của những cảnh riêng biệt). Theo Duy Thức Học, biệt cảnh là những ý tưởng hay trạng thái tâm thức khởi lên khi tâm được hưởng về những đối tượng hay điều kiện khác nhau. Theo Pháp Tướng Tông, biệt cảnh là những yếu tố của tâm sở bao gồm năm thứ: dục, thắng giải, niệm, định và huệ. Cảnh giới nghĩa đen là "phạm vi cho súc vật" hay "đồng cỏ cho súc vật," là một phạm vi cho hành động và đối tượng của giác quan. Trong Kinh Lăng Già, cảnh giới có nghĩa là một thái độ tâm linh chung mà người ta có đối với thế giới bên ngoài, hay đúng hơn là một khung cảnh tâm linh mà sự hiện hữu của con người được bao bọc trong đó. Trong tu tập, hành giả không nên "cảnh lý cầu hình", nghĩa là cố tìm

vật sau gương (xem thấy bóng dáng sự vật trong gương rồi đưa tay ra phía sau gương để nắm bắt vật đó), ý nói lấy giả làm thật (lộng giả thành chân), chỉ uổng công vô ích mà thôi. Như trên đã đề cập, ngoại cảnh giới là cảnh không phải do nội tâm hiện ra, mà từ bên ngoài đến. Tuy nhiên, cảnh như gió hay làm tâm động. Trong nhà Thiền thì Phướn Động, Gió Động Hay Tâm Động? Lục tổ Huệ Năng đã khẳng định với các vị sư đang cãi cọ trước tu viện Pháp Tâm rằng: “Chẳng phải phướn động, cũng chẳng phải gió động, mà là tâm của mấy ông động.”

## ***II. Mười Cảnh Giới Vô Tỷ Của Chư Như Lai:***

Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ cảnh giới vô tỉ bất tư nghì của chư Như Lai: tất cả chư Như Lai một lần ngồi kiết già cùng khắp mười phương vô lượng thế giới; tất cả chư Như Lai nói một cú nghĩa đều hay khai thị tất cả Phật pháp; tất cả chư Như Lai phóng một quang minh đều chiếu khắp tất cả thế giới; tất cả chư Như Lai ở nơi một thân đều hay thị hiện tất cả thân; tất cả chư Như Lai ở trong một xứ đều hay thị hiện tất cả thế giới; tất cả chư Như Lai ở trong một trí đều hay quyết rõ tất cả các pháp không bị ngăn ngại; tất cả chư Như Lai ở trong một niệm đều hay qua khắp mười phương thế giới; tất cả chư Như Lai ở trong một niệm đều hiện Như Lai vô lượng oai lực; tất cả chư Như Lai ở trong một niệm duyên khắp tam thế Phật và chúng sanh, tâm không tạp loạn; tất cả chư Như Lai ở trong một niệm cùng với tam thế tất cả Như Lai đồng một thể không hai.

## ***Tathagatas' Peerless Inconceivable Realms***

### ***An Overview of Realms:***

A prospect, region, territory, surroundings, views, circumstances, environment, area, field, sphere, environments and conditions, i.e., the sphere of mind, the sphere of form for the eye, of sound for the ear, etc. In Buddhism, the word "object" has many meanings, such as scene, environment, domain, sphere, object, understanding, etc. Zen Buddhists seemed to have a special usage of this word; for instance, a realm has not yet arisen (ching pu sheng) means a certain specific experience of Zen which has not yet arisen in the disciple. Thus "realm" means the specific experience or understanding within one's mind, which, of course, can be referentially treated as an "object" visualized or

comprehended by the mind. Practitioners should always remember that all things and conditions come together and disintegrate like a lightning, an illusion or a phantom. Practitioners should remember that external states or external realms are realms which are not created by the mind, but come from the outside. For this reason, if you can remain unperturbed by external states, then you are currently cultivating. On the contrary, if you are turned by external states, then you will fall. External states are also external conditions or circumstances which stir or tempt one to do evil. Problems and dissatisfaction do not develop because of external conditions, but from our own mind. If we don't have internal peace, nothing from outside can bring us happiness. There are different kinds of regions, states or conditions. According to the Mind-Only theories, different realms mean the ideas, or mental states which arise according to the various objects or conditions toward which the mind is directed. According to the Fa-Hsiang School, this group of elements falls under the general category of "mental function" which has five elements: desire, verification, recollection, meditation, and wisdom. Gocara means experience, mental attitude. Gocara literally means "a range for cattle," or "a pasturage," is a field for action and an object of sense. In the Lankavatara Sutra, it means a general attitude one assumes toward the external world, or a better spiritual atmosphere in which one's being is enveloped. In cultivation, practitioners should not try to find things behind the mirror, this indicates someone who fulfils what was promised in jest, only wastes the time without any result. As mentioned above, external states or external realms are realms which are not created by the mind, but come from the outside. However, the wind moving usually causes our minds moving. In Zen, the question for Zen practitioners is that the flag moving, the wind moving, or our minds moving? Several monks was arguing back and forth about the flag and the wind without reaching the truth in front of the Fa Hsin monastery in Kuang Chou. The sixth patriarch, Hui-Neng, said to them: "It is not the wind moving, neither the flag moving. It is your own minds that are moving."

## ***II. Tathagatas' Ten Peerless Inconceivable Realms:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of peerless inconceivable realms of all Tathagatas: all

Tathagatas, once sitting, pervade infinite worlds in the ten directions; all Tathagatas, uttering one logical statement, can express all Tathagatas teachings; all Tathagatas, emanating one light, can illuminate all worlds; all Tathagatas, in one body, can manifest all bodies; all Tathagatas can show all worlds in one place; all Tathagatas can ascertain all things within one knowledge without any impediment; all Tathagatas can travel to all worlds in the ten directions in a single moment of thought; all Tathagatas can manifest the infinite spiritual powers of the enlightened in a single instant; all Tathagatas can focus on all Tathagatas and sentient beings of past, present and future in a single instant without confusion of mind; all Tathagatas are in one instant essentially the same as all Tathagatas of past, future and present.

**Chương Hai Mươi Chín**  
**Chapter Twenty-Nine**

**Mười Tướng Xuất Hiện Của Đức Như Lai**

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Như Lai Xuất Hiện (37), có mười tướng xuất hiện của Đức Như Lai. **Tướng Xuất Hiện Thứ Nhất Của Như Lai:** Ví như Đại Thiên thế giới này, chẳng phải do một duyên, chẳng phải do một sự mà được thành tựu, phải do vô lượng duyên, vô lượng sự mới thành, những là nổi giăng mây lớn, tuôn xối mưa lớn, có bốn thứ phong luân nối tiếp nhau làm sở y và bốn thứ đại trí phong luân. Tứ Phong Luân Nối Tiếp Làm Sở Y, được tạo nên bởi cộng nghiệp của chúng sanh và thiện căn của chư Bồ Tát phát khởi, làm cho tất cả chúng sanh trong đó đều tùy sở nghi mà được thọ dụng. Vô lượng nhân duyên như vậy mới thành Đại Thiên thế giới. Pháp tánh như vậy không có sanh giả, không có tác giả, không có tri giả, không có thành giả, nhưng Đại Thiên thế giới vẫn được thành tựu: Năng Trì Phong luân, có khả năng trì đại thủy. Năng Tiêu Phong Luân, có khả năng tiêu đại thủy. Kiến Lập Phong luân, có khả năng kiến lập tất cả các xứ sở. Trang Nghiêm Phong Luân, có khả năng trang nghiêm và phân bố các điều thiện xảo. Tứ Đại Trí Phong Luân. Đức Như Lai thành Chánh Đẳng Chánh Giác như vậy, pháp tánh như vậy, vô sanh vô tác mà được thành tựu: Đại Trí Phong Luân Đà La Ni niệm trì chẳng quên vì hay trì tất cả đại pháp vân đại pháp vũ của Như Lai. Đại Trí Phong Luân Xuất Sanh Chỉ Quán vì hay tiêu diệt tất cả phiền não. Đại Trí Phong Luân Hồi Hương Thiện Xảo vì hay thành tựu tất cả thiện căn. Đại Trí Phong Luân Xuất Sanh Ly Cấu Sai Biệt Trang Nghiêm vì khiến quá khứ những chúng sanh được hóa độ, thiện căn của họ thanh tịnh, thành tựu sức thiện căn vô lậu của Như Lai. **Tướng Xuất Hiện Thứ Nhì Của Như Lai:** Ví như Đại Thiên thế giới lúc sắp thành lập, mây lớn tuôn mưa gọi là hồng chú. Tất cả phương xứ chẳng thể thọ, chẳng thể trì, chỉ trừ Đại Thiên thế giới. Cũng như vậy, Đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác nổi đại pháp vân, tuôn đại pháp vũ, gọi là thành tựu Như Lai xuất hiện, tất cả hàng nhị thừa tâm chí hẹp kém không thọ được, không trì được, chỉ trừ sức tâm tương tục của chư Đại Bồ Tát. **Tướng Xuất Hiện Thứ Ba Của Như Lai:** Ví như chúng sanh vì do nghiệp lực, mây lớn tuôn mưa, đến không từ đâu, đi không

về đâu. Cũng vậy, Đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác, do sức thiện căn của chư Bồ Tát, nổi đại pháp vân, tuôn đại pháp vũ, cũng không đến từ đâu, đi chẳng đến đâu. **Tướng Xuất Hiện Thứ Tư Của Như Lai:** Ví như mây lớn tuôn xối mưa lớn. Trong Đại Thiên thế giới tất cả chúng sanh không biết được số. Nếu muốn tính đếm, chỉ lường phát cuồng. Duy có Ma Hê Thủ La, chủ của Đại Thiên thế giới, do sức thiện căn đã tu từ quá khứ, nhãn đến một giọt đều biết rõ cả. Cũng vậy, Đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác nổi đại pháp vân, tuôn đại pháp vũ, tất cả chúng sanh, Thanh Văn Duyên Giác đều không biết được. Nếu muốn nghĩ lường, tâm ắt cuồng loạn. Chỉ trừ Đại Bồ Tát, chủ của tất cả thế gian, do sức giác huệ đã tu từ quá khứ, nhãn đến một văn một câu nhập vào tâm chúng sanh đều biết rõ. **Tướng Xuất Hiện Thứ Năm Của Như Lai:** Ví như mây lớn tuôn mưa, cũng như Đức Như Lai xuất hiện nổi đại pháp vân, tuôn đại pháp vũ. Có mây lớn mưa lớn tên là năng diệt, diệt được hỏa tai. Cũng như vậy, Đức Như Lai có đại pháp vũ tên là năng diệt, hay diệt tất cả phiền não của chúng sanh. Có mây lớn mưa lớn tên là năng khởi, năng khởi đại thủy. Cũng như vậy, Đức Như Lai có đại pháp vũ tên là năng khởi, hay khởi tất cả thiện căn của chúng sanh. Có mây lớn mưa lớn tên là năng chỉ, hay ngăn đại thủy. Cũng như vậy, Đức Như Lai có đại pháp vũ tên năng chỉ, hay ngăn kiến hoặc của tất cả chúng sanh. Có mây lớn mưa lớn tên là năng thành, hay thành tất cả các báu ma ni. Cũng như vậy, Đức Như Lai cũng có đại pháp vũ tên là năng thành vì nó hay thành tất cả trí huệ pháp bửu. Có mây lớn mưa lớn tên phân biệt, hay phân biệt Tam thiên Đại thiên thế giới. Đức Như Lai cũng có đại pháp vũ tên phân biệt, vì có khả năng phân biệt tất cả tâm sở thích của chúng sanh. **Tướng Xuất Hiện Thứ Sáu Của Như Lai:** Ví như mây lớn mưa lớn tuôn nước đồng một vị mà tùy những chỗ mưa có vô lượng sai biệt. Đức Phật cũng vậy, xuất hiện tuôn đại bi pháp thủy đồng một vị, mà tùy sở nghi thuyết pháp có vô lượng sai biệt. **Tướng Xuất Hiện Thứ Bảy Của Như Lai:** Ví như Đại Thiên thế giới, lúc mới thành lập, trước hết thành cung điện của trời cõi sắc, kế đến thành cung điện của trời cõi dục, kế đến thành chỗ của loài người và những loài khác. Cũng như vậy, Đức Như Lai xuất hiện, trước hết khởi những hạnh trí huệ Bồ Đề, kế khởi những hạnh trí huệ Duyên Giác, kế khởi những hạnh trí huệ thiện căn Thanh Văn, kế khởi những hạnh trí huệ thiện căn hữu vi của các chúng sanh khác. Như mây lớn tuôn nước một vị vì theo thiện



căn của chúng sanh sai khác nên khởi các loại cung điện chẳng đồng. Đại bi pháp vũ nhứt vị của Đức Như Lai tùy căn khí của chúng sanh mà có sai khác. **Tướng Xuất Hiện Thứ Tám Của Như Lai:** Ví như lúc thế giới ban đầu sắp thành lập, có đại thủy khởi dậy khắp đại thiên thế giới, sanh hoa sen lớn tên là Như Lai Xuất Hiện Công Đức Bửu Trang Nghiêm, che khắp trên mặt nước, ánh sáng chiếu tất cả thế giới mười phương. Lúc đó Ma Hê Thủ La và Tịnh Cư Thiên thấy hoa sen đó, liền quyết định biết trong kiếp này có bao nhiêu Đức Phật như vậy xuất thế. Mây lớn tuôn mưa một thứ nước đồng một vị không có sai khác. Do chúng sanh thiện căn chẳng đồng nên phong luân chẳng đồng. Phong luân sai khác nên thế giới sai khác. Cũng như vậy, Như Lai xuất hiện đầy đủ thiện căn công đức, phóng nhiều thứ quang minh đại trí vô thượng cứu độ nhiều chủng loại chúng sanh khác nhau. **Chủng Loại Phong Luân:** Bảy giờ trong đó có phong luân nổi lên tên là Thiên Tịnh Quang Minh hay làm thành cung điện chư Thiên cõi sắc. Lại có phong luân tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm hay thành cung điện chư thiên cõi dục. Lại có phong luân tên là Kiên Mật Vô Năng Hoại hay thành những đại và tiểu luân vi sơn cùng kim cang sơn. Lại có phong luân tên là Thắng Cao hay thành núi Tu Di. Lại có phong luân tên là Bất Động hay thành mười núi lớn (tên là Khư Đà La, Tiên Nhơn, Phục ma, Đại Phục Ma, Trì Song, Ni Dân Đà La, Mục Chơn Lân Đà, Ma Ha Mục Chơn Lân Đà, Hương Sơn và Tuyết Sơn). Có phong luân tên là An Trụ hay thành đại địa. Lại có phong luân tên Trang Nghiêm hay thành cung điện của địa thiên, long cung, càn thất bà cung. Có phong luân tên là Vô Tận Tạng hay thành tất cả các đại hải trong Đại Thiên Thế Giới. Có Phong luân tên là Phổ Quang Minh Tạng hay thành những ma ni bửu trong Đại Thiên thế giới. Có phong luân tên Kiên Cố Căn hay thành tất cả như ý thọ. **Quang Minh Đại Trí Vô Thượng của Phật:** Quang minh đại trí vô thượng tên là Trí Bất Tư Nghì chẳng dứt Như Lai chủng, chiếu khắp tất cả thế giới mười phương, thọ Như Lai quán đánh ký cho chư Bồ Tát sẽ thành Chánh Giác xuất hiện ra đời. Nước một vị đại bi của Như Lai không có phân biệt, vì các chúng sanh sở thích chẳng đồng, căn tánh đều khác nên khởi nhiều thứ phong luân sai khác, khiến các Bồ Tát thành tựu pháp Như Lai xuất hiện, trong đại trí phong luân xuất sanh các thứ trí huệ quang minh. Đức Như Lai xuất hiện lại có quang minh đại trí vô thượng tên là Thanh Tịnh Ly Cấu hay thành Phật trí vô lậu vô tận. Lại có quang minh đại trí vô thượng tên là

Phổ Chiếu thành trí bất tư nghì Như Lai khắp vào pháp giới. Lại có quang minh đại trí vô thượng tên là Trì Phật Chủng Tánh hay thành sức chẳng khuynh động của Như Lai. Lại có quang minh đại trí vô thượng tên là Hoánh Xuất Vô Năng Hoại hay thành trí vô úy vô hoại của Như Lai. Lại có quang minh đại trí vô thượng tên là Nhứt Thiết Thần Thông hay thành những pháp bất cộng nhứt thiết chủng trí của Như Lai. Lại có quang minh đại trí vô thượng tên là Xuất Sanh Biến Hóa hay thành trí chẳng hư mất của Như Lai, khiến người thấy, nghe, thân cận đều sanh thiện căn. Lại có quang minh đại trí vô thượng tên là Phổ Tùy Thuận hay thành thân trí huệ phước đức của Như Lai, vì tất cả chúng sanh mà làm lợi ích. Lại có quang minh đại trí vô thượng tên là Bất Khả Cứu Cánh hay thành diệu trí thâm thâm của Như Lai, tùy chỗ khai ngộ làm cho tam bảo chủng vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt. Lại có quang minh đại trí vô thượng tên là Chủng Chủng Trang Nghiêm hay thành thân tướng hảo trang nghiêm của Như Lai, khiến tất cả chúng sanh đều hoan hỷ. Lại có quang minh đại trí vô thượng tên là Bất Khả Hoại hay thành thọ mạng thù thắng vô tận đồng với hư không giới pháp giới của Như Lai. **Tướng Xuất Hiện Thứ Chín Của Như Lai:** Y như hư không khởi bốn phong luân giữ lấy thủy luân. Thủy luân hay giữ lấy đại địa cho khỏi tan hư. Vì thế nên nói địa luân y nơi thủy luân, thủy luân y nơi phong luân, phong luân y nơi hư không, hư không không chỗ y. Dầu không chỗ y mà hư không có thể làm cho Đại Thiên thế giới được an trụ. Cũng như vậy, Đức Như Lai xuất hiện y nơi quang minh vô ngại huệ phát khởi bốn thứ đại trí phong luân của Phật hay giữ lấy thiện căn của tất cả chúng sanh. Chư Phật Thế Tôn đại từ cứu hộ tất cả chúng sanh, đại bi độ thoát tất cả chúng sanh, đại từ đại bi lợi ích khắp cả. Nhưng đại từ đại bi y đại phương tiện thiện xảo, Phương tiện thiện xảo y Như Lai xuất hiện. Như Lai xuất hiện y vô ngại huệ quang minh. Vô ngại huệ quang minh không chỗ y: Nhiếp Đại Trí Phong Luân, nhiếp khắp chúng sanh đều làm cho hoan hỷ. Kiến Lập Chánh Pháp Đại Trí Phong Luân, khiến các chúng sanh đều ưa thích. Giữ Gìn Thiện Căn Đại Trí Phong Luân, giữ gìn tất cả thiện căn của chúng sanh. Phương Tiện Đại Trí Phong Luân, đủ tất cả phương tiện thông đạt vô lậu giới. **Tướng Xuất Hiện Thứ Mười:** Như Đại Thiên thế giới đã thành tựu rồi, nhiều ích vô lượng chúng sanh. Cũng vậy, Đức Như Lai xuất hiện nhiều thứ lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Về lợi ích của phong luân: Loài thủy tộc được lợi ích ở dưới nước. Chúng sanh trên bờ được lợi ích

trên đất liền. Chúng sanh trên không được lợi ích trên không. Về lợi ích của sự xuất hiện của Phật: Đức Như Lai xuất hiện lợi ích tất cả chúng sanh, người thấy Phật sanh hoan hỷ thời được lợi ích nơi sự hoan hỷ. Kẻ an trụ nơi tịnh giới thời được lợi ích nơi tịnh giới. Kẻ trụ nơi các thiện định và môn vô lượng thời được lợi ích nơi Thánh xuất thế đại thần thông. Kẻ trụ pháp môn quang minh thời được ích lợi như quả chẳng hoại. Kẻ trụ vô sở hữu quang minh thời được lợi ích tất cả pháp chẳng hoại.

### *Ten Types of Characteristics of Manifestation of a Tathagata*

According to The Flower Ornament Scripture, Chapter Manifestation of Tathagata (37), there are ten types of characteristics of manifestation of Tathagata. *The first characteristic of the manifestation of a Tathagata:* It is as a billion-world universe is not formed just by one condition, not by one phenomenon, it can be formed only by innumerable conditions, innumerable things. That is to say, the rising and spreading of great clouds and showering of great rain produce four kinds of atmosphere, continuously making a basis and four kinds of atmosphere of great knowledge of the enlightened. Four kinds of atmosphere, continuously make a basis, which produced by the joint actions of sentient beings and by the roots of goodness of Enlightening Beings, enabling all sentient beings to get the use of what they need. Innumerable of such causes and conditions form the universe. It is such by the nature of things, there is no producer or maker, no knower or creator, yet the worlds come to be: The holder, which can hold the great waters. The evaporator, which can evaporate the great waters. The structure, which can set up all places. The arrangement, which can arrange and distribute all the goodness. Four kinds of atmosphere of great knowledge of The Enlightened. The Buddhas' attainment of enlightenment in this way is thus by the nature of things, without production or creation, it nevertheless takes place: The atmosphere of great knowledge of mental command able to retain memory without forgetting, being able to hold the great clouds and rain of teachings of all Buddhas. The atmosphere of great knowledge producing tranquility and insight, being able to evaporate all afflictions. The atmosphere of great knowledge of skillful dedication, being able

to perfect all roots of goodness. The atmosphere of great knowledge producing undefiled, variegated, magnificent arrays of adornments, causing the roots of goodness of all beings taught in the past to be purified, and consummating the power of the untainted roots of goodness of The Enlightened. ***The second characteristic of manifestation of a Tathagata:*** Just as when billion-world universe is about to form, the rain falling from the great clouds, call “the deluge,” cannot be absorbed or held by any place except the universe when it is about to form, in the same way when the Buddha rouses the clouds of the Great Teaching and showers the rain of the Great Teaching those of the two lesser vehicles, whose minds and wills are narrow and weak, cannot absorb or hold it; this is possible only for the Great Enlightening Beings with the power of mental continuity. ***The third characteristic of manifestation of a Tathagata:*** Just as sentient beings, by the force of their acts, shower rain from great clouds, which do not come from anywhere or go anywhere, in the same way Great Enlightening Beings, by the power of their roots of goodness, rouse the clouds of the Great Teaching and shower the rain of the Great Teaching, yet it comes from nowhere and goes nowhere. ***The fourth characteristic of manifestation of a Tathagata:*** Just as no beings in the universe can count the drops of rain pouring from great clouds, and would go crazy if they tried, for only overlord god of the universe, by the power of roots of goodness cultivated in the past, is aware of every single drop, in the same way the Buddha produces great clouds of teachings and showers great rain of teachings that all sentient beings, seekers of personal salvation and self-enlightened ones cannot know, and they would surely go mad if they tried to assess them in thought; only the Great Enlightening Beings, lords of all worlds, by the power of awareness and intellect cultivated in the past, comprehended every single expression and phrase, and how they enter beings’ minds. ***The fifth characteristic of manifestation of a Tathagata:*** It is as when great clouds shower rain. The Buddha’s manifestation is also like this, producing great clouds of teaching, showering great rain of teaching. There is a great cloud raining called the extinguisher, because it can extinguish fire. In the same manner, the Buddha’s great rain of teaching also called extinguisher because it can extinguish all sentient beings’ afflictions. There is a great cloud raining called producer,

because it can produce floods. In the same manner, the Buddha's great rain of teaching also called producer because it can produce all sentient beings' roots of goodness. There is a great cloud raining called stopper, because it can stop floods. In the same manner, the Buddha's also has a great rain of teaching called stopper because it can stop all sentient beings' delusions of views. There is a great cloud raining called maker, because it can make all kinds of jewels. The Buddha also has a great rain of teaching called maker because it can make all jewels of wisdom. There is a great cloud raining called distinguisher, because it can distinguish the billion worlds of the universe. The Buddha also has a great rain of teaching called distinguisher because it distinguishes the inclinations of all sentient beings. ***The sixth characteristic of manifestation of a Tathagata:*** Just as the great clouds rain water of one flavor, yet there are innumerable differences according to where it rains, in the same way Buddha appearing in the world rains water of teaching of one flavor of great compassion, yet his sermons according to the needs of the situation are infinitely variegated. ***The seventh characteristic of manifestation of a Tathagata:*** When a billion-world universe first forms, the abodes of the heavens in the realm of form are made first, then the abodes of the heavens in the realm of desire, and then the abodes of human and other beings. Similarly Buddha appearing in the world first produces the knowledge of practices of Enlightening Beings, then the knowledge of practices of Individual Illuminates, then the knowledge of practices of listeners, then the knowledge of practices of conditional roots of goodness of other sentient beings. Just as the great clouds rain water of one flavor while the abodes created are variously dissimilar according to the differences in roots of goodness of sentient beings, Buddha's spiritual rain of the one flavor of compassion has differences according to the vessels, or capacities of sentient beings. ***The eighth characteristic of manifestation of a Tathagata:*** When the worlds are beginning, there is a great flood filling the billion-world universe, producing enormous lotus flowers, called array of jewels of virtues of the manifestation of Buddha, which cover the surface of the waters, their radiance illumining all worlds in the ten directions. Then the overlord god, the gods of the pure abodes, and so on, seeing these flowers, know for certain that in this eon there will be that many Buddhas appearing in

the world. The one-flavored water rained by the great clouds has no distinctions, but because the roots of goodness of sentient beings are not the same, the atmospheres are not the same, and because of the differences of the atmospheres, the worlds are different. The manifestation of the Buddha is also like this, replete with the virtues of all roots of goodness, emitting various different types of lights of unexcelled great knowledge to save different types of sentient beings.

*Categories of Atmospheres:* At that time there arises an atmosphere called highly purified light which makes the mansions of the heavens of the realm of form. There arises an atmosphere called array of pure lights, which makes the mansions of the heavens of the world of desire. There arises an atmosphere called firm, dense, and indestructible, which makes the great and small peripheral mountains and the iron mountains. There arises an atmosphere called Supreme High which makes the polar mountains. There arises an atmosphere called immovable which makes the ten great mountains. There arises an atmosphere called stabilization which makes the earth. There arises an atmosphere called adornment which makes the palaces of the earth and sky, of the water and sound spirits. There arises an atmosphere called inexhaustible treasury which makes all the oceans of the billion worlds. There arises an atmosphere called treasury of universal light which makes all the jewels of the billion worlds. There arises an atmosphere called steadfast root which makes all the wish-fulfilling trees of the billion worlds.

*The Buddha's lights of unexcelled great knowledge:* The Buddha emits the light of unexcelled great knowledge, called inconceivable knowledge perpetuating the lineage of Buddhas, illuminating all worlds in the ten directions, giving the Enlightening Beings the prediction that they will be coronated by all Buddhas, attain true enlightenment, and appear in the world. Buddha's water of the one flavor of compassion has no distinction, but because sentient beings' inclinations are not the same and their faculties and characters are different, it produces various atmospheres of great knowledge, enabling the sentient beings to accomplish the actual manifestation of Buddhahood; from the sphere of great knowledge they produce various kinds of lights of knowledge. The Buddha manifesting has another light of unexcelled great knowledge, called pure and undefiled, which makes the untainted inexhaustible knowledge of The Enlightened.

There is another light of unexcelled great knowledge, called universal illumination, which makes the Buddha's inconceivable knowledge universally penetrate the realm of reality. There is another light of unexcelled great knowledge, called sustaining the nature of Buddhahood, which makes the insuperable power of Buddha. There is another light of unexcelled great knowledge, called outstanding and incorruptible, which makes Buddha's fearless and incorruptible knowledge. There is another light of unexcelled great knowledge, called all spiritual powers, which makes Buddha's unique qualities and omniscience. There is another light of unexcelled great knowledge, called producing mystic transformation, which makes Buddha's knowledge of how to cause the roots of goodness produced by seeing, hearing, and attending Buddha to not be lost or decay. There is another light of unexcelled great knowledge, called universal accord, which makes Buddha's body of endless virtue and knowledge, doing what is beneficial for all beings. There is another light of unexcelled great knowledge, called inexhaustible, which makes Buddha's extremely profound, subtle knowledge causing the lineage of the three treasures not to die out, according to those who are enlightened by it. There is another light of unexcelled great knowledge, called various adornments, which makes the glorified body of Buddha, gladdening all sentient beings. There is another light of unexcelled great knowledge, called indestructible, which makes the inexhaustible, supreme life span of Buddha equal to the cosmos and the realm of space. ***The ninth characteristic of manifestation of a Tathagata:*** It is like the arising of four atmospheres in space that can sustain the sphere of water; the sphere of water can sustain the earth and prevent it from falling apart. Therefore, it is said that the sphere of the earth rests on the sphere of water, the sphere of water rests on the atmosphere, the atmosphere rests on space, and space does not rest on anything, it enables the universe to abide. The manifestation of Buddha is also like this, producing four kinds of atmosphere of great knowledge based on the unimpeded light of wisdom, able to sustain the roots of goodness of all sentient beings. The Buddhas benevolently rescue all living beings, compassionately liberate all living beings, their great benevolence and compassion universally aiding all; however, great benevolence and great compassion rest on great skill in means; great skill in means rests

on manifestation of Buddha; the manifestation of Buddha rests on the light of unimpeded wisdom; the light of unimpeded wisdom does not rest on anything: The atmosphere of great knowledge taking care of all sentient beings and inspiring joy in them. The atmosphere of great knowledge setting up right teaching and causing sentient beings to take to it. The atmosphere of great knowledge preserving all sentient beings' roots of goodness. The atmosphere of great knowledge containing all appropriate means, arriving at the realm where there are no taints or contaminations. ***The tenth characteristic of manifestation of a Tathagata:*** Once the billion-world universe has formed, it benefits countless various sentient beings. In the same way the manifestation of Buddha variously benefits all kinds of beings. Regarding the benefits of atmospheres: The water creatures receive the benefits of the water. The land creatures receive the benefits of the land. The sky creatures receive the benefits of the sky. Regarding the benefits of the manifestation of Buddha. The manifestation of Buddha benefits all sentient beings, those who become joyful on seeing Buddha gain the benefit of joy. Those who abide by the pure precepts gain the benefit of pure conduct. Those who abide in the meditation, concentration, and immeasurable minds gain the benefit of transmundane spiritual powers of saints. Those who abide in the lights of the ways of entry into the Teaching gain the benefit of the non-dissolution of cause and effect. Those who abide in the light of nonexistence gain the benefit of nondissolution of all truths.



**Chương Ba Mười**  
**Chapter Thirty**

**Những Thành Tựu Huyền Diệu Của Chư Như Lai**

**I. Mười Vô Lượng Sự Thành Tựu Của Chư Như Lai:**

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Ly Thế Gian (38), có mười vô lượng trăm ngàn vô số sự được thành tựu khi có sự xuất hiện của Đức Như Lai. Vô lượng a tăng kỳ pháp môn viên mãn như vậy mà thành tựu Như Lai. Thứ nhất do quá khứ vô lượng Bồ Đề Tâm nhiếp thọ tất cả chúng sanh mà sự xuất hiện của Đức Như Lai được thành tựu. Thứ nhì do quá khứ vô lượng chí nguyện thanh tịnh thù thắng mà sự xuất hiện của Đức Như Lai được thành tựu. Thứ ba do quá khứ vô lượng đại từ đại bi cứu hộ tất cả chúng sanh mà thành tựu. Thứ tư do quá khứ vô lượng hạnh nguyện tương tục mà thành tựu. Thứ năm do quá khứ vô lượng tu các phước trí tâm không nhằm đủ mà thành tựu. Thứ sáu do quá khứ vô lượng cúng dường chư Phật giáo hóa chúng sanh mà thành tựu. Thứ bảy do quá khứ vô lượng trí huệ phương tiện thanh tịnh đạo mà thành tựu. Thứ tám do quá khứ vô lượng thanh tịnh công đức tạng mà thành tựu. Thứ chín do quá khứ vô lượng trang nghiêm đạo trí mà thành tựu. Thứ mười do quá khứ vô lượng thông đạt pháp nghĩa mà thành tựu.

**II. Mười Vô Lượng Bất Tư Nghì Pháp Thành Tựu Viên Mãn Của Chư Như Lai:**

Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ vô lượng bất tư nghì Phật pháp viên mãn của chư Phật. Thứ nhất là chư Như Lai mỗi tướng thanh tịnh đều thành tựu đủ trăm phước. Thứ nhì là chư Như Lai thấy đều thành tựu Phật pháp. Thứ ba là chư Như Lai thấy đều thành tựu tất cả thiện căn. Thứ tư là chư Như Lai thấy đều thành tựu tất cả công đức. Thứ năm là chư Như Lai đều hay giáo hóa tất cả chúng sanh. Thứ sáu là chư Như Lai đều hay vì tất cả chúng sanh mà làm chủ. Thứ bảy là chư Như Lai đều thành tựu cõi Phật thanh tịnh. Thứ tám là chư Như Lai đều thành tựu như thuyết chủng trí. Thứ chín là chư Như Lai đều thành tựu sắc thân tướng hảo, người thấy thân Phật đều được lợi ích, công chẳng lường lường. Pháp vô lượng bất tư nghì viên mãn thứ mười của chư Như Lai: Chư Như Lai đều đủ đầy chánh pháp bình đẳng. Chư Như

Lai sau khi xong Phật sự, chẳng có Đức Như Lai nào chẳng nhập Niết bàn.

### ***Buddhas' Marvellous Fulfillments***

#### ***I. Ten Infinities of Things That the Manifestation of Tathagatas Can Be Accomplished:***

According to the Flower Ornament Scripture, Chapter 38, Manifestation of a Tathagata, there are ten infinities of things that the manifestation of a Tathagata can be accomplished. When these infinite, incalculable aspects of the Teaching are fulfilled, one becomes a Tathagata. First, the manifestation of a Tathagata is accomplished by the mind of enlightenment in the past that took care of infinite sentient beings. Second, it is accomplished by the infinite supreme aspiration of the past. Third, it is accomplished by great benevolence and compassion, which infinitely saved all sentient beings in the past. Fourth, it is accomplished by infinite continuous commitments of the past. Fifth, it is accomplished by infinite cultivation of virtues and knowledge tirelessly in the past. Sixth, it is accomplished by infinite service of Tathagatas and education of sentient beings in the past. Seventh, it is accomplished by infinite pure paths of wisdom and means in the past. Eighth, it is accomplished by infinite pure virtues of the past. Ninth, it is accomplished by infinite ways of adornment in the past. Tenth, it is accomplished by infinite comprehensions of principles and meanings in the past.

#### ***II. Ten Kinds of Measureless, Inconceivable Ways of Fulfillment of all Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of measureless, inconceivable ways of fulfillment of Buddhahood of all Tathagatas. First, the pure features of all Tathagatas each contain a hundred blessings. Second, all Tathagatas accomplish all Buddha teachings. Third, all Tathagatas perfect all roots of goodness. Fourth, all Tathagatas perfect all virtuous qualities. Fifth, all Tathagatas can teach all sentient beings. Sixth, all Tathagatas can be leaders of sentient beings. Seventh, all Tathagatas perfect pure Buddha-lands. Eighth, all Tathagatas achieve omniscient knowledge.

Ninth, all Tathagatas develop the physical marks and refinements of goodness; all who see them benefit, this effort is not in vain. The tenth kind of measureless, inconceivable ways of fulfillment of Buddhahood of all Tathagatas: All Tathagatas are imbued with the impartial reality of enlightened ones. All Tathagatas after having done their Tathagata-work, manifest entry into nirvana.



**Chương Ba Mươi Một**  
**Chapter Thirty-One**

**Huyền Nghiệp Của Chư**  
**Như Lai Trong Kinh Địa Tạng**

**I. Tổng Quan Về Huyền Nghiệp Của Chư Như Lai Trong Kinh Địa Tạng:**

Theo Kinh Địa Tạng, Phẩm Xưng Danh Hiệu Chư Như Lai (Phẩm 9), ngài Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nay con vì chúng sanh trong đời sau mà phô bày sự lợi ích, làm cho trong vòng sanh tử đặng nhiều lợi ích lớn. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép con nói đó.” Đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ Tát rằng: “Nay ông muốn khởi lòng từ bi cứu vớt tất cả chúng sanh mắc phải tội khổ trong sáu đường, mà diễn nói sự chẳng thể nghĩ bàn, bây giờ chính đã phải lúc, vậy ông nên nói ngay đi. Giả sử ông có thể sớm làm xong nguyện đó, dầu Ta có vào Niết Bàn, cũng không còn phải lo ngại gì đến tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai nữa.”

**II. Chi Tiết Về Huyền Nghiệp Của Chư Như Lai Trong Kinh Địa Tạng:**

1) *Vô Biên Thân Như Lai*: Ngài Địa Tạng bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vô lượng vô số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Biên Thân Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật đây mà tạm thời sanh lòng cung kính, liền đặng siêu việt tội nặng sanh tử trong bốn mươi kiếp, hưởng là vẽ đắp hình tượng cúng dường tán thán! Người này được vô lượng vô biên phước lợi. 2) *Bửu Thắng Như Lai*: Lại hằng hà sa số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bửu Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào được nghe danh hiệu của đức Phật đây, phát tâm quy-y với Phật trong khoảng khảy móng tay, người này trọn hẳn không còn thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. 3) *Ba Đầu Ma Thắng Như Lai*: Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào, nghe danh hiệu của đức Phật đây thoát qua lỗ tai, người này sẽ được một ngàn lần sanh lên sáu tầng trời dục giới, hưởng nữa là

chí tâm xưng niệm! 4) *Sư Tử Hống Như Lai*: Lại bất khả thuyết bất khả thuyết vô số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Sư Tử Hống Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, mà phát tâm quy-y chùng trong một niệm, người này sẽ đặng gặp vô lượng các đức Phật xoa đánh thọ ký cho. 5) *Câu Lưu Tôn Như Lai*: Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Câu Lưu Tôn Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật đây, chí tâm chiêm ngưỡng lễ bái, hoặc tán thán, người này nơi pháp hội của một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp làm vị Đại Phạm Vương, đặng Phật thọ ký đạo Vô thượng cho. 6) *Tỳ Bà Thi Như Lai*: Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe được danh hiệu của đức Phật đây, thời mãi không còn sa đọa vào chốn ác đạo, thường được sanh vào chốn trời người, hưởng lấy sự vui thù thắng vi diệu. 7) *Đa Bửu Như Lai*: Lại vô lượng vô số hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đa Bửu Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, sanh lòng cung kính, không bao lâu người ấy sẽ đặng quả A La Hán. 8) *Ca Sà Tràng Như Lai*: Lại vô lượng vô số kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Ca Sà Tràng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe được danh hiệu của đức Phật đây, thời người này sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp. 9) *Đại Thông Sơn Vương Như Lai*: Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe được danh hiệu của đức Phật đây, thời người này đặng gặp hằng hà chư Phật nói nhiều pháp mầu cho, đều đặng thành đạo Bồ Đề. 10) *Lại còn nhiều đức Như Lai khác*: Lại về thuở quá khứ, có các đức Phật Tịnh Nguyệt Phật, đức Sơn Vương Phật, đức Trí Thắng Phật, đức Tịnh Danh Vương Phật, đức Trí Thành Tự Phật, đức Vô Thượng Phật, đức Diệu Thịnh Phật, đức Mãn Nguyệt Phật, đức Nguyệt Diện Phật, có bất khả thuyết đức Phật Thế Tôn như thế. Tất cả chúng sanh trong thời hiện tại cùng thuở vị lai, hoặc là trời, người, hoặc là nam, hoặc người nữ chỉ niệm danh hiệu của một đức Phật thời sẽ đặng vô lượng công đức, huống nữa là niệm được nhiều danh hiệu. Những chúng sanh đó lúc sanh lúc tử đặng nhiều phước lợi, không còn phải đọa vào ác đạo nữa.

***III. Công Hiệu Của Việc Xưng Niệm Hồng Danh Của Các Đức Như Lai Đây:***

Như có người nào sắp mạng chung, hàng thân quyến trong nhà nhìn đến một người vì người bệnh sắp chết đó mà niệm lớn tiếng danh hiệu của một đức Phật, thời người chết đó, trừ năm tội lớn vô gián, các nghiệp báo khác đều tiêu sạch cả. Năm tội lớn vô gián kia dầu rất nặng nề đáng lẽ trải qua ức kiếp hẳn không ra khỏi đặng quả khổ, nhưng bởi lúc lâm chung, nhờ người khác vì đó mà xưng niệm danh hiệu của Phật nên những tội nặng đó cũng lần lần tiêu sạch. Huống là chúng sanh tự mình xưng danh hiệu của chư Phật, người này đặng vô lượng phước lành, trừ diệt vô lượng khổ.

***Thus-Come Ones' Wonderful Works  
In the Earth-Store Sutra***

***I. An Overview of the Thus-Come Ones' Wonderful Works in the Earth-Store Bodhisattva Sutra:***

According to the Earth-Store Bodhisattva Sutra, The Titles of Tathagatas, Chapter 9, Earth Store Bodhisattva Mahasattva said to the Buddha: "World Honored One! I shall now proclaim a beneficial act for the sake of living beings of the future, so that they may obtain great benefit in the midst of life and death. Please, World Honored One, hear my words." The Buddha told Earth Store Bodhisattva: "With your great compassion you now wish to proclaim the inconceivable task of rescuing all those in the six paths who suffer for their offenses. Now is just the right time, but you should speak quickly, for I am about to enter Nirvana, and will allow you to complete your vow soon; and I shall not be worried about living beings of the present or future."

***II. Details of the Thus-Come Ones' Wonderful Works in the Earth-Store Bodhisattva Sutra:***

1) *Boundless Body Thus Come One:* Earth Store Bodhisattva said to the Buddha: "World Honored One! In the past, numberless (innumerable) asmkheyas of kalpas ago, a Buddha named Boundless Body Thus Come One, appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and even temporarily gives rise to a thought of respect, that person will overstep the heavy offenses of forty aeons of

birth and death. How much more will one be able to do this one sculpts or paints this Buddha's image, or praises and makes offering to him. The merit achieved is limitless and unbounded. 2) *Jewel Nature Thus Come One*: Furthermore, in the past, as many aeons ago as there are grains of sand in the Ganges River, a Buddha named Jewel Nature Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears the name of this Buddha and in the space of a finger-snap decides to take refuge, that person will never retreat from the unsurpassed path. 3) *Padma Victory Thus Come One*: Furthermore, in the past, a Buddha named Padma Victory Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name, as it passes through his or her ear faculty, that person will be reborn one thousand times in the six desire heavens. How much more will this be true if he or she sincerely recites the name of that Thus Come One. 4) *Lion's Roar Thus Come One*: Furthermore, in the past, indescribable asamkheyas of aeons ago, a Buddha named Lion's Roar Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and in a single thought takes refuge, that person will encounter numberless (innumerable) Buddhas, who will rub the crown of his or her head and bestow a prediction of enlightenment upon the individual. 5) *Krakucchanda Tathagata*: Furthermore, in the past, a Buddha named Krakucchanda appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and sincerely beholds, worships, or praises him, that person will become the king of the Gray Brahma Heaven in the assemblies of the one thousand Buddhas of the Worthy Aeon, and will there receive a superior prediction. 6) *Vipashin Tathagata*: Furthermore, in the past, a Buddha named Vipashin appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name, that person will eternally avoid falling into the evil paths and will always be born among people or gods, and will experience unsurpassed bliss. 7) *Jeweled Appearance Thus Come One*: Furthermore, in the past, a Buddha named Jeweled Appearance Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name and gives rise to a thought of respect, that person will, before long, attain the fruit of Arhatship. 8) *Kashaya Banner Thus Come One*: Furthermore, limitless asamkheyas of aeons ago, a Buddha named Kashaya Banner Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name, that person will overcome



the offenses of birth and death for one hundred great aeons. 9) *Great Penetration Mountain King Thus Come One*: Furthermore, in the past, a Buddha named Great Penetration Mountain King Thus Come One appeared in the world. If a man or woman hears this Buddha's name, that person will encounter as many Buddhas as there are grains of sand in the Ganges, who will speak Dharma extensively for that person, and that person will certainly realize Bodhi. 10) *There are still many Other Tathagatas*: Furthermore, in the past, there were Buddhas named Pure Moon Buddha, Mountain King Buddha, Wise Victory Buddha, Pure Name King Buddha, Accomplished Wisdom Buddha, Unsurpassed Buddha, Wonderful Sound Buddha, Full Moon Buddha, Moon-Face Buddha, and other such indescribable Buddhas. World Honored One, living beings of the present and future, whether gods or humans, men or women, will obtain limitless meritorious virtues by merely reciting one Buddha's name. How much the more if they recite many names. At the time of birth and that of death, all these living beings will personally obtain great benefit, and will never fall into the evil paths.

### ***III. Effects of Recitation of These Tathagatas' Names:***

If anyone in a dying person's family loudly recites one Buddha's name for the sake of the dying person, the karmic retribution of the dying person will be totally eradicated except for the uninterrupted retribution resulting from the five offenses. The five offenses warranting uninterrupted retribution are so extremely heavy that one who commits them does not escape retribution for myriads of aeons. If, however, at the time of the offender's death, another person recites the names of Buddhas on that person's behalf, that person's offenses can be gradually wiped away. How much more will this be true for living beings who recite those names themselves. Their merit is limitless and eradicates measureless (without measure) offenses.



**Chương Ba Mươi Hai**  
**Chapter Thirty-Two**

**Phương Tiện Thiện Xảo Của Chư Như Lai**

**I. Tổng Quan Về Phương Tiện Thiện Xảo Của Chư Như Lai:**

Theo Phật giáo, phương tiện thiện xảo là phương tiện tốt lành và tinh xảo mà chư Như Lai và chư Bồ Tát tùy căn tánh của các loại chúng sanh mà ‘quyển cơ nghi’ hay quyền biến hóa độ họ từ phàm lên Thánh (từ si mê thành giác ngộ). Các bậc trí lực không chấp nê nơi hình thức, họ chỉ coi hình thức như những phương tiện thiện xảo để tiến tu và đạt cứu cánh là quả vị Phật. Vì nhiều hoàn cảnh khác nhau khởi lên nên người ta phải dùng phương cách nào thích hợp cho từng lúc từng nơi. Qua những phương tiện thiện xảo này mà chư Như Lai và chư Bồ Tát có thể cứu vớt và dẫn dắt chúng sanh giác ngộ.

**II. Mười Phương Tiện Thiện Xảo Của Chư Phật:**

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười phương tiện thiện xảo của chư Như Lai. Phương tiện thiện xảo thứ nhất nói rằng chư Như Lai biết tất cả pháp đều rời nhân đằm hý luận, mà vẫn hay khai thị thiện căn của chư Như Lai. Phương tiện thiện xảo thứ nhì nói rằng chư Như Lai biết tất cả pháp đều không chỗ thấy, đều chẳng biết nhau, không trối không mở, không thọ không nhóm, không thành tựu tự tại rốt ráo đến bờ bên kia. Tuy vậy các Ngài cũng đều biết nơi các pháp chẳng riêng chẳng khác mà được tự tại; không không thọ, chẳng hoại thực tế, đã được đến nơi bậc đại tự tại. Các Ngài thường hay quán sát tất cả pháp giới. Phương tiện thiện xảo thứ ba nói rằng chư lia bỏ các tướng; tâm không sở trụ, mà biết rõ tất cả chẳng loạn lầm. Dầu biết tất cả tướng đều không tự tánh, mà đúng như thể tánh của nó vẫn hay khéo vào. Các ngài cũng thị hiện vô lượng sắc thân và tất cả Phật độ thanh tịnh. Các ngài nhóm đềm trí huệ diệt sự tối lầm của chúng sanh. Phương tiện thiện xảo thứ tư nói rằng chư Như Lai trụ nơi pháp giới, chẳng trụ quá khứ, vị lai hay hiện tại, vì trong tánh như như không có tướng tam thế. Dầu vậy chư Như Lai vẫn hay diễn thuyết tam thế vô lượng chư Như Lai xuất hiện thế gian, làm cho người nghe thấy khắp cảnh giới của tất cả chư Như Lai. Phương tiện thiện xảo thứ năm nói rằng thân ngữ ý của chư Phật không chỗ tạo tác, không lai không khứ,

không trụ; rời những số pháp ấy đến nơi tất cả pháp bị ngại. Dầu vậy các Ngài vẫn lấy thân khẩu ý làm tạng tàng trữ các pháp, đủ vô lượng trí, rõ suốt những pháp thế gian xuất thế, trí huệ vô ngại, mà thị hiện vô lượng thần lực tự tại để điều phục tất cả pháp giới chúng sanh. Phương tiện thiện xảo thứ sáu nói rằng chư Phật biết tất cả các pháp chẳng thấy được, chẳng phải một, cũng chẳng phải khác, chẳng phải lượng chẳng phải vô lượng, chẳng lai chẳng khứ, tất cả đều không có tự tánh, nhưng cũng chẳng trái với các pháp thế gian. Tất cả những người trí ở trong không tự tánh, mà thấy tất cả cũng như tự tại với các pháp, nói rộng các pháp mà thường an trụ nơi chơn như thật tánh. Phương tiện thiện xảo thứ bảy nói rằng chư Như Lai ở trong một thời gian mà biết tất cả thời gian, đủ thiện căn thanh tịnh và nhập chánh vị mà không sợ trước. Nơi tất cả thời gian từ ngày, tháng, năm, kiếp, đến thành hoại, chẳng trụ cũng chẳng bỏ. Các Ngài luôn thị hiện hoặc ngày, hoặc đêm, một ngày, bảy ngày, nửa tháng, một tháng, một năm, trăm năm, một kiếp, nhiều kiếp, bất khả tư nghì kiếp, vô lượng bất khả thuyết kiếp, nhãn đến tận vị lai kiếp, vẫn hằng vì chúng sanh chuyển diệu pháp luân, chẳng đoạn chẳng thối không thôi dứt. Phương tiện thiện xảo thứ tám nói rằng chư Như Lai luôn trụ nơi pháp giới thành tựu vô lượng Như Lai vô úy và những biện tài sau đây: bất khả số biện tài, bất khả lượng biện tài, vô tận biện tài, vô đoạn biện tài, vô biên biện tài, bất cộng biện tài, vô cùng biện tài, chơn thật biện tài. Dầu vậy các Ngài vẫn phương tiện khai thị tất cả cú biện và tất cả pháp biện. Tùy theo căn tánh và cùng dục giải, dùng các thứ pháp môn nói bất khả thuyết kế kinh, sơ trung hậu thủy đều rất ráo. Phương tiện thiện xảo thứ chín nói rằng chư Như Lai trụ tịnh pháp giới, biết tất cả các pháp vốn không danh tự; không tên quá khứ, không tên hiện tại hay vị lai; không tên chúng sanh, không tên phi chúng sanh; không tên quốc độ, không tên phi quốc độ; không tên pháp không tên phi pháp; không tên công đức, không tên phi công đức; không tên Bồ Tát; không tên Phật; không tên số, không tên phi số; không tên sanh, không tên diệt; không tên có, không tên không; không tên một, không tên nhiều. Thể tánh các pháp bất khả thuyết. Tất cả các pháp không phương xứ, chẳng thể hiệp nói, chẳng thể tan nói, chẳng thể nhiều nói, âm thanh chẳng đến, ngôn ngữ đều dứt. Các Ngài dầu nương theo thế tục trong các thứ ngôn thuyết, mà không chỗ phan duyên, không chỗ tạo tác, xa lìa tất cả mọi tướng chấp hư vọng để rất ráo đến bến bờ bên kia.

Phương tiện thiện xảo thứ mười nói rằng chư Như Lai biết tất cả các pháp bốn tánh tịch tịnh; chẳng sanh cũng chẳng thị hiện; chẳng sắc chẳng thọ; chẳng danh chẳng số; chẳng phải tướng; chẳng tạo tác; chẳng phải phan duyên; chẳng phải chấp thủ, chẳng phải thức. Không nhập xứ nên chẳng phải xứ; vô sở đắc nên chẳng phải giới. Nhưng cũng chẳng hoại tất cả các pháp, bốn tánh các pháp vô khởi vì như hư không. Tất cả các pháp thấy đều không tịch, không nghiệp quả, không tu tập, không thành tựu, không xuất sanh; chẳng số chẳng không số; chẳng hữu chẳng vô; chẳng sanh chẳng diệt; chẳng cấu chẳng tịnh; chẳng lai chẳng khứ; chẳng trụ chẳng không trụ; chẳng điều phục, chẳng không điều phục; chẳng phải chúng sanh, chẳng phải không chúng sanh; chẳng thọ mạng, chẳng không thọ mạng; chẳng như duyên chẳng không như duyên. Chư Như Lai đều biết rõ những thứ này, các Ngài cũng biết rõ những chúng sanh chánh định, tà định, bất định, nên vì họ mà thuyết pháp cho họ được đến bỉ ngạn, thành tựu thập lực, tứ vô úy, hay sư tử hống, đủ nhưt thiết trí và trụ nơi cảnh giới của chư Như Lai.

### *Skill in Means of All Tathagatas*

#### ***I. An Overview of Tathagatas' Skills in Means (Expedient Methods):***

Extraordinary Skilful Means (Upaya-kausalya or Upaya-kosallam) is a good and virtuous practice which Tathagatas and Maha-Bodhisattvas use to follow and adapt to the individual capacity, personality, and inclination of sentient beings to aid and transform them from unenlightened to enlightened beings. Practitioners who possess wisdom are no longer attached to forms and appearances; because forms and appearances are only expedients for them to advance in cultivation to obtain the Buddhahood. Because of the different situations that arise, one has to use methods suited to the particular time and place. Expedient dharma implies that the methods are not constant and changing, but rather impromptu methods set up for a special purpose. Through those expedient methods or strategies, Tathagatas or Bodhisattvas can help rescue and lead other beings to Enlightenment.

***II. Ten Kinds of Skill in Means of all Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of skill in means of all Buddhas. The first kind of skill in means states that all Tathagatas know all things are beyond idle philosophizing, yet can demonstrate the roots of goodness. The second kind of skill in means states that all Tathagatas know all things have no vision; they are unknown to each other; they have no bondage or release, and no reception or assembly; no consummation, and independently ultimately reach the other shore. Meanwhile they know the true reality of all things is unvarying, not different, and they attain freedom; selflessly, without grasping, not destroying ultimate truth, having reached the state of great freedom. They always observe all realms of reality. The third kind of skill in means states that all Tathagatas are forever aloof from all appearances; their minds do not dwell on anything, yet they know all appearances without confusion or error. While they know all appearances have no intrinsic nature of their own, yet they are able to perceive them all in accord with their essence. They also manifest the infinite appearances of the various adornments of innumerable physical bodies and pure Buddha-lands. They gather lamps of knowledge and wisdom, and destroy the delusions of sentient beings. The fourth kind of skill in means states that all Tathagatas abide in the realm of reality; they do not dwell in the past, future or present, because in Thusness as such there are no marks of the three time frames of past, future or present. Yet they can speak about the emergence in the world of innumerable Buddhas of past, future and present, causing those who hear to see the realms of all the Buddhas. The fifth kind of skill in means states that all Tathagatas, in their physical, verbal, and mental actions, do not create anything, have no coming or going, and no abiding; beyond all categories, they reach the other shore of all things. Yet they are treasuries of all truths, imbued with immeasurable knowledge, comprehending all kinds of mundane and transmundane things, their knowledge and wisdom unhindered, manifesting immeasurable autonomous spiritual powers, edifying the sentient beings of all realms. The sixth kind of skill in means states that all Tathagatas know that all things cannot be seen, are neither one nor different, are neither finite nor infinite, are not coming or going, all being without inherent nature of their own, yet they do not

contravene the phenomena of the world. The all-knowers see all things in the midst of nonexistence of own-being or inherent nature; being independent of things, they extensively explain things while always abiding steadily in the real nature of True Thusness. The seventh kind of skill in means states that all Tathagatas know all times in one time, endowed with pure virtues and they enter the absolute state, yet without any attachment to it. In regard to time frames such as day, month, year, eon, becoming, and decomposition, they neither remain within them nor abandon them. Yet they are able to show day or night, beginning, middle, and end, one day, one week, a fortnight, a month, a year, a century, an eon, many eons, inconceivable eons, inexpressible eons, as far as all the eons throughout the future always turning the wheel of the sublime Teaching for the sake of sentient beings, without interruption, without retreating, without pause. The eighth kind of skill in means states that all Tathagatas always remain in the realm of reality, develop the infinite fearlessness of the Tathagatas as well as their following intellectual powers: countless, measureless, inexhaustible, ceaseless, boundless, unique, endless, and true intellectual powers. Yet they appropriately demonstrate and explain all expressions and explanation of all principles. Delivering untold millions of discourses using various doctrines adapted to faculties and nature, inclinations and understandings, all ultimately good in the beginning, the middle, and the end. The ninth kind of skill in means states that all Tathagatas, abiding in the pure realm of reality, know all things originally have no names; there being no name of past, present, or future; no name of sentient beings, no name of inanimate beings; no name of country or land, no name of noncountry; no name of law or nonlaw; no name of virtue or nonvirtue; no name of enlightening being, no name of Tathagata; no name of sets, no name of nonsets; no name of birth, no name of extinction; no name of existence, no name of nonexistence; no name of unity, no name of variety. The essential nature of things is inexpressible. All things are without location or position, cannot be explained as assembling or dispersing, as one or as many, no verbalization can reach them, all words fail. Though the Buddhas speak in various ways according to conventional usage, they do not cling to anything as mental objects, do not make anything up, and avoid all false conceptual attachments; in this way they ultimately

reach the other shore. The tenth kind of skill in means states that all Tathagatas know the fundamental nature of all things is null because it has no birth nor manifestation; it is not form nor sensation; it has no name nor categories; it is not conception; it has no action; it is not conditioning; it has no grasping; it is not consciousness. It has no access; it is not sense mediums; it apprehends nothing; it is not sense elements. Yet it does not destroy things because the original nature has no origination, is like space. All phenomena are empty and quiescent; there is no action nor effect, no cultivation, no accomplishment, no production. They are not in sets, yet not out of order; not existent or nonexistent; not born or annihilated; not defiled nor pure; not entering or exiting; not abiding, not transitory; not edifying, not unedifying; not beings, not not beings; not living, not lifeless; not cause, not causeless. While knowing this, the Buddhas know all sentient beings, whether they are rightly stabilized, wrongly stabilized, or not stabilized, and teach them the subtle truth to enable them to reach the other shore, attain the ten powers and the four fearlessnesses, be able to roar the lion's roar, be imbued with universal knowledge, and abide in the realm of Buddhahood.



**Chương Ba Mười Ba**  
**Chapter Thirty-Three**

**Tam Muội Của Chư Như Lai**

**I. Tổng Quan Về Tam Muội:**

Tam muội là trạng thái của tâm trụ trên một đối tượng duy nhất. Trong Phật giáo Đại Thừa, “samadhi” chỉ sự thăng bằng bên trong, sự yên tĩnh và tập trung tinh thần, hay trạng thái tĩnh tâm hoàn toàn của tinh thần, nhưng không mất đi ý thức về hiện thực. Đây là một trạng thái phi nhị nguyên, mà đặc trưng của nó là mọi sự phân biệt giữa chủ thể và đối tượng, bên trong và bên ngoài, đều biến mất. Chủ thể và đối tượng chỉ là một. Theo Phật giáo, Tam Muội có nghĩa là tâm định tĩnh, không bị quấy rối. Sự nối kết giữa người quán tưởng và đối tượng thiền. Trong nhà Thiền, Tam Muội chẳng những ám chỉ sự quân bình, tĩnh lặng hay nhất tâm bất loạn, mà nó còn ám chỉ trạng thái tập trung mãnh liệt nhưng không hề gắng sức, mà là sự thấm nhập trọn vẹn của tâm trong chính nó hay là sự trực quan cao rộng (nhập chánh định). Tam Muội và Bồ Đề đồng nhất với nhau theo cái nhìn của tâm Bồ Đề Giác Ngộ, tuy nhiên nhìn theo giai đoạn đang phát triển thì tam muội và ngộ khác nhau. Tam muội còn có nghĩa là định hay tập trung tinh thần vào một đối tượng duy nhất, đạt được do thực tập thiền định hay sự phối hợp giữa thiền định và trí tuệ Bát nhã. Định là trạng thái tập trung tinh thần, kết quả trực tiếp của thiền và quán tưởng. Định là công cụ chính dẫn tới đại giác. Định là trạng thái ý thức phi nhị nguyên, kết hợp cả chủ thể và đối tượng. Định chẳng phải là kèm giữ tâm tại một điểm, mà cũng không là dời tâm từ chỗ này đến chỗ khác, vì làm như vậy là theo tiến trình của nhị nguyên. Bước vào định là bước vào trạng thái tĩnh tâm.

Tam muội gồm có hai loại: 1) định trong thiền chỉ có nghĩa là không phóng tâm, nghĩa là tâm chánh niệm kịp thời và chính xác vào những gì đang xảy ra. Khi tâm chánh niệm một cách tốt đẹp và liên tục vào tất cả những gì đang xảy ra thì tâm sẽ ở vào tình trạng mà thiền giả gọi là định tam muội hay nhập định. Như vậy, nhập định có nghĩa là tâm dính chặt vào đề mục và quán sát đề mục đó. lúc bấy giờ tâm hoàn toàn tập trung, dính chặt vào một đề mục duy nhất, một hình ảnh trong tâm chẳng hạn, như tâm tập trung vào một tượng Phật. Tâm bị

hút vào đề mục đó, không bị lay động hay di chuyển đi nơi khác; 2) định trong thiền Minh Sát khác với định trong thiền chỉ ở chỗ tâm chuyển từ đề mục này sang đề mục khác và an định tâm vào đặc tính vô thường, khổ và vô ngã của tất cả đối tượng. Định trong thiền minh sát cũng bao gồm trường hợp tâm chuyên chú và gắn chặt vào sự an lạc tĩnh lặng của Niết bàn. Trong khi mục đích của thiền chỉ là đạt được trạng thái tâm an lạc và nhập định, thì mục đích của thiền minh sát là đạt được các tầng tuệ giác và giải thoát. Ngoài ra, tam muội còn bao gồm không tam muội, có nghĩa là hiểu được bản chất của vạn hữu vốn không nên làm cho cái tâm không, cái tôi không, cái của tôi không, khổ không, là giải thoát; vô tướng tam muội, có nghĩa là đoạn trừ mọi hình tướng bên ngoài là giải thoát; và vô nguyện tam muội, có nghĩa là đoạn trừ tất cả mọi mong cầu cho đến khi nào không còn một mảy may ham muốn hay cố gắng để đạt được bất cứ thứ gì là giải thoát.

Theo Liễu Dư Đại Sư, một cao tăng trong tông phái Tịnh Độ Trung Quốc, người niệm Phật khi đi đến chỗ tuyệt đỉnh tận cùng duy có một định thể là niệm Phật tam muội. Đây là cảnh hư linh sáng lặng, vọng giác tiêu tan, hành giả duy còn trụ tâm nơi tướng hảo hoặc hồng danh của Phật. Nhưng tuy nói trụ mà thật ra vô trụ, vì âm thanh sắc tướng đương thể như huyễn, chính đó là không. Tướng tam muội ấy như thế nào? Khi hành giả chuyên nhứt niệm Phật, quên hết thân tâm ngoại cảnh, tuyệt cả thời gian không gian, đến lúc sức lực cực công thuần, ngay nơi đương niệm trần vọng bỗng thoát tiêu tan, tâm thể bừng sáng, chứng vào cảnh giới “Vô niệm vô bất niệm.” Cảnh ấy như hư không mây tan, trời xanh một vẻ, niệm, mà không niệm, không niệm mà niệm, không thấy biết mới là sự thấy biết chân thật, có thấy biết tức lạc theo trần. Đến đây thì nước bạc non xanh đều là chân đế, suối reo chim hót toàn diễn diệu thừa, tâm quang bao hàm muôn tượng mà không trụ một pháp, tịch mà chiếu, chiếu mà tịch, đều còn đều mất, tuyệt đãi viên dung. Cảnh giới tam muội đại để là như thế, khó tả nên lời, duy chứng mới thể nghiệm được. Niệm Phật tam muội vẫn là một thể, nhưng để đi vào định cảnh ấy, người xưa đã căn cứ theo kinh, y nơi ý nghĩa và oai nghi hành trì mà chia thành bốn loại tam muội. Bát Chu Tam Muội là loại tam muội mà khi thực hành thì chư Phật hiện ra trước mặt. Còn được gọi là Thường Hành Đạo hay Thường Hành Tam Muội vì phải thực hành không gián đoạn từ 7 đến 90 ngày. Một trong

bốn loại tam muội. Những tam muội kia là Tùy Tự Ý Tam Muội, Nhất Hạnh Tam Muội, và Pháp Hoa Tam Muội. Bát Chu có nghĩa là “Phật lập.” Hành trì môn tam muội này có ba oai lực phù trợ: Oai lực của Phật, oai lực của pháp tam muội, và oai lực công đức của người tu. Khi thực hành Bát Chu Tam Muội, phải lấy chín mươi ngày làm một định kỳ. Trong thời gian ấy, ngày đêm hành giả chỉ đứng hoặc đi, tưởng Đức Phật A Di Đà hiện thân đứng trên đỉnh mình đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp; hay miệng thường niệm danh hiệu Phật, tâm thường tưởng Phật không xen hở. Khi công thành trong tam muội hành giả thấy Đức Phật A Di Đà và chư Phật mười phương hiện ra đứng trước mình khuyến tấn khen ngợi. Bát Chu Tam Muội cũng gọi là “Thường Hành Đạo.” Người tu khi đi, mỗi bước mỗi tiếng đều không rời danh hiệu Phật, ba nghiệp hành trì không gián đoạn như dòng nước chảy. Pháp này công đức rất cao, song chỉ bậc thượng căn mới kham tu trì, hạ người trung hạ và tinh lực yếu kém không thể thực hành nổi. Nhất Hạnh Tam Muội, có nghĩa là chuyên nhất về một hạnh. Khi tu môn tam muội này, hành giả thường ngồi và chỉ chuyên nhất quán tưởng, hoặc niệm danh hiệu Đức A Di Đà. Lại tuy chỉ tu một hạnh mà được dung thông tròn đủ tất cả hạnh, nên “Nhất Hạnh” cũng gọi là “Viên Hạnh.” Từ pháp tam muội này cho đến hai môn sau, ba hạng căn cơ đều có thể tu tập được. Pháp Hoa Tam Muội, một trong mười sáu môn tam muội trong kinh Pháp Hoa, phẩm Diệu Âm Bồ Tát đã trần thuật. Theo ý chỉ của tông Thiên Thai, thì ba đế viên dung là “Pháp,” quyền thật không hai là “Hoa.” Ví như hoa sen khi cánh hoa chưa nở, mà gương sen thật đã thành, gương với cánh đồng thời; nơi một đóa hoa mà gồm đủ ý nghĩa quyền và thật vậy. Nói theo tông Tịnh Độ thì tức niệm là Phật, tức sắc là tâm; một câu niệm Phật gồm đủ tất cả ba đế, nhiếp cả thật quyền. Nếu tỏ ngộ lý này mà niệm Phật, gọi là tu hạnh Pháp Hoa Tam Muội. Khi tu môn tam muội này, hành giả dùng hai oai nghi ngồi và đi mà thay đổi để quán Phật hoặc niệm Phật, kỳ cho đến khi nào chứng nhập vào chánh định. Pháp nghi tu tập này lại có phần dễ hơn Nhất Hạnh Tam Muội (không đế, tức lý “không tướng”; giả đế, tức lý “giả tướng”; trung đế, tức lý “thực tướng”). Và “tùy tự ý tam muội,” pháp thức này có nghĩa là tùy tâm hoặc đi đứng, hoặc nằm ngồi, đều nhiếp niệm không rời danh hiệu Đức A Di Đà để tu chứng vào tam muội. Hành nghi đây lại còn có tên là “Lưu Thủy Niệm Phật.” Ví như dòng nước nơi sông cứ liên tục chảy mãi, dù gặp

cây đá ngăn cản, nó chỉ dội lại rồi tìm lối chảy tiếp. Thông thường người tu theo môn này, cứ mỗi buổi khuya lễ Phật A Di Đà bốn mươi tám lạy, Quán Âm, Thế Chí và Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu đều bảy lạy, kế quỳ xuống sám hối. Rồi từ đó cho đến tối, lúc đi đứng nằm ngồi đều niệm Phật, hoặc lần chuỗi ghi số, hoặc niệm suông, đến trước khi đi ngủ, lại lễ Phật một lần nữa và đem công đức tu trong ngày, mà phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Trong khi hành trì nếu có tiếp xúc với các duyên, khi qua rồi vẫn trở lại niệm Phật. Pháp tu này tuy tùy tiện dễ dàng, nhưng phải khéo tránh bớt duyên và tâm bền bỉ mới mong thành tựu.

## ***II. Mười Tam Muội Bất Khả Tư Nghì Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 28, có mười Phật Tam muội vô lượng bất tư nghì. Thứ nhất là tất cả chư Phật hằng tại chánh định ở trong một niệm khắp tất cả chỗ vì khắp chúng sanh mà nói rộng diệu pháp. Thứ nhì là tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm khắp tất cả chỗ vì các chúng sanh mà nói vô ngã tế. Thứ ba là tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm khắp tất cả chỗ vào suốt tam thế. Thứ tư là tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm khắp tất cả chỗ vào khắp mười phương Phật độ quảng đại. Thứ năm là tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm khắp tất cả chỗ hiện khắp vô lượng Phật thân. Thứ sáu là tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm khắp tất cả chỗ tùy những tâm giải của các chúng sanh mà hiện thân, ngữ, ý. Thứ bảy là tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm khắp tất cả chỗ nói chơn tế ly dục của tất cả pháp. Thứ tám là tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm khắp tất cả chỗ diễn thuyết tất cả duyên khởi tự tánh. Thứ chín là tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm khắp tất cả chỗ thị hiện vô lượng sự trang nghiêm quảng đại của thế gian và xuất thế gian, khiến các chúng sanh thường được thấy Phật. Thứ mười là tất cả chư Phật hằng tại chánh định, ở trong một niệm khắp tất cả chỗ khiến các chúng sanh đều thông đạt tất cả Phật pháp, được vô lượng giải thoát, rốt ráo đến bỉ ngạn vô thượng.

## *Tathagata-Concentration*

### *I. An Overview of Samaya:*

The samadhi is the balanced state, concentration of thought, putting together, joining or combining with. In Mahayana Buddhism, samadhi designates equilibrium, tranquility, and collectedness of mind. It also designates a completely wakeful total absorption of the mind in itself. It is a nondualistic state of mind in which there is no distinction between subject and object, either inner and outer. There is no mind of the meditator (subject) that is directed toward an object of meditation or concentrated on a point (so-called one-pointedness of mind). In Zen, the subject and object are one. In Buddhism, it means the mind fixed and undisturbed. Composing the mind, intent contemplation, perfect absorption, union of the meditator with the object of meditation. In Zen it implies not merely equilibrium, tranquility, and one-pointedness, but a state of intense yet effortless concentration, of complete absorption of the mind in itself, of heightened and expanded awareness. Samadhi and Bodhi are identical from the view of the enlightened Bodhi-mind. Seen from the developing stages leading to enlightenment-awakening; however, samadhi and enlightenment are different. Samadhi also means one-pointedness of mind which is obtained from the practices of meditation or the combination of meditation (Dhyana) and Prajna (Transcendental wisdom). The state of mental concentration resulting from the practice of meditation and contemplation on Reality (the state of even-mindedness). Samadhi is the key tool that leads to enlightenment. Samadhi is a non-dualistic state of consciousness in which the consciousness of the experiencing "subject" becomes one with the experienced "object." Samadhi is neither a straining concentration on one point, nor the mind is directed from here (subject) to there (object), which would be dualistic mode of experience. To enter samadhi means to attain the state of absorption of dhyana.

Samadhi includes: 1) Jhana Samadhi means "not wandering of the mind". The mind that is not wandering is the mind that is penetratively mindful of what is happening, which Zen practitioners call "penetrative" or "Absorption". Therefore, Jhana Samadhi refers to the quality of the mind that is able to stick to an object and observe it. Samatha means pure concentration, or fixed awareness of a single

object, a mental image, for example, a Buddha statue. The mind is fixed on this object without wavering or moving elsewhere. Eventually the mind develops a very peaceful, tranquil, concentrated state and becomes absorbed in the object; 2) Vipassana Samadhi allows the mind to move freely from object to object, staying focused on the characteristics of impermanence, suffering and absence of self that are common to all objects. Vipassana Samadhi also includes the mind which can stay focused and fixed upon the bliss of Nirvana. Rather than the tranquility and absorption which are the goal of samatha jhana practitioners, the most important results of Vipassana Samadhi are insight and wisdom. Besides, samadhi also includes samadhi of sunyata or emptiness, which means to empty the mind of the ideas of me, mine and sufferings which are unreal; samadhi of animitta or signlessness, which means to get rid of the idea of form, or externals (there are no objects to be perceived by sense-organs); samadhi of apranihita or wishlessness, which means to get rid of all wishes or desires until no wish of any kind whatsoever remains in the cultivator's mind, for he no longer needs to strive for anything.

According to Great Master Liu-Yu, a noted Chinese monk in the Pure Land School, when the practitioner assiduously recites the Buddha's name with one-pointedness of mind, oblivious to body, mind and the external world, transcending time and space, and when he has exerted the utmost effort and reached the goal, right in the midst of present thought, worldly delusions suddenly disappear, the mind experiences sudden Enlightenment, attaining the realm of "No-Thought, No No-Thought." That realm is like empty space, all clouds have dissipated, the sky is all blue, reciting is not reciting, not reciting is reciting, not seeing and knowing is truly seeing and knowing, to see and to know is to stray towards worldly dusts. At this stage, the silver water and green mountains are all Ultimate Truth, the babbling brooks and singing birds all express the wonderful Dharma. The light of the Mind encompasses ten thousand phenomena but does not dwell on any single dharma, still-but-illuminating, illuminating-but-still, existing and lost at the same time, all is perfect. The realm of samadhi is, in general, as just described. It is difficult to express in words, and only when we attain it do we experience it. Buddha Recitation Samadhi is always the same state. However, the ancients distinguished four

variants: Pratyutpanna Samadhi is the samadhi in which the Buddhas of the ten directions are seen as clearly as the stars at night. Also called as the prolonged samadhi, because of the length of time required, either seven or ninety days. One of the four kinds of samadhi. The other three samadhis are Following One's Inclinations Samadhi, Single-Practice Samadhi, and Lotus-Blossom Samadhi. When practicing this samadhi, the cultivator has three powers to assist him: the power of Amitabha Buddha, the power of the samadhi and the power of his own virtues. The unit of practice of this samadhi should be ninety days. In that span of time, day and night the practitioner just stands or walks around, visualizing Amitabha Buddha appearing as a body standing on the practitioner's crown, replete with the thirty-two auspicious marks and the eighty beautiful characteristics. He may also recite Amitabha Buddha's name continuously, while constantly visualizing Him. When practice is perfected, the cultivator, in samadhi, can see Amitabha Buddha and the Buddhas of the ten directions standing in front of him, praising and encouraging him. Pratyutpanna is also called the "Constantly Walking Samadhi." As the practitioner walks, each step, each word is inseparable from the name of Amitabha Buddha. His body, speech and mind are always practicing Buddha Recitation without interruption, like a continuous flow of water. This method brings very lofty benefits, but only those of high capacity have the endurance to practice it. Those of limited or moderate capacities or lacking in energy cannot pursue this difficult practice. Single-Practice Samadhi, which means specializing in one practice. When cultivating this samadhi, the practitioner customarily sits and concentrates either on visualizing Amitabha Buddha or on reciting His name. Although he actually cultivates only one practice, in effect, he achieves proficiency in all other practices; consequently, single-practice is also called "Perfected Practice." This samadhi as well as the following two samadhis, can be put into practice by people of all capacities. Lotus-Blossom Samadhi, which is one of the sixteen samadhis explained in Chapter 24 of the Lotus Sutra. According to the T'ien-T'ai School, the 'three truths' (emptiness, conditional existence, the Middle Way) perfectly fused, are "Dharma," while the Expedient and the True, being non-dual, are "blossom." For example, when the petals (the Expedient) of the lotus blossom are not yet opened, its seeds (the True)

are already formed; the seeds and the petals exist simultaneously. Thus, in a single flower, the full meaning of the True and the Expedient is exemplified. In Pure Land terminology, we would say, “recitation is Buddha,” “form is Mind,” and one utterance of the Buddha’s name includes the “three truths,” encompassing the True and the Expedient. If we recite the Buddha’s name while understanding this principle, we are practicing the Lotus Blossom Samadhi. In cultivating this samadhi, the practitioner alternates between sitting and walking while visualizing Amitabha Buddha or reciting His name, to the point where he enters samadhi. This technique is somewhat easier than the Single-Practice Samadhi described above (the dogma of unreality or the noumenal; the dogma of dependent reality or phenomenal; the dogma of transcendence or the absolute which unites both noumenal and phenomenal). And “following one’s inclinations samadhi,” with this technique, we walk or stand, lie down or sit up as we wish, constantly focussing our thoughts and never abandoning the sacred name Amitabha Buddha, attaining samadhi in the process. This practice is also called “Flowing Water Buddha Recitation.” It is like water continuously flowing in a river; if it encounters an obstacle such as a rock or a tree, it simply bounces back and continues to flow around it. Normally, the practitioner of this method, early each morning, bows forty-eight times to Amitabha Buddha, and seven times each to the Bodhisattva Avalokitesvara, the Bodhisattva Mahasthamaprapta, and the Ocean-Wide Assembly. He then kneels down to seek repentance. From then on until nightfall, whether walking, standing, lying down, or sitting up, he recites the Buddha’s name, either fingering the rosary or simply reciting. Before going to bed, he bows once more to Amitabha Buddha and dedicates the merits of the whole day’s practice toward rebirth in the Pure Land. If he is distracted during practice, he should resume recitation as soon as the circumstances of the distraction have passed. This method is flexible and easy, but the cultivator should minimize distracting conditions and have a good deal of perseverance.

***II. Ten Kinds of Immeasurable Inconceivable Tathagata-Concentrations:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 28, there are ten kinds of immeasurable inconceivable Buddha-concentrations. First,



all Buddhas while always in correct concentration, instantly reach all places to expound the sublime Teaching for sentient beings everywhere. Second, they instantly reach all places to teach all sentient beings ultimate selflessness. Third, they instantly enter the past, present and future in all places. Fourth, they instantly enter the immense Buddha-lands in the ten directions, pervading all places. Fifth, they instantly manifest innumerable various Buddha-bodies in all places. Sixth, they instantly in all places manifest body, speech and mind in accord with the various understandings of sentient beings. Seventh, they instantly in all places, explain the ultimate reality of all things, beyond desire. Eighth, they instantly in all places, expound the inherent nature of independent origination of everything. Ninth, they instantly in all places manifest immeasurable worldly and transcendental great adornments, causing sentient beings always to get to see Buddha. Tenth, they instantly in all places, enable sentient beings to master all enlightened teachings, attain infinite liberation, and ultimately reach unsurpassed transcendence.



**Chương Ba Mươi Bốn**  
**Chapter Thirty-Four**

**Sự Thanh Tịnh Của Chư Như Lai**

**I. Tổng Quan Về Thanh Tịnh:**

Theo Phật giáo, tâm của chúng ta hành xử như con vượn chuyền cây, không chịu ở yên và luôn nhảy nhót; vì thế mà người ta gọi nó là ‘tâm viên’. Đây là những lý do khiến tại sao chúng ta phải tham thiền. Để quân bình đời sống, chúng ta cần phải có lúc ngồi yên lặng để tập chấp nhận và thử nghiệm thay vì hưởng ngoại cầu hình, chúng ta nhìn vào bên trong để tự hiểu mình hơn. Qua thiền quán, chúng ta cố gắng giữ cho cái tâm viên này đứng yên, giữ cho nó tĩnh lặng và thanh tịnh. Khi tâm ta đứng yên, chúng ta sẽ nhận thức rằng Phật ở ngay trong tâm mình, rằng cả vũ trụ ở trong ta, rằng tự tánh và Phật tánh không sai khác. Như vậy điều quan trọng nhất trong thiền tập là giữ cho tâm mình được yên tịnh, một việc có lẽ dễ hiểu nhưng không dễ làm chút nào cả. Thế nhưng thực hành là quan trọng hơn cả; cái hiểu biết tự nó không có giá trị gì cả nếu chúng ta không chịu đem cái hiểu biết ra mà thực hành. Phương pháp thiền tập là một phương pháp có khoa học, chúng ta học bằng cách thực hành và bằng kinh nghiệm của chính chúng ta. Tại sao chúng ta phải tu tập thiền quán? Một lý do khác khiến tại sao chúng ta nên tu tập thiền quán là vì thiền quán là đỉnh cao nhất trong tu tập Phật giáo. Nhờ thiền quán mà chúng ta chẳng những có thể thanh tịnh thân tâm, mà còn đạt được trí huệ giải thoát nữa. Hơn nữa, nhờ thiền quán mà chúng ta có khả năng thấy được vạn sự vạn vật như thật, từ đó khởi lòng từ bi, khiêm cung, nhẫn nhục, kiên trì, và biết ơn, vân vân. Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 18, có mười pháp khiến cho những thực hành của hành giả trở nên thanh tịnh. Khi hành giả đã được hạnh thanh tịnh thì cũng lại được mười pháp to lớn hơn. Thứ nhất là xả bỏ hết của cải để làm vừa ý chúng sanh. Thứ nhì là trì giới thanh tịnh, không hủy phạm. Thứ ba là nhu hòa nhẫn nhục không cùng tận. Thứ tư là siêng tu các hạnh, chẳng thối chuyển. Thứ năm là do chánh niệm lực tâm không mê loạn. Thứ sáu là phân biệt rõ biết vô lượng pháp. Thứ bảy là tu tất cả hạnh mà không sợ trước. Thứ tám là tâm bất động dường như núi Tu Di. Thứ chín là rộng độ chúng

sanh đường như cầu đò. Thứ mười là biết tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh.

## ***II. Mười Pháp Bạch Tịnh Mà Chư Như Lai Dùng Để Gieo Vào Tâm Chúng Sanh:***

Mười sự mà chư Như Lai dùng để gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh không hề luống công khi quý Ngài chuyển đại pháp luân. Thứ nhất là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh vì quá khứ nguyện lực. Thứ nhì là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh vì đại bi nhiếp trì. Thứ ba là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh vì chẳng bỏ chúng sanh. Thứ tư là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh vì trí huệ tự tại tùy sở thích của chúng sanh mà giải thích. Thứ năm là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh đúng thời đúng tiết. Thứ sáu là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh vì tùy sở thích sở nghi không vọng thuyết. Thứ bảy là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh vì khéo biết rõ tam thế. Thứ tám là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh vì thân Phật tối thắng không ai sánh kịp. Thứ chín là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh vì ngôn từ tự tại, không ai có thể lường được. Thứ mười là chư Như Lai gieo pháp bạch tịnh vào tâm chúng sanh vì trí huệ tự tại, tùy chỗ phát ngôn thủy đều được khai ngộ.

## ***III. Mười Thanh Tịnh Rốt Ráo Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười điều rốt ráo thanh tịnh của chư Như Lai. Thứ nhất là đại nguyện của chư Như Lai thuở xưa rốt ráo thanh tịnh. Thứ nhì là chư Như Lai giữ gìn phẩm hạnh rốt ráo thanh tịnh. Thứ ba là chư Như Lai xa rời những mê lầm thế gian rốt ráo thanh tịnh. Thứ tư là chư Như Lai trang nghiêm cõi nước rốt ráo thanh tịnh. Thứ năm là chư Như Lai có những quyến thuộc rốt ráo thanh tịnh. Thứ sáu là chư Như Lai chỗ có chủng tộc rốt ráo thanh tịnh. Thứ bảy là chư Như Lai sắc thân tướng hảo rốt ráo thanh tịnh. Thứ tám là chư Như Lai pháp thân vô nhiễm rốt ráo thanh tịnh. Thứ chín là chư Như Lai nhứt thiết chủng trí không có chướng ngại rốt ráo thanh tịnh. Thứ mười là chư Như Lai giải thoát tự tại chỗ đã làm xong đến bỉ ngạn rốt ráo thanh tịnh.

## *Tathagatas' Purity*

### *I. An Overview of Purity:*

According to Buddhism, our mind behaves like a monkey, restless and always jumping; it is therefore called a 'monkey-mind'. These are reasons why we have to meditate. To give balance to our lives it is necessary to sit quietly, to learn to accept and experience rather than to look outward for forms, we look within in order to understand ourselves better. Through meditation we try to keep that monkey-mind still, to keep it calm, quiet and pure. When our mind is still, we will realize that the Buddha is inside us, that the whole universe is inside us and that our true nature is one with the Buddha nature. So the most important task is to keep our minds quiet, a task which may be simple to understand but is not simple to practice at all. Yet practice is all important; knowing by itself has no value at all if we do not put our knowledge into practice. The method of Zen is the scientific method, that is to say we learn by doing, by our own experience. Another reason to cause us to practice meditation and contemplation is that meditation is a 'peak' of practice in Buddhism. Through meditation, we can not only purify our body and mind, but also attain wisdom of emancipation. Furthermore, through meditation we can see things as they really are, and we can generate inside ourselves compassion, modest, patient, tolerance, courage, and gratitude, and so on. According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 18, there are ten things which cause the practices of practitioners to be pure. Once practitioners have attained purity in practice, they also ten even greater things. First, giving up all possessions to satisfy the wishes of sentient beings. Second, adhering to pure morality, not transgressing. Third, being inexhaustibly gentle and tolerant. Fourth, cultivating practices diligently without regressing. Fifth, being free from confusion and mental disturbance, through the power of correct mindfulness. Sixth, analyzing and comprehending the innumerable teachings. Seventh, cultivating all practices without attachment. Eighth, being mentally imperturbable, like a great mountain. Ninth, extensively liberating living beings, like a bridge. Tenth, knowing that all living beings are in essence the same as the Buddhas.

***II. Ten Things Which Tathagatas Plant Pure Elements in the Minds of Sentient Beings:***

Ten things which Buddhas plant pure elements in the minds of sentient beings which are not in vain when they (Truly Awakened Buddhas) turn the wheel of teaching). First, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings because of the power of their past vows. Second, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings because of being sustained by great compassion. Third, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings because of not abandoning sentient beings. Fourth, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings because of freedom of knowledge able to teach according to the the inclinations of sentient beings. Fifth, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings at the unerring timing. Sixth, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings because of according with suitability and not preaching arbitrarily. Seventh, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings because of knowledge of past, present and future. Eighth, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings because Buddhas are most excellent, without peer. Ninth, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings because their sayings are free and unfathomable. Tenth, all Tathagatas plant pure elements in the minds of sentient beings because their knowledge is free and whatever they say is enlightening.

***III. Ten Kinds of Ultimate Purity of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of ultimate purity of all Tathagatas. First, all Tathagatas' past great vows are ultimately pure. Second, the religious conduct maintained by all Tathagatas is ultimately pure. Third, all Tathagatas' separation from the confusion of worldly beings is ultimately pure. Fourth, all Tathagatas' adorned lands are ultimately pure. Fifth, all Tathagatas' followings are ultimately pure. Sixth, all Buddhas' families are ultimately pure. Seventh, all Tathagatas physical characteristics and refinements are ultimately pure. Eighth, the nondefilement of the reality-body of all Tathagatas is ultimately pure. Ninth, all Tathagatas' omniscient knowledge, without obstruction, is ultimately pure. Tenth, all Tathagatas' liberation, freedom, accomplishment of their tasks, and arrival at completion are ultimately pure.

**Chương Ba Mươi Lăm**  
**Chapter Thirty-Five**

***Huyền Pháp Của Chư Như Lai***

**I. Tổng Quan Về Pháp Theo Phật Giáo:**

Nói chung, Như Lai Pháp là những giáo pháp được đức Như Lai giảng dạy, mà thực hành theo đó sẽ dẫn đến giác ngộ. Pháp là một danh từ rắc rối, khó xử dụng cho đúng nghĩa; tuy vậy, pháp là một trong những thuật ngữ quan trọng và thiết yếu nhất trong Phật Giáo. Pháp có nhiều nghĩa. Do gốc chữ Phạn “dhr” có nghĩa là “nắm giữ” hay “mang vác”, hình như luôn luôn có một cái gì đó thuộc ý tưởng “tồn tại” đi kèm với nó. Nguyên thủy nó có nghĩa là luật vũ trụ, trật tự lớn mà chúng ta phải theo, chủ yếu là nghiệp lực và tái sinh. Học thuyết của Phật, người đầu tiên hiểu được và nêu những luật này lên. Kỳ thật, những giáo pháp chân thật đã có trước thời Phật lịch sử, bản thân Phật chỉ là một biểu hiện. Hiện nay từ “dharma” thường được dùng để chỉ giáo pháp và sự thực hành của đạo Phật. Pháp còn là một trong “tam bảo” theo đó người Phật tử đạt thành sự giải thoát, hai “bảo” khác là Phật bảo và Tăng bảo. Pháp còn là những lời dạy của Đức Phật chuyên chở chân lý. Phương cách hiểu và yêu thương được Đức Phật dạy trong giáo pháp của Ngài. Đức Phật dạy giáo pháp của Ngài nhằm giúp chúng ta thoát khỏi khổ đau phiền não do nguyên nhân cuộc sống hằng ngày và để cho chúng ta khỏi bị mất nhân phẩm, cũng như không bị sa vào ác đạo như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, vân vân. Pháp như chiếc bè cho chúng ta cái gì đó để bám víu khi chúng ta triệt tiêu những vướng mắc gây cho chúng ta khổ đau phiền não và lăn trôi bên bờ sanh tử. Phật pháp chỉ những phương cách rọi sáng nội tâm, nhằm giúp cho chúng ta vượt thoát biển đời đau khổ để đáo được bỉ ngạn Niết Bàn. Một khi đã đáo được bỉ ngạn, thì ngay cả Phật pháp cũng phải xả bỏ. Theo Phật giáo, Pháp không phải là một luật lệ phi thường tạo ra hay ban bố bởi người nào đó. Theo Đức Phật, thân thể của chúng ta là Pháp, tâm ta là Pháp, toàn bộ vũ trụ là Pháp. Hiểu được thân, tâm và những điều kiện trần thế là hiểu được Pháp. Pháp từ vô thị vô chung mà tất cả mọi hiện tượng theo nhân duyên tùy thuộc vào đó. Pháp bao gồm những lời dạy và những bài thuyết pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, trong ấy đã giải rõ ý nghĩa của Nhất

Thể Tam Bảo và con đường đi đến thể hiện được nó. Pháp bảo, bao gồm những bài giảng, bài thuyết pháp của chư Phật (tức là những đấng giác ngộ viên mãn) như đã thấy trong các kinh điển và bản văn Phật giáo khác vẫn được phát triển.

## ***II. Mười Pháp Điều Ngự (Tự Tại) Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười sự tự tại. Thứ nhất là Mệnh Tự Tại (Ayurvasita (skt) hay sự điều ngự về thời gian của đời sống. Thứ nhì là Tâm Tự Tại (Cittavasita (skt) hay sự điều ngự cái tâm có thể đi vào mọi hình thức có thể được của sự tu tập định. Thứ ba là Tài Tự Tại (Parishkara (skt) hay năng lực về vô số trang nghiêm nhờ đó vị Bồ Tát làm phong phú các thế giới. Thứ tư là Nghiệp Tự Tại (Karmavasita (skt) hay chịu sự hành tác của nghiệp theo trường hợp đòi hỏi. Thứ năm là Thọ Sanh Tự Tại (Upapatti (skt) hay sự điều ngự sự tái sinh để Ngài có thể sinh ra trong bất cứ thế giới nào. Thứ sáu là Giác Tự Tại (Adhimukti (skt) hay năng lực nhìn thấy chư Phật đầy khắp vũ trụ. Thứ bảy là Nguyên Tự Tại (Pranidhana-vasita (skt) hay năng lực đạt chứng ngộ bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu như Ngài muốn. Thứ tám là Thân Lực Tự Tại (Riddhivasita (skt) hay năng lực thi triển mọi loại thần thông. Thứ chín là Pháp Tự Tại (Dharmavasita (skt) hay khả năng giảng dạy Phật pháp trong tất cả mọi khía cạnh có thể có của giáo lý nhà Phật. Thứ mười là Trí Tự Tại (Jnanavasita (skt) hay năng lực hiểu biết mà nhờ đó Ngài phát hiện trong mỗi ý tưởng của Ngài một năng lực kỳ diệu và sự an tịnh toàn hảo của Đức Như Lai để đưa đến sự thể chứng Bồ Đề.

## ***III. Mười Pháp Khấp Cùng Vô Lượng Vô Biên Pháp Giới Của Chư Như Lai:***

Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 33, có mười pháp khấp cùng vô lượng vô biên pháp giới của chư Như Lai. Thứ nhất là tất cả chư Như Lai có vô biên tế thân sắc tướng thanh tịnh, vào khắp các cõi mà không nhiễm trước. Thứ nhì là tất cả chư Như Lai có vô biên tế nhãn vô ngại, đều hay thấy rõ tất cả pháp. Thứ ba là tất cả chư Như Lai có vô biên tế nhĩ vô ngại, đều hay hiểu rõ tất cả âm thanh. Thứ tư là tất cả chư Như Lai có vô biên tế tỷ, hay đến bỉ ngạn tự tại tất cả Phật. Thứ năm là tất cả chư Như Lai có quang trường thiệt, phát ra âm thanh vi diệu cùng khắp pháp giới. Thứ sáu là tất cả chư Như Lai có vô biên tế



thân, ứng theo tâm của chúng sanh, cho họ đều được thấy. Thứ bảy là tất cả chư Như Lai có vô biên tế ý, trụ nơi vô ngại bình đẳng pháp thân. Thứ tám là tất cả chư Như Lai có vô biên tế giải thoát vô ngại thị hiện sức đại thần thông vô tận. Thứ chín là tất cả chư Như Lai có vô biên tế thế giới thanh tịnh, theo sở thích của chúng sanh hiện những Phật độ, đầy đủ vô lượng những thứ trang nghiêm, mà ở trong đó chẳng sanh nhiễm trước. Thứ mười là tất cả chư Như Lai đều có vô biên tế Bồ Tát hạnh nguyện, trí viên mãn, du hí tự tại, và thông đạt tất cả Phật pháp.

#### ***IV. Mười Pháp Làm Cho Chư Như Lai Hoan Hỷ:***

Chư Bồ Tát có mười pháp làm cho chư Phật hoan hỷ theo kinh Hoa nghiêm, phẩm 18: tinh tấn bất thối, chẳng tiếc thân mạng, không mong cầu lợi dưỡng, biết tất cả các pháp đều như hư không, khéo quán sát vào khắp pháp giới biết các pháp ẩn, luôn phát đại nguyện, thành tựu nhẫn trí, quán sát pháp lành của mình mà lòng không tăng giảm, y nương vào vô tác môn mà tu tịnh hạnh. Chư Bồ Tát lại có mười pháp khác làm cho chư Phật hoan hỷ: an trụ bất phóng dật; an trụ vô sanh nhẫn; an trụ đại từ; an trụ đại bi; an trụ đầy đủ các môn Ba La Mật; an trụ đại hạnh; an trụ đại nguyện; an trụ phương tiện thiện xảo; an trụ dũng mãnh; an trụ trí huệ, quán sát chư pháp vô trụ, như hư không.

#### ***V. Mười Pháp Nhanh Chóng Khi Nhìn Thấy Chư Như Lai:***

Mười Pháp Nhanh Chóng khi nhìn thấy chư Như Lai theo kinh Hoa nghiêm, phẩm 33. Thứ nhất là nếu có người thấy Như Lai thời được nhanh chóng xa lìa tất cả ác đạo. Thứ nhì là nếu có người thấy Như Lai thời được nhanh chóng viên mãn công đức thù thắng. Thứ ba là nếu có người thấy Như Lai thời mau được thành tựu thiện căn quảng đại. Thứ tư là nếu có người thấy Như Lai thời mau được sanh lên trời tịnh diệu. Thứ năm là nếu có người thấy Như Lai thời mau trừ dứt được tất cả mê lầm. Pháp nhanh chóng thứ sáu nói rằng nếu có người đã phát Bồ Đề tâm mà được thấy Như Lai thời mau được thành tựu tín giải quảng đại vĩnh viễn không thối chuyển, có thể tùy chỗ đáng độ mà giáo hóa chúng sanh. Nếu người chưa phát tâm Bồ Đề mà được thấy Như Lai thời mau phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thứ bảy là nếu người chưa nhập chánh vị mà được thấy Như Lai thời mau nhập chánh vị. Thứ tám là nếu có người được thấy Như Lai thời mau được

thanh tịnh tất cả các căn thế gian và xuất thế gian. Thứ chín là nếu có ai được thấy Như Lai thời mau diệt trừ được tất cả chướng ngại. Thứ mười là nếu có ai được thấy Như Lai thời mau được vô úy biện tài.

#### ***VI. Mười Pháp Phổ Nhập Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ Phổ nhập pháp của chư Như Lai. Thứ nhất là tất cả chư Như Lai đều có thân tịnh diệu vào khắp tam thế. Thứ nhì là tất cả chư Như Lai đều đủ đầy ba thứ tự tại mà các Ngài dùng để giáo hóa khắp chúng sanh: chấn định, trị liệu, và huyền lực. Thứ ba là tất cả chư Như Lai đều đầy đủ những thứ Đà La Ni, hay khắp thọ trì tất cả Phật pháp. Thứ tư là tất cả chư Như Lai đều có đầy đủ bốn trí đặc biệt: lý, nghĩa, sự diễn đạt và cách diễn thuyết trước đại chúng. Thứ năm là tất cả chư Như Lai đều đầy đủ bình đẳng đại bi, hằng chẳng bỏ lia tất cả chúng sanh. Thứ sáu là tất cả chư Như Lai đều đầy đủ thậm thâm thiền định, hằng khắp quán sát tất cả chúng sanh. Thứ bảy là tất cả chư Như Lai đều đầy đủ thiện căn lợi tha, điều phục chúng sanh không thôi dứt. Thứ tám là tất cả chư Như Lai đều đầy đủ tâm vô ngại, hay an trụ trong khắp pháp giới. Thứ chín là tất cả chư Như Lai đều đầy đủ thần lực vô ngại, một niệm hiện khắp tam thế chư Như Lai. Thứ mười là tất cả chư Như Lai đều đầy đủ trí huệ vô ngại, một niệm lập khắp tam thế kiếp.

#### ***VII. Mười Pháp Quảng Đại Khó Tin Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười pháp quảng đại khó tin của chư Như Lai. Thứ nhất là chư Như Lai hay diệt trừ tất cả chúng ma. Thứ nhì là tất cả chư Như Lai đều hay hàng phục tất cả ngoại đạo. Thứ ba là tất cả chư Như Lai đều hay điều phục và làm chúng sanh hạnh phúc. Thứ tư là tất cả chư Như Lai đều hay qua đến tất cả thế giới, hóa đạo mọi loài. Thứ năm là tất cả chư Như Lai đều hay trí chứng pháp giới thậm thâm. Thứ sáu là tất cả chư Như Lai đều hay dùng thân vô nhị, hiện những thân tràn đầy thế giới. Thứ bảy là tất cả chư Như Lai đều hay dùng âm thanh thanh tịnh khởi bốn biện tài, thuyết chơn pháp không dứt, phạm có tín thọ thời chẳng luống công. Thứ tám là tất cả chư Như Lai đều hay ở trong một lỗ lông xuất hiện đồng với thế giới vi trần, không lúc nào đoạn tuyệt. Pháp quảng đại thứ chín nói rằng tất cả chư Như Lai đều hay ở trong một vi trần thị hiện các cõi đồng với số tất cả thế giới vi trần; đầy đủ các thứ trang

nghiêm thượng diệu; hằng ở trong đó chuyển diệu pháp luân mà vi trần chẳng lớn thế giới chẳng nhỏ; và thường dùng chứng trí an trụ pháp giới. Pháp quảng đại thứ mười nói rằng tất cả chư Như Lai đều liễu đạt thế giới thanh tịnh; đều dùng trí quang minh phá si ám của thế gian; đều làm cho tất cả đều được khai hiểu nơi Phật pháp; đều theo dõi chư Như Lai an trụ trong thập lực.

### ***VIII. Mười Pháp Tối Thắng Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười pháp tối thắng của chư Như Lai. Pháp tối thắng thứ nhất nói rằng tất cả đại nguyện của chư Như Lai kiên cố và không gì ngăn trở phá hoại được. Một khi các Ngài nói ra tất thực hành, lời nói không có hai. Thứ nhì, chư Như Lai vì muốn viên mãn tất cả công đức nên tột kiếp vị lai tu hạnh Bồ Tát chẳng mỗi lời. Thứ ba, chư Như Lai vì muốn điều phục một chúng sanh, cũng như tất cả chúng sanh, nên trong vô lượng thế giới điều phục chúng sanh không lúc nào đoạn tuyệt. Thứ tư, đối với hai hạng chúng sanh kính tín và hủy báng, tâm đại bi của chư Như Lai vẫn bình đẳng không khác. Thứ năm, chư Như Lai từ lúc phát sơ tâm nhẫn đến lúc thành Phật trọn không thối thất tâm Bồ Đề. Thứ sáu, chư Như Lai đem tất cả vô lượng công đức lành đã chứa nhóm hồi hướng tánh nhất thiết trí với các thế gian trọn không nhiễm trước. Pháp tối thắng thứ bảy nói rằng chư Như Lai tu học thân ngữ ý nơi chư Như Lai. Chư Như Lai chỉ thực hành hạnh Bồ Tát chẳng phải hạnh nhị thừa. Hồi hướng tánh nhất thiết trí và thành tựu vô thượng chánh đẳng Bồ Đề. Pháp tối thắng thứ tám nói rằng chư Như Lai phóng đại quang minh bình đẳng chiếu khắp tất cả chỗ và Như Lai pháp; làm cho chư Bồ Tát tâm được thanh tịnh viên mãn nhất thiết trí. Thứ chín, chư Như Lai rời bỏ sự vui thế gian chẳng tham nhiễm, mà nguyện khắp thế gian lìa khổ được vui không có hý luận. Pháp tối thắng thứ mười nói rằng vì chúng sanh mà chư Như Lai chịu những sự khổ, giữ gìn Như Lai chủng, đi nơi cảnh giới Như Lai, xuất ly sanh tử và đạt đến bậc thập lực.

### ***IX. Mười Pháp Trí Hải Vô Tận Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ pháp trí hải vô tận của chư Như Lai. Thứ nhất là chư Như Lai vô biên pháp thân pháp trí hải vô tận. Thứ nhì là chư Như Lai vô lượng Như Lai sự, pháp trí hải vô tận. Thứ ba là chư Như Lai cảnh giới Phật nhãn, pháp trí hải vô tận.

Thứ tư là chư Như Lai vô lượng vô số nan tư thiện căn, pháp trí hải vô tận. Thứ năm là chư Như Lai mưa khắp tất cả cam lồ diệu pháp, pháp trí hải vô tận. Thứ sáu là chư Như Lai tán thán Phật công đức, pháp trí hải vô tận. Thứ bảy là chư Như Lai ngày trước đã tu những nguyện hạnh. Thứ tám là chư Như Lai làm Phật sự vô cùng tận, pháp trí hải vô tận. Thứ chín là chư Như Lai biết rõ tâm hành của tất cả chúng sanh, pháp trí hải vô tận. Thứ mười là chư Như Lai phước trí trang nghiêm không ai hơn, pháp trí hải vô tận.

#### **X. Mười Pháp Trụ Của Chư Như Lai:**

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười pháp trụ để an trụ tất cả các pháp của chư Như Lai: Thứ nhất là chư Như Lai trụ nơi giác ngộ tất cả pháp giới. Thứ nhì là chư Như Lai trụ nơi đại bi ngữ. Thứ ba là chư Như Lai trụ nơi bốn đại nguyện. Thứ tư là chư Như Lai trụ nơi chẳng bỏ điều phục chúng sanh. Thứ năm là chư Như Lai trụ nơi pháp không tự tánh. Thứ sáu là chư Như Lai trụ nơi bình đẳng cứu độ chúng sanh. Thứ bảy là chư Như Lai trụ nơi pháp không quên mất. Thứ tám là chư Như Lai trụ nơi tâm không chướng ngại. Thứ chín là chư Như Lai trụ nơi tâm hằng chánh định. Thứ mười là chư Như Lai trụ vào khắp tất cả pháp chẳng trái tướng thực tế.

#### **XI. Mười Pháp Trụ Vô Chướng Ngại Của Chư Như Lai:**

Có mười điều vô chướng ngại trụ của chư Như Lai theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33. Thứ nhất là chư Như Lai đều hay qua đến tất cả thế giới, vô chướng ngại trụ. Thứ nhì là chư Như Lai đều hay trụ ở tất cả thế giới, vô chướng ngại trụ. Thứ ba là chư Như Lai đều hay ở nơi tất cả thế giới đi, đứng, ngồi, nằm vô chướng ngại trụ. Thứ tư là chư Như Lai đều hay ở nơi tất cả thế giới diễn thuyết chánh pháp vô chướng ngại trụ. Thứ năm là chư Như Lai đều hay ở nơi tất cả thế giới trụ ở cung trời Đâu Suất vô chướng ngại trụ. Thứ sáu là chư Như Lai đều hay nhập pháp giới tất cả tam thế, vô chướng ngại trụ. Thứ bảy là chư Như Lai đều hay ngồi pháp giới tất cả đạo tràng, vô chướng ngại trụ. Thứ tám là chư Như Lai đều hay niệm niệm quán tâm hành của tất cả chúng sanh, dùng ba môn tự tại giáo hóa điều phục, vô chướng ngại trụ. Thứ chín là chư Như Lai đều hay dùng một thân trụ ở vô lượng bất tư nghì chỗ chư Như Lai và tất cả chỗ lợi ích của chúng sanh, vô

chương ngại trụ. Thứ mười là chư Như Lai đều hay khai thị chánh pháp vô lượng chư Như Lai nói, vô chương ngại trụ.

### ***XII. Mười Pháp Vô Ngại Dụng Của Chư Như Lai:***

Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười pháp vô ngại dụng: Thứ nhất là biết tất cả các pháp vào một pháp, một pháp vào tất cả các pháp, mà chẳng trái tâm giải của chúng sanh. Thứ nhì là từ Bát Nhã Ba La Mật xuất sanh tất cả pháp, vì người khác giải nói đều làm cho khai ngộ. Thứ ba là biết tất cả pháp lìa văn tự mà khiến chúng sanh được ngộ nhập. Thứ tư là biết tất cả pháp nhập một tướng mà hay diễn thuyết vô lượng pháp tướng. Thứ năm là biết tất cả pháp lìa ngôn thuyết mà có thể vì người nói vô biên pháp môn. Thứ sáu là nơi tất cả pháp khéo chuyển Phổ Môn tự luân. Thứ bảy là đem tất cả pháp vào một pháp mà chẳng trái nhau, trong bất khả thuyết kiếp nói chẳng cùng tận. Thứ tám là đem tất cả pháp vào Phật pháp, khiến các chúng sanh đều được tỏ ngộ. Thứ chín là biết tất cả pháp không có biên tế. Thứ mười là biết tất cả pháp không ngần mé chương ngại, dường như lưới huyền vô lượng sai biệt, trong vô lượng kiếp vì chúng sanh mà nói chẳng thể cùng tận.

### ***XIII. Mười Pháp Vô Ngại Giải Thoát Của Chư Như Lai:***

Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 28, có mười vô ngại giải thoát của chư Như Lai. Thứ nhất là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện vô lượng chư Như Lai xuất thế. Thứ nhì là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện bất khả thuyết chư Như Lai chuyển tịnh pháp luân. Thứ ba là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện bất khả thuyết chúng sanh được giáo hóa điều phục. Thứ tư là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện bất khả thuyết chư Như Lai quốc độ. Thứ năm là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện bất khả thuyết Bồ Tát thọ ký. Thứ sáu là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả chư Như Lai. Thứ bảy là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả thế giới chúng. Thứ tám là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả thần thông. Thứ chín là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả chúng sanh. Thứ mười là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả Như Lai sự.

***XIV. Mười Pháp Vượt Trội:***

Mười pháp vượt trội hơn tất cả chư thiên trong Ba Mươi Ba Cõi Trời khi vua trời nhận được bửu châu Ma Ni theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 27, Thập Định: sắc tướng, hình thể, thị hiện, quyền thuộc, đồ dùng, âm thanh, thần thông, tự tại, trí huệ hiểu biết, và trí dụng.

***XV. Mười Pháp Xưng Tán Chỗ Khen Ngợi Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 27, Thập Định, có mười Pháp xưng tán chỗ ngợi khen ngợi. Khi nhập vào nhứt thiết trí chúng sanh sai biệt thân đại tam muội, chư Bồ Tát sẽ trụ được mười pháp xưng tán chỗ ngợi khen. Thứ nhất là nhập vào chơn như nên gọi là Như Lai. Thứ nhì là vì giác ngộ tất cả pháp nên gọi là Phật. Thứ ba là vì được tất cả thế gian khen ngợi nên gọi là Pháp Sư. Thứ tư là vì biết tất cả pháp nên gọi là nhứt thiết trí. Thứ năm là vì được tất cả thế gian quy-y nên gọi là chỗ sở y. Thứ sáu là vì rõ thấu tất cả pháp phương tiện nên gọi là đạo sư. Thứ bảy là vì dẫn tất cả chúng sanh vào đạo nhứt thiết trí nên gọi là đại đạo sư. Thứ tám là vì là đèn của tất cả thế gian nên gọi là quang minh. Pháp xưng tán chỗ ngợi khen thứ chín nói rằng tâm chí của chư đại Bồ Tát viên mãn. Các ngài thành tựu cứu độ, nhiệm vụ đều xong, trụ trí vô ngại, và phân biệt biết rõ tất cả các pháp nên gọi là thập lực tự tại. Vì thông đạt tất cả pháp luân nên gọi là bực nhứt thiết kiến.

***XVI. Mười Thường Pháp Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ thường pháp của chư Như Lai. Thứ nhất là chư Như Lai thường thực hành tất cả những Ba La Mật. Thứ nhì là chư Như Lai thường chẳng mê lầm nơi tất cả các pháp. Thứ ba là chư Như Lai thường đủ đức đại bi. Thứ tư là chư Như Lai thường có đủ thập lực. Thứ năm là chư Như Lai thường chuyển Pháp Luân. Thứ sáu là chư Như Lai thường vì chúng sanh mà thị hiện thành chánh giác. Thứ bảy là chư Như Lai thường thích điều phục tất cả chúng sanh. Thứ tám là chư Như Lai tâm thường chánh niệm pháp bất nhị. Thứ chín là chư Như Lai sau khi giáo hóa chúng sanh thường thị hiện vô dư Niết bàn. Thứ mười là cảnh giới của chư Như Lai thường không biên tế.

## *Tathagatas' Wonderful Dharmas*

### *I. An Overview of Dharmas In Buddhism:*

Generally speaking, Tathagata-Dharma or Buddha Teachings, or Law of Buddhist (Tathgata's dharma or universal law or the Buddha law preached by the Buddha). These are methods of cultivation taught by the Buddha leading beings to enlightenment. Dharma is a very troublesome word to handle properly and yet at the same time it is one of the most important and essential technical terms in Buddhism. Dharma has many meanings. A term derived from the Sanskrit root "dhr," which means "to hold," or "to bear"; there seems always to be something of the idea of enduring also going along with it. Originally, it means the cosmic law which underlying our world; above all, the law of karmically determined rebirth. The teaching of the Buddha, who recognized and regulated this law. In fact, dharma (universal truth) existed before the birth of the historical Buddha, who is no more than a manifestation of it. Today, "dharma" is most commonly used to refer to Buddhist doctrine and practice. Dharma is also one of the three jewels on which Buddhists rely for the attainment of liberation, the other jewels are the Buddha and the Samgha. Dharmas are the teachings of the Buddhas which carry or hold the truth. The way of understanding and love taught by the Buddha doctrine. The Buddha taught the Dharma to help us escape the sufferings and afflictions caused by daily life and to prevent us from degrading human dignity, and descending into evil paths such as hells, hungry ghosts, and animals, etc. The Dharma is like a raft that gives us something to hang onto as we eliminate our attachments, which cause us to suffer and be stuck on this shore of birth and death. The Buddha's dharma refers to the methods of inward illumination; it takes us across the sea of our afflictions to the other shore, nirvana. Once we get there, even the Buddha's dharma should be relinquished. According to Buddhism, Dharma is not an extraordinary law created by or given by anyone. According to the Buddha, our body itself is Dharma; our mind itself is Dharma; the whole universe is Dharma. By understanding the nature of our physical body, the nature of our mind, and worldly conditions, we realize the Dharma. The Dharma that is the law of beginningless and endless becoming, to which all phenomena are subject according to causes and

conditions. The Dharma, which comprises the spoken words and sermons of Sakyamuni Tathagata wherein he elucidated the significance of the Unified Three Treasures and the way to its realization. The Dharma, the teaching imparted by the Buddha. All written sermons and discourses of Buddhas (that is, fully enlightened beings) as found in the sutras and other Buddhist texts still extant.

***II. Tathagatas' Ten Kinds of Masteries of Self-Control:***

According to the Avatansaka Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of masteries of self-control. First, mastery over the duration of life. Second, mastery over the mind which can enter into every possible form of self-concentration. Third, power over an infinite variety of embellishment whereby the Bodhisattva enriches the worlds. Fourth, submitting himself to the working of karma as the case requires. Fifth, mastery over births so that He can be born in any world. Sixth, the power of seeing the Buddhas filling up the entire universe. Seventh, the power of attaining enlightenment at any moment and in any place as He wills. Eighth, the power of exhibiting all kinds of miraculous works. Ninth, the ability of teaching Buddhism in all its possible aspects. Tenth, the power of understanding whereby He reveals in every thought of His Tathagata' wonderful powers and perfect serenity leading to the realization of the Bodhi.

***III. Ten Things That Pervade the Infinite Cosmos of the Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, chapter 33. First, all Tathagatas have unbounded bodies, with pure forms, entering into all states of being without defilement or attachment. Second, all Tathagatas have unbounded, unobstructed eyes that can clearly see all things. Third, all Tathagatas have unbounded, unobstructed ears that can understand all sounds and utterances. Fourth, all Tathagatas have unbounded, unobstructed noses that can reach the other shore of freedom of the Buddhas. Fifth, all Tathagatas have universal tongues that utter sublime sounds pervading the cosmos. Sixth, all Tathagatas have unbounded bodies that appear to sentient beings in accord with their minds. Seventh, all Tathagatas have unbounded minds that dwell on the unobstructed impartial body of reality. Eighth, all Tathagatas have unbounded, unobstructed liberation manifesting inexhaustible



great spiritual powers. Ninth, all Tathagatas have unbounded pure worlds, manifesting Buddha-lands according to the pleasures of sentient beings, replete with infinite adornment, yet without giving rise to any obsession or attachment to them. Tenth, all Tathagatas have unbounded practical undertakings of enlightening beings, complete knowledge, spiritual freedom, and the ability to master all elements of Buddhahood.

***IV. Ten Things Which Enlightening Beings Cause the Tathagatas to Rejoice:***

Ten things which Enlightening Beings cause the Buddhas to rejoice, according to the Flower Adornment, chapter 18: persevering without regression, not begrudging their physical life, not seeking profit or support, knowing all things are like spaces, be skillful at contemplation, entering into all realms of reality, knowing the definitive marks of all things, always invoking great vows, developing the light of pure tolerant knowledge, examining one's own virtues without exaggeration or underestimation, and cultivating pure practices in accord with the way of nonstriving. There are still other ten things which Enlightening Beings cause the Buddhas to rejoice: abiding securely in nonindulgence, abiding securely in acceptance of nonorigination, abiding securely in great kindness, abiding securely in great compassion, abiding securely in the fulfillment of the transcendent ways, abiding securely in the enlightening practices, abiding securely in great vows, abiding securely in skillful means, abiding securely in dauntless power, and abiding securely in knowledge and wisdom, observing all things have no abode, like empty space.

***V. Ten Kinds of Speed When Seeing Tathagatas:***

Ten kinds of speed of great enlightening beings, according to the Flower Adornment Sutra, chapter 33. First, those who see any Tathagata are speedily able to avoid bad disposition. Second, those who see any Tathagata are speedily able to fulfill superior virtues. Third, those who see any Tathagata are speedily able to develop extensive bases of goodness. Fourth, those who see any Tathagata speedily attain rebirth in an immaculate heaven. Fifth, those who see

any Tathagata can speedily get rid of all doubts and confusion. The sixth kind of speed states that those who have already aroused the aspiration for enlightenment who see any Tathagata can soon develop immense resolve, never to turn back, can be able to teach people according to their needs. If they have not yet aroused the aspiration for enlightenment, they will quickly be able to arouse the determination for unexcelled, complete perfect enlightenment. Seventh, those who see any Tathagata before having entered the absolute state will speedily enter absolute state. Eighth, those who see any Tathagata will speedily be able to purify all roots of goodness, mundane and supramundane. Ninth, those who see any Tathagata will speedily manage to destroy all obstruction. Tenth, those who see any Tathagata will speedily be able to acquire fearless intellectual powers.

***VI. Ten Kinds of Ways of Entry Into Universality of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of ways of entry into universality of all Tathagatas. First, all Tathagatas have immaculate bodies that penetrate past, present and future. Second, all Tathagatas are endowed with three kinds of mastery by which they edify beings everywhere: diagnosis, prescription, and occult powers. Third, all Tathagatas are endowed with mnemonic powers able to receive and hold Buddha teachings. Fourth, all Tathagatas are endowed with four special knowledge: principles, meaning, expressions, and elocution. Fifth, all Tathagatas have impartial great compassion and never abandon all sentient beings. Sixth, all Tathagatas have profound meditation concentration and always observe all sentient beings everywhere. Seventh, all Tathagatas have roots of goodness beneficial to others, and civilize sentient beings unceasingly. Eighth, all Tathagatas have unobstructed minds, able to abide calmly in all universes. Ninth, all Tathagatas have unimpeded spiritual powers and are able to manifest the Tathagatas of past, present and future in one instant. Tenth, all Tathagatas have unobstructed intellect, in a single instant defining sets of ages of past, present and future.

***VII. Ten Great Qualities That Are Hard to Believe of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten great qualities that are hard to believe of all Tathagatas. First, all Tathagatas can destroy all demons. Second, all Tathagatas can overcome all false teachers. Third, all Tathagatas can tame all sentient beings and make them happy. Fourth, all Tathagatas can go to all worlds and guide the myriad types of beings there. Fifth, all Tathagatas can knowingly experience the most profound realm of reality. Sixth, all Tathagatas, by means of nondual body, manifest various bodies, filling the world. Seventh, all Tathagatas can, with pure voices, produce the special knowledges of principle, meaning, expression, and elocution, and expound truths endlessly, to the unfailing benefit of those who accept. Eighth, all Tathagatas can manifest Buddhas as numerous as atoms in all worlds in a single pore, without end. The ninth great quality states that all Tathagatas can manifest in a single atom as many lands as atoms in all worlds; replete with all kinds of fine adornments; continuously turn the wheel of the sublime Teaching therein for the edification of sentient beings, yet the atom is not enlarged and the worlds are not small. They always abide in the realm of reality by realizational knowledge. The tenth great quality states that all Tathagatas arrive at the pure realm of reality; shatter the darkness of ignorance of the world by means of the light of knowledge; cause all to gain understanding of the Tathagatas' teachings; and follow the enlightened, and dwell in the ten powers.

***VIII. Ten Kinds of Supreme Qualities of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of supreme qualities of all Tathagatas. The first supreme quality states that all Tathagatas' great vows are firm and steadfast and cannot be broken. They do what they say without fail, and there is no duplicity in their words. Second, all Tathagatas tirelessly practice the deeds of Enlightening Beings throughout all future ages, in order to perfect and fulfill all virtues. Third, all Tathagatas will go to untold worlds in order to guide a single sentient being, and do the same for all sentient beings, endlessly. Fourth, all Tathagatas universally regard both faithful and scornful beings with great compassion, impartially, without any discrimination. Fifth, all Tathagatas from their initial

aspiration to their attainment of Buddhahood, never lose the determination for perfect enlightenment. Sixth, all Tathagatas accumulate immeasurable virtues and dedicate them all to omniscience, without any attachment to the world of its creatures. The seventh supreme quality states that all Tathagatas learn physical, verbal and mental practices from Buddhas. They only carry out Tathagatas-practice, not the practice of the vehicles of individual liberation. All to be dedicated to omniscience and attain excelled true enlightenment. The eighth supreme quality states that all Tathagatas emanate great light which is impartially illuminating all places and illuminating all the Tathagatas' teachings; enabling Enlightening Beings' minds to become purified and to fulfill universal knowledge. Ninth, all Tathagatas give up worldly pleasures, without craving or attachment, and wish that all worldlings would be free from suffering and attain bliss, and have no false ideas. The tenth supreme quality states that all Tathagatas, out of compassion for sentient beings undergo all kinds of hardship, preserve the seed of Tathagatas, course in the sphere of Tathagatas, and leave birth and death, and arrive at the stage of the ten powers.

***IX. Ten Kinds of Virtues of Inexhaustible Oceans of Knowledge of the Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of virtues of inexhaustible oceans of knowledge of the Tathagatas. First, the virtue of the inexhaustible ocean of knowledge of the boundless body of reality of all Tathagatas. Second, of the infinite Tathagata-works of all Tathagatas. Third, the virtue of the sphere of the enlightened eye of all Tathagatas. Fourth, the virtue of the infinite, inconceivable roots of goodness of all Tathagatas. Fifth, the virtue of all Tathagatas showering all liberating teachings everywhere. Sixth, the virtue of the various undertakings and practices carried out by all Tathagatas in the past. Seventh, the virtue of the eternal performance of Tathagata-work by all Tathagatas. Eighth, the virtue of all Tathagatas extolling the qualities of enlightenment. Ninth, the virtue of Tathagatas comprehending the mental patterns of all sentient beings. Tenth, the Tathagatas' virtue of the unsurpassed adornments of virtue and knowledge of all Tathagatas.

***X. Ten Kinds of Abode of All Tathagatas:***

According to The Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of abode, abiding therein in all things of all Buddhas: First, all Tathagatas abide in awareness of all realms of reality. Second, all Tathagatas abide in compassion speech. Third, all Tathagatas abide in the fundamental great vow. Fourth, all Tathagatas abide in persistence in civilizing sentient beings. Fifth, all Tathagatas abide in the principle of absence of selfhood. Sixth, all Tathagatas abide in impartial salvation. Seventh, all Tathagatas abide in recollection of truth. Eighth, all Tathagatas abide in the unobstructed minds. Ninth, all Tathagatas abide in the constantly rightly concentrated minds. Tenth, all Tathagatas abide in equal comprehension of all things without violating the character of ultimate reality.

***XI. Ten Ways in Which Tathagatas Remain Unhindered:***

There are ten ways in which Tathagatas remain unhindered according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33. First, all Tathagatas can travel to all worlds, remaining unhindered. Second, all Tathagatas are able to abide in all worlds, remaining unhindered. Third, all Tathagatas can walk, stand, sit and recline in all worlds, remaining unhindered. Fourth, all Tathagatas can expound the truth in all worlds, remaining unhindered. Fifth, all Tathagatas can abide in the heaven of contentment in all worlds, remaining unhindered. Sixth, all Tathagatas are able to enter all the pasts, presents and futures of the cosmos, remaining unhindered. Seventh, all Tathagatas are able to sit at all enlightenment sites in the cosmos, remaining unhindered. Eighth, all Tathagatas are able to observe the mental patterns of all sentient beings in each moment of thought, and use their powers of diagnosis, prescription, and occult effects to teach and tune them, remaining unhindered. Ninth, all Tathagatas are able to sojourn at the places of innumerable Tathagatas with one body, and in all places, benefitting living beings, remaining unhindered. Tenth, all Tathagatas are able to expound true teachings spoken by infinite Tathagatas, remaining unhindered.

***XII.Tathagatas' Ten Kinds of Unimpeded Function Relating to Phenomena and Principles:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of unimpeded function relating to phenomena and principles. First, know that all phenomena are in one phenomenon and one phenomenon is in all phenomena, yet they do not contravene the understanding of sentient beings. Second, elicit all transcendent wisdom, explain them to others, and enlighten them all. Third, know all things are beyond words, yet they enable all sentient beings to understand them. Fourth, know all things are of one characteristic, yet they can expound infinite characteristics of things. Fifth, know all truths are beyond explanation, yet they explain boundless ways of access to truth. Sixth, can skillfully operate a pregnant symbol representing all truths. Seventh, accommodate all things in one principle without contradiction, expounding it for untold eons without exhausting it. Eighth, include all things in the teaching of enlightenment, they enable all sentient beings to gain understanding. Ninth, know all things have no boundaries. Tenth, know the ultimate nonobstruction of all things, like a network of illusions, with infinite differentiations, explaining to sentient beings for infinite eons without exhausting it.

***XIII.Ten Kinds of Unimpeded Liberation of the Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, chapter 28, there are ten kinds of unimpeded liberation of the Tathagatas. First, all Tathagatas can cause the emergence in the world of untold Tathagatas in a single atom. Second, all Tathagatas can cause untold Tathagatas actively teaching to appear in a single atom. Third, all Tathagatas can cause untold sentient beings being taught and guided to appear in a single atom. Fourth, all Tathagatas can cause untold Tathagata-lands to appear in a single atom. Fifth, all Tathagatas can cause untold Enlightening Beings receiving predictions of Buddhahood to appear in a single atom. Sixth, all Tathagatas can cause all Tathagatas of past, future and present to appear in a single atom. Seventh, all Tathagatas can cause all worlds of past, present and future to appear in a single atom. Eighth, all Tathagatas can cause all past, present and future miracles to appear in a single atom. Ninth, all Tathagatas can cause all sentient beings of past, present, and future to appear in a single atom.

Tenth, all Tathagatas can cause all past, present and future Tathagata-works to appear in a single atom.

***XIV.Ten Surpassing Things:***

Ten things surpassing all the gods of the Thirty-Three-Fold Heaven attained by the god-king when he obtained the Mani Jewel according to the Flower Adornment Sutra, chapter 27: color, physical form, manifestation, retinue, appurtenances, voice, magical powers, control, intellectual understanding, and cognitive function.

***XV.Ten Praise-Worthy Qualities of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 27, there are ten praise-worthy qualities. In the concentration of the differentiated bodies of all sentient beings, Enlightening Beings are lauded for ten praise-worthy qualities. First, enter into True Thusness, and so are called Tathagata, those who have arrived at Thusness. Second, they are aware of all truths, and so called Buddha, Enlightened. Third, they are praised by all worlds, and so are called teachers of truth. Fourth, they know all things, and so are called omniscient. Fifth, they are resorted by all worlds, and so are called refuge. Sixth, they have mastered all teaching methods, and so are called the guides. Seventh, they lead all beings into universal knowledge, and so are called great leaders. Eighth, they are lamps for all worlds, and so are called light. The ninth praise-worthy quality states that Great Enlightening Beings' aspirations are fulfilled. They have accomplished salvation; they have done their tasks; they abide in unobstructed knowledge; they individually know all things, so they are called adepts of the ten powers. Thoroughly comprehend all cycles of the Teaching, so they are called all-seers.

***XVI.Ten Kinds of Eternal Law of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of eternal law of all Tathagatas. First, all Tathagatas always carry out all the transcendent ways. Second, all Tathagatas are always free from confusion in regard to all things. Third, all Tathagatas always have universal compassion. Fourth, all Tathagatas always have ten powers. Fifth, all Tathagatas always turn the wheel of Teaching. Sixth,

all Tathagatas always demonstrate the accomplishment of true awakening for the benefit of sentient beings. Seventh, all Tathagatas always gladly lead all sentient beings. Eighth, all Tathagatas always correctly remember the truth of nonduality. Ninth, all Tathagatas, after having taught sentient beings, always show entry into nirvana without remainder. Tenth, the realm of all Tathagatas are always boundless, because the realm of the Tathagatas has no bounds.



*Chương Ba Mươi Sáu*  
*Chapter Thirty-Six*

*Mười Pháp Tự Tại Của Chư Như Lai*

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười pháp tự tại của chư Như Lai. Pháp tự tại thứ nhất là chư Như Lai nơi tất cả các pháp đều được tự tại, thấu rõ tất cả sự diễn tả của thân, và diễn thuyết các pháp biện tài vô ngại. Pháp tự tại thứ nhì là chư Như Lai giáo hóa chúng sanh chưa từng lỗi thời, tùy theo sở thích mong cầu của họ mà nói chánh pháp, và đều làm cho họ điều phục không đoạ tuyệt. Pháp tự tại thứ ba là chư Như Lai có thể làm cho tận hư không giới vô lượng vô số các thứ trang nghiêm và tất cả thế giới chấn động sáu cách; làm cho thế giới đó hoặc cất lên, hoặc hạ xuống, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc hiệp, hoặc tan mà chưa từng nào hại một chúng sanh. Chúng sanh trong thế giới đó chẳng hay chẳng biết, không nghi, không cho là lạ. Pháp tự tại thứ tư là chư Như Lai dùng thần lực đều hay nghiêm tịnh tất cả thế giới; trong khoảng một niệm hiện khắp tất cả thế giới trang nghiêm. Những trang nghiêm này trải qua vô số kiếp nói chẳng thể hết. Những nghiêm tịnh của tất cả cõi Như Lai, đều làm cho bình đẳng vào trong một cõi. Pháp tự tại thứ năm là chư Như Lai khi thấy một chúng sanh có thể giáo hóa được liền vì họ mà trụ thọ mạng trải qua vô lượng kiếp, nhẫn đến vị lai thế ngôi kiết già mà thân tâm không mỏi, chuyên tâm ghi nhớ chưa từng bỏ quên, phương tiện điều phục chẳng lỗi thời. Như vì một chúng sanh, chư Như Lai vì tất cả chúng sanh đều cũng như vậy. Pháp tự tại thứ sáu là chư Như Lai đều hay qua khắp tất cả thế giới, nơi sở hành của tất cả Như Lai, mà chẳng tạm bỏ tất cả pháp giới. Mười phương đều riêng khác, mỗi mỗi phương có vô lượng thế giới hải, mỗi thế giới hải có vô lượng thế giới chủng; thế mà trong khoảng một niệm, chư Như Lai dùng thần lực khắp chuyển pháp luân thanh tịnh vô ngại. Pháp tự tại thứ bảy là chư Như Lai vì muốn điều phục tất cả chúng sanh, trong mỗi niệm thành vô thượng chánh đẳng chánh giác; nơi tất cả Phật pháp chẳng phải đã giác, hiện giác, cũng chẳng phải sẽ giác, cũng chẳng trụ nơi bậc hữu học, mà thấy biết tự tại không ngăn ngại. Với vô lượng trí huệ, và vô lượng tự tại, chư Như Lai giáo hóa điều phục vô lượng chúng sanh. Pháp tự tại thứ tám là tất cả chư Như Lai có thể làm: hay dùng nhãn xứ làm nhĩ xứ Như Lai sự; hay

dùng nhĩ xứ làm tỹ xứ Như Lai sự; hay dùng tỹ xứ làm thiệt xứ Như Lai sự; hay dùng thiệt xứ làm thân xứ Như Lai sự; hay dùng thân xứ làm ý xứ Như Lai sự; và hay dùng ý xứ trong tất cả thế giới trụ thế xuất thế các thứ cảnh giới, trong mỗi mỗi cảnh giới hay làm vô lượng Như Lai sự quảng đại. Pháp tự tại thứ chín là trong mỗi lỗ lông hay dung chứa tất cả chúng sanh; mỗi thân chúng sanh đồng với bất khả thuyết cõi Như Lai, mà không chật hẹp. Mỗi chúng sanh có thể trải qua vô lượng kiếp trong từng bước đi của các Ngài đều thấy chư Như Lai xuất thế giáo hóa, chuyển tịnh pháp luân, và khai thị bất khả thuyết tam thế chánh pháp. Trong khắp hư không giới thọ thân các loài chúng sanh mà qua lại, và những đồ sở thích mà các Ngài thọ hưởng đều đầy đủ cả, nhưng các Ngài luôn không bị chướng ngại. Pháp tự tại thứ mười là chư Như Lai trong khoảng một niệm hiện tất cả thế giới vi trần số Như Lai. Mỗi mỗi Đức Như Lai ở nơi tất cả pháp giới, ngự trên chúng diệu liên hoa quảng đại trang nghiêm thế giới sư tử tòa mà thành chánh đẳng chánh giác, và thị hiện thần lực tự tại. Như ở nơi chúng diệu liên hoa quảng đại trang nghiêm, trong khắp pháp giới lại cũng như vậy, các thứ trang nghiêm, các thứ hình tướng, các thứ thị hiện, và các thứ kiếp số. Ở trong một khoảng niệm như vậy, ở trong tất cả niệm của vô lượng vô biên a tăng kỳ, một niệm hiện tất cả, một niệm trụ vô lượng, mà chưa từng dùng chút sức phương tiện nào.

### *Ten Kinds of Mastery of All Tathagatas*

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of mastery of all Tathagatas. The first kind of master: all Tathagatas have command of all the teachings, clearly comprehend all kinds of bodies of expression and nuance, and explain all things with unhindered intellect. The second kind of mastery: all Tathagatas teach sentient beings without ever missing the appropriate timing, endlessly explaining the right teaching to them in accord with their state of mind, and causing them all to become receptive to truth. The third kind of mastery: all Tathagatas are able to cause all worlds throughout space, arrayed in countless different ways. They are able to quake in six ways. They are able to cause those worlds to rise or fall, To expand or contract, to combine or dissolve without ever harming a single living being. The creatures in those worlds being unaware, not cognizant of

this happening, not even suspecting it. The fourth kind of mastery: all Tathagatas are able to beautify and purify all worlds by means of spiritual powers; in the space of an instant manifesting the adornments of all worlds. These adornments beyond recounting even in countless eons, all free from defilement, incomparably pure. All the adornments and purities of all Buddha-fields they cause to equally enter one field. The fifth kind of mastery: all Tathagatas, seeing a single sentient being capable of being taught, extend their lives indefinitely for that being, sitting without fatigue of body or mind, concentrating single-mindedly on that being, without ever becoming heedless or forgetful, and guiding that being by appropriate means, with appropriate timing. Also do the same for all living beings as they do for one. The sixth kind of mastery: all Tathagatas can go to all worlds, to the realms of action of all enlightening ones, without ever leaving behind any phenomenal realms. The ten directions each different, there being in each direction incalculable oceans of worlds, there being in each ocean of worlds incalculable world systems; by spiritual powers Tathagatas reach all of them in a single instant, and turn the wheel of the unobstructed pure Teaching. The seventh kind of mastery: all Tathagatas, in order to civilize all sentient beings, to attain unexcelled complete perfect enlightenment in each mental instant; yet in regard to all elements of Buddhahood, yet they have not already cognized them, do not cognize them, and are not yet to cognize them, and also do not dwell in the state of learning, yet they know them all, see them all, mastering them without hindrance. With immeasurable knowledge and freedom, they teach and tame all sentient beings. The eighth kind of mastery is that all Tathagatas can do: the Tathagata-work of the ears with their eyes; can do the Tathagata-work of the nose with their ears; can do the Tathagata-work of the tongue with their nose; can do the Tathagata-work of the body with their tongue; can do the Tathagatas-work of the mind with the body; and with the mind can sojourn in all kinds of realms, mundane and transcendental in all worlds, able to perform immeasurable great Tathagata-works in each realm. The ninth kind of mastery: all Tathagatas can contain sentient beings in each pore of their bodies; each sentient being's body equal to untold Tathagata-lands, yet there is no crowding. Each sentient being can pass countless worlds with every step and go on for countless eons, seeing all the

Tathagatas emerging in the world and edifying beings, turning the wheel of pure Teaching, and showing untold phenomena of past, future, and present. The embodiments of sentient beings in various realms of existence throughout space, their comings and goings and deportment, their needs all fully supplied, yet without any obstruction therein. The tenth kind of mastery: all Tathagatas, in the space of an instant, manifest as many Tathagatas as atoms in all worlds. Each Tathagata attaining enlightenment in all universes, sitting on a lotus lion throne in a world of vast arrays of exquisite lotus blossoms showing the miraculous powers of Tathagatas. As in the world of vast arrays of exquisite lotus blossoms, so in untold worlds in all universes, variously arrayed adornments, with various realms of objects, various shapes and forms, various manifestations, and various numbers of ages. As in one instant so in each instant of immeasurable, boundless, incalculable eons, all appearing in one instant, with infinite abodes in one instant, yet without using the slightest power of expedient means.

**Chương Ba Mươi Bảy**  
**Chapter Thirty-Seven**

**Mười Trang Nghiêm Vô Thượng**  
**Tối Thắng Của Chư Như Lai**

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ tối thắng vô thượng trang nghiêm của chư Như Lai. *Thứ nhất là thân Như Lai trang nghiêm tối thắng:* Chư Như Lai đều đủ đầy những đại nhưn tướng và tùy hình hảo. *Thứ nhì là ngữ trang nghiêm tối thắng vô thượng:* Chư Như Lai đều đầy đủ sáu mươi thứ âm thanh. Mỗi âm thanh có năm trăm phần và mỗi phần có vô lượng trăm ngàn âm thanh tịnh dùng để nghiêm hảo. Có thể ở trong tất cả chúng khắp pháp giới không sợ hãi, đại sư tử hống diễn nói pháp nghĩa thâm thâm của Như Lai. Chúng sanh được nghe không ai là chẳng hoan hỷ, tùy căn dục của họ đều được điều phục. *Thứ ba là ý trang nghiêm tối thắng vô thượng:* Chư Như Lai đều có đầy đủ thập lực, các đại tam muội. Mười tám pháp bất cộng trang nghiêm ý nghiệp. Chỗ có cảnh giới đều thông đạt vô ngại. Tất cả Phật pháp đều được vô dư pháp giới trang nghiêm để dùng trang nghiêm. Pháp giới chúng sanh tam thế tâm hành đều riêng khác, mà trong một niệm đều thấy rõ cả. *Thứ tư là quang minh trang nghiêm tối thắng vô thượng:* Chư Như Lai hay phóng vô số quang minh. Mỗi mỗi quang minh có vô lượng lưới quang minh chiếu khắp tất cả Phật độ, diệt trừ đen tối của tất cả thế gian, thị hiện vô lượng chư Như Lai xuất thế. Thân Như Lai bình đẳng thủy đều thanh tịnh; chỗ làm Như Lai sự đều không luống uổng; hay làm cho chúng sanh đến bậc bất thối chuyển. *Thứ năm là lìa si hoặc của thế gian, hiện vi tiểu trang nghiêm tối thắng vô thượng:* Chư Như Lai lúc hiện mỉm cười, đều ở nơi miệng phóng ra trăm ngàn ức na do tha a tăng kỳ quang minh. Mỗi quang minh đều có vô lượng bất tư nghì các thứ màu chiếu khắp mười phương tất cả thế giới. Trong đại chúng phát lời thành thực; thọ ký đạo vô thượng chánh giác cho vô lượng vô số bất tư nghì chúng sanh. *Thứ sáu là pháp thân trang nghiêm tối thắng vô thượng:* Chư Như Lai đều có pháp thân thanh tịnh vô ngại; nơi tất cả pháp thông đạt rốt ráo; trụ nơi pháp giới không có biên tế. Dầu ở thế gian mà chẳng tạp với thế gian; rõ thật tánh thế gian; thực hành pháp xuất thế; dứt đường ngôn ngữ; và siêu

uẩn xứ giới. *Thứ bảy là thường diệu quang minh trang nghiêm tối thắng vô thượng*: Chư Như Lai đều có vô lượng thường quang minh vi diệu, vô số những thứ sắc tướng dùng làm nghiêm hảo, làm tạng quang minh, xuất sanh vô lượng quang minh viên mãn, chiếu khắp mười phương không chướng ngại. *Thứ tám là diệu sắc trang nghiêm tối thắng vô thượng*: Chư Như Lai đều có vô biên diệu sắc, khả ái diệu sắc, thanh tịnh diệu sắc, tùy tâm hiện diệu sắc. Diệu sắc che chói tất cả ba cõi. Diệu sắc đến bỉ ngạn vô thượng. *Thứ chín là chủng tộc trang nghiêm tối thắng vô thượng*: Chư Như Lai đều sanh trong tam thế Như Lai chủng. Chứa những báu lành rất ráo thanh tịnh không có lầm lỗi, rời sự khinh chê của thế gian. Các ngài là chỗ trang nghiêm nhất của diệu hạnh thanh tịnh thù thắng trong tất cả các pháp. Các ngài thành tựu đầy đủ nhất thiết chủng trí, chủng tộc thanh tịnh không ai khinh chê được. *Thứ mười là đại từ đại bi công đức trang nghiêm tối thắng vô thượng*: Chư Như Lai dùng đại bi lực trang nghiêm thân mình, rất ráo thanh tịnh không có những khát ái, thân hành đã dứt hẳn, tâm đã khéo giải thoát, người thấy không chán, đại bi cứu hộ tất cả thế gian. Là phước điền đệ nhất, là bậc thọ cúng vô thượng, thương xót lợi ích cho tất cả chúng sanh đều làm cho họ thêm lớn vô lượng phước đức trí huệ.

### ***Ten Kinds of Supreme Adornment of All Tathagatas***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of supreme adornment of all Tathagatas. *The first Tathagatas' supreme physical adornment*: All Tathagatas have all the marks and refinements of greatness. *The second Tathagatas' supreme adornment of speech*: All Tathagatas have sixty kinds of vocal sounds. Each sound with five hundred elements, and each element with countless hundreds of thousands of pure, clear tones adorning it. They are able, in the midst of all groups in the cosmos, without any qualms or fears, to roar the great lion's roar, expounding the meaning of the extremely profound teaching of The Enlightened. So that all who hear are delighted and are edified according to their faculties and inclinations. *The third supreme mental adornment of Tathagatas*: All Tathagatas are endowed with the ten powers, the great concentrations. The eighteen unique qualities, adorning their mental activities. In their sphere of operation, they comprehend and master all enlightening principles

without obstruction. All attain the adornments of the all-inclusive cosmos of their reality as their adornment. They are able to clearly perceive in a single instant the mental patterns, past, present, and future, each different, of the beings of the cosmos. *The fourth Tathagatas' supreme adornment of light:* All Tathagatas are able to emanate countless beams of light. Each beam of light accompanied by untold webs of light, illuminating all Tathagata-lands; destroying the darkness in all worlds; revealing the emergence of innumerable Buddhas. Their bodies equal, all pure. Their Tathagata-works all effective, and able to cause sentient beings to reach nonregression. *The fifth Tathagatas' supreme adornment of a smile, free from the delusion and confusion of the world:* When the Tathagatas smile, zillions of rays of light radiate from their faces. Each light having innumerable, inconceivably many hues of all kinds, lighting up all the worlds in the ten directions. Among the masses they utter truthful words; giving innumerable, countless, inconceivably many sentient beings directions for supreme complete perfect enlightenment. *The sixth Tathagatas' supreme adornment of the reality-body:* All Tathagatas have the reality-body, pure, unobstructed with ultimate comprehension of all truths; abiding in the cosmos of reality, without bounds. Though being in the world, not getting mixed up with the world; understanding the true nature of the world; acting on transmundane principles; beyond the power of speech; and transcending the realms of matter sense. *The seventh Tathagatas' supreme adornment of constant subtle light:* All Tathagatas have infinite constant subtle lights with untold colors of all kinds adorning them; forming a treasury of light producing infinite orbs of light illuminating the ten directions without obstruction. *The eighth Tathagatas' supreme adornment of sublime forms:* All Tathagatas have boundless sublime forms, delightful sublime forms, pure sublime forms, sublime forms that appear in accordance with the mind. Forms that outshine all in the realms of desire, form and formlessness; unexcelled sublime forms arriving at the other shore. *The ninth Tathagatas' supreme adornment of human character:* All Tathagatas are born in the family of Tathagatas of past, present, and future. They accumulate myriad treasures of virtue, ultimately pure, without fault, impeccable. They are being adorned by the most pure, refined acts among all things. They fully accomplish total knowledge and character beyond

reproach. *The tenth Tathagatas' supreme adornment of the qualities of great kindness and compassion:* All Tathagatas array themselves with the power of great compassion. Ultimately pure, without any cravings, their physical actions forever at rest, their minds well liberated, so that none tire of seeing them, saving all worldly beings. The foremost fields of blessing, the most worthy recipients, mercifully helping all sentient beings to develop stores of unlimited virtue and knowledge.



**Chương Ba Mươi Tám**  
**Chapter Thirty-Eight**

**Mười Tám Pháp Bất Cộng Của Chư Như Lai**

Theo Phật giáo, có mười tám món công đức của chư Như Lai, được gọi là vì chẳng chung cùng với hai thừa Thanh Văn và Duyên Giác nên gọi là Bất Cộng. Theo các trường phái Phật giáo Nguyên Thủy, có mười tám Bất Cộng Pháp bao gồm mười lực, bốn vô úy, ba chỗ trụ của chánh niệm và Như Lai Đại Bi. *Mười Lực*: Mười đại lực của Phật hay Như Lai Cụ Túc Thập Lực: Thứ nhất là tri thị xứ phi xứ trí lực; khả năng biết sự lý là đúng hay chẳng đúng. Thứ nhì là tri tam thế nghiệp báo Trí lực (Tri Thượng Hạ Trí Lực). Thứ ba là tri chư Thiên giải thoát Tam muội. Thứ tư là tri chúng sanh tâm tánh Trí lực. Thứ năm là tri chủng chủng giải trí lực; biết được sự hiểu biết của chúng sanh. Thứ sáu là tri chủng chủng giới trí lực hay biết hết các cảnh giới. Thứ bảy là tri nhứt thiết sở đạo trí lực; biết hết phần hành hữu lậu của lục đạo. Thứ tám là tri thiên nhân vô ngại trí lực; thấy biết tất cả sự việc của chúng sanh. Thứ chín là tri túc mạng vô lậu trí lực; biết các đời trước rất xa của chúng sanh. Thứ mười là tri vĩnh đoạn tập khí trí lực; biết đoạn hẳn các tập khí. *Bốn Vô Úy của chư Như Lai*: Thứ nhất là Nhứt Thiết Trí Vô Sở Úy. Có được Như Lai trí biết tất cả nên chẳng sợ chi hết. Thứ nhì là Lậu Tận Vô Sở Úy. Dứt hết các phiền não nên chẳng sợ chi hết. Thứ ba là Thuyết Chương Đạo Vô Sở Úy. Giải thích hay chỉ rõ ràng được chỗ ngăn hại đạo nên không sợ chi hết. Phật có trí tuệ có thể giải quyết mọi khó khăn trong đạo giáo nên chẳng sợ chi hết. Thứ tư là Thuyết Tận Khổ Đạo Vô Sở Úy. Giảng thuyết hay chỉ dạy dứt tận các sự khổ nên không sợ chi hết. *Ba Thứ Trụ Của Chánh Niệm*: Chư Như Lai luôn luôn trụ trong chánh tâm và trí huệ. Chư Như Lai không vui sướng cũng không khổ sầu, dù rằng chúng sanh có tin, không tin, hơi tin hay hơi không tin, chư Như Lai vẫn luôn giữ mình vượt trên những vui sướng khổ sầu. *Như Lai Đại Bi (Đại bi của Phật)*: Như Lai Đại Bi hay Bi Vô Lượng Tâm hay tâm cứu khổ cho chúng sanh. Tâm đầy lòng bi mẫn trải rộng khắp nơi, trên, dưới, ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, các ngài luôn an trú biến mãn với tâm bi, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Bi vô lượng tâm còn làm

tâm ta rung động khi thấy ai đau khổ. Tâm ao ước mong muốn loại trừ đau khổ của người khác, đối lại với sự tàn ác.

Theo trường phái Đại Thừa, có mười tám điều không lỗi theo Đại Trí Độ Luận: Thân Vô Thất (thân không lỗi), Khẩu Vô Thất (miệng không lỗi), Niệm Vô Thất (ý không lỗi), Vô Dị Tướng (đối với hết thấy chúng sanh đều bình đẳng không có tư tưởng khác, không có tư tưởng phân biệt), Vô Bất Tri Dĩ Xả (xả bỏ mọi pháp không chấp trước, chẳng phải không biết chuyện xả bỏ), Vô Bất Định Tâm (không bao giờ có tâm tán loạn), Dục Vô Diệt (ý muốn cứu độ chúng sanh không hề nhằm chán và không cùng tận), Tinh Tấn Vô Diệt (tinh tấn không suy giảm), Niệm Vô Diệt (niệm không giảm hay tỉnh thức không cùng tận), Huệ Vô Diệt (tuệ không giảm), Giải Thoát Vô Diệt (giải thoát không giảm hay giải thoát không cùng tận), Giải Thoát Tri Kiến Vô Diệt (giải thoát tri kiến không giảm hay không cùng tận), Nhất Thiết Thân Nghiệp Tùy Trí Huệ Hành (mọi thân nghiệp đều làm theo trí tuệ), Nhất Thiết Khẩu Nghiệp Tùy Trí Huệ Hành (mọi khẩu nghiệp đều làm theo trí tuệ), Nhất Thiết Ý Nghiệp Tùy Trí Huệ (mọi ý nghiệp đều làm theo trí tuệ), Trí Huệ Tri Quá Khứ Thế Vô Ngại (trí tuệ biết đời quá khứ không bị ngăn ngại), Trí Huệ Tri Vị Lai Vô Ngại (trí tuệ biết đời vị lai không bị ngăn ngại), Trí Huệ Tri Hiện Tại Thế Vô Ngại (trí tuệ biết đời hiện tại không bị ngăn ngại).

### *Eighteen Special Qualities of Tathagatas*

According to Buddhism, there are eighteen distinctive characteristics or unique qualities of Tathagatas (Avenika-buddha-dharma-skt), so called because they are not similar to those of Sravakas and Pratyeka-buddhas. According to Theravada Buddhist Schools, there are eighteen special qualities of Thathagatas which comprise of ten great powers of a Tathagata, four fearlessnesses, three kinds of abiding mindfulness, and the Tathagata's great compassion. *Ten Great Powers:* The ten great powers of a Buddha or the ten powers of the Tathagata: First, complete knowledge of what is right or wrong in every condition; the power of knowing from awakening to what is and what is not the case (knowing right and wrong or the power to distinguish right from wrong). Second, complete knowledge of what is the karma of every being past, present and future; the power of

knowing karmic retributions throughout the three periods of time (knowing what karmic effects follow from which causes). Third, complete knowledge of all stages of dhyana liberation and samadhi; the power of knowing all dhyanas, liberations and samadhis (knowing the various balanced states, including four dhyanas, eight states of liberation, three samadhi, etc). Fourth, complete knowledge of the powers and faculties of all beings; the power of knowing all faculties whether superior or inferior (knowing the superior or inferior makings of others). Fifth, complete knowledge of the desires or moral direction of every being; the power of knowing the various realms (knowing the desires of others). Sixth, complete knowledge of actual condition of every individual; the power of knowing the various understanding (knowing the states of others). Seventh, complete knowledge of the direction and consequence of all laws; the power of knowing where all paths lead (knowing the destinations of others, either nirvana or hell). Eighth, complete knowledge of all causes of mortality and of good and evil in their reality; the power of knowing through the heavenly eye without obstruction (knowing the past). Ninth, complete knowledge of remote lives of all beings, the end of all beings and nirvana; the power of knowing previous lives without outflows (Buddha-power to know life and death, or all previous transmigrations). Tenth, complete knowledge of the destruction of all illusion of every kind; the power of knowing from having cut off all habits forever (knowing how to end excesses). *Four Tathagata-fearlessnesses*: First, the fearlessness of all wisdom or confidence in Omniscience (confidence in Tathagata or fearlessly realizing all things). The Tathagata has the wisdom and knowledge to know everything; therefore, there is nothing he is fearful of. Second, Confidence in having extirpated (uprooted) all contamination or fearlessly extinguishing all defilements. The Tathagata has the wisdom and knowledge to end all burdens and afflictions; therefore, there is nothing he is fearful of. Third, Confidence in explaining the obstacles to enlightenment beings or fearlessly expounding all obstructions to liberation. The Tathagata has the wisdom and knowledge to solve all difficult problems in religion and life; therefore, there is nothing he is fearful of. The fearlessness of speaking about dharmas which obstruct the Way. Fourth, Confidence in explaining the way to end suffering or fearlessly asserting the true path

to liberation. The Tathagata has the wisdom and knowledge to explain and teach different Dharmas that will end pain and suffering; therefore, there is nothing he is afraid of. The fearlessness of speaking dharmas which leads to the end of the path of suffering. *Three Kinds of Abiding Mindfulness (Trini-smrty-upasthanani-skt)*: The Tathagata always rests in his proper mind and wisdom. He neither rejoices, nor grieves whether all creatures believe, do not believe, part believe and part do not believe. The Tathagata always keep himself above the disturbances of joy and sorrow. *Tathagata's Great Pity*: Thathagata's immeasurable compassion (Karuna) is the immeasurable mind. Immeasurable Compassion, a mind of great pity, or infinite compassion. Boundless pity, to save from suffering. Tathagata's great pity is the heart filled with compassion. Thus they stay, spreading the thought of compassion, above, below, across, everywhere, always with a heart filled with compassion, abundant, magnified, unbounded, without hatred or ill-will. Compassion also makes the heart quiver when other are subject to suffering. It is the wish to remove the suffering of others, and it is opposed to cruelty.

According to Mahayana Buddhism, there are eighteen distinctive characteristics or eighteen kinds of perfection according to the Sastra on the Prajna-Paramita-Sutra: perfection of body (impacability of action), perfection of speech (impacability of speech), perfection of memory (impacability of mind), impartiality or universality (having no discriminatory thoughts), entire self-abnegation (unfailing discernment and relinquishment), ever in samadhi or unfailing concentration, never diminishing will to save (endless volition, or desire of saving beings), endless zeal or vigor, endless thought or endless mindfulness, endless wisdom, endless salvation or liberation, endless insight into salvation or endless liberated knowledge and vision, deeds are accordant with wisdom (all actions are in accordance with knowledge and wisdom), all speech is accordant with wisdom or knowledge and wisdom, mind is accordant with wisdom or all thoughts are in accordance with knowledge and wisdom, omniscience in regard to the past or unobstructed insight into the past, omniscience in regard to the future or unobstructed insight into the future, and omniscience in regard to the present or unobstructed insight into the present.

**Chương Ba Mươi Chín**  
**Chapter Thirty-Nine**

**Như Lai Thọ Ký**

Trong thời Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai còn tại thế, thỉnh thoảng Ngài nói trước về tương lai của các đệ tử của Ngài, đó là Như Lai thọ ký. Ngài thọ ký hay nói trước một cách chắc chắn về sự thành tựu của các vị đệ tử trong tương lai. Nhận sự thọ ký từ một vị Như Lai về sự hạnh phúc trong tương lai của đệ tử hay sẽ thành Phật trong tương lai. Còn gọi là Thọ Biệt hay Thọ Quyết. Sau khi Bồ Tát lập nguyện bồ đề vững chắc thì trong tâm vị ấy cũng sẽ khởi lên một ước nguyện mạnh mẽ và chân thành để đạt giác ngộ. Tâm nguyện cũng xảy ra nhưng không có ý nghĩa đặc biệt như thọ ký, vì thọ ký là sự quan sát thật sự của một vị Như Lai về vị Bồ Tát ấy chứ không phải chỉ là một lời nguyện đơn thuần. Khi một vị Như Lai quán thấy Bồ Tát lập lời nguyện thành Phật và quán biết Bồ Tát đó sẽ thành tựu hạnh nguyện trong tương lai nên đã tuyên bố vị ấy sẽ trở thành Phật. Các vị Phật tương lai mà Bồ Tát sẽ gặp trong thời kỳ hành Bồ Tát đạo cũng sẽ thọ ký cho Bồ Tát như vậy. Những người đi theo Đức Phật sẽ nhận được sự tiên đoán của Đức Phật về sự giác ngộ và thành Phật trong tương lai. Sự thọ ký thành Phật trong tương lai của những Bồ Tát. Chỉ có chư Như Lai mới có khả năng và trí huệ để đưa ra những quyết định hay lời thọ ký như vậy. Thọ ký có thể là Thọ Ký Quán Đảnh, nghĩa là Đức Như Lai thọ ký đệ tử bằng cách xoa đầu. Thọ ký cũng có thể là Ký Biệt. Phật ghi nhận việc các đệ tử của Ngài thành Phật, từ Phật kiếp, Phật độ, đến Phật hiệu (Phật ghi nhận trong các kinh điển thì gọi là “Ký Biệt,” còn đích thân Phật trao sự ghi nhận đó cho học trò thì gọi là “Thọ Ký.”). **Có hai loại thọ ký** (Nhị Chung Thọ Ký). *Thứ nhất là Hữu dư thọ ký*: Đức Như Lai nói vào thời nào trong tương lai thì vị Như Lai nào sẽ thọ ký cho chúng sanh. *Thứ nhì là Vô dư thọ ký*: Đức Như Lai thọ ký về sự thành Phật của một chúng sanh. **Lại có tám loại thọ ký** (Bát Chung Thọ Ký). *Thứ nhất* là chỉ mình biết, người khác không biết. *Thứ nhì* là mọi người đều biết, chỉ mình không biết. *Thứ ba* là mọi người và mình đều biết. *Thứ tư* là mình và mọi người đều chưa biết. *Thứ năm* là gần thì biết, mà xa thì không biết. *Thứ sáu* là xa lại biết, mà gần thì không biết. *Thứ bảy* là gần xa đều biết. *Thứ tám* là gần xa

đều không biết. Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, lại có **mười pháp thọ ký**. *Thứ nhất* là dùng thù thắng nguyện phát Bồ Đề tâm, tự biết thọ ký. *Thứ nhì* là trọn chẳng nhằm bỏ hạnh Bồ Tát, tự biết thọ ký. *Thứ ba* là tất cả kiếp, thực hành hạnh Bồ Tát, tự biết thọ ký. *Thứ tư* là tu tập tất cả Phật pháp, tự biết thọ ký. *Thứ năm* là nơi tất cả chư Phật, một bề thâm tín. *Thứ sáu* là tu tất cả thiện căn đều khiến thành tựu, tự biết thọ ký. *Thứ bảy* là đặt tất cả chúng sanh nơi Phật Bồ Đề, tự biết thọ ký. *Thứ tám* là với tất cả thiện hữu tri thức hòa hiệp không hai, tự biết thọ ký. *Thứ chín* là nơi tất cả thiện tri thức tưởng là Phật, tự biết thọ ký. *Thứ mười* là hằng siêng thủ hộ bốn nguyện Bồ Đề, tự biết thọ ký. **Cũng theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, lại có mười thứ thọ ký khác:** nội trí giải thâm thâm, tùy thuận phát khởi những thiện căn của Bồ Tát, tu quảng đại hạnh, hiện tiền, chẳng hiện tiền, như tự tâm chứng Bồ Đề, thành tựu nhẫn, giáo hóa điều phục chúng sanh, rốt ráo tất cả kiếp số, tất cả Bồ Tát hạnh tự tại.

### ***The Tathagata's Fortelling of the Future of His Disciples***

During the time of the Sakyamuni Tathagata, sometimes He predicted the future of his disciples that is called “Vyakarana”. “Vyakarana” means to receive from a Tathagata predestination of the future felicity and realm of a disciple, hence Kaundinya is known as Vyakarana Kaundinya, or to become a Buddha in the future. After a Bodhisattva makes a vow of firm bodhi, his mind also arise a strong and earnest wish to attain Enlightenment, but it hardly suggests any particular significance as the “Vyakarana” because the “Vyakarana” is the real observation of a Tathagata, not just a simple wish. When a Tathagata, before whom the wish of the Bodhisattva is made, looks into the future and, if satisfied, declares the fulfillment of the wish, giving all the particulars of such fulfillment. This declaration is also made by all subsequent Tathagatas whom the Bodhisattva meets during his career. To receive from a Tathagata predestination, prophecy or giving of a record, prediction, fortelling (to become a Buddha). The prophecy of Bodhisattva's future Buddhahood. Only Tathagatas possess the power and wisdom to give decisions, and/or such prophecies. Vyakarana can be “rubbing the crown”. That means the Tathagata

predicts Buddhahood to someone by the gesture of rubbing the crown. Vyakarana can also be “Record and differentiate”. To record and differentiate, the Tathagata fortelling of the future of his disciples to Buddhahood, and to their respective Buddha-kalpas, Buddha-realms, titles, etc. ***There are two classes of Tathagata’s predictions of a disciple’s destiny: First, partial or incomplete prediction:*** The Tathagata predicted what Buddha would make a prediction for sentient being in certain periods of time in the future. ***Second, prediction in finality:*** Prediction with complete detail of becoming Buddha of a sentient being. ***There are also eight kinds of prediction: First,*** made known to self, not to others. ***Second,*** made known to others, not to self. ***Third,*** made known to self and others. ***Fourth,*** unknown to self or others. ***Fifth,*** the near made known, but the remote not. ***Sixth,*** the remote made known, but not the intermediate. ***Seventh,*** near and remote both made known. ***Eighth,*** near and remote both not made known. ***According to the Tathagata in The Flower Adornment Sutra (Chapter 38, Detachment from the World), Great Enlightening Beings have ten ways of receiving prediction of Budhahood: First,*** arousing the determination for enlightenment with extraordinary will. ***Second,*** never giving up the practices of Enlightening Beings. ***Third,*** continuing to carry out the practices of Enlightening Beings in all ages. ***Fourth,*** practicing all Buddha teachings. ***Fifth,*** having complete faith in the guidance of all Buddhas. ***Sixth,*** cultivating all roots of goodness and bringing them to fulfillment. ***Seventh,*** placing all sentient beings in the enlightenment of Buddhas. ***Eighth,*** harmonizing and unifying with all spiritual friends. ***Ninth,*** thinking of all spiritual friends as Buddhas. ***Tenth,*** perpetually preserving the fundamental aspiration for enlightenment with diligence. ***Also according to the Tathagata in The Flower Adornment Sutra (Chapter 38, Detachment From The World), Great Enlightening Beings also have ten ways of receiving prediction of Budhahood:*** having extremely profound inner understanding, being able to develop the roots of goodness of enlightening beings as appropriate, cultivating extensive great practices, open receiving of the prediction, occult receiving of the prediction, realizing enlightenment by their own minds, accomplishing tolerance, teaching and taming sentient beings, comprehending the number of all ages, mastery of all practices of Enlightening Beings.





## **Chương Bốn Mươi** **Chapter Forty**

### **Trí Của Chư Như Lai**

#### ***I. Tổng Quan Về Sức Mạnh Của Sự Hiểu Biết:***

Trong thuật ngữ Bắc Phạn, đôi khi khó mà vạch ra một cách rõ ràng sự khác biệt giữa Buddhi và Jnana, vì cả hai đều chỉ cái trí tương đối của thế tục cũng như trí siêu việt. Trong khi Prajna rõ ràng là cái trí siêu việt. Trí Ba La Mật có nghĩa là nhập vào Như Lai lực. Hiểu rõ các pháp, giữ vững trung đạo. Sự tu tập trí tuệ và tâm linh của một vị Bồ Tát đến giai đoạn đạt được trí ba la mật, từ đó các ngài thăng tiến tức thời để chuyển thành một vị Phật toàn giác. Độ thứ sáu trong lục độ Ba La Mật, trí huệ Ba La Mật có công năng đưa hành giả đến Niết Bàn. Trí huệ Ba la mật là cửa ngõ đi vào hào quang chư pháp, vì nhờ đó mà chúng ta đoạn trừ tận gốc rễ bóng tối của si mê. Trong các phiền não căn bản thì si mê là thứ phiền não có gốc rễ mạnh nhất. Một khi gốc rễ của si mê bị bật tung thì các loại phiền não khác như tham, sân, chấp trước, mạn, nghi, tà kiến, đều dễ bị bật gốc. Nhờ có trí huệ Ba La Mật mà chúng ta có khả năng dạy dỗ và hướng dẫn những chúng sanh si mê. Để đạt được trí huệ Ba La Mật, hành giả phải nỗ lực quán chiếu về các sự thực vô thường, vô ngã, và nhân duyên của vạn hữu. Một phen đào được gốc vô minh, không những hành giả tự giải thoát tự thân, mà còn có thể giáo hóa và hướng dẫn cho những chúng sanh si mê khiến họ thoát ra khỏi vòng kềm tỏa của sanh tử. Trong tu hành, chư Bồ Tát biết Như Lai trí vô biên nên chẳng dùng chùng ngăn đo lường (chư Bồ Tát biết tất cả văn tự thế gian nói ra đều có chùng ngăn, đều chẳng biết được Như Lai trí huệ).

#### ***II. Mười Điều Biết Hết Tất Cả Các Pháp Không Thừa Sót Của Chư Như Lai:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười điều biết hết tất cả các pháp không thừa sót của chư Như Lai: biết hết tất cả pháp quá khứ không thừa sót; biết hết tất cả pháp vị lai không thừa sót; biết hết tất cả pháp hiện tại không thừa sót; biết hết tất cả pháp ngôn ngữ không thừa sót; biết hết tất cả tâm chúng sanh không thừa sót; biết hết tất cả những phần vị thượng trung hạ thiện căn của chư Bồ Tát không thừa

sót; biết hết tất cả trí viên mãn và công đức của chư Như Lai không thừa sót; biết hết tất cả pháp đều từ duyên khởi không thừa sót; biết hết tất cả đạo thể gian không thừa sót; biết hết tất cả thế giới chung, trong tất cả pháp giới những sự sai biệt như lưới Thiên Đế không thừa sót.

### ***III. Mười Niệm Niệm Xuất Sanh Trí Của Chư Như Lai:***

Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ niệm niệm xuất sanh trí của chư Như Lai. Trong một niệm, tất cả chư Như Lai hay thị hiện vô lượng thế giới, từ cõi trời giáng xuống. Trong một niệm, tất cả chư Như Lai đều hay thị hiện vô lượng thế giới, Bồ Tát thọ sanh. Tất cả chư Như Lai hay thị hiện vô lượng thế giới, xuất gia học đạo. Tất cả chư Như Lai hay thị hiện vô lượng thế giới, dưới cội Bồ Đề thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Tất cả chư Như Lai hay thị hiện vô lượng thế giới chuyển diệu pháp luân. Tất cả chư Như Lai đều hay thị hiện vô lượng thế giới, giáo hóa chúng sanh, cúng dường chư Như Lai. Tất cả chư Như Lai trong một niệm, đều hay thị hiện vô lượng thế giới, bất khả thuyết nhiều loại thân Như Lai. Tất cả chư Phật, trong một niệm, thị hiện vô lượng thế giới, nhiều thứ trang nghiêm, vô số trang nghiêm, tất cả trí tạng tự tại của Như Lai. Tất cả chư Như Lai, trong một niệm, đều thị hiện vô lượng thế giới, vô lượng vô số chúng sanh thanh tịnh. Trong một niệm, tất cả chư Như Lai đều hay thị hiện vô lượng tam thế chư Như Lai, nhiều loại căn tánh, nhiều cách tinh tấn, nhiều thứ hạnh giải, ở trong tam thế thành Chánh Đẳng Chánh Giác.

### ***IV. Mười Nhất Thiết Trí Mà Chư Như Lai Hằng Trụ:***

Theo kinh Hoa nghiêm, Phẩm 38, có mười điều trụ nơi nhứt thiết trí của chư Như Lai. Chư Như Lai ở trong một niệm đều biết tâm tất cả chúng sanh và tâm sở hành trong tam thế. Chư Như Lai ở trong một niệm đều biết tam thế tất cả chúng sanh chứa nhóm các nghiệp và nghiệp báo. Chư Như Lai trong một niệm đều biết tất cả chúng sanh tùy sở nghi mà dùng tam luân giáo hóa điều phục. Điều trụ nơi nhứt thiết trí thứ tư: chư Như Lai ở trong một niệm biết hết pháp giới tất cả chúng sanh chỗ có tâm tướng ở tất cả xứ khắp hiện Như Lai xuất thế, khiến những chúng sanh này đều được phương tiện nhiếp thọ. Chư Như Lai ở trong một niệm tùy khắp tâm nhạo dục giải của tất cả chúng sanh trong pháp giới mà thị hiện thuyết pháp cho họ được điều phục.

Chư Như Lai ở trong một niệm đều biết tâm sở thích của tất cả chúng sanh trong pháp giới mà vì đó hiện thần lực. Chư Như Lai ở trong một niệm khắp tất cả chỗ tùy theo tất cả chúng sanh đáng được hóa độ mà thị hiện xuất thế, vì họ mà nói thân Phật chẳng nên thủ trước. Chư Như Lai ở trong một niệm đến khắp pháp giới tất cả chỗ, tất cả chúng sanh, tất cả lục đạo. Chư Như Lai ở trong một niệm tùy các chúng sanh có ai nhớ tưởng, không chỗ nào mà chư Như Lai không đến. Chư Như Lai ở trong một niệm đều biết chỗ hiểu và ý muốn của tất cả chúng sanh, và vì họ mà thị hiện vô lượng sắc thân.

***V. Mười Điều Chư Như Lai Điều Biết Thực Hành Pháp Tự Tại Vô Nhị:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười điều vô nhị thực hành pháp tự tại của chư Như Lai. Thứ nhất là tất cả chư Như Lai đều hay khéo nói lời thọ ký, quyết định không hai. Thứ nhì là tất cả chư Như Lai đều hay tùy thuận tâm niệm của chúng sanh, làm cho ý họ được thỏa mãn, quyết định không hai. Thứ ba là tất cả chư Như Lai đều hay hiện giác tất cả pháp, diễn thuyết ý nghĩa, quyết định không hai. Thứ tư là tất cả chư Như Lai đều biết tam thế tất cả sát na là một sát na, quyết định không hai. Thứ năm là tất cả chư Như Lai luôn có đầy đủ tam thế Phật trí huệ, quyết định không hai. Thứ sáu là tất cả chư Như Lai đều biết tam thế tất cả cõi Phật, vào một cõi Phật, quyết định không hai. Thứ bảy là tất cả chư Như Lai đều biết tam thế tất cả lời Phật, là một lời Phật, quyết định không hai. Thứ tám là tất cả chư Như Lai đều biết tam thế tất cả chư Phật, cùng tất cả chúng sanh được giáo hóa thể tánh bình đẳng, quyết định không hai. Thứ chín là tất cả chư Như Lai đều biết thế pháp và Phật pháp, tánh không sai khác, quyết định không hai. Thứ mười là tất cả chư Như Lai đều biết tất cả tam thế chư Phật có bao nhiêu thiện căn đều đồng một thiện căn, quyết định không hai.

***VI. Mười Trí Như Lai:***

Theo Phật giáo, có mười trí của chư Như Lai: Tam thế trí; Phật pháp trí; Pháp giới vô ngại trí; Pháp giới vô biên trí; Sung mãn như thiết thế giới trí; Phổ chiếu như thiết thế giới trí; Trụ trì như thiết thế giới trí; Tri như thiết chúng sanh trí; Tri như thiết pháp trí; và Tri vô biên chư Như Lai trí. Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười trí

của chư Như Lai. Thứ nhất là tất cả chư Như Lai biết tất cả pháp không chỗ xu hướng, mà hay xuất sanh hồi hướng nguyện trí. Thứ nhì là tất cả chư Như Lai biết tất cả pháp đều không có thân, mà hay xuất sanh thanh tịnh thân trí. Thứ ba là tất cả chư Như Lai biết tất cả pháp bốn lai không hai, mà hay xuất sanh khả năng giác ngộ trí. Thứ tư là tất cả chư Như Lai biết tất cả pháp vô ngã vô chúng sanh, mà hay xuất sanh điều phục chúng sanh trí. Thứ năm là tất cả chư Như Lai biết tất cả pháp bốn lai vô tướng, mà hay xuất sanh liễu ngộ chư tướng trí. Thứ sáu là tất cả chư Như Lai biết tất cả thế giới không có thành hoại, mà hay xuất sanh liễu ngộ thành hoại trí. Thứ bảy là tất cả chư Như Lai biết tất cả pháp không có tạo tác, mà hay xuất sanh tri quả nghiệp trí. Thứ tám là tất cả chư Như Lai biết tất cả pháp không có ngôn thuyết, mà hay xuất sanh liễu ngôn thuyết trí. Thứ chín là tất cả chư Như Lai biết tất cả pháp không có nhiễm tịnh, mà hay xuất sanh tri nhiễm tịnh trí. Thứ mười là tất cả chư Như Lai biết tất cả pháp không có sanh diệt, mà hay xuất sanh liễu sanh diệt trí.

### ***VII. Mười Trí Lực Của Chư Như Lai:***

Mười đại trí lực của Như Lai hay Như Lai Cụ Túc Thập Lực: Thứ nhất là tri thị xứ phi xứ trí lực; khả năng biết sự lý là đúng hay chẳng đúng. Trong mọi trường hợp, Như Lai có trí lực cho chúng ta biết giữa đúng và sai. Thứ nhì là tri tam thế nghiệp báo Trí lực (Tri Thượng Hạ Trí Lực). Như Lai biết những nhân mà chúng sanh trong tam giới đã gieo trong tam thế và hậu quả của nó. Thứ ba là tri chư Thiên giải thoát Tam muội. Như Lai biết và đã kinh qua tứ thiên, bát giải thoát, và chín giai đoạn tam muội. Thứ tư là tri chúng sanh tâm tánh Trí lực. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực: Trí biết tất cả căn cơ thượng hạ của chúng sanh. Thứ năm là tri chủng chủng giải trí lực; biết được sự hiểu biết của chúng sanh. Như Lai đã đạt đến trạng thái cao nhất, đã vượt ra tam giới, nên Ngài biết rất rõ mọi trạng thái trong đó. Thứ sáu là tri chủng chủng giới trí lực hay biết hết các cảnh giới. Như Lai biết rõ mức độ hiểu biết của từng chúng sanh (chúng sanh nào thông minh lanh lợi, chúng sanh nào căn tánh ám độn). Thứ bảy là tri như thiết sở đạo trí lực; biết hết phần hành hữu lậu của lục đạo. Như Lai biết từng quả vị của con đường tu tập (nếu bạn tu tập tứ diệu đế, thì bạn có thể đắc một trong tứ Thánh quả; nếu bạn tu tập thập nhị nhơn duyên, bạn có thể trở thành Độc giác Phật; nếu bạn tu tập lục Ba la mật, một ngày

nào đó bạn có thể trở thành Bồ Tát). Thứ tám là tri thiên nhãn vô ngại trí lực; thấy biết tất cả sự việc của chúng sanh. Như Lai có thể nhìn thấy một cách tuyệt đối mọi sự mọi vật ngay cả trong những tầng trời cao nhất, vì không có thứ gì có thể cản ngăn được toàn nhãn của Như Lai. Thứ chín là tri túc mạng vô lậu trí lực; biết các đời trước rất xa của chúng sanh. Như Lai biết rất rõ mọi chúng sanh đã từng là cái gì trong đời quá khứ, hoặc trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hay đi về trong hành trình Bồ Tát đạo. Thứ mười là tri vĩnh đoạn tập khí trí lực; biết đoạn hẳn các tập khí. Như Lai đã thấy và đã từ bỏ mọi thói hư tật xấu, và sẽ chẳng bao giờ những vấn đề này có thể trở lại với Ngài.

### *Tathagatas' Wisdom*

#### *I. An Overview of Powers of Understanding:*

In Sanskrit terms, the difference between Buddhi and Jnana is sometimes difficult to point out definitively, for they both signify worldly relative knowledge as well as transcendental knowledge. While Prajna is distinctly pointing out the transcendental wisdom. Transcendental knowledge means entering into the powers of Tathagatas. Knowledge paramita or knowledge of the true definition of all dharmas. The cultivation of the Bodhisattva's intellectual and spiritual journey comes with his ascent to the Jnana Paramita, then immediately preceding his transformation into a fully awakened Buddha. Wisdom which brings men to nirvana, the sixth of the six paramitas. The prajna-paramita is a gate of Dharma-illumination; for with it, we eradicate the darkness of ignorance. Among the basic desires and passions, ignorance has the deepest roots. When these roots are loosened, all other desires and passions, greed, anger, attachment, arrogance, doubt, and wrong views are also uprooted. In order to obtain wisdom-paramita, practitioner must make a great effort to meditate on the truths of impermanence, no-self, and the dependent origination of all things. Once the roots of ignorance are severed, we can not only liberate ourselves, but also teach and guide foolish beings to break through the imprisonment of birth and death. In cultivation, Enlightening Beings know that the knowledge of Tathagatas is boundless and do not try to access it in limited terms (they know that

everything written or said in all words has limitations and cannot comprehend the knowledge of Tathagatas).

***II. Ten Exhaustive Knowledges of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten exhaustive knowledges of all Tathagatas: they know all things of the past exhaustively; they know all things of the future exhaustively; they know all things of the present exhaustively; they know all principles of language exhaustively; they know all sentient beings' minds exhaustively; they know all the various ranks, high, middling, and low of the roots of goodness of Enlightening Beings; they know all Tathagatas' complete knowledge and virtues do not increase or decrease; they know all phenomena come from interdependent origination; they know all world systems exhaustively; they know all the different phenomena in all worlds, interrelated in Indra's net.

***III. Ten Kinds of Instantly Creative Knowledge of the Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of instantly creative knowledge of the Tathagatas. All Tathagatas can, in a single instant, appear to descend from heaven in infinite worlds. All Tathagatas can, in a single instant, manifest birth as Enlightening Beings in infinite worlds. Manifest renunciation of the mundane and study of the way to liberation in infinite worlds. Manifest attainment of true enlightenment under enlightenment trees in infinite worlds. Manifest turning the wheel of the Teaching in infinite worlds. Manifest education of sentient beings and service of the enlightened in infinite worlds. All Tathagatas, in a single instant, manifest untold variety of Tathagata-bodies in infinite worlds. All Tathagatas can, in a single instant, manifest all kinds of adornments in infinite worlds, innumerable adornments, the freedom of the enlightened, and the treasury of omniscience. All Tathagatas can, in a single instant, manifest countless of pure beings in infinite worlds. All Tathagatas can, in a single instant manifest the Tathagatas of past, present and future in infinite worlds with various faculties and characters, various energies, various practical understandings, attaining true enlightenment in the past, present and future.

***IV. Ten Stations of Omniscience of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten stations of omniscience of all Tathagatas. All Tathagatas instantly know the minds and mental patterns of all sentient beings of past, present and future. All Tathagatas instantly know the acts and the resulting consequences of those acts amassed by all sentient beings in the past, present and future. All Tathagatas instantly know the needs of all sentient beings and teach and civilize them by means of correct diagnosis, prescription, and occult influence. The fourth station of omniscience: all Tathagatas instantly know the mental characteristics of all sentient beings in the cosmos, manifest the emergence of Tathagatas in all places and take those beings into their care by expedient means. All Tathagatas instantly manifest expositions of teaching according to the mental inclinations, desires, and understanding of all sentient beings in the cosmos, causing them to become civilized. All Tathagatas instantly know the inclinations of the minds of all sentient beings in the cosmos and manifest spiritual powers for them. All Tathagatas instantly manifest appearance in all places according to all the sentient beings who may be taught, and explain to them that the embodiment of Tathagatas is not graspable. All Tathagatas instantly reach all places in the cosmos, all sentient beings, and their particular paths. All Tathagatas instantly go in response to any beings who think of them, wherever they may be. All Tathagatas know the understanding and desires of all sentient beings and manifest immeasurable physical forms for their benefit.

***V. Ten Kinds of Mastery of Nondual Action of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of mastery of nondual action of all Tathagatas. First, all Tathagatas can speak words of prediction of enlightenment, definitively, without duality. Second, all Tathagatas can satisfy sentient beings according to their wishes, definitely, without duality. Third, all Tathagatas can manifest be awake to all truths and expound their meanings, definitively, without duality. Fourth, all Tathagatas have all the wisdom and knowledge of the Buddhas of past, future and present, definitively, without duality. Fifth, all Tathagatas know that all instants, past, future and present, are one instant, definitely, without duality. Sixth, all

Tathagatas know that all past, future and present Buddha-lands inhere in one Buddha-land, definitively, without duality. Seventh, all Tathagatas know the words of all Tathagatas of all times are the words of one Buddha, definitely, without duality. Eighth, all Tathagatas know that all Buddhas of all times and all the beings they teach are essentially equal, definitely, without duality. Ninth, all Tathagatas know that worldly phenomena and Buddhist principles are essentially not different, definitely, without duality. Tenth, all Tathagatas know that the roots of goodness of all Tathagatas of all times are the same one root of goodness, definitely, without duality.

***VI. Ten Tathagatas' Powers of Understanding or Wisdom:***

According to Buddhism, there are ten kinds of knowledge of all Tathagatas: Perfect understanding of past, present, and future; Perfect understanding of Dharma; Unimpeded understanding of the whole Buddha realm; Unlimited or infinite understanding of Dharma; Understanding of Ubiquity; Understanding of Universal enlightenment; Understanding of omnipotence or universal control; Understanding of omniscience regarding all living beings; Understanding of omniscience regarding laws of universal salvation; and Understanding of omniscience regarding all Buddha's wisdom. According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of knowledge of all Tathagatas. First, all Tathagatas know all things have no aim, yet they can produce knowledge of dedicated undertaking. Second, all Tathagatas know all things have no body, yet they can produce knowledge of pure body. Third, all Tathagatas know all things are fundamentally nondual, yet they can produce knowledge capable of awareness and understanding. Fourth, all Tathagatas know all things have no self and no being, yet they can produce knowledge to civilize beings. Fifth, all Tathagatas know all things fundamentally have no marks, yet they can produce knowledge of all marks. Sixth, all Tathagatas know all worlds have no becoming or decay, yet they can produce knowledge of becoming and decay. Seventh, all Tathagatas know all things have no creation, yet they can produce knowledge of the effect of action. Eighth, all Tathagatas know all things have no verbal explanation, yet they can produce knowledge of verbal explanation. Ninth, all Tathagatas know all things have no defilement



or purity, yet they can produce knowledge of defilement or purity. Tenth, all Tathagatas know all things have no birth or extinction, yet they can produce knowledge of birth and extinction.

***VII.Ten Great Powers of Understanding of a Tathagata:***

The ten great powers of a Tathagata or the ten powers of the Tathagata: First, complete knowledge of what is right or wrong in every condition; the power of knowing from awakening to what is and what is not the case (knowing right and wrong or the power to distinguish right from wrong). In any situation, the Tathagata can tell us if it is according to principle or not; whether something holds good or not (the wisdom power of knowing points of enlightenment and non-enlightenment). Second, complete knowledge of what is the karma of every being past, present and future; the power of knowing karmic retributions throughout the three periods of time (knowing what karmic effects follow from which causes). The Tathagata knows what kinds of causes every living being in the three realms throughout the past, the present and the future has planted, and what retributions each being is receiving as a result (the wisdom power of knowing the karmic retribution of the three periods of time). Third, complete knowledge of all stages of dhyana liberation and samadhi; the power of knowing all dhyanas, liberations and samadhis (knowing the various balanced states, including four dhyanas, eight states of liberation, three samadhi, etc). The Tathagata knows and has experienced the four Dhyanas, eight Liberations, and nine Successive Stages of Samadhi. Fourth, complete knowledge of the powers and faculties of all beings; the power of knowing all faculties whether superior or inferior (knowing the superior or inferior makings of others). The wisdom power of knowing all faculties, whether superior or inferior (superiority or baseness of the roots of all living beings). The Tathagata knows what the basic disposition of every living being is like. Fifth, complete knowledge of the desires or moral direction of every being; the power of knowing the various realms (knowing the desires of others). The Tathagata has already reached the highest states, has transcended the three realms, so he is very clear about all the states within them. Sixth, complete knowledge of actual condition of every individual; the power of knowing the various understanding (knowing the states of others).

The Tathagata knows very distinctly the level of understanding of each living being (intelligent with keen understanding or dull and don't understand). Seventh, complete knowledge of the direction and consequence of all laws; the power of knowing where all paths lead (knowing the destinations of others, either nirvana or hell). The Tathagata knows the fruit obtained through each way of cultivation (if you practice the four noble truths, you can certify to the four fruits of Arhatship; if you practice the twelve links of conditioned origination, you can become an Enlightened One to conditions; if you practice the six paramitas, you can become a Bodhisattva someday). Eighth, complete knowledge of all causes of mortality and of good and evil in their reality; the power of knowing through the heavenly eye without obstruction (knowing the past). The Tathagata can see absolutely everything, even up to the highest heavens, for nothing can obstruct the Buddha's perfect eyes. Ninth, complete knowledge of remote lives of all beings, the end of all beings and nirvana; the power of knowing previous lives without outflows (Tathagata-power to know life and death, or all previous transmigrations). The Tathagata knows very clearly what every living being was in its past lives; whether it was in an animal, hungry ghost, hell, or whether it is a returning Bodhisattva. Tenth, complete knowledge of the destruction of all illusion of every kind; the power of knowing from having cut off all habits forever (knowing how to end excesses). The Tathagata has already seen through all habits and put them down, and will never have any of those problems again.

**Chương Bốn Mười Một**  
**Chapter Forty-One**

***Thần Thông Của Chư Như Lai***

Thần thông mà chư Như Lai hay chư A La Hán đạt được qua tứ thiền. Có được nghiệp thông là nhờ công đức tu hành trong nhiều đời trước (chư Thiên Long Hộ Pháp, chư Bồ Tát, chư Thiên đều dựa vào túc nghiệp tu hành của những đời trước mà có được sức thần thông). Thần thông là sức mạnh kỳ diệu bao gồm sự hiểu biết, kỹ xảo, thông minh, trí nhớ, vân vân. Thần thông là những thứ mà sự tưởng tượng của xã hội văn minh trần tục hiện nay cho là phi thường, hay những thứ mà sự tưởng tượng trong các tôn giáo phương tây cho là siêu nhiên; thần lực đạt được bằng trí tuệ sáng suốt và không thể nghĩ bàn. Thiền không thiếu những yếu tố siêu nhiên, và Thiền cũng có những chuyện thần bí và đưa ra các truyện làm phép lạ như các tôn giáo khác. Nhưng Thiền không bao giờ khoa trương những thành tích của mình, cũng chẳng bao giờ tăng bốc những thần thông để đề cao giáo lý của mình. Trái lại, truyền thống Thiền đã biểu lộ một cách hiển nhiên thái độ khinh thị đối với thần thông. Thiền không mong cầu mà cũng chẳng quan tâm đến bất cứ loại thần thông nào. Điều mà Thiền thật sự quan tâm đến là sự liễu tri và chứng ngộ cái huyền diệu của tất cả những huyền diệu, cái Pháp thân bất khả tư nghì mà chúng ta có thể tìm thấy ở tất cả mọi chỗ và vào tất cả mọi thời. Điều này được biểu lộ rõ rệt trong lời nói của Bàn Long Uẩn khi ông nói: "Thần thông cùng diệu dụng, gánh củi và xách nước." Thật vậy, nhiều công án chứng tỏ thái độ khinh thị đối với thần thông mà Thiền chủ trương. Thiền chẳng những không khuyến khích các môn đồ tìm kiếm các thần thông này mà còn cố phá hủy chúng nếu có thể, bởi vì Thiền xem những 'thần thông', 'khải tượng' và 'khải thị' là những trò vui đùa đố người ta lạc ra khỏi chánh đạo. Mặc dầu Thiền chế điều và không ưa những hành động làm phép lạ và thần thông, các thiền sư đã đặc pháp tuyệt nhiên không phải là không có khả năng làm những thứ đó. Họ có thể làm nếu họ cho là cần thiết cho một mục đích xứng đáng. Những thần thông này chỉ là cái phó sản tất nhiên của thực ngộ. Một người ngộ hoàn toàn phải có chúng nếu không cái ngộ của người ấy nhiều nhất chỉ có thể coi là mới được phần nào thôi. Theo Kinh Hoa Nghiêm, đức

Như Lai có mười thần thông lực, Ngài có thể hóa thành tất cả những điều kỳ lạ ấy bằng cách nhập vào tam muội: gia lực trì (năng lực ban bố cho Bồ Tát để thành tựu mục đích của đời sống), thần thông lực (năng lực tạo ra các phép lạ), uy đức lực (năng lực chế ngự), bổn nguyện lực, túc thế thiện căn lực (năng lực của những thiện căn trong đời trước), thiện tri thức nhiếp thọ lực (năng lực tiếp đón hết thảy bạn tốt), thanh tịnh tín trí lực (năng lực của tín và trí thanh tịnh), đại minh giải lực (năng lực thành tựu một tín giải vô cùng sáng suốt), thú hưởng Bồ Đề thanh tịnh tâm lực (năng lực làm thanh tịnh tâm tưởng của Bồ Tát), và cầu nhất thiết trí quảng đại nguyện lực (năng lực khiến nhiệt thành hướng tới nhất thiết trí và các đại nguyện).

### *Spiritual Powers of the Tathagata*

Supernatural or universal powers acquired by a Tathagata, also by an arhat through the fourth degree of dhyana. Supernatural powers that have been acquired as karma by demons, spirits, nagas, etc. Supernatural powers obtained from former karma, one of the five supernatural powers. Miracle powers include knowing, skillful, clever, understanding, conversant with, remembrance, recollection. Miracles mean ubiquitous supernatural power, psychic power, high powers, supernormal knowledges, or superknowledge. Miraculous Powers are what the Western religious imagination would regard as miraculous or supernatural, attainable only through penetrating insight. Zen is not lacking in supernatural elements, and that it shares miracle stories and wonder-working claims with other religions. But Zen never boasts about its achievements, nor does it extol supernatural powers to glorify its teachings. On the contrary, the tradition of Zen has shown unmistakably its scornful attitude towards miracle working. Zen does not court or care about miraculous powers of any sort. What it does care about is the understanding and realization of that wonder of all wonders, the indescribable Dharmakaya which can be found in all places and at all times. This was clearly demonstrated in the words of Pang-lung Wen when he said, "To fetch water and carry wood are both miracle." In fact, many koans prove the disdainful attitude towards supernatural powers that Zen has adopted. Zen not only discourages its followers from seeking these powers, but also tries to demolish such

powers if it can, because it considers all these 'powers', 'visions', and 'revelations' to be distractions that often lead one astray from the right path. Despite all their mockery and dislike of wonder-working acts and supernatural powers, the accomplished Zen masters were by no means incapable of performing them. They could do so if they deemed it necessary for a worthwhile purpose. These miracle powers are simply the natural by-products of true Enlightenment. A perfectly enlightened being must possess them, otherwise his Enlightenment can at most be considered as only partial. According to the Avatamsaka Sutra, the Tathagata has ten spiritual powers. He can achieve all these wonders by merely entering into a certain Samadhi: the sustaining and inspiring power which is given to the Bodhisattva to achieve the aim of his life; the power of working miracles; the power of ruling; the power of original vow; the power of goodness practiced in his former lives; the power of receiving good friends; the power of pure faith and knowledge; the power of attaining a highly illuminating faith; the power of purifying the thought of the Bodhisattva; and the power of earnestly walking towards all-knowledge and original vows.



## **Chương Bốn Mươi Hai** **Chapter Forty-Two**

### **Những Thứ Vô Lượng Của Chư Như Lai**

#### ***I. Năm Thứ Vô Lượng:***

Trong Phật giáo, có năm thứ vô lượng hay còn gọi là Ngũ Vô Lượng: Phật Bảo Sanh với Vô lượng thân; Phật A Súc Bệ với Vô lượng Tâm; Phật A Di Đà hay Vô Lượng Thọ Phật với Vô Lượng Trí Huệ; Phật Tỳ Lô Giá Na với Vô Lượng Hư Không; và Phật Bất Không hay Ly Bồ Úy Phật với Vô Lượng chúng sanh.

#### ***II. Mười Vô Lượng Trăm Ngàn Vô Số Sự Mà Sự Xuất Hiện của Đức Như Lai Được Thành Tựu:***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Ly Thế Gian (38), có mười vô lượng trăm ngàn vô số sự được thành tựu khi có sự xuất hiện của Đức Như Lai. Vô lượng a tăng kỳ pháp môn viên mãn như vậy mà thành tựu Như Lai. Thứ nhất do quá khứ vô lượng Bồ Đề Tâm nhiếp thọ tất cả chúng sanh mà sự xuất hiện của Đức Như Lai được thành tựu. Thứ nhì do quá khứ vô lượng chí nguyện thanh tịnh thù thắng mà sự xuất hiện của Đức Như Lai được thành tựu. Thứ ba do quá khứ vô lượng đại từ đại bi cứu hộ tất cả chúng sanh mà thành tựu. Thứ tư do quá khứ vô lượng hạnh nguyện tương tục mà thành tựu. Thứ năm do quá khứ vô lượng tu các phước trí tâm không nhàm đủ mà thành tựu. Thứ sáu do quá khứ vô lượng cúng dường chư Phật giáo hóa chúng sanh mà thành tựu. Thứ bảy do quá khứ vô lượng trí huệ phương tiện thanh tịnh đạo mà thành tựu. Thứ tám do quá khứ vô lượng thanh tịnh công đức tạng mà thành tựu. Thứ chín do quá khứ vô lượng trang nghiêm đạo trí mà thành tựu. Thứ mười do quá khứ vô lượng thông đạt pháp nghĩa mà thành tựu.

#### ***III. Mười Vô Lượng Bất Tư Nghì Pháp Viên Mãn Của Chư Như Lai:***

Mười thứ vô lượng bất tư nghì Phật pháp viên mãn của chư Phật theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33. Thứ nhất là chư Phật mỗi tướng thanh tịnh đều đủ trăm phước. Thứ nhì là chư Phật thấy đều thành tựu Phật pháp. Thứ ba là chư Phật thấy đều thành tựu tất cả thiện căn. Thứ

tư là chư Phật thấy đều thành tựu tất cả công đức. Thứ năm là chư Phật đều hay giáo hóa tất cả chúng sanh. Thứ sáu là chư Phật đều hay vì tất cả chúng sanh mà làm chủ. Thứ bảy là chư Phật đều thành tựu cõi Phật thanh tịnh. Thứ tám là chư Phật đều thành tựu như thiết chủng trí. Thứ chín là chư Phật đều thành tựu sắc thân tướng hảo, người thấy thân Phật đều được lợi ích, công chẳng lường lường. Pháp vô lượng bất tư nghì viên mãn thứ mười. Chư Phật đều đủ đầy chánh pháp bình đẳng. Chư Phật sau khi xong Phật sự, chẳng có Đức Phật nào chẳng nhập Niết bàn.

#### ***IV. Mười Vô Lượng Của Âm Thanh Của Đức Như Lai:***

Theo kinh Hoa Nghiêm, âm thanh của Đức Như Lai có mười thứ vô lượng. Thứ nhất, âm thanh của đức Như Lai như Hư Không giới vô lượng vì âm thanh ấy trải khắp mọi nơi. Thứ nhì, âm thanh của đức Như Lai như Pháp Giới vô lượng, vì không chỗ nào mà âm thanh ấy chẳng khắp. Thứ ba, âm thanh của đức Như Lai như chúng sanh giới vô lượng, vì âm thanh ấy khiến tất cả tâm hoan hỷ. Thứ tư, âm thanh của đức Như Lai như các nghiệp vô lượng, vì âm thanh ấy giải thích quả báo của nghiệp. Thứ năm, âm thanh của đức Như Lai như vô lượng phiền não vì âm thanh ấy có khả năng diệt trừ mọi phiền não. Thứ sáu, âm thanh của đức Như Lai như ngôn âm của chúng sanh vô lượng, vì tùy theo sự hiểu biết của chúng sanh mà làm cho nghe được. Thứ bảy, âm thanh của đức Như Lai như dục dục giải của vô lượng chúng sanh, vì âm thanh ấy quán sát cứu độ khắp chúng sanh. Thứ tám, âm thanh của đức Như Lai như tam thế vô lượng vì âm thanh ấy vô biên tế (không có giới hạn). Thứ chín, âm thanh của đức Như Lai như trí huệ vô lượng vì âm thanh ấy phân biệt tất cả. Thứ mười, âm thanh của đức Như Lai như Phật cảnh giới vô lượng, vì âm thanh ấy nhập vào Như Lai pháp giới.

### ***Tathagatas' Immeasurables***

#### ***I. The Five Infinites or Immeasurables:***

In Buddhism, there are five infinites or immeasurables: Ratnasambhava Buddha with Immeasurable bodies; Aksobhya Buddha with Immeasurable Minds; Amitabha Buddha or Infinite-Life Buddha



with Immeasurable Wisdom; Vairocana Buddha with Immeasurable Space; and Amoghasiddhi Buddha with all the living.

***II. Ten Infinities of Things That the Manifestation of Tathagata Can Be Accomplished:***

According to the Flower Ornament Scripture, Chapter 38, Manifestation of Buddha, there are ten infinities of things that the manifestation of Buddha can be accomplished. When these infinite, incalculable aspects of the Teaching are fulfilled, one becomes a Buddha. First, the manifestation of Buddha is accomplished by the mind of enlightenment in the past that took care of infinite sentient beings. Second, it is accomplished by the infinite supreme aspiration of the past. Third, it is accomplished by great benevolence and compassion, which infinitely saved all sentient beings in the past. Fourth, it is accomplished by infinite continuous commitments of the past. Fifth, it is accomplished by infinite cultivation of virtues and knowledge tirelessly in the past. Sixth, it is accomplished by infinite service of Buddhas and education of sentient beings in the past. Seventh, it is accomplished by infinite pure paths of wisdom and means in the past. Eighth, it is accomplished by infinite pure virtues of the past. Ninth, it is accomplished by infinite ways of adornment in the past. Tenth, it is accomplished by infinite comprehensions of principles and meanings in the past.

***III. Ten Kinds of Measureless, Inconceivable Ways of Fulfillment of Buddhahood of all Tathagatas:***

Ten kinds of measureless, inconceivable ways of fulfillment of Buddhahood of all Tathagatas according to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33. First, the pure features of all Buddhas each contain a hundred blessings. Second, all Buddhas accomplish all Buddha teachings. Third, all Buddhas perfect all roots of goodness. Fourth, all Buddhas perfect all virtuous qualities. Fifth, all Buddhas can teach all sentient beings. Sixth, all Buddhas can be leaders of sentient beings. Seventh, all Buddhas perfect pure Buddha-lands. Eighth, all Buddhas achieve omniscient knowledge. Ninth, all Buddhas develop the physical marks and refinements of goodness; all who see them benefit, this effort is not in vain. The tenth kind of measureless, inconceivable

ways of fulfillment of Buddhahood of all Buddhas. All Buddhas are imbued with the impartial reality of enlightened ones. All Buddhas after having done their Buddha-work, manifest entry into nirvana.

***IV. Ten Kinds of Infinity of The Tathagata's Voice:***

According to the Buddha in The Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of infinity of the Tathagata's voice. First, the Tathagata's voice is as infinite as the realm of space because it extends to all places. Second, it is as infinite as the cosmos because it pervades everywhere. Third, it is as infinite as the realm of sentient beings because it gladdens all hearts. Fourth, it is as infinite as all acts because it explains their results and consequences. Fifth, it is as infinite as afflictions because it removes them all. Sixth, it is as infinite as the speech of sentient beings because it enables them to hear according to their understanding. Seventh, it is as infinite as the inclinations and understandings of sentient beings because it observes them all to rescue and liberate them. Eighth, it is as infinite as past, present and future because it has no boundaries. Ninth, it is as infinite as knowledge because it distinguishes everything. Tenth, it is as infinite as the realm of Tathagata-hood because it enters the cosmos of reality of Tathagata-hood.

**Chương Bốn Mười Ba**  
**Chapter Forty-Three**

**Những Thứ Vô Nhị Của Chư Như Lai**

**I. Tổng Quan Về Vô Nhị Theo Quan Điểm Phật Giáo:**

Vô nhị hay không hai là trọng tâm của học thuyết Đại Thừa. Tính không hai hay không khác biệt về luân hồi và niết bàn. Theo Tâm Kinh, khi ngài Bồ Tát Quán Thế Âm nói sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Các uẩn khác lại cũng như vậy, cũng chẳng khác không và không cũng chẳng khác các uẩn. Bởi vậy, luân hồi và niết bàn, các uẩn và tính không, các hiện tượng và những cái vô điều kiện, cái có điều kiện và siêu đẳng, tất cả đều là những khả năng xen lẫn nhau, chúng đều tương đối với nhau, chúng đều không hiện hữu độc lập. Thật vậy, vì chúng tương đối với nhau, nên mỗi thứ tuyệt nhiên đều không thật và huyễn. Cho nên tính hai mặt của luân hồi sanh tử và niết bàn bị hủy bỏ trong cái nhìn của “tánh không” hay “huyễn”. Tánh không chính là con đường bên ngoài các thái cực, ngay cả thái cực về luân hồi và niết bàn.

**II. Mười Điều Vô Nhị Thực Hành Pháp Tự Tại Của Chư Như Lai:**

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33), có mười điều vô nhị thực hành pháp tự tại của chư Như Lai. Thứ nhất, tất cả chư Như Lai đều hay khéo nói lời thọ ký, quyết định không hai. Thứ nhì, tất cả chư Như Lai đều hay tùy thuận tâm niệm của chúng sanh, làm cho ý họ được thỏa mãn, quyết định không hai. Thứ ba, chư Như Lai đều hay hiện giác tất cả pháp, diễn thuyết ý nghĩa, quyết định không hai. Thứ tư, chư Như Lai luôn có đầy đủ tam thế Phật trí huệ, quyết định không hai. Thứ năm, chư Như Lai đều biết tam thế tất cả sát na là một sát na, quyết định không hai. Thứ sáu, chư Như Lai đều biết tam thế tất cả cõi Phật, vào một cõi Phật, quyết định không hai. Thứ bảy, chư Như Lai đều biết tam thế tất cả lời Phật, là một lời Phật, quyết định không hai. Thứ tám, chư Như Lai đều biết tam thế tất cả chư Như Lai, cùng tất cả chúng sanh được giáo hóa thể tánh bình đẳng, quyết định không hai. Thứ chín, chư Như Lai đều biết thế pháp và Như Lai pháp, tánh không sai khác, quyết định không hai. Thứ mười, chư Như Lai đều biết tất cả tam

thế chư Như Lai có bao nhiêu thiện căn đều đồng một thiện căn, quyết định không hai.

### ***Tathagatas' Non-Dual Actions***

#### ***I. An Overview of Non-Duality In Buddhist Point of View:***

The nonduality is the central Mahayana doctrine. The nonduality or non-differentiation of samsara and nirvana. According to the Heart Sutra, Avalokitesvara Bodhisattva says that form is not different from emptiness and emptiness is not different from form. The other aggregates, too, are not different from emptiness, and emptiness is not different from the aggregates. Thus samsara and nirvana, the aggregates and emptiness, phenomena and conditioned, the conditioned and the transcendental are all alternatives that are relative to each other. They have no independent existence. Indeed, because they are relative to each other, they are, each of them, ultimately unreal and empty. Hence the duality of samsara and nirvana is dissolved in the vision of emptiness. Emptiness is the way out of all extremes, even the extremes of samsara and nirvana.

#### ***II. Ten Kinds of Mastery of Nondual Action of All Tathagatas:***

According to the Flower Adornment Sutra, there are ten kinds of mastery of nondual action of all Tathagatas. First, all Tathagatas can speak words of prediction of enlightenment, definitively, without duality. Second, all Tathagatas can satisfy sentient beings according to their wishes, definitely, without duality. Third, all Tathagatas can manifest be awake to all truths and expound their meanings, definitively, without duality. Fourth, all Tathagatas have all the wisdom and knowledge of the Buddhas of past, future and present, definitively, without duality. Fifth, all Tathagatas know that all instants, past, future and present, are one instant, definitely, without duality. Sixth, all Tathagatas know that all past, future and present Buddha-lands inhere in one Buddha-land, definitively, without duality. Seventh, all Tathagatas know the words of all Buddhas of all times are the words of one Tathagata, definitively, without duality. Eighth, all Tathagatas know that all Tathagatas of all times and all the beings they teach are essentially equal, definitively, without duality. Ninth, all Tathagatas

know that worldly phenomena and Buddhist principles are essentially not different, definitely, without duality. Tenth, all Tathagatas know that the roots of goodness of all Buddhas of all times are the same one root of goodness, definitely, without duality.



**Chương Bốn Mươi Bốn**  
**Chapter Forty-Four**

**Phàm Nhân Tán Thán Như Lai**

**I. Phàm Nhân Tán Thán Như Lai ở Những Điều Nhỏ:**

Theo Kinh Phạm Võng trong Trường Bộ Kinh, kể phàm phu tán thán Như Lai vì những tiểu giới nhỏ nhất không quan trọng. Thứ nhất, sa môn Cồ Đàm từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh. Thứ nhì, từ bỏ đao kiếm, biết tầm quý, có lòng sống từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Thứ ba, sa môn Cồ Đàm từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sự sống thanh tịnh không có trộm cướp. Thứ tư, sa môn Cồ Đàm từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Thứ năm, sa môn Cồ Đàm từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Thứ sáu, sa môn Cồ Đàm từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa môn Cồ Đàm sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Thứ bảy, sa môn Cồ Đàm từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, mà chỉ nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người. Thứ tám, sa môn Cồ Đàm từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có hệ thống và mạch lạc, có ích lợi. Thứ mười, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch. Thứ chín, sa môn Cồ Đàm không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ; sa môn Cồ Đàm dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời. Thứ mười một, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Thứ mười hai, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn. Thứ mười ba, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không nhận vàng

bạc. Thứ mười bốn, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không nhận các hạt giống. Thứ mười lăm, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không nhận thịt sống. Thứ mười sáu, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không nhận đàn bà con gái. Thứ mười bảy, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai. Thứ mười tám, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không nhận cừu và dê, gà và heo, voi, bò, ngựa, và ngựa cái. Thứ mười chín, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không nhận ruộng đất. Thứ hai mươi, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không phá người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Thứ hai mươi hai, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không buôn bán. Thứ hai mươi hai, sa môn Cồ Đàm từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Thứ hai mươi ba, sa môn Cồ Đàm từ bỏ cá tánh tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Thứ hai mươi bốn, sa môn Cồ Đàm từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

## ***II. Phàm Nhân Tán Thán Như Lai Ở Những Điều Trung Bình:***

Theo Kinh Phạm Võng trong Trường Bộ Kinh, phàm phu thường tán thán Như Lai vì những thành tựu trung giới. Thứ nhất, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối. Như các hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ nhánh cây sanh, hạt giống từ đất sanh, hạt giống từ chiết cây sanh, và hạt giống từ hạt cây sanh. Còn Sa Môn Cồ Đàm thì không làm hại hột giống hay cây cối nào. Thứ nhì, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật, Như cất chứa các món ăn, đồ uống, vải, xe cộ, đồ nằm, hương liệu, và mỹ vị. Còn sa môn Cồ Đàm thì từ bỏ không cất chứa các vật trên. Thứ ba, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chân chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cú, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc, đàn trận, thao dượt, diễn binh. Còn Sa môn Cồ Đàm thì từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên. Thứ tư, trong khi một số Sa môn, Bà La Môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quảng thẻ rồi chụp nhưng không cho



sụp đống thẻ, chơi súc sắc, chơi khăn, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn sa môn Cổ Đàm thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Thứ năm, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lâu che phía trên, ghế dài có đồ gối chân màu đỏ. Còn Sa môn Cổ Đàm thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Thứ sáu, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn, đầu đã dùng các món cúng dường của tín thí, cũng vẫn sống dùng các đồ mỹ phẩm. Như thoa dầu, đắp bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng đeo tay, tóc giả, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phát trần, vải trắng có viền tu dài. Còn Sa môn Cổ Đàm thì từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Thứ bảy, trong khi một số Sa môn, Bà La Môn, đầu đã dùng các món đồ ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, binh lính, câu chuyện hã hù, chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, đồ uống, vải mặc, giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, hương liệu, câu chuyện về bà con, xe cộ, làng xóm, thị tứ, thành phố, quốc độ, câu chuyện về đàn bà, đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn Sa môn Cổ Đàm thì từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Thứ tám, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: ‘Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này.’ ‘Sao người có thể biết pháp và luật này?’ ‘Người đã phạm vào tà kiến, ta mới thật đúng

chánh kiến; lời nói của ta mới tương ứng, lời nói của người không tương ứng; những điều đáng nói trước người lại nói sau; những điều đáng nói sau người lại nói trước;’ ‘chủ kiến của người đã bị bài bác;’ ‘câu nói của người đã bị thách đấu;’ ‘người đã bị thuyết bại.’ ‘Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí.’ Còn Sa môn Cồ Đàm thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. Thứ chín, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn dẫu đã dùng các đồ ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới, như cho các vua chúa, đại thần, các vị Sát Đế Lợi, Bà La Môn, gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: “Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia.” Còn Sa môn Cồ Đàm thì từ bỏ không cho đưa các tin tức và tự đứng làm môi giới. Thứ mười, trong khi một số Sa môn, Bà La Môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh như trên.

### ***III. Phàm Nhân Tán Thán Như Lai Ở Những Điều Lớn:***

Theo Kinh Phạm Võng trong Trường Bộ Kinh, phàm phu thường tán thán Như Lai vì Như Lai thành tựu đại giới. Thứ nhất, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muối, dùng miệng phun hột cải, v.v... vào lửa, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thực tô, tế dầu, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn Sa môn Cồ Đàm thì tránh xa những tà hạnh kể trên. Thứ nhì, trong khi một số Sa môn, Bà La Môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống mình bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn Sa môn Cồ Đàm thì từ bỏ những tà mạng

kể trên. Thứ ba, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân, vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái, vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. Còn Sa môn Cồ Đàm thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Thứ tư, trong khi một số Sa môn, Bà La Môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực, mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. Còn Sa môn Cồ Đàm thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng những tà mạng kể trên. Thứ năm, trong khi một số sa môn, Bà La Môn, dầu đã dùng các món đồ ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình. Còn Sa môn Cồ Đàm tránh xa các tà hạnh kể trên. Thứ sáu, trong khi một số Sa môn, Bà La Môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng. Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu dùng, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú để làm công lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay

xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn Sa môn Cồ Đàm tránh xa các tà mạng kể trên. Thứ bảy, trong khi một số Sa Môn, Bà La Môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc xịt qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn Sa môn Cồ Đàm tránh xa các tà mạng kể trên.

### ***Ordinary People Praise Tathagatas***

#### ***I. Ordinary People Praise Tathagatas for Elementary Matters:***

According to the Brahmajala Sutta in the Long Discourses of the Buddha, ordinary people would praise the Tathagata for elementary, inferior matters of moral practice. First, abandoning the taking of life, the ascetic Gotama dwells refraining from taking life. Second, without stick or sword, scrupulous, compassionate, trembling for the welfare of all living beings. Third, abandoning from taking what is not given, the ascetic Gotama dwells refraining from taking what is not given, living purely, accepting what is given, awaiting what is given, without stealing. Fourth, abandoning unchastity, the ascetic Gotama lives far from it, aloof from the village-practice of sex. Fifth, abandoning false speech, the ascetic Gotama dwells refraining from false speech, a truth-speaker, one to be relied on, trustworthy, dependable, not a deceiver of the world. Sixth, abandoning malicious speech, he does not repeat there what he has heard here to the detriment of these, or repeat what he has heard there to the detriment of those. Thus he is a reconciler of those at variance and an encourager of those at one, rejoicing in peace, loving it, delighting in it, one who speaks up for peace. Seventh, abandoning harsh speech, he refrains from it. He

speaks whatever is blameless, pleasing to the ear, agreeable, reaching the heart, urbane, pleasing and attractive to the multitude. Eighth, abandoning idle chatter, he speaks at the right time, what is correct and to the point, of Dhamma and discipline. He is a speaker whose words are to be treasured, seasonable, reasoned, well-defined and connected with the goal. Ninth, the ascetic Gotama is a refrainer from damaging seeds and crops. He eats once a day and not at night, refraining from eating at improper times. Tenth, the ascetic Gotama avoids watching dancing, singing, music and shows. Eleventh, the ascetic Gotama abstains from using garlands, perfumes, cosmetics, ornaments and adornments. Twelfth, the ascetic Gotama avoids using high or wide beds. Thirteenth, the ascetic Gotama avoids accepting gold and silver. Fourteenth, the ascetic Gotama avoids accepting raw grain. Fifteenth, the ascetic Gotama avoids accepting raw flesh. Sixteenth, the ascetic Gotama does not accept women and young girls. Seventeenth, the ascetic Gotama does not accept male or female slaves. Eighteenth, the ascetic Gotama does not accept sheep and goats, cocks and pigs, elephants, cattle, horses and mares. Nineteenth, the ascetic Gotama does not accept fields and plots. Twentieth, the ascetic Gotama refrains from running errands. Twenty-first, the ascetic Gotama refrains from buying and selling. Twenty-second, the ascetic Gotama refrains from cheating with false weights and measures. Twenty-third, the ascetic Gotama refrains from bribery and corruption, deception and insincerity. Twenty-fourth, the ascetic Gotama refrains from wounding, killing, imprisoning, highway robbery, and taking food by force.

***II. Ordinary People Often Praise the Tathagata for These Average Matters:***

According to the Brahmajala Sutta in the Long Discourses of the Buddha, ordinary people often praise the Tathagata for these average matters. Whereas, some ascetics and Brahmins, feeding on the food of the faithful, are addicted to the destruction of such seeds as are propagated from roots, from stems, from joints, from cuttings, from seeds, the ascetic Gotama refrains from such destruction. Whereas some ascetics and Brahmins, feeding on the food of the faithful, remain addicted to the enjoyment of stored-up goods such as food, drink, clothing, carriage, beds, perfumes, meat, the ascetic Gotama refrains

from such enjoyment. Whereas some ascetics and Brahmins remain addicted to attending such shows as dancing, singing, music, displays, recitations, hand-music, cymbals and drums, fairy shows, acrobatic and conjuring tricks, combats of elephants, buffaloes, bulls, goats, rams, cocks and quail, fighting with staves, boxing, wrestling, sham-fights, parades, manoeuvres and military reviews, the ascetic Gotama refrains from such displays. Whereas some ascetics and Brahmins remain addicted to such games and idle pursuits as eight-or ten-row chess, chess in the air, hopscotch, spillikins, dicing, hitting sticks, hand-pictures, ball-games, blowing through toy pipes, playing with toy ploughs, turning someersaults, playing with toy windmills, measures, carriages and bows, guessing letters, guessing thoughts, mimicking deformities, the ascetic Gotama refrains from such idle pursuit. Whereas some ascetics and Brahmins remain addicted to high and wide beds and long chairs, couches adorned with animal figures, fleecy or variegated coverlets, coverlets with hair on both sides or one side, silk coverlets, embroidered with gems or without, elephant-rugs, horse-rugs, or chariot-rugs, choice spreads of antelope-hide, couches with awnings, or with red cushions at both ends, the ascetics Gotama refrains from such high and wide beds. Whereas some ascetics and Brahmins remain addicted to such forms of self-adornment and embellishment as rubbing the body with perfumes, massaging, bathing in scented water, shampooing, using mirrors, ointments, garlands, scents, unguents, cosmetics, bracelets, headbands, fancy sticks, bottles, swords, sunshades, decorated sandals, turbans, gems, yak-tail fans, long-fringed white robes, the ascetic Gotama refrains from such self-adornment. Whereas some ascetics and Brahmins remain addicted to such unedifying conversation as about kings, robbers, ministers, armies, dangers, wars, food, drink, clothes, beds, garlands, perfumes, relatives, carriages, villages, towns, and cities, countries, women, heroes, street gossip and well gossip, talk of the departed, desultory chat, speculations about land and sea, talk about being and non-being, the ascetic Gotama refrains from such conversation. Whereas some ascetics and Brahmins remain addicted to disputation such as: 'You don't understand this doctrine and discipline—I do!' 'How could you understand this doctrine and discipline?' 'Your way is all wrong—Mine is right!' 'I am consistent-- you aren't!' 'You said last what you have

said first, and you said first what you should have said last!’ ‘What you took so long to think up has been refuted!’ ‘Your argument has been overthrown, you’re defeated!’ ‘Go on, save your doctrine – get out of that if you can!’ The ascetic Gotama refrains from such disputation. Whereas some ascetics and Brahmins remain addicted to such things as running errands and messages, such as for kings, ministers, nobles, Brahmins, householders and young men who say: “Go here – go there! Take this there–bring that from there!’ The ascetic Gotama refrains from such errand-running. Whereas some ascetics and Brahmins remain addicted to deception, patter, hinting, belittling, and are always on the make for further gains, the ascetic Gotama refrains from such deception.

### ***III. Ordinary People Would Praise the Tathagata for His Superiority of Morality:***

According to the Brahmajala Sutta in the Long Discourses of the Buddha, ordinary people would praise the Tathagata for his superiority of morality. First, whereas some ascetics and Brahmins, feeding on the food of the faithful, make their living by such base arts, such wrong means of livelihood as palmistry, divining signs, portents, dreams, body-marks, mouse-gnawings, fire-oblations, oblations from a ladle, of husks, rice-powder, rice-grains, ghee or oil, from the mouth or of blood, reading the finger-tips, house-lore and garden-lore, skill in charm, ghost-lore, earth-house lore, snake-lore, poison-lore, rat-lore, bird-lore, crow-lore, foretelling a person’s life-span, charms against arrows, knowledge of animals’ cries, the ascetic Gotama refrains from such base arts and wrong means of livelihood. Second, whereas some ascetics and Brahmins make their living by such base arts as judging the marks of gems, sticks, clothes, swords, spears, arrows, weapons, women, men, boys, girls, male and female slaves, elephants, horses, buffaloes, bulls, cows, goats, rams, cocks, quail, iguanas, bamboo-rats, tortoises, deer, the ascetic Gotama refrains from such base arts. Third, whereas some ascetics and Brahmins make their living by such base arts as predicting: ‘the chiefs will march out. The chiefs will march back,’ ‘Our chiefs will advance and other chiefs will retreat,’ ‘Our chiefs will win and the other chiefs will lose,’ ‘The other chiefs will win and ours will lose,’ ‘Thus there will be victory for one side and

defeat for the other,' the ascetic Gotama refrains from such base arts. Fourth, whereas some ascetics and Brahmins make their living by such base arts as predicting an eclipse of the moon, the sun, a star; that the sun and moon will go on their proper course – will go astray; that a star will go on its proper course – will go astray; that there will be a shower of meteors, a blaze in the sky, an earthquake, thunder; a rising, setting, darkening, brightening of the moon, the sun, the stars; and 'such will be the outcome of these things,' the ascetic Gotama refrains from such base arts and wrong means of livelihood. Fifth, whereas some ascetics and Brahmins make their living by such base arts as predicting good or bad rainfall; a good or bad harvest; security, danger, disease, health; or accounting, computing, calculating, poetic composition, philosophising, the ascetic Gotama refrains from such base arts and wrong means of livelihood. Sixth, whereas some ascetics and Brahmins make their living by such base arts as arranging the giving and taking in marriage, engagements and divorces; declaring the time for saving and spending, bringing good or bad luck, procuring abortions, using spells to bind the tongue, binding the jaw, making the hands jerk, causing deafness, getting answers with a mirror, a girl-medium, a deva; worshipping the sun or Great Brahma, breathing fire, invoking the goddess of luck, the ascetic Gotama refrains from such base arts and wrong means of livelihood. Seventh, whereas some ascetics and Brahmins, feeding on the food of the faithful, make their living by such base arts, such wrong means of livelihood as appeasing the devas and redeeming vows to them, making earth-house spells, causing virility or impotence, preparing and consecrating building-sites, giving ritual rinsing and bathings, making sacrifices, giving emetics, purges, expectorants and phlegmagogues, giving ear-medicine, eye-medicine, and nose-medicine, ointments and counter-ointments, eye-surgery, surgery, pediatry, using balms to counter the side-effects of previous remedies, the ascetic Gotama refrains from such base arts and wrong means of livelihood.



*Phần Ba*  
*Phụ Lục*

*Part Three*  
*Appendices*



**Phụ Lục A**  
**Appendix A**

**Mười Danh Hiệu Của Đức Như Lai**

**I. Tổng Quan Về Mười Danh Hiệu Của Đức Như Lai:**

Theo Phật giáo, có mười danh hiệu của đức Như Lai: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn—Ten epithets of a Buddha.

**II. Chi Tiết Về Mười Danh Hiệu Của Đức Như Lai:**

*Thứ nhất là Như Lai:* Như Lai là bậc đã hoàn toàn phản bổn hoàn nguyên. Bậc ấy dù có xuất hiện nơi đời, nhưng đã hoàn toàn thoát khỏi mọi hệ lụy và trói buộc của trần tục. *Thứ nhì là Ứng Cúng hay A-La-hán:* Người xứng đáng nhận sự cúng dường của chúng sanh và chư thiên. Theo Hòa Thượng K. Sri Dhammananda trong Những Hạt Ngọc Trí Tuệ Phật Giáo, Đức Phật dạy rằng một vị A La Hán phải tròn đầy năm phương diện chánh sau đây: i) Đã loại bỏ tất cả ô trược; ii) Đã tiêu diệt được tất cả những kẻ thù liên quan đến việc loại bỏ nhiễm trược; iii) Đã bẻ gãy tất cả những chiếc cãm xe của bánh xe luân hồi; iv) Đáng được thọ nhận sự cúng dường và tôn vinh; v) Không giữ bí mật đặc tính cũng như giáo lý giác ngộ của mình. *Thứ ba là Chánh Biến Tri:* Người hiểu biết thông suốt vạn pháp. Đức Phật được gọi là Chánh Biến Tri vì Ngài thấu rõ nhân sinh quan và vũ trụ quan (cuộc sống trên thế giới cũng như sự vận hành của vũ trụ), và Ngài đã khám phá ra Tứ Diệu Đế bằng sự liễu ngộ của chính mình. Ngài cũng khám phá ra luật Duyên Khởi và luật Nhân Quả, nghĩa là toàn bộ chơn lý của trần thế. *Thứ tư là Minh Hạnh Túc:* Người có đủ đầy trí đức. Đức Phật được tán thán không chỉ nơi toàn trí, mà còn toàn vẹn nơi giới hạnh nữa. Từ “Minh Hạnh Túc” có nghĩa là Đức Phật đã đạt được cái nhìn rõ ràng hoàn hảo và một tư cách đạo đức gương mẫu. Đức Phật có thể nhớ lại những lần tái sanh trong quá khứ và có thể nhìn lại tiền kiếp của Ngài và của người khác. Ngoài việc thấu suốt quá khứ, Đức Phật còn có một sức nhìn thật độc đáo nghĩa là có thể nhìn thấy tương lai và hình dung được tất cả vũ trụ bất cứ lúc nào. Ngoài ra, Đức Phật còn có khả năng kèm chế hành động và lời nói, kèm chế trong tác

động của giác quan, điều độ trong việc dùng thực phẩm, tránh được việc ngủ quá nhiều, giữ được niềm tin trong sáng, biết xấu hổ khi phạm phải tội lỗi, biết sợ hãi khi phạm lỗi, biết khát vọng kiến thức, nghị lực, chánh niệm và sự hiểu biết. Đấng Minh Hạnh Túc có đủ lòng từ bi và trí tuệ. Do nơi lòng từ bi mà Ngài có được năng lực phục vụ chúng sanh không mệt mỏi và dẫn dắt họ ra khỏi tội đồ lầm than. Do nơi trí tuệ mà Ngài nhận thức điều phải trái cho tất cả chúng sanh. *Thứ năm là Thiện Thệ*: Người luôn hướng thiện, không bao giờ thoái chuyển. Đấng Thiện Thệ là đấng đang đi trên con đường tốt. Lời nói và phương cách của Ngài là không tổn hại và không thể nào chê trách được. *Thứ sáu là Thế Gian Giải*: Đấng có hiểu biết toàn diện về cả lý thuyết lẫn thực hành cho chúng sanh trong tam giới (dục, sắc, và vô sắc giới). Từ Thế Gian Giải không có tương đương trong Hoa ngữ, Anh ngữ hay Việt ngữ, nhưng đại ý Thế Gian Giải được sử dụng trong trường hợp Đức Phật như một bậc có kiến thức thế giới tuyệt vời, bậc đạo sư có kinh nghiệm, hiểu biết tất cả các khía cạnh của cuộc đời về cả vật chất lẫn tinh thần. Đức Phật chính là bậc đầu tiên nhận xét về hàng ngàn hệ thống thế giới trong vũ trụ. Khái cũng chính là bậc đầu tiên tuyên bố rằng thế giới này chẳng qua chỉ là khái niệm. Theo Ngài, việc đoán biết về nguồn gốc và nơi tận cùng của thế giới là vô nghĩa. Tất cả đều được tìm thấy trong phạm vi con người với nhận thức và ý thức. *Thứ bảy là Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu*: Người đứng trên cả mọi loài trong ba cõi. Từ “Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu” có nghĩa là vô song hay không ai có thể vượt hơn. *Thứ tám là Thiên Nhơn Sư*: Thầy dạy khắp trời người, dẫn dắt chúng sanh điều quấy lẽ phải. Bậc có thể dạy cho chúng sanh chánh kiến chánh tri thức để từ đó họ có thể có được trí tuệ hóa giải vô minh mà đạt thành giác ngộ. *Thứ chín là Phật*: Vị đã đạt được giác ngộ tối thượng. Từ Buddha có nghĩa là vị chủ tể toàn trí toàn thức, có những thần thông lạ thường, có thể thuyết phục người khác bằng sự thuyết giảng của mình. Từ Buddha cũng có nghĩa là tự mình tỉnh thức và giáo hóa cho người khác được tỉnh thức. *Thứ mười là Thế Tôn*: Đấng được chúng sanh trong các cõi kính trọng. Từ Bhagava thường được ghép với Buddho để chỉ “Đấng Thế Tôn” hay “Đấng Thiêng Liêng.”

## ***Ten Epithets of a Tathagata***

### ***I. An Overview of the Ten Titles of a Tathagata:***

According to Buddhism, there are ten titles of a Tathagata: Tathagata (Thus Come One), One Worthy of Offerings, One of Proper and Pervasive Knowledge (Samyak-Sambuddha), One Complete in Clarity and Conduct (Vidya-carana-Sampanna), One who is always on the path toward goodness; never regressing toward evil (Sugata), Well Gone One who understands the World (Lokavit), Taming and Subduing Hero (Anuttara Purusa-Damya-Sarathi), Teacher of Gods and Humans, Buddha, and World Honored One (Lokanatha).

### ***II. Details of the Ten Titles of a Tathagata:***

*First, Tathagata or Thus Come One:* One who is completely original in nature. He appeared in this world, yet he was not really here since he was completely free from all bondage and attachments. *Second, Arhat:* One Worthy of Offerings or one who can take offerings from all sentient beings, including heavenly beings. According to Most Venerable K. Sri Dhammananda in the Gems of Buddhism Wisdom, the Buddha said that an Arahant must complete the following five aspects: i) Has discarded all defilements; ii) Has suppressed all the enemies connected with the eradication of defilements; iii) Has destroyed the spokes of the wheel of existence; iv) Is worthy of being offerings and paid homage; v) Withheld no secrets in his character or in his teachings of enlightenment. *Third, Samyak-Sambuddha or Samma-sambuddho:* One of Proper and Pervasive Knowledge or one who has deep and complete understanding of all dharmas; all knowing. The Buddha was designated as a Samyak-Sambuddha because He comprehended the all aspects of human life and cosmology (he comprehended the existence of the world in its proper perspective), and He discovered the Four Noble Truths through His own comprehension. He also discovered the Law of Dependent Origination and the Law of Cause and Effect, the whole truth of the universe. *Fourth, Vidya-carana-Sampanna or Vija-carana-sampanno:* One Complete in Clarity and Conduct or one who possesses all wisdom and virtue. The Buddha was praised as not only perfect in knowledge, but

also perfect in conduct (or not only perfect in conduct, but also perfect in wisdom). The term “Vijja-carana-sampanno” means that the Buddha has a perfect clear vision and exemplary good conduct. The Buddha could recall his past birth and trace back his previous existence as well as that of others. Beside being able to recollect the past, the Buddha has a unique foresight of being able to see into the future and visualize the whole universe at any moment. In addition, the Buddha is also able to restrain his deeds and words, restrain in the absorption of sense effects, moderate in the consumption of food, avoid excessive sleep, maintain crystal clear vision in faith, realize of shame in committing evil, realize of fear in committing evil, be thirsty for knowledge, energy, mindfulness and understanding. A Complete in Clarity and Conduct has both compassion and wisdom. Compassion gives him the energy to serve mankind tirelessly and lead His followers away from evil and misery. Wisdom helps him realizes what is good and what is not good for sentient beings. *Fifth, Sugata or Sugato*: One who is always on the path toward goodness; never regreessing toward evil. A Sugata also means that one whose Path is good, his words and methods are harmless and blameless. *Sixth, Lokavit or Lokavidu*: Well Gone One who understands the World or one who has total understanding of theory and practice for all beings in the three worlds (desire, form, and formless). The term “Lokavidu” is applied to the Buddha as the one with exquisite knowledge of the world. The Buddha has experience, known and penetrated into all aspects of worldly life, physical as well as spiritua. The Buddha was the first one who observed and declared that there were thousands of world systems in the universe. He was the first who declared that the world, including the whole universe. In His own words, it is regarded meaningless to speculate the origin and the end of the world. According to His views, the origin of the world, its cessation and the path to the cessation thereof is to be found within human-beings’ perception and conciousness. *Seventh, Anuttara Purusa-Damya-Sarathi*: Unsurpassed Knight (Taming and Subduing Hero). One who stands the highest among all beings in the Three Worlds. The term “Anuttaro-Pursia-Damma-Sarathi” means matcheless and unsurpassed. *Eighth, Sasta-deva-Manusyanam*: Teacher of Gods and Humans or one who is the master of all humans and heavenly beings, teaching them what is right and what is wrong. One who is able to give

all sentient beings the proper view and knowledge so they may gain wisdom to see through ignorance, to attain enlightenment. *Ninth, Buddha-lokanatha or Bhagavan:* Buddha (The Awakened One) or one who has attained the Ultimate or Supreme Enlightenment. The term Buddha means an omniscient Master who possesses extraordinary powers of being able to convince others through his teachings. The term Buddha also means “Self-Awakened” and “convincing others to be awakened.” *Tenth, Lokanatha or Bhagava:* World Honored One or one who has the most respect by all realms of existence. The term Bhagava is usually used together with Buddho as “Buddho-Bhagava” with the meaning of the “Blessed One” or the “Most Sacred One.”





***Phụ Lục B***  
***Appendix B***

***Như Lai Thân***

Nhiều người nghĩ thân Như Lai là nhục thân của Ngài. Kỳ thật thân Như Lai chính là sự Giác Ngộ Bồ Đề. Thân ấy không có hình tướng cũng không có vật chất, không phải là nhục thân được nuôi dưỡng bằng thực phẩm phàm phu. Đó là thân vĩnh hằng mà chất liệu của nó là trí tuệ. Vì vậy thân Như Lai chẳng bao giờ biến mất khi sự Giác ngộ Bồ Đề vẫn còn tồn tại. Sự Giác Ngộ Bồ Đề xuất hiện như ánh đuốc trí tuệ khiến cho chúng sanh giác ngộ và tu chứng để được sanh vào thế giới của chư Như Lai. Theo giáo thuyết Đại thừa, chư Như Lai có ba thân: 1) Pháp thân hay bản tánh thật của Như Lai, hay chân thân của Như Lai, đồng nhất với hiện thực siêu việt, với thực chất của vũ trụ. Sự đồng nhất của Như Lai với tất cả các hình thức tồn tại. Đây cũng là biểu hiện của luật mà Như Lai đã giảng dạy, hoặc là học thuyết do chính đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai thuyết giảng; 2) Ứng thân hay Báo Thân hay thân hưởng thụ. Thân thể Như Lai, thân thể của hưởng thụ chân lý nơi “Thiên đường Như Lai.” Đây cũng chính là kết quả của những hành động thiện lành trước kia; và 3) Hóa thân hay thân được Như Lai dùng để hiện lên với con người, nhằm thực hiện ý muốn đưa tất cả chúng sanh lên Như Lai. Đây cũng chính là hiện thân của chư Như Lai và chư Bồ Tát trần thế. Ba thân Như Lai không phải là một mà cũng không khác. Vì trình độ của chúng sanh có khác nên họ thấy Như Lai dưới ba hình thức khác nhau. Có người nhìn thấy pháp thân của Như Lai, lại có người nhìn thấy báo thân, lại có người khác nhìn thấy hóa thân của Ngài. Lấy thí dụ của một viên ngọc, có người thấy thể chất của viên ngọc tròn đầy, có người thấy ánh sáng tinh khiết chiếu ra từ viên ngọc, lại có người thấy ngọc tự chiếu bên trong ngọc, vân vân. Kỳ thật, không có phẩm chất của ngọc và ánh sáng sẽ không có ánh sáng phản chiếu. Cả ba thứ này tạo nên vẻ hấp dẫn của viên ngọc. Đây là ba loại thân Như Lai. Một vị Như Lai có ba loại thân hay ba bình diện chơn như. Theo triết học Du Già, ba thân là Pháp thân, Báo thân, và Hóa thân. Tam Thân Như Lai, trong đó Pháp Thân là lãnh vực chuyên môn, Báo Thân với sự luyện tập để thấu đạt được

lãnh vực chuyên môn này, và Hóa Thân với sự áp dụng lãnh vực chuyên môn trong cuộc sống hằng ngày.

Theo Kinh Lăng Già, có bốn loại thân Như Lai: Hóa Phật (Pháp thân Như Lai), Công Đức Như Lai (Báo thân), Trí huệ Như Lai, và Như như Phật (Hóa thân Như Lai). Theo Duy Thức Luận, có bốn loại thân Như Lai: Tự Tính Thân (Pháp Thân Như Lai), Tha Thụ Dụng Thân (Báo Thân Như Lai), Tự Thụ Dụng Thân (Báo Thân Như Lai), và Biến Hóa Thân (Hóa Thân Như Lai). Theo tông Thiên Thai, có bốn loại thân Phật: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân, và Hóa Thân. Tông này cho rằng báo thân Như Lai hay thân tái sinh của Như Lai. Thân được lập thành do bởi nghiệp báo của chúng ta gọi là báo thân. Thiên Thai cho rằng ứng thân là thân Như Lai ứng với cơ duyên khác nhau mà hóa hiện. Ứng thân Như Lai tương ứng với chân như. Cũng theo trường phái Thiên Thai, thân Phật có năm loại. Thứ nhất là Như Như Trí Pháp Thân. Đây là cái thực trí đã chứng ngộ lý như như. Thứ nhì là Công đức pháp thân. Đây là hết thảy công đức thành tựu. Thứ ba là Tự pháp thân, còn gọi là Ứng thân hay Tự thân. Thứ tư là Biến hóa thân hay Biến hóa pháp thân. Thứ năm là Hư không thân hay Hư không pháp thân. Lý như như lia tất cả tướng cũng như hư không. Theo Kinh Hoa nghiêm, thân Như Lai có năm loại. Thứ nhất là Pháp tánh sanh thân. Thân Như Lai do pháp tánh sanh ra. Thứ nhì là Công đức pháp thân. Thân do muôn đức của Như Lai mà hợp thành. Thứ ba là Biến hóa pháp thân: Thân biến hóa vô hạn của Như Lai, hễ có cảm là có hiện, có cơ là có ứng. Thứ tư là Thực tướng pháp thân hay thực thân hay thân vô tướng của Như Lai. Thứ năm là Pháp thân Như Lai rộng lớn như hư không: Hư không pháp thân, hay Pháp thân Như Lai rộng lớn tràn đầy khắp cả hư không. Pháp thân của Như Lai dung thông cả ba cõi, bao trùm tất cả các pháp, siêu việt và thanh tịnh.

Theo Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển Sáu, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã bạch trước đức Như Lai về ba mươi hai ứng thân của ngài như sau: “Bạch Thế Tôn! Bởi tôi cúng dường Đức Quán Thế Âm Như Lai, nhờ Như Lai dạy bảo cho tôi tu pháp ‘Như huyễn văn huân văn tu kim cương tam muội’ với Như Lai đồng một từ lực, khiến tôi thân thành 32 ứng, vào các quốc độ.” Ba mươi hai ứng thân diệu tịnh, vào các quốc độ, đều do các pháp tam muội văn huân, văn tu, sức nhiệm mầu hình như không làm gì, tùy duyên ứng cảm, tự tại thành tựu. Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng đã dạy về Viên Mãn Báo Thân Như

Lai như sau: “Này thiện tri thức! Sao gọi là Viên Mãn Báo Thân Như Lai? Thí như trong một ngọn đèn hay trừ ngàn năm tối, một niệm trí huệ có thể diệt muôn năm ngu. Chớ suy nghĩ về trước, đã qua không thể được. Thường phải nghĩ về sau, mỗi niệm mỗi niệm tròn sáng, tự thấy bản tánh. Thiện ác tuy là khác mà bản tánh không có hai, tánh không có hai đó gọi là tánh Như Lai. Ở trong thật tánh không nhiễm thiện ác, đây gọi là Viên Mãn Báo Thân Như Lai. Tự tánh khởi một niệm ác thì diệt muôn kiếp như lạnh, tự tánh khởi một niệm thiện thì được hằng sa ác hết, thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề, niệm niệm tự thấy chẳng mất bốn niệm gọi là Báo Thân.”

Trong Tiểu Thừa, Phật tánh là cái gì tuyệt đối, không thể nghĩ bàn, không thể nói về lý tánh, mà chỉ nói về ngũ phần pháp thân hay ngũ phần công đức của giới, định, tuệ, giải thoát, và giải thoát tri kiến. Đại Thừa Tam Luận Tông của Ngài Long Thọ lấy thực tướng làm pháp thân. Thực tướng là lý không, là chân không, là vô tướng, mà chứa đựng tất cả các pháp. Đây là thể tính của pháp thân. Pháp Tướng Tông hay Duy Thức Tông định nghĩa pháp thân thể tính như sau: Pháp thân có đủ ba thân và Pháp thân trong ba thân. Nhất Thừa Tông của Hoa Nghiêm và Thiên Thai thì cho rằng “Pháp Thân” là chân như, là lý và trí bất khả phân. Chân Ngôn Tông thì lấy lục đại làm Pháp Thân Thể Tính. Thứ nhất là Lý Pháp Thân, lấy ngũ đại (đất, nước, lửa, gió, hư không) làm trí hay căn bản pháp thân. Thứ nhì là Trí Pháp Thân, lấy tâm làm Trí Pháp Thân. Thể Tánh của Pháp Thân là bản thể nội tại của chư pháp (chân thân của Phật đã chứng lý thể pháp tánh). Chơn tánh tuyệt đối của vạn hữu là bất biến, bất chuyển và vượt ra ngoài mọi khái niệm phân biệt.

Theo các truyền thống Đại Thừa, có bảy sự thù thắng của Thân Như Lai (bảy loại vô thượng nơi Đức Như Lai). Thứ nhất là nơi Như Lai thân có ba mươi hai hảo tướng và tám mươi bốn dấu hiệu tốt. Thứ nhì là nơi Như Lai pháp. Thứ ba là Như Lai huệ. Thứ tư là Như Lai Toàn. Thứ năm là Thần lực Như Lai. Thứ sáu là khả năng đoạn khổ giải thoát của Đức Như Lai. Thứ bảy là đức Như Lai Niết Bàn. Ngoài ra, còn nhiều sự thù thắng khác của Thân Như Lai. Theo quan điểm của Đại Chúng Bộ trong Di Bộ Tông Luân Luận, thân Phật là thanh tịnh không thể nghĩ bàn. Thứ nhất là thân Như Lai là siêu việt trên tất cả. Thứ nhì là thân Như Lai không có thực thể của thế gian. Thứ ba là tất cả lời nói của Như Lai là nhằm thuyết pháp. Thứ tư là Như Lai giải

thích rõ ràng hiện tượng của chư pháp. Thứ năm là Như Lai dạy tất cả các pháp như chúng đang là. Thứ sáu là Như Lai có sắc thân. Thứ bảy là khả năng của Như Lai là vô tận. Thứ tám là thọ mạng của Như Lai là vô hạn. Thứ chín là Như Lai không bao giờ mệt mỏi trong việc cứu độ chúng sanh. Thứ mười là Như Lai không ngủ. Thứ mười một là Như Lai vượt lên trên nhu cầu nghi vấn. Thứ mười hai là Như Lai thường thiền định, không nói một lời, tuy nhiên, Ngài chỉ dùng ngôn ngữ cho phương tiện thuyết pháp. Thứ mười ba là Như Lai hiểu ngay tức khắc tất cả những vấn đề. Thứ mười bốn là với trí tuệ Như Lai, Ngài thông hiểu tất cả các pháp chỉ trong một sát na. Thứ mười lăm là Như Lai không ngừng sản sanh diệt tận trí và vô sanh trí cho đến khi đạt được Niết Bàn.

### *Tathagatakaya*

A lot of people think of the Buddha's body as his physical body. Truly, the Tathagata's body means Enlightenment. It is formless and without substance. It always has been and always will be. It is not a physical body that must be nourished by ordinary food. It is an eternal body whose substance is Wisdom. Therefore, a Tathagata will never disappear as long as Enlightenment exists. Enlightenment appears as the light of Wisdom that awakens people into a newness of life and causes them to be born into the world of Tathagatas. According to Mahayana doctrine, Tathagatas have three bodies: 1) Dharmakaya, or body of the great order, or true body of the Tathagata. This is the true nature of the Tathagata, which is identical with transcendental reality, the essence of the universe. The dharmakaya is the unity of the Tathagata with every thing existing. It represents the law or dharma, the teaching expounded by the Tathagata (Sakyamuni Tathagata); 2) Sambhogakaya, or body of delight, the body of Tathagatas who in a "Tathagata-paradise" enjoy the truth that they embody. This is also the result of previous good actions; and 3) Nirmanakaya, or body of transformation, or emanation body, the earthly body in which Tathagatas appear to men in order to fulfill the Tathagatas' resolve to guide all beings to advance to Buddhahood (liberation). The nirmanakaya is embodied in the earthly Tathagatas and Bodhisattvas projected into the world through the meditation of the sambhogakayaas

a result of their compassion. The three bodies are not one and yet not different. It is because the levels of understanding of human beings are different. Some see the dharma body, still others see the reward body, and still others see the response body. For example, some look at a pearl as a substance which is round and perfect, others see the pure light emitting by the pearl, still others see the pearl reflected within itself. Apart from the substance of the pearl and the light, there is no pure light emitting, nor reflection inside the pearl. Thus the three are one. These are Tathagata's three-fold body. A Tathagata has three bodies or planes of reality. According to the Yogacara philosophy, the Triple Body is Dharmakaya, Sambhogakaya, and Nirmanakaya. Dharmakaya or Dharma body (Law body) is likened to the field of a specific career; the Sambhogakaya or bliss-body is a person's training by which that person acquires the knowledge of that specific career; and the Nirmanakaya or the body of transformation is likened the application of this knowledge in daily life to earn a living.

According to the Lankavatara Sutra, there are four kinds of Tathagatakaya: Nirmakaya, Sambhogakaya, Buddha-wisdom or Great wisdom (Tathata-jnanabuddha), and Dharmakaya. According to the sastra on the Consciousness, there are four kinds of Tathagatakaya: Nirmakaya, Sambhogakaya, Sambhogakaya, and Dharmakaya. According to the T'ien-T'ai Sect, there are four kinds of Tathagatakaya: Nirmakaya, Sambhogakaya, Sambhogakaya, and Dharmakaya. This sect believes that the reward body, the sambhogakaya of a Tathagata. The incarnation body of the Tathagata, or retribution body in which he enjoys the reward of his labours. Our physical body is called the retribution body because we are on this earth, the Saha World or World of Endurance, as a result of good and evil karma. T'ien-T'ai believes that the transformation body of the Buddha is the manifested body, or any incarnation of Tathagata. The transformation body of the Tathagata is corresponding to the Tathagata-incarnation of the Bhutatathata. Also according to the T'ien-T'ai Sect, there are five kinds of Tathagata-kaya. The first Tathagata-body is the spiritual body of wisdom. This is the spiritual body of bhutatathata-wisdom (Sambhogakaya). The second Tathagata-body is the Sambhogakaya. The spiritual body of all virtuous achievement. The third Tathagata-body is the Nirmakaya. The body of incarnation in the

world, or the spiritual body of incarnation in the world. The fourth Tathagata-body is the Nirmakaya, or the body of unlimited power of transformation. The fifth Tathagata-body is the Dharmakaya. The body of unlimited space. According to the Flower Adornment Sutra, there are five kinds of Tathagata-kaya. The first Tathagata-body is the body or person of Buddha born from the dharma-nature. The second Tathagata-body is the dharmakaya evolved by Buddha-virtue, or achievement. The third Tathagata-body is the dharmakaya with unlimited powers of transformation. The fourth Tathagata-body is the real dharmakaya. The fifth Tathagata-body is the universal dharmakaya, the dharmakaya as being like space which enfolds all things, omniscient and pure.

According to The Surangama Sutra, book Six, Avalokitesvara Bodhisattva vowed in front of the Tathagata about his thirty-two response bodies as follows: “World Honored One, because I served and made offerings to the Thus Come One, Kuan Yin, I received from that Thus Come One a transmission of the vajra samadhi of all being like an illusion as one becomes permeated with hearing and cultivates hearing. Because I gained a power of compassion identical with that of all Tathagatas, the Thus Come Ones, I became accomplished in thirty-two response-bodies and entered all lands.” The wonderful purity of thirty-two response-bodies, by which one enters into all lands and accomplishes self-mastery by means of samadhi of becoming permeated with hearing and cultivating hearing and by means of the miraculous strength of effortlessness. According to the Dharma Jewel Platform Sutra, the Sixth Patriarch taught: “Good Knowing Advisor! What is the perfect, full Reward-body of the Buddha? Just as one lamp can disperse the darkness of a thousand years, one thought of wisdom can destroy ten thousand years of delusion. Do not think of the past; it is gone and can never be recovered. Instead think always of the future and in every thought, perfect and clear, see your own original nature. Although good and evil differ, the original nature is non-dual. That non-dual nature is the real nature. Undefined by either good or evil, it is the perfect, full Reward-body of the Buddha. One evil thought arising from the self-nature destroys ten thousand aeons’ worth of good karma. One good thought arising from the self-nature ends evils as numerous as the sand-grains in the Ganges River. To reach the unsurpassed

Bodhi directly, see it for yourself in every thought and do not lose the original thought. That is the Reward-body of the Tathagata.”

In Hinayana the Buddha-nature in its absolute side is described as not discussed, being synonymous with the five divisions of the commandments, meditation, wisdom, release, and doctrine. The Madhyamika School of Nagarjuna defines the absolute or ultimate reality as the formless which contains all forms, the essence of being, the noumenon of the other two manifestations of the Triratna. The Dharmalaksana School defines the nature of the dharmakaya as: the nature or essence of the whole Triratna and the particular form of the Dharma in that trinity. The One-Vehicle Schools represented by the Hua-Yen and T'ien-T'ai sects, consider the nature of the dharmakaya to be the Bhutatathata, noumenon and wisdom being one and undivided. The Shingon sect takes the six elements as the nature of dharmakaya. First, takes the six elements (earth, water, fire, air, space) as noumenon or fundamental Dharmakaya. Second, takes mind (intelligence or knowledge) as the wisdom dharmakaya. The nature of the Dharmakaya is the absolute, the true nature of all things which is immutable, immovable and beyond all concepts and distinctions. Dharmata (pháp tánh) or Dharma-nature, or the nature underlying all things has numerous alternative forms.

According to the Mahayana traditions, there are seven surpassing qualities of a Tathagata. First, the Tathagata's body with thirty-two signs and eighty-four marks. Second, the Tathagata's dharma or universal law, the way of universal mercy. Third, the Tathagata's wisdom. Fourth, the Tathagata's perfection with perfect insight or doctrine. Fifth, the Tathagata's supernatural powers. Sixth, the Tathagata's ability to overcome hindrance and attain Deliverance. Seventh, the Tathagata's abiding place (Nirvana). Besides, there are many other surpassing qualities of a Tathagata. According to the doctrine of the Mahasanghika in the Samayabhedoparacanacakra, the Tathagata-kaya is inconceivably pure. First, the Tathagata, the Buddha, or the Blessed One transcends all worlds. Second, the Tathagata has no worldly substances. Third, all the words of the Tathagata preach the Dharma. Fourth, the Tathagata explains explicitly all things. Fifth, the Tathagata teaches all things as they are. Sixth, the Tathagata has physical form. Seventh, the Buddha's authority is unlimited. Eighth, the

life of the Buddha-body is limitless. Ninth, the Tathagata is never tired of saving beings. Tenth, the Buddha does not sleep. Eleventh, the Tathagata is above the need to ponder questions. Twelfth, the Tathagata, being always in meditation, utters no word, nevertheless, he preaches the truth for all beings by means of words and explanations. Thirteenth, the Tathagata understands all matters instantaneously. Fourteenth, the Tathagata gains complete understanding with his wisdom equal within a single thought-moment. Fifteenth, the Tathagata, unceasingly produce wisdom regarding destruction of defilements, and wisdom concerning non-origination until reaching Nirvana.



***Phụ Lục C***  
***Appendix C***

***Như Lai Thị Hiện***

Theo quan điểm Phật giáo, tất cả những hoàn cảnh chúng ta gặp trong đời đều là những biểu hiện của tâm ta. Đây là sự hiểu biết căn bản của đạo Phật. Từ cảnh ngộ khổ đau phiền não, rắc rối, đến hạnh phúc an lạc... đều có gốc rễ nơi tâm. Vấn đề của chúng ta là chúng ta luôn chạy theo sự dẫn đạo của cái tâm lăng xăng ấy, cái tâm luôn nảy sinh ra những ý tưởng mới. Kết quả là chúng ta cứ bị cám dỗ từ cảnh này đến cảnh khác với hy vọng tìm được hạnh phúc, nhưng chỉ gặp toàn là mệt mỏi và thất vọng, và cuối cùng chúng ta bị xoay vòng mãi trong vòng luân hồi sanh tử. Giải pháp không phải là ức chế những tư tưởng hay những ham muốn, vì điều này không thể nào được, cũng giống như lấy đá mà đè lên cỏ, cỏ rồi cũng tìm đường ngoi lên để sinh tồn. Chúng ta phải tìm một giải pháp tốt hơn giải pháp này. Chúng ta hãy thử quan sát những ý nghĩ của mình, nhưng không làm theo chúng. Điều này có thể khiến chúng không còn năng lực áp chế chúng ta, từ đó tự chúng đào thải lấy chúng.

Phật tử chân thuần không xem Đức Như Lai có thể cứu rỗi cho mình thoát khỏi những tội lỗi cá nhân của chính chúng ta. Ngược lại, chúng ta nên xem Như Lai là bậc toàn giác, là vị cố vấn toàn trí, là đấng đã chứng ngộ và chỉ bày con đường giải thoát. Ngài dạy rõ nguyên nhân và phương pháp chữa trị duy nhất nỗi khổ đau phiền não của con người. Ngài vạch ra con đường và chỉ dạy chúng ta làm cách nào để thoát khỏi những khổ đau phiền não này. Ngài là bậc Thầy hướng dẫn cho chúng ta. Phật xuất hiện vì một đại sự nhân duyên: “Khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Như Lai,” hay là giác ngộ theo kinh Pháp Hoa, Phật tánh theo kinh Niết Bàn và thiên đường cực lạc theo kinh Vô Lượng Thọ.

Theo kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười thứ niệm niệm xuất sanh trí của chư Như Lai. Trong một niệm, tất cả chư Như Lai hay thị hiện vô lượng thế giới, từ cõi trời giáng xuống. Trong một niệm, tất cả chư Như Lai đều hay thị hiện vô lượng thế giới, Bồ Tát thọ sanh. Tất cả chư Như Lai hay thị hiện vô lượng thế giới, xuất gia học đạo. Tất cả chư Như Lai hay thị hiện vô lượng thế giới, dưới cội Bồ Đề thành

Chánh Đẳng Chánh Giác. Tất cả chư Như Lai hay thị hiện vô lượng thế giới chuyển diệu pháp luân. Tất cả chư Như Lai đều hay thị hiện vô lượng thế giới, giáo hóa chúng sanh, cúng dường chư Như Lai. Tất cả chư Như Lai trong một niệm, đều hay thị hiện vô lượng thế giới, bất khả thuyết nhiều loại thân Như Lai. Tất cả chư Phật, trong một niệm, thị hiện vô lượng thế giới, nhiều thứ trang nghiêm, vô số trang nghiêm, tất cả trí tạng tự tại của Như Lai. Tất cả chư Như Lai, trong một niệm, đều thị hiện vô lượng thế giới, vô lượng vô số chúng sanh thanh tịnh. Trong một niệm, tất cả chư Như Lai đều hay thị hiện vô lượng tam thế chư Như Lai, nhiều loại căn tánh, nhiều cách tinh tấn, nhiều thứ hạnh giải, ở trong tam thế thành Chánh Đẳng Chánh Giác.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười lý do khiến chư Như Lai thị hiện làm đồng tử. Thứ nhất là thị hiện vì hiện để thông đạt tất cả nghệ thuật khoa học thế gian mà thị hiện ở thân đồng tử. Thứ nhì là thị hiện vì hiện thông đạt những nghề nghiệp vũ thuật binh trận thế gian mà thị hiện ở thân đồng tử. Thứ ba là thị hiện vì hiện thông đạt tất cả những văn bút, đàm luận, cờ nhạc thế gian mà thị hiện ở thân đồng tử. Thứ tư là thị hiện vì hiện xa lìa những lỗi lầm của ba nghiệp thân, khẩu ý mà thị hiện ở thân đồng tử. Thứ năm là thị hiện vì hiện môn nhập định trụ niết bàn khắp cùng mười phương vô lượng thế giới mà thị hiện ở thân đồng tử. Thứ sáu là thị hiện vì hiện sức mạnh siêu quá thiên long bát bộ, trời, người, phi nhân, mà thị hiện ở thân đồng tử. Thứ bảy là thị hiện vì hiện sắc tướng oai quang của Như Lai siêu quá long thần hộ pháp mà thị hiện ở thân đồng tử. Thứ tám là thị hiện vì muốn làm cho những chúng sanh tham đắm dục lạc mến thích pháp lạc mà thị hiện ở thân đồng tử. Thứ chín là thị hiện vì tôn trọng chánh pháp, siêng tu cúng dường chư Như Lai mà thị hiện ở thân đồng tử. Thứ mười là thị hiện vì hiện được Đức Như Lai gia bị, được pháp quang minh mà thị hiện ở thân đồng tử.

Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười lý do khiến chư Như Lai thị hiện ở vương cung. Thứ nhất là thị hiện vì muốn làm cho những chúng sanh đồng tu hành với Như Lai đời trước được thành thực thiện căn mà thị hiện ở vương cung. Thứ nhì là thị hiện vì muốn hiển thị sức thiện căn của chư Như Lai mà thị hiện ở vương cung. Thứ ba là thị hiện vì nhơn thiên tham đắm nơi đồ vui thích mà hiển hiện đồ vui thích đại oai đức của Như Lai nên thị hiện ở vương cung. Thứ tư là thị hiện vì muốn tùy thuận tâm chúng sanh đời ngũ trước mà thị hiện ở vương

cung. Thứ năm là thị hiện vì muốn hiện sức oai đức của Như Lai có thể ở thâm cung nhập tam muội mà thị hiện ở vương cung. Thứ sáu là thị hiện vì muốn làm cho chúng sanh đồng nguyện ở đời trước được thỏa mãn ý nguyện mà thị hiện ở vương cung. Thứ bảy là thị hiện vì muốn khiến cha mẹ, gia đình và bà con được thỏa nguyện mà thị hiện ở vương cung. Thứ tám là thị hiện vì muốn dùng kỹ nhạc phát ra tiếng diệu pháp cúng dường tất cả chư Như Lai mà thị hiện ở vương cung. Thứ chín là thị hiện vì muốn ở tại trong cung trụ tam muội vi diệu, từ thành Như Lai nhần đến Niết bàn đều hiển bày mà thị hiện ở vương cung. Thứ mười là thị hiện vì tùy thuận thủ hộ Phật pháp mà thị hiện ở vương cung.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười quyết định giải (hiểu rõ chắc chắn) biết chúng sanh giới. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời đạt được quyết định giải đại oai lực vô thượng của Như Lai. Thứ nhất là biết tất cả chúng sanh giới bốn tánh không thật. Thứ nhì là biết tất cả chúng sanh giới đều vào thân một chúng sanh. Thứ ba là biết tất cả chúng sanh giới đều vào thân một Bồ Tát. Thứ tư là biết tất cả chúng sanh giới đều vào Như Lai tạng. Thứ năm là biết một thân chúng sanh vào khắp tất cả chúng sanh giới. Thứ sáu là biết tất cả chúng sanh giới đều kham làm pháp khí của chư Như Lai. Thứ bảy là biết tất cả chúng sanh giới tùy theo sở thích của họ mà vì họ hiện thân chư thiên. Thứ tám là biết tất cả chúng sanh giới tùy theo sở thích của họ mà hiện oai nghi tịch tịnh của Thanh Văn hay Bích Chi Phật. Thứ chín là biết tất cả chúng sanh giới vì họ mà hiện thân công đức trang nghiêm của Bồ Tát. Thứ mười là biết tất cả chúng sanh giới vì họ mà hiện thân tướng hảo oai nghi tịch tịnh của Như Lai để khai ngộ họ.

Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười lý do khiến chư Đại Bồ Tát xuất gia. Thứ nhất là nhằm chán tại gia. Thứ nhì là khiến chúng sanh nhằm chán sự tham đắm tại gia. Thứ ba là tùy thuận tín mền đạo Thánh. Thứ tư là tuyên dương và tán thán công đức xuất gia. Thứ năm là hiển bày lia hẩn kiến chấp nhị biên. Thứ sáu là khiến chúng sanh lia xa dục lạc và ngã lạc. Thứ bảy là hiện tướng xuất tam giới. Thứ tám là hiện tự tại chẳng lệ thuộc người khác. Thứ chín là vì hiển bày sẽ được thập lực và vô úy của các Đức Như Lai. Thứ mười là vì hậu thân Bồ Tát phải thị hiện xuất gia.

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 38, có mười lý do khiến chư đại Bồ Tát thị hiện đi bảy bước. Chư Đại Bồ Tát vì muốn điều phục cho chúng

sanh được an lạc nên thị hiện đi bảy bước như vậy. Thứ nhất là vì hiện Bồ Tát lực mà thị hiện đi bảy bước. Thứ nhì là vì hiện xả thí bảy thánh tài mà thị hiện đi bảy bước. Thứ ba là vì cho Địa Thần thỏa nguyện mà thị hiện đi bảy bước. Thứ tư là vì hiện tướng siêu tam giới mà thị hiện đi bảy bước. Thứ năm là vì hiện bước tối thắng của Bồ Tát hơn hẳn bước đi của tượng vương, ngư vương, sư tử vương mà thị hiện đi bảy bước. Thứ sáu là vì hiện tướng kim cang địa mà thị hiện đi bảy bước. Thứ bảy là vì hiện muốn ban cho chúng sanh sức dũng mãnh mà thị hiện đi bảy bước. Thứ tám là vì hiện tu hành thất giác bửu mà thị hiện đi bảy bước. Thứ chín là vì hiện pháp đã được chẳng do người khác dạy nên thị hiện đi bảy bước. Thứ mười là vì hiện là tối thắng vô tỉ ở thế gian nên thị hiện đi bảy bước.

Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 38, có mười lý do khiến chư Bồ Tát thị hiện vi tiểu, tự tâm thệ nguyện điều phục chúng sanh. Thứ nhất là vì chư đại Bồ Tát nghĩ rằng tất cả thế gian chìm tại vũng bùn ái dục, trừ chư Bồ Tát ra, không ai có thể cứu họ được. Thứ nhì là vì tất cả thế gian bị dục vọng phiền não làm mù, chỉ có chư Bồ Tát là có trí huệ. Thứ ba là vì chư Bồ Tát do thân giả danh sẽ được pháp thân vô thượng sung mãn tam thế của các Đức Như Lai. Thứ tư là vì bấy giờ Bồ Tát dùng mắt vô chướng ngại quán sát tất cả Phạm Thiên nhân đến Đại Tự Tại Thiên trong mười phương mà nghĩ rằng: Những chúng sanh này đều tự cho rằng mình có đại trí lực. Thứ năm là vì bấy giờ Bồ Tát quán sát các chúng sanh từ lâu gieo trồng thiện căn, nay cũng đều thối mất. Thứ sáu là vì Bồ Tát quán sát thấy thế gian chúng tử gieo trồng dù ít mà được quả rất nhiều. Thứ bảy là vì Bồ Tát quán sát thấy tất cả chúng sanh được Như Lai giáo hóa đều chắc được lợi ích. Thứ tám là vì Bồ Tát quán sát thấy trong đời quá khứ chư Bồ Tát đồng hành nhiệm trước việc khác, nên chẳng được công đức quảng đại của Như Lai pháp. Thứ chín là vì Bồ Tát quán sát thấy trong đời quá khứ, hàng như thiên cùng mình tập hội, mà nay vẫn còn ở bậc phàm phu, không xả ly được, mà cũng nhàm mỏi. Thứ mười là vì bấy giờ Bồ Tát được quang minh của tất cả Như Lai chiếu đến càng thêm hân hoan vui vẻ.

Ngoài ra, còn có nhiều sự thị hiện khác. Thứ nhất là thị hiện biết tất cả các pháp. Chư Như Lai đều hay hiện giác tất cả pháp, diễn thuyết ý nghĩa, quyết định không hai. Thứ nhì là hiển gia hộ. Hiển hiện hay gia hộ bề ngoài cho phước báo của đời này một cách công khai. Đối lại với Minh gia hộ, nghĩa là sự gia hộ không thấy được hay gia hộ

một cách bí mật trong việc loại trừ tội lỗi và tăng trưởng công đức. Thứ ba là sắc thân thị hiện. Vì chúng sanh mà thị hiện sắc thân để làm Như Lai sự, một trong mười Như Lai sự của chư Như Lai. Thứ tư là Biểu Đức Thị Hiện. Thể hiện công đức bằng những hành động và tư tưởng thiện lành như đã được giảng dạy trong kinh Hoa Nghiêm, đối lại với đề nển dục vọng hay “già tình.” Thứ năm là Hiện Báo thân. Thứ sáu là Hiện Ứng hóa pháp thân hay hiện thân hay phương tiện pháp thân. Thứ bảy là Hiện vô lượng chư Như Lai xuất thế. Thứ tám là Pháp Hóa Sinh Thân. Pháp thân Như Lai do pháp tính hóa hiện như đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai. Thứ chín là Hiện hiện Bồ Tát oai lực tự tại thân thông. Thị hiện tất cả Bồ Tát oai lực tự tại thân thông là viên lâm của Bồ Tát, vì dùng đại thân lực chuyển pháp luân điều phục chúng sanh không thời nghỉ. Đây là một trong mười loại viên lâm của chư đại Bồ Tát. Chư Bồ Tát an trụ trong pháp này thời được đại hạnh an lạc lia ưu não vô thượng của Như Lai. Thứ mười là Hiện Vô Nhiễm Thân (hiện sanh pháp giới mà không nhiễm trước). Đủ Như Lai công đức hiện sanh pháp giới, thân tướng viên mãn, quyến thuộc thanh tịnh, mà đối với tất cả không nhiễm trước.

### *The Tathagata's Manifestation*

From the Buddhist point of view, all the circumstances of our life are manifestations of our own consciousness. This is the fundamental understanding of Buddhism. From painful, afflictive and confused situations to happy and peaceful circumstances... all are rooted in our own mind. Our problems are we tend to follow the lead of that restless mind, a mind that continuously gives birth to new thoughts and ideas. As a result, we are lured from one situation to another hoping to find happiness, yet we only experience nothing but fatigue and disappointment, and in the end we keep moving in the cycle of Birth and Death. The solution is not to suppress our thoughts and desires, for this would be impossible; it would be like trying to cover a stone over grass, grass will find its way to survive. We must find a better solution than that. Why do we not train ourselves to observe our thoughts without following them. This will deprive them their suppressing energy and is therefore, they will die out by themselves.

Devout Buddhists do not consider the Buddha as one who can save us from the consequence of our individual sins. On the contrary, we should consider the Buddha as an all-seeing, all-wise Counselor; one who discovered the safe path and pointed it out; one who showed the cause of, and the only cure for, human sufferings and afflictions. In pointing out the road, in showing us how to escape these sufferings and afflictions, He became our Guide. The Buddha appeared, for the changing beings from illusion into enlightenment (according to the Lotus Sutra), or the Buddha-nature (according to the Nirvana Sutra), or the joy of Paradise (according to the Infinite Life Sutra).

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of instantly creative knowledge of the Tathagatas. All Tathagatas can, in a single instant, appear to descend from heaven in infinite worlds. All Tathagatas can, in a single instant, manifest birth as Enlightening Beings in infinite worlds. Manifest renunciation of the mundane and study of the way to liberation in infinite worlds. Manifest attainment of true enlightenment under enlightenment trees in infinite worlds. Manifest turning the wheel of the Teaching in infinite worlds. Manifest education of sentient beings and service of the enlightened in infinite worlds. All Tathagatas, in a single instant, manifest untold variety of Tathagata-bodies in infinite worlds. All Tathagatas can, in a single instant, manifest all kinds of adornments in infinite worlds, innumerable adornments, the freedom of the enlightened, and the treasury of omniscience. All Tathagatas can, in a single instant, manifest countless of pure beings in infinite worlds. All Tathagatas can, in a single instant manifest the Tathagatas of past, present and future in infinite worlds with various faculties and characters, various energies, various practical understandings, attaining true enlightenment in the past, present and future.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten reasons Tathagatas appear as children. First, Tathagatas manifest as children in order to learn all worldly arts and sciences. Second, Tathagatas manifest as children in order to learn the riding military arts and various worldly occupations. Third, Tathagatas manifest as children in order to learn all kinds of worldly things such as literature, conversation, games, and amusements. Fourth, Tathagatas manifest as children because of the shedding of errors and faults of word, thought,

and deed. Fifth, Tathagatas manifest as children in order to enter concentration, staying in the door of nirvana, and pervading infinite worlds in the ten directions. Sixth, Tathagatas manifest as children in order to show that their power goes beyond all creatures, celestials, human, and nonhuman. Seventh, Tathagatas manifest as children in order to show that the appearance and majesty of enlightening beings goes beyond all deities. Eighth, Tathagatas manifest as children in order to cause sentient beings addicted to sensual pleasures to joyfully take pleasure in truth. Ninth, Tathagatas manifest as children in order to show the reception of truth and respectfully make offerings to all Buddhas. Tenth, Tathagatas manifest as children in order to show empowerment of Buddhas and being bathed in the light of truth.

According to the Flower Adornment Sutra, chapter 38, there are ten reasons Tathagatas appear to live in a royal palace. First, Tathagatas manifest to live in a royal palace in order to cause roots of goodness of their colleagues of the past to develop to maturity. Second, Tathagatas manifest to live in a royal palace in order to show the power of roots of goodness of Tathagatas. Third, Tathagatas manifest to live in a royal palace in order to show the comforts of great spiritual power of Tathagatas to humans and celestials who are obsessed with comforts. Fourth, Tathagatas manifest to live in a royal palace in order to adapt to the minds of sentient beings in the polluted world. Fifth, Tathagatas appear to live in a royal palace in order to manifest the spiritual power of Tathagatas, able to enter concentration in the heart of the palace. Sixth, Tathagatas manifest to live in a royal palace in order to enable those who had the same aspiration in the past to fulfill their aims. Seventh, Tathagatas manifest to live in a royal palace in order to enable their parents, family and relatives to fulfill their wishes. Eighth, Tathagatas manifest to live in a royal palace in order to use music to produce the sounds to the sublime teaching to offer to all Tathagatas. Ninth, Tathagatas manifest to live in a royal palace in order to dwell in the subtle concentration while in the palace and show everything from the attainment of Buddhahood to final extinction. Tenth, Tathagatas manifest to live in a royal palace in order to accord with and preserve the teaching of the Tathagatas.

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 38, there are ten kinds of certain understanding of the realm of sentient beings.

Enlightening beings who abide by these can attain the supremely powerful certain understanding of Tathagatas. First, Tathagatas know that all realms of sentient beings essentially have no reality. Second, Tathagatas know that all realms of sentient beings enter the body of one sentient being. Third, Tathagatas know that all realms of sentient beings enter the body of an Enlightening Being. Fourth, Tathagatas know that all realms of sentient beings enter the matrix of enlightenment. Fifth, Tathagatas know that the body of one sentient being enters all realms of sentient beings. Sixth, Tathagatas know that all realms of sentient beings can be vessels of the Buddhas' teaching. Seventh, Tathagatas know all realms of sentient beings and manifest the bodies of celestial beings for them according to their desires. Eighth, Tathagatas know all realms of sentient beings and manifest the tranquil, composed behavior of saints and individual illuminates for them, according to their inclinations. Ninth, Tathagatas know all realms of sentient beings and manifest to them the bodies of Enlightening Beings adorned with virtues. Tenth, Tathagatas know all realms of sentient beings and show them the marks and embellishments and the tranquil comportment of Tathagatas, and enlighten sentient beings.

According to the Flower Adornment Sutra, chapter 38, there are ten reasons Tathagatas leave a royal palace. First, Great Enlightening Beings leave a royal palace to reject living at home. Second, Great Enlightening Beings leave a royal palace to cause sentient beings attached to their homes give up their attachment. Third, Great Enlightening Beings leave a royal palace to follow and appreciate the path of Saints. Fourth, Great Enlightening Beings leave a royal palace to publicize and praise the virtues of leaving home. Fifth, Great Enlightening Beings leave a royal palace to demonstrate external detachment from extreme views. Sixth, Great Enlightening Beings leave a royal palace to cause sentient beings to detach from sensual and selfish pleasures. Seventh, Great Enlightening Beings leave a royal palace to show the appearance of transcending the world. Eighth, Great Enlightening Beings leave a royal palace to show independence, not being subject to another. Ninth, Great Enlightening Beings leave a royal palace to show that they are going to attain the ten powers and fearlessnesses of Buddhas. Tenth, Great Enlightening Beings leave a



royal palace to because it is natural that Enlightening Beings in their final life should do so.

According to the Flower Adornment Sutra, there are ten reasons Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps. For these ten reasons they show the act of walking seven steps after birth; they manifest this to pacify sentient beings. First, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to manifest the power of enlightening beings. Second, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to manifest the giving of the seven kinds of wealth. Third, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to satisfy the wishes of the spirits of the earth. Fourth, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to manifest the appearance of transcending the three worlds. Fifth, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to manifest the supreme walk of the enlightening being, beyond the walk of the elephant, the bull, or the lion. Sixth, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to manifest the characteristics of adamant ground. Seventh, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to manifest the desire to give sentient beings courageous strength. Eighth, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to manifest the practice of the seven jewels of awakening. Ninth, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to show that the truth they have realized does not come from the instruction of another. Tenth, Great Enlightening Beings show the act of walking seven steps to manifest supreme peerless in the world.

According to the Flower Adornment Sutra, chapter 38, there are ten reasons why Great Enlightening Beings smile and make a promise in their hearts to tame and pacify sentient beings. First, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise because they think that all worldlings are sunk in the mire of craving, and no one but Enlightening Beings can rescue them. Second, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise to tame and pacify sentient beings because all worldlings are blinded by passion and afflictions, and only Enlightening Beings have wisdom. Third, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise to tame and pacify sentient beings because based on this so-called body,

Enlightening Beings will attain the supreme reality-body of Buddhas, which fills all times. Fourth, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise to tame and pacify sentient beings because at the time, the Enlightening Beings, with unobstructed eyes, look over all the Brahma heavens and all the controlling heavens, and think: These sentient beings all think they have the power of knowledge. Fifth, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise to tame and pacify sentient beings because they observe sentient beings who have long planted roots of goodness and who now are regressing and sinking. Sixth, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise to tame and pacify sentient beings because they observe that though the seeds sown in the world be few, the fruits reaped are many. Seventh, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise to tame and pacify sentient beings because they see that all sentient beings who receive the teaching of Buddha will surely gain benefit. Eighth, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise to tame and pacify sentient beings because they see that Enlightening Beings who were their colleagues in past ages have become obsessed with other things and cannot attain the great virtues of the Buddha teaching. Ninth, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise to tame and pacify sentient beings because they see that the celestials and humans who were in the same communities with them in the past still are in mundane states, unable to detach from them, and not tiring of them either. Tenth, Great Enlightening Beings manifest to smile and make a promise to tame and pacify sentient beings because at that time they are bathed in the lights of all Buddhas and are even more joyful.

Besides, there are many other manifestations. First, manifest be awake to all truths and expound their meanings, definitively, without duality. All Tathagatas can manifest be awake to all truths and expound their meanings, definitively, without duality, one of the ten kinds of mastery of nondual action of all Tathagatas. Second, manifest for external aid. This is the aid in the blessing and powers of this life. In contrast with invisible or mysteric aid, in getting rid of sins, increasing virtue. Third, manifest physical forms to do Tathagata-work for sentient beings, one of the ten kinds of performance of Tathagata-work for sentient beings of all Tathagatas. The fourth kind of

manifestation is the manifest virtue. To manifest virtue (positive in deeds and thoughts as expounded in the Avatamsaka Sutra-Kinh Hoa Nghiêm), in contrast with to repress the passions. The fourth kind of manifestation is the manifestation of the body. The sixth kind of manifestation is the manifestation of dharma-body. The seventh kind of manifestation is the manifestation of untold Tathagatas in the world. The eighth kind of manifestation is the manifested Tathagata (Sakyamuni Tathagata). The ninth kind of manifestation is the manifesting the autonomous spiritual capacities of all Enlightening Beings. Manifesting the autonomous spiritual capacities of all Enlightening Beings is a grove for enlightening beings because they use great spiritual powers to turn the wheel of teaching unceasingly and civilize sentient beings. This is one of the ten kinds of grove of Great Enlightening Beings. Enlightening Beings who abide by these can achieve the Tathagatas' unexcelled peaceful, happy action, free from sorrow and affliction. The tenth kind of manifestation is the manifesting birth in the phenomenal realm but having no attachment to anything. Imbued with the qualities of Tathagata-hood, they manifest birth in the phenomenal realm, their physical features perfect, their associates pure, yet they have no attachment to anything.



***Phụ Lục D***  
***Appendix D***

***Mười Phương Tiện***  
***Thiện Xảo Của Chư Như Lai***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười phương tiện thiện xảo của chư Như Lai. Phương tiện thiện xảo thứ nhất nói rằng chư Như Lai biết tất cả pháp đều rời nhàn đàm hý luận, mà vẫn hay khai thị thiện căn của chư Như Lai. Phương tiện thiện xảo thứ nhì nói rằng chư Như Lai biết tất cả pháp đều không chỗ thấy, đều chẳng biết nhau, không trối không mở, không thọ không nhóm, không thành tựu tự tại rốt ráo đến bờ bên kia. Tuy vậy các Ngài cũng đều biết nơi các pháp chẳng riêng chẳng khác mà được tự tại; không không thọ, chẳng hoại thực tế, đã được đến nơi bậc đại tự tại. Các Ngài thường hay quán sát tất cả pháp giới. Phương tiện thiện xảo thứ ba nói rằng chư Như Lai lià bỏ các tướng; tâm không sở trụ, mà biết rõ tất cả chẳng loạn lầm. Dầu biết tất cả tướng đều không tự tánh, mà đúng như thể tánh của nó vẫn hay khéo vào. Các ngài cũng thị hiện vô lượng sắc thân và tất cả Như Lai độ thanh tịnh. Các ngài nhóm đèn trí huệ diệt sự tối lầm của chúng sanh. Phương tiện thiện xảo thứ tư nói rằng chư Như Lai trụ nơi pháp giới, chẳng trụ quá khứ, vị lai hay hiện tại, vì trong tánh như như không có tướng tam thế. Dầu vậy chư Như Lai vẫn hay diễn thuyết tam thế vô lượng chư Phật xuất hiện thế gian, làm cho người nghe thấy khắp cảnh giới của tất cả chư Như Lai. Phương tiện thiện xảo thứ năm nói rằng thân ngữ ý của chư Như Lai không chỗ tạo tác, không lai không khứ, không trụ; rời những số pháp ấy đến nơi tất cả pháp bỉ ngạn. Dầu vậy các Ngài vẫn lấy thân khẩu ý làm tạng tàng trữ các pháp, đủ vô lượng trí, rõ suốt những pháp thế gian xuất thế, trí huệ vô ngại, mà thị hiện vô lượng thần lực tự tại để điều phục tất cả pháp giới chúng sanh. Phương tiện thiện xảo thứ sáu nói rằng chư Như Lai biết tất cả các pháp chẳng thấy được, chẳng phải một, cũng chẳng phải khác, chẳng phải lượng chẳng phải vô lượng, chẳng lai chẳng khứ, tất cả đều không có tự tánh, nhưng cũng chẳng trái với các pháp thế gian. Tất cả những người trí ở trong không tự tánh, mà thấy tất cả cũng như tự tại với các pháp, nói rộng các pháp mà thường an trụ nơi chơn như thật tánh.

Phương tiện thiện xảo thứ bảy nói rằng chư Như Lai ở trong một thời gian mà biết tất cả thời gian, đủ thiện căn thanh tịnh và nhập chánh vị mà không sợ trước. Nói tất cả thời gian từ ngày, tháng, năm, kiếp, đến thành hoại, chẳng trụ cũng chẳng bỏ. Các Ngài luôn thị hiện hoặc ngày, hoặc đêm, một ngày, bảy ngày, nửa tháng, một tháng, một năm, trăm năm, một kiếp, nhiều kiếp, bất khả tư nghì kiếp, vô lượng bất khả thuyết kiếp, nhân đến tận vị lai kiếp, vẫn hằng vì chúng sanh chuyển diệu pháp luân, chẳng đoạn chẳng thối không thôi dứt. Phương tiện thiện xảo thứ tám nói rằng chư Như Lai luôn trụ nơi pháp giới thành tựu vô lượng Như Lai vô úy và những biện tài sau đây: bất khả số biện tài, bất khả lượng biện tài, vô tận biện tài, vô đoạn biện tài, vô biên biện tài, bất cộng biện tài, vô cùng biện tài, chơn thật biện tài. Dầu vậy các Ngài vẫn phương tiện khai thị tất cả cú biện và tất cả pháp biện. Tùy theo căn tánh và cùng đực giải, dùng các thứ pháp môn nói bất khả thuyết kế kinh, sơ trung hậu thấy đều rõ ráo. Phương tiện thiện xảo thứ chín nói rằng chư Như Lai trụ tịnh pháp giới, biết tất cả các pháp vốn không danh tự; không tên quá khứ, không tên hiện tại hay vị lai; không tên chúng sanh, không tên phi chúng sanh; không tên quốc độ, không tên phi quốc độ; không tên pháp không tên phi pháp; không tên công đức, không tên phi công đức; không tên Bồ Tát; không tên Như Lai; không tên số, không tên phi số; không tên sanh, không tên diệt; không tên có, không tên không; không tên một, không tên nhiều. Thế tánh các pháp bất khả thuyết. Tất cả các pháp không phương xứ, chẳng thể hiệp nói, chẳng thể tan nói, chẳng thể nhiều nói, âm thanh chẳng đến, ngôn ngữ đều dứt. Các Ngài dầu nương theo thế tục trong các thứ ngôn thuyết, mà không chỗ phan duyên, không chỗ tạo tác, xa lìa tất cả mọi tướng chấp hư vọng để rõ ráo đến bến bờ bên kia. Phương tiện thiện xảo thứ mười nói rằng chư Như Lai biết tất cả các pháp bốn tánh tịch tịnh; chẳng sanh cũng chẳng thị hiện; chẳng sắc chẳng thọ; chẳng danh chẳng số; chẳng phải tướng; chẳng tạo tác; chẳng phải phan duyên; chẳng phải chấp thủ, chẳng phải thức. Không nhập xứ nên chẳng phải xứ; vô sở đắc nên chẳng phải giới. Nhưng cũng chẳng hoại tất cả các pháp, bốn tánh các pháp vô khởi vì như hư không. Tất cả các pháp thấy đều không tịch, không nghiệp quả, không tu tập, không thành tựu, không xuất sanh; chẳng số chẳng không số; chẳng hữu chẳng vô; chẳng sanh chẳng diệt; chẳng cấu chẳng tịnh; chẳng lai chẳng khứ; chẳng trụ chẳng không trụ; chẳng điều phục,

chẳng không điều phục; chẳng phải chúng sanh, chẳng phải không chúng sanh; chẳng thọ mạng, chẳng không thọ mạng; chẳng như duyên chẳng không như duyên. Chư Như Lai đều biết rõ những thứ này, các Ngài cũng biết rõ những chúng sanh chánh định, tà định, bất định, nên vì họ mà thuyết pháp cho họ được đến bỉ ngạn, thành tựu thập lực, tứ vô úy, hay sư tử hống, đủ nhưt thiết trí và trụ nơi cảnh giới của chư Như Lai.

### ***Ten Kinds of Skill in Means of All Tathagatas***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of skill in means of all Tathagatas. The first kind of skill in means states that all Tathagatas know all things are beyond idle philosophizing, yet can demonstrate the roots of goodness. The second kind of skill in means states that all Tathagatas know all things have no vision; they are unknown to each other; they have no bondage or release, and no reception or assembly; no consummation, and independently ultimately reach the other shore. Meanwhile they know the true reality of all things is unvarying, not different, and they attain freedom; selflessly, without grasping, not destroying ultimate truth, having reached the state of great freedom. They always observe all realms of reality. The third kind of skill in means states that all Tathagatas are forever aloof from all appearances; their minds do not dwell on anything, yet they know all appearances without confusion or error. While they know all appearances have no intrinsic nature of their own, yet they are able to perceive them all in accord with their essence. They also manifest the infinite appearances of the various adornments of innumerable physical bodies and pure Tathagata-lands. They gather lamps of knowledge and wisdom, and destroy the delusions of sentient beings. The fourth kind of skill in means states that all Buddhas abide in the realm of reality; they do not dwell in the past, future or present, because in Thusness as such there are no marks of the three time frames of past, future or present. Yet they can speak about the emergence in the world of innumerable Tathagatas of past, future and present, causing those who hear to see the realms of all the Tathagatas. The fifth kind of skill in means states that all Tathagatas, in their physical, verbal, and mental actions, do not create anything, have

no coming or going, and no abiding; beyond all categories, they reach the other shore of all things. Yet they are treasuries of all truths, imbued with immeasurable knowledge, comprehending all kinds of mundane and transmundane things, their knowledge and wisdom unhindered, manifesting immeasurable autonomous spiritual powers, edifying the sentient beings of all realms. The sixth kind of skill in means states that all Tathagatas know that all things cannot be seen, are neither one nor different, are neither finite nor infinite, are not coming or going, all being without inherent nature of their own, yet they do not contravene the phenomena of the world. The all-knowers see all things in the midst of nonexistence of own-being or inherent nature; being independent of things, they extensively explain things while always abiding steadily in the real nature of True Thusness. The seventh kind of skill in means states that all Tathagatas know all times in one time, endowed with pure virtues and they enter the absolute state, yet without any attachment to it. In regard to time frames such as day, month, year, eon, becoming, and decomposition, they neither remain within them nor abandon them. Yet they are able to show day or night, beginning, middle, and end, one day, one week, a fortnight, a month, a year, a century, an eon, many eons, inconceivable eons, inexpressible eons, as far as all the eons throughout the future always turning the wheel of the sublime Teaching for the sake of sentient beings, without interruption, without retreating, without pause. The eighth kind of skill in means states that all Tathagatas always remain in the realm of reality, develop the infinite fearlessness of the Tathagatas as well as their following intellectual powers: countless, measureless, inexhaustible, ceaseless, boundless, unique, endless, and true intellectual powers. Yet they appropriately demonstrate and explain all expressions and explanation of all principles. Delivering untold millions of discourses using various doctrines adapted to faculties and nature, inclinations and understandings, all ultimately good in the beginning, the middle, and the end. The ninth kind of skill in means states that all Tathagatas, abiding in the pure realm of reality, know all things originally have no names; there being no name of past, present, or future; no name of sentient beings, no name of inanimate beings; no name of country or land, no name of noncountry; no name of law or nonlaw; no name of virtue or nonvirtue; no name of enlightening being,



no name of Tathagata; no name of sets, no name of nonsets; no name of birth, no name of extinction; no name of existence, no name of nonexistence; no name of unity, no name of variety. The essential nature of things is inexpressible. All things are without location or position, cannot be explained as assembling or dispersing, as one or as many, no verbalization can reach them, all words fail. Though the Tathagatas speak in various ways according to conventional usage, they do not cling to anything as mental objects, do not make anything up, and avoid all false conceptual attachments; in this way they ultimately reach the other shore. The tenth kind of skill in means states that all Tathagatas know the fundamental nature of all things is null because it has no birth nor manifestation; it is not form nor sensation; it has no name nor categories; it is not conception; it has no action; it is not conditioning; it has no grasping; it is not consciousness. It has no access; it is not sense mediums; it apprehends nothing; it is not sense elements. Yet it does not destroy things because the original nature has no origination, is like space. All phenomena are empty and quiescent; there is no action nor effect, no cultivation, no accomplishment, no production. They are not in sets, yet not out of order; not existent or nonexistent; not born or annihilated; not defiled nor pure; not entering or exiting; not abiding, not transitory; not edifying, not unedifying; not beings, not not beings; not living, not lifeless; not cause, not causeless. While knowing this, the Tathagatas know all sentient beings, whether they are rightly stabilized, wrongly stabilized, or not stabilized, and teach them the subtle truth to enable them to reach the other shore, attain the ten powers and the four fearlessnesses, be able to roar the lion's roar, be imbued with universal knowledge, and abide in the realm of Tathagata-hood.



***Phụ Lục E***  
***Appendix E***

***Mười Môn Diễn Thuyết***  
***Vô Lượng Của Chư Như Lai***

Theo Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 33, có mười môn diễn thuyết vô lượng của chư Như Lai. Chư Như Lai diễn thuyết vô lượng nhưt thiết chư Như Lai trí môn: chư Như Lai diễn thuyết vô lượng giải thoát môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng chúng sanh hạnh môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng chúng sanh nghiệp quả môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng giáo hóa chúng sanh môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng tịnh chúng sanh môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng Bồ Tát nguyện môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng Bồ Tát hạnh môn; chư Như Lai diễn thuyết tất cả thành kiếp-hoại kiếp môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng Bồ Tát thâm tâm tịnh Như Lai sát môn; chư Như Lai diễn thuyết vô lượng tất cả thế giới tam thế chư Như Lai nơi những kiếp đó thứ đệ xuất hiện môn.

***Ten Kinds of Tathagatas' Expounding***  
***of the Innumerable Facets***

According to the Flower Adornment Sutra, Chapter 33, there are ten kinds of exposition of the innumerable facets of the Teaching of the Tathagatas. All Tathagatas expound the ways of knowledge of all Buddhas; all Tathagatas expound innumerable facets of the realms of sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of the activities of sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of effects of acts of sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of teaching sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of purifying sentient beings; all Tathagatas expound innumerable facets of vows of enlightening beings; all Tathagatas expound innumerable facets of practices of enlightening beings; all Tathagatas expound innumerable facets of the ages of becoming and decay of all worlds; all Tathagatas expound innumerable facets of enlightening beings devotedly purifying Tathagata-lands; all

Tathagatas expound innumerable facets of successive emergence in each age of the past, present and future Tathagatas in innumerable worlds.

***Phụ Lục F***  
***Appendix F***

***Mười Vô Ngại Giải Thoát Của Chư Như Lai***

Theo kinh Hoa Nghiêm, phẩm 28, có mười vô ngại giải thoát của chư Như Lai. Thứ nhất là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện vô lượng chư Như Lai xuất thế. Thứ nhì là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện bất khả thuyết chư Như Lai chuyển tịnh pháp luân. Thứ ba là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện bất khả thuyết chúng sanh được giáo hóa điều phục. Thứ tư là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện bất khả thuyết chư Như Lai quốc độ. Thứ năm là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện bất khả thuyết Bồ Tát thọ ký. Thứ sáu là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả chư Như Lai. Thứ bảy là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả thế giới chủng. Thứ tám là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả thần thông. Thứ chín là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả chúng sanh. Thứ mười là tất cả chư Như Lai hay ở nơi một vi trần hiện tam thế tất cả Như Lai sự.

***Ten Kinds of Unimpeded Liberation of the Tathagatas***

According to the Flower Adornment Sutra, chapter 28, there are ten kinds of unimpeded liberation of the Tathagatas. First, all Tathagatas can cause the emergence in the world of untold Tathagatas in a single atom. Second, all Tathagatas can cause untold Buddhas actively teaching to appear in a single atom. Third, all Tathagatas can cause untold sentient beings being taught and guided to appear in a single atom. Fourth, all Buddhas can cause untold Tathagata-lands to appear in a single atom. Fifth, all Tathagatas can cause untold Enlightening Beings receiving predictions of Buddhahood to appear in a single atom. Sixth, all Buddhas can cause all Buddhas of past, future and present to appear in a single atom. Seventh, all Tathagatas can cause all worlds of past, present and future to appear in a single atom. Eighth, all Tathagatas can cause all past, present and future miracles to

appear in a single atom. Ninth, all Tathagatas can cause all sentient beings of past, present, and future to appear in a single atom. Tenth, all Budha can cause all past, present and future Tathagatas-works to appear in a single atom.

***Phụ Lục G***  
***Appendix G***

***Như Lai Thiền***

Thiền Như Lai theo phương cách tu tập Lục Độ Ba La Mật được dạy trong truyền thống kinh điển Đại thừa. Tất cả các trường phái Thiền, Tịnh Độ, hay Mật tông chỉ là những phương tiện, là những ngón tay chỉ trăng, chứ thật ra thật tánh nằm trong mỗi người. Một trong bốn loại Thiền định. Đây là loại thiền định cao nhất mà các tín đồ Phật giáo Đại Thừa tu tập. Vị thiền giả đã thể chứng chân lý tự nội ẩn sâu trong tâm thức, nhưng vị ấy không say đắm với cái hạnh phúc đạt được ở đấy mà bước vào trong thế giới để thực hiện những hành động tuyệt vời của sự cứu độ vì hạnh phúc của chúng sanh. Theo Giáo Sư Junjiro Takakusu trong Cương Yếu Triết Học Phật Giáo, để hiểu Như Lai Thiền, học giả phải nghiên cứu về lịch sử pháp môn Thiền học của Phật. Khi nói về Như Lai Thiền, là ám chỉ sự hưng khởi của Tổ Sư Thiền qua sự xuất hiện của Bồ Đề Đạt Ma tại Trung Hoa vào năm 520. Trong Như Lai Thiền, trước tiên Đức Phật dạy về Tam Học: Tăng thượng Giới (adhi-sila), Tăng thượng Tâm (adhi-citta), và Tăng thượng Tuệ (Adhi-prajna). Trong Lục độ Ba La Mật, thiền định (samadhi) là một trong những yếu tố quan trọng nhất. Đức Phật còn dạy thiền như là căn bản của hành động (karma-sthana), như quán thập biến xứ, quán bất tịnh, quán vô thường, quán hơi thở, vân vân. Với Phật, hình như chủ đích của Thiền phải đạt đến trước hết là sự yên tĩnh của tâm, tức chỉ, rồi sau mới là hoạt động của trí tuệ, tức quán. Cả Tiểu và Đại Thừa đều đồng ý về điểm này. Để phát triển ý tưởng nguyên thủy đó và áp dụng nó một cách rộng rãi, mỗi thừa lại chi tiết thêm những đối tượng của thiền định.

Phương pháp thông thường để thực tập Như Lai Thiền bao gồm tiến trình dưới đây là nguyên tắc chung cho tất cả các trường phái Phật giáo bao gồm Tiểu và Đại Thừa: Thứ nhất là hành giả trước tiên phải sửa soạn tọa cụ cho đàng hoàng, rồi ngồi thẳng lưng, chân chéo kiết già, mắt khép vừa phải, không mở cũng không nhắm kín, và nhìn thẳng về phía trước từ 3 đến 7 thước. Hành giả phải ngồi thật ngay ngắn, nhưng thân mình vẫn có thể điều hòa theo hơi thở. Để điều hòa hơi thở, hành giả có thể đếm hơi thở ra và hơi thở vào kể là một, và từ từ

đếm như vậy cho đến mười, không bao giờ nên đếm xa hơn mười. Thứ nhì là tuy thân ngồi thẳng và an định, nhưng tâm hành giả vẫn có thể vọng động. Do đó mà hành giả phải quán sự bất tịnh của loài người qua bệnh, chết và sau khi chết. Thứ ba là khi đã sẵn sàng để quán tưởng, hành giả bắt đầu chú tâm vào mười biến xứ. Đây là một lối định tâm về những hiện tượng sai biệt vào một trong mười biến xứ, tức xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, không và thức. Trong đó hành giả quán về một biến xứ cho đến khi màu sắc hay chất thể bị quán hiện rõ ràng trước mắt. Thí dụ như hành giả quán nước, thì cả thế giới chung quanh sẽ chỉ là dòng nước đang chảy.

### *Tathagata Zen*

Tathagata Zen (Tathagatam-*skt*) follows the methods and the six paramitas taught in Mahayana sutras. All schools of Buddhism, whether Patriarchal Zen (Thiền Tông) or Pure Land (Tịnh Độ) or Tantrism (Mật tông) are merely expedients “Fingers pointing to the moon.” The true mind inherent in all sentient beings. One of the four Dhyanas. This is the highest kind of Dhyana practiced by the Mahayana believers of Buddhism. The practitioner has realized the inner truth deeply hidden in the consciousness, yet he does not remain intoxicated with the bliss thereby attained, he goes out into the world performing wonderful deeds of salvation for the sake of other beings. According to Prof. Junjiro Takakusu in *The Essentials of Buddhist Philosophy*, to understand Tathagata meditation, one must study the history of the meditative teaching of the Buddha. When we speak of the Tathagata meditation, we presuppose the rise of patriarchal meditation by the advent of Bodhidharma in China in 520 A.D. In Tathagata meditation, the Buddha first taught the Threefold Basis of Learning (*trisikṣa*): Higher Discipline (*adhi-sīla*), Higher meditation (*adhi-citta*), and Higher Wisdom (*adhi-prajna*). In the sixfold perfection of wisdom, concentration (*samadhi*) is one of the most important factors. The Buddha further taught meditation as the ‘basis of action’ (*karma-sthana*), such as meditation on the ten universal objects, on impurity, on impermanence, on breaths, etc. The object of meditation with the Buddha seems to have been to attain first, tranquility of mind, and then activity of insight. This idea is common to both Hinayana and



Mahayana. To intensify the original idea and to apply it extensively, each school seems to have introduced detailed items of contemplation.

Ordinary method of practicing Tathagata Zen includes the below process of meditation is common to all Buddhist schools including Hinayana as well as Mahayana: First, practitioners arrange your seat properly, sit erect, cross-legged, and have your eyes neither quite closed nor quite open, looking three to seven meters ahead. You should sit properly but your body will move on account of your breaths. To correct such movement, count your in-breath and out-breath as one and slowly count as far as ten, but never beyond ten. Second, although your body may become upright and calm, your thought will move about. You must therefore meditate upon the impurity of human beings in illness, death and after death. Third, when you are well prepared to contemplate, you will begin to train yourself by concentration on the ten universals. This is a meditative unification of diverse phenomena into one of the ten universals, that is, blue, yellow, red, white, earth, water, fire, air, space, consciousness. In this you must meditate upon the universe until it becomes to your eyes one wash of a color or one aspect of an element. If you meditate upon water, the world around you will become only running water.



***Tài Liệu Tham Khảo***  
***References***

1. Bodh Gaya, Shanti Swaroop Bauddh, New Delhi, 2005.
2. Buddha, Dr. Hermann Oldenberg, New Delhi, 1997.
3. The Buddha's Ancient Path, Piyadassi Thera, 1964.
4. The Buddha Eye, Frederick Franck, 1982.
5. The Buddha and His Dharma, Dr. B.R. Ambedkar, Delhi, 1997.
6. The Buddha and His Teachings, Narada: 1973.
7. Buddhism, Ed. Manan Sharma, New Delhi, 2002.
8. Buddhist Ethics, Hammalawa Saddhatissa, 1970.
9. The Buddhist Handbook, John Snelling, 1991.
10. Buddhist Images of Human Perfection, Nathan Katz, India 1982.
11. Buddhist Logic, 2 Vols., Th. Stcherbatsky, 1962.
12. Buddhist Sects in India, Nalinaksha Dutt, 1978.
13. Buddhist Shrines in India, D.C. Ahir, New Delhi, 1986.
14. Buddhist Thought in India, Edward Conze, 1962.
15. The Chinese Madhyama Agama and the Pali Majjhima Nikaya, Bhikkhu Thích Minh Châu, India 1991.
16. A Compendium of Chief Kagyu Master, Dr. C.T. Dorji, New Dehli, 2005.
17. A Comprehensive Manual of Abhidharma, Bhikkhu Bodhi, Sri Lanka 1993.
18. The Concept of Personality Revealed Through The Pancanikaya, Thích Chơn Thiện, New Delhi, 1996.
19. The Connected Discourses of the Buddha, translated from Pali by Bhikkhu Bodhi, 2000.
20. The Conquest of Suffering, P.J. Saher, Delhi 1977.
21. The Dhammapada, Narada, 1963.
22. Đạo Phật An Lạc và Tính Thức, Thiện Phúc, USA, 1996.
23. Đạo Phật Trong Đời Sống, 10 volumes, Thiện Phúc, USA, 1994.
24. English-Vietnamese Buddhist Dictionary, 10 volumes, Thiện Phúc, USA, 2007.
25. Essential of Buddhism, Gnanarama, Singapore, 2000.
26. Essentials of Buddhism, Kogen Mizuno, Tokyo, 1972.
27. The Flower Ornament Scripture, Shambhala: 1987.
28. Gems of Buddhist Wisdom, many authors, Kular Lumpur, 1983.
29. The Great Buddhist Emperor of Asia, Ven. Dr. Medhankar, Nagpur, India, 2000.
30. The Heart of Wisdom, Dr. C.T. Dorji, New Dehli, 2005.
31. History of Theravada Buddhism in South East Asia, Kanai Lal Hazra, New Dehli, 1981.
32. The Holy Teaching of Vimalakirti, Robert A.F. Thurman: 1976.
33. An Index to the Lankavatara Sutra, Daisetz Teitaro Suzuki, London, 1934.
34. Kim Cang Giảng Giải, Hòa Thượng Thích Thanh Từ, 1992.
35. Kinh Duy Ma Cát Sở Thuyết, Hòa Thượng Thích Huệ Hưng, 1951.
36. Kinh Trường Bộ, Hòa Thượng Thích Minh Châu: 1991.
37. Kinh Trường Bộ, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
38. Kinh Trung Bộ, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.
39. Kinh Tương Ứng Bộ, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1993.
40. Kinh Tăng Chi Bộ, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1996.
41. Kinh Tạp A Hàm, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1993.
42. Kinh Trung A Hàm, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.
43. Kinh Trường A Hàm, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
44. Linguistic Approach to Buddhism Thought, Genjun H. Sasaki, Delhi 1986.
45. The Long Discourses of the Buddha, translated from the Pali by Maurice Walshe, 1987.

46. A Manual of Abhidharma, Most Venerable Narada, Kuala Lumpur, 1956.
47. A Manual of Buddhism, Most Venerable Narada, Kuala Lumpur, 1992.
48. The Method of Zen, Eugen Herrigel, 1960.
49. The Middle Length Discourses of the Buddha, translated from the Pali by Bhikkhu Nanamoli, edited and revised by Bhikkhu Bodhi, 1995.
50. Nagarjuna's Philosophy, K. Venkata Ramanan, Delhi 1975.
51. Những Đóa Hoa Vô Ưu, 3 tập, Thiện Phúc, USA, 2012.
52. Niệm Phật Thập Yếu, Hòa Thượng Thích Thiển Tâm, 1950.
53. Pen Portraits Ninety Three Eminent Disciples of the Buddha, C. de Saram, Singapore, 1966.
54. Phật Giáo và Triết Học Tây Phương, H.T. Thích Quảng Liên, 1996.
55. Phật Pháp Căn Bản (Việt-Anh)—Basic Buddhist Doctrines, 08 volumes, Thiện Phúc, USA, 2009.
56. The Pioneers of Buddhist Revival in India, D.C. Ahir, New Delhi 1989.
57. Rajagraha, Jugal Kishore Bauddh, New Delhi, 2005.
58. A Record of Buddhist Kingdoms, Fa-Hsien, English translator James Legge, 1965.
59. Sarnath, Shanti Swaroop Bauddh, New Delhi, 2003.
60. Seven Works of Vasubandhu, Stefan Anacker, Delhi 1984.
61. The Spectrum of Buddhism, Mahathera Piyadassi, Sri Lanka, 1991.
62. Studies in Ch'an and Hua-Yen, Robert M. Gimello and Peter N. Gregory, Honolulu, 1983.
63. Studies in the Lankavatara Sutra, Daisetz Teitaro Suzuki, London, 1930.
64. Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, 1957.
65. Thiên Trúc Tiểu Du Ký, Thiện Phúc, USA, 2006.
66. Thiên Sư, Thiện Phúc, USA, 2007.
67. Thiên Sư Trung Hoa, Hòa Thượng Thích Thanh Từ: 1995.
68. Thiên Trong Đạo Phật, 3 tập, Thiện Phúc, USA, 2012.
69. Thiên Trong Đời Sống, 1 tập, Thiện Phúc, USA, 2012.
70. Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Tâm Minh Lê Đình Thám, 1961.
71. Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Trí Độ và Tuệ Quang, 1964.
72. Trích trong Phật Pháp Căn Bản, cùng tác giả Thiện Phúc, California, U.S.A., 2009, Quyển 3, Chương 57—Extracted from Basic Buddhist Doctrines, the same author Thien Phuc, California, U.S.A., 2009, Volume 3, Chapter 57.
73. Trung A Hàm Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.
74. Trung Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.
75. Trường A Hàm Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
76. Trường Bộ Kinh, Hòa Thượng Thích Minh Châu: 1991.
77. Trường Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
78. Tương Ứng Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1993.
79. Từ Điển Phật Học Anh-Việt—English-Vietnamese Buddhist Dictionary, 10 volumes, Thiện Phúc, USA, 2007.
80. Từ Điển Phật Học Việt-Anh—Vietnamese-English Buddhist Dictionary, 6 volumes, Thiện Phúc, USA, 2005.
81. The Vimalakirti Nirveda Sutra, Charles Luk, 1972.
82. Vietnamese-English Buddhist Dictionary, 6 volumes, Thiện Phúc, USA, 2005.
83. Walking with the Buddha, India Dept. of Tourism, New Delhi, 2004.